Haruki Murakami

Made for kindle kobo
NICE BOOKS
fb.com/groups/yeukindlevietnam
Hội yêu kindle kobo Việt Nam

Kafka bên bờ biển

DƯƠNG TƯỜNG dịch

nhã nam vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

THÔNG TIN EBOOK

Hội Yêu Đọc Sách
Kindle & Kobo VN

fb.com/groups/yeukindlevietnam

Tên sách
KAFKA BÊN BỜ BIỂN

Nguyên tác
Kafka on the shore

Tác giả
Haruki Murakami

Dịch giả
Dương Tường

NXB
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Năm
10/2017 picicrazy

—★—

Tóm tắt nội dung

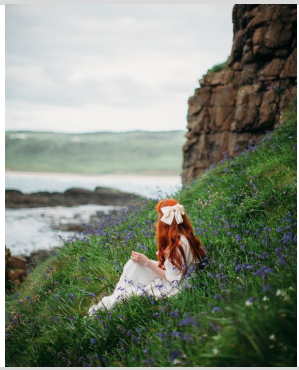

Haruki Murakami, nhà văn Nhật đương đại nổi tiếng với những tác phẩm như Rừng Nauy; Xứ sở kỳ diệu vô tình và Nơi tận cùng thế giới; Phía Nam biên giới, Phía Tây mặt trời; Người tình Sputnik, Biên niên ký chim vặn dây cót và Kafka bên bờ biển.

*"**Kafka bên bờ biển**" lạ lùng đến nỗi ngay cả những thứ cũ rích trong đó cũng khoác một vẻ huyền bí." (Paul Lafarge, The Village Voice)*

Cuốn tiểu thuyết gồm hai tuyến truyện kể tách biệt chạy song song và đan xen nhau.

Ở tuyến thứ nhất, những chương số lẻ, kể câu chuyện của Kafka ở ngôi thứ nhất. Vào đúng hôm sinh nhật lần thứ mười lăm của mình, con trai nhà điêu khắc trứ danh Koichi Tamura trốn nhà đi tìm mẹ và chị gái (đã bỏ đi từ lúc cậu bé hầu như chưa có ý thức gì về họ). Đúng ra là chạy trốn lời tiên tri độc địa của ông bố - một lời nguyền khủng khiếp gần như nguyên xi lời nguyền đè nặng lên odipe ngày xưa: "Một ngày kia, mày sẽ chính tay giết cha mày và ngủ với mẹ mày." Phán quyết bất khả hóa giải của định mệnh. Mùi vị chát chúa của Sophocle và bi kịch Hy Lạp!

Tuyến thứ hai, những chương số chẵn, kể câu chuyện của Nakata ở ngôi thứ ba. Một lão già ngơ ngẩn, thiểu năng trí tuệ do một tai nạn kỳ bí hồi nhỏ - kì bí như rất nhiều sự việc kì bí khác trong cuốn sách này – nhưng được bù lại bằng khả năng nói chuyện với mèo (do đó trở thành một "chuyên gia" tìm mèo lạc) và đặc biệt là khả năng ngoại cảm. Sau khi bất đắc dĩ phải giết nhân vật quái đản Johnnie Walker kẻ - diệt mèo, hoàn toàn ngoài ý muốn của mình, để cứu thoát hai con mèo Goma và Mimi, Nakata buộc phải rời khỏi quận Nakano, lần đầu tiên trong đời lao vào một cuộc hành trình dài đi tìm một thứ mà lão không biết đích xác là cái gì và ở đâu... (Trích lời người dịch)

Cuối cùng con đường của Kafka và Nakata cũng giao nhau trên cả bình diện thực tại lẫn siêu hình.

Hai số phận đan xen vào nhau để trở thành một tấm gương phản chiếu lẫn nhau. Trong khi đó, trên đường đi, thực tại xào xạc lời thì thầm quyến rũ. Khu rừng đầy những người lính vừa thoát khỏi cuộc chiến tranh vừa qua, cá mưa từ trên trời xuống và gái điếm trích dẫn Hegel. "Kafka bên bờ biển", câu chuyện hoang đường mở đầu thế kỷ XXI, cho chúng ta đắm chìm trong một chuyến du hành đầy sóng gió đầy chất hiện đại và mơ mộng trong lòng Nhật Bản đương đại.

Bạn hãy đọc cuốn sách để thấm nhuần những giá trị tư tưởng sâu sắc về cuộc đời, được thể hiện qua tài văn không ngừng sáng tạo của Murakami.

Chắc rằng "Kafka bên bờ biển" sẽ là một cuốn truyện để lại trong bạn nhiều dấu ấn.

LỜI BÌNH

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

"Thực sự choáng ngợp." - The Book Magazine

Kafka Tamura, mười lăm tuổi, bỏ trốn nhà ở Tokyo để thoát khỏi lời nguyền khủng khiếp mà người cha đã giáng xuống đầu mình. Ở phía bên kia quần đảo, Nakata, một ông già lẩm cẩm cũng quyết định dấn thân. Hai số phận đan xen vào nhau để trở thành một tấm gương phản chiếu lẫn nhau. Trong khi đó, trên đường đi, thực tại xào xạc lời thì thầm quyến rũ. Khu rừng đầy những người lính vừa thoát khỏi cuộc chiến tranh vừa qua, cá mưa từ trên trời xuống và gái điếm trích dẫn Hegel. Kafka bên bờ biển, câu chuyện hoang đường mở đầu thế kỷ XXI, cho chúng ta đắm chìm trong một chuyến du hành đầy sóng gió đậm chất hiện đại và mơ mộng trong lòng Nhật Bản đương đại.

"Tác giả Nhật được yêu thích nhất tại Mỹ này có thể xuất bản ẩn danh tác phẩm này mà những fan của ông vẫn sẽ nhận ra tức khắc. Còn với những người đọc lần đầu, ***Kafka bên bờ biển*** *sẽ là lời giải thích xuất sắc cho tiếng tăm xứng đáng của ông cả ở phương Tây lẫn ở quê nhà. Ông viết ra loại văn hậu hiện đại, triết lý, hoang đường mà đọc thì thật lý thú; ông trầm trọng hơn Tom Robbins, nhẹ nhõm hơn Thomas Pynchon." -* ***Steven Moore****, The Washington Post.*

"Văn Murakami chẳng mấy khi ở dưới mức mê đắm cả, và tôi đã ngấu nghiến Kafka bên bờ biển một lèo không nghỉ... Với những ai yêu một tự sự lớn, cuốn tiểu thuyết này thực sự huy hoàng," - ***David Mitchell,*** *tác giả Croud Atlas.*

"Trí tưởng tượng mãnh liệt của tác giả cũng như xác tín về sức mạnh cổ xưa của câu chuyện ông đang kể lớn lao đến nỗi đã biến cả cái mớ hỗn độn này thành chân thực." - ***Laura Miller****, The New York Times Book Review.*

"Một cuốn sách để-ngấu-nghiến thật sự, cũng thật là một ám ảnh siêu hình dai dẳng [...]. Đằng sau những cuộc phiêu lưu điên rồ và bất ổn theo lối theo lối biểu tượng của nhân vật chính, còn có một lực đẩy trong tiềm thức gần ngang bằng với lực đẩy của sex và tuổi trưởng thành: lực đẩy về phía hư vô, về khoảng trống, về sự rỗng không đầy hoan lạc.

*Murakami là họa sĩ nhẹ nhàng của những khoảng-chân-không." - **John Updike**, The New Yorker.*

*" **Kafka bên bờ biển** lạ lùng đến nỗi ngay cả những thứ cũ rích trong đó cũng khoác một vẻ huyền bí" - **Paul Lafarge**, The Village Voice*

*"Chưa bao giờ tôi gặp một cuốn sách thuyết phục được mình đến thế bởi sự sáng tạo trong trần thuật và sự yêu thích kể chuyện... hấp dẫn vô cùng." - **Stuart Jeffries**, Guardian*

*" **Kafka bên bờ biển** là một cuốn sách khỏi phải bàn cãi. [...] Murakami đã gây hồi hộp một cách tài tình để người đọc không cưỡng được vào mạch truyện kỳ ảo và quấn quýt." - **Ludovic Hunter-Tilney**, Financial Times*

*" **Kafka bên bờ biển** có thừa huyền bí để làm những người hâm mộ sung sướng, và sẽ chiêu mộ thêm cả những người mới." - **Matt Thome**, The Independent*

*"**Kafka bên bờ biển** cũng bõ công chịu đựng: nó có thể là tiểu thuyết kỳ quái nhất của tác giả Nhật này cho đến nay, nhưng cũng là một trong những cuốn hay nhất của ông. Murakami đã nhặt từ mỗi nơi một chút: cả Sophocles, phim kinh dị, truyện tranh Nhật Bản lẫn những mảnh-phim-hay-trong-tuần ủy mị." - **Malcolm Jones**, Newsweek*

MỤC LỤC

Cái thằng tên là Quạ
Chương 1
Chương 2
Chương 3
Chương 4
Chương 5
Chương 6
Chương 7
Chương 8
Chương 9
Chương 10
Chương 11
Chương 12
Chương 13
Chương 14
Chương 15
Chương 16
Chương 17
Chương 18
Chương 19
Chương 20
Chương 21
Chương 22
Chương 23
Chương 24
Chương 25
Chương 26
Chương 27
Chương 28
Chương 29
Chương 30
Chương 31
Chương 32
Chương 33
Chương 34
Chương 35
Chương 36
Chương 37
Chương 38
Chương 39

Chương 40
Chương 41
Chương 42
Chương 43
Chương 44
Chương 45
Chương 46
Cái thằng tên là Quạ
Chương 47
Chương 48
Chương 49
Ghi vụn trong khi dịch Kafka bên bờ biển

"Vậy là cậu đã sẵn sàng về mặt tiền nong?" Cái thằng tên là Quạ hỏi bằng cái giọng uể oải đặc trưng của nó. Cái thứ giọng khi vừa thức giấc, miệng còn thấy nề nề và nhạt thếch. Nhưng nó chỉ giả bộ thế thôi. Nó hoàn toàn tỉnh táo. Như bao giờ cũng vậy?

Tôi gật đầu.

Bao nhiêu?"

Tôi nhẩm lại trong đầu. "Ngót ba lăm nghìn tiền mặt, cộng thêm một số có thể rút từ một điểm ATM[1] nào đó. Tớ biết thế không phải là nhiều, nhưng chừng nấy cũng đủ. Tạm thời thế đã."

"Không tồi," cái thằng cu tên là Quạ nói. "Tạm thời vào lúc này."

Tôi lại gật đầu.

"Tớ đoán đây không phải là quà của ông già Noel nhân dịp Giáng sinh đấy chứ."

"Ừ, cậu đoán đúng," tôi đáp.

Quạ cười và nhìn quanh. "Tớ chắc cậu đã bắt đầu bằng cách lục lọi ngăn kéo của ai đó, đúng không?"

Tôi không nói gì. Nó biết rõ tiền đó là của ai, cần gì phải hỏi han dài dòng. Nó chỉ muốn hành tôi thôi.

"Không sao," Quạ nói. "Cậu thật sự cần có số tiền ấy và cậu phải xoay xở để kiếm cho ra - xin xỏ, vay mượn hay lấy trộm. Đó là tiền của cha cậu, cho nên chẳng bận gì đến ai, phải không nào? Quơ được ngần nấy là cậu có thể đạt mục tiêu rồi. *Tạm thời thế đã*. Nhưng còn kế hoạch sau khi nhẫn túi thì sao? Tiền không như nấm trong rừng - nó không tự mọc lên, cậu biết đấy. Cậu sẽ cần có cái ăn, chỗ ngủ. Một ngày nào đó, cậu sẽ nhẫn túi."

"Tớ sẽ nghĩ đến chuyện đó vào đúng thì đúng lúc," tôi nói.

"*Đúng thì đúng lúc*," Quạ nhắc lại như thể cân từng chữ trong lòng bàn tay.

Tôi gật đầu.

"Kiếm một việc làm, hay đại loại như vậy?"

"Có thể," tôi nói.

Quạ lắc đầu. "Cậu biết đấy, còn ối thứ cậu phải học ở đời. Nghe đây - liệu một thằng nhóc mười lăm tuổi ranh có thể kiếm được công việc gì ở một nơi xa lắc trước đó nó chưa từng đặt chân tới? Cậu chưa học hết cấp hai. Cậu nghĩ ai sẽ mướn cậu?"

Tôi hơi đỏ mặt. Chẳng cần nói phũ lắm mới khiến tôi đỏ mặt.

"Thôi quên đi nhé," nó nói. "Cậu mới chỉ bắt đầu, đáng ra tớ không nên nhồi cho cậu những điều ngán ngẩm như vậy. Cậu đã quyết định điều mình sắp sửa làm, giờ chỉ còn việc khởi động thôi. Tớ muốn nói đó là cuộc đời của cậu. Về cơ bản, cậu sống theo cách mà cậu cho là đúng."

Chính xác. Xét cho cùng, đó là cuộc đời *của tôi.*

"Tuy nhiên, tớ sẽ nói với cậu một điều này. Cậu sẽ phải cực nhọc hơn rất nhiều nếu cậu muốn thành công."

"Tớ đang cố gắng hết mình," tôi nói.

"Tớ dám chắc thế," Quạ nói. "Mấy năm vừa qua, cậu đã mạnh lên rất nhiều. Tớ phải công nhận thế."

Tôi lại gật đầu.

"Nhưng ta hãy nhìn thẳng vào sự thật - cậu mới mười lăm tuổi," Quạ nói tiếp. "Cuộc đời cậu mới chỉ bắt đầu và có vô số điều trên thế gian cậu chưa bao giờ để mắt tới. Những điều cậu không thể tưởng tượng nổi."

Như mọi khi, chúng tôi ngồi bên nhau trên chiếc sofa cũ trong thư phòng của cha tôi. Quạ thích căn phòng này và tất cả những đồ vật nho nhỏ rải rác quanh đó. Lúc này, nó đang mân mê một cái chặn giấy bằng thủy tinh hình con ong. Nếu cha tôi có nhà, ắt chẳng đời nào Quạ mon men được tới gần đó.

"Nhưng tớ cần ra khỏi nơi này," tôi nói với nó. "Không còn con đường nào khác."

"Ờ, tớ đồ là cậu có lý." Nó đặt cái chặn giấy lên bàn. "Bỏ nhà đi đâu có giải quyết được mọi chuyện. Tớ không muốn can ngăn cậu, nhưng nếu tớ là cậu, tớ sẽ không tính chuyện trốn khỏi nơi này. Bất kể đi xa đến đâu chăng nữa. Khoảng cách chẳng giải quyết được gì hết."

Thằng cu tên là Quạ buông một tiếng thở dài rồi đặt hai đầu ngón tay lên hai mí mắt nhắm nghiền và nói với tôi từ trong bóng tối được tạo ra bằng cách đó.

"Có muốn chơi trò của chúng mình không?" nó nói.

"Được," tôi nói. Tôi nhắm mắt lại và hít một hơi thật sâu.

"Ô-kê. Hãy tưởng tượng một trận bão cát ghê gớm," nó nói. "Gạt bỏ mọi thứ khác ra khỏi đầu."

Tôi làm theo lời nó, gạt mọi thứ khác ra khỏi đầu. Thậm chí quên cả mình là ai. Tôi là một cái gì hoàn toàn trống trơn. Rồi các thứ bắt đầu nổi lên. Những thứ mà, trong khi chúng tôi ngồi đây trên chiếc sofa bọc da cũ kỹ trong thư phòng cha tôi, cả hai chúng tôi đều có thể trông thấy.

"Đôi khi, số phận giống như một cơn bão cát nhỏ cứ xoay chiều

đổi hướng liên tục," Quạ nói.

Đôi khi, số phận giống như một cơn bão cát nhỏ cứ xoay chiều đổi hướng liên tục. Mày đổi hướng nhưng cơn bão cát đuổi theo mày. Mày lại quặt ngả khác, nhưng cơn bão cũng chỉnh hướng theo. Cứ thế quay tới quay lui, mày diễn tới cùng cái trò ấy như một điệu nhảy báo điềm gở với cái chết dữ ngay trước bình minh. Tại sao? Vì cơn bão cát ấy không phải là một cái gì từ xa thổi tới, một cái gì không liên quan đến mày. Cơn bão ấy là mày. Một cái gì bên trong mày. Cho nên tất cả những gì mày có thể làm là cam chịu nó, bước thẳng vào trong cơn bão, nhắm mắt lại và bịt chặt tai để cát khỏi lọt vào và từng bước một đi xuyên qua nó. Ở đó, không có mặt trời, không có mặt trăng, không phương hướng, cũng chẳng có ý thức gì về thời gian. Chỉ có cát trắng mịn xoáy lốc lên trời như xương nghiền tơi thành bụi. Đó là một thứ bão cát mà mày cần tưởng tượng ra.

Và tôi làm đúng như thế. Tôi tưởng tượng một cái phễu trắng dựng thẳng đứng như một sợi dây chão lớn. Mắt tôi nhắm nghiền, hai tay úp vào tai để cho những hạt cát nhỏ không lọt được vào. Cơn bão cát mỗi lúc một đến gần. Tôi có thể cảm thấy sức ép của không khí trên làn da. Nó thực sự đang nuốt chửng tôi.

Thằng cu tên là Quạ khẽ khàng đặt tay lên vai tôi và thế là cơn bão tan biến.

"Từ giờ trở đi, bất kể thế nào, cậu cũng chỉ là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất thế giới. Chỉ có bằng cách ấy cậu mới sống qua nổi. Và để làm điều đó, cậu phải hiểu rõ kiên cường nghĩa là thế nào. Cậu nghe tớ đấy chứ?"

Tôi tiếp tục nhắm mắt và không trả lời. Tôi chỉ muốn cứ thế này ngụp vào giấy ngủ với bàn tay nó đặt trên vai tôi. Tôi nghe thấy tiếng vỗ cánh rất nhẹ.

"Cậu sắp là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất thế giới," Quạ thì thầm trong khi tôi cố ngủ. Như thể nó đang khắc những lời đó thành một hình xăm xanh thẳm vào tim tôi.

Và mày thực sự sẽ phải vượt qua được cơn bão tượng trưng, siêu hình, dữ dội ấy. Bất kể nó có thể siêu hình hay tượng trưng đến đâu, chớ có mảy may lầm lẫn về nó: nó sẽ cứa vào thịt như cả ngàn lưỡi dao cạo. Nhiều người sẽ tướp máu và cả mày cũng sẽ tướp máu. Máu nóng đỏ tươi. Bàn tay mày sẽ dính máu ấy. Máu của chính mày và máu của kẻ khác.

Và khi cơn bão đã chấm dứt, mày sẽ không nhớ mình đã làm thế nào mà vượt qua được nó, làm thế nào mà mình đã sống sót. Thậm chí mày cũng sẽ không biết chắc là cơn bão đã thật sự chấm dứt hay chưa nữa. Nhưng điều này thì chắc chắn. Khi mày ra khỏi cơn bão,

mày sẽ không còn là con người đã dấn bước vào nó. Ý nghĩa của cơn bão là như thế đó.

Vào dịp sinh nhật lần thứ mười lăm của mình, tôi sẽ trốn khỏi nhà, đến một tỉnh xa lắc và sống trong một góc của một thư viện nhỏ. Chắc phải mất cả tuần mới nói hết chuyện với đầy đủ chi tiết. Vậy nên tôi sẽ chỉ nêu điểm chính. **Vào dịp sinh nhật lần thứ mười lăm của mình, tôi sẽ trốn khỏi nhà, đến một tỉnh xa lắc và sống trong một góc của một thư viện nhỏ.**

Nghe hơi giống truyện thần thoại. Nhưng xin hãy tin tôi, đây không phải là truyện thần thoại. Bất kể bạn muốn cài vào đó ẩn ý gì đi nữa.

Chương 1

Tiền mặt không phải là thứ duy nhất tôi lấy từ thư phòng cha tôi khi bỏ nhà đi. Tôi còn lấy một cái bật lửa nhỏ cũ bằng vàng - tôi thích kiểu dáng của nó và cái cảm giác khi mân mê nó - và một con dao nhíp lưỡi rất sắc. Vốn được chế tạo để lột da hươu nai, nó có lưỡi dài hơn hơn mười hai phân và khá nặng. Có lẽ cha tôi đã mua nó trong một chuyến đi ngoại quốc. Tôi cũng lấy một cây đèn pin rất sáng, chắc khỏe, loại bỏ túi, từ một ngăn kéo. Cộng thêm chiếc kính râm nhãn Revo màu xanh da trời để che giấu tuổi.

Tôi tính lấy chiếc Rolex *Sea-Dweller Oyster* ưa thích của cha tôi. Đó là một cái đồng hồ đẹp, nhưng những gì sang trọng hào nhoáng chỉ tổ thu hút sự chú ý. Cái đồng hồ Casio rẻ tiền bằng plastic có chuông báo thức và nút bấm giờ của tôi cũng tốt chán và trên thực tế có thể hữu ích hơn. Cực chẳng đã, tôi trả chiếc Rolex về ngăn kéo của nó.

Từ đáy một ngăn kéo khác, tôi lấy ra một tấm ảnh cũ của tôi chụp chung với chị gái tôi hồi còn bé, hai đứa đang cười toét miệng trên một bãi biển đâu đó. Chị tôi nhìn nghiêng nên một nửa mặt bị tối khiến nụ cười gần như bị cắt làm đôi. Trông tựa như một cái mặt nạ bi kịch Hy Lạp trong một quyển sách giáo khoa về hai ý tưởng đối lập nhau. Ánh sáng và bóng tối. Hy vọng và tuyệt vọng. Cười vui và buồn bã. Tin tưởng và cô đơn. Còn tôi thì hiên ngang nhìn thẳng vào máy chụp hình. Chẳng có ai khác trên bãi biển. Hai chị em mặc đồ bơi - chị tôi mặc chiếc áo tắm một mảnh màu đỏ in hoa, còn tôi đánh chiếc quần đùi cũ lùng thùng màu lơ. Tôi cầm trong tay một cây gậy bằng chất dẻo. Bọt sóng trắng xóa xô bờ tràn lên chân chúng tôi.

Ai chụp tấm hình này, ở đâu và khi nào, tôi không sao nhớ ra nổi. Và làm sao mà nom tôi lại hớn hở đến thế? Và tại sao cha tôi lại chỉ giữ độc một bức ảnh này? Toàn bộ câu chuyện là một bí mật hoàn toàn. Hồi đó, chắc tôi mới lên ba, chị tôi lên chín. Chị em tôi có bao giờ thực sự hòa hợp nhau đến thế không nhỉ? Tôi không nhớ là đã có bao giờ đi nghỉ ở biển, hoặc *bất kỳ đâu*, với gia đình. Dù sao cũng chẳng thành vấn đề - cách gì tôi cũng sẽ không để lại tấm hình này cho cha tôi, vì vậy tôi nhét nó vào ví. Tôi không có tấm ảnh nào của mẹ tôi. Cha tôi vứt hết đi rồi.

Sau khi nghĩ một lúc, tôi quyết định mang theo chiếc điện thoại di động. Một khi biết là tôi đã lấy nó, có lẽ cha tôi sẽ báo cho công ty điện thoại cắt bỏ dịch vụ. Tuy nhiên, tôi vẫn cứ ném nó vào ba lô cùng với cục sạc. Chẳng nặng thêm máy tí, vậy thì tại sao không. Khi nào không dùng được nữa thì tôi sẽ quẳng đi.

Chỉ những thứ thiết yếu tối thiểu, đó là tất cả những gì tôi cần. Chọn

quần áo mang theo là điều khó khăn nhất. Tôi sẽ cần một đôi áo len và mấy bộ đồ lót. Nhưng còn sơ mi và quần dài, quần soọc? Găng tay, khăn quàng, áo khoác? Bao nhiêu thứ kể sao cho hết. Tuy nhiên có một điều tôi biết chắc: tôi không muốn lang thang ở một nơi xa lạ với một cái ba lô tổ bố lạy-ông-tôi-ở-bụi-này. Ở này mọi người, hãy kiểm tra cái thằng trốn khỏi nhà! Làm thế tất có người cảnh giác và để ý ngay. Tiếp đó cảnh sát sẽ bắt tôi tống thẳng về nhà. Nếu như trước đó tôi chưa rơi vào một băng đảng nào đó.

Dứt khoát loại trừ bất cứ nơi nào lạnh. Khá dễ, chỉ việc chọn ngược lại - một nơi *ấm áp*. Như vậy, tôi có thể bỏ lại áo khoác và găng, mà vẫn coi là tươm với nửa số quần áo. Tôi chọn loại giặt chóng khô không cần là, những đồ nhẹ nhất mà tôi có, gấp lại gọn gàng và nhét vào balô. Tôi cũng tống vào đó một cái túi ngủ ba mùa, loại có thể cuộn lại gọn và chặt, đồ dùng vệ sinh, áo mưa, sổ tay và bút, một cái Walkman với mười cái CD (tôi phải có âm nhạc riêng của mình chứ) kèm một bộ pin dự trữ. Đại loại thế thôi. Không cần đồ đun nấu nặng nề lỉnh kỉnh, chiếm quá nhiều chỗ, vì đồ ăn có thể mua ở cửa hàng thực phẩm địa phương.

Cũng mất chút thời gian, song tôi đã có thể loại khối thứ khỏi danh sách. Tôi cứ thêm thêm bớt bớt thứ này thứ nọ, rồi cuối cùng xóa đi hết.

Dịp sinh nhật lần thứ mười lăm của tôi là thời điểm lý tưởng để bỏ nhà ra đi. Trước đó thì quá sớm. Muộn hơn thì lỡ cơ hội.

Trong hai năm đầu tiên ở trường cấp hai, tôi đã vạch kế hoạch và luyện rèn cho ngày này. Tôi đã bắt đầu tập judo trong hai năm ở cấp một và vẫn tiếp tục khi lên cấp hai. Nhưng tôi không tham gia đội của trường. Hễ có thời gian là tôi lại tập chạy quanh sân trường, bơi hoặc đến phòng tập thể dục của địa phương. Các huấn luyện viên trẻ ở đây đã dạy tôi miễn phí, bày cho tôi loại bài tập căng giãn tốt nhất và cách dùng những máy móc thiết bị nâng cao sức khoẻ để làm cho thân thể nở nang. Họ dạy tôi những cơ nào ta dùng hằng ngày, những cơ nào chỉ có thể tăng cường bằng máy móc thiết bị, thậm chí cả cách chuẩn mực để cử tạ ở tư thế nằm trên ghế. Tôi vốn đã khá cao, và với tất cả những cách tập dượt ấy, vai và các bắp thịt vùng ngực của tôi phát triển khá rõ. Phần lớn những người lạ đều đoán tôi mười bảy. Nếu tôi trốn nhà đi mà nom bộ dạng đúng như tuổi thật của mình thì thể nào cũng nảy sinh khối vấn đề.

Ngoài các huấn luyện viên ở phòng tập và bà quả gia hằng ngày đến nhà chúng tôi - và tất nhiên, một số lượng người tối thiểu cần thiết để không gây chú ý ở trường - hầu như tôi không trò chuyện với ai. Đã khá lâu, cha con tôi tránh mặt nhau. Chúng tôi sống chung dưới một mái nhà, nhưng thời gian biểu của chúng tôi hoàn toàn khác nhau. Phần lớn thời gian ông ở trong phòng làm việc của mình,

và tôi cố hết sức tránh mặt ông.

Trường tôi học là một trường phổ thông cơ sở tư thục dành cho trẻ con tầng lớp trên hay ít nhất cũng là con nhà giàu. Nó thuộc loại trường mà ở đó anh cứ tự khắc lên cấp hai ở ngay cùng khuôn viên trừ phi anh thực sự quá tốt. Tất cả học sinh đều ăn mặc gọn gàng, hàm răng đều tăm tắp, và chán thấy mồ. Cố nhiên, tôi chẳng có bạn nào cả. Tôi đã xây quanh mình một bức tường, không để ai lọt vào trong, còn bản thân thì cố không mạo hiểm ra ngoài. Ai có thể ưa một đứa như vậy? Tất cả bọn chúng quan sát tôi từ xa. Có thể chúng ghét tôi hay thậm chí sợ tôi, nhưng tôi lại thấy mừng là chúng không quấy rầy tôi. Vì tôi có hàng tấn việc phải lo toan, kể cả việc bỏ nhiều thời gian vào ngốn sách trong thư viện.

Tuy vậy, tôi rất chú ý nghe giảng trong lớp. Đúng như thằng cu tên là Quạ gợi ý.

Những sự việc và kỹ thuật hoặc bất cứ điều gì họ dạy cậu trong lớp sẽ chẳng mấy hữu ích trong thế giới thực tại, đó là cái chắc. Ta hãy nhìn thẳng vào sự thật, các thầy cô giáo, về cơ bản, là một lũ ngu đần. Nhưng cậu phải nhớ điều này: cậu đang bỏ nhà đi. Có lẽ cậu sẽ chẳng còn cơ may đi học nữa, cho nên dù muốn hay không, tốt nhất là cứ hấp thu bất cứ điều gì có thể trong khi cậu có cơ hội. Hãy trở thành giống như tờ giấy thấm và thấm hết vào. Sau này, cậu có thể hình dung ra cái gì nên giữ và cái gì nên trút bỏ.

Tôi làm theo lời nó như trong hầu hết mọi trường hợp. Với bộ óc như miếng bọt biển, tôi tập trung vào từng lời giảng để nó thấm vào trong đầu, hình dung ra ý nghĩa của nó và nhập tất cả vào bộ nhớ. Nhờ vậy, tôi hầu như không phải học ngoài giờ, mà bao giờ cũng xếp gần đầu bảng trong mọi kỳ thi.

Cơ bắp của tôi trở nên rắn như thép, trong khi tôi càng ngày càng kín đáo và lặng lẽ. Tôi cố hết sức không để lộ cảm xúc sao cho không ai - bạn cùng lớp cũng như thầy cô giáo - có được chút manhmối nào để đoán được tôi đang nghĩ gì. Chẳng bao lâu, tôi sẽ bị ném vào thế giới người lớn thô bạo và tôi biết mình cần phải cứng cỏi nếu muốn sống còn.

Mắt tôi trong gương nom lạnh như mắt thằn lằn, thần thái trân trân không ai đọc nổi. Tôi không nhớ nổi lần cuối cùng tôi cười thành tiếng hoặc thậm chí nhếch mép với ai - kể cả chính mình - là bao giờ.

Tôi không định ngụ ý rằng giờ nào phút nào tôi cũng có thể giữ nguyên cái bề mặt lặng lẽ biệt lập ấy. Thi thoảng bức tường tôi dựng lên quanh mình đổ sập xuống. Cái đó không xảy ra luôn, nhưng đôi lần, trước khi tôi kịp nhận ra điều gì đang đến thì đùng một cái, tôi đã trơ khấc ra - trần truồng, chẳng có gì che đỡ và hoàn toàn rối trí.

Những lúc như thế, bao giờ tôi cũng cảm thấy một điềm báo hiện ra trước mắt như một vũng nước đen ngòm hiện diện ở khắp nơi.

Một vũng nước đen ngòm hiện diện ở khắp nơi

Có lẽ lúc nào nó cũng thường trực ở đó, khuất kín đâu đây. Nhưng vào đúng thời điểm, nó lặng lẽ trào ra, làm ớn lạnh từng tế bào trong cơ thể mày. Mày đắm trong dòng lũ tàn bạo đó, hớp miệng ráng thở. Mày bám lấy một lỗ thông hơi gần trần nhà, vùng vẫy, nhưng chút không khí mày hít được khô rang, làm bỏng cổ họng. Nước và cơn khát, lạnh và nóng - những yếu tố được coi là đối lập ấy phối hợp lại để tấn công mày.

Thế giới là một không gian khổng lồ, nhưng chẳng tìm đâu ra cái không gian sẽ dung nhận mày, mà nào có cần rộng gì lắm đâu. Mày kiếm tìm một tiếng nói, nhưng mày được cái gì? Im lặng. Mày tìm im lặng, nhưng thử đoán xem cái gì đến? Tất cả những gì mày nghe thấy, nghe đi nghe lại, nghe tái nghe hồi, chỉ là tiếng nói của cái điềm báo ấy. Và đôi khi cái tiếng nói tiên tri ấy lại bật một cái nút bí mật gá sâu trong óc mày.

Tim mày như một dòng sông lớn sau một đợt mưa dài, nước tràn bờ. Tất cả các cột báo hiệu từng đứng trên mặt đất đều đi tiêu, chìm ngập hoặc bị cuốn đi bởi dòng nước lũ ấy. Và mưa vẫn cứ rào rào xuống mặt nước. Mỗi lần mày đọc thấy một tin lũ như thế, mày lại tự nhủ: Nó đấy. Trái tim mình đấy.

Trước khi trốn khỏi nhà, tôi rửa tay, rửa mặt, sửa móng tay móng chân, cọ sạch tai và đánh răng. Tôi cứ nhẩn nha kỳ cọ thật kỹ toàn thân cho chắc ăn. Đôi khi, thực sự sạch sẽ là điều quan trọng nhất. Tôi nhìn thật kỹ mặt mình trong gương. Gien của cha tôi và mẹ tôi - mặc dù tôi không hề nhớ diện mạo mẹ tôi ra sao - đã tạo nên khuôn mặt này. Tôi có thể ráng hết sức không để lộ một cảm xúc nào, giữ cho đôi mắt không bộc lộ bất cứ điều gì, tăng cường cơ bắp, nhưng với diện mạo của mình thì tôi bất lực. Tôi không sao thoát nổi cặp lông mày dài rậm của cha tôi với cái rãnh sâu ở giữa. Tôi có thể giết ông nếu tôi thực sự muốn - chắc chắn là tôi đủ mạnh để làm việc đó - và tôi có thể xóa mẹ tôi khỏi trí nhớ. Nhưng không cách nào xóa được cái gien họ truyền cho tôi. Nếu tôi muốn khử cái đó đi thì chắc tôi phải thủ tiêu *chính mình*.

Và lại có lời tiên tri ấy nữa. Cái cơ chế được gá bên trong tôi.

Một cơ chế được gá tận bên trong mày.

Tôi tắt đèn và ra khỏi buồng tắm. Một ắng lặng nặng nề, ẩm ướt bao trùm ngôi nhà. Tiếng thì thầm của những người không hiện hữu, hơi thở của những người đã chết. Tôi nhìn quanh, đứng im sững và hít một hơi thật sâu. Đồng hồ chỉ ba giờ chiều, hai chiếc kim lạnh lùng, xa cách. Chúng làm ra vẻ trung lập nhưng tôi biết chúng không

đứng về phía tôi. Đã sắp đến lúc tôi phải nói lời từ biệt. Tôi khoác ba lô trên vai. Tôi đã đeo thử nó bao nhiêu lần, nhưng giờ đây tôi cảm thấy nó nặng hơn bội phần.

Tôi quyết định chọn Shikoku. Đó là nơi tôi sẽ tới. Tôi chọn Shikoku không vì lý do gì đặc biệt, mà chỉ bởi khi nghiên cứu bản đồ, tôi cảm thấy đó là nơi tôi nên nhắm tới. Càng nhìn vào bản đồ - thực tế là mỗi lần nghiên cứu nó - tôi càng thấy Shikoku hấp dẫn. Nó ở cách xa Tokyo về phía Nam, khí hậu ấm áp, lại có nước ngăn cách với đất liền. Tôi chưa tới đó bao giờ, chẳng có bạn bè hoặc bà con nào ở đó, cho nên nếu như người ta nảy ra ý định tìm tôi - điều mà tôi chẳng mấy tin là sẽ xảy ra - ắt chẳng ai nghĩ đến Shikoku.

Tôi đến quầy vé lấy chiếc vé đã đặt trước và leo lên chuyến xe buýt đêm. Đây là cách rẻ nhất để đi từ Tokyo đến Takamatsu - chỉ hơn mười ngàn yen[2] tí chút. Không ai để ý đến tôi, hỏi tôi bao nhiêu tuổi hoặc nhìn tôi đến lần thứ hai. Người lái xe soát vé của tôi tỉnh khô như cái máy.

Chỉ một phần ba số ghế có người ngồi. Phần lớn hành khách đi một mình như tôi và chiếc xe tĩnh lặng lạ kỳ. Đến Takamatsu là cả một chặng đường dài, theo ước định là mười tiếng đồng hồ, có nghĩa sáng sớm hôm sau mới tới. Nhưng tôi bất cần. Tôi có ối thời gian mà. Xe rời bến lúc tám giờ và tôi ngả lưng ghế ra phía sau. Vừa mới yên vị, ý thức của tôi đã lịm chìm như cục pin hết điện và tôi ngủ thiếp đi.

Một lúc nào đó, khoảng nửa đêm, trời bắt đầu mưa dữ. Thi thoảng, tôi thức giấc, hé tấm rèm ở cửa xe nhìn ra con đường xa lộ vùn vụt qua. Những giọt mưa đập vào mặt kính, làm nhòe những ngọn đèn ven đường trải dài hun hút với những khoảng cách bằng nhau như thể chúng được cắm để đo trái đất vậy. Lại một ngọn đèn nữa xô tới gần và loáng một cái đã vụt biến đằng sau chúng tôi. Tôi nhìn đồng hồ, thấy đã quá nửa đêm. Và, tự khắc bị đẩy ra sân khấu, sinh nhật lần thứ mười lăm của tôi liền xuất hiện.

"Chúc mừng sinh nhật," thằng cu tên Quạ nói.

"Cám ơn," tôi đáp.

Tuy nhiên, điềm báo vẫn đeo tôi như một cái bóng. Tôi kiểm tra cho chắc là bức tường quây quanh mình vẫn còn nguyên. Rồi tôi khép rèm và ngủ tiếp.

Chương 2

Tài liệu sau đây, được Bộ Quốc Phòng Mỹ xếp loại Tối mật, đã được công bố vào năm 1986 theo Nghị định về Tự do Thông tin. Tài liệu này hiện được giữ tại Viện Lưu Trữ Quốc Gia ở Washington D.C. và có thể truy nhập tại đó.

Cuộc điều tra ghi lại dưới đây được tiến hành dưới sự chỉ đạo của Thiếu tá James P.Warren từ tháng Ba đến tháng Tư năm 1946. Cuộc điều tra tại hiện trường ở Hạt (tên bị xóa), tỉnh Yamanashi, do Trung Úy Robert O'Connor và Trung sĩ Harold Katayama thực hiện. Người hỏi cung trong tất cả các cuộc thẩm vấn là Trung úy O'Connor. Trung sĩ Katayama phiên dịch tiếng Nhật và Binh nhì William Cohen lo việc chuẩn bị tài liệu.

Các cuộc thẩm vấn được tiến hành trong thời gian mười hai ngày tại phòng tiếp khách của tòa thị chính của Thị xã (tên bị xóa) tỉnh Yamanashi. Những nhân chứng dưới đây trả lời những câu hỏi của Trung Úy O'Connor, riêng rẽ từng người: một cô giáo ở trường công Thị xã (xóa) Hạt (xóa), một bác sĩ ở cùng thị xã, hai tuần tra viên thuộc cảnh sát địa phương và sáu trẻ em.

Những bản đồ khu vực này, tỉ lệ 1/10.000 và 1/2.000 kèm theo đây do Viện Địa Hình, Bộ Nội Vụ cung cấp.

BÁO CÁO CỦA CỤC TÌNH BÁO QUÂN ĐỘI MỸ (MIS)

Ngày: 12 tháng Năm năm 1946

Tên: Báo cáo về sự kiện Đồi Bát Cơm, 1944

Tài liệu số: PTYX-722-8936745-42213-WWN

Dưới đây là bản ghi âm cuộc thẩm vấn Setsuko Okamochi (26 tuổi), cô giáo phụ trách lớp 4B trường công Thị xã (xóa), Hạt (xóa). Những tư liệu liên quan đến cuộc thẩm vấn có thể truy nhập theo số PTTX-722-SQ-u8.

Cảm giác của người thẩm vấn, Trung úy Robert O'Connor: Setsuko Okamochi là một phụ nữ bé nhỏ, hấp dẫn. Thông minh và có trách nhiệm, cô ta trả lời câu hỏi một cách chuẩn xác và trung thực. Tuy nhiên dường như cô vẫn còn hơi bị sốc bởi sự kiện đó. Trong khi moi óc cố nhớ lại, đôi khi cô trở nên rất căng thẳng và lúc nào như vậy, cô đều có khuynh hướng nói chậm lại.

Tôi nghĩ lúc đó chắc mới hơn mười giờ sáng một chút, tôi trông thấy một vệt sáng bạc ở tít trên trời. Một ánh bạc chói ngời. Đúng thế, đó rành

là ánh sáng phản chiếu trên một vật bằng kim loại. Ánh sáng ấy chuyển động rất chậm trên trời từ Đông sang Tây. Chúng tôi đều nghĩ hẳn là một chiếc B-29. Nó bay thẳng đứng trên đầu chúng tôi thành thử muốn nhìn nó chúng tôi phải ngửa cổ lên. Trời bữa ấy trong xanh và rực sáng nên tất cả những gì chúng tôi có thể nhìn thấy chỉ là cái vật sáng bạc như đuy-ra ấy.

Nhưng chúng tôi không thể xác định được hình thù vì nó bay quá cao. Tôi đồ rằng họ cũng không nhìn thấy chúng tôi, nên chúng tôi không sợ bị tấn công hoặc bất thình lình bị một trận mưa bom trút xuống đầu. Dù sao đi nữa, ném bom ở cái vùng núi này cũng là vô dụng. Tôi hình dung là chiếc máy bay này đang trên đường đi ném bom một thành phố lớn ở đâu đó hoặc có thể từ một cuộc oanh kích trở về. Cho nên chúng tôi cứ tiếp tục đi. Tôi chỉ nghĩ có một điều: làm sao cái vệt sáng ấy lại có vẻ đẹp kỳ lạ đến thế!

- Theo hồ sơ quân sự thì không có cuộc ném bom nào của không lực Mỹ hoặc bất cứ loại máy bay nào khác bay qua vùng này vào thời điểm đó, tức khoảng mười giờ sáng ngày 7 tháng Mười một năm 1944.

Nhưng tôi trông thấy nó rõ ràng và cả mười sáu em học sinh lớp tôi cũng thấy. Tất cả chúng tôi đều nghĩ đó hẳn là một chiếc B-29. Bọn tôi đều đã thấy nhiều đội hình B-29, và đó là loại máy bay duy nhất có thể bay cao đến thế. Trong tỉnh chúng tôi có một căn cứ không quân nhỏ và thỉnh thoảng tôi có thấy máy bay Nhật bay nhưng tất cả đều nhỏ và không thể bay cao như cái tôi nhìn thấy bữa ấy. Với lại, cái cách đuy-ra phản chiếu ánh sáng không giống các loại kim khí khác, và loại máy bay duy nhất làm bằng đuy-ra là B-29. Tuy nhiên, tôi cũng thấy hơi lạ là nó bay độc trọi một mình, không trong đội hình.

- Cô có sinh ở vùng này không?

Không, tôi sinh ở Hiroshima. Tôi lấy chồng năm 1941 và đó là lúc tôi chuyển đến đây. Chồng tôi là thày giáo dạy nhạc ở một trường cấp hai của tỉnh này. Anh ấy bị gọi lính năm 1943 và chết trận ở Luzon tháng Sáu năm 1945. Theo như tôi được nghe kể lại sau đó, thì anh ấy làm nhiệm vụ bảo vệ một kho đạn ở ngoại tỉnh Manila và chết khi kho đạn bị Mỹ pháo kích và nổ tung. Chúng tôi không có con.

- Nhân nói đến trẻ con, xin hỏi trong cuộc đi dã ngoại ấy, cô phụ trách bao nhiêu học sinh?

Tổng cộng mười sáu em, cả nam lẫn nữ. Trừ hai em nghỉ bệnh, đó là toàn bộ lớp. Tám trai, tám gái. Năm em sơ tán từ Tokyo đến.

Chúng tôi xuất phát từ trường lúc chín giờ sáng. Đó là một cuộc đi

dã ngoại điển hình của trường, nên ai nấy đều mang theo cà-mèn và bữa ăn trưa. Lần ấy, chúng tôi không lên kế hoạch nghiên cứu gì đặc biệt, chỉ đi lên đồi hái nấm và lượm những thứ cây dại ăn được thôi. Vùng chúng tôi sống là đất canh tác, nên không đến nỗi thiếu lương thực – nói vậy không có nghĩa là chúng tôi dồi dào cái ăn. Với chế độ phân phối khẩu phần chặt chẽ khi đó, đa số chúng tôi lúc nào cũng đói.

Thành thử bọn trẻ được khuyến khích lùng thức ăn ở bất cứ nơi nào chúng có thể tìm được. Xét cho cùng, đất nước đang chiến tranh và lương thực được ưu tiên hơn học tập. Ai nấy đều thích kiểu dã ngoại ấy – chúng tôi gọi là học ngoại khóa. Xung quanh trường chúng tôi toàn là đồi và rừng nên có khối chỗ tốt cho chúng tôi đến thường xuyên. Tôi nghĩ chúng tôi được ân sủng theo nghĩa đó. Dân các thành phố đều đói. Các tuyến đường tiếp tế từ Đài Loan và lục địa hồi ấy bị cắt đứt và các vùng đô thị bị thiếu lương thực và chất đốt ghê gớm.

- Cô nói năm học sinh của cô được sơ tán từ Tokyo. Chúng có hòa hợp được với các học sinh địa phương không?

Có, ít nhất là trong lớp tôi. Môi trường lớn lên của hai nhóm tất nhiên là hoàn toàn khác nhau – một nhóm ở nông thôn, nhóm kia ở trung tâm Tokyo. Chúng nói năng khác nhau, ăn mặc cũng khác nhau. Phần lớn các học sinh địa phương đều là con cái các gia đình nông dân, trong khi đa số học sinh từ Tokyo đều có cha làm việc ở các công ty hoặc dịch vụ dân sự. Cho nên chúng tôi không thể nói là chúng thực sự hiểu nhau.

Đặc biệt, thời gian đầu, người ta có thể cảm thấy một chút căng thẳng nào đó giữa hai nhóm. Tôi không có ý nói rằng chúng bắt nạt nhau hoặc gây gổ đánh nhau, bởi vì không phải thế. Tôi chỉ muốn nói là dường như nhóm này không hiểu nhóm kia nghĩ gì. Thành thử chúng có khuynh hướng khép kín, học sinh địa phương chơi với học sinh địa phương, còn bọn trẻ Tokyo thì khoanh trong nhóm nhỏ của chúng. Tuy nhiên, tình hình đó chỉ kéo dài hai tháng đầu. Sau đó, chúng hòa hợp dần. Ông lạ gì: con nít khi đã bắt đầu chơi chung và mải miết vào trò chơi thì chúng bất cần đến những thứ khác nữa.

- Tôi muốn cô tả hết sức tỉ mỉ nơi cô đưa lớp cô đến hôm ấy.

Đó là một quả đồi mà chúng tôi hay đến trong những dịp đi dã ngoại. Một quả đồi tròn hình thù giống như cái bát úp. Chúng tôi quen gọi nó là “owan yama” [Chú thích: “đồi bát cơm”]. Nó ở cách trường một quãng đi bộ ngắn về phía Tây và không dốc mấy, ai cũng trèo được. Với nhịp bước của trẻ con thì mất khoảng hai tiếng là lên tới đỉnh. Dọc đường, chúng tạt vào rừng kiếm nấm, rồi cả lớp ăn bữa trưa đạm bạc. Cố nhiên, bọn trẻ khoái những buổi ngoại khóa ấy hơn nhiều so với học ở trong lớp.

Cái máy bay lấp lánh chúng tôi nhìn thấy trên trời nhắc chúng tôi

nhớ đến chiến tranh trong chốc lát, nhưng chỉ một thoáng thôi, rồi tất cả lại vui vẻ. Trời không một vẩn mây, lặng gió và tất thẩy đều im ắng quanh chúng tôi - chỉ nghe thấy tiếng chim líu ríu trong rừng. Chiến tranh dường như một cái gì ở một nơi xa lắc chẳng có gì liên quan với chúng tôi. Chúng tôi ca hát trong khi leo lên đồi, thi thoảng lại bắt chước tiếng chim chúng tôi nghe thấy. Tạm quên đi chiến tranh đang tiếp diễn, thì đó là một buổi sáng hoàn hảo.

- Một lát sau, khi thấy cái vật giống như máy bay ấy là cô vào rừng ngay, đúng không?

Đúng vậy. Tôi có thể nói là không đầy năm phút sau, chúng tôi đi vào rừng. Chúng tôi bỏ con đường chính dẫn lên đỉnh đồi để đi theo một đường mòn ngược lên cánh rừng. Đoạn này khá dốc. Sau khi leo độ mươi phút, chúng tôi tới một chỗ phát quang, một khoảng rộng, bằng phẳng như mặt bàn. Khi chúng tôi bắt đầu vào rừng, không khí tĩnh lặng hoàn toàn và ớn lạnh vì ánh nắng không lọt vào được, nhưng khi tới chỗ phát quang thì như thể đang ở giữa một quảng trường thành phố thu nhỏ với bầu trời rực sáng trên đầu. Lớp chúng tôi thường dừng chân ở chỗ này mỗi khi leo lên Owan yama. Nơi này có một tác dụng an bình và cách nào đó khiến tất cả chúng tôi đều cảm thấy khoan khoái và ấm cúng.

Chúng tôi dừng lại nghỉ khi tới "quảng trường" này, đặt ba lô xuống rồi bọn trẻ chia ra thành từng tốp ba, bốn đứa một vào rừng tìm nấm. Tôi nhắn đi nhắn lại, dặn chúng không lúc nào được rời mắt khỏi nhau. Trước khi xuất phát, tôi tập hợp tất cả, kiểm tra cho chắc là chúng đã hiểu. Chúng tôi biết rành nơi này, nhưng dù sao đó cũng là một khu rừng, ngộ nhỡ có đứa nào tách ra và lạc lối, chúng tôi sẽ phải vất vả đi tìm. Hơn nữa, ông nên nhớ, chúng là những đứa trẻ nhỏ, một khi đã lao vào săn lùng nấm, chúng rất dễ quên cái lệ ấy. Cho nên bao giờ tôi cũng phải đảm bảo là, trong khi bản thân mình cũng tìm nấm thì vẫn phải để mắt đến chúng và thường xuyên đếm đủ số đầu.

Chính vào khoảng mươi phút sau khi bắt đầu săn tìm nấm, bọn trẻ bắt đầu theo nhau gục ngã.

Khi thoạt tiên phát hiện thấy một nhóm ba em gục xuống đất, tôi chắc là chúng đã ăn phải nấm độc. Quanh đây có nhiều loại nấm rất độc, thậm chí có thể chết người. Bọn trẻ ở địa phương biết loại nào không nên hái, nhưng có một số loại rất khó phân biệt. Vì thế tôi luôn cảnh báo các em đừng bao giờ bỏ cái gì vào miệng trước khi trở về trường để chuyên gia kiểm định. Nhưng không phải bao giờ ta cũng có thể trông chờ con nít nghe lời, phải không?

Tôi chạy bổ tới chỗ mấy em vừa gục ngã và vực chúng dậy. Người chúng mềm nhũn như cao su để ngoài nắng. Như những cái vỏ ốc rỗng – bao nhiêu sức lực đã bị hút kiệt. Nhưng chúng vẫn thở

tốt. Mạch vẫn bình thường và không em nào có nhiệt độ cao. Coi bộ chúng bình thản, không có vẻ gì là đau đớn cả. Tôi loại trừ các giả thuyết như ong đốt hoặc rắn cắn. Đơn giản là chúng bất tỉnh, vậy thôi.

Điều kỳ lạ nhất là cặp mắt của chúng. Người chúng mềm nhũn như đang trong cơn hôn mê, thế nhưng mắt chúng vẫn mở trừng trừng như đang nhìn một cái gì vậy. Thậm chí, thỉnh thoảng mắt chúng còn chớp, tức là không giống chúng đang ngủ. Và mắt chúng lia qua lia lại như thể đang nhìn bao quát một chân trời xa. Ít nhất mắt chúng vẫn tỉnh. Tôi phẩy tay qua lại vài lần trước mặt chúng, nhưng không thấy phản ứng gì.

Tôi lần lượt nhấc ba em học sinh lên, từng đứa một, và tất cả đều y hệt như nhau. Tất cả đều bất tỉnh, mắt vẫn chầm chậm đưa qua đưa lại. Đó là điều lạ lùng nhất tôi từng thấy.

- Hãy mô tả những em gục xuống trước nhất.

Đó là một nhóm con gái. Ba bé gái chơi thân với nhau. Tôi gọi tên chúng và tát vào má chúng khá mạnh, tát thật sự, nhưng chẳng thấy phản ứng gì. Chúng không hề cảm thấy gì hết. Thật là một cảm giác kỳ lạ. Cứ như chạm vào một khoảng chân không vậy.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là cử ai đó về trường cầu cứu. Một mình tôi thì không cách nào mang được ba đứa bất tỉnh xuống đồi. Vậy nên tôi bắt đầu kiếm đứa nào chạy nhanh nhất, một học sinh nam. Nhưng khi tôi đứng lên nhìn quanh thì thấy tất cả các em đều đã quỵ xuống. Toàn bộ mười sáu em đã ngã xuống đất, bất tỉnh. Người duy nhất còn tỉnh và đứng được là tôi. Cứ như là một... bãi chiến trường.

- Cô có nhận thấy cái gì bất bình thường tại hiện trường đó không? Một mùi hay một âm thanh khác thường – hay một luồng sáng?

[Nghĩ một lúc]. Không, như tôi đã nói, cảnh vật rất yên tĩnh và thanh bình. Không hề có âm thanh hoặc luồng sáng, hoặc mùi gì bất bình thường cả. Điều bất bình thường duy nhất là tất cả học sinh trong lớp tôi đều gục ngã và nằm đó bất tỉnh nhân sự. Tôi cảm thấy hết sức cô đơn, như thể mình là người cuối cùng còn sống trên Trái Đất. Tôi không thể mô tả cái cảm giác cô đơn tuyệt đối đó. Tôi chỉ muốn tan biết trong thinh không và thôi nghĩ về bất cứ cái gì nữa hết.

Cố nhiên tôi không thể làm thế được – tôi có bổn phận của một cô giáo. Tôi cố trấn tĩnh lại và lao xuống dốc chạy thật nhanh về trường với hết sức lực của đôi chân, để tìm sự trợ giúp.

Chương 3

Lúc tôi thức giấc, trời đã sắp rạng đông. Tôi kéo rèm cửa xe, nhìn ra ngoài. Hẳn là vừa mới tạnh mưa vì mọi cái vẫn còn ướt và nhỏ giọt. Những đám mây đằng Đông sắc cạnh in trên nền trời, mỗi đám đều đóng khung trong ánh sáng. Bầu trời phút trước nom u ám dữ tợn, phút sau đã sáng tươi mời mọc. Tất cả là tùy góc nhìn.

Chiếc xe buýt bon bon trên xa lộ với một tốc độ cố định, bánh lốp nghiến rào rạt, không lúc nào rộ to lên hay nhỏ bặt đi. Cả động cơ cũng vậy, tiếng ro ro đơn điệu của nó nghe như một cái cối đang nghiền nhuyễn thời gian cùng ý thức của những người trên xe. Các hành khách khác đều ngả người trên ghế, ngủ lịm, rèm cửa kéo kín. Chỉ có người lái và tôi thức giấc. Chìm trong giấc ngủ, mọi người tin cẩn phó mặc cho chiếc xe chở mình tới đích.

Cảm thấy khát, tôi lấy một chai nước khoáng từ một túi ba lô ra và uống một chút nước âm ấm. Cũng từ túi ấy tôi lấy ra một hộp bánh xô-đa giòn, nhai mấy chiếc, nhấm nháp cái vị khô quen thuộc. Theo đồng hồ của tôi, lúc này là 4 giờ 33 phút. Tôi xem lại ngày tháng cho chắc ăn. Mười ba tiếng đồng hồ đã trôi qua từ lúc tôi rời khỏi nhà. Thời gian đã không nhảy vọt về phía trước nhanh quá mức, cũng chẳng bất ngờ quay ngược lại. Vẫn chưa qua sinh nhật của tôi, song đã là ngày mở đầu cuộc đời mới toanh của tôi. Tôi nhắm mắt, rồi lại mở ra, một lần nữa kiểm tra lại ngày tháng trên đồng hồ. Rồi bật đèn đọc[3] , lấy ra một cuốn sách bìa mềm và bắt đầu đọc.

Đúng năm giờ sáng, không báo trước, chiếc xe buýt rời khỏi xa lộ và dừng lại ở góc một bãi nghỉ ven đường. Cửa trước mở ra với một tiếng như xì hơi, đèn trong xe nhấp nháy bật lên và người lái thông báo ngắn gọn: "Xin chào tất cả. Hy vọng quý khách đã nghỉ ngơi tốt. Xe chúng ta chạy đúng thời gian quy định và khoảng một tiếng nữa sẽ tới bến cuối ở Takamatsu. Nhưng chúng ta dừng ở đây nghỉ hai mươi phút. Năm rưỡi lại đi tiếp, vậy xin quý khách đảm bảo trở về xe vào quãng ấy."

Lời thông báo đánh thức hầu hết các hành khách và họ lặng lẽ đứng lên một cách chật vật, vừa ngáp vừa loạng choạng ra khỏi xe. Đây là nơi người ta chỉnh trang lại cho đàng hoàng trước khi tới Takamatsu. Tôi cũng xuống xe, hít thở vài hơi thật sâu và làm mấy động tác vươn duỗi đơn giản trong không khí ban mai tươi mát. Tôi đi tới phòng vệ sinh nam, vã chút nước vào mặt. Tôi tự hỏi không biết mình đang ở chỗ quái nào. Tôi ra ngoài và nhìn quanh. Chẳng có gì đặc biệt, chỉ là cái quang cảnh ven đường ta thường thấy gần một xa lộ. Có thể chỉ do tôi tưởng tượng, nhưng hình thù những quả đồi

và màu sắc cây cối dường như không giống ở Tokyo.

Tôi đang ngồi trong cafeteria[4] nhấm nháp trà nóng thì cô gái đó đến, ngồi phịch xuống chiếc ghế nhựa cạnh tôi. Tay phải cô cầm một cốc giấy đựng cà phê nóng bốc hơi vừa mua từ máy bán hàng tự động, tay trái cầm một cặp xăng-uých vẻ như cũng mua từ máy bán hàng tự động.

Trông cô ta ngồ ngộ thế nào ấy: diện mạo không cân đối - trán rộng, mũi tròn nhỏ xíu, má lấm tấm tàn hương, tai nhọn. Một kiểu mặt nặn thô vội vàng khiến người ta không thể không chú ý. Tuy nhiên, ấn tượng chung không đến nỗi tệ. Theo như tôi cảm nhận, cô ta không quá tự mãn về ngoại hình của mình, nhưng cô có vẻ tự nhiên thoải mái với chính mình và đó mới là điều quan trọng. Có một cái gì trẻ thơ nơi cô khiến người ta an tâm, chí ít cũng là đối với tôi. Cô không cao lắm, nhưng có cặp giò dễ coi và một bộ ngực đẹp đối với thân hình mảnh dẻ như vậy.

Đôi hoa tai mảnh bằng kim loại của cô lấp lánh như đuy-ra. Mái tóc nhuộm màu nâu sẫm, gần như đỏ, xõa xuống vai. Cô mặc sơ mi dài tay, cổ bó, kẻ sọc to. Một chiếc balô da nhỏ lủng lẳng một bên vai và một chiếc áo len mỏng buộc quanh cổ. Một cái váy mini màu kem trên đôi chân để trần hoàn tất y phục của cô. Hiển nhiên là cô vừa rửa mặt vì mấy mớ tóc như những rễ cây nhỏ còn dán trên vầng trán rộng. Kể cũng lạ, mấy mớ tóc buông lơi ấy lại hấp dẫn tôi.

"Cậu cũng đi cùng chuyến xe, phải không?" cô ta hỏi, giọng hơi khàn khàn.

"À, phải."

"Cô nhíu mày tợp một ngụm cà phê. "Cậu bao nhiêu tuổi?"

"Mười bảy."

"Vậy cậu đang học trung học."

Tôi gật đầu.

"Cậu đi đâu?"

"Takamatsu."

"Cũng như tôi," cô nói. "Cậu đi chơi hay về nhà?"

"Đi chơi," tôi đáp.

"Tôi cũng thế. Tôi có bạn ở đấy. Một đứa bạn gái. Còn cậu?"

"Thăm bà con."

Tôi *hiểu*, cái gật đầu của cô nói vậy. Cô không hỏi thêm gì nữa.

"Tôi có đứa em trai bằng tuổi cậu," cô đột ngột nói với tôi như sực nhớ ra. "Có những rắc rối trong gia đình nên đã lâu chị em tôi không gặp nhau... Cậu biết không, trông cậu rất giống *cái tay* ấy. Đã ai nói với cậu thế chưa?"

"*Tay* nào?"

"Cậu biết đấy, cái tay ca sĩ trong ban nhạc ấy! Vừa nhìn thấy cậu trên xe buýt, tôi liền nghĩ ngay là cậu giống anh ta, nhưng tôi không tài nào nhớ nổi tên anh ta. Cố moi óc mà không ra. Chuyện đó đôi khi vẫn xảy đến, đúng không? Nó ở trên đầu lưỡi rồi, ấy thế mà không sao bật ra được. Trước đây đã có ai bảo cậu... rằng cậu khiến họ nhớ đến một người nào đó không?"

Tôi lắc đầu. Chưa ai nói với tôi thế cả. Cô vẫn nhìn tôi, mắt nheo lại, chăm chú. "Ý cô nói đến loại người nào kia?" tôi hỏi.

"Một gã tivi."

"Một anh chàng trên tivi à?"

"Phải," cô nói, cầm miếng xăng-uých kẹp giăm bông lên, lơ đãng cắn một miếng và chiêu bằng một ngụm cà phê. "Một ca sĩ trong một ban nhạc nào đó. Khỉ thật, cả tên ban nhạc tôi cũng không nhớ nốt. Cái gã cao, nói giọng Kansai ấy. Cậu không nghĩ ra là ai à?"

"Rất tiếc, tôi không xem tivi."

Cô gái cau mày, riết róng nhìn tôi. "Cậu không xem tivi bao giờ?"

Tôi lặng lẽ ngúc ngắc đầu. Khoan đã... tôi nên gật hay lắc đây? Tôi gật đầu.

"Cậu không bẻm mép lắm, nhỉ? Vẻ như mỗi lần mở miệng chỉ buông một câu gọn lỏn. Xưa nay cậu vẫn lặng lẽ thế à?"

Tôi đỏ mặt. Đúng là tôi thuộc loại ít nói, nhưng một trong những lý do khiến tôi không muốn nói nhiều, là tại tôi chưa hoàn toàn vỡ tiếng. Đa phần thời gian thì giọng tôi phần nào đã trầm, nhưng thi thoảng nó lại bất chợt ré lên. Cho nên cô cố sao chỉ nói thật ngắn gọn.

"Dù sao đi nữa," cô nói tiếp, "tôi chỉ muốn nói là nom cậu rất giống cái tay ca sĩ nói giọng Kansai ấy. Không phải là cậu nói giọng Kansai hay gì gì đâu. Chỉ là... tôi không biết nói thế nào... ở cậu toát ra một cái gì đó rất giống anh ta và anh ta có vẻ là một chàng trai dễ thương, thế thôi."

Nụ cười của cô rút vào hậu trường một lát rồi xuất hiện trở lại, trong khi tôi đánh vật với cơn đỏ mặt của mình. "Nếu cậu đổi kiểu tóc đi thì còn giống anh ta hơn nữa," cô nói. "Hãy để dài hơn tí nữa, bôi tí gôm cho nó vểnh lên một chút. Tôi rất muốn thử làm thế một cái. Chắc chắn nom cậu sẽ rất bảnh với kiểu tóc ấy. Thực tế, tôi là thợ hớt tóc mà."

Tôi gật đầu và nhấp trà. Tiệm cafeteria lặng như tờ. Không hề có tiếng nhạc nền thường thấy, không ai khác trò chuyện ngoài hai chúng tôi.

"Có lẽ cậu không thích trò chuyện?" cô vừa nói vừa nhìn tôi

nghiêm trang, đầu tựa vào lòng bàn tay.

Tôi lắc đầu. "Không, đâu phải thế."

"Cậu nghĩ trò chuyện với người khác là chán ngấy?"

Một lần nữa, tôi lại lắc đầu.

Cô cầm miếng xăng-uých thứ hai lên, miếng này kẹp mứt dâu tây thay vì giăm bông. Cô cau mày như thể không tin vào mắt mình. "Cậu ăn hộ tôi miếng này được không? Tôi chúa ghét xăng-uých mứt dâu tây. Ngay từ thuở bé."

Tôi chấp thuận. Xăng-uých mứt dâu tây cũng không nằm trong danh sách những món ưa thích nhất của tôi, nhưng tôi không nói gì và bắt đầu ăn.

Từ bên kia bàn, cô nhìn tôi ăn đến hết mẩu cuối cùng.

"Cậu có thể làm ơn giúp tôi một việc được không?" cô nói.

"Làm ơn?"

"Tôi có thể ngồi cạnh cậu cho đến khi xe tới Takamatsu được không? Tôi ngồi một mình cứ ngay ngáy, lúc nào cũng có cảm giác như có một kẻ quái nhân sắp xịch đến ngồi xuống bên tôi vậy và thế là tôi không sao ngủ được. Khi tôi mua vé, người ta bảo tất cả là ghế một, nhưng khi lên xe tôi thấy toàn ghế đôi. Tôi muốn chợp mắt một chút trước khi tới nơi, và tôi thấy cậu là người tốt. Cậu có thấy phiền không?"

"Không sao cả."

"Cảm ơn," cô nói. "*Đi xa cần có bạn đường,* tục ngữ nói thế mà."

Tôi gật đầu. Gật đầu, gật đầu, gật đầu - dường như tôi chỉ có độc trọi một khả năng đó. Nhưng tôi biết nói gì đây?

"Tiếp sau là gì nhỉ?"

"Tiếp sau cái gì?"

"Sau *bạn đường* là gì nữa? Tôi không nhớ nổi. Tôi không bao giờ khá về môn Nhật văn cả."

"Trong đời cần biết cảm thương nhau cùng," tôi nói.

"*Đi xa cần có bạn đường/ Trong đời cần biết cảm thương nhau cùng,*" cô nhắc lại để nhớ cho chắc. Nếu có sẵn bút giấy, ắt cô đã ghi lại và tôi cũng sẽ chẳng lấy làm lạ. "Vậy thực chất, nói nôm na, cái đó nghĩa là gì?"

Tôi ngẫm ngợi. Phải mất một lúc tôi mới luận ra, nhưng cô vẫn kiên nhẫn chờ.

"Tôi nghĩ," tôi nói, "nó có nghĩa là: những cuộc gặp gỡ tình cờ nâng bước ta trên đường đời. Nói nôm na là thế."

Cô suy nghĩ một lát, rồi chậm rãi chắp hai tay đặt lên mặt bàn. "Tôi nghĩ cậu nói đúng: những cuộc gặp gỡ tình cờ nâng bước ta trên

đường đời."

Tôi liếc nhìn đồng hồ. Đã năm giờ ba mươi. "Có lẽ chúng ta nên trở về xe thì vừa."

"Ờ, tôi đồ là thế. Ta đi thôi," nói vậy nhưng cô không hề nhúc nhích để đứng lên.

"Tiện thể xin hỏi ta đang ở đâu?"

"Tôi cũng chẳng biết nữa," cô nói. Cô vươn cổ, lia mắt nhìn khắp xung quanh. Đôi hoa tai đu đưa như hai trái chín nẫu sắp rụng. "Căn cứ vào thời gian xe chạy, tôi đoán chúng ta đang ở gần Kurashiki. Nhưng cái đó quan trọng gì. Một bãi cho xe nghỉ trên xa lộ chỉ là điểm quá vãng. Để đi từ nơi này sang nơi khác." Cô giơ ngón trỏ tay phải và ngón trỏ tay trái lên, cách nhau khoảng ba mươi phân.

"Quan trọng gì cái tên, phải không nào?" cô nói tiếp. "Ở đây có toa lét, có đồ ăn. Có đèn nê-ông, có ghế nhựa. Có cà phê rồi. Có xăng-uých mứt dâu tây. Tất cả những cái đó chả có nghĩa gì - ấy là ví như cậu muốn tìm ở nó một ý nghĩa nào đó. Chúng ta từ một nơi nào đó đi đến một nơi nào khác. Đó là tất cả những gì ta cần biết, phải không nào?"

Tôi gật đầu. Và gật đầu. Và gật đầu.

Khi chúng tôi trở lại xe, những hành khách khác đã yên vị, chỉ còn chờ chúng tôi. Người lái, một chàng trai với ánh mắt đăm đăm và nghiêm nghị của một người gác đèn biển, ném một cái nhìn đầy vẻ trách móc về phía hai chúng tôi, nhưng không nói gì, và cô gái đáp lại bằng một nụ cười ngây thơ xin-lỗi-chúng-tôi-về-trễ. Anh ta vươn tay ra đẩy một cái cần và cửa đóng lại với một tiếng xì. Cô gái kéo chiếc va li nhỏ đến ngồi cạnh tôi - một chiếc va li loại tầm tầm chắc là mua ở một quầy bán "xôn" nào đó - và tôi nhấc nó lên cất vào ngăn để hành lý trên đầu hộ cô. Nó nhỏ mà khá nặng. Cô cảm ơn tôi, rồi ngả người trên ghế, nhắm mắt ngủ liền. Như chỉ đợi có thế, chiếc xe bắt đầu lăn bánh ngay khi chúng tôi yên vị. Tôi lấy cuốn sách bìa mềm ra đọc tiếp.

Cô gái mau chóng ngủ say lịm và mỗi khi chiếc xe lượn vòng cua, đầu cô lại ngả vào vai tôi, cuối cùng dựa hẳn lên đó. Cô ngậm miệng, thở đằng mũi nhẹ nhàng, hơi thở chà qua vai tôi theo một nhịp đều đặn. Tôi ngó xuống và, qua khoang cổ bó của chiếc áo sơ mi, thoáng thấy dây xu-chiêng, một sợi dây mảnh màu kem. Tôi mường tượng lớp vải mịn ở đầu dây đó. Hai bầu vú mềm bên dưới. Hai núm vú hồng hồng căng dần dưới đầu ngón tay tôi. Không phải tôi cố tình tưởng tượng ra thế, song tôi không đừng được. Và - chả có gì là lạ - tôi dựng cột buồm cứng ngắc. Cứng đến nỗi tôi tự hỏi có bộ phận nào khác trong cơ thể có thể cương lên đến độ rắn như đá ấy không.

Thế rồi, đúng lúc ấy, một ý nghĩ chợt đến trong đầu tôi: ngộ nhỡ đây là chị gái mình? Cô ta cũng trạc tuổi ấy. Diện mạo khác thường

của cô chẳng mấy giống chị tôi trong tấm ảnh, nhưng không thể căn cứ vào đó. Tùy theo cách chụp, đôi khi, ảnh có thể hoàn toàn khác với người thật. Cô nói cô có một đứa em trai trạc tuổi tôi mà hàng bao năm nay cô không gặp. Liệu đứa em đó có thể là tôi - ít nhất là trên lý thuyết?

Tôi chằm chằm nhìn vào ngực cô. Theo nhịp thở của cô, hai trái đào tròn trĩnh nhô lên hạ xuống như sóng cồn. Cách nào đó, điều đó khiến tôi nghĩ đến cảnh mưa rơi nhè nhẹ trên biển rộng. Tôi là du khách cô đơn đứng trên boong tàu, còn cô là biển. Bầu trời là một tấm màu xám quyện lẫn với biển xám ở phía chân trời. Thật khó mà phân biệt nổi biển với trời. Cũng như khó mà phân biệt được du khách với biển. Và thực tế với những hoang tưởng của trái tim.

Cô gái đeo hai chiếc nhẫn ở ngón tay, mà không chiếc nào là nhẫn cưới hoặc nhẫn hứa hôn cả; đó chỉ là những đồ rẻ tiền thường thấy ở những cửa hàng nhỏ dành cho thiếu nữ. Ngón tay cô dài, mảnh nhưng nom chắc khỏe, móng cắt ngắn và tỉa đẹp, nhuộm một lớp thuốc phơn phớt hồng. Tay cô dựa nhẹ lên đầu gối thò ra khỏi chiếc váy mini. Tôi rất muốn sờ vào đôi bàn tay ấy, nhưng cố nhiên, tôi không làm thế. Khi ngủ, nom cô như một đứa trẻ. Một cái tai nhọn thòi ra khỏi mái tóc như một chiếc nấm, nom mỏnh mảnh lạ lùng.

Tôi gấp sách lại, nhìn ra cảnh vật vèo qua ngoài cửa kính một lúc. Rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Chương 4

BÁO CÁO CỦA CỤC TÌNH BÁO QUÂN ĐỘI MỸ (MIS)

Ngày: 12 tháng Năm năm 1946

Tên: Báo cáo về sự kiện Đồi Bát Cơm, 1944

Tài liệu số: PTYX-722-8936745-42216-WWN

Dưới đây là một cuộc thẩm vấn ghi âm với bác sĩ Juichi Nakazawa (53 tuổi), giám đốc một bệnh viện nội khoa ở thành phố [tên bị xóa] vào thời điểm xảy ra sự kiện này. Các tư liệu liên quan đến cuộc thẩm vấn có thể truy cập theo số PTYX-722-SQ-162 đến 183.

Cảm giác của người thẩm vấn, Trung úy Robert O'Connor: Bác sĩ Nakazawa người to xương, đen đúa, nom giống một lực điền hơn một ông thầy thuốc. Phong thái bình tĩnh, nhưng hoạt bát và rành rẽ, nói đúng những gì mình nghĩ trong đầu. Đằng sau cặp kính là đôi mắt có cái nhìn rất sắc và linh hoạt. Trí nhớ của ông có thể tin cậy được.

Đúng vậy – hồi mười một giờ sáng ngày 7 tháng Mười một năm 1944, tôi nhận được một cú điện thoại của ông hiệu phó trường tiểu học địa phương. Tôi gần như là bác sĩ của trường, vì thế nên có chuyện gì là họ gọi tôi trước tiên.

Ông hiệu phó rất hoảng hốt. Ông nói với tôi rằng cả một lớp học đã bị ngất xỉu trong khi đi dã ngoại hái nấm trên đồi. Theo ông, tất cả đã hoàn toàn bất tỉnh. Chỉ có cô giáo phụ trách là còn tỉnh, và cô chạy ngay về trường cầu cứu. Cô cuống cuồng đến nỗi tôi không thể nắm được toàn bộ tình huống, tuy nhiên vẫn rõ ra một điều xác thực: mười sáu em học sinh đã gục ngã trong rừng.

Vì bọn trẻ đi hái nấm, cho nên ý nghĩ đầu tiên của tôi là chúng đã ăn phải nấm độc và bị liệt. Nếu đúng là như vậy thì rất khó chữa trị. Các loại nấm khác nhau có độ độc khác nhau và cách điều trị phải theo đó mà thay đổi. Điều tối đa chúng tôi có thể làm là bơm hết các thứ trong dạ dày ra. Tuy nhiên trong trường hợp ăn phải loại có nồng độ độc cao, chất độc có thể nhanh chóng ngấm vào máu và việc cứu chữa có thể là quá muộn. Ở vùng này, hàng năm vẫn có nhiều người chết vì nấm độc.

Tôi nhét mấy loại thuốc cấp cứu vào túi thuốc và đạp xe thật nhanh đến trường. Hai cảnh sát được báo tin đã tới đó rồi. Chúng tôi biết là phải đưa bọn trẻ bất tỉnh về thành phố, nên cần tất cả những

sự hỗ trợ có thể huy động được. Tuy nhiên, phần lớn thanh niên đã ra mặt trận, thành thử chúng tôi đành bằng lòng với lực lượng có trong tay – bản thân tôi, hai viên cảnh sát, một thầy giáo lớn tuổi, ông hiệu trưởng và ông hiệu phó, người gác trường. Và tất nhiên cả cô giáo phụ trách lớp đi cùng với bọn trẻ nữa. Chúng tôi huy động tất cả những xe đạp có thể kiếm được nhưng vẫn không đủ, thành thử có xe phải đèo hai người.

- Khoảng mấy giờ các ông tới hiện trường?

11 giờ 55. Tôi nhớ rõ vì tôi có nhìn đồng hồ khi tới đó. Chúng tôi đạp xe đến chân đồi, tới điểm xa nhất có thể, rồi leo bộ nốt đoạn còn lại.

Vào lúc tôi đến, có mấy em đã hồi tỉnh phần nào. Theo tôi nhớ thì độ ba, bốn em. Nhưng chúng không tỉnh hoàn toàn – kiểu như loạng choạng bò bốn chân. Số còn lại vẫn phủ phục. Sau một hồi, một số khác bắt đầu hồi tỉnh, thân thể oằn oại như những con sâu khổng lồ. Thật là một cảnh tượng rất kỳ lạ. Bọn trẻ đã gục xuống ở một khoảng đất bằng, trống giữa rừng, nom khác thường tựa như toàn bộ cây cối đã bị bốc gọn đi cho nắng thu rọi chiếu vào. Và tại đây, mười sáu học sinh tiểu học nằm phủ phục la liệt trên mặt đất, một số bắt đầu cựa quậy, một số vẫn hoàn toàn bất động. Tưởng đâu như một vở kịch tiền phong chủ nghĩa.

Trong một lúc, tôi quên bẵng nhiệm vụ của mình là chữa trị cho bọn trẻ và chỉ đứng ngây ra nhìn cảnh tượng đó. Mà không phải chỉ riêng tôi – tất cả mọi người trong nhóm cứu trợ đều phản ứng như vậy, tạm thời bị tê liệt bởi những gì họ nhìn thấy. Nói thế này nghe cũng kỳ, nhưng tôi có cảm giác như vì tình cờ chúng tôi được chứng kiến một cảnh tượng mà đáng ra người bình thường không được phép thấy. Đây là thời chiến, và với tư cách là thầy thuốc, tôi luôn chuẩn bị để đối phó với bất kỳ tình huống nào, mặc dầu ít có khả năng xảy ra điều gì ghê gớm ở nơi hẻo lánh này. Là công dân Nhật Bản, tôi phải sẵn sàng làm bổn phận của mình một cách bình tĩnh. Nhưng khi trông thấy cảnh này, người tôi thực sự đông cứng lại.

Tôi mau chóng vùng ra khỏi trạng thái này và bế một đứa trong đám trẻ lên, một bé gái. Người nó chẳng còn chút lực nào và mềm oặt như cái tã. Nó thở đều đặn nhưng vẫn bất tỉnh. Tuy nhiên mắt nó vẫn mở, đưa qua đưa lại như dõi tìm một cái gì. Tôi rút một chiếc đèn pin từ trong túi đồ ra, soi vào đồng tử của nó. Hoàn toàn không phản ứng gì. Đôi mắt vẫn hoạt động ngó nhìn một cái gì đó, nhưng không biểu lộ một phản ứng nào với ánh sáng. Tôi bế mấy đứa khác lên, xem xét – tất cả đều y hệt như thế, không chút phản ứng. Tôi thấy quả là rất kỳ quái.

Tiếp đó, tôi xem mạch và nhiệt độ chúng. Mạch từ 50 đến 55, còn nhiệt độ thì tất cả đều dưới 36°C. Khoảng chừng 35,5° gì đó, theo trí

nhớ của tôi. Đúng – đối với trẻ con ở tuổi này, nhịp mạch này là dưới bình thường, thân nhiệt thấp hơn trung bình đến hơn một độ. Tôi ngửi hơi của chúng, không thấy gì bất bình thường. Họng và lưỡi cũng vậy.

Ngay lập tức, tôi xác định rằng đây không phải những triệu chứng của ngộ độc thức ăn. Không đứa nào nôn mửa hoặc đi ỉa chảy, hoặc tỏ ra đau đớn gì cả. Nếu chúng ăn phải cái gì độc hại thì sau chừng nấy thời gian, ít nhất một trong những triệu chứng đó cũng phải phát lộ. Tôi trút một tiếng thở phào nhẹ nhõm vì biết chắc đây không phải là ngộ độc thức ăn. Nhưng tôi vẫn không dò ra do đâu chúng bị như thế.

Các triệu chứng giống như say nắng. Trẻ con thường gục ngã vì say nắng vào mùa hè. Hiện tượng này tựa như lây nhiễm – hễ một đứa lăn đùng ra, tất cả lũ bạn nó cũng lần lượt gục theo. Nhưng đây là tháng Mười một trong một cánh rừng mát mẻ cơ mà. Nếu một, hai đứa bị say nắng thì còn khả dĩ, nhưng cả mười sáu đứa đồng loạt đổ kềnh thì thật phi lý.

Ý nghĩ tiếp theo của tôi là về khí – một loại khí độc làm tê liệt thần kinh, tự nhiên phát sinh hay nhân tạo. Nhưng có trời biết làm sao khí độc lại có thể xuất hiện giữa một cánh rừng ở cái nơi khỉ ho cò gáy này? Tôi không lý giải nổi. Tuy nhiên, giả thuyết về khí độc khả dĩ còn giải thích được một cách lô gích những gì tôi nhìn thấy hôm đó. Tất cả đã hít phải nó, rồi ngất xỉu và đổ gục tại chỗ. Cô giáo phụ trách không gục vì nồng độ khí không đủ mạnh để quật ngã một người lớn.

Nhưng đến đoạn chữa trị cho bọn trẻ như thế nào thì tôi hoàn toàn hoang mang. Tôi chỉ là một bác sĩ nông thôn, không có kiến thức chuyên môn về khí độc. Chúng tôi ở một tỉnh xa xôi hẻo lánh, không thể gọi một chuyên gia đến được. Thực tế, một số đã khá lên một cách rất từ từ và tôi hy vọng rằng với thời gian, tất cả sẽ hồi tỉnh. Tôi biết đó là một cách nhìn quá lạc quan, nhưng lúc đó, tôi không thể nghĩ ra điều gì khác. Cho nên, tôi đề nghị cứ để chúng nằm yên đó một lúc, chờ xem diễn biến ra sao.

- Có cái gì khác thường trong không khí không?

Chính tôi cũng bận tâm về điểm này, thế nên tôi đã hít mấy hơi thật sâu để xem có phát hiện ra mùi gì bất thường không. Nhưng đó chỉ là cái mùi bình thường của một rừng cây trên đồi – một mùi sảng khoái thơm hương cây. Hoa lá cây cỏ quanh đây cũng chẳng có gì khác thường. Không có gì thay đổi hình dạng hay sắc màu.

Tôi lần lượt xem xét từng chiếc nấm bọn trẻ đã hái. Chẳng nhiều nhặn gì, nên tôi kết luận rằng chúng đã gục ngã không lâu sau khi

bắt đầu hái. Tất cả đều là nấm ăn được rất phổ biến. Tôi làm bác sĩ ở đây đã khá lâu nên biết rõ các loại nấm khác nhau trong vùng. Dĩ nhiên, để cho chắc, tôi gom tất cả lại, mang về nhờ một chuyên gia xem xét giám định. Nhưng tôi có thể nói tất cả đều là nấm thông thường ăn được.

- Ông nói mắt bọn trẻ bất tỉnh vẫn đưa qua đưa lại, nhưng ông có nhận thấy triệu chứng hoặc phản ứng bất bình thường nào khác không? Chẳng hạn kính cỡ của đồng tử, màu của lòng trắng con ngươi, tần số chớp mắt?

Không. Ngoài việc mắt chúng lia qua lia lại như cái đèn quét, không có gì lạ thường. Tất cả các chức năng khác đều hoàn toàn bình thường. Bọn trẻ nhìn vào cái gì đó. Nói cụ thể hơn, chúng không nhìn vào những gì chúng ta có thể thấy, mà vào một cái gì đó chúng ta *không thể thấy*. Đúng hơn, tựa như chúng đang *quan sát* một cái gì chứ không chỉ nhìn. Mặt chúng chủ yếu là không biểu cảm, nhưng nhìn chung, chúng có vẻ bình thản, không sợ hãi hay đau đớn gì. Đó là một trong những lý do khiến tôi quyết định cứ để chúng nằm đó, chờ xem diễn biến ra sao. Tôi quyết định là nếu chúng không đau đớn gì thì cứ để chúng thế một lúc xem sao.

- Ông có nói với ai về giả thuyết là bọn trẻ bị nhiễm hơi độc không?

Có, nhưng không ai tin. Người ta chưa từng nghe nói có ai vào rừng chơi mà bị nhiễm hơi độc. Thế rồi một trong những người có mặt tại đó – hình như là ông hiệu phó – nói rằng có thể đó là hơi độc do máy bay Mỹ thả xuống. Hẳn chúng đã ném xuống một trái bom hơi độc, ông nói. Cô giáo phụ trách liền nhớ ra là đã thấy một cái gì giống như một chiếc B-29 bay rất cao trên bầu trời ngay trước lúc họ bắt đầu lên đồi. Mọi người ồ lên: Chắc là thế! Một loại bơm hơi độc mới sáng chế của Mỹ. Tin đồn về việc Mỹ mới sáng chế một loại bom mới đã lan tới tận miền rừng núi chúng tôi. Nhưng tại sao người Mỹ lại ném thứ vũ khí mới nhất của họ xuống một nơi khỉ ho cò gáy như thế này, điều đó không ai giải thích nổi. Nhưng trong đời sống thường vẫn có những sai trật và không phải cái gì chúng ta cũng hiểu được.

- Vậy sau đó, bọn trẻ dần dần tự hồi phục?

Chính thế. Tôi không thể tả với ông là tôi nhẹ người đi biết nhường nào. Thoạt đầu, chúng bắt đầu ngọ nguậy, rồi chúng lảo đảo ngồi dậy, dần dần tỉnh lại. Trong quá trình đó, không đứa nào kêu đau gì cả. Tất cả diễn ra rất bình lặng như thể chúng thức dậy từ một giấc ngủ sâu vậy. Và với việc hồi tỉnh, sự chuyển động của con mắt chúng trở lại bình thường. Chúng phản ứng bình thường với ánh sáng khi tôi rọi đèn pin vào mắt chúng. Tuy nhiên, phải mất một lúc chúng mới nói trở lại – y như ta vừa thức giấc vậy.

Chúng tôi hỏi từng đứa là điều gì đã xảy đến với chúng, thì tất cả đều ngớ ra như thể bị chất vấn về một chuyện chẳng liên quan gì đến mình. Lên đồi, bắt đầu hái nấm – chừng nấy thì chúng nhớ. Mọi điều sau đó là một khoảng trống hoác. Chúng hoàn toàn không ý thức gì về quãng thời gian ở giữa. Chúng bắt đầu hái nấm, rồi màn tối chụp xuống và giờ thì thấy mình nằm dưới đất, xung quanh toàn người lớn. Bọn trẻ không thể nào hình dung tại sao tất cả chúng tôi đều nháo nhác, trân trân nhìn chúng với vẻ lo lắng đến thế trên nét mặt. Chúng có vẻ sợ chính chúng tôi hơn bất cứ cái gì khác.

Buồn thay, một em không tỉnh lại được. Một bé trai sơ tán từ Tokyo, tên là Satoru Nakata, nếu tôi nhớ không nhầm. Một bé trai xanh xao, nhỏ quắt. Đó là đứa duy nhất vẫn bất tỉnh, nằm sóng soài trên mặt đất, mắt lơ láo, đưa qua đưa lại. Chúng tôi phải cõng nó xuống đồi. Những đứa khác tự đi xuống như không có chuyện gì xảy ra.

- Ngoài thằng bé Nakata, không có đứa nào sau đó biểu hiện triệu chứng gì chứ?

Không, ít nhất là về những dấu hiệu bên ngoài, chúng không biểu hiện triệu chứng gì bất thường cả. Không đứa nào kêu đau hoặc khó chịu. Ngay sau khi trở về trường, tôi lập tức đưa từng đứa một vào phòng y tế để xem xét cho kỹ - lấy nhiệt độ, nghe nhịp tim bằng ống nghe, kiểm tra thị lực. Tôi đã làm mọi việc có thể làm vào thời điểm đó. Tôi bắt chúng làm một vài bài toán số học đơn giản, nhắm mắt đứng lò cò một chân, những thứ đại loại như vậy. Vì mặt thể chất, chúng đều ổn. Chúng không có vẻ mệt và thấy thèm ăn. Vì chưa ăn trưa, tất cả đều kêu đói. Đưa cơm nắm cho chúng, chúng ăn ngấu nghiến.

Mấy hôm sau, tôi ghé qua trường xem tình trạng chúng ra sao. Tôi gọi mấy đứa trẻ vào phòng y tế, đặt câu hỏi kiểm tra. Một lần nữa, mọi sự xem ra đều ổn. Từ cái trải nghiệm kỳ dị ấy, không còn lại dấu vết gì, về thể chất cũng như cảm xúc. Thậm chí chúng không nhớ được chuyện gì đã xảy ra nữa. Chúng dự lớp như mọi khi, ca hát, chơi nhổng trong giờ ra chơi, làm mọi thứ những đứa trẻ bình thường vẫn làm. Tuy nhiên, cô giáo chủ nhiệm của chúng thì khác, có vẻ như cô ta vẫn bị sốc.

Nhưng cậu bé duy nhất bị nhiễm, Nakata, vẫn không hồi tỉnh nên hôm sau chúng tôi đưa nó vào bệnh viện trường đại học ở Kofu. Sau đó, nó được chuyển sang một bệnh viện quân đội và không bao giờ trở lại tỉnh chúng tôi nữa. Tôi không có tin tức gì của nó nữa.

Sự kiện này không hề được đưa lên báo. Tôi đoán là nhà chức trách quyết định rằng nó sẽ chỉ gây hoang mang nên đã cấm không được nhắc tới. Nên nhớ rằng trong thời chiến, quân đội cố gắng dập

tắt tất cả những gì họ cho là tin đồn vô căn cứ. Cuộc chiến tiến triển không thuận lợi, quân đội đang rút lui trên mặt trận phía Nam, các cuộc đột kích tự sát nối tiếp nhau, những cuộc không kích của Mỹ ngày càng dữ dội. Quân đội sợ nhất là những tình cảm chống chiến tranh hoặc hòa bình chủ nghĩa nổi lên trong dân chúng. Mấy ngày sau sự kiện này, cảnh sát được phái đến, họ cảnh báo chúng tôi rằng trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được kể những gì chúng tôi đã thấy.

Toàn bộ vụ việc này thật là kỳ quái và khó chịu. Đến tận hôm nay, nó vẫn như một quả tạ đè lên ngực tôi.

Chương 5

Khi xe buýt qua chiếc cầu mới khổng lồ bắc qua Biển Nội Địa, tôi vẫn đang ngủ. Tôi mới chỉ thấy cây cầu trên bản đồ và vẫn chờ đợi được nhìn thấy nó trong thực tế. Ai đó vỗ nhẹ vào vai tôi, làm tôi thức giấc.

"Này, đến rồi đấy," cô gái nói.

Tôi vươn vai, dụi mắt và nhìn ra ngoài cửa sổ. Quả thật, xe vừa rẽ vào một khoảng rộng tựa như một sân ga. Nắng sớm mai làm bừng sáng cảnh vật. Gần như chói lòa, nhưng cách nào đó, vẫn dìu dịu, ánh sáng này khác hẳn thứ ánh sáng quen thuộc với tôi ở Tokyo.

"Chao, chuyến đi dài ghê," cô uể oải nói. "Lưng dưới tôi như muốn gãy còn gáy thì đau nhừ. Tôi cạch đến già, chẳng bao giờ đáp một chuyến xe buýt chạy thông đêm nữa. Từ nay, tôi sẽ đi máy bay, cho dù có đắt mấy đi nữa. Nhộn nhạo, không tặc, tôi cũng bất cần."

Tôi hạ chiếc vali của cô và balô của tôi từ trên giá hành lý xuống. "Tên chị là gì?"

"Tên tôi ư?"

"Phải."

"Sakura," cô nói. "Còn cậu?"

"Kafka Tamura." tôi đáp.

"Kafka Tamura," cô nhắc lại. "Tên kỳ nhỉ. Nhưng mà dễ nhớ."

Tôi gật đầu. Trở thành một con người khác có thể là khó, nhưng lấy một cái tên khác thì dễ ợt.

Cô xuống xe, đặt va li xuống đất và ngồi luôn lên đó, rồi rút từ chiếc ba lô nhỏ ra một cuốn sổ tay, ghi mấy chữ, xé trang đó đưa cho tôi. Có vẻ như là một số điện thoại.

"Số điện thoại di động của tôi," cô nhăn nhó nói. "Tôi sẽ ở nhà bạn tôi một thời gian, nhưng nếu cậu cảm thấy muốn gặp một ai thì cứ gọi tôi. Chúng ta có thể đi ăn với nhau hay làm gì đó. Đừng có khách sáo nhé. '*Cả những cuộc gặp gỡ tình cờ...*' gì nữa nhỉ?"

"*... cũng là duyên kiếp.*"

"Đúng, đúng," cô nói. "Nhưng thế nghĩa là gì nhỉ?"

"Là mọi sự trên đời đều do kiếp trước của ta định sẵn. Là ngay cả trong những sự kiện nhỏ nhất, cũng không có cái gì là ngẫu nhiên."

Cô ngồi đó, trên chiếc va li màu vàng, sổ ghi cầm trên tay, ngẫm ngợi một lúc." Hừm... đó là một thứ triết học, phải không? Tư duy về cuộc đời theo cách ấy cũng không phải là tồi. Kiểu như một sự đầu thai mới, xu hướng New Age[5] chứ gì. Nhưng Kafka, hãy nhớ điều này nhé, được không? Không phải bất cứ ai tôi cũng cho số điện

thoại di động đâu. Cậu hiểu tôi muốn nói gì chứ?"

Tôi cảm ơn cô về điều đó, gấp mẩu giấy và nhét vào túi áo gió. Nghĩ đi nghĩ lại, tôi bỏ nó vào trong ví, chắc ăn hơn.

"Vậy cậu sẽ ở lại Takamatsu bao lâu?" Sakura hỏi.

"Tôi cũng chưa biết," tôi đáp. "Còn tùy tình hình."

Cô nhìn tôi đăm đăm, đầu hơi nghiêng về một bên. *Ô-kê, dù sao mặc lòng,* hình như cô đang nghĩ vậy. Cô lên một chiếc taxi, khẽ vẫy chào và đi khỏi.

Một lần nữa, tôi lại trơ trọi một mình. *Sakura*, tôi nghĩ - không phải tên chị tôi. Nhưng người ta có thể thay tên đổi họ khá dễ dàng. Nhất là khi người ta đang cố tìm cách trốn tránh.

Tôi đã đặt phòng tại một khách sạn doanh thương ở Takamatsu. Hội Thanh Niên Thiên Chúa Giáo ở Tokyo đã giới thiệu khách sạn này với tôi và qua đó tôi được giảm giá phòng. Nhưng chỉ trong ba ngày đầu thôi, sau đó lại trở về nguyên giá.

Nếu thực sự muốn tiết kiệm, tôi có thể ngủ luôn trên một cái ghế băng trước bến xe, hoặc chui vào túi ngủ nằm vạ vật đâu đó trong một công viên vì ngoài trời hãy còn ấm. Nhưng như vậy cảnh sát sẽ đến và xét giấy tôi - điều duy nhất tôi cần tránh bằng mọi giá. Vì thế tôi quyết định đặt phòng khách sạn, ít nhất là ba hôm. Rồi sau sẽ liệu.

Tại bến xe, tôi tạt vào quán ăn đầu tiên tôi nhìn thấy và đánh chén món udon đến căng bụng. Sinh trưởng ở Tokyo, tôi rất ít có dịp được ăn udon chính hiệu, thứ đặ sản của dảo Shikoku, và giờ đây tôi đang đả một món mì trước nay chưa từng thấy. Nó tươi, nạc và nước dùng mới thơm làm sao! Và giá rẻ bất ngờ! Khoái khẩu đến nỗi tôi còn gọi luôn bát thứ hai, và lần đầu tiên sau không biết bao lâu, tôi nhồi nhét đẫy tễ một cách sung sướng. Sau đó tôi gieo mình xuống một chiếc ghế băng trong quảng trường cạnh bến xe và ngước mắt nhìn lên bầu trời đầy nắng. *Ta đã tự do*, tôi tự nhắc mình. Hoàn toàn tự do và một mình, như đám mây bay ngang trời.

Tôi quyết định giết thời gian cho đến tối trong một thư viện. Từ nhỏ, tôi đã thích tiêu thì giờ trong phòng đọc của các thư viện, cho nên trước khi đến Takamatsu, tôi đã tự trang bị thông tin về tất cả các thư viện trong trung tâm và ngoại vi thành phố này. Thử nghĩ mà xem - một thằng nhóc không muốn về nhà thì chẳng có mấy chỗ mà đi. Tiệm cà phê và rạp chiếu bóng là ngoài tầm. Chỉ còn có thư viện là hoàn hảo - không mất tiền vào cửa, không ai thắc mắc và khó chịu khi thấy một thằng nhóc vào thư viện một mình. Chỉ việc ngồi xuống và đọc bất kỳ cái gì mình muốn. Sau giờ tan trường, tôi thường đạp xe đến thư viện công cộng của quận. Cả những ngày nghỉ cũng có thể tìm tôi ở đấy. Tôi đọc ngấu nghiến đủ mọi thứ - tiểu thuyết, tiểu

sử danh nhân, sách lịch sử, bất cứ cái gì trong tầm tay. Khi đã ngốn hết sách trẻ con, tôi chuyển sang ngăn sách cho người lớn. Có thể tôi không hiểu gì mấy, nhưng tôi vẫn cặm cụi đọc đến trang cuối cùng. Khi nào mệt, tôi vào một cabin, đeo tai nghe, thưởng thức một chút âm nhạc. Tôi không sành nhạc, nên cứ nghe lần lượt cả dãy CD họ xếp ở đó. Chính vì vậy mà tôi biết đến Duke Ellington, nhóm The Beatles và Led Zeppelin.

Thư viện giống như ngôi nhà thứ hai của tôi. Hay có thể nói, đó là nơi chốn thật sự của tôi, thân thiết hơn chính ngôi nhà tôi ở. Do đến đó hằng ngày, tôi quen tất cả các cô thủ thư. Họ biết tên tôi và bao giờ cũng đon đả chào hỏi. Tuy nhiên, hồi đó tôi nhút nhát dễ sợ và chỉ đáp lại lí nhí trong miệng.

Trước khi đến Takamatsu, tôi đã được biết có một phú hộ thuộc một dòng họ lâu đời ở ngoại ô thành phố này đã biến kho sách riêng của mình thành một thư viện tư nhân mở cửa phục vụ công chúng. Ở đây có nhiều sách hiếm và tôi nghe nói bản thân ngôi nhà và khu vườn bao quanh cũng đáng tham quan. Tôi có lần thấy họa báo *Taryo* đăng ảnh chụp nơi này. Đó là một tòa nhà lớn theo phong cách Nhật Bản với cái phòng đọc thực sự sang trọng giống như một phòng khách, trong đó người đọc ngồi trên những chiếc ghế bành nom thật thoải mái. Vì một lý do nào đó, tấm ảnh đó thực sự lưu lại trong trí tôi và tôi rất muốn một ngày nào đó, khi có dịp, sẽ đến xem tận mắt. Nơi này được gọi là Thư viện Tưởng niệm Komura.

Tôi đến phòng thông tin du lịch ở ga, hỏi cách đến đó. Một bà trung niên hòa nhã đánh dấu vị trí trên một tấm bản đồ du lịch và chỉ dẫn tôi phải đi tàu nào, chuyến nào. Một cuốc chừng hai mươi phút, bà giải thích. Tôi cảm ơn bà và ra xem bảng giờ tàu niêm yết ở ga. Cứ khoảng hai mươi phút lại có một chuyến. Còn dư thời gian, tôi đến một quán ăn nhỏ mua một suất trưa mang ra ngoài.

Tàu chỉ có hai toa ghép lại. Đường tàu cắt ngang một khu thương xá cao tầng, rồi đi qua một khu hỗn hợp gồm cả nhà ở lẫn cửa hàng, xí nghiệp lẫn họ hàng. Tiếp đến một công viên và một khu chung cư đang xây dựng. Tôi áp mặt vào cửa kính, hau háu nhìn như nuốt những cảnh vật xa lạ ấy. Tôi ít khi ra khỏi Tokyo, nên nhìn mọi thứ đều tươi, mới. Vào giờ này, con tàu đi ra ngoại ô gần như trống rỗng, nhưng mé ke bên kia lại đầy những học sinh tiểu học và trung học mặc đồng phục mùa hè, cặp sách đeo chéo qua vai. Tất cả đều đi đến trường. Riêng mình tôi đi về hướng ngược lại. Chúng tôi đi trên những tuyến đường khác nhau theo nhiều cách. Đột nhiên, tôi cảm thấy không khí như loãng ra và một cái gì đè nặng lên ngực. Tôi có thực sự hành động đúng không? Ý nghĩ đó khiến tôi cảm thấy đơn côi. Tôi quay lưng lại phía bọn học sinh và ráng không nhìn chúng nữa.

Tàu chạy dọc ven biển một lúc, rồi rẽ vào vùng nội địa, qua những cánh đồng ngô và nho, những triền đồi bậc thang trồng quýt. Lác đác, những hồ tưới tiêu lấp lánh dưới nắng. Một con sông trong mát uốn khúc qua một thung lũng, một dải đất hoang cỏ mọc um tùm. Một chú chó đứng ngay cạnh đường ray ngây ngô nhìn con tàu vút qua. Ngắm nhìn quang cảnh ấy, tôi cảm thấy ấm áp và bình tâm lại. Tôi hít một hơi thật sâu và tự nhủ: "Rồi sẽ ổn thôi. Chỉ có một cách là tiến tới."

Tới ga, tôi theo bản đồ, đi về hướng Bắc, qua những dãy cửa hàng và nhà ở cũ kỹ. Dọc hai bên phố là những tường bao quanh nhà dân. Tôi chưa bao giờ thấy nhiều kiểu tường khác nhau như thế - tường đen bằng ván, tường khối granít, tường đá bên trên có bụi cây. Toàn bộ khu này tĩnh lặng, phố xá vắng tanh. Thảng hoặc mới có một chiếc xe hơi chạy qua. Không khí thoang thoảng mùi biển, chắc là biển cũng gần đây thôi. Tôi lắng tai nhưng không nghe thấy tiếng sóng. Tuy nhiên, tôi nghe thấy văng vẳng từ xa tiếng cưa điện vè vè như ong bay, có lẽ từ một công trường xây dựng. Dọc đường từ ga trở đi, có những biển nhỏ với những mũi tên chỉ về hướng thư viện, nên tôi không thể lạc.

Ngay trước cánh cổng bề thế của Thư viện Tưởng niệm Komura là hai cây mận được xén tỉa gọn gàng. Bên trong, những lối đi rải sỏi ngoằn ngoèo qua những đám cây khác cũng được tỉa đẹp đẽ - thông, mộc lan, đỗ quyên... - không hề thấy một chiếc lá rơi trên mặt đất. Thấp thoáng giữa những bụi cây là những trụ đèn đá và cả một cái hồ nhỏ. Cuối cùng, tôi tới cửa vào thiết kế rất tinh vi. Tôi dừng lại trước cánh cửa mở, tần ngần một lúc. Nơi này không giống bất kỳ thư viện nào tôi từng thấy. Nhưng đã vượt cả một quãng đường dài như thế, dẫu sao tôi cũng phải dấn bước vào. Ngay bên trong cửa, một thanh niên ngồi ở quầy gửi túi. Tôi cởi ba lô, kính râm và mũ.

"Cậu đến đây lần đầu?" anh ta hỏi bằng một giọng bình thản, thư thái. Giọng anh hơi the thé, nhưng dịu dàng, êm ái.

Tôi gật đầu, nhưng không biết nói gì. Câu hỏi đến bất ngờ làm tôi có phần căng thẳng.

Kẹp một cây bút chì dài vừa gọt trong tay, anh ta đăm đăm nhìn tôi một lúc. Cây bút chì màu vàng, có một cái tẩy nhỏ ở đầu kia. Mặt anh ta thuộc loại nhỏ nhắn, nét đều đặn. Xinh xắn, chứ không điển trai nếu muốn mô tả cho chính xác. Anh ta mặc sơ mi vải bông màu trắng, cổ gài cúc hai đầu, quần màu xanh ô-liu, là phẳng phiu. Khi cúi xuống, mái tóc dài xõa xuống trán, thi thoảng anh ta đưa tay vuốt ngược lên. Tay áo xắn đến khuỷu để lộ đôi cổ tay trắng trẻo mảnh dẻ. Cặp kính gọng thanh nhã tinh tế để tôn thêm diện mạo của anh. Tấm thẻ plastic gắn trên ngực anh ghi rõ tên *Oshima*. Không giống loại thủ thư mà tôi thường gặp.

"Cậu cứ thoải mái tìm ở các ngăn sách," anh ta bảo tôi, "nếu thấy cuốn nào cậu thích đọc thì chỉ việc mang ra phòng đọc. Những sách hiếm đều đóng triện đỏ ở trên, muốn đọc phải ghi phiếu yêu cầu. Đằng kia, ở bên phải là phòng tra cứu. Có một danh mục tác phẩm và một máy vi tính cho độc giả sử dụng tìm tư liệu. Không được phép mang sách ra ngoài. Thư viện không có báo và tạp chí. Không được phép mang theo máy ảnh. Và cấm mọi sự sao chép. Muốn ăn, uống, phải ra ngoài, ngồi trên ghế băng. Năm giờ đóng cửa." Anh ta đặt bút chì lên bàn và hỏi thêm: "Cậu đang học trung học?"

"Vâng," tôi đáp sau khi hít một hơi thật sâu.

"Thư viện này có hơi khác với các thư viện mà cậu quen lui tới," anh ta nói. "Chúng tôi chuyên về một số thể loại sách, chủ yếu là sách cổ của các nhà thơ tanka[6] và haiku. Dĩ nhiên chúng tôi cũng có một bộ tuyển các sách đại cương. Phần lớn những người đáp tàu ra tận đây đều làm công việc nghiên cứu trong những lĩnh vực này. Không ai đến đây để đọc cuốn tiểu thuyết mới nhất của Stephen King[7] cả. Thỉnh thoảng cũng có sinh viên đại học đến, nhưng cỡ tuổi cậu thì rất hiếm. Vậy cậu nghiên cứu tanka hay haiku?"

"Không," tôi trả lời.

"Tôi cũng nghĩ thế."

"Thế tôi vẫn được phép vào đọc chứ?" tôi rụt rè hỏi, cố giữ cho giọng khỏi run.

"Dĩ nhiên là được." Anh mỉm cười và đặt cả hai tay lên bàn. "Đây là một thư viện, chính tôi cũng chẳng mê tanka hay haiku gì cho lắm."

"Đây quả là một ngôi nhà đẹp."

Anh gật đầu. "Gia đình Komura là một nhà sản xuất rượu sakê quan trọng từ thời Edo," anh giải thích, "và cha của ông chủ hiện thời là một người mê sách, nổi tiếng toàn quốc về việc bôn ba khắp nước để lùng sách. Bản thân cụ thân sinh ra ông cũng là một nhà thơ và nhiều nhà văn thường ghé lại đây mỗi khi có việc đến Shikoku. Chẳng hạn như Wakayama Bokusui hay Ishikawa Takuboku và Shiga Naoya. Một số trong bọn họ hẳn thấy nơi này rất thoải mái dễ chịu nên đã lưu lại dài dài. Nói chung, gia đình không bao giờ dè sẻn chi tiêu khi đụng đến văn chương nghệ thuật. Điều thường xảy ra với một gia đình như thế, là chung cuộc một hậu duệ sẽ phá tán những gì được thừa kế, nhưng may thay, gia đình Komura đã tránh được cái mệnh ấy. Họ hưởng thụ và duy trì thú chơi sách nhưng mặt khác, bảo đảm tốt công việc kinh doanh."

"Vậy là họ giàu," tôi nói, khẳng định điều hiển nhiên.

"Rất giàu." Môi anh ta hơi bĩu ra. "Không bằng thời kỳ trước chiến tranh, nhưng vẫn còn ối của. Vì thế nên họ vẫn duy trì được một thư

viện tuyệt vời như thế này. Cố nhiên, biến nó thành một cơ sở lợi ích công cộng giúp họ giảm được thuế thừa kế, nhưng đó là chuyện khác. Nếu cậu thực sự quan tâm đến ngôi nhà này, tôi khuyên cậu nên theo một đoàn du lịch đến đây vào hồi hai giờ. Mỗi tuần chỉ có một buổi tham quan có hướng dẫn vào chiều thứ Ba, tình cờ lại đúng vào ngày hôm nay. Trên tầng hai, có một bộ sưu tập tranh và ký họa quý hiếm và, riêng về mặt kiến trúc, ngôi nhà này cũng đủ mê hồn. Tôi biết cậu sẽ rất thích."

"Cám ơn anh," tôi nói.

"Không có gì," nụ cười của anh ngụ ý vậy. Anh lại cầm cây bút chì lên, dỗ dỗ đầu có tẩy xuống mặt bàn như thể khuyến khích tôi.

"Anh có phải là người hướng dẫn không?"

Oshima mỉm cười. "Không, tôi chỉ là trợ lý quèn thôi. Phụ trách ở đây là một bà tên là Saeki - sếp của tôi. Bà ấy là bà con với nhà Komura. Đích thân bà sẽ hướng dẫn khách tham quan. Tôi dám chắc cậu sẽ thích bà ấy. Một con người tuyệt vời."

Tôi vào phòng lưu trữ có trần cao và lang thang giữa những giá sách, tìm một cuốn nào có vẻ lý thú. Những xà gồ đẹp chạy ngang trần nhà và nắng sớm êm dịu đầu hạ rọi chiếu qua khung cửa sổ rộng mở. Tiếng chim ríu rít ngoài vườn lọt vào. Chắc chắn đám sách trên những giá trước mặt tôi chủ yếu là về thơ cổ điển Nhật Bran như Oshima nói. Tanka và haiku, tiểu luận về thơ, tiểu sử của các nhà thơ. Cũng có một lô sách về lịch sử địa phương. Một giá ở cuối phòng chứa các loại sách khoa học nhân văn đại cương - các tuyển tập văn học Nhật Bản và thế giới, trước tác của từng nhà văn riêng rẽ, sách kinh điển, sách triết học, kịch, lịch sử nghệ thuật, xã hội học, địa lý... Mỗi lần tôi mở những cuốn sách ấy, một mùi của thời xưa lại phả ra từ những trang chữ - cái mùi đặc biệt của tri thức và những cảm xúc từ bao đời nay vẫn an nghỉ giữa những tấm bìa. Tôi hít cái mùi đó vào, lướt qua vài trang trước khi đặt trả mỗi cuốn về kệ của nó.

Cuối cùng, tôi quyết định chọn một tập trong bộ *Nghìn Lẻ Một Đêm*, bản dịch của Burton, bìa đẹp, và mang về phòng đọc. Từ lâu, tôi đã muốn đọc cuốn sách này. Vì thư viện vừa mới mở cửa, chưa có ai khác đến, nên một mình tôi chiếm lĩnh cả phòng đọc sang trọng. Nó đúng hệt như trong bức ảnh trên tờ họa báo - rộng rãi, trần cao, tiện nghi. Thi thoảng, một làn gió nhẹ thổi qua cửa sổ để ngỏ, tấm rèm trắng khẽ sột soạt trong không khí thoang thoảng mùi biển. Và chiếc ghế bành mới thoải mái làm sao! Một chiếc dương cầm cổ kê trong góc. Toàn bộ khung cảnh khiến tôi cảm thấy như đang ở trong nhà một người bạn thân.

Một ý nghĩ chợt đến với tôi trong khi thả mình thư giãn trên chiếc ghế bành và nhìn quanh phòng. Đây đích thị là nơi tôi vẫn tìm kiếm từ trước tới nay. Một nơi ẩn náu đâu đó giữa lòng đô thành. Xưa nay,

tôi vẫn nghĩ về nó như một chỗ bí mật tưởng tượng và hầu như không tin rằng nó *thực sự hiện hữu*. Tôi nhắm mắt lại, hít một hơi thật sâu và để cho sự kỳ diệu của phát hiện mới này trùm lên tôi như một đám mây êm nhẹ. Tôi chậm rãi ve vuốt lớp bọc màu kem của ghế bành, rồi đứng dậy đi tới chiếc dương cầm, mở nắp và đặt cả mười đầu ngón tay lên dãy phím màu ngà. Tôi đóng nắp và bước trên tấm thảm bạc màu có họa tiết dàn nho đi ngang qua phòng, tới chỗ cửa sổ và thử xoay xoay quả đấm. Tôi bật rồi tắt đèn sàn, xem xét kỹ tất cả những tranh treo trên tường. Cuối cùng, tôi trở lại ngồi phịch xuống ghế, đọc tiếp từ chỗ bỏ dở trong cuốn *Nghìn Lẻ Một Đêm*.

Đến trưa, tôi mang chai nước khoáng và hộp đựng bữa trưa ra hàng hiên trông ra vườn ngồi ăn. Nhiều loại chim khác nhau bay lượn trên đầu, chấp chới từ cây này sang cây kia hoặc sà xuống hồ để uống nước hay rỉa lông. Có một số loại trước đây tôi chưa từng thấy. Một chú mèo nâu xuất hiện như dấu hiệu cảnh báo khiến chúng bay tản đi, mặc dầu chú mèo có vẻ chẳng thiết gì mấy con chim nhãi nhép. Chú chỉ muốn nằm ườn xác trên những bậc đá mà tận hưởng ánh nắng ấm áp.

"Hôm nay trường cậu đóng cửa à?" Oshima hỏi khi tôi quay trở về phòng đọc và bỏ chiếc ba lô xuống.

"Không," tôi đáp, cẩn thận lựa chọn từng chữ, "nhưng tôi vừa quyết định nghỉ một thời gian."

"Không chịu đến trường?" anh ta nói.

"Tựa như thế."

Oshima nhìn tôi với vẻ rất quan tâm: "Tựa như thế?"

"Không phải là tôi không chịu đến trường, mà là tôi vừa quyết định không đi học nữa."

"Cứ thản nhiên như không, tự mình quyết định thôi học?"

Tôi chỉ gật đầu. Tôi không biết trả lời ra sao.

"Theo Aristophanes trong *Tiệc* của Platon, trong thế giới huyền thoại cổ xưa có ba loại người," Oshima nói. "Cậu có nghe nói về điều này không?"

"Không."

"Thời xưa, con người không chỉ đơn thuần là đực hay cái, mà thuộc một trong ba loại này: đực/đực, đực/cái, hay cái/cái. Nói cách khác, mỗi người được tạo nên bằng những thành tố của hai người. Ai nấy đều bằng lòng với sự sắp đặt ấy và chẳng bao giờ nghĩ ngợi lôi thôi về chuyện đó cả. Nhưng rồi một hôm Thượng Đế mới lấy dao bổ đôi mỗi người, chia dọc từ chính giữa. Thế nên sau đó, thế giới mới chia rạch ròi thành nam và nữ, kết quả là suốt đời con người cứ chạy nháo nhào, cố tìm cái nửa thiếu kia của mình."

"Tại sao Thượng Đế lại làm thế?"

"Chia con người làm hai ấy à? Tôi cũng chịu. Công việc của Thượng Đế là bí ẩn. Những thứ như: cơn thịnh nộ của Chúa, cái kiểu lý tưởng chủ nghĩa thái quá, vân vân, ai mà hiểu được. Tôi đoán đây là một sự trừng phạt đối với một tội lỗi gì đó. Như trong Kinh Thánh, Adam và Eva bị đuổi khỏi vườn Địa Đàng ấy."

"Tội tổ tông truyền," tôi nói.

"Đúng thế, tội tổ tông truyền," Oshima kẹp cây bút chì giữa ngón giữa và ngón trỏ, khẽ đu đưa như để thử độ thăng bằng. "Dù sao, tôi vẫn thấy con người ta sống một mình thật là khó."

Quay về phòng đọc, tôi đọc tiếp "Truyện anh hề Abu-I-Hasan," nhưng đầu óc tôi cứ lang bang ra khỏi cuốn sách. *Đực/đực, đực/cái và cái/cái?*

Đến hai giờ tôi đặt sách xuống, đứng dậy khỏi ghế và đi theo đoàn tham quan tòa nhà. Miss[8] Saeki trực tiếp hướng dẫn đoàn. Đó là một phụ nữ mảnh dẻ, khoảng 45-46 tuổi, theo ước đoán của tôi. Bà hơi cao so với thế hệ của mình. Bà mặc áo dài xanh lơ ngắn tay, ngoài khoác áo jakét đan màu kem, tư thế rất đàng hoàng. Tóc dài buộc lỏng sau gáy, mặt rất tao nhã và thông minh với đôi mắt đẹp và một nụ cười luôn thấp thoáng trên môi. Tôi không biết diễn tả thế nào, nhưng quả là nụ cười ấy tạo nên một cảm giác hoàn hảo, nó khiến tôi nghĩ đến một đốm nắng tươi, một đốm nắng đặc biệt chỉ có thể bắt gặp ở một nơi biệt lập. Ngôi nhà tôi ở Tokyo có một nơi như thế và từ nhỏ, tôi đã thích ngắm những đốm nắng như thế.

Người phụ nữ này gây một ấn tượng mạnh đối với tôi, khiến tôi cảm thấy nao nao nhớ. Giá bà là mẹ tôi thì tuyệt biết mấy! Tôi thường có ý nghĩ như vậy mỗi lần gặp một phụ nữ trung niên đáng yêu. Xác suất Miss Saeki là mẹ tôi hầu như là số không, tôi biết vậy. Tuy nhiên, vì tôi không hề biết mặt mẹ tôi, thậm chí cũng chẳng nhớ tên, nên khả năng ấy *vẫn* tồn tại, đúng không? Không có gì loại trừ nó hoàn toàn.

Gọi là đoàn tham quan nhưng ngoài tôi ra chỉ có một cặp trung niên đến từ Osaka. Bà vợ thấp, béo tròn, đeo kính dày như đít chai. Ông chồng gày gò, tóc thô cứng đến nỗi tôi chắc phải dùng bàn chải sắt thay vì lược mới trị nổi. Mắt nhỏ, trán rộng, khiến tôi nhớ đến một pho tượng ở một hòn đảo phía Nam đứng dõi mắt về phía chân trời. Bà vợ cứ một mình làm cả cuộc trò chuyện đơn phương, ông chồng thỉnh thoảng ậm ừ tiếng một để cho bà biết là ông còn sống. Ngoài ra, chốc chốc ông lại gật đầu để tỏ ra tán thưởng một cách đúng mức, hoặc giả lầm rầm một câu bình luận nhát gừng mà tôi không sao nghe ra. Cả hai đều nai nịt như để leo núi chứ không phải để tham quan thư viện, mỗi người mặc một chiếc áo vest chống mưa có hàng tỉ túi, đi ủng thắt dây chằng chịt và đội mũ đi rừng. Có thể là

bao giờ họ cũng ăn mặc thế khi đi du lịch cũng nên. Họ có vẻ cũng đàng hoàng, tôi không phải là kẻ thấy sang bắt quàng làm họ, nhưng có họ tôi yên trí hơn vì không phải là khách tham quan duy nhất.

Miss Saeki bắt đầu thuyết minh về lịch sử của thư viện - về cơ bản cũng giống như Oshima đã kể với tôi. Gia đình Komura đã quyết định cống hiến thư viện cho sự nghiệp phát triển văn hóa của vùng bằng cách để cho công chúng đến với bộ sưu tập sách và tranh tích lũy qua nhiều thế hệ. Một quỹ tài trợ, lập trên cơ sở gia sản nhà Komura, hiện quản lý thư viện này và thỉnh thoảng bảo trợ những sinh hoạt văn hóa như thuyết trình, hòa nhạc thính phòng, v.v... Bản thân tòa nhà được xây từ đầu thời Minh Trị (1868), với hai chức năng: thư viện gia đình và nhà khách. Đến thời Taisho (1905), nó được cải tiến hoàn toàn - cất thêm một tầng và những phòng khách trú đẹp dành cho các nhà văn và nghệ sĩ đến thăm. Từ thời Taisho đến đầu thời Showa (1925), nhiều văn nghệ sĩ nổi tiếng đến thăm gia đình Komura đã để lại những vật lưu niệm - thơ phú, tranh, ký họa - để cảm tạ lòng hiếu khách của họ.

"Các vị có thể chiêm ngưỡng một số hiện vật chọn lọc từ bộ sưu tập quý giá này ở gallery tầng hai," Miss Saeki nói thêm. "Trước Thế chiến thứ hai, văn hóa vùng này phong phú lên chính là nhờ những nhà giàu sành điệu như gia đình Komura hơn là do những cố gắng của chính quyền địa phương. Nói tóm lại, họ là những Mạnh Thường Quân văn nghệ. Một trong những lý do khiến tỉlh Kagawa sản sinh ra nhiều thi sĩ tanka và haiku tài năng là sự tận tâm của gia đình Komura dốc lòng dốc sức xây dựng và ủng hộ văn hóa nghệ thuật địa phương. Rất nhiều sách, tiểu luận và hồi ức hấp dẫn về lịch sử những giới nghệ thuật ấy đã được xuất bản, các vị có thể tìm thấy tất cả trong phòng đọc của chúng tôi. Hy vọng các vị bỏ thời gian ngó qua những sách ấy."

"Qua bao năm lưu truyền, các chủ gia đình dòng họ Komura đều rành nghệ thuật, đặc biệt tinh tế trong việc đánh giá những gì thực sự xuất sắc. Cái đó tựa như có sẵn trong máu vậy. Họ là những Mạnh Thường Quân nghệ thuật rất tinh, bao giờ cũng hỗ trợ những tài năng đích thực mang những hoài bão cao nhất, sáng tạo những tác phẩm xuất chúng. Nhưng như các vị thừa biết, trong nghệ thuật không có cái gọi là con mắt tuyệt đối hoàn hảo. Rủi thay, một số nghệ sĩ kiệt xuất lại không chiếm được sự ưu ái của họ hoặc không được đón nhận một cách xứng đáng. Một trong những người đó là nhà thơ haiku Taneda Santoka. Theo sổ tiếp tân, Santoka đã lưu lại đây nhiều lần, mỗi lần đều để lại thơ và tranh vẽ. Tuy nhiên, chủ nhân lại gọi ông là "một tên ăn xin khoác lác," không muốn dây dưa với ông ta và trên thực tế đã vứt bỏ phần lớn những tác phẩm ấy."

"Thật phí phạm ghê gớm," bà khách từ Osaka nói, tỏ ra thực sự

tiếc. "Ngày nay, tác phẩm nguyên bản của Santoka cao giá lắm."

"Bà nói chí lý," Miss Saeki tươi cười nói. "Nhưng hồi đó, chưa ai biết đến Santoka, nên có lẽ điều đó là tất yếu. Có nhiều điều mãi về sau ta mới thấy rõ."

"Bà nói đúng," ông chồng xen vào.

Sau đó, Miss Saeki dẫn chúng tôi đi quanh tầng một, chỉ cho chúng tôi xem các giá lưu trữ, phòng đọc, bộ sưu tập sách hiếm.

"Khi xây dựng thư viện này, vị chủ gia đình quyết định không theo cái phong cách giản dị và tao nhã được các nghệ sĩ ở Kyoto ưa chuộng, mà chọn một cái thiết kế giống một ngôi nhà thôn dã hơn. Tuy nhiên, như các vị có thể thấy, tương phản với cấu trúc thô nhám của tòa nhà, đồ đạc và khung tranh lại rất tinh chế và lộng lẫy. Chẳng hạn, hình chạm khắc trên những tấm ván gỗ này rất tao nhã. Tất cả các nghệ sĩ tài hoa nhất ở Shikoku đã được tập hợp để tham gia xây dựng công trình này."

Chúng tôi bắt đầu lên gác, phía trên cầu thang là một trần vòm cao vút. Tay vịn bằng gỗ mun được đánh bóng đến mức tưởng như nếu chạm tay vào thì ắt sẽ in hằn dấu. Trên một cửa kính mờ kề sát chiếu nghỉ, một chú hươu vươn cổ gặm lá nho. Tầng hai có hai phòng khách và một sảnh rộng mà hồi xưa hẳn la liệt chiếu tatami trải khắp sàn, phục vụ cho các buổi đại tiệc và hội họp. Ngày nay, sàn gỗ trống trơn và tường treo đầy những bản thư pháp đóng khung, tranh trục cuốn và tranh theo phong cách Nhật Bản. Ở giữa, một tủ kính bày những vật lưu niệm với lai lịch của từng thứ. Phòng kiểu Tây có một bàn giấy lớn và một ghế xoay hình như vẫn có người đang dùng. Bên ngoài cửa sổ sau bàn giấy là một rặng thông qua đó thấp thoáng đường chân trời.

Cặp vợ chồng từ Osaka dạo quanh phòng khách, xem kỹ tất cả các hiện vật trưng bày, đối chiếu với những chú giải trong tờ hướng dẫn. Mỗi khi bà vợ bình luận câu gì, ông chồng lại phụ họa theo. Một cặp uyên ương tâm đầu ý hợp về mọi điểm. Những vật trưng bày không hấp dẫn tôi lắm, nên tôi chú mục vào những chi tiết kiến trúc. Trong khi tôi đang sục sạo quanh phòng khách Tây, Miss Saeki lại gần và bảo: "Em có thể ngồi vào chiếc ghế này nếu em muốn. Shiga Naoya và Tanizaki, cả hai đều đã từng ngồi ở đây một đôi lần. Dĩ nhiên, dạo ấy chưa có chiếc ghế này."

Tôi ngồi xuống chiếc ghế xoay và lặng lẽ đặt tay lên bàn giấy.

"Thế nào? Cảm thấy như mình có thể viết nên một cái gì chứ?"

Tôi hơi đỏ mặt và lắc đầu. Miss Saeki cười và quay lại chỗ cặp vợ chồng. Từ chỗ chiếc ghế, tôi quan sát cung cách của bà, thảy cử chỉ nào cũng tự nhiên và thanh lịch. Tôi không thể diễn đạt được trọn vẹn, nhưng quả thật là có một cái gì *đặc biệt* nơi dáng điệu của bà,

như thể bằng cách quay lưng lại, bà đang nói với tôi một điều gì mà khi đối mặt tôi bà không thốt lên được. Nhưng đó là *điều gì*, thì tôi chịu, không sao biết được. Phải chấp nhận thôi, tôi tự nhắc nhở mình - có hàng tỉ điều mày không sao biết được đâu.

Vẫn ngồi ở ghế, tôi lia mắt nhìn bao quát căn phòng. Trên tường có một bức sơn dầu, rành là vẽ bờ biển ngay gần đây. Tranh vẽ theo lối cổ, nhưng màu còn tươi và sống động. Trên mặt bàn có một cái gạt tàn lớn và một cái đèn có chụp màu lam. Tôi bật công tắc và dĩ nhiên là đèn sáng lên. Mé tường đối diện treo một chiếc đồng hồ, ngó bộ từ thời hồng hoang nào đó, tuy kim vẫn chỉ đúng giờ. Sàn gỗ đôi chỗ bị thủng và hơi cót két dưới chân.

Cuối buổi tham quan, cặp vợ chồng từ Osaka cảm ơn Miss Saeki rồi biến mất. Hóa ra họ là thành viên của một câu lạc bộ tanka ở vùng Kansai. Tôi tự hỏi không biết họ làm cái thứ thơ gì - nhất là ông chồng. Chỉ ậm ừ và gật đầu thì làm sao ra thơ. Nhưng biết đâu một tài năng tàng ẩn lại bộc lộ khi ông ta viết thơ.

Tôi quay lại phòng đọc và đọc tiếp từ chỗ bỏ dở trong cuốn *Nghìn Lẻ Một Đêm*. Trong buổi chiều, có thêm một số độc giả khác, phần lớn đeo kính - loại kính người già thường đeo và khi đeo vào, trông ai nấy đều như nhau. Thời gian qua chậm. Không ai nói một lời, tất cả đều im lặng đọc miệt mài. Có một người ghi chép, nhưng số còn lại ngồi im, hoàn toàn chìm đắm vào những trang sách. Y như tôi.

Năm giờ, tôi gấp sách, đặt trả lại trên giá. Ra đến cửa, tôi hỏi: "Buổi sáng, mấy giờ thư viện mở cửa?"

"Mười một giờ," Oshima trả lời. "Cậu định mai quay lại à?"

"Nếu không có gì phiền hà."

Oshima nheo mắt nhìn tôi. "Tất nhiên là không. Thư viện là nơi dành cho những người muốn đọc. Tôi sẽ rất vui nếu cậu trở lại. Tôi hỏi khí không phải: bao giờ cậu cũng đeo cái ba lô này trên lưng à? Coi bộ nặng nhỉ. Có cái quái gì trong ấy vậy? Những thoi vàng chăng?"

Tôi đỏ mặt.

"Đừng lo - tôi không thực sự tìm cách vạch vòi gì đâu." Oshima ấn đầu có tẩy của cây bút chì vào thái dương bên phải. "Vậy thì mai gặp lại nhé."

"Tạm biệt," tôi nói.

Thay vì giơ tay chào, anh ta vẫy cây bút chì.

Tôi đáp tàu trở về Takamatsu. Tôi ghé vào ăn tối trong một nhà hàng rẻ tiền ở gần ga, gọi món sườn gà và xa-lát. Tôi lấy thêm một bát cơm và uống một cốc sữa nóng sau bữa ăn. Ở một siêu thị mini bên ngoài, tôi mua một chai nước khoáng và hai nắm cơm phòng khi

đói bụng vào lúc nửa đêm, rồi đi về khách sạn. Tôi giữ nhịp bước không quá nhanh, cũng không quá chậm, bình thường như mọi người khác, nên không ai để ý đến tôi.

Khách sạn khá lớn, một khách sạn kinh doanh hạng hai điển hình. Tại quầy tiếp tân, tôi ghi Kafka thay vì tên thật của mình, khai man tuổi, cho địa chỉ ma trong phiếu đăng ký và trả tiền cho một đêm. Tôi hơi chờn chợn, nhưng không một nhân viên tiếp tân nào tỏ vẻ nghi ngờ. Không có ai la lớn *Này, chúng tao biết tỏng mưu mẹo của mày, thằng nhóc mười lăm tuổi ranh trốn nhà đi hoang!* Mọi sự êm ru, hợp thức như thường lệ.

Thang máy đưa tôi lên tầng sáu trong tiếng lách cách dễ sợ. Căn phòng nhỏ xíu, với thiết bị bao gồm một cái giường gớm guốc, một cái gối cứng như đá, một thứ đồ gỗ con con gọi là bàn, một chiếc tivi bé tẹo, những tấm rèm bạc phếch vì dãi nắng. Buồng tắm bằng cái lỗ mũi, chẳng có dầu gội đầu cũng như các thứ dung dịch vệ sinh khác. Nhìn ra ngoài cửa sổ, chỉ thấy bức tường nhà bên. Tuy nhiên, tôi không nên phàn nàn vì dù sao tôi cũng có một mái nhà trên đầu và nước nóng chảy ra từ vòi nước. Tôi quẳng ba lô xuống sàn, ngồi vào ghế, ráng thích ứng với môi trường xung quanh.

Ta tự do rồi, tôi tự nhủ. Tôi nhắm mắt lại và cố suy nghĩ thật sâu, thật kỹ xem mình tự do đến mức nào, nhưng không sao nắm được đầy đủ ý nghĩa của điều đó. Tôi chỉ biết là mình hoàn toàn trơ trọi. Hoàn toàn một mình ở một nơi xa lạ, như một nhà thám hiểm đơn độc vừa mất cả la bàn lẫn bản đồ. Phải chăng tự do có nghĩa là thế? Tôi chẳng biết và tôi bỏ cuộc, thôi không nghĩ về điều đó nữa.

Tôi vặn nước nóng, tắm thật lâu, đánh răng thật kỹ trước bồn rửa mặt. Tôi gieo mình xuống giường, nằm đọc, đọc chán lại xem tin trên tivi. Nhưng so với những gì tôi đã trải qua trong ngày hôm ấy, tin tức có vẻ nhạt nhẽo và chán phèo. Tôi tắt tivi và chui vào chăn. Đã mười giờ đêm, nhưng tôi vẫn kkhông sao ngủ được. Một ngày mới ở một nơi mới toanh. Lại là sinh nhật lần thứ mười lăm của tôi nữa - mà tôi đã qua phần lớn thời gian tại các thư viện khác thường, đáng yêu đó. Tôi đã gặp một số người mới: Sakura, Oshima, Miss Saeki. Ơn trời, chẳng có ai đáng sợ cả. Phải chăng đó là một điềm lành?

Tôi nghĩ đến ngôi nhà của mình ở Nogata, Tokyo, đến cha tôi. Liệu ông cảm thấy thế nào khi phát hiện ra là tôi đột nhiên biến mất? Nhẹ nhõm chăng? Bối rối? Hoặc thậm chí là chẳng cảm thấy gì cả. Tôi dám cược là ông thậm chí chưa nhận thấy sự vắng mặt của tôi nữa kia.

Tôi chợt nhớ đến chiếc điện thoại di động của cha tôi và lấy ra khỏi ba lô. Tôi bật máy và bấm số điện thoại của nhà tôi. Chuông réo, cách hơn 700 cây số mà rõ như ở phòng bên cạnh. Chột dạ, tôi tắt máy sau hồi chuông thứ hai. Tim tôi vẫn đập dồn. Máy di động

vẫn hoạt động, có nghĩa là cha tôi chưa hủy hợp đồng. Có thể ông chưa nhận thấy nó đã biến khỏi bàn giấy của mình. Tôi nhét trở lại chiếc máy di động vào ba lô, tắt đèn và nhắm mắt lại. Đêm ấy, tôi chẳng mộng mị gì cả. Ngẫm lại, đã bao lâu nay tôi không nằm mơ.

Chương 6

“Xin chào,” lão già nói lớn.

Con mèo đen già, to gộc, hơi nghếch đầu lên và khẽ chào lại bằng một giọng mệt mỏi.

“Chúng ta đang hưởng một đợt thời tiết rất đẹp.”

“Ừm,” mèo nói.

“Trời không một vẩn mây.”

“… tạm thời thôi.”

“Vậy thời tiết sẽ xấu đi ư?”

“Có vẻ như chiều tối nay trời sẽ đầy mây.” Mèo đen duỗi một chân ra rồi nheo mắt nhìn lão già hồi lâu.

Cười toét miệng, lão nhìn đối lại. Mèo ta do dự một lúc, rồi quyết định nói toẹt ra: “Hừm… vậy ra bác biết tiếng bọn tôi.”

“Đúng vậy,” lão già bẽn lẽn nói. Để tỏ lòng kính trọng, lão ngả chiếc mũ bông đi núi mòn xơ. “Không phải gặp chú mèo nào lão cũng nói được, mà chỉ nhằm khi thuận lợi thôi. Như lúc này đây.”

“Hay đấy,” mèo nói gọn lỏn.

“Lão ngồi xuống bên cậu một lát được không? Nakata này đi bộ hơi mệt rồi.”

Mèo đen uể oải đứng dậy, ria mép rung rung, và ngáp một cái đến sái quai hàm. “được thôi. Hay đúng hơn, tôi đâu có quyền. Bác thích ngồi đâu thì ngồi. Chẳng ai phiền đâu.”

“Rất cám ơn,” lão già nói và ngồi xuống cạnh mèo đen. “Chà, lão đã đi bộ suốt từ sáu giờ sáng hôm nay.”

“Ừm… vậy theo tôi hiểu, bác là Nakata?”

“Đúng thế. Tên lão là Nakata. Còn cậu?”

“Tôi quên tên mình rồi,” mèo nói. “Tôi đã từng có một cái tên, tôi biết thế, nhưng đến một lúc nào đó tôi không cần đến nó nữa. Vậy là nó tuột béng ra khỏi đầu.”

“Tôi biết. Thật dễ quên những thứ mà ta không cần nữa. Nakata cũng hệt như thế đó,” lão già vừa nói vừa gãi đầu. “Vậy, thưa Cậu Mèo, cậu nói là cậu không thuộc một nhà chủ nào?”

“Lâu lắm rồi, tôi đã từng có chủ. Nhưng bây giờ thì thôi rồi. một vài gia đình ở quanh đây thi thoảng cho tôi cái ăn, nhưng không ai là chủ sở hữu của tôi cả.”

Nakata gật đầu, im lặng một lát rồi nói: “Vậy cậu có phiền không nếu tôi gọi cậu là Otsuka?”

“Otsuka?” mèo ngạc nhiên nhìn lão già. “Bác nói chuyện gì lạ vậy? Tại sao tôi lại phải là Otsuka?”

“Chẳng vì lý do đặc biệt nào cả. Cái tên chợt đến trong đầu lão. Nakata này cứ chọn đại thế thôi. Có một cái tên để gọi, mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn bao nhiêu. Như thế, một kẻ kém thông minh như lão mới có thể sắp xếp mọi sự đâu ra đấy. Chẳng hạn, lão có thể nói: *Vào ngày ấy tháng ấy, mình đã nói chuyện với mèo đen Otsuka ở một bãi trống trong Khu 2 Quận X.* Nó giúp cho lão nhớ.”

“Hay đấy,” mèo nói. “Tuy nhiên, tôi chưa hiểu rõ hoàn toàn. Bọn mèo chúng tôi không có tên vẫn ổn. bọn tôi dựa vào mùi, hình khối, những thứ đại loại như thế. Chừng nào bọn tôi biết những cái í, thì chẳng lo gì.”

“Nakata hiểu hoàn toàn. Nhưng, Otsuka, cậu biết đấy, con người lại khác. Chúng tôi cần có ngày tháng và tên để nhớ mọi thứ chuyện.”

Mèo ta khịt mũi một cái. “Tôi nghe nó phiền toái thế nào í.”

“Hoàn toàn đúng. Chúng tôi có quá nhiều thứ phải nhớ, đó *quả là* phiền toái. Nakata này phải nhớ tên ông Tỉnh trưởng, số các chuyến xe buýt, vân vân. Dù sao cậu cũng không phản đối tôi gọi cậu là Otsuka chứ? Có thể nó hơi chướng tai cậu chăng?”

“Chà, đã nhắc đến chuyện í, thì phải nói là nó không êm tai… nhưng cũng không đến nỗi *chướng* tai lắm, bác hiểu chứ. Cho nên tôi chẳng thực sự phiền lòng. Bác muốn gọi tôi là Otsuka cũng được. Tuy nhiên, tôi phải nói rằng nghe nó không đúng với tôi.”

“Nakata này rất hài lòng nghe cậu nói vậy. Rất cám ơn, Cậu Otsuka.”

“Tôi phải nói rằng với tư cách một con người, bác có cách nói năng hơi khác thường đấy,” Otsuka bình luận.

“Phải, ai cũng bảo lão thế. Nhưng Nakata chỉ có thể nói năng cách ấy thôi. Lão cố nói năng bình thường, nhưng nó cứ ra như thế. Nakata này chẳng sáng dạ gì, cậu thấy đấy. không phải bao giờ lão cũng thế, song dạo bé lão bị tai nạn, thế là từ đấy đâm ra đần độn. Nakata này không biết viết, cũng chẳng đọc được sách báo chi cả.”

“Không phải khoe mẽ, chứ tôi đây cũng chẳng biết viết,” mèo vừa nói vừa liếm bàn chân phải. “Tuy nhiên, tôi có thể nói trí khôn tôi là trung bình, cho nên tôi chẳng bao giờ thấy đó là bất tiện.”

“Trong thế giới loài mèo, đó là lẽ thường,” Nakata nói. “Nhưng trong thế giới loài người, nếu anh không biết đọc biết viết, anh sẽ bị coi là đần độn. Cha của Nakata này – cụ mất lâu lắm rồi – là một giáo sư nổi tiếng ở một trường đại học. Cụ chuyên về một môn gọi là *lía luận mẽo thuật*. Lão có hai cậu em trai và cả hai đều rất thông minh sáng láng. Một cậu làm ở một công ty, giữ chức *chưởng buồng*.

Cậu kia làm ở một nơi gọi là *Bộ xương mại và công nghiệp*. Cả hai sống trong những nhà to tướng và ăn lươn hàng ngày. Chỉ riêng Nakata này là không sáng dạ thôi."

"Nhưng bác lại có khả năng nói được với mèo."

"Cái đó thì đúng," Nakata nói.

"Vậy xét cho cùng, bác đâu đến nỗi đần độn."

"Ừ. Mà không… lão muốn nói thế này, Nakata này không thực sự biết thế, nhưng từ dạo bé, người ta cứ không ngừng bảo: *mày là thằng đần, mày là thằng đần*, nên lão đoán mình đúng là vậy. Lão không đọc được tên các ga, thành thử không mua được vé mà đi tàu. Tuy nhiên, nếu lão chìa thẻ *khiết tật* ra thì họ để cho lão đáp xe buýt thành phố."

"Hay đấy…" Otsuka nói mà chẳng tỏ ra quan tâm mấy.

"Nếu không biết đọc biết viết thì không kiếm được việc làm."

"Vậy bác sống bằng gì?"

"Lão có *chợ cấp*."

"*Chợ cấp?*"

"Lão được Tỉnh trưởng cho tiền, cho ở một căn buồng nhỏ trong chung cư *Shoeiso* ở Nogata, ngày ăn ba bữa."

"Nghe có vẻ là một cuộc sống khá tốt. Ít nhất là đối với tôi."

"Cậu nói đúng. *Quả* là một cuộc sống khá tốt. Nakata này có một mái nhà che mưa nắng và đủ mọi thứ cần thiết. Và thi thoảng, như lúc này đây, người ta nhờ lão đi tìm mèo và khi nào tìm được thì họ cho chút đỉnh. Nhưng điều này lão phải giữ bí mật, không cho ngài Tỉnh trưởng biết, nên cậu đừng nói với ai. Họ có thể cắt bớt *chợ cấp* của tôi nếu họ phát hiện ra là tôi kiếm thêm được tí tiền lẻ. Chả nhiều nhặn gì, nhưng nhờ đó, thi thoảng lão cũng được biết mùi lươn. Nakata này rất khoái lươn."

"Tôi cũng thích lươn. Nhưng tôi mới được ăn có một lần, mà đã từ lâu lắm rồi, đến nỗi tôi chả còn nhớ mùi vị nó ra sao nữa."

"Lươn quả là một món tuyệt vời. nó có một cái gì khác hẳn so với các món ăn khác. Các món khác có thể thay thế, nhưng lươn thì, theo lão biết, không gì thay thế được."

Trên con đường phía trước bãi đất trống, một gã thanh niên dắt một con chó săn Labrador rất lớn có một chiếc khăn đỏ thắt ở cổ. Nó liếc nhìn Otsuka nhưng rồi lại đi tiếp. Lão già và chú mèo ngồi đó, trong bãi trống, lặng lẽ chờ con chó và chủ nó biến mất.

"Vừa nãy bác nói bác đi tìm mèo," Otsuka hỏi.

"Đúng thế. Lão tìm mèo lạc. Vì lão có thể nói chuyện đôi chút với mèo, nên lão đi khắp các ngả dò theo dấu vết của những chú mèo

mất tích. Người ta nghe nói Nakata làm việc này giỏi nên đến nhờ lão tìm giúp những con mèo lạc của họ. Những ngày này, lão dành hết thời gian tìm mèo. Lão không thích đi quá xa, nên lão chỉ tìm trong phạm vi Quận Nakono thôi. Nếu không thì chính lão sẽ lạc và họ lại phải đi tìm lão."

"Vậy là ngay lúc này đây, bác đang tìm một con mèo lạc?"

"Phải, đúng thế. Nakata này đang tìm một con mèo cái mai rùa một tuổi tên là Goma. Ảnh nó đây." Nakata rút trong cái túi vải bố đeo ở vai ra một tấm ảnh màu, đưa cho Otsuka xem. "Nó đeo một cái vòng cổ chống bọ chét màu nâu."

Otsuka vươn cổ ra nhìn tấm ảnh, rồi lắc đầu.

"Không, tôi chưa hề gặp con này. Tôi biết hầu hết bọn mèo trong vùng, nhưng con này thì tôi không biết. Chưa bao giờ thấy hoặc nghe nói gì về nó cả."

"Có đúng thế không?"

"Bác tìm nó đã lâu chưa?"

"Hôm nay là… để xem nào… một, hai, ba… ngày thứ ba."

Otsuka ngồi nghĩ một lúc. "Tôi đồ là bác cũng biết điều này: mèo là loài thủ cựu. Thông thường, bọn tôi sống rất ngăn nắp, và nói chung, luôn giữ thông lệ trừ phi có điều gì phi thường xảy ra. Điều khả dĩ làm đảo lộn lề thói ấy chỉ có thể là tình dục hay tai nạn."

"Nakata này cũng nghĩ như thế."

"Nếu là tình dục thì chỉ cần đợi cho nó hết cơn là nó khắc về thôi. Bác hiểu tôi nói cơn tình dục nghĩa là thế nào chứ?"

"Bản thân lão chưa trải qua chuyện ấy, nhưng lão nghĩ là lão hiểu. Cái đó liên quan đến *thằng cu con* phải không?"

"Phải. Đầu đuôi tại *thằng cu con* cả," Otsuka gật đầu, vẻ mặt nghiêm trang. "Nhưng nếu là tai nạn thì có thể bác không bao giờ thấy lại nó nữa."

"Đúng thế."

"Lại nữa, nếu một con mèo đi hoang vì chuyện tình dục, nó có thể lang thang quá xa, không tìm được đường về."

"Nếu Nakata này ra khỏi Quận Nakano, cũng chẳng dễ gì tìm được đường về."

"Chuyện đó cũng đôi lần xảy đến với tôi. Cố nhiên là đã lâu lắm rồi, dạo tôi còn trẻ măng," Otsuka nói, him mắt lại, hồi tưởng. "Thường khi đã lạc là đâm hoảng, trở nên hoàn toàn tuyệt vọng chẳng biết làm gì. Tôi đã rất khiếp cái tình cảnh í. Chuyện tình dục có thể thực sự gây rắc rối như thế đấy. Cố nhiên, khi anh nóng máy lên, anh chỉ còn thấy cái ngay trước mũi anh thôi - ấy, cái cơn tình dục nó là thế đấy. Vậy cái con mèo cái í – tên nó là gì nhỉ? Cái con

mèo lạc í?”

“Cậu muốn nói con Goma?”

“Phải, cố nhiên. *Goma*. Tôi muốn làm những gì có thể để giúp bác tìm thấy nó. Một ả mèo tơ mai rùa như thế, được một gia đình khá giả chăm bẵm, ắt chẳng biết gì về đường đời. Tội nghiệp, một thân một mình, không tự kiếm ăn được, không có khả năng tự vệ. Nhưng rủi thay, tôi chưa bao giờ gặp nó. Theo tôi, bác nên tìm nó ở nơi nào khác thôi.”

“Thôi được, có lẽ lão nên nghe theo lời khuyên của cậu mà đi tìm chỗ khác vậy. Nakata này xin lỗi đã phá giấc ngủ trưa của cậu. Chắc chắn một lúc nào đó lão sẽ còn ghé qua đây, vậy trong thời gian đó, nếu cậu có thấy Goma, xin vui lòng báo cho lão biết. Lão sẽ có chút đỉnh để cám ơn sự giúp đỡ của cậu.”

“Không cần đâu. Nói chuyện với bác là thú vị rồi. Xin bác cứ thoải mái ghé lại. Tôi thường ở đây vào những ngày nắng ráo. Khi nào mưa, tôi vào trú trong cái miếu đằng kia, ở chỗ những bậc đi xuống í.”

“Cảm ơn cậu nhiều. Nakata này cũng rất vui được trò chuyện với cậu. Không phải bao giờ lão cũng có thể nói chuyện dễ dàng thế này với mọi chú mèo mà lão gặp. Đôi khi, lão vừa cất lời chào, nó đã cảnh giác và chạy mất không nói nửa lời.”

“Tôi hoàn toàn có thể hình dung được. giống mèo chúng tôi có đủ loại – cũng như có đủ loại người vậy.”

“Rất đúng. Nakata này cũng cảm thấy như thế. Trên đời có đủ loại người và đủ loại mèo.”

Otsuka vươn mình rồi nhìn lên bầu trời. Nắng vàng tràn ngập bãi trống, nhưng trong không khí phảng phất có điềm báo mưa, điều mà Otsuka có thể dự cảm được. “Lúc nãy bác nói thuở bé bác bị tai nạn, vì thế đâm kém thông minh, phải không?”

“Phải. Đích thị Nakata đã nói thế. Lão bị tai nạn hồi lên chín.”

“Tai nạn như thế nào?”

“Quả thật Nakata này không nhớ lắm. Chỉ nghe kể lại là không hiểu sao mình bị sốt cao ba tuần liền. Mê man bất tỉnh trên một cái giường bệnh viện, với đủ thứ truyền vào trong *ven*. Cuối cùng, khi tỉnh lại, chả còn nhớ một tí gì nữa. Quên cả mặt bố, mặt mẹ, quên mặt chữ, quên cả cách đếm. Trong nhà mình ra sao cũng chẳng nhớ. Thậm chí không nhớ cả chính tên mình. Đầu hoàn toàn rỗng như cái bồn tắm đã tháo hết nước. Người ta kể lại là trước khi bị tai nạn Nakata bao giờ cũng được điểm cao ở trường. Nhưng sau trận ốm mê man ấy, lão đâm ra đần độn. Mẹ lão khóc hết nước mắt vì Nakata trở thành ngớ ngẩn, nhưng bà mất đã lâu rồi. Cha lão thì không khóc nhưng lúc nào cũng giận dữ.”

“Thay vì thông minh, bác lại có cái năng khiếu nói chuyện với mèo.”

“Đúng thế.”

“Cũng hay...”

“Ngoài ra, lão còn luôn luôn khỏe mạnh, không bao giờ ốm. Không có cái răng sâu nào và không phải đeo kính.”

“Theo tôi thấy, bác cũng khá thông minh đấy chứ.”

“Thật không?” Nakata nói, cái đầu nghiêng nghiêng. “Nakata này đã ngoài sáu mươi rồi, cậu Otsuka ạ. Một khi đã quá tuổi sáu mươi thì lão đã quen với việc bị coi là đần độn cũng như với việc chẳng ai thèm để ý đến mình. Người ta có thể sống mà không cần phải đi tàu hỏa. Cha chết rồi, không ăn đòn nữa. Mẹ cũng chết rồi, không còn khóc được nữa. Cho nên, nếu cậu bảo lão khá thông minh thì quả cũng hơi bối rối đấy. Cậu thấy đấy, nếu lão không đần độn thì ngài Tỉnh trưởng sẽ cắt *chợ cấp* và thẻ *khiết tật* để đi xe buýt cũng không còn. Nếu ngài Tỉnh trưởng bảo: *Xét cho cùng, bác đâu phải đần độn*, thì Nakata này biết nói sao. Cho nên cứ an phận đần độn vẫn là tốt.”

“Tôi muốn nói rằng vấn đề của bác không phải là chuyện đần độn,” Otsuka nói, vẻ mặt rất nghiêm túc.

“Thật ư?”

“Vấn đề của bác là ở chỗ *cái bóng* của bác nó hơi... nói thế nào nhỉ... hơi *nhạt nhòa*. Ngay từ phút đầu tiên nhìn thấy bác, tôi đã nghĩ thế, rằng cái bóng của bác đổ trên mặt đất chỉ sẫm bằng một nửa bóng của những người bình thường.”

“Lão hiểu.”

“Tôi đã có lần gặp một người khác như vậy.”

Miệng hơi hé ra, Nakata chằm chằm nhìn Otsuka. “Cậu muốn nói là cậu đã thấy ai đó như Nakata?”

“Phải. Vì thế tôi không quá ngạc nhiên khi thấy bác nói được tiếng mèo.”

“Khi nào?”

“Lâu rồi, khi tôi còn rất trẻ. Nhưng tôi không thể nhớ các chi tiết: diện mạo và tên của người í, thời gian và nơi gặp. Như tôi đã nói lúc nãy, loài mèo không có được thứ bộ nhớ í.”

“Lão hiểu.”

“Bóng của người í cũng như bị tách một nửa ra khỏi người. Nó cũng nhạt nhòa như bóng của bác.”

“Lão hiểu.”

“Tôi nghĩ thế này: bác nên thôi tìm mèo lạc để chuyển sang tìm cái nửa kia của bóng mình.”

Nakata giựt giựt vành mũ trong tay. “Nói thật tình, trước đây, Nakata này cũng đã có cảm giác là bóng mình èo uột. Người khác có thể không nhận thấy, nhưng lão thì có.”

“Vậy thì tốt,” mèo nói.

“Cơ mà lão đã già rồi, chả sống được bao lâu nữa. Cha mẹ chết cả rồi. Dù thông minh hay đần độn, dù biết đọc hay không biết đọc, dù có bóng hay không có bóng, một khi đến cõi thì ai cũng phải về đất thôi. Khi anh chết, người ta thiêu xác anh và bỏ tro vào một nơi gọi là Núi Quạ (Karasuyama). Núi quạ ở quận Setagaya. Một khi anh bị chôn vào đó, chắc anh chẳng thể nghĩ gì nữa. Và nếu anh không nghĩ nữa thì chả có gì mắc mớ nữa. Cho nên cứ như lão bây giờ chả tốt chán sao? Điều lão *có thể* làm trong khi còn sống là không bao giờ ra khỏi quận Nakano. Nhưng khi lão chết, lão sẽ phải đến Núi Quạ. Đó là điều không thể tránh khỏi.”

“Dĩ nhiên, bác nghĩ thế nào là quyền của bác,” Otsuka nói và lại liếm bàn chân. “Tuy nhiên, bác cũng nên chiếu cố đến cái bóng của mình. Nó có thể hơi bị mặc cảm tự ti một chút, với tư cách là một cái bóng. Nếu tôi là một cái bóng, tôi ắt không muốn chỉ là một nửa của chính mình.”

“Lão hiểu,” Nakata nói. “Có thể cậu có lý. Nakata này chưa bao giờ nghĩ về điều đó. Lão sẽ nghĩ thêm về chuyện này sau khi về nhà.”

“Một ý hay đấy.”

Cả hai cùng im lặng hồi lâu. Nakata lặng lẽ đứng dậy, thận trọng phẩy mấy lá có bám vào quần, đội cái mũ vải mòn xơ lên đầu, chỉnh lại vài lần cho ngay ngắn, quàng cái túi vải lên vai và nói: “Rất cám ơn. Nakata thực sự đánh giá cao những ý kiến của cậu, Cậu Otsuka. Chúc cậu luôn vui khỏe.”

“Tôi cũng xin chúc bác như vậy.”

Sau khi Nakata đi khỏi, Otsuka lại nằm xuống bãi cỏ và nhắm mắt lại. Hãy còn chút ít thời gian trước khi mây kéo đến và trời đổ mưa. Xua tan mọi ý nghĩ, mèo ta chìm vào một giấc ngủ ngắn.

Chương 7

Bảy giờ mười lăm, tôi xuống nhà hàng cạnh sảnh tiếp tân ăn điểm tâm - mấy lát bánh mì nướng, sữa nóng, giăm bông và trứng. Nhưng bữa điểm tâm miễn phí của khách sạn này còn lâu mới làm tôi đẫy dạ dày. Thức ăn hết sạch lúc nào không biết và tôi vẫn còn đói nguyên. Tôi nhìn quanh, chẳng thấy triển vọng gì được tiếp thêm và thở dài đánh thượt.

"Nào, cậu định làm gì bây giờ?" cái thằng tên là Quạ hỏi.

Nó ngồi ngay trước mặt tôi, bên kia bàn ăn.

"Cậu không còn ở nhà mình nữa, nơi cậu tha hồ nhồi nhét bất cứ cái gì cậu thích," nó nói. "Tớ muốn nói, cậu đã bỏ nhà ra đi, phải không nào? Hãy ghi nhớ điều đó trong đầu. Cậu đã quen thói sáng dậy đã có sẵn một bữa điểm tâm tổ bố, nhưng những ngày đó đã qua lâu rồi, anh bạn ạ. Cậu sẽ phải bằng lòng với những gì người ta cho cậu. Cậu có biết câu *Ăn nhiều bụng bự, ăn ít bụng teo* không? Cậu sắp có dịp nghiệm xem điều đó có thật đúng không. Bụng cậu rồi sẽ teo đi, tuy nhiên cũng phải một thời gian nữa. Liệu cậu có kham nổi không?

"Được, tớ kham nổi," tôi đáp.

"Tốt," Quạ nói. "Cậu phải là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất hành tinh, nhớ không?"

Tôi gật đầu.

"Tốt, vậy thì hãy thôi đừng có giương mắt nhìn cái đĩa không ấy, mà hãy hành động đi!"

Theo lời khuyên ấy, tôi đứng dậy và ra quầy lễ tân thương lượng giá phòng. Tôi giải thích rằng mình là học sinh một trường trung học ở Tokyo đến đây để viết bài tốt nghiệp (đây không phải là một lời bịa đặt hoàn toàn vì cấp trung học ở trường tôi có quy chuẩn ấy). Tôi nói thêm là tôi đang thu thập tài liệu ở Thư viện Komura. Có nhiều mục phải nghiên cứu hơn tôi tưởng, cho nên tôi phải ở lại Takamatsu ít nhất là một tuần. Nhưng vì tiền mang đi có hạn, nên liệu khách sạn có thể giảm giá phòng cho tôi không, không chỉ ba ngày mà trong cả thời gian tôi lưu lại không? Tôi xin trả trước từng ngày và hứa sẽ không gây rắc rối gì.

Tôi đứng đó, trước mặt cô phụ trách tiếp tân, cố hết sức làm ra dáng một chàng trai tử tế, con nhà gia giáo bị lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Không nhuộm tóc, không xăm da. Tôi mặc một chiếc áo polo trắng nhãn hiệu Ralph Lauren sạch bong và một chiếc quần Topsiders mới toanh. Hàm răng trắng bóng, người thơm mùi xà phòng và dầu gội đầu. Tôi biết cách nói năng lễ phép. Khi tôi muốn, tôi có thể gây

ấn tượng khá tốt với những người lớn tuổi hơn tôi.

Cô gái lặng lẽ nghe, gật đầu, môi hơi mím. Người nhỏ nhắn, mặc đồng phục với áo vest có phù hiệu khoác ngoài sơ mi trắng, trông cô có vẻ hơi buồn ngủ, nhưng thi hành công vụ thoăn thoắt. Cô trạc tuổi chị gái tôi.

"Tôi hiểu," cô nói, "nhưng tôi phải trình bày với ông quản lý. Chúng tôi sẽ trả lời cậu vào quãng trưa." Đặc giọng hành chính, nhưng tôi biết tôi đã được cô "duyệt". Cô ghi tên tôi và số phòng. Tôi không biết cuộc thương lượng này sẽ dẫn đến đâu. Có thể nó sẽ tai hại nếu người quản lý yêu cầu tôi cho xem thẻ học sinh, chẳng hạn, hoặc tìm cách liên lạc với cha mẹ tôi. (Dĩ nhiên, khi đăng ký, tôi đã cho số điện thoại để). Nhưng vì tiền túi eo hẹp, tôi nghĩ cũng bõ liều một phen.

Tôi tra sổ danh bạ điện thoại Những Trang Vàng và gọi một phòng tập thể dục công cộng, hỏi xem ở đó có những loại thiết bị luyện cơ bắp nào. Họ có hầu hết các loại tôi cần và phí tập chỉ hết có sáu trăm yen một ngày. Tôi hỏi đường tới đó từ nhà ga, cảm ơn rồi gác máy.

Tôi trở về phòng lấy ba lô rồi ra phố. Tôi có thể để đồ ở trong phòng hoặc gửi vào két của khách sạn, nhưng tôi cảm thấy yên tâm hơn khi mang theo tất cả. Dường như nó đã trở thành một bộ phận không thể tách rời của cơ thể tôi vậy.

Trên chuyến xe buýt từ bến xe trước cửa ga đến phòng tập, tôi có thể cảm thấy da mặt mình căng ra vì phập phồng. Giả sử có người hỏi tại sao một thằng nhóc ở tuổi tôi lại la cà ở phòng tập thể dục giữa ban ngày thay vì đến trường? Tôi chẳng biết gì về cái thành phố này cũng như cách nghĩ của những người dân ở đây. Nhưng chẳng ai buồn nhìn tôi đến lần thứ hai. Tôi bắt đầu cảm thấy như mình là Người Vô Hình hay đại khái như thế. Tôi trả tiền vào cửa ở quầy thu phí, không ai hỏi gì và người ta giao cho tôi một chiếc chìa khóa mở ngăn để quần áo. Sau khi thay đồ, mặc quần soọc và áo phông, tôi tập vài bài vươn giãn. Cơ bắp thư giãn, tinh thần cũng thư giãn theo. Tôi thấy an toàn trong cái vỏ bọc gọi là *thằng tôi* đây. Tôi chui vào vành trong vừa khít của *nó* và khóa lại đánh tách. Đúng ý tôi. Tôi đang ở chỗ phù hợp.

Tôi bắt đầu bài luyện liên hoàn. Vừa nghe Prince gào trong chiếc Walkman bỏ túi, tôi vừa tập suốt một giờ trên cả loạt bảy cái máy khác nhau. Tôi cứ tưởng một phòng tập thể dục công cộng ở một thành phố nhỏ như thế này chắc phải đầy những máy cổ lỗ sĩ, nhưng những máy này thuộc những môđen gần đây nhất còn thơm mùi thép mới. Vòng đầu, tôi tập với trọng lượng nhẹ, rồi sang vòng hai, tăng mức cân lên. Tôi biết đích xác mức cân nào và bao nhiêu lần thì hiệu quả đối với tôi. Chẳng mấy chốc tôi đã đổ mồ hôi và thỉnh thoảng lại

ngừng để tợp một ngụm nước và nhấm một múi quả chanh tôi mua trên dọc đường tới đây.

Tập xong, tôi tắm nước nóng ở vòi hoa sen, dùng xà phòng và dầu gội đầu mang theo. Tôi rửa chim thật kỹ (mới bóc bao quy đầu chưa được bao lâu), xát xà phòng cả hai hòn dái, nách và hậu môn. Tôi tự cân, trần truồng đứng trước gương, thử độ co duỗi của cơ bắp. Cuối cùng, tôi giặt chiếc áo phông và quần soọc đẫm mồ hôi, vắt kiệt nước rồi nhét vào một túi ni lông.

Tôi đáp xe buýt trở về ga, đánh một bát udon nóng bốc hơi vẫn ở nhà hàng hôm trước. Tôi nhẩn nha vừa ăn vừa nhìn ra ngoài cửa sổ. Ga đông nghịt người nườm nượp ra vào, tất cả đều mặc những bộ quần áo ưa thích, tay xách túi hoặc va li, mỗi người đều tất tả lo toan một công việc khẩn cấp nào đó. Tôi nhìn đám đông không ngừng hối hả ấy và tưởng tượng đến một trăm năm về sau. Một trăm năm nữa, tất cả mọi người ở đây, kể cả tôi, sẽ biến khỏi mặt đất và biến thành tro bụi. Với ý nghĩ kỳ cục ấy, mọi thứ trước mắt tôi dường như bắt đầu trở nên hư ảo, tựa hồ một ngọn gió có thể cuốn hết đi.

Tôi xòe hai bàn tay ra trước mặt và nhìn thật riết vào chúng. Tôi cứ luôn căng thẳng vì cái gì vậy? Can cớ gì lại phải lao vào cuộc vật lộn tuyệt vọng này để sống còn? Tôi lắc đầu, quay mặt khỏi cửa sổ, xua đuổi cái ý nghĩ về một trăm năm sau. Tôi sẽ chỉ nghĩ về *hiện tại*. Về những cuốn sách mà tôi cần đọc ở thư viện, những thiết bị ở phòng tập mà tôi chưa tận dụng. Nghĩ đến những chuyện khác sẽ chẳng ích gì.

"Thế mới đúng," Quạ nói. "Hãy nhớ lấy, cậu phải là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất hành tinh."

Giống như hôm trước, tôi mua một suất trưa hộp ở nhà ga và đáp tàu, đến Thư viện Komura vào lúc mười một rưỡi. Và y như rằng Oshima đã ở đó, đằng sau quầy. Hôm nay anh ta mặc một sơ mi sợi tơ nhân tạo màu xanh lơ cài cúc đến tận cổ, quần jeans trắng, giày tennis trắng. Anh ta ngồi ở bàn làm việc, chúi mũi vào một quyển sách to tướng, chiếc bút chì vàng để bên cạnh - vẫn chiếc bút chì hôm qua, tôi đoán thế - tóc xõa cả xuống mặt. Khi tôi vào, anh ngước mắt lên, mỉm cười và nhận chiếc ba lô từ tay tôi.

"Tôi thấy là cậu vẫn chưa trở về trường."

"Em sẽ không bao giờ trở lại đó nữa," tôi thú thật.

"Vậy thì thư viện là một lựa chọn khá tốt đấy," Anh quay lại xem giờ trên chiếc đồng hồ treo đằng sau, rồi lại đọc tiếp.

Tôi sang phòng đọc, trở lại với cuốn *Nghìn Lẻ Một Đêm*. Như mọi lần, một khi đã yên vị và bắt đầu lật giở các trang sách là tôi không thể dừng lại. Bản của Burton có đầy đủ các truyện mà tôi nhớ là đã đọc hồi nhỏ, nhưng tất cả đều dài hơn, nhiều hồi hơn và nhiều tình

tiết phức tạp hơn, nên hấp dẫn hơn nhiều, đến nỗi khó mà tin rằng đây vẫn là những truyện ấy. Đầy những màn tục tĩu, hung bạo, đắm đuối tình dục và phi lý. Giống như vị thần bị nhốt trong lọ, cuốn sách tràn trề một sinh khí chơi quậy, một ý thức tự do mà lẽ phải không kiềm chế nổi. Nó làm tôi say mê không rời ra được. So với đám người vô diện mạo tất ta tất tưởi ở ga xe lửa, những truyện điên khùng phi lý này của cả ngàn năm trước còn thật hơn nhiều, ít nhất là đối với tôi. Làm sao có thể thế được, tôi cũng không hiểu. Thật quái dị.

Đến một giờ, tôi lại ra vườn, ngồi ở hiên sau ăn bữa trưa. Ăn được gần nửa thì Oshima đến bảo là có người gọi điện thoại cho tôi.

"Cho em?" tôi ngớ ra.

"Nếu đúng cậu tên là Kafka Tamura."

Tôi đỏ mặt đứng dậy và cầm lấy ống nghe không dây từ tay anh.

Đó là cô tiếp tân ở khách sạn, chắc là để kiểm tra xem có thật tôi đang nghiên cứu tài liệu ở thư viện không. Cô có vẻ như trút được gánh nặng khi thấy rằng tôi không nói dối cô. "Tôi đã nói chuyện với ông quản lý," cô nói, "ông bảo là khách sạn này trước đây chưa từng làm thế, nhưng thấy cậu còn trẻ quá và xét hoàn cảnh đặc biệt, nên ông sẽ làm một ngoại lệ là để cậu ở với giá mà YMCA[9] thu xếp cho cậu. Hiện tại, chúng ta không đông khách lắm, ông nói, nên chúng ta có thể linh động một chút. Ông cũng nói rằng nghe đồn cái thư viện ấy rất tốt, nên ông hy vọng là cậu có thể dư dả thời gian để nghiên cứu mọi thứ mình cần."

Tôi thở phào nhẹ nhõm và cảm ơn cô. Tôi hơi áy náy vì đã nói dối, nhưng tôi không thể làm khác được. Bản thân tôi cũng đã phải vi phạm một số luật lệ để tồn tại. Tôi tắt máy và trả ống nghe lại cho Oshima.

"Cậu là học sinh trung học duy nhất đến đây, nên tôi đã đoán ngay là cô ta gọi cậu," anh ta nói. "Tôi đã bảo cô ta là cậu cứ chúi mũi vào những trang sách từ sáng đến tối. Mà đó là sự thật."

"Cám ơn anh," tôi nói.

"Kafka Tamura?"

"Đó là tên em."

"Kể cũng lạ."

"Đúng là tên em mà," tôi nhấn mạnh.

"Tôi đồ rằng cậu đã đọc truyện của Kafka?"

Tôi gật đầu. "*Lâu Đài, Vụ Án, Hóa Thân* và cái truyện quái đản về cái máy hành hình."

"*Trại Giam,*" Oshima nói. "Mình mê cái truyện ấy. Chỉ có Kafka mới viết được thế."

"Đó là truyện em thích nhất trong các tác phẩm của ông."

"Thật không?"

Tôi gật đầu.

"Tại sao?"

Tôi phải mất một lúc để tập trung tư tưởng. "Em nghĩ Kafka muốn đưa ra một giải thích thuần túy cơ học về cái máy phức hợp ấy thay vì mô tả thân phận con người. Em muốn nói là..." tôi dừng lại một chút để suy nghĩ thêm. "Em muốn nói đó là thủ pháp riêng của ông để diễn giải kiếp sống của chúng ta. Không phải bằng cách nói về thân phận chúng ta mà bằng cách mô tả chi tiết cái máy đó."

"Có lý," Oshima nói, đặt tay lên vai tôi, một cử chỉ tự nhiên và thân thiện. "Tôi nghĩ có thể Kafka đồng ý với cậu đấy."

Anh cầm cái ống nghe không dây và trở vào trong nhà. Tôi ngồi lại ngoài hiên một lúc nữa, ăn nốt bữa trưa, uống nước khoáng, ngắm lũ chim trong vườn. Có lẽ vẫn là lũ chim hôm qua. Trời đầy mây, không thấy một mảng xanh nào.

Có vẻ như Oshima thấy cách lý giải của tôi về truyện của Kafka là thuyết phục. Ít nhất là ở một mức độ nào đó. Nhưng tôi chưa diễn đạt hết điều tôi muốn nói. Đó không chỉ là một lý thuyết chung chung về cách hư cấu của Kafka, mà tôi nhằm nói về một cái gì rất thực kia. Cái máy hành quyết bí ẩn, phức tạp của Kafka không chỉ là một ẩn dụ hoặc một thứ ngụ ngôn - nó thực sự *hiện hữu*, ở đâu đây quanh tôi. Nhưng tôi nghĩ ắt chẳng ai hiểu gì. Cả Oshima lẫn những người khác.

Tôi trở về phòng đọc, ngồi xuống chiếc ghế bành để đắm mình vào thế giới của *Nghìn Lẻ Một Đêm*. Từ từ, như cảnh quay mờ dần trong phim, thế giới thực tại tan biến. Chỉ còn mình tôi trong thế giới đó. Cảm giác mà tôi ưa thích nhất trên đời.

Năm giờ, khi tôi sắp ra về, Oshima còn ngồi sau quầy, vẫn đọc cuốn sách ấy, chiếc sơ mi vẫn phẳng phiu không một nếp nhăn, mớ tóc vẫn xõa xuống mặt. Kim đồng hồ treo trên tường đằng sau anh vẫn lặng lẽ nhích từng tí một. Mọi thứ quanh anh đều lặng lẽ và sạch tinh. Dễ thường anh không bao giờ đổ mồ hôi hoặc nấc cục. Anh ngước lên và trao trả tôi chiếc ba lô. Anh hơi cau mày như thể nó quá nặng đối với anh.

"Cậu đáp tàu từ trung tâm thành phố tới đây?"

Tôi gật đầu.

"Nếu cậu đến đây hằng ngày thì nên có cái này," anh chìa cho tôi một tờ giấy, đó là bảng giờ tàu giữa ga Takamatsu và ga tôi phải xuống để tới thư viện. "Tàu thường chạy đúng giờ."

"Cám ơn," tôi nói và nhét tờ giấy vào ba lô.

"Kafka, tôi không biết cậu từ đâu tới và định làm gì, nhưng cậu

không thể ở khách sạn mãi được, phải không nào?" anh nói, thận trọng cân nhắc từng chữ. Anh lấy đầu ngón tay thử gại vào đầu bút chì, điều hoàn toàn không cần thiết vì bút chì đã được vót rất tốt.

Tôi không nói gì.

"Tôi không có ý định can thiệp đâu, mà chỉ nghĩ mình cũng có thể hỏi cho biết. Một thiếu niên ở tuổi cậu giữa một nơi trước đây chưa từng đến, thật chẳng dễ dàng gì."

Tôi lại gật đầu.

"Sau đây cậu có đi nơi nào khác không? Hay cậu định lưu lại đây một thời gian?"

"Em chưa quyết định, nhưng em nghĩ em sẽ lưu lại đây một thời gian. Không có nơi nào khác mà đi," tôi thừa nhận.

Có lẽ tôi nên kể với Oshima tất cả. Tôi dám chắc anh sẽ không chê trách tôi, hoặc lên lớp tôi, chỉ bảo cho tôi thấy điều hay lẽ phải. Nhưng ngay lúc này đây, tôi đang cố giữ miệng, chỉ nói ở mức tối thiểu. Với lại, tôi vốn không quen thổ lộ những cảm nghĩ của mình với người khác.

"Vậy tạm thời cậu nghĩ là cậu có thể tự xoay xở được?" Oshima hỏi.

Tôi gật đầu ngắn gọn.

"Thế thì chúc may mắn," anh nói.

Tôi qua bảy ngày tiếp theo cũng theo quy trình ấy, ngoại trừ vài chi tiết nhỏ (tất nhiên trừ thứ Hai thư viện đóng cửa, hôm ấy tôi đến một thư viện công cộng khác). Mỗi sáng, đồng hồ báo thức đánh thức tôi vào lúc sáu rưỡi. Tôi ngốn vội cái gọi là điểm tâm của khách sạn, khẽ vẫy chào cô gái tóc màu hạt dẻ, nếu cô đã ngồi sau quầy tiếp tân. Bao giờ cô cũng gật đầu và mỉm cười đáp lại. Tôi nghĩ cô thích tôi và tôi cũng có phần thích cô. Liệu cô có thể là chị tôi không nhỉ? Ý nghĩ đó thoáng qua đầu tôi.

Sáng sáng, tôi làm vài bài tập vươn giãn đơn giản trong phòng trước khi đến phòng tập thể dục thực hiện đủ chuỗi bài tập liên hoàn. Bao giờ cũng vẫn mức tạ ấy và ngần ấy lượt. Không hơn không kém. Tắm vòi hoa sen, kỳ cọ từng phân vuông trên người. Tự cân để kiểm tra trọng lượng cơ thể. Trước giờ trưa, đáp tàu đến Thư viện Komura. Trao đổi vài câu với Oshima khi gửi ba lô ở quầy và khi nhận lại từ tay anh. Ăn suất cơm trưa ngoài hiên. Và đọc. Đọc xong *Nghìn Lẻ Một Đêm*, tôi chuyển sang toàn tập Natsume Soseki - hãy còn vài cuốn tiểu thuyết của ông mà tôi chưa đọc. Năm giờ, tôi ra khỏi thư viện. Như vậy, phần lớn thời gian trong ngày, tôi ở phòng tập thể dục và thư viện. Chừng nào tôi ở một trong hai nơi ấy, chẳng ai để ý đến tôi. Lý nào một thằng nhóc trốn học lại lảng vảng ở hai nơi ấy. Tôi ăn tối ở cái nhà hàng trước cửa ga. Tôi cố ăn thật nhiều rau

và thỉnh thoảng còn mua trái cây, dùng con dao tôi lấy trên bàn giấy của cha tôi để gọt. Tôi mua dưa chuột và cần tây, rửa sạch ở bồn trong khách sạn và ăn với xốt mayonaise. Thi thoảng, tôi mua một thùng sữa ở siêu thị mini để ăn với hạt ngũ cốc.

Trở về phòng, tôi ghi những gì đã làm trong ngày vào nhật ký, nghe Radiohead trên chiếc Walkman, đọc một chút rồi đến mười một giờ, tắt đèn. Đôi khi, tôi thủ dâm trước khi ngủ. Tôi tưởng tượng đến cô gái ở quầy tiếp tân, tạm thời gạt mọi ý nghĩ về khả năng cô ta *có thể* là chị mình. Tôi hầu như không xem tivi hoặc đọc báo.

Nhưng đến chiều ngày thứ tám, cuộc sống giản dị, hướng tâm ấy bỗng tan tành, như sớm muộn tất sẽ phải thế.

Chương 8

BÁO CÁO CỦA CỤC TÌNH BÁO QUÂN ĐỘI MỸ (MIS)

Ngày: 12 tháng Năm năm 1946

Tên: Báo cáo về sự kiện Đồi Bát Cơm, 1944

Tài liệu số: PTYX-722-8936745-42216-WWN

Dưới đây là cuộc thẩm vấn ghi âm với Tiến sĩ Shigenori Tsukayama (52 tuổi), giáo sư Khoa Tâm thần học Trường Y khoa, Đại học Hoàng gia Tokyo, diễn ra trong vòng ba giờ tại Đại bản doanh Tư lệnh Tối cao các Lực lượng Đồng minh. Các tài liệu liên quan đến cuộc thẩm vấn này có thể truy cập theo số PTYX-722-SQ-267 đến 291. [Chú thích: các tài liệu 271 và 278 bị mất]

Cảm giác của người thẩm vấn, Trung úy Robert O'Connor: Giáo sư Tsukayama rất bình tĩnh và thoải mái trong suốt cuộc thẩm vấn, như người ta có thể chờ đợi ở một chuyên gia tầm cỡ như ông. Ông là một trong những nhà tâm thần học hàng đầu ở Nhật Bản và đã xuất bản một số sách xuất sắc về vấn đề này. Không giống như phần lớn người Nhật, ông tránh những câu phát biểu mơ hồ, phân biệt rạch ròi giữa sự việc thực tế và phỏng đoán. Trước chiến tranh, ông đã ở Stanford trong khuôn khổ trao đổi và nói tiếng Anh rất thạo. Chắc chắn ông được nhiều người kính trọng và yêu mến.

Chúng tôi được lệnh của bên quân sự là phải tiến hành xem xét ngay những đứa trẻ có vấn đề. Đó là vào giữa tháng Mười một năm 1944. Đối với chúng tôi, những yêu cầu hoặc mệnh lệnh đến từ các nhà chức trách quân sự là điều thật bất thường. Tất nhiên, bên quân sự có ngành y riêng của mình và, với tư cách là một thực thể riêng biệt coi bí mật là ưu tiên hàng đầu, họ thường xử lý các vấn đề trong phạm vi nội bộ. Trừ những trường hợp hiếm hoi khi họ cần đến những kiến thức và kỹ thuật đặc biệt mà chỉ những nhà nghiên cứu hoặc thầy thuốc ngoài quân đội nắm được, họ ít khi cầu đến các nhà nghiên cứu dân sự.

Cho nên khi họ phá lệ này, chúng tôi lập tức đoán rằng một chuyện gì đó bất thường đã xảy ra. Thành thực mà nói, tôi không thích làm việc dưới sự chỉ đạo của quân đội. Trong phần lớn các trường hợp, mục đích của họ là thuần túy thực dụng, chứ không hề quan tâm đến việc theo đuổi chân lý theo nghĩa học thuật, chỉ đi đến những kết luận phù hợp với những tiên kiến của họ. Họ không phải loại người tuân thủ lô-gích. Nhưng đây là thời chiến và chúng tôi không thể nói không. Chúng tôi phải im miệng và làm đúng những gì

họ sai bảo.

Chúng tôi vẫn tiếp tục công trình nghiên cứu của mình, bất chấp các cuộc không kích của Mỹ. Khốn nỗi, phần lớn sinh viên của chúng tôi đã bị động viên và sinh viên Khoa Tâm thần học cũng không được miễn quân dịch. Khi lệnh của bên quân sự đến, chúng tôi bỏ hết mọi công việc và đáp tàu đến [tên bị xóa] ở tỉnh Yamanashi. Chúng tôi có ba người: bản thân tôi, một đồng nghiệp cũng ở Khoa Tâm thần học và một bác sĩ ở Khoa Giải phẫu thần kinh.

Vừa tới nơi, họ đã cảnh báo chúng tôi rằng điều mà họ sắp cho chúng tôi biết là một bí mật mà chúng tôi không bao giờ được để lộ. rồi họ kể với chúng tôi về cái sự kiện xảy ra hồi đầu tháng. Mười sáu học sinh đã bất tỉnh trên đồi, sau đó mười lăm em đã hồi tỉnh mà hoàn toàn không nhớ điều gì đã xảy ra. Theo lời họ, một bé trai đã không tỉnh lại và hiện vẫn đang ở trong một viện quân y ở Tokyo.

Ông bác sĩ – thiếu tá quân đội đã khám bọn trẻ ngay sau khi xảy ra chuyện, một chuyên gia nội khoa tên là Toyama – đã giải thích cặn kẽ cho chúng tôi về điều đã xảy ra. Nhiều bác sĩ quân đội thường giống những kẻ quan liêu chỉ lo bảo vệ quyền lợi riêng của mình, nhưng may thay, Thiếu tá Toyama không thuộc loại đó. Ông ta trung thực và thẳng thắn, và hiển nhiên là một bác sĩ tài giỏi. Ông không bao giờ viện cớ chúng tôi là dân sự để át giọng hoặc giấu giếm chúng tôi điều gì, như một số người có thể làm thế. Ông cung cấp mọi chi tiết chúng tôi cần, một cách rất chuyên nghiệp và cho chúng tôi xem những hồ sơ y tế về lũ trẻ. Ông muốn đi vào cốt lõi của vấn đề. Tất cả chúng tôi đều có ấn tượng rất tốt về ông.

Điều quan trọng nhất chúng tôi gạn lọc ra từ những hồ sơ là, về mặt y học, sự cố này không gây hậu quả lâu dài đối với bọn trẻ. Từ ngay sau bữa đó cho đến hôm nay, các cuộc khám và xét nghiệm đều không phát hiện thấy có gì bất bình thường bên ngoài cũng như bên trong nội tạng. Bọn trẻ tiếp tục sống khỏe mạnh như trước khi xảy ra sự kiện đó. Những cuộc khám kỹ lưỡng cho thấy một trong số bọn trẻ có ký sinh trùng, nhưng không có gì nghiêm trọng. Ngoài ra, chúng hoàn toàn không có triệu chứng gì – không đau đầu, đau nhức, buồn nôn, kém ăn, mất ngủ, đờ đẫn, ỉa chảy, ác mộng. Hoàn toàn không.

Điều đặc biệt duy nhất là cả quãng thời gian hai tiếng đồng hồ bất tỉnh trong vùng đồi đã bị xóa sạch khỏi trí nhớ của lũ trẻ. Cứ như thể toàn bộ cái phần ấy đã bị lược đi. Đó là một sự *thiếu hụt* trí nhớ, chứ không phải mất trí nhớ. Từ này không phải là thuật ngữ y học, tôi dùng nó cho tiện thôi, nhưng có một sự khác biệt lớn giữa *mất* và *thiếu hụt*. Tôi đồ rằng nó tựa như... ờ phải, hãy tưởng tượng một đoàn tàu hàng chạy trên đường sắt. Hàng hóa biến khỏi một toa và toa rỗng không – thế gọi là mất. Nhưng nếu cả cái toa ấy bốc hơi, thì

là thiếu hụt.

Chúng tôi bàn cãi về khả năng bọn trẻ hít phải hơi độc. Bác sĩ Toyama nói rằng dĩ nhiên họ đã xem xét giả thuyết này. *Chính vì thế mà quân đội can dự vào, ông nói với chúng tôi, nhưng xem ra xác suất là rất nhỏ. Ông nói tiếp: Song đây là bí mật quân sự, các vị không được nói với ai. Quả là quân đội đang phát triển hơi độc và vũ khí sinh học, nhưng việc này được tiến hành bởi một đơn vị đặc biệt ở nội địa Trung Hoa, chứ không phải ở trên chính đất Nhật. Đó là một dự án rất nguy hiểm, không thể thực thi ở nơi đông dân như Nhật Bản được. Tôi không thể nói với các vị là những thứ vũ khí ấy có được tàng trữ ở nơi nào trên đất Nhật hay không, nhưng tôi có thể đảm bảo dứt khoát với các vị rằng chúng không được giữ ở bất cứ nơi nào trong tỉnh Yamanashi.*

- Vậy là ông ta dứt khoát phủ nhận việc tàng trữ vũ khí đặc biệt ở trong tỉnh?

Đúng. Ông ta rất rõ ràng về điểm này. Về cơ bản, chúng tôi không có lựa chọn nào khác ngoài việc tin ông ta, vả chăng, xem ra ông ta là người có thể tin được. Chúng tôi cũng kết luận rằng không có lẽ hơi độc lại được ném xuống từ một chiếc máy bay B-29. Nếu người Mỹ đã thực sự phát triển một vũ khí như thế, và quyết định dùng nó, họ ắt phải ném nó xuống một thành phố lớn mới gây được tác hại hàng loạt chứ. Ném một, hai trái bom hơi độc xuống một nơi hẻo lánh sẽ không cho phép họ xác định được hiệu quả của nó. Vả chăng, ngay cả nếu ta chấp nhận giả thuyết là một quả bom hơi độc đã được ném xuống đó, thì cái thứ hơi độc chỉ làm trẻ con bất tỉnh hai giờ mà không có tác hại lâu dài nào khác cũng là vô giá trị về mặt quân sự.

Chúng tôi cũng biết rằng không một thứ hơi độc nào, dù là nhân tạo hay tự nhiên, lại tác động như thế, chẳng để lại hậu quả gì hết. Nhất là khi áp dụng với trẻ con, vốn nhạy cảm hơn người lớn và có hệ miễn dịch yếu hơn, lẽ ra phải có chút hậu quả nào chứ, đặc biệt với mắt hoặc màng nhầy. Chúng tôi loại trừ khả năng ngộ độc thức ăn cũng vì lý do ấy.

Vậy chỉ còn lại những vấn đề tâm lý hoặc những vấn đề liên quan đến chức năng não. Trong trường hợp như vậy, phương pháp y học tiêu chuẩn sẽ không giúp gì vào việc cách ly nguyên nhân. Hậu quả có thể sẽ không thấy được và không định lượng được. Cuối cùng, chúng tôi hiểu ra tại sao bên quân đội lại gọi chúng tôi đến để tham vấn.

Chúng tôi phỏng vấn riêng từng đứa trẻ mắc vào sự cố cũng như cô giáo chủ nhiệm và bác sĩ điều trị. Thiếu ta Toyama cũng tham dự. Nhưng những cuộc phỏng vấn ấy hầu như không đem lại điều gì mới, mà chỉ giúp chúng tôi xác nhận những gì ông thiếu tá đã nói với chúng tôi. Lũ trẻ không nhớ tí gì về sự kiện đó. Chúng nhìn thấy một cái gì giống như máy bay lấp lánh tít trên trời, chúng trèo lên Owan

yama (Đồi Bát Cơm) và bắt đầu tìm nấm. Thế rồi có một khoảng trống trong thời gian và điều tiếp theo chúng nhớ được là thấy mình nằm trên mặt đất, xung quanh là những bộ mặt lo lắng của các thầy cô giáo và cảnh sát. Chúng cảm thấy ổn, không đau đớn, khó chịu hoặc buồn nôn gì cả. Chúng chỉ cảm thấy đầu hơi trống rỗng như mới thức giấc vào sáng sớm. Chỉ có thế thôi. Đứa nào cũng trả lời hệt như thế.

Sau khi tiến hành các cuộc phỏng vấn đó, chúng tôi kết luận rằng đây là một 'ca' hôn mê hàng loạt. những triệu chứng mà cô giáo chủ nhiệm và ông bác sĩ của nhà trường quan sát được tại chỗ cho thấy giả thuyết này là có lý nhất: nháy mắt đều đặn, nhịp thở, mạch và nhiệt độ đều hơi hạ, trí nhớ hụt hẫng – tất cả đều ứng hợp. chỉ có cô giáo là không bị ngất bởi lẽ cái chất gây nên sự hôn mê hàng loạt này, không hiểu vì lý do gì, không có tác động đối với người lớn.

Tuy nhiên, chúng tôi không thể xác định được nguyên nhân. Nói chung, phải có hai yếu tố mới sinh ra hôn mê tập thể. Thứ nhất, tập thể đó phải gắn bó chặt chẽ và đồng nhất, lại bị đặt trong hoàn cảnh bó hẹp. Thứ hai, phải có cái gì phát động phản ứng, một cái gì tác động cùng một lúc lên tất cả mọi người. Trong trường hợp cụ thể này, tác nhân đó có thể là cái ánh lấp lánh của chiếc máy bay mà chúng đã nhìn thấy. Xin nhớ, đây chỉ là một giả thuyết – chúng tôi không tìm thấy tác nhân nào khác – và rất có thể có một nhân tố nào khác đã khởi phát hiện tượng này. Tôi trình bày với Thiếu tá Toyama giả thuyết về một "ca" hôn mê tập thể, nhấn mạnh đó chỉ là một phỏng đoán. Nói chung, hai đồng nghiệp của tôi cũng đồng ý. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên: điều này lại gián tiếp liên quan đến một đề tài nghiên cứu mà chính chúng tôi đang thực hiện.

"Có vẻ như khớp với những bằng chứng," Thiếu tá Toyama nói sau một lát suy nghĩ. "Đây không phải là lĩnh vực của tôi, nhưng xem ra đây là cách giải thích có lý nhất. Nhưng có một điều tôi không hiểu: điều gì làm cho chúng thoát ra khỏi cơn hôn mê? Chắc phải có một thứ cơ chế khởi động *nghịch đảo* chứ?"

Tôi thừa nhận là mình thực sự không biết. Tôi chỉ có thể suy biện mà thôi. Giả thuyết của tôi là thế này: cơn hôn mê có thể đã được lập trình để tự động chấm dứt sau một quãng thời gian nào đó. Cơ thể con người có một cơ chế tự vệ rất mạnh; nếu một hệ thống bên ngoài tạm thời chiếm lĩnh, thì chỉ sau một quãng thời gian, nó sẽ phản ứng tựa như rung chuông báo động, khởi động một hệ thống đột xuất để hóa giải cái hệ thống ngoại lai (trong trường hợp này là cơn hôn mê) đang chặn đứng cơ chế tự vệ nội tại.

Rủi thay, tôi không có sẵn tư liệu trong tay nên không thể dẫn ra những con số chính xác, nhưng tôi đã nói với Thiếu tá Toyama, đã có những báo cáo về những sự kiện tương tự xảy ra ở nước ngoài. Tất

cả những vụ đó đều được coi như những bí ẩn không giải thích một cách lô-gích được. Một số lớn trẻ con đồng thời bất tỉnh rồi vài giờ sau hồi tỉnh mà không nhớ điều gì đã xảy ra.

Nói cách khác, sự kiện này rất khác thường nhưng không phải không có tiền lệ. Một thí dụ kỳ lạ đã diễn ra vào khoảng năm 1930 ở ven một làng thuộc Devonshire, nước Anh. Chẳng vì lý do cụ thể nào, một nhóm ba mươi học sinh trung học phổ thông lần lượt gục ngã bất tỉnh trên một con đường nông thôn. Mấy giờ sau, như không có chuyện gì xảy ra, tất cả hồi tỉnh và tự đi bộ về trường. Một thầy thuốc đã khám ngay cho chúng, nhưng không phát hiện thấy điều gì không ổn về mặt y học. Không một đứa nào nhớ được điều gì đã xảy ra.

Vào cuối thế kỷ trước, một sự cố tương tự đã xảy ra ở Úc. Ở ngoại thành Adelaide, mười lăm nữ sinh một trường nữ học tư thục đã bất tỉnh trong một cuộc đi chơi ngoại khóa, rồi tỉnh lại. Đây cũng lại không có tổn thương nào, không có hậu quả gì. Cuối cùng, chuyện này được xếp loại là một "ca" say nhiệt, nhưng tất cả đã ngất rồi tỉnh lại gần như cùng một lúc mà không ai bộc lộ triệu chứng say nhiệt cả, nên nguyên nhân thực sự vẫn là một bí ẩn. Thêm nữa, hôm xảy ra chuyện ấy không phải là một ngày đặc biệt nóng. Có lẽ họ kết luận như thế vì không có cách giải thích nào khác.

Những trường hợp kể trên có một số điểm chung: xảy đến với một nhóm trẻ nhỏ, trai hoặc gái, ở cách trường chúng khá xa, tất cả đều bị bất tỉnh, về cơ bản là đồng thời rồi cùng tỉnh dậy một lúc mà không bộc lộ hậu quả gì. Theo báo cáo, một số người lớn đi cùng bọn trẻ cũng bị ngất, còn một số thì không. Về điểm này, mỗi trường hợp một khác.

Còn có một số sự kiện khác tương tự, nhưng hai trường hợp này là có đầy đủ tài liệu nhất và do đó trở thành những "ca" tiêu biểu cho hiện tượng này. Tuy nhiên, thí dụ gần đây ở tỉnh Yamanashi chứa đựng một yếu tố khiến nó khác biệt với những trường hợp khác: cụ thể là có một bé trai *không* tỉnh lại. Đứa bé này là chìa khóa để mở ra sự thật về toàn bộ biến cố này. Chúng tôi trở về Tokyo sau những cuộc phỏng vấn ở Yamanashi và đến thẳng viện quân y nơi thằng bé được điều trị.

- Vậy là quân đội chỉ quan tâm đến sự cố này vì họ ngờ rằng nó có thể gây nên bởi hơi độc?

Theo tôi hiểu thì là thế. Nhưng thiếu tá Toyama chắc biết rõ hơn và tôi đề nghị các ông nên trực tiếp hỏi ông ấy.

- Thiếu tá Toyama đã chết trong một trận không kích ở Tokyo hồi tháng Ba năm 1945 trong khi thi hành công vụ.

Tôi lấy làm tiếc khi nghe tin đó. Chúng ta mất bao nhiêu người tài

giỏi trong chiến tranh.

- Tuy nhiên, cuối cùng, quân đội kết luận đây không phải do loại vũ khí hóa học nào gây ra. Họ không thể xác định được nguyên nhân, nhưng họ lại khẳng định – có phải thế không? – rằng sự việc này không liên quan gì với cuộc chiến.

Phải, tôi nghĩ đúng là như vậy. Đến đoạn đó là họ kết thúc cuộc điều tra. Nhưng thằng bé Nakata vẫn được ở lại viện quân y vì đích thân Thiếu tá Toyama quan tâm đến "ca" này và có quan hệ với những người phụ trách ở đây. Thành thử chúng tôi có thể đến bệnh viện hàng ngày và thay phiên nhau trực đêm để tìm hiểu kỹ hơn trường hợp của đứa bé bất tỉnh này từ nhiều góc độ khác nhau.

Mặc dù bất tỉnh, các chức năng cơ thể của thằng bé vẫn tiếp tục bình thường. Nó được tiêm chất dinh dưỡng qua đường ven và tiểu tiện với những khoảng cách đều đặn. Ban đêm, nó nhắm mắt ngủ khi chúng tôi tắt đèn và mở mắt lại vào buổi sáng. Ngoài việc mất ý thức, nó có vẻ hoàn toàn khỏe mạnh. Nó ở trong một cơn hôn mê, nhưng rõ ràng là nó không mơ. Khi người ta mơ, điều đó bộc lộ ra bằng những cử động đặc biệt của nhãn cầu hoặc những sắc thái của nét mặt. Nhịp tim tăng lên khi phản ứng với những gì thấy trong mơ. Nhưng với Nakata, chúng tôi không thể phát hiện thấy bất cứ dấu hiện tương tự nào. Nhịp tim, nhịp thở và nhiệt độ của nó vẫn hơi thấp, nhưng ổn định một cách lạ lùng.

Nói thế này nghe cũng kỳ, nhưng quả là cứ như thằng cu Nakata thật đã đi chơi đâu, tạm thời để lại cái vỏ xác và cái vỏ xác này, trong khi nó đi vắng, vẫn duy trì mọi chức năng cơ thể ở mức tối thiểu cần thiết để tự bảo toàn. Cái cụm từ "hồn thoát xác" vụt đến trong óc. Ông có biết cụm từ ấy không? Tuyện dân gian Nhật Bản đầy những thứ như vậy: hồn tạm thời rời khỏi xác, đi đến một nơi rất xa để lo một việc có tính chất sống còn nào đó, rồi trở về nhập lại vào xác. Cái loại hồn mang thù hận trong *Truyện Genji* có một cái gì tương tự như thế. Cái khái niệm cho rằng hồn không chỉ lìa khỏi xác khi chết mà còn có thể tách khỏi xác người còn sống khi ý muốn đó đủ mạnh, có lẽ là một ý tưởng đã bắt rễ ở Nhật Bản từ thời cổ đại. Dĩ nhiên, chẳng có bằng chứng khoa học nào về hiện tượng đó và tôi thậm chí còn thấy e ngại không dám nêu ý kiến đó.

Vấn đề thực tế trước mắt chúng tôi là làm sao kéo thằng bé ra khỏi cơn hôn mê và trả nó về trạng thái ý thức. Chúng tôi xoay xở đủ mọi cách để tìm ra một cơ cấu khởi động nghịch đảo nhằm hóa giải tình trạng hôn mê. Chúng tôi đưa cha mẹ nó đến, bảo họ kêu tên nó thật to. Làm thế mấy ngày, chẳng có phản ứng gì cả. Chúng tôi thử mọi ngón trong sách dạy xử lý hôn mê – vỗ tay theo nhiều cách trước mặt nó. Chúng tôi mở những đĩa nhạc nó thích, đọc to những bài học của nó, cho nó ngửi món ăn ưa thích của nó. Thậm chí chúng tôi còn

mang theo con mèo nó đặc biệt yêu quý đến. Chúng tôi dùng mọi phương pháp có thể nghĩ ra để đưa nó trở về thực tại, nhưng vẫn không đem lại kết quả.

Qua gần hai tuần đánh vật, khi chúng tôi đã cạn sáng kiến, mệt lử và nản chí, thì đùng một cái, thằng bé tự nó tỉnh dậy. Không phải do bất kỳ cái gì chúng tôi đã làm. Không hề báo trước, như thể thời điểm này đã được định sẵn, nó hồi tỉnh.

- Hôm ấy, có điều gì khác thường xảy ra không?

Chẳng có gì đáng kể. Đó là một ngày như mọi ngày khác. Vào lúc mười giờ sáng, cô y tá đến để lấy mẫu máu xét nghiệm. Ngay sau đó, nó hơi bị ngạt và một chút máu rớt trên ga giường. Chẳng mấy tí và người ta đã cho thay ga giường ngay. Đó có lẽ là điều khác thường duy nhất trong ngày hôm ấy. Khoảng nửa giờ sau đó thì thằng bé tỉnh dậy. Đùng một cái, nó ngồi nhổm dậy trên giường, vươn vai và nhìn quanh phòng. Nó đã trở lại trạng thái ý thức và hoàn toàn ổn về phương diện y học. Tuy nhiên, chúng tôi sớm nhận ra rằng nó đã hoàn toàn mất trí nhớ. Thậm chí nó không nhớ nổi tên mình. Nơi nó đã sống, ngôi trường của nó, mặt cha mẹ nó, tất cả đã bị xóa sạch trong đầu. Nó không còn biết đọc và thậm chí không có khái niệm gì về nước Nhật hay Trái Đất nữa. Nó đã trở về thế giới này với đầu óc sạch trơn. Như một tờ giấy trắng.

Chương 9

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình nằm như một khúc gỗ trên đất ẩm giữa bụi rậm. Trời tối quá, tôi chẳng nhìn thấy gì.

Dựa đầu lên bụi mâm xôi tua tủa gai, tôi hít một hơi thật sâu và ngửi thấy mùi cây, mùi đất lẫn với mùi cứt chó khăm khẳm. Tôi nhìn thấy trời đêm qua những cành cây. Vắng trăng sao, nhưng trời sáng một cách kỳ lạ. Mây như tấm bình phong phản chiếu tất cả ánh sáng từ bên dưới. Xa xa, tiếng còi xe cấp cứu rền rĩ, lại gần hơn rồi nhỏ bặt dần. Lắng tai nghe thật kỹ, tôi có thể nhận ra tiếng bánh xe chạy rào rạo trên đường. Tôi đoán mình hẳn đang ở một chỗ nào đó trong thành phố.

Tôi cố tĩnh trí lại và gom lượm các mảnh của bản ngã *tôi* vương vãi khắp xung quanh như những miếng rời của một trò chơi ghép hình. *Đây là lần đầu tiên mình ở trong hoàn cảnh thế này, tôi nghĩ.* Hay là không phải? Tôi đã có cái cảm giác này ở đâu đó, trước đây. Nhưng vào thời điểm nào? Tôi lục lọi trí nhớ, nhưng sợi chỉ mỏng manh ấy liền đứt phựt. Tôi nhắm mắt lại và để mặc thời gian trôi qua.

Tôi giật nảy mình hoảng hốt khi chợt nhớ đến chiếc ba lô. Tôi đã để nó ở đâu nhỉ? Không thể để mất nó được: tất cả những gì tôi sở hữu đều ở trong đó. Nhưng làm sao tôi có thể tìm ra nó trong đêm tối? Tôi ráng đứng dậy, nhưng chân tay tôi đã kiệt lực, rã rời.

Tôi cố giơ bàn tay trái lên - sao đột nhiên nó lại nặng thế? - và gí chiếc đồng hồ vào sát mặt, dõi mắt vào nó thì đọc thấy: 23g26 ngày 28 tháng Năm. Tôi nghĩ đến cuối nhật ký của mình. 28 tháng Năm... tốt - vậy là tôi đã không mất ngày nào. Tôi đã không nằm đây lạnh lẽo nhiều ngày. Cùng lắm, tôi mới chỉ bất tỉnh mấy tiếng đồng hồ. Có thể độ bốn giờ, tôi đoán.

28 tháng Năm... một ngày như bất kỳ ngày nào khác, vẫn y xì cái thông lệ ấy, chẳng có gì bất thường. Tôi đến phòng tập thể dục, rồi đến Thư viện Komura. Tập trên các thiết bị như mọi khi, đọc Soseki vẫn trên chiếc ghế bành ấy. Ăn tối ở gần ga xe lửa, tôi còn nhớ là ăn cá hồi với xúp miso và sa-lát, hai lần xới cơm. Sau đó... sau đó, tôi không biết điều gì đã xảy ra.

Vai trái tôi hơi đau. Cảm giác hồi lại, cái đau cũng thức giấc. Chắc tôi đã đâm sầm vào một vật gì khá rắn. Tôi đưa tay phải xoa xoa chỗ đau. Không thấy vết thương hoặc sưng tấy gì. Có lẽ tôi bị đụng xe chăng? Nhưng quần áo tôi không bị rách và chỗ đau duy nhất là ở vai trái. Có lẽ chỉ là một vết bầm.

Tôi rờ rẫm quanh trong bụi rậm, nhưng chỉ thấy cành nhánh cứng

đơ và cong queo như trái tim những con vật nhỏ bị hành hạ. Chẳng thấy ba lô nào cả. Tôi lục hết các túi quần. Đội ơn Chúa, ví hãy còn đây. Trong đó có chút tiền mặt, chìa khóa khách sạn, một thẻ điện thoại. Ngoài ra, tôi còn có một túi tiền xu, một mùi soa, một bút bi. Trong chừng mực tôi có thể nhận biết trong đêm tối, thì không thiếu gì cả. Tôi đang mặc một chiếc quần vải bông màu kem, một chiếc áo phông trắng cổ chữ V bên trong một chiếc sơ mi bò dài tay cộng thêm đôi giày Topsiders màu xanh nước biển. Riêng chiếc mũ bóng chày mang tên đội New York Yankees đã biến mất. Tôi nhớ là có đội nó khi ra khỏi khách sạn, nhưng bây giờ thì không. Chắc tôi đã đánh rơi nó hoặc để quên ở chỗ nào đó. Không quan trọng lắm. Thứ này một đồng một tá, mua đâu chả có.

Cuối cùng, tôi cũng tìm thấy cái ba lô của mình. Nó dựa vào một thân cây thông. Quái quỷ làm sao mà tôi lại để nó đấy rồi đâm đầu gục ngã trong cái bụi rậm này? *Tôi đang ở cái chỗ quái quỷ nào đây?* Trí nhớ của tôi đông cứng lại rồi. Dù sao, điều quan trọng là tôi đã tìm thấy nó. Tôi lấy chiếc đèn pin mini ở túi cạnh ra soi để kiểm tra bên trong. Xem ra không thiếu gì cả. Đội ơn Chúa, toàn bộ tiền của tôi ở trong đó cả.

Tôi khoác ba lô lên vai và bước khỏi bụi rậm, gạt những cành nhánh chắn lối, cho đến khi ra tới một chỗ quang hơn. Ở đây có một con đường nhỏ và tôi cứ theo vệt sáng của cây đèn pin đến một khoảng có chút ánh sáng. Đó có vẻ là khuôn viên của một miếu đường Shinto. Thì ra tôi đã bị ngất trong một cánh rừng nhỏ đằng sau tòa chính của miếu đường.

Một ngọn đèn thủy ngân trên một cây cột cao soi sáng cả khu miếu đường rộng, rọi một thứ ánh sáng lạnh lẽo lên hòm đựng đồ cúng tế cùng các bài vị bên trong miếu đường. Bóng tôi trên lớp sỏi nom dài đến độ quái dị. Tôi thấy tên của miếu đường trên một bảng tin và ghi nó vào trong bộ nhớ. Không có ai khác ở quanh đây. Thấy một phòng vệ sinh gần đó, tôi bước vào; hóa ra nó khá sạch. Tôi cởi ba lô và rửa mặt, rồi kiểm tra hình ảnh của mình phản chiếu trên tấm gương mờ xỉn bên trên bồn rửa mặt. Tôi chờ đợi thấy mình xấu xí nhất và tôi đã không thất vọng - nom tôi thật gớm ghiếc. Một bộ mặt tái nhợt với đôi má hóp đang trừng trừng nhìn lại tôi, cổ đầy bùn, tóc tua tủa chĩa ra khắp phía.

Tôi chợt nhận thấy một cái gì đen đen phía trước áo phông của tôi, tựa như con bướm lớn xòe cánh. Tôi phủi nó đi nhưng nó vẫn bám chặt. Tôi sờ vào nó, thấy tay mình dính nhớp. Tôi cần phải bình tĩnh lại, cho những tôi cố tình dềnh dàng, chậm rãi cởi cả hai chiếc áo đang mặc. Dưới ánh đèn nêông, tôi nhận ra đó là một vết máu - khá nhiều máu còn tươi và ướt, nhưng đã đen lại khi thấm vào vải. Tôi đưa lên mũi ngửi, nhưng nó không có mùi gì. Máu cũng vấy sang

cả áo sơ mi bò, nhưng ít thôi và không lộ rõ trên nền vải xanh thẫm. Vệt máu trên áo phông thì khác - rõ mồn một trên nền trắng, không thể lầm lẫn được.

Tôi giặt chiếc áo phông ở bồn rửa mặt. Máu hòa vào nước, nhuộm đỏ chất sứ của bồn. Mặc dù tôi ra sức vò, vết hoen vẫn không đi. Tôi đã toan quẳng chiếc áo phông vào thùng rác, song lại thôi. Nếu phải vứt bỏ thì nên tìm chỗ khác tốt hơn. Tôi vắt kiệt rồi nhét nó vào một túi ni lông cùng với những đồ đã giặt, và tống tất cả vào ba lô. Tôi dấp nước lên tóc, gỡ cho khỏi quá bù rối. Rồi lấy xà phòng trong túi đựng đồ vệ sinh ra, rửa tay. Tay vẫn còn hơi run, nhưng tôi cứ nhẩn nha, rửa thật kỹ các kẽ ngón và dưới móng. Tôi lấy khăn ướt chùi sạch chỗ máu thấm vào ngực. Rồi mặc chiếc sơ mi bò vào, cài cúc đến tận cổ, nhét vạt vào trong quần cẩn thận.

Tôi không muốn người ta nhìn mình nên phải chỉnh trang lại, ít ra nom cũng gần như bình thường.

Nhưng tôi vẫn sợ chết khiếp, răng vẫn đánh đàn. Dù cố hết sức, tôi cũng không sao kìm được. Tôi xòe tay ra nhìn. Cả hai tay đều hơi run, nom như tay người khác chứ không phải tay mình. Như hai con thú nhỏ có đời sống độc lập. Gan bàn tay nhoi nhói như vừa nắm phải một thanh sắt nóng.

Tôi tì hai tay lên thành bồn rửa mặt, ngả người về phía trước, áp đầu vào gương. Tôi cảm thấy muốn khóc, nhưng cho dù tôi có khóc, cũng sẽ chẳng có ai đến cứu tôi. Chẳng có ai...

Chà, làm sao cậu dính đầy máu trên người thế? Cậu làm cái quái quỷ gì vậy? Nhưng mà cậu chả nhớ gì sất, đúng không. Tuy nhiên, trên người cậu không có vết thương nào, thế cũng đỡ. Cũng không đau đớn gì thực sự - trừ chỗ nhói buốt ở vai trái. Vậy chắc là máu của ai khác, chứ không phải của cậu. Máu của một người nào khác.

Dù sao chăng nữa, cậu cũng không thể ở lại đây mãi. Nếu như tình cờ một chiếc xe tuần tra phát hiện ra cậu ở đây, người đầy máu, thì rắc rối to đấy, bạn trẻ ạ. Cố nhiên, quay về khách sạn có thể không phải là một ý hay. Biết đâu chả có người đã rình sẵn ở đấy, sẵn sàng chộp cậu. Thận trọng mấy cũng không thừa. Có vẻ như cậu bị dính vào một tội ác nào đó, một vụ gì mà cậu không nhớ nổi. Có khi chính cậu là thủ phạm cũng nên. Biết đâu đấy?

May sao, cậu vẫn còn tất cả đồ đạc bên mình. Cậu đã khá cẩn thận, luôn luôn tha mọi thứ mình sở hữu theo trong cái ba lô nặng như cối đá này. Thế là tốt. Cậu đã làm những gì cần làm, không việc gì phải áy náy. Đừng sợ. Mọi thứ rồi sẽ ổn thôi. Nên nhớ: cậu là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất hành tinh, đúng không nào? Hãy tự chủ! Hít mấy hơi thật sâu và vận dụng trí não đi. Mọi sự sẽ tốt đẹp. Nhưng cậu phải rất cẩn thận đấy. Chúng ta vừa nói đến máu, máu thật chứ chẳng chơi đâu, máu của một người

khác. Mà không phải là một vài giọt. Biết đâu trong khi chúng ta đang nói chuyện đây, người ta đang truy lùng cậu cũng nên.

Tốt nhất là lên đường đi. Chỉ có một việc duy nhất cần làm, một nơi duy nhất cần đến. Và cậu biết đó là nơi nào.

Tôi hít vài hơi thật sâu để trấn tĩnh lại, rồi xách ba lô, ra khỏi phòng vệ sinh. Dưới ánh đèn thủy ngân, tôi giẫm trên sỏi lạo xạo, cố khởi động bộ não. Bật công tắc, vặn tay quay cho suy nghĩ vào guồng. Nhưng nó không chịu chạy - ắc-quy không đủ điện để phát động mô-tơ. Tôi cần một nơi nào ấm áp và an toàn để trốn tạm và tĩnh trí lại. Nhưng nơi nào? Nơi duy nhất tôi có thể nghĩ ra là thư viện. Nhưng Thư viện Komura lại đóng cửa cho đến mười một giờ trưa mai, và tôi cần có chỗ để ẩn náu cho đến lúc đó.

Tôi đi đến một phương án. Tôi ngồi xuống một chỗ kín và lấy chiếc điện thoại di động trong ba lô ra. Kiểm tra thấy nó vẫn kết nối với tổng đài trung tâm, tôi lục ví tìm số điện thoại của Sakura rồi bấm số. Ngón tay tôi vẫn còn lóng ngóng nên phải mất mấy lần mới bấm đúng và đầy đủ số. Đội ơn Chúa, cô không để máy trả lời tự động. Sau mười hai hồi chuông, cô cầm máy. Tôi xưng tên.

"Kafka Tamura," cô nhắc lại, không phấn khởi gì cho lắm. "Cậu có biết bây giờ là mấy giờ khuya rồi không? Mai mình lại phải dậy rất sớm."

"Tôi biết, tôi xin lỗi đã gọi muộn thế," tôi nói, giọng căng thẳng. "Nhưng tôi không có lựa chọn nào khác. Tôi đang gặp rắc rối và chị là người duy nhất tôi có thể nghĩ tới."

Đầu dây đằng kia không thấy trả lời. Hình như cô đang phân tích, cân nhắc giọng nói của tôi trong ý nghĩ.

"Chuyện có... nghiêm trọng không?" cuối cùng, cô hỏi.

"Tôi chưa thể nói chắc được, nhưng tôi nghĩ đó là chuyện nghiêm trọng đấy. Chị phải giúp tôi. Chỉ một lần này thôi. Tôi xin hứa sẽ không quấy rầy chị lâu."

Cô nghĩ một lúc. Không, không phải là cô do dự hay thế nào đâu, cô chỉ suy nghĩ thôi. "Vậy cậu đang ở đâu?"

Tôi nói tên của miếu đường.

"Có phải ở thành phố Takamatsu không?"

"Tôi không dám cô hắc hoàn toàn, nhưng tôi nghĩ thế."

"Thậm chí cậu không biết mình đang ở đâu?" cô sửng sốt hỏi.

"Đây là một câu chuyện dài."

Cô buông một tiếng thở dài. "Cậu hãy bắt taxi, đến cửa hàng Lawson. Nó ở góc phố gần chung cư mình đang ở, có treo biển rất to, không thể lọt khỏi mắt được." Cô chỉ hướng cho tôi. "Cậu có tiền đi taxi chứ?"

"Có," tôi nói.

"Tốt," cô nói và gác máy.

Tôi ra khỏi cái cổng rách nát của miếu đường và đi về phía đường cái để vẫy taxi. Cũng không phải chờ lâu. Tôi hỏi người lái có biết cửa hàng Lawson ở đâu không và anh ta nói có. Hỏi có xa không, anh ta bảo chỉ một cuốc xe mười "đô" thôi.

Xe đậu bên ngoài cửa hàng Lawson. Tôi trả tiền người lái xe, tay vẫn chưa hết run. Tôi khoác ba lô vào trong cửa hàng. Tôi khẩn trương đến nỗi Sakura còn chưa kịp tới. Tôi mua một bịch sữa, hâm nóng lên trong lò vi ba và chậm rãi nhấp từng ngụm. Sữa nóng trôi qua cuống họng, làm dịu dạ dày tôi đôi chút. Khi tôi bước vào cửa hàng, người gác gườm gườm nhìn cái ba lô của tôi, cảnh giác đề phòng bọn giả làm khách hàng để ăn cắp đồ, rồi sau đó chẳng ai chú ý đến tôi nữa. Tôi đứng ở ngăn báo, tạp chí, giả vờ chọn, kỳ thực để rà soát lại hình ảnh mình phản chiếu trên tủ kính. Tuy đầu óc tôi hãy còn hơi bù rối, nhưng khó ai có thể nhận ra vết máu trên chiếc sơ mi bò. Mà ví dụ có ai để ý thấy, chắc họ cũng nghĩ đó chỉ là một vết vấy bẩn. Lúc này, chỉ cần tôi đừng run nữa.

Mười phút sau, Sakura tới. Đã gần một giờ sáng. Cô mặc áo choàng dài tay và quần jeans bạc màu. Tóc đuôi ngựa, mũ lưỡi trai New Balance màu xanh nước biển. Vừa thấy cô, răng tôi hết đánh đàn. Cô tiến đến bên tôi và nhìn tôi từ đầu đến chân như xem xét hàm răng một con chó mà cô định mua vậy. Cô thốt ra một âm thanh nửa như thở dài nửa như rên rẩm, rồi khẽ vỗ vai tôi hai cái. "Đi nào," cô nói.

Căn hộ của cô ở cách cửa hàng Lawson hai khối nhà. Một ngôi nhà hai tầng tồi tàn. Cô lên cầu thang, lấy chìa khóa trong túi, mở cánh cửa gỗ màu xanh lá mạ. Căn hộ gồm hai phòng cộng với bếp và buồng tắm. Tường mỏng, sàn kêu cót két và có lẽ ánh sáng tự nhiên duy nhất nơi này có được vào ban ngày là khi nắng quái chiều hôm rọi vào. Tôi nghe thấy tiếng xả nước ở một căn hộ khác, tiếng đóng cửa tủ kèn kẹt đâu đó. Xoàng xinh, nhưng ít ra cũng đem lại cảm giác là có những con người thật đang sống những cuộc sống thật. Bát đĩa chồng đống trong bồn rửa ở bếp, những chai nhựa không, những số họa báo đọc dở, những đóa hoa tuy líp tàn úa, một bảng kê những thứ cần mua sắm dán trên tủ lạnh, những chiếc tất dài vắt trên thành ghế, một tờ báo trên bàn giở ra ở trang chương trình tivi, một cái gạt tàn, một hộp thuốc lá điếu mảnh Virginia Slims. Vì một lý do kỳ lạ, cái cảnh này lại làm tôi thư giãn.

"Đây là căn hộ của con bạn mình," cô giải thích. Trước nó cùng làm với mình trong một salon ở Tokyo, nhưng năm ngoái nó phải trở về Takamatsu, quê nó. Thế rồi nó bảo nó muốn đi du lịch Ấn Độ một tháng và nhờ mình đến trông nhà hộ. Mình làm thay công việc của nó

trong khi nó đi vắng. Nó cũng là thợ uốn tóc. Mình nghĩ đây là một dịp tốt để thay đổi không khí, ra khỏi Tokyo một thời gian. Nó thuộc loại New Age, nên mình ngờ là nó sẽ không chỉ ở lại Ấn Độ có một tháng thôi đâu."

Cô bảo tôi ngồi vào bàn ăn và mang cho tôi một lon Pepsi lấy từ tủ lạnh, không kèm theo cốc. Bình thường, tôi không uống loại này: quá ngọt và hại răng. Nhưng tôi đang chết khát, nên nốc cạn cả lon.

"Cậu muốn ăn gì không? Mình chỉ có mì ăn liền, có được không?"

"Tôi không đói," tôi nói.

"Trông sắc diện cậu thật khiếp, cậu biết không?"

Tôi gật đầu.

"Vậy đã xảy ra chuyện gì?"

"Giá mà tôi biết được!"

"Cậu không có ý niệm gì về điều đã xảy ra. Cậu thậm chí không biết mình đã ở đâu. Và đó là một câu chuyện dài," cô nói, liệt kê gọn các dữ liệu. "Nhưng rành là cậu đang gặp rắc rối."

"Rành là thế," tôi đáp. Tôi hy vọng là chí ít cô cũng tin vậy.

Im lặng. Trong khi đó, cô cau mày nhìn tôi chằm chằm. "Cậu thực sự không có bà con họ hàng ở Takamatsu, phải không? Cậu trốn nhà đi hoang."

Tôi lại gật đầu.

"Một lần, hồi bằng tuổi cậu, mình đã trốn khỏi nhà. Mình nghĩ mình hiểu những gì cậu đang trải qua. Vì thế mình mới cho cậu số điện thoại di động của mình. Mình nghĩ có thể cậu cần nó."

"Thành thực cám ơn chị," tôi nói.

"Gia đình mình ở Ichikawa thuộc tỉnh Chiba. Mình xung khắc với cha mẹ và không thích đi học, nên mình lấy trộm của gia đình một số tiền và bỏ trốn, cố đi thật xa. Hồi ấy mình mười sáu tuổi. Mình đến tận Abashiri, trên mạn Hokkaido ấy. Mình tạt vào một cái trạm tình cờ trên đường, xin làm việc ở đó. Mình sẽ làm bất cứ việc gì - mình nói với họ thế - và mình sẽ làm hết sức, không cần trả lương chừng nào họ cho mình ăn đầy đủ và một mái nhà che đầu. Bà chủ ở đó nhã nhặn mời mình ngồi dùng trà. Em chờ đây một chút nhé, bà nói vậy. Điều tiếp theo mình kịp nhận ra là một chiếc xe tuần tra xịch đến và cảnh sát lôi mình về nhà. Đó không phải là lần đầu bà chủ trại gặp chuyện như thế này. Bấy giờ mình mới nảy ra ý nghĩ là phải học một nghề gì đó, để rồi đây dù đi đến đâu cũng có thể kiếm được việc làm. Thế là mình bỏ trường trung học, chuyển sang một trường học nghề và trở thành thợ uốn tóc." Cô nhếch mép, khẽ mỉm cười. "Cậu có thấy đó là một cách lành mạnh để tiếp cận sự đời không?"

Tôi đồng ý với cô.

"Này, cậu có muốn kể cho mình nghe đầu đuôi câu chuyện không?" cô vừa nói vừa châm một điếu thuốc lá. "Đằng nào đêm nay mình cũng chả ngủ được mấy nữa, cho nên mình sẵn sàng nghe hết."

Tôi giải thích tất cả cho cô nghe, từ lúc bỏ nhà đi. Tuy nhiên, tôi bỏ qua phần liên quan đến điềm báo. Điều đó, tôi không thể kể cho bất kỳ ai, tôi biết thế.

Chương 10

"Vậy thì nếu Nakata này gọi cậu là Kawamura thì có được không?" Lão nhắc lại câu hỏi với mèo nâu vằn, phát âm chậm rãi, cố hết sức làm cho lời mình nói thật dễ hiểu.

Chú mèo này đã nói với lão là hình như chú đã bắt gặp Goma, con mèo cái mai rùa một tuổi bị lạc, ở quanh vùng này. Nhưng theo quan điểm của Nakata thì cách nói của chú rất kỳ. Cảm giác này là chung cho cả hai vì mèo ta dường như cũng chẳng hiểu lão mấy. Cuộc trò chuyện thành ra ông nói gà bà nói vịt.

"Tôi không phản đối, cái đầu cao nhất."

"Xin lỗi, nhưng Nakata này không hiểu cậu nói gì. Cậu bỏ quá cho, Nakata này không được sáng dạ cho lắm."

"Toàn là cá ngừ, từ đầu đến cuối."

"Cậu nói cậu muốn ăn cá ngừ chăng?"

"Không. Hai tay bị trói trước."

Nakata không bao giờ hy vọng có thể truyền đạt mọi điều một cách dễ dàng trong những cuộc trò chuyện với loài mèo như thế này. Cần phải dự kiến trước một số vấn đề khi mèo và người nói chuyện với nhau. Và còn có một nhân tố khác cần xem xét: chính cách nói năng của Nakata cũng có vấn đề - không chỉ với mèo mà cả với người nữa. Cuộc trò chuyện dễ dàng của lão với Otsuka tuần trước là một ngoại lệ chứ không phải thông lệ, vì truyền đạt một thông điệp, dù đơn giản, bao giờ cũng đòi hỏi rất nhiều cố gắng. Vào những ngày không thuận lợi thì cứ như hai người đứng hai bên bờ sông gào lên với nhau trong tiếng gió rít vậy. Và hôm nay cũng là một ngày như vậy.

Lão không biết tại sao, nhưng bắt trúng sóng của mèo nâu vằn là khó nhất. Với mèo đen đa phần là trôi chảy. Dễ nhất là giao tiếp với mèo Xiêm, nhưng khốn thay lại chẳng có mấy mèo Xiêm lang thang ngoài phố, cho nên hiếm khi gặp được. Mèo Xiêm thường được nâng niu chăm bẵm trong nhà. Và vì một lý do nào đó, mèo nâu vằn chiếm đa số trong đám đi hoang.

Ngay cả đã biết trước, Nakata vẫn thấy Kawamura là bất khả giải mã. Chú phát âm không rõ, khiến Nakata không sao nắm bắt được nghĩa của từng từ cũng như tương quan giữa các từ. những gì chú thốt ra nghe giống câu đố hơn là câu nói đích thực. tuy nhiên, Nakata cực kỳ kiên nhẫn, lại có thừa thời gian. Lão nhắc đi nhắc lại cùng một câu hỏi, khiến mèo ta phải nhắc lại câu trả lời nhiều lần. cả hai ngồi trên bức tường đá thấp rào quanh một công viên nhỏ dành cho

thiếu nhi trong một khu dân cư. Họ đã nói chuyện với nhau gần một tiếng đồng hồ, cứ loanh quanh luẩn quẩn trong mớ bòng bong.

"*Kawamura* chỉ là cái tên lão đặt ra để gọi cậu cho tiện, chứ chẳng có nghĩa gì cả... Nakata này đặt tên cho mỗi cô cậu mèo cho dễ nhớ thôi. Lão đảm bảo nó sẽ không gây phiền phức gì cho cậu. Lão chỉ thích gọi cậu như thế, nếu cậu không phản đối."

Kawamura đáp lại bằng những tiếng lầm bầm không ai hiểu nổi. Thấy tình hình này khó mà sớm chấm dứt, Nakata quyết định chuyển hướng bằng cách đưa cho Kawamura xem tấm hình con Goma một lần nữa.

"Cậu Kawamura, đây là Goma, con mèo mà Nakata này đang tìm. Một con mèo mai rùa một tuổi. Chủ của nó là ông bà Koizumi ở khối nhà 3. Nogata. Nó biến mất tăm một thôi rồi. Bà Koizumi mở cửa sổ, thế là nó nhảy vọt ra ngoài, chạy mất. Vậy một lần nữa, lão xin hỏi cậu, cậu có trông thấy nó không?"

Kawamura lại nhìn bức ảnh và gật đầu.

"Nếu là cá ngừ, Kwa'mura trói. Trói chặt, cố tìm ra."

"Xin lỗi, nhưng như lão vừa nói lúc nãy, Nakata này không sáng dạ cho lắm, nên không hiểu rõ cậu nhằm chỉ cái gì. Xin cậu vui lòng nhắc lại."

"Nếu là cá ngừ, Kwa'mura cố. Cố tìm ra và trói chặt nó lại."

"Cậu nói *cá ng*ừ theo đúng nghĩa là cá chứ?"

"Thử cá ngừ, trói nó, Kwa'mura."

Nakata vò mái tóc muối tiêu húi cua, ngẫm nghĩ. Làm thế nào để giải câu đố *cá ng*ừ này và thoát ra khỏi cuộc trò chuyện rắm rối như mớ bòng bong này? Nhưng tha hồ cho lão vắt óc, vẫn không ra manh mối nào. Nói cho cùng, suy nghĩ theo lô-gích không phải là sở trường của lão. Hoàn toàn dửng dưng với thế bí của lão, Kawamura nhấc một chân sau lên gãi cằm sồn sột.

Đúng lúc ấy, Nakata nghe như có tiếng cười khe khẽ sau lưng. Lão ngoảnh lại và trông thấy một mèo Xiêm thon thả, kiêu diễm, ngồi trên một bức tường bê tông thấp tè cạnh một ngôi nhà, đang him mắt nhìn lão.

"Xin lỗi, chẳng hay có phải bác Nakata đấy không? Mèo Xiêm ỏn ẻn hỏi.

"Phải, chính thế. Tên lão là Nakata. Rất hân hạnh."

"Rất hân hạnh," mèo Xiêm đáp.

"Từ sáng nay trời đã đầy mây, nhưng lão không nghĩ là sắp mưa," Nakata nói.

"Hy vọng là sẽ không mưa."

Đó là một nàng mèo Xiêm xấp xỉ trung niên. Cô nàng kiêu hãnh dựng thẳng đuôi lên và phô một vòng cổ có gắn thẻ ghi tên. Nét mặt dễ thương, người thon thả, không một chút mỡ thừa.

“Xin gọi em là Mimi. Mimi trong bài Cô gái Bô-hê-miêng ấy. Có một bài hát về em mà. *Si, Mi Chiamano Mimi*.”

“Ra thế,” Nakata nói, thật ra chẳng hiểu gì.

“Một vở nhạc kịch của Puccini. Ông chủ em rất mê nhạc kịch,” Mimi nói với một nụ cười khả ái. “Em những muốn hát bài đó cho bác nghe, nhưng tiếc thay, giọng em lại quá dở.”

“Nakata này rất sung sướng được gặp cô, Mimi-san[10].”

“Em cũng thế, thưa bác Nakata.”

“Cô ở gần đây?”

“Vâng, ở ngôi nhà hai tầng đằng kia kìa. Nhà ông bà Tanabe. Bác trông thấy chứ? Ngôi nhà có chiếc BMW530 màu kem đậu trước cửa ấy.”

“Ra thế,” Nakata lặp lại. Lão chẳng biết BMW là gì, nhưng lão có thấy một cái ô-tô màu kem. Chắc Mimi định nói cái ấy.

“Bác Nakata,” Mimi nói, “em thuộc loại mèo tự chủ, hay có thể nói là rất thích sự riêng tư, nên bình thường em không can thiệp vào chuyện của người khác. Nhưng cái thằng nhỏ kia – cái thằng mà hình như bác gọi là Kawamura ấy? – không phải là đứa thông minh sáng láng gì. Tội nghiệp, dạo bé nó bị xe đạp cán, va đầu vào bê-tông. Từ đó trở đi nó đâm ngớ ngẩn. Thành thử, dù bác có kiên nhẫn đến mấy với nó (như em đã thấy thế), bác cũng chả đi tới đâu. Em đã quan sát một lúc và em nghĩ mình không thể chỉ ngồi suông. Em biết thế này là đường đột, nhưng em cần phải nói đôi điều.”

“Không, xin cô đừng nghĩ thế. Lão rất mừng được cô chỉ giáo. Nakata này cũng đần độn như Kawamura và không thể nên cơm cháo gì nếu không được người khác giúp đỡ. Vì thế nên lão mới được ngài Tỉnh trưởng *chợ cấp* hàng tháng. Nên lão rất mừng được nghe ý kiến của cô, Mimi-san ạ.”

“Em hiểu là bác đang tìm một con mèo,” Mimi nói. “Xin bác lưu ý, em không nghe trộm đâu, nhưng tình cờ nó lọt vào tai em trong khi em ngủ trưa ở đây. Bác nói tên nó là Goma?”

“Phải, chính xác thế.”

“Và Kawamura đã trông thấy Goma?”

“Là nó nói với lão thế. Nhưng rồi sau đó, nó nói gì lão chả hiểu.”

“Bác Nakata, nếu bác không phiền, em sẽ vào cuộc và thử nói chuyện với nó. Hai mèo giao lưu với nhau vẫn dễ hơn, mà em lại rất quen với cách nói của nó. Vậy hãy để em thăm dò nó, moi thông tin, rồi sẽ tóm tắt bác nghe.”

“Thế thì được việc quá.”

Mèo Xiêm khẽ gật đầu, rồi như một vũ nữ ba-lê, nhẹ nhàng nhảy từ bức tường bê-tông xuống. Cái đuôi đen dựng đứng như cái cột cờ, cô nàng thong dong bước tới, ngồi cạnh Kawamura. Nó lập tức hít hà mông Mimi, nhưng nàng mèo Xiêm vả ngay cho nó một cái vào mõm, làm mèo nhóc lùi lại. Không để nó kịp thở, Mimi bồi thêm một cú nữa vào giữa mũi.

“Giờ thì chú ý nghe cho kỹ nhé, đồ óc bã đậu thối tha!” Mimi rít lên, rồi quay lại phía Nakata như để phân bua. “Phải cho nó biết đâu là người trên kẻ dưới, kẻo sẽ chẳng bao giờ đi đến đâu. Nếu không, nó sẽ ú ớ suốt và bác sẽ chỉ nghe toàn những thứ nhăng cuội. Tình trạng này không phải lỗi tại nó, và em cũng ái ngại cho nó, nhưng biết làm thế nào?”

“Lão hiểu,” Nakata nói, mà không dám chắc mình hiểu cái gì.

Hai con mèo bắt đầu trò chuyện, nhưng chúng nói nhanh và lí nhí đến nỗi Nakata không nắm bắt được tí gì. Mimi cật vấn Kawamura bằng một giọng gay gắt, con mèo nhóc trả lời một cách rụt rè, mỗi lần ngập ngừng lại ăn một cái tát không thương xót vào mặt. Cô nàng mèo Xiêm này vừa thông minh vừa có học vấn. Cho đến nay, Nakata đã gặp rất nhiều mèo, nhưng chưa từng thấy con nào biết thưởng thức nhạc kịch và thông thạo các mô-đen xe hơi. Kính nể, lão theo dõi Mimi tiến hành cuộc điều tra một cách khẩn trương, đầu hiệu quả.

Nghe xong mọi thứ, Mimi đuổi chú mèo nhóc đi. “Xéo!” cô nàng quát và nó cun cút lủi mất.

Mimi thân ái sà vào nằm gọn trong lòng Nakata. “Em nghĩ là đã nắm được cốt lõi vấn đề.”

“Đa tạ,” Nakata nói.

“Con mèo này – tức Kawamura – nói nó đã trông thấy Goma mấy lần ở một bãi cỏ ngay cuối con đường này. Đó là một bãi đất trống, người ta định xây nhà trên đó. Một hãng kinh doanh bất động sản đã mua cái xưởng phụ tùng của một công ty xe hơi, phá bỏ đi để xây dựng một chung cư cao cấp thế vào. Một phong trào của cư dân trong khu đã phản đối dự án này, cuộc chiến pháp lý nổ ra và việc xây dựng phải đình lại. Thời buổi này chuyện như thế xảy ra thường xuyên. Nơi này cỏ mọc um tùm và chẳng mấy người lai vãng, nên trở thành nơi trú ngụ lý tưởng cho tất cả bọn mèo đi hoang trong vùng. Em chả giao du nhiều, em không muốn lây rận, nên chả mấy khi đến đấy. Chắc bác cũng biết, rận cũng giống như thói quen, một khi mắc phải thì khó mà rũ bỏ được.”

“Lão hiểu,” Nakata nói.

“Nó bảo em là con kia giống con trong ảnh: một con mai rùa bé

xinh, nhút nhát, đeo đai cổ chống rận. nó cũng không thạo nói. Rõ ràng đó là một con mèo nhà ngây ngô không tìm ra đường về nhà."

"Không biết đó là hôm nào nhỉ?"

"Lần gần đây nhất Kawamura thấy nó là cách đây ba hay bốn hôm. Nó chẳng sáng dạ gì, thậm chí không biết ngày thứ mấy nhưng nó nói đó là sau hôm mưa, nên em nghĩ chắc là thứ Hai. Em nhớ là hôm Chủ nhật mưa rất to mà."

"Nakata này cũng không thông thạo các ngày trong tuần, nhưng cũng nghĩ trời đã đổ mưa vào quãng ấy. Kể từ đó Kawamura không thấy nó nữa ư?"

"Đó là lần cuối cùng. Những con mèo khác cũng không thấy nó nữa, Kawamura nói thế. Tuy nó đần độn, vô tích sự, nhưng em đã dồn ép nó ráo riết và em tin phần lớn những điều nó nói."

"Lão thành thực cảm ơn cô."

"Có gì đâu, chính em cảm thấy hài lòng. Phần lớn thời gian em chỉ có lũ mèo ẩm ương quanh đây để chuyện trò, chẳng có gì là tâm đầu ý hợp cả. Bực hết chỗ nói. Cho nên được nói chuyện với một con người khôn ngoan như bác, giống như đang oi nồng bỗng được một luồng khí mát vậy."

"Lão hiểu," Nakata nói. "Có một điều Nakata này chưa rõ lắm. cậu Kawamura cứ luôn miệng nhắc đến *cá ngừ*, không biết có nhằm chỉ đích thị con cá ấy không?"

Mimi uyển chuyển nhấc chân trước bên trái lên, xem xét kỹ lòng bàn chân hồng hồng và cười khúc khích. "Em nghĩ từ vựng của cái thằng nhóc này chẳng giàu có gì cho lắm."

"*Từ vựng* ư?"

"Em muốn nói số từ nó biết rất hạn chế. Cho nên đối với nó, bất cứ cái gì ăn ngon miệng đều là *cá ngừ*. Đối với nó, cá ngừ là tinh hoa của tinh hoa trong lĩnh vực thức ăn. Nó đâu có biết là còn có những thứ như cá tráp, cá bơn lưỡi ngựa, cá đuôi vàng."

Nakata hắng giọng. "Thực ra Nakata này cũng rất khoái món cá ngừ. Cố nhiên, lão thích cả lươn nữa."

"Em cũng khoái ăn lươn. Tuy đó không phải là thứ ngày nào cũng có mà ăn."

"Đúng thế. Không phải ngày nào cũng có lươn mà ăn."

Rồi cả hai im lặng một lúc, đắm trong những tơ tưởng về lươn.

"Dù sao đi nữa, điều Kawamura muốn nói là thế này," Mimi nói, như chợt nhớ ra. "Không lâu sau khi lũ mèo hoang trong khu bắt đầu chọn bãi đất trống này làm chỗ trú chân, một người xấu chuyên bắt mèo xuất hiện. Đám mèo khác cho rằng người này đã bắt Goma mang đi. Y kiếm thức ăn ngon nhử bọn chúng, rồi bỏ chúng vào một cái bị

lớn. Người này bắt mèo rất thiện nghệ và một con mèo ngây thơ, đói ăn như con Goma rất dễ rơi vào bẫy của y. Ngay cả đám mèo hoang sống quanh đây, vốn rất thận trọng, cũng mất vài mống vào tay y. Thật gớm ghiếc, vì đối với một con mèo, không gì khốn khổ hơn là bị nhét vào trong một cái bị."

"Lão hiểu," Nakata nói và một lần nữa lại đưa tay lên vò mái tóc muối tiêu. "Nhưng cái gã ấy nó làm gì với những con mèo sau khi bắt chúng?"

"Cái ấy thì em không biết. Dạo xưa, người ta thường lấy da mèo làm dây đàn shamisen, nhưng ngày nay không có nhiều người chơi shamisen nữa. Với lại, em nghe nói bây giờ người ta chủ yếu dùng dây bằng plastic. Ở một số nơi trên thế giới, người ta ăn thịt mèo, tuy nhiên, đội ơn Chúa, ở Nhật Bản thì không. Cho nên em nghĩ ta có thể loại trừ cả hai khả năng ấy. Còn lại... Để em xem... Mèo còn được dùng trong những thí nghiệm khoa học. Số này khá nhiều đấy. Thực tế, một con bạn em đã bị đưa vào một cuộc thử nghiệm tâm lý ở trường Đại Học Tokyo. Một sự khủng khiếp, nhưng đó là một câu chuyện dài, lúc này em không muốn kể. Lại còn có những kẻ bệnh hoạn thích hành hạ mèo, chẳng hạn như bắt mèo rồi chặt đứt đuôi, coi đó là một thú vui, số này không nhiều, nhưng cũng phải tính đến."

"Sau khi chặt đuôi mèo, họ làm gì?"

"Chẳng gì nữa hết. họ chỉ muốn hành hạ mèo và làm đau chúng, thế thôi. Vì một lý do nào đó, họ cảm thấy dễ chịu khi làm thế. Trên đời có những kẻ quái đản như thế đấy."

Nakata ngẫm nghĩ một lúc. Làm sao mà chặt đuôi một con mèo lại có thể là một thú vui được? "Vậy cô nói rằng có thể một trong số những con người *quái đản* ấy đã bắt Goma đi?" lão hỏi.

Mimi cau mày, bộ ria mép dài trắng xoắn lên. "Em đâu có muốn nghĩ thế, nhưng đó là một khả năng. Bác Nakata, em sống chưa được bao năm, nhưng em đã thấy những điều kinh khủng không tưởng tượng nổi. Nhiều người nhìn bề ngoài tưởng đời sống của mèo là tuyệt vời – suốt ngày nằm dài tắm nắng, chẳng phải động chân nhấc tay làm một việc gì. Nhưng đời sống của mèo đâu có thơ mộng thế. Loài mèo là những sinh vật nhỏ bé, yếu đuối, dễ bị tổn thương. Chúng tôi không có mai cứng như rùa, không có cánh như chim. Chúng tôi không biết đào sâu vào lòng đất như chuột chũi, không đổi được màu như tắc kè hoa. Thiên hạ không hề biết mỗi ngày có bao nhiêu mèo bị thương hoặc chết thảm chết thê. Em may mắn được sống với ông bà Tanabe trong một gia đình ấm cúng và thân ái, lũ trẻ đối xử tốt với em và em có mọi thứ em cần. Nhưng ngay cả như thế, đời sống của em không phải lúc nào cũng dễ dàng. Còn bọn mèo hoang thì thật là khốn khổ."

“Mimi, cô thật là thông minh,” Nakata nói, thán phục tài hùng biện của nàng mèo Xiêm.

“Không, không đâu,” Mimi đáp, nheo mắt lại bối rối. “Chỉ là em suốt ngày nằm dài trước tivi và kết quả là thế này: đầu em trở nên đầy những kiến thức vô bổ. Bác Nakata, bác có bao giờ xem tivi không?”

“Không, Nakata này không xem tivi. Những người trên tivi nói quá nhanh, lão không nghe kịp. Lão đần, không biết đọc mà đã không biết đọc thì tivi chả có mấy ý nghĩa. Thi thoảng lão cũng nghe đài, nhưng đài nói cũng quá nhanh, làm lão mệt. Không, lão khoái thế này hơn nhiều: ra ngoài trò chuyện với mèo dưới bầu trời xanh.”

“Thật vậy,” Mimi nói.

“Chính thế,” Nakata nói.

“Em thực sự hy vọng là Goma không sao.”

“Cô Mimi, Nakata này sẽ đến ngó qua cái bãi trống ấy một cái.”

“Theo Kawamura, người ấy rất cao, y đội một cái mũ cao thành kỳ dị và đi ủng da, bước rất nhanh. Nom y thật khác thường, nên bác có thể nhận ra ngay. Bọn mèo quen tụ tập ở bãi trống, hễ trông thấy y là chạy tán loạn đi khắp phía. Nhưng con nào mới đến không biết thì...”

Nakata cẩn thận cất giữ thông tin đó vào một ngăn kéo trong đầu để khỏi quên: *người ấy rất cao, đội một cái mũ cao thành kỳ dị và đi ủng da.*

“Hy vọng là em cũng giúp ích được phần nào,” Mimi nói.

“Nakata này xin đa tạ về tất cả những gì cô đã làm. Nếu cô không có nhã ý lên tiếng, thì đến giờ lão vẫn còn luẩn quẩn với hai chữ *cá ngừ*. Lão rất cảm ơn.”

“Em nghĩ,” Mimi nói, lo âu ngước nhìn Nakata, “con người này *đem lại rắc rối đấy*. Rất nhiều rắc rối là đằng khác. Y nguy hiểm hơn bác tưởng nhiều. Ở địa vị bác, em sẽ chẳng bén mảng đến bãi đất trống ấy làm gì. Nhưng xét cho cùng, bác là một con người, bác có công việc của bác, nhưng em mong bác hết sức cẩn trọng.”

“Cám ơn nhã ý của cô, lão sẽ hết sức thận trọng.”

“Bác Nakata, thế giới này là một chốn hung bạo khủng khiếp. Và không ai có thể thoát khỏi sự hung bạo. Xin bác hãy luôn nhớ điều này. Có cẩn trọng bao nhiêu cũng không thừa. Điều đó áp dụng với cả mèo lẫn người.”

“Lão sẽ ghi nhớ điều đó,” Nakata đáp.

Nhưng sự hung bạo ấy ở đâu và như thế nào, thì lão chẳng hay biết chút gì. Thế giới này đầy những thứ mà Nakata không tài nào hiểu nổi và phần lớn những thứ dính dáng đến hung bạo đều thuộc loại này.

Sau khi chào tạm biệt Mimi, lão đến xem khu bãi trống. hóa ra nó chỉ bằng một cái sân chơi nhỏ, quây kín bởi một hàng rào can bằng gỗ dán, với một tấm biển mang dòng chữ: CẤM VÀO – CÔNG TRƯỜNG XÂY DỰNG NAY MAI (mà dĩ nhiên Nakata không đọc được). Một khóa xích nặng nề chắn lối vào, nhưng vòng ra phía sau thì có một lỗ hổng ở hàng rào, và lão có thể chui vào dễ dàng. Chắc là đã có ai phá ra.

Toàn bộ nhà kho trước đây đã dỡ bỏ, nhưng đất chưa được san nền để xây dựng, nên cỏ mọc um tùm. Một đôi bướm dập dờn quanh những ngọn cỏ roi vàng cao bằng đầu trẻ con. Những mô đất rắn lại bởi nước mưa, có chỗ nhô cao thành gò. Một nơi lý tưởng cho mèo. Người chẳng ai rỗi hơi mò đến, bên trong rất nhiều chỗ ẩn nấp, lại có đủ loại sinh vật nhỏ nhoi để săn bắt.

Chẳng thấy Kawamura đâu cả. Có hai con mèo gầy nhom, lông xác xơ đang ở đó, nhưng khi Nakata lên tiếng chào thân ái, chúng chỉ lạnh lùng nhìn lão rồi biến vào trong đám cỏ rậm. Điều đó cũng dễ hiểu – ai lại muốn bị bắt và bị chặt đuôi? Bản thân Nakata chắc chắn cũng không muốn điều đó xảy ra với mình, mặc dù lão không có đuôi. Chả có gì là lạ khi bọn mèo e ngại lão.

Nakata đứng lên một mô đất cao hơn, nhìn khắp xung quanh. Chẳng có ai khác, chỉ thấy lũ bướm bay lượn trên đám cỏ dại, tìm kiếm một cái gì. Lão tìm thấy một chỗ ngồi tốt, đặt chiếc túi vải khoác trên vai xuống, lấy ra hai cái bánh nhân đậu xanh, ăn thay bữa trưa. Lão uống trà nóng từ một bình thủy mang theo, lim dim mắt lặng lẽ nhấp từng ngụm nhỏ. Một cuối trưa yên tĩnh. Mọi vật đều yên bình và hài hòa. Nakata thấy khó tin là có kẻ đang rình rập để bắt mèo về tra tấn.

Lão vừa nhai vừa vò mái tóc muối tiêu cắt ngắn. nếu có ai khác cùng ngồi đây, hẳn lão đã phân trần *Nakata chẳng sáng dạ gì*, nhưng rủi thay, lão chỉ có một mình. Lão chỉ có thể gật gù với chính mình một vài lần và tiếp tục nhai. Ăn xong hai cái bánh, lão gấp tờ giấy bóng kính gói bánh lại thật vuông vắn rồi cất vào túi. Lão đậy nắp phích, vặn chặt lại và cũng bỏ vào túi luôn. Trời có một lớp mây che phủ, nhưng nhìn màu mây, Nakata biết mặt trời đang ở ngay trên đỉnh đầu.

Người ấy rất cao, đội một cái mũ cao thành kỳ dị và đi ủng da.

Nakata cố hình dung con người ấy, nhưng lão không sao mường tượng được *một cái mũ cao thành kỳ dị và đôi ủng da* như thế nào. Kawamura đã nói với Mimi rằng nhìn thấy y là biết ngay thôi. Cho nên Nakata quyết định là cứ đợi đến khi nhìn thấy y. Đó rành là kế hoạch tốt nhất. Lão đứng dậy và tè luôn vào đám cỏ - một bãi nước đái thật thà không khách sáo, kéo dài – rồi đi tới một góc bãi khuất kín nhất và ngồi đó đến hết buổi chiều, chờ con người kỳ dị kia xuất hiện.

Chờ đợi là một nhiệm vụ chán ốm. Lão không có manh mối bào để biết bao giờ thì người ấy xuất hiện trở lại – có thể là mai, có thể là cả tuần nữa. Hoặc có thể là chẳng bao giờ nữa cũng nên – đó cũng là một khả năng chứ. Nhưng Nakata đã quen chờ đợi vô mục đích, tiêu thời gian một mình, chẳng làm gì cả. Lão chẳng mảy may lấy thế làm phiền.

Thời gian không thành vấn đề đối với lão. Thậm chí lão không cần đồng hồ. Nakata hành động theo cảm thức riêng của mình về thời gian. Trời rạng ra là sáng, mặt trời lặn và trời tối đen là đêm. Hễ trời tối là lão đến nhà tắm công cộng gần chỗ mình ở, tắm xong thì về nhà ngủ. Có một số ngày trong tuần, nhà tắm công cộng đóng cửa, những hôm đó lão nghỉ tắm và về thẳng nhà. Dạ dày báo cho lão biết giờ ăn và khi nào đến kỳ đi lĩnh *chợ cấp* (gần đến ngày đó, bao giờ cũng có một ai đó có nhã ý nhắc lão) là lão biết thêm một tháng đã trôi qua. Ngày hôm sau thế nào lão cũng đến cắt tóc ở hiệu cắt tóc đầu phố. Mùa hè nào cũng có người trong phường đãi lão món lươn, và đầu năm vào dịp Tết người ta lại mang bánh nếp đến cho lão.

Nakata thả lỏng toàn thân, ngắt mạch suy nghĩ, mặc cho mọi thứ bồng bềnh trôi nổi. Đó là một động thái tự nhiên đối với lão, từ bé lão vẫn làm thế, không cần nghĩ ngợi. Chẳng mấy chốc, biên giới của ý thức lão bắt đầu chấp chới như những cánh bướm. Bên kia biên giới đó là một vực thẳm tối đen. Đôi khi, ý thức của lão bay qua biên giới và chao lượn bên trên vực sâu đen ngòm đến chóng mặt đó. Nhưng Nakata không sợ bóng tối hoặc độ sâu của nó. Mà tại sao lão lại phải sợ? Cái thế giới không đáy của bóng tối ấy, cái tĩnh lặng hỗn độn nặng nề ấy là một người bạn cũ và đã trở thành một bộ phận của chính lão từ lâu rồi. Nakata hiểu nó quá rõ. Trong cái thế giới ấy không có chữ viết, không có cả các ngày trong tuần, không có ông Tỉnh trưởng dễ sợ, không có nhạc kịch, không có BMW. Không dao kéo, không mũ cao thành. Mặt khác, cũng không có lươn, không có bánh nhân đậu xanh ngon lành. Có *tất cả*, nhưng không có *bộ phận*. Mà đã không có bộ phận thì không cần phải thay thế cái này bằng cái khác. Không cần phải bớt cái gì hoặc thêm cái gì. Không cần phải nghĩ về những điều khó khăn, cứ thả mình bồng bềnh, cho tất cả thấm vào mình. Với Nakata, không gì có thể tốt đẹp hơn thế.

Thi thoảng, lão thiếp đi. Tuy nhiên, ngay cả khi ngủ, những giác quan luôn luôn cảnh giác của lão vẫn quan sát bãi trống. Nếu có gì xảy ra, nếu có ai đến, lão có thể thức dậy ngay và làm những gì cần làm. Bầu trời bị một lớp mây xám che phủ khắp nhưng ít nhất thì cũng sẽ không mưa ngay. Tất cả bọn mèo đều biết thế. Và cả Nakata cũng biết thế.

Chương 11

Khi tôi kể xong, đêm đã rất khuya. Suốt thời gian đó, Sakura lắng nghe rất chăm chú, đầu tựa vào hai tay chống khuỷu tay trên bàn bếp. Tôi thú thật với cô rằng tôi mới mười lăm tuổi, đang học trung học, rằng tôi đã ăn cắp tiền của bố rồi trốn khỏi ngôi nhà ở Quận Nakano, Tokyo. Rằng tôi đang trọ ở một khách sạn ở Takamatsu và hằng ngày, đến đọc sách ở một thư viện. Rằng đùng một cái, tôi thấy mình nằm gục bên ngoài miếu đường, mình đầy máu. Kể hết. Thật ra chỉ gần hết thôi, còn chừa một điều quan trọng mà tôi không thể nói ra.

"Vậy là mẹ cậu bỏ nhà đi, mang theo chị gái cậu, khi cậu mới lên bốn. Để lại cậu với cha cậu."

Tôi lấy trong ví ra tấm ảnh hai chị em tôi chụp bên bờ biển, đưa cho cô xem. "Đây là chị gái em," tôi nói. Sakura nhìn tấm ảnh một lúc rồi trả lại cho tôi, không bình luận một lời.

"Từ đó đến nay em không gặp lại chị ấy," tôi nói. "Cả mẹ em nữa. Bà không bao giờ liên lạc và em không biết hiện bà ở đâu. Thậm chí em không nhớ nổi hình dong bà ra sao nữa. Em không còn cái ảnh nào của mẹ. Em có thể nhớ mùi và bàn tay vuốt ve của mẹ, chứ không nhớ mặt."

"Hừm," Sakura nói, hai tay vẫn chống cằm, mắt nheo lại nhìn tôi. "Chắc cậu khổ tâm lắm?"

"Vâng, có lẽ..."

Cô tiếp tục lặng lẽ nhìn tôi đăm đăm. "Vậy là cậu không hợp với cha cậu?" cô hỏi sau một hồi lâu.

Không hợp? Tôi phải trả lời câu hỏi này như thế nào? Tôi không nói gì, chỉ lắc đầu.

"Một câu hỏi ngớ ngẩn - tất nhiên là thế rồi. Nếu không cậu đã chẳng trốn khỏi nhà," Sakura nói. "Vậy, tóm lại, cậu đã bỏ nhà và hôm nay, đột nhiên, cậu bất tỉnh, hoặc mất trí nhớ, hoặc gì gì đó."

"Vâng."

"Điều này trước đây đã bao giờ xảy ra chưa?"

"Đôi lần," tôi thành thực nói với cô. "Khi em nổi cáu thì như châm ngòi nổ. Tựa hồ có ai bấm nút trong đầu, thế là cơ thể bùng phát, lý trí không theo kịp. Tựa như em đang ở đây, mà cách nào đó, lại không phải là em."

"Cậu muốn nói: cậu mất tự chủ và làm một điều gì hung bạo?"

"Vâng, điều đó đã xảy ra mấy lần."

"Cậu đã làm ai bị thương bao giờ chưa?"

Tôi gật đầu. "Hai lần. Nhưng không nặng lắm."

Cô ngẫm nghĩ một lát.

"Liệu lần này có phải là vẫn điều đó xảy ra không?"

Tôi lắc đầu. "Đây là lần đầu tiên xảy ra một điều tệ hại đến như vậy. Lần này... em không biết nó khởi đầu như thế nào và em hoàn toàn không nhớ điều gì đã xảy ra. Cứ như trí nhớ của em đã bị xóa sạch. Trước đây chưa bao giờ tệ hại đến thế."

Cô nhìn chiếc áo phông tôi vừa lôi từ ba lô ra, xem xét thật kỹ vết máu mà tôi đã không tẩy sạch được. "Vậy điều cuối cùng cậu còn nhớ được là bữa ăn tối ở tiệm ăn gần ga, phải không?"

Tôi gật đầu.

"Và tất cả những gì sau đó là một khoảng trống. Điều tiếp theo cậu nhận biết được là thấy mình nằm trong bụi rậm đằng sau miếu đường ấy. Tức là khoảng bốn giờ sau. Tỉnh dậy thì thấy áo phông dầy máu và vai bên trái đau nhói."

Tôi gật đầu. Cô giở một tấm bản đồ thành phố, ước lượng khoảng cách giữa nhà ga và miếu đường.

"Không xa lắm, nhưng đi bộ thì cũng lâu đấy. Nhưng trước nhất, tại sao cậu lại ở chỗ đấy nhỉ? Nó ở ngược hướng với khách sạn của cậu. Trước đây cậu đã bao giờ đến đó chưa?"

"Chưa bao giờ."

"Cậu cởi áo ra một lát xem," cô nói.

Tôi cởi trần đến thắt lưng. Cô bước ra sau tôi và nắm chặt lấy vai trái tôi. Ngón tay cô bấm sâu vào thịt khiến tôi không khỏi kêu lên khe khẽ. Cô gái này quả có sức.

"Có đau không?"

"Còn phải hỏi," tôi nói.

"Cậu đã va rất mạnh vào một cái gì đó. Hoặc cái gì đó đã quật rất mạnh vào cậu."

"Em không nhớ tí gì cả."

"Dù sao cũng không gãy cái xương nào," cô nói. Cô tiếp tục xoa nắn xung quanh chỗ đau, và nếu quên cái đau đi thì những ngón tay cô thật dễ chịu. Khi tôi nói với cô thế, cô mỉm cười.

"Mình xưa nay vẫn giỏi ngón xoa bóp mà. Đó là một kỹ thuật hữu ích cho thợ làm tóc."

Cô tiếp tục xoa bóp chỗ vai tôi. "Xem ra không có gì nghiêm trọng cả. Cứ ngủ một giấc đẫy qua đêm, rồi cậu sẽ cảm thấy đỡ thôi."

Cô nhặt cái áo phông của tôi, bỏ vào một túi nhựa rồi vứt vào sọt rác. Cô xem xét lại chiếc sơ mi bò của tôi một lần nữa rồi ném vào máy giặt. Lục lọi trong tủ áo và moi ra một cái áo phông trắng, đưa

cho tôi. Một chiếc áo mới toanh trắng lốp với dòng chữ *Maui Whale Watching Cruise,* có cả hình một cái đuôi cá voi nhô khỏi mặt nước.

"Đây là chiếc áo to nhất mà mình có thể tìm được. Nó không phải của mình nhưng cậu đừng ngại. Đó chỉ là vật lưu niệm của một người nào đó. Có thể không hợp "gu" cậu nhưng cứ thử coi."

Tôi mặc vừa khít.

"Nếu muốn thì cậu cứ giữ mà dùng," cô nói.

Tôi cảm ơn cô.

"Vậy trước đây cậu chưa bao giờ mất trí nhớ hoàn toàn như thế?" cô hỏi.

Tôi gật đầu, rồi nhắm mắt lại, mân mê chiếc áo phông, hít cái mùi mới tinh của nó. "Chị Sakura ạ, em thấy sợ thực sự," tôi nói. "Em không biết phải làm gì. Em tuyệt nhiên không nhớ có làm ai bị thương hay không. Bất kể điều gì khiến người em đầy máu, em cũng không thể nhớ ra. Nếu em đã phạm tội, thì dù em có nhớ hay không, em vẫn cứ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, phải không?"

"Có thể chỉ là đổ máu cam. Một người nào đó đi trên phố, va phải một cái cột điện và đổ máu mũi. Và cậu chỉ đỡ người ta dậy thôi. Rõ không? Mình hiểu tại sao cậu lo, nhưng ta hãy cố nghĩ ra những kịch bản về những trường hợp xấu nhất, được không? Ít nhất thì đêm nay cũng chưa có chuyện gì. Sáng mai ta sẽ xem báo, theo dõi tin trên tivi. Nếu có gì ghê gớm đã thực sự xảy ra, chúng ta sẽ biết. Bây giờ ta sẽ cân nhắc các phương án. Có rất nhiều lý do khiến người ta chảy máu, và đa phần không đến nỗi ghê gớm như ta tưởng. Mình là con gái, nên đã quen nhìn thấy máu - tháng nào mình chả nhìn thấy máu. Cậu hiểu mình muốn nói gì chứ?"

Tôi gật đầu và cảm thấy hơi đỏ mặt. Cô xúc mấy thìa Nestcafé đổ vào một tách lớn, đun một ít nước trong một cái xoong nhỏ. Cô hút thuốc, chờ nước sôi. Rít vài hơi, rồi tắt điếu thuốc bằng vòi nước. Tôi thoáng thấy mùi bạc hà.

"Mình không muốn thóc mách, nhưng có một điều mình muốn hỏi cậu. Cậu có phiền không?"

"Không," tôi đáp.

"Chị gái cậu là con nuôi. Cha mẹ cậu xin được ở đâu đó trước khi sinh cậu, đúng không?"

"Đúng," tôi đáp. "Em không biết tại sao, nhưng quả là có chuyện ấy. Sau đó, em ra đời. Hình như ngoài mong muốn của cha mẹ em."

"Vậy cậu đích thị là con của cha cậu và mẹ cậu?"

"Theo như em biết thì đúng vậy," tôi nói.

"Nhưng khi bỏ đi, bà không mang cậu theo, mà lại mang chị cậu mặc dù đó không phải là con bà rứt ruột đẻ ra," Sakura nói. "Thông

thường, một người đàn bà đâu có làm thế."

Tôi không nói gì.

"Tại sao bà ấy lại làm thế?"

Tôi lắc đầu. "Em không biết," tôi đáp. "Em đã tự đặt cho mình câu hỏi này hàng tỉ lần.

"Chắc cũng đau đớn lắm nhỉ?"

Có đau không? "Em cũng không biết nữa. Nhưng nếu một ngày kia em lấy vợ, em nghĩ em sẽ không sinh con làm gì. Nếu em có con, em sẽ không biết làm sao để hòa hợp với chúng."

"Gia cảnh của mình thì không đến nỗi phức tạp như vậy," cô nói, "nhưng từ lâu mình đã không hợp với bố mẹ và vì thế mình mắc vào một lô chuyện ngu xuẩn... Cho nên mình biết cậu cảm thấy như thế nào. Nhưng quyết định quá sớm như thế - rằng mình sẽ không sinh con - không phải là một ý hay. Ở đời chẳng có gì là tuyệt đối đâu."

Cô đứng trước lò bếp, nhấm nháp tách Nestcafé nghi ngút hơi. Thành tách có vẽ hình những nhân vật của bộ phim hoạt hình nổi tiếng *Moomin*. Cả hai chúng tôi đều không nói gì.

"Cậu có họ hàng hay người quen nào có thể giúp cậu không?" lát sau, Sakura hỏi.

"Không," tôi đáp. "Ông bà nội em mất lâu rồi và cha em chẳng có anh, chị, em hay cô, dì, chú, bác gì cả. Không một ai. Em không thật chắc chắn lắm, nhưng em biết cha em không bao giờ dây dưa với họ hàng. Và em cũng không bao giờ nghe nói gì về họ hàng bà con về phía bên mẹ em. Em muốn nói thậm chí em còn không biết tên tục của mẹ em nữa kia, cho nên làm sao em biết được về họ hàng của bà."

"Nghe như thể cha cậu là người ngoài trái đất ấy," Sakura nói. "Như thể ông ấy từ một hành tinh xa lắc nào đến, đội lốt người, cuỗm lấy một phụ nữ của Trái Đất, rồi sinh ra cậu để nối dõi tông đường. Rồi mẹ cậu phát hiện ra, hoảng sợ và bỏ trốn. Như trong một bộ phim khoa học viễn tưởng đen."

Tôi chẳng biết nói sao.

"Thôi không giỡn nữa," cô nói và ngoác miệng cười để chứng tỏ mình chỉ nói đùa, "ý mình là, trong cái thế giới mênh mông này, kẻ duy nhất cậu có thể trông cậy vào là *bản thân cậu*."

"Có lẽ thế."

Cô đứng đó, dựa vào bồn giặt, tiếp tục uống cà phê.

"Mình phải ngủ một chút đây," cô nói như chợt nhớ ra. Đã hơn ba giờ sáng. "Mình phải dậy lúc bảy rưỡi nên sẽ không ngủ nhiều được, nhưng có một chút còn hơn không. Mình không thích đi làm sau một đêm thức trắng. Vậy bây giờ cậu định làm gì?"

"Em có mang theo túi ngủ," tôi nói với cô, "nên nếu không có gì phiền, thì em chỉ xin chị một góc thôi."

Tôi lấy chiếc túi ngủ cuộn chặt trong ba lô ra, trải xuống sàn và thổi phồng nó lên một chút.

Sakura nhìn, thán phục. "Một Hướng đạo sinh chính hiệu," cô nói.

Sau khi Sakura tắt đèn và lên giường, tôi chui vào túi ngủ, nhắm mắt lại, cố ngủ. Nhưng tôi không thể xua được hình ảnh chiếc áo phông đầy máu ấy. Tôi vẫn thấy cái cảm giác bỏng rát nơi lòng bàn tay. Tôi mở mắt ra, nhìn trân trân lên trần. Tiếng sàn nhà cót két đâu đây. Ai đó vặn vòi nước máy. Và một lần nữa, tôi lại nghe thấy tiếng còi xe cấp cứu, tận xa nhưng ré vang trong đêm tối.

"Không ngủ được à?" cô thì thầm trong bóng tối.

"Vâng," tôi nói.

"Mình cũng thế. Đáng ra mình không nên uống cốc cà phê ấy. Rõ thật ngốc," Cô bật đèn đầu giường, xem giờ, rồi tắt đèn. "Đừng có hiểu lầm mình," cô nói, "nhưng nếu cậu thích thì cậu có thể đến nằm cạnh mình. Đằng nào mình cũng chả ngủ được."

Tôi chui ra khỏi túi ngủ và trèo lên giường với cô. Tôi mặc quần đùi và áo phông. Cô mặc bộ đồ ngủ màu hồng nhạt.

"Mình đã có bạn trai ở Tokyo. Anh ta chẳng có gì xuất sắc lắm, nhưng đó là bồ của mình. Cho nên mình không quan hệ tình dục với ai khác. Có thể trông bề ngoài mình không có vẻ thế, nhưng mình rất nghiêm túc trong chuyện tình dục. Cậu có thể gọi mình là cổ hủ. Không phải bao giờ mình cũng thế - dạo trước mình cũng bừa bãi ra trò nhưng bây giờ mình không quậy nữa. Cho nên đừng có nghĩ lung tung, OK? Cứ nghĩ chúng mình là chị em, hiểu không?"

"OK," tôi nói.

Cô quàng tay ôm tôi, ghì sát vào mình và áp má lên trán tôi. "Tội nghiệp cậu," cô nói.

Khỏi phải nói là tôi lập tức dựng cột buồm. Cứng như đá. Và bởi nằm sát cạnh nhau như thế nên không thể không cọ vào đùi cô.

"Chà, lại thế nữa!" cô nói.

"Xin lỗi," tôi nói, "em không cố tình."

"Không sao," cô nói. "Mình biết cái ấy kể cũng bất tiện, chả làm cách nào ngăn được nó."

Tôi gật đầu trong bóng tối.

Cô do dự một lúc, rồi kéo quần lót của tôi xuống, lôi thằng cu cứng như đá của tôi ra và nhẹ nhàng nâng nó trong tay. Như thể muốn kiểm tra một cái gì, như cách một ông bác sĩ xem mạch vậy. Bàn tay mềm mơn man làm tôi cảm thấy một cái gì - một ý nghĩ mơ hồ? - nổi lên ở vùng háng.

"Chị cậu bây giờ độ bao nhiêu tuổi?"

"Hăm mốt," tôi nói. "Hơn em sáu tuổi."

Cô nghĩ một lúc. "Cậu có muốn gặp lại chị cậu không?"

"Có thể," tôi nói.

"*Có thể?*" Tay cô riết chim tôi chặt hơn một chút, "*Có thể* nghĩa là thế nào? Cậu thực sự không muốn gặp lại chị cậu lắm, phải không?"

"Em không biết gặp nhau rồi sẽ nói chuyện gì và có thể chị ấy không muốn gặp *em* cũng nên. Với mẹ em cũng thế. Cả hai, không ai tìm em. Em muốn nói, họ đã bỏ đi, bỏ tất cả."

Bỏ mặc em, tôi thầm nói trong đầu cho trọn ý.

Sakura không nói gì. Tay cô lỏng ra một chút, rồi lại riết chặt hơn. Theo nhịp ấy, chim tôi mềm đi, rồi lại cứng lên hơn lúc nào hết.

"Cậu muốn sướng không?" cô hỏi.

"Có thể," tôi nói.

"Lại *có thể!*"

"Muốn lắm," tôi chữa.

Cô khẽ thở dài và bắt đầu đưa đẩy tay. Một cảm giác như lên tiên. Không chỉ là một động tác đưa lên đẩy xuống, mà giống như một vuốt ve toàn bộ. Những ngón tay cô dịu dàng mơn man dương vật và tinh hoàn của tôi. Tôi nhắm mắt lại và thở dài đánh thượt một cái.

"Cậu không được sờ mình. Khi nào sắp *ra* thì bảo mình để khỏi dây ra ga trải giường."

"Vâng," tôi nói.

"Thế nào? Mình có khéo không?"

"Tuyệt."

"Mình đã bảo cậu mình rất khéo tay mà. Nhưng đây không phải là sex. Mình chỉ giúp cậu thư giãn thôi. Cậu đã qua một ngày gay go, cậu quá căng thẳng và sẽ không ngủ được nếu ta không làm cái gì đó. Hiểu không?"

"Vâng, em hiểu," tôi nói. "Nhưng em muốn hỏi một câu."

"Gì vậy?"

"Em có thể tưởng tượng là chị không mặc gì được không?"

Tay cô chững lại và cô nhìn thẳng vào mắt tôi. "Cậu muốn tưởng tượng mình trần truồng trong khi chúng ta làm thế này ư?"

"Vâng. Em đã cố ngăn mình tưởng tượng thế, nhưng không được."

"Thật ư?"

"Nó như cái màn hình tivi mình muốn tắt đi mà không được."

Cô cười phá lên. "Mình không hiểu đấy. Cậu không việc gì phải

nói với mình điều ấy. Tại sao cậu không mặc nhiên tưởng tượng cái gì cậu thích? Cậu không cần phải xin phép mình. Làm sao mình có thể biết được cái gì ở trong đầu cậu?"

"Em không đừng được. Tưởng tượng ra cái gì là rất quan trọng cho nên em nghĩ tốt hơn là cứ nói với chị. Điều này không liên quan với chuyện chị biết hay không biết."

"Cậu thật là một chú bé lễ phép," cô nói, giọng cảm kích, "Tuy nhiên, mình nghĩ cậu cho mình biết thế cũng tốt. OK, mình cho phép. Cứ việc tưởng tượng mình trần truồng đi."

"Cám ơn," tôi nói.

"Thế nào? Người mình đẹp chứ?"

"Tuyệt," tôi nói.

Cái cảm giác uể oải ấy lan khắp nửa dưới cơ thể tôi như làn nước lềnh bềnh trên bề mặt. Tôi báo cho Sakura biết, cô lấy một tờ giấy vệ sinh ở cạnh giường và tôi xuất ồng ộc hết đợt này đến đợt khác... Một lúc sau, cô vào bếp vứt tờ giấy vệ sinh và rửa tay.

"Xin lỗi," tôi nói.

"Không sao," cô vừa nói vừa trở vào giường nằm. "Không cần phải xin lỗi. Đó là một bộ phận của cơ thể cậu. Vậy... cậu có cảm thấy dễ chịu hơn không?"

"Dễ chịu hơn hẳn."

"Tốt." Cô nghĩ một lúc rồi nói. "Mình đang nghĩ giá mình là chị cậu thật thì hay biết bao."

"Em cũng nghĩ thế," tôi nói.

Cô khẽ vuốt tóc tôi. "Bây giờ mình ngủ đây. Cậu trở về cái túi ngủ của cậu đi. Mình phải nằm một mình mới ngủ ngon được và tôi không muốn cái cọc sắt của cậu cứ thọc vào tôi suốt đêm, OK?"

Tôi trở về cái túi chăn của mình và nhắm mắt lại. Lần này, tôi ngủ được. Một giấc ngủ sâu, thật sâu, có lẽ sâu nhất kể từ khi tôi bỏ nhà đi. Tựa hồ tôi đang ở trong một cái thang máy to đùng, nó lặng lẽ, từ từ chở tôi xuống mỗi lúc một sâu hơn trong lòng đất. Cuối cùng, mọi ánh sáng, mọi âm thanh đều tắt.

Khi tôi dậy, Sakura đã đi làm. Chín giờ sáng. Vai tôi hầu như không đau nữa. Đúng như Sakura đã nói. Tôi thấy trên bàn bếp một tờ báo buổi sáng, một mẩu thư và một cái chìa khóa.

Mẩu thư viết: *Mình đã xem bản tin bảy giờ trên tivi và lướt qua toàn bộ tờ báo, mà không thấy nói đến vụ đổ máu nào quanh vùng này cả. Cho nên mình nghĩ cái chỗ máu ấy chẳng là cái gì cả. Vậy là tốt rồi. Trong tủ lạnh không có nhiều thức ăn lắm, nhưng cậu cứ tự nhiên, thoải mái dùng bất cứ cái gì cậu cần trong nhà này. Nếu cậu không định đi đâu, thì cứ ở đây. Nếu ra ngoài thì để chìa khóa dưới tấm thảm chùi*

chân ở trước cửa.

Tôi lấy một can sữa trong tủ lạnh, kiểm tra hạn sử dung rồi rưới lên mấy chiếc bánh ngô, đun một chút nước để pha một cốc trà Darjeeling. Nướng mấy lát bánh mì, ăn với bơ loại ít béo. Rồi giở báo ra, xem mục tin địa phương. Đúng như Sakura nói, không hề có vụ tội ác hung bạo nào trên các dòng tít. Tôi thở phào nhẹ nhõm, gấp tờ báo lại để vào chỗ cũ. Ít nhất, tôi cũng không phải chạy long tóc gáy khắp chỗ để trốn cảnh sát. Nhưng tôi quyết định, tốt hơn hết là không nên quay trở lại khách sạn cho an toàn. Tôi vẫn chưa biết điều gì đã xảy ra trong bốn tiếng đồng hồ bị xóa khỏi trí nhớ ấy.

Tôi gọi khách sạn. Một người đàn ông trả lời và tôi không nhận ra giọng anh ta. Tôi bảo anh ta là tôi có việc đột xuất, phải trả phòng. Tôi cố hết sức làm ra vẻ người lớn. Tôi đã trả tiền trước nên chắc là không có vấn đề gì. Còn vài thứ đồ vặt vãnh trong phòng có thể thải đi, tôi bảo anh ta vậy. Anh ta kiểm tra trên máy tính và thấy hóa đơn đã cập nhật. "Mọi thứ đều đâu vào đấy, thưa ông Tamura," anh ta nói. "ông không còn gì phải thanh toán." Chìa khóa phòng là một tấm thẻ bằng plastic nên không cần phải gửi trả lại. Tôi cảm ơn anh ta và gác máy.

Tôi tắm vòi hoa sen. Đồ lót và tất của Sakura phơi trong buồng tắm. Tôi cố không nhìn vào những thứ ấy để tập trung vào công việc thông thường của mình là kỳ cọ thật kỹ toàn thân. Và tôi ráng hết sức không nghĩ đến đêm hôm trước. Tôi đánh răng và mặc một cái quần trong máy giặt. Không có máy sấy nên sau chu trình quay giặt, tôi gấp tất cả lại cho vào một túi nhựa bỏ luôn vào ba lô. Những thứ này đem sấy khô ở một máy giặt tự động lúc nào chả được.

Tôi rửa tất cả bát đĩa chồng đống trong bồn, để ráo nước, lau khô rồi xếp lên giá. Rồi tôi rà soát lại những thứ trong tủ lạnh, vứt bỏ những gì đã thiu thối: một số đã nặng mùi - mấy bắp cải hoa đã mốc, một quả dưa chuột mềm nhũn, một gói đậu phụ đã quá "đát" từ lâu. Tôi chuyển tất cả những gì còn ăn được sang những bao, hộp đựng mới và chùi sạch chút nước xốt bị vãi ra. Tôi vứt tất cả những đầu mẩu thuốc lá, xếp những tờ báo vương vãi thành một chồng gọn gàng và rê máy hút bụi khắp phòng. Sakura có thể mát xa rất khéo nhưng đến mục nội trợ thì cô thật là đoảng hết chỗ nói. Tôi là chiếc sơ mi cô vo viên nhét vào tủ rồi tính chuyện đi chợ và chuẩn bị bữa tối. Hồi còn ở nhà tôi thường tự làm mọi việc nội trợ, nên những thứ này chả khó khăn gì. Nhưng nếu ôm lấy cả việc nấu bữa tối nữa thì hơi quá đấy, tôi quyết định.

Xong mọi việc, tôi ngồi vào bàn bếp và nhìn quanh phòng. Tôi biết mình không thể ở đây mãi. Tôi sẽ hầu như thường xuyên cương cứng, thường xuyên tưởng tượng. Tôi không thể không ngó nhìn những cái xì líp đen nhỏ xíu phơi trong buồng tắm kia, không thể lúc

nào cũng xin phép cô để cho trí tưởng tượng lông bông lang bang. Nhưng trên tất cra, tôi không thể quên những gì cô làm cho tôi đêm qua.

Tôi để lại cho Sakura mấy dòng viết bằng cây bút chì cùn trên xấp giấy ghi bên cạnh máy điện thoại. *Cảm ơn. Chị thực sự đã cứu em. Em xin lỗi vì đêm qua đã đánh thức chị khuya thế. Nhưng chị là người duy nhất em có thể nhờ cậy.* Tôi dừng lại một lát để nghĩ xem nên viết tiếp thư thế nào và đảo mắt nhìn quanh phòng. *Cảm ơn chị đã để em ở lại qua đêm. Em rất biết ơn chị đã nói là em có thể ở lại bao lâu tùy thích. Nếu em có thể ở lại thì tốt biết mấy, nhưng em nghĩ em không nên quấy rầy chị thêm nữa. Có đủ các thứ lý do mà em không tiện kể ra đây. Em phải tự lực xoay xở thôi. Em hy vọng lần sau em lâm nạn, chị vẫn còn cảm tình với em.*

Tôi lại ngừng. Ở căn hộ bên cạnh, ai đó mở âm lượng tivi to hết cỡ, một sô diễn buổi sáng dành cho các bà nội trợ. Các nhân vật tham gia sô diễn thi nhau gào và những màn quảng cáo cũng không chịu kém. Tôi ngồi ở bàn, xoay xoay chiếc bút chì cùn trong tay, cố tập trung tư tưởng. *Tuy nhiên, nói thực tình, em không xứng đáng với lòng tốt của chị. Em đang cố gắng hết sức mình để là một người tốt hơn, nhưng sự thể không tiến triển như ý. Em hy vọng lần sau gặp nhau, em sẽ hành xử chững chạc hơn. Nhưng em chưa dám chắc lắm. Cám ơn về đêm qua. Thật tuyệt vời.*

Tôi lấy một cái tách chặn lên bức thư, khoác ba lô lên vai và ra khỏi căn hộ, để chìa khóa dưới thảm như cô dặn. Một chú mèo trắng đốm đen nằm ngủ giữa cầu thang. Chú hẳn rất dạn người vì chú không buồn nhúc nhích để đứng dậy khi tôi xuống cầu thang. Tôi ngồi xuống vuốt ve chú một lúc. Chú mèo him mắt lại và bắt đầu rên hừ hừ. Chúng tôi ngồi trên bậc thang như thế một hồi lâu, mỗi bên tận hưởng cái cảm giác thân mật đó theo cách riêng của mình. Cuối cùng tôi chào tạm biệt chú và ra phố. Một cơn mưa bụi bắt đầu rơi.

Giờ đây, khi đã trả phòng khách sạn và rời khỏi căn hộ của Sakura, tôi không biết hôm nay sẽ qua đêm ở đâu. Trước khi mặt trời lặn, tôi phải kiếm ra một mái nhà, một nơi nào an toàn để ngủ lại. Tôi không biết bắt đầu từ đâu, nhưng cứ quyết định đáp tàu ra ngoại thành về hướng Thư viện Komura. Một khi đến đó, sẽ nảy ra một giải pháp nào đó. Tôi không biết tại sao, nhưng trực giác bảo tôi là sẽ có cách giải quyết.

Số phận dường như đang đưa đẩy tôi theo những hướng mỗi lúc một kỳ lạ hơn.

Chương 12

19 Tháng Mười 1972

Thưa Giáo sư kính mến,

Tôi dám chắc Giáo sư sẽ ngạc nhiên khi đột nhiên nhận được lá thư này của tôi. Xin thứ lỗi cho sự đường đột của tôi. Thưa Giáo sư, tôi nghĩ ông không còn nhớ tên tôi. Tôi đã có một thời là cô giáo ở một trường tiểu học nhỏ ở tỉnh Yamanashi. Có thể khi đọc thư này, ông sẽ nhớ ra đôi điều về tôi. Tôi chính là cô giáo phụ trách cái nhóm học sinh đồng loạt bị bất tỉnh trong một chuyến đi dã ngoại. Sau đó, như ông hẳn còn nhớ, tôi đã có dịp nói chuyện với ông cùng các đồng nghiệp từ trường đại học Tokyo của ông nhiều lần khi các ông cùng các vị bên quân đội đến tỉnh chúng tôi để tiến hành điều tra.

Trong năm sau, tôi hay thấy tên ông được nhắc đến một cách nổi bật trên báo chí và tôi đã theo dõi sự nghiệp cùng những thành tựu của ông với lòng ngưỡng mộ sâu sắc. Với lòng cảm mến, tôi cũng nhớ những lần gặp gỡ với ông, nhất là cách phát biểu hoạt bát và chính xác của ông. Tôi cũng cảm thấy may mắn được đọc một số sách của ông. Tôi luôn thán phục sự uyên thâm của ông và tôi thấy thế giới quan thể hiện trong tất cả những trước tác của ông là rất thuyết phục – cụ thể là quan điểm cho rằng mỗi chúng ta, với tư cách một cá nhân, là cực kỳ đơn độc, đồng thời tất cả chúng ta lại được liên kết bởi một ký ức có tính chất nguyên mẫu. Đã có những lần trong cuộc đời của chính mình, tôi cảm thấy đúng như thế. Cho nên, từ xa, tôi vẫn cầu nguyện cho ông tiếp tục thành công.

Sau cái sự kiện ấy, tôi vẫn tiếp tục dạy ở ngôi trường tiểu học đó. Nhưng cách đây mấy năm, tôi đột ngột ngã bệnh, phải nằm điều trị ở Bệnh viện tổng hợp Kofu một thời gian dài, và vào đận này tôi nộp đơn xin thôi việc. Trong một năm, tôi cứ ra vào bệnh viện mãi, nhưng rồi cuối cùng cũng bình phục. Sau khi được cho về nghỉ, tôi mở một lớp phụ đạo nhỏ trong tỉnh. Học sinh ở lớp này là con cái những học sinh cũ của tôi. *Thời gian bay vùn vụt* là một nhận xét quá nhàm nhưng thật đúng: tôi thấy năm tháng qua đi nhanh đến mức không tin nổi.

Trong chiến tranh, tôi đã mất chồng tôi và cha tôi, rồi mất nốt mẹ tôi trong thời kỳ hỗn loạn sau khi Nhật Bản đầu hàng. Cưới nhau chưa được bao lâu thì chồng tôi phải ra mặt trận, chúng tôi không có con, nên tôi chỉ còn trơ trọi một mình trên đời. Tôi không thể nói là đời mình đã hạnh phúc, nhưng đối với tôi, được dạy dỗ bao thế hệ học sinh trong bao năm cũng là một ân phước. Tôi tạ ơn Trời đã cho tôi cơ may đó. Nếu không làm cô giáo, chắc tôi đã không sống qua

được đoạn trường ấy.

Thưa Giáo sư, hôm nay tôi thu hết can đảm để viết thư này cho ông bởi vì tôi không bao giờ quên được vụ hôn mê tập thể trong rừng vào mùa thu năm 1944 ấy. Hai mươi tám năm đã trôi qua, nhưng nó vẫn còn tươi nguyên trong trí tôi như mới xảy ra ngày hôm qua. Ký ức ấy luôn theo tôi như cái bóng, từng phút từng giây khi tôi thức. Tôi đã qua không biết bao đêm mất ngủ, suy ngẫm về nó, thậm chí nó còn ám ảnh những giấc mơ của tôi.

Cứ như thể những chấn động về sau của sự kiện ấy đã chi phối mọi mặt đời sống của tôi. Xin đơn cử một thí dụ: bất cứ khi nào tình cờ gặp một trong số học sinh nạn nhân của vụ đó (một nửa trong số họ vẫn sống ở tỉnh này và giờ đã 35-36 tuổi), tôi đều tự hỏi sự kiện đó đã có ảnh hưởng thế nào đối với họ và bản thân tôi. Một cú sốc như thế ắt còn để lại những chấn thương vật thể hoặc tâm lý trong tất cả chúng tôi. Tôi không thể nghĩ khác được. Nhưng nếu bảo nêu đích xác đó là loại chấn thương gì và mức độ của nó đến đâu, thì tôi chịu.

Như Giáo sư biết đấy, giới quân sự đã giữ không để cho tin tức về vụ này được đến với công chúng. Trong thời kỳ chiếm đóng, quân đội Mỹ đã bí mật tiến hành cuộc điều tra riêng của họ. Giới quân sự, dù là Nhật hay Mỹ, bao giờ cũng vậy. Ngay cả khi đã bãi bỏ kiểm duyệt sau thời kỳ chiếm đóng, vẫn không có bài nào về vụ này xuất hiện trên các báo hay tạp chí. Tôi nghĩ điều đó cũng có thể hiểu được vì chuyện xảy ra đã bao năm và không ai vì vậy mà chết cả.

Bởi vậy, hầu hết dân chúng không hề biết một vụ như thế đã xảy ra. Trong chiến tranh, đã có biết bao sự kiện khủng khiếp và hàng triệu người đã thiệt mạng, cho nên tôi đồ rằng những gì xảy ra ở cái tỉnh nhỏ của chúng tôi hẳn cũng chẳng làm cho thiên hạ xúc động gì lắm. Ngay cả ở đây, cũng không mấy người còn nhớ chuyện gì đã xảy ra và những ai còn nhớ thì có vẻ không muốn nhắc đến nó nữa. Có thể nói đa số những người còn nhớ vụ này đều coi đó là một ký ức chẳng thú vị gì mà họ không muốn đả động.

Cùng với thời gian, hầu hết mọi sự chìm vào quên lãng. Ngay cả chiến tranh và cuộc đấu tranh sinh tử mà người ta đã trải qua, giờ đây cũng tựa như một cái gì từ dĩ vãng xa xăm. Chúng ta quá bấn bíu với cuộc đời thường nhật đến nỗi những sự kiện của quá khứ biến mất khỏi quỹ đạo tâm trí của chúng ta như những vì sao đã tắt. hàng ngày, có quá nhiều điều chúng ta phải nghĩ đến, quá nhiều điều mới chúng ta phải học. thông tin mới, kiểu cách mới, kỹ thuật mới, thuật ngữ mới... Tuy nhiên, bất kể bao nhiêu thời gian qua đi, bất kể mọi biến cố, có một số điều ta không thể chôn vào quên lãng, những ký ức mà ta không bao giờ có thể xóa nhòa. Chúng ta còn lại mãi nơi chúng ta như phiến đá đỉnh vòm. Và với tôi, chuyện xảy ra ở trong

rừng hôm ấy là một trong những ký ức đó.

Tôi nhận ra rằng giờ đây mình chẳng thể làm gì được nữa và rất thông cảm nếu như ông thấy bối rối không hiểu tại sao tôi lại khuấy lên câu chuyện cũ ấy vào cái thời điểm muộn mằn này. Nhưng chừng nào tôi còn sống, tôi cần trút vợi những gì chứa chất trong lòng.

Dĩ nhiên trong chiến tranh, chúng ta phải chịu chế độ kiểm duyệt ngặt nghèo và có những điều chúng ta không dễ dàng bàn đến. Thưa Giáo sư, khi tôi gặp ông hồi ấy, nhiều sĩ quan quân đội cũng có mặt, tôi không thể tự do thoải mái nói chuyện với ông. Hơn nữa, dạo ấy tôi chưa biết gì về ông cũng như về công việc của ông, cho nên, trong tư thế một thiếu phụ trò chuyện với một người đàn ông không quen biết, chắc chắn tôi không thể thật thà bộc bạch mọi chuyện riêng tư thầm kín. Thành thử tôi đã giấu một số sự việc. Nói cách khác, trong cuộc điều tra chính thức, tôi đã cố tình xuyên tạc một số sự việc liên quan. Và sau chiến tranh, khi quân đội Mỹ phỏng vấn tôi, tôi đã bám chặt lấy câu chuyện cũ. Vì sợ và để giữ thể diện, tôi đã lặp lại vẫn những điều dối trá tôi đã nói với ông. Điều đó có thể đã gây thêm khó khăn cho ông trong việc điều tra và có thể đã làm sai lệch những kết luận của ông. Tôi *biết* thế. Ý thức đã giày vò tôi trong nhiều năm và tôi xấu hổ vì những gì mình đã làm.

Tôi hy vọng điều đó giải thích được tại sao tôi viết bức thư dài này gửi ông. Tôi hiểu ông rất bận và có thể không có thời gian dành cho việc này. Nếu vậy, xin ông cứ coi đây như những lời dông dài của một mụ già và vứt nó vào sọt rác. Vấn đề là, chừng nào còn sống, tôi cảm thấy cần phải thú nhận tất cả những gì đã thực sự xảy ra hôm đó, viết ra trên giấy trắng mực đen, chuyển tới người thích đáng. Tôi đã lành bệnh nhưng có trời biết lúc nào nó lại tái phát. Tôi hy vọng ông chiếu cố điều đó.

Cái đêm trước hôm đưa bọn trẻ đi chơi ngoại khóa trên đồi, tôi nằm mơ thấy chồng tôi ngay trước lúc rạng sáng. Anh ấy đã bị động viên ra mặt trận. Giấc mơ đầy nhục dục và rất cụ thể - một loại giấc mơ cực kỳ sinh động đến nỗi khó mà phân biệt được giữa mơ và thực.

Trong giấc mơ, chúng tôi làm tình trên một phiến đá rộng. Đó là một phiến đá màu xám nhạt gần đỉnh núi, bằng cỡ hai chiếc chiếu tatami, bề mặt nhẵn mượt và ẩm. Trời đầy mây và có vẻ như sắp nổi giông, nhưng không có gió. Hình như đã gần tối và chim chóc đang vội vã về tổ. Như vậy, hai chúng tôi nằm đó, dưới bầu trời đầy mây, lặng lẽ yêu nhau. Chúng tôi cưới chưa được bao lâu, chiến tranh đã chia lìa mỗi người một ngả. Thân thể tôi bừng bừng thèm khát chồng tôi.

Tôi cảm thấy một nỗi khoái lạc không sao tả xiết. Chúng tôi thử đủ mọi tư thế, làm đi làm lại, liên tiếp đạt đến cực khoái, hết đợt này đến đợt khác. Bây giờ nghĩ lại thấy thật kỳ lạ, bởi vì trong đời thực,

cả hai chúng tôi đều là người trầm tĩnh, đa phần hướng nội. Chúng tôi chưa bao giờ trút hết mình vào cuộc ân ái đến độ ấy, với nhiều tư thế như vậy và chưa bao giờ trải nghiệm một khoái cảm chín-tầng-mây như vậy. Nhưng trong giấc mơ, chúng tôi đã vứt bỏ mọi kìm nén và lao vào cuộc như những con thú.

Khi tôi mở mắt dậy, bên ngoài hãy còn mờ tối và tôi có cảm giác rất kỳ. Toàn thân nặng nặng, tôi có thể cảm thấy chồng tôi vẫn ngập sâu trong tôi. Tim tôi đập thình thịch và tôi thấy khó thở. Cửa mình tôi ướt đẫm, y như sau cuộc giao hoan. Như thể tôi đã làm tình thực sự, chứ không phải nằm mơ. Nói ra thật xấu hổ, nhưng lúc ấy tôi đã thủ dâm. Tôi đang cháy bỏng nhục dục và tôi cần làm một cái gì đó cho nguôi dịu đi.

Sau đó, tôi đạp xe đến trường như mọi khi và đưa bọn trẻ đi dã ngoại ở Đồi Bát Cơm. Khi chúng tôi đi lên con đường núi, những cảm giác tình dục vẫn còn vương vấn trong tôi. Tôi chỉ việc nhắm mắt lại là có thể cảm thấy chồng tôi cắm ngập trong tôi, tinh dịch của anh ấy phọt vào thành tử cung tôi. Tôi lấy hết sức níu lấy anh ấy, giạng hai chân hết cỡ, gót chân quắp lấy đùi anh. Tình thật, tôi đưa bọn trẻ lên đồi trong một trạng thái ngây ngất: tôi cảm thấy như vẫn đang giữa giấc mộng dâm dục như thực ấy...

Chúng tôi leo lên đồi, tới chỗ đã định và đúng lúc bọn trẻ chuẩn bị tản ra để tìm nấm, thì bất thình lình tôi bắt đầu ra kinh. Đúng ra là chưa đến kỳ, lần gần đây mới cách có mười ngày, mà bình thường kinh nguyệt tôi rất đều. Có lẽ giấc mơ kích dục nọ đã khuấy động một cái gì bên trong tôi và gây ra điều bất thường đó. Cố nhiên là tôi không dự phòng chuyện này và chúng tôi lại đang ở giữa vùng đồi xa thành phố.

Tôi bảo bọn trẻ dừng lại nghỉ một lúc và đi một mình vào sâu trong rừng, tìm cách làm vệ sinh cá nhân, lau thấm bằng hai chiếc khăn tôi mang theo. Máu ra rất nhiều, tung tóe khắp, nhưng tôi chắc có thể tạm thời cầm cự cho đến khi trở về trường. Đầu tôi hoàn toàn trống rỗng và tôi không sao tập trung được. Tôi cảm thấy mình có lỗi vì đã mơ một giấc mơ phóng túng đến thế, đã thủ dâm và lại còn mường tượng chuyện ân ái ngay trước mặt đám học sinh của mình. Bình thường, tôi thuộc loại biết kiềm chế những ý nghĩ như vậy.

Tôi cho bọn trẻ đi hái nấm và nghĩ bụng có lẽ nên rút ngắn cuộc đi chơi và trở về càng sớm càng tốt. Về tới trường, tôi sẽ có thể rửa ráy sạch sẽ hơn. Tôi ngồi xuống, theo dõi bọn trẻ đi tìm nấm, đếm đầu chúng để đảm bảo không đứa nào ở ngoài tầm mắt.

Tuy nhiên, sau một lúc, tôi thấy một thằng bé tay cầm cái gì đi lại phía tôi. Đó là Nakata, chính cái thằng bé sau đó không tỉnh lại và phải đưa vào bệnh viện. Nó đang cầm những chiếc khăn máu tôi đã dùng. Tôi ngớ ra và không thể tin ở mắt mình. Tôi đã giấu chúng

khuất mắt, tận xa, ở một chỗ tôi nghĩ bọn trẻ ắt không mò đến. Chắc ông hiểu điều đó là điều ngượng ngùng nhất đối với một phụ nữ, một thứ mà phụ nữ nói chung không muốn để ai thấy. Tôi không biết làm thế nào mà Nakata có thể mò ra những chiếc khăn ấy.

Trước khi kịp nhận ra mình đang làm gì, tôi đã tát nó. Tôi túm lấy vai nó và tát thật mạnh vào má. Có thể tôi còn la lối điều gì nữa nhưng tôi không nhớ. Tôi đã mất tự chủ, không còn tỉnh trí nữa. Tôi nghĩ mình ngượng quá đâm sốc. Trước đây, tôi *chưa bao giờ* đánh một học sinh. Nhưng bây giờ chính tôi đã làm điều ấy.

Bỗng nhiên tôi nhận thấy tất cả bọn trẻ đã ở đó, nhìn tôi chằm chằm. Đứa đứng, đứa ngồi tất cả đều đối mặt tôi. Cảnh tượng bày ra trước mắt chúng: tôi đứng sững, mặt tái nhợt, Nakata bị mấy cái tát ngã gục trên mặt đất, những chiếc khăn máu. Đó là một thời điểm ngưng đọng trong thời gian. Không ai động đậy, không ai nói nửa lời. Bọn trẻ không biểu cảm, mặt lạnh như những mặt nạ đồng. Một im lặng sâu thẳm trùm lên cánh rừng. Chỉ nghe thấy tiếng chim chiêm chiếp. Tôi không sao xóa bỏ được cảnh này ra khỏi tâm trí.

Tôi không biết bao nhiêu thời gian đã trôi qua. Có lẽ cũng không lâu nhưng tưởng như cả một thiên thu, dồn tôi đến mấp mé bờ vực thế giới. Cuối cùng, tôi vùng được ra khỏi được trạng thái đó. Sắc màu trở lại với thế giới quanh tôi. Tôi giấu những chiếc khăn máu ra sau tôi và bế Nakata lên. Tôi ghì chặt nó và hết lời xin lỗi: "Cô xin em, cô sai rồi, cô xin em hãy tha lỗi cho cô." Nom nó như vẫn còn bị sốc. Mắt nó mở như vô hồn và tôi đồ rằng nó chẳng nghe thấy tôi nói gì. Vẫn ôm nó trên tay, tôi quay sang những đứa khác, bảo chúng cứ tiếp tục tìm nấm. Có lẽ chúng không thể hiểu điều gì vừa xảy ra vì nó quá kỳ lạ, quá đột ngột.

Tôi đứng đó, ôm chặt Nakata trong tay, cảm thấy như muốn chết hay biến mất. Nơi chân trời, chiến tranh khốc liệt đang tiếp diễn, vô số người đang chết. Tôi không còn biết thế nào là đúng, thế nào là sai nữa. Có thật tôi đang nhìn thấy thế giới thực tại không? Tiếng chim tôi đang nghe thấy có thực hay không? Tôi thấy mình đứng trơ trọi trong rừng, bối rối tột độ, máu vẫn cứ trào ra từ tử cung. Tôi tức giận, sợ hãi, bối rối – tất cả hòa làm một.

Và chính vào lúc ấy lũ trẻ gục xuống.

Tôi không kể lại với các vị bên quân sự điều gì đã thực sự xảy ra. Đó là thời chiến và chúng tôi phải giữ thể diện. Cho nên tôi bỏ qua đoạn tôi thấy kinh, đoạn Nakata tìm thấy những chiếc khăn máu và đoạn tôi đánh nó. Khi ông điều tra, tôi lại tiếp tục giấu. Tôi e rằng điều này đã cản trở công việc của ông. Cuối cùng, giờ đây tôi đã nói ra hết được, ông có thể hình dung là tôi cảm thấy nhẹ người biết bao.

Thật kỳ lạ, không một đứa nào trong bọn trẻ nhớ gì về sự việc này. Không đứa nào nhớ những chiếc khăn máu hoặc chuyện tôi

đánh Nakata. Những ký ức này đã hoàn toàn biến khỏi đầu chúng. Ít lâu sau vụ việc này, tôi đã có dịp gián tiếp thăm dò từng đứa và qua đó xác định đúng là thế. Có lẽ cơn hôn mê tập thể đã bắt đầu từ lúc ấy.

Tôi muốn nói thêm đôi điều về bé Nakata với tư cách là cô giáo cũ của nó. Những gì đã xảy đến với nó sau vụ này, tôi thực sự không biết. Khi người ta phỏng vấn tôi sau chiến tranh, viên sĩ quan Mỹ nói với tôi là nó đã được đưa đến một bệnh viện ở Tokyo và cuối cùng, đã hồi tỉnh. Nhưng ông ta không cho tôi biết thêm chi tiết nào. Tôi đoán, về chuyện này, ông biết rõ hơn tôi, thưa Giáo sư.

Nakata là một trong những học sinh từ Tokyo sơ tán về tỉnh chúng tôi và là đứa thông minh nhất, đạt điểm cao nhất trong số đó. Với nét mặt dễ thương và quần áo luôn luôn chỉnh tề, Nakata là một chú bé hiền dịu, không bao giờ can thiệp vào chuyện của người khác. Trong lớp, nó chưa một lần xung phong trả lời, nhưng khi tôi gọi đến, bao giờ nó cũng trả lời chính xác và khi tôi hỏi ý kiến nó, nó luôn phát biểu đâu ra đấy. Bất luận đề tài gì, nó cũng nắm bắt được ngay. Mỗi lớp đều có một học sinh như vậy. Loại này tự giác học những điều cần học không cần phải giám sát, sau này chắc chắn sẽ vào một trường đại học hàng đầu và kiếm được một công việc ưu hạng. Loại trẻ có khả năng thiên bẩm.

Nhưng với tư cách là cô giáo của Nakata, tôi phải nói rằng ở nó có đôi điều làm tôi băn khoăn. Nhiều khi, tôi cảm thấy ở nó một thứ cam chịu. Ngay cả những lúc làm tốt những đề bài khó, nó cũng có vẻ không vui. Nó không bao giờ phấn đấu để thành công, không bao giờ có vẻ trải nghiệm nỗi dằn vặt của thử thách hay lầm lẫn. Nó không bao giờ thở dài hoặc nhoẻn miệng cười. Cứ như thể nó chỉ đơn giản làm những điều nó phải làm. Nó xử lý bất kỳ nhiệm vụ gì đến tay một cách hiệu quả - như một công nhân làm việc dây chuyền, với chiếc tuốc-nơ-vít trong tay, siết chặt những đinh ốc của từng bộ phận lần lượt đến trên băng chuyền.

Tôi chưa bao giờ gặp cha mẹ Nakata – họ ở tận Tokyo – nên không dám khẳng định điều gì, nhưng chắc chắn nguồn gốc vấn đề là ở gia đình. Tôi đã thấy một số trường hợp như vậy. Người lớn luôn luôn áp đặt đối với trẻ nhỏ, chính vì chúng có khả năng xử lý. Bọn trẻ bị ngợp bởi những nhiệm vụ đặt ra trước chúng và dần dà mất đi tính hồn nhiên và cảm giác thỏa mãn vốn có. Khi bị đối xử như vậy, trẻ con bắt đầu thu mình vào vỏ ốc và giữ kín mọi điều trong lòng. Phải mất rất nhiều thời gian và công sức mới khiến chúng cởi mở trở lại. Trái tim trẻ con dễ uốn, nhưng một khi đã uốn thì khó mà làm cho nó trở lại dạng ban đầu. Trong đa số trường hợp là gần như không thể. Nhưng có lẽ tôi không nên phát biểu ý kiến với ông về vấn đề này – đó là lĩnh vực chuyên môn của ông mà.

Tôi cũng cảm thấy một thoáng bạo lực trong môi trường sống của cậu bé này. Thi thoảng, mắt nó lóe lên một ánh sợ hãi, dường như đó là một phản ứng bản năng với việc bị đối xử bạo ngược lâu dài. Bạo ngược đến mức nào thì tôi không cách chi biết được. Nakata là một đứa trẻ rất tự giác tuân thủ kỷ luật và khéo giấu nỗi sợ của mình. Nhưng đôi khi nó vô tình bộc lộ một chút nao núng, dù chỉ thoáng qua, nhưng không giấu được. Tôi biết một cái gì bạo ngược đã xảy ra trong gia đình họ. Một khi tiếp xúc nhiều với trẻ con, ta trở nên nhạy cảm với những biểu hiện này.

Các gia đình ở nông thôn có thể rất hung bạo. Phần lớn cha mẹ là nông dân, phải vật lộn mới đủ ăn. Họ làm quần quật từ sáng đến tối, mệt lử và khi có tí rượu vào, nổi đóa lên, họ dễ đi đến chỗ thượng cẳng chân hạ cẳng tay. Điều đó diễn ra thường xuyên, ai cũng biết, và phần lớn thời gian con cái họ dễ dàng hứng chịu như không và tiếp tục sống mà chẳng hề mang vết sẹo tình cảm nào. Nhưng cha của Nakata là một giáo sư đại học và mẹ nó, theo nhận định của tôi qua những lá thư bà ấy gửi cho tôi, là một phụ nữ rất có học. Nói cách khác, một gia đình trung lưu lớp trên ở thành phố. Nếu bạo lực xảy ra trong một gia đình như thế, đó ắt phải là một cái gì phức tạp hơn và kín đáo hơn những gì lũ trẻ nông dân từng nếm trải. Cái loại bạo lực mà một đứa trẻ giữ kín trong lòng.

Chính vì thế mà tôi hết sức hối tiếc về việc đã đánh Nakata hôm đó, bất kể đó là một hành động vô thức hay hữu thức. Đáng ra tôi không bao giờ nên hành động như thế. Tôi cảm thấy có tội và rất xấu hổ. Tôi càng hối hận hơn vì cái chú bé bị dứt khỏi cha mẹ đến môi trường xa lạ này, rốt cuộc, trước khi xảy ra vụ việc này, đã sắp sửa bộc bạch nỗi lòng với tôi.

Hành động bạo lực của tôi hôm ấy có thể đã giết chết ý muốn thổ lộ đang chớm nở trong Nakata. Tôi đã hy vọng có được cơ hội sửa chữa những sai lầm, nhưng hoàn cảnh không cho phép. Còn ở trong tình trạng bất tỉnh, Nakata đã phải chuyển lên bệnh viện ở Tokyo và tôi không bao giờ gặp lại nó nữa. Một điều mà đến nay tôi vẫn còn hối tiếc. Tôi vẫn có thể thấy bộ mặt của Nakata khi tôi đánh nó. Cái nỗi sợ ghê gớm và vẻ cam chịu trong mắt nó lúc bấy giờ.

Tôi xin lỗi, tôi không định viết một bức thư dài đến thế này, nhưng còn một điều nữa tôi muốn nhắc đến. Nói thật tình, khi chồng tôi chết ở Philippines ngay trước khi chiến tranh kết thúc, đó không phải là một cú sốc lớn lắm. Tôi không cảm thấy tuyệt vọng hay căm giận – chỉ là một cảm giác bất lực sâu sắc. Tôi không khóc. Tôi đã biết là ở đâu đó, trên một bãi chiến trường xa xôi, chồng tôi rồi sẽ thiệt mạng. Ngay từ năm trước, khi tất cả những điều tôi viết trong thư này diễn ra – cái giấc mơ dâm dục, việc tôi thấy kinh sớm, việc tôi đánh Nakata, việc bọn trẻ gục ngã trong cơn hôn mê bí hiểm nọ - tôi đã chấp nhận cái chết của chồng

tôi là không thể tránh khỏi, là định mệnh rồi. Cho nên tin anh ấy tử trận chỉ đơn thuần xác nhận điều tôi đã biết. Toàn bộ trải nghiệm trên đồi hôm đó vượt lên trên bất kỳ điều gì tôi từng nếm trải.

Cuối cùng, tôi xin chúc công việc nghiên cứu của ông tiếp tục thành công rực rỡ. xin ông bảo trọng.

Lời chào chân thành.

Chương 13

Đã quá mười hai giờ. Tôi đang ăn bữa trưa và nhìn ra vườn thì Oshima đi tới ngồi xuống bên cạnh tôi. Hôm nay, cả thư viện chỉ có mình tôi. Như mọi khi, bữa trưa của tôi vẫn là hộp cơm trưa rẻ nhất mua ở cái tiệm nhỏ gần ga xe lửa. Chúng tôi nói chuyện một hồi rồi Oshima ép tôi nhận nửa phần xăng-uých của anh.

"Hôm nay mình lấy thừa ra để mời cậu," anh gặng. "Đừng hiểu sai ý mình, nhưng nom cậu cứ như chẳng ăn gì ấy."

"Em đang cố tập tạ cho dạ dày nhỏ lại," tôi giải thích.

"Cậu cố tình?"

Tôi gật đầu.

"Cậu làm thế để tiết kiệm tiền?"

Lại gật.

"Mình có thể hiểu điều đó, nhưng ở tuổi này cậu phải ăn và hễ có dịp là ăn cho no. Cậu cần chất dinh dưỡng."

Chiếc xăng-uých anh mời tôi trông thật ngon lành. Tôi cảm ơn anh và bắt đầu ăn. Cá hồi hun khói, cải xoong, củ cải đỏ và rau diếp kẹp giữa hai lát bánh mì trắng cùi giòn ruột mềm phết đẫm bơ.

"Anh làm đấy à?"

"Chẳng có ai làm hộ thì phải làm lấy thôi," anh nói.

Anh rót cà phê đen từ chiếc phích của mình vào một cái cốc, trong khi tôi uống sữa từ hộp các tông.

"Mấy hôm nay cậu đọc gì?"

"Toàn tập Natsume Soseki," tôi đáp. "Còn mấy cuốn tiểu thuyết của ông ấy, em chưa đọc, đây là dịp để đọc nốt."

"Cậu thích ông ta đến mức muốn đọc tất cả những gì ông viết ư?" Oshima hỏi.

Tôi gật đầu.

Hơi bốc lên từ cốc cà phê nơi tay anh. Ngoài trời u tối và đầy mây, nhưng ít nhất thì cơn mưa cũng đã tạnh.

"Cậu đã đọc cuốn tiểu thuyết nào của ông ấy từ hôm đến đây?"

"Em đã đọc hết *Người thợ mỏ* và hiện đang đọc *Hoa anh túc*."

"*Người thợ mỏ* hả?" Oshima nói, rõ ràng đang ôn lại nội dung cuốn sách mà anh còn nhớ mang máng. "Đó là câu chuyện một sinh viên ở Tokyo, rốt cuộc đi làm trong một hầm mỏ, phải không? Và sau bao đận gay go gian khổ cùng các thợ mỏ khác, cuối cùng anh ta trở về với thế giới bên ngoài? Một cuốn tiểu thuyết với độ dài trung bình,

theo như mình nhớ. Cốt truyện không như nnguời đọc tthường chờ đợi ở Soseki và văn vẻ cũng không trau chuốt lắm. Không phải là một trong những tác phẩm hay nhất của ông ta. Cậu thích gì ở cuốn đó?"

Tôi cố diễn đạt bằng những cảm nghĩ của mình về cuốn tiểu thuyết, nhưng tôi cần sự giúp đỡ của Quạ. Và gã liền xuất hiện (chẳng biết từ đâu chui ra), xòe rộng đôi cánh và tìm ra những từ chuẩn xác cho tôi.

"Nhân vật chính thuộc một gia đình giàu có," tôi nói, "nhưng anh ta mắc vào một chuyện tình ngang trái, đâm chán chường và bỏ nhà đi. Anh đang lang thang thì cái nhân vật mờ ám nọ tiếp cận anh, dỗ vào làm việc ở mỏ. Anh nhắm mắt theo hắn ta rồi một hôm thấy mình trong mỏ đồng Ashio, làm việc dưới sâu trong lòng đất, nếm trải đủ mọi điều anh không bao giờ có thể tưởng tượng nổi. Chàng trai nhà giàu ngây thơ bỗng thấy mình lăn lê bò toài giữa đám cặn bã của xã hội."

Tôi nhấp một ngụm sữa, cố sắp xếp đầu đuôi ngọn ngành phần còn lại của những điều muốn nói. Phải mất một lúc Quạ mới trở lại, nhưng Oshima vẫn kiên nhẫn chờ.

"Những điều anh ta kinh qua trong hầm mỏ là những trải nghiệm sống còn. Cuối cùng, anh thoát ra khỏi và trở về với cuộc sống cũ. Nhưng trong cuốn tiểu thuyết, không hề thấy chỉ ra rằng anh ta đã học được gì từ những trải nghiệm ấy, rằng cuộc đời anh ta đã thay đổi, rằng giờ đây anh ta đã suy nghĩ sâu xa về ý nghĩ của cuộc đời hoặc bắt đầu đặt ra những câu hỏi về xã hội loài người, hay bất cứ cái gì. Ta cũng không cảm thấy là anh ta trưởng thành. Ta gấp sách lại với một cảm giác kỳ lạ như đang tự hỏi Soseki định nói gì vậy. Dường như cái đọng lại trong lòng người đọc chính là không-biết-tác-giả-thực-sự-định-nói-gì. Em không thể cắt nghĩa được điều ấy."

"Vậy cấu trúc của *Người thợ mỏ* hoàn toàn khác với loại *Bildungsroman*[11] hiện đại của cậu, thí dụ như *Sanshiro* của Soseki chứ gì?"

Tôi gật đầu. "Em không biết gì về loại ấy, nhưng có thể anh nói đúng. Trong truyện, Sanshiro lớn lên, gặp những trở ngại, suy ngẫm sự đời, vượt qua khó khăn, phải không? Nhưng nhân vật chính trong *Người thợ mỏ* thì khác. Anh ta chỉ nhìn sự việc xảy đến và chấp nhận tất. Thật ra, đôi khi anh ta cũng đưa ra ý kiến riêng, nhưng chẳng có gì sâu sắc lắm. Đằng này, anh ta chỉ nghiền ngẫm về cuộc tình của mình. Anh ta ra khỏi mỏ cũng gần giống như khi anh ta vào trong đó. Anh ta không hề ý thức rằng đó là điều mà bản thân anh ta đã quyết định làm hoặc rằng anh ta đã có thể lựa chọn. Có vẻ như anh ta hoàn toàn bị động. Nhưng em nghĩ trong cuộc đời thực, người ta cũng thế. Không dễ gì để tự mình lựa chọn."

"Cậu có thấy mình giống giống nhân vật chính trong *Người thợ mỏ*

không?"

Tôi lắc đầu. "Không, em không bao giờ nghĩ thế."

"Nhưng người ta cần bấu víu vào một cái gì chứ," Oshima nói. "Họ cần phải vậy để tồn tại. Cậu cũng làm thế mặc dù cậu không nhận ra. Như Goethe đã nói: Tất thảy đều là ẩn dụ."

Tôi ngẫm nghĩ một lát về ý đó.

Oshima nhấp một ngụm cà phê. "Dù sao đó cũng là một quan điểm thú vị về *Người thợ mỏ*. Nhất là vì nhân vật chính trong đó và cậu, cả hai đều bỏ nhà đi. Điều đó làm mình muốn đọc lại nó."

Ăn hết chiếc xăng-uých, tôi bóp bẹp hộp sữa bằng các tông ném vào sọt rác. "Anh Oshmia à," tôi nói, quyết định đặt thẳng vấn đề, "em đang gặp thế bí và anh là người duy nhất em có thể vấn kế."

Anh xòe rộng cả hai tay, vẻ khuyến khích: Cứ nói đi!

"Đây là một câu chuyện dài, nhưng trước mắt, em không có chỗ nào trú chân đêm nay. Em có một cái túi ngủ, nên em không cần giường hoặc nệm hay bất cứ cái gì. Chỉ cần một mái nhà trên đầu thôi. Anh có biết chỗ nào như thế quanh đây không?"

"Tôi đoán cậu không nghĩ đến khách sạn hay lữ quán đấy chứ?"

Tôi lắc đầu. "Tiền cũng là một vấn đề. Nhưng chủ yếu là em không muốn bị để mắt tới."

"Tôi chắc cậu ám chỉ ban vị thành niên của cảnh sát?"

"Vâng."

Oshima nghĩ một lát rồi nói: "Được, cậu có thể ở lại đây."

"Trong *thư viện* ư?"

"Nhất định rồi. Có một mái nhà nhé, lại có một phòng trống, ban đêm không ai dùng đến."

"Nhưng theo anh, thế liệu có được không?"

"Tất nhiên là trước hết ta sẽ phải thu xếp một số việc. Nhưng có thể được. Hay nói đúng hơn, không phải là không thể được. Tôi dám chắc là tôi có thể lo ổn chuyện này."

"Bằng cách nào?"

"Cậu thích đọc sách hay, thích tự mình nghĩ ra những ý này nọ. Coi bộ cậu có thể lực tốt và thuộc loại có tinh thần độc lập. Cậu thích sống quy củ và cậu giàu ý chí, kể cả ý chí muốn làm cho dạ dày mình bé lại, phải không nào? Tôi sẽ bàn với Miss Saeki về chuyện lấy cậu làm phụ việc cho tôi và để cậu ở căn phòng trống ở đây, ngay trong thư viện."

"Anh muốn em phụ việc cho anh?"

"Cậu sẽ không phải làm gì nhiều," Oshima nói. "Cơ bản là giúp tôi mở và đóng cửa thư viện. Những việc nặng - dọn dẹp, lau chùi - hay

nhập dữ liệu vào máy tính, chúng tôi đã thuê những người chuyên nghiệp làm. Công việc còn lại chả nhiều nhặn gì. Cậu có thể tha hồ muốn đọc gì thì đọc. Nghe ngon lành đấy chứ?"

"Vâng, tất nhiên rồi..." tôi không biết nên nói gì. "Nhưng em không nghĩ là Miss Saeki sẽ đồng ý. Em mới mười lăm tuổi, lại là một đứa bỏ nhà đi và Cô chẳng biết gì về em cả."

"Nhưng Miss Saeki... Nói thế nào nhỉ?" Oshima ngập ngừng (điều hiếm thấy ở anh), tìm lời để diễn tả cho chính xác. "*Cô* hơi khác người."

"Khác người là thế nào?"

"*Cô* có cách nhìn sự vật không giống mọi người."

Tôi gật đầu. Một cách nhìn khác? *Điều đó* nghĩa là thế nào? "Anh muốn nói *Cô* là một người dị thường?"

Oshima lắc đầu. "Không, mình không muốn nói thế. Nếu nói dị thường thì phải là *mình* đây. *Cô* chỉ là không bảo thủ thôi."

Tôi vẫn cố hình dung ra sự khác nhau giữa *khác* và *dị thường*, nhưng rồi quyết định thôi không hỏi thêm gì nữa. Tạm thời trong lúc này.

Sau một lát, Oshima nói: "Tuy nhiên, ở lại đây đêm nay thì chưa được. Tôi sẽ đưa cậu đến một chỗ khác ở tạm vài hôm cho đến khi chúng tôi thu xếp ổn thỏa. Cậu không phiền chứ? Chỗ ấy hơi xa một chút."

"Không thành vấn đề," tôi nói.

"Năm giờ thư viện đóng cửa," Oshima nói, "tôi phải thu dọn mọi thứ, vậy khoảng năm rưỡi chúng ta đi. Tôi sẽ chở cậu bằng xe riêng của tôi. Hiện không có ai ở chỗ đó. Đừng lo - chỗ đó có một mái nhà trên đầu mà."

"Em rất cảm ơn."

"Cậu có thể cảm ơn tôi sau khi chúng ta tới đó. Có thể không như cậu tưởng tượng đâu."

Tôi trở lại phòng đọc và đọc tiếp cuốn *Hoa anh túc* từ chỗ bỏ dở lúc nãy. Tôi không phải là một người đọc nhanh. Tôi thích kề cà trên mỗi câu, thưởng thức văn phong của tác giả. Nếu không khoái cách viết là tôi bỏ liền. Ngay trước năm giờ, tôi đọc hết cuốn sách, đặt trả về trên giá rồi quay lại ngồi trên chiếc sofa, nhắm mắt lại, nghĩ về những gì xảy ra trong đêm hôm trước. Về Sakura. Về căn phòng của cô. Về những gì cô làm với tôi. Về tất cả những ngoắt ngoéo trong dòng sự kiện.

Đến năm rưỡi, tôi ra ngoài thư viện chờ Oshima. Anh dẫn tôi đến bãi đậu xe ở đằng sau và chúng tôi lên chiếc xe thể thao màu xanh lá cây của anh. Một chiếc Mazda Miata bỏ mui được. Ba lô của tôi to

quá bỏ vào cốp xe không vừa, phải cột chặt vào giá để hàng phía sau.

"Một cuốc dài đấy, cho nên ta sẽ dừng ăn tối dọc đường," Oshima nói và xoay chìa khoá, khởi động xe.

"Chúng ta đi về hướng nào?"

"Kochi," anh đáp. "Đến đó bao giờ chưa?"

Tôi lắc đầu. "Bao xa?"

"Chạy xe mất độ hai tiếng rưỡi. Về phía Nam, bên kia dãy núi."

"Anh không phiền khi phải đưa em đi xa thế chứ?"

"Không sao. Đường thẳng băng và trời hãy còn sáng mà. Với lại, mình vừa đổ đầy bình xăng."

Xe chạy qua những đường phố tranh sáng tranh tối, rồi ra xa lộ, hướng về phía Tây. Oshima chuyển làn ngọt xớt, lách giữa các xe khác, sang số êm ru. Mỗi lần như thế, tiếng máy ro ro chỉ hơi khác đi một tí. Cuối cùng, anh dận hết ga và chiếc xe nhỏ nhanh chóng vượt qua tốc độ chín mươi km/giờ.

"Xe này đã được chỉnh đặc biệt nên gia tốc oách lắm. Không như loại Miara thông thường. Cậu có biết nhiều về xe hơi không?"

Tôi lắc đầu. Xe hơi rõ ràng không phải chuyên môn của tôi.

"Anh khoái lái xe lắm hả?" tôi hỏi.

"Bác sĩ bắt mình từ bỏ mọi môn thể thao nguy hiểm. Cho nên mình chuyển sang lái xe để bù lại."

"Anh bị làm sao?"

"Tên y học dài lê thê, nhưng gọi nôm na là bênh máu không đông," Oshima xuề xoà nói. "Cậu có biết nó ra thế nào không?"

"Em cũng biết sơ sơ," tôi nói. "Em có được học qua trong giờ sinh học. Ai mắc chứng ấy, hễ chảy máu là không cầm lại được. Cái đó thuộc về gien, nó làm cho máu không đông được."

"Đúng thế. Có đủ dạng bệnh máu không đông và cái loại mình bị là khá hiếm. Nó không tệ hại lắm, nhưng mình phải cẩn thận đừng để bị thương. Hễ mình bị chảy máu là phải đi bệnh viện lền. Với lại, dạo này, lượng máu dự trữ ở các bệnh viện đang có vấn đề. Chết dần chết mòn vì AIDS không phải là một lựa chọn cho mình. Cho nên mình bắt mối với một số nơi trong thành phố để cung cấp máu sạch, đề phòng trường hợp phải tiếp máu. Vì có bệnh nên mình không đi du lịch được. Trừ những lần đi kiểm tra định kỳ tại bệnh viện đại học Hiroshima, mình chả mấy khi ra khỏi thành phố. Tuy nhiên cũng chẳng đến nỗi tệ - dù sao mình cũng không máu mê du lịch hay thể thao gì cho lắm. Mình không được dùng dao bếp, nên chuyện nấu nướng bị loại trừ, kể cũng đáng tiếc."

"Lái xe cũng là một môn thể thao khá nguy hiểm đấy chứ," Tôi

nói.

"Nhưng đó là một loại nguy hiểm khác. Hễ ngồi vào sau tay lái là mình ráng phóng nhanh hết mức có thể. Nếu bị tai nạn vì phóng nhanh thì mình sẽ không chỉ đứt một ngón tay mà thôi. Nếu mất rất nhiều máu, sẽ không có sự khác nhau giữa một người mắc chứng máu không đông với bất kỳ ai khác. Thế là hòa cả làng, cơ may sống sót là ngang nhau. Sẽ không phải lo lắng về những chuyện như máu đông hay không đông hay bất cứ cái gì, như vậy có chết thì cũng chết thanh thản, không có gì phải tiếc."

"Em hiểu."

"Đừng lo," Oshima cười lớn. "Mình sẽ không gây tai nạn đâu. Mình lái cẩn thận lắm và không hề liều lĩnh. Mình cũng bảo quản xe rất tốt. Với lại, khi nào chết, mình muốn chết một mình và thật yên tĩnh cơ."

"Vậy kéo theo một người khác cùng chết cũng không phải là một lựa chọn."

"Cậu hiểu đúng đấy."

Chúng tôi ghé vào một nhà hàng ở một trạm dừng xe dọc đường để ăn tối. Tôi ăn xa-lát gà, còn anh gọi món hải sản nấu cà ri và xa-lát. Gọi là nhét đầy dạ dày thôi. Oshima trả tiền và chúng tôi lại lên xe. Trời đã tối hẳn. Anh dận ga và kim đồng hồ chỉ tốc độ vọt lên.

"Mình bật tí nhạc nhé, cậu có phiền không?" Oshima hỏi.

"Tất nhiên là không," tôi đáp.

Anh bấm nút CD và một khúc nhạc piano cổ điển bắt đầu. Tôi nghe một lát, cố đoán tác giả. Tôi biết đó không phải là Beethoven, cũng không phải Schumann. Có lẽ đâu đó ở quãng giữa hai vị đó.

"Có phải Schubert?" tôi hỏi.

"Chính xác," anh đáp. Tay đặt trên vô lăng theo tư thế kim đồng hồ chỉ mười giờ, anh liếc qua tôi. "Cậu thích Schubert không?"

"Không thích lắm," tôi nói.

"Khi lái xe, mình thích những bản xô-nát viết cho piano của Schubert, mở với âm lượng lớn. Cậu biết tại sao không?"

"Không."

"Bởi vì chơi những xô-nát cho piano của Schubert cho hay là một trong những điều khó nhất trên đời. Đặc biệt là bài này, bài xô-nát cung Rê trưởng[12]. Rất khó làm chủ được nó. Một số nghệ sĩ piano có thể chơi hoàn hảo một hay hai chương, nhưng nếu nghe cả bốn chương như một tổng thể thì, theo ý mình, chưa có ai thành công. Nhiều nghệ sĩ piano trứ danh đã thử nhận thách thức ấy, nhưng hình như bao giờ cũng thiêu thiếu một cái gì. Chưa bao giờ có ai thể hiện tới mức mà ta có thể nói: *Đúng, thật là hoàn hảo*! Cậu biết tại sao

không?"

"Không," tôi đáp.

"Tại vì bản xô-nát này không hoàn hảo. Robert Schumann rất hiểu các xô-nát của Schubert và ông ta dán cho bản này cái nhãn là "tẻ nhạt tuyệt trần".

"Nếu nhạc phẩm này không hoàn hảo, tại sao nhiều nghệ sĩ piano lại cố làm chủ nó đến thế?"

"Câu hỏi hay đấy," Oshima nói và ngừng lại để âm nhạc lấp đầy im lặng. "Mình không biết giải thích thế nào cho thỏa đáng, nhưng mình có thể nói điều này: những tác phẩm có chút bất cập đó lại có một sức hấp dẫn chính vì lý do đó, hay ít nhất, nó hấp dẫn một số loại người. Cũng như cuốn *Người thợ mỏ* của Soseki hấp dẫn cậu vậy. Có một cái gì đó trong đó lôi cuốn cậu hơn là những cuốn tiểu thuyết hoàn thiện hơn như *Kokoro* hay *Sanshiro*. Cậu phát hiện thấy trong tác phẩm ấy một cái gì làm tim mình xao động - hay có thể nói tác phẩm ấy phát hiện ra cậu. Bản xô-nát cung rê trưởng của Schubert thuộc loại như vậy."

"Để trở lại câu hỏi," tôi nói, "tại sao anh thích nghe những bản xô-nát của Schubert? Nhất là khi lái xe?"

"Những xô-nát của Schubert, nhất là bản này, nếu chơi nguyên xi, đó không phải là nghệ thuật. Như Schumann đã chỉ ra, nó dài lê thê và quá nhiều chất đồng quê, lại quá đơn giản về mặt kỹ thuật. Nếu chơi y xì như nguyên bản, nó sẽ bèn bẹt, vô vị, chỉ là một thứ đồ cổ bụi bặm. Vì thế nên mỗi nghệ sĩ piano thể hiện nó đều thêm vào một cái gì của riêng mình, một thứ phụ gia. Như đoạn này này - cậu có nghe thấy tay ấy cấu âm quãng này như thế nào không? Thêm rubato[13]. Điều chỉnh nhịp độ, chuyển gam, bất kỳ. Nếu không, tổng thể sẽ không trụ vững. Tuy nhiên phải rất cẩn thận, kẻo những ngón phụ gia ấy sẽ phá huỷ tính chất của tác phẩm. Như vậy sẽ không còn là Schubert nữa. Mỗi một nghệ sĩ piano chơi bản xô-nát này đều phải vật lộn với nghịch lý ấy."

Anh lắng nghe tiếng nhạc, âm ư giai điệu rồi nói tiếp:

"Chính vì thế mà mình thích nghe Schubert trong khi lái xe. Như mình đã nói, mọi diễn tấu đều không hoàn hảo. Sự thiếu hoàn hảo, nếu đậm đặc chất nghệ thuật, sẽ kích thích ý thức và giữ cho ta tỉnh táo. Nếu mình nghe một nhạc phẩm kịch kỳ hoàn hảo được diễn tấu một cách cực kỳ hoàn hảo trong khi lái xe, mình sẽ có thể muốn nhắm lại và chết luôn. Nhưng nghe bản Rê trưởng, mình có thể cảm nhận được giới hạn của khả năng con người - rằng một dạng hoàn hảo nào đó chỉ có thể thực hiện được qua một sự tích lũy vô hạn của cái không hoàn hảo. Và riêng mình, mình thấy điều đó đầy khích lệ. Cậu có hiểu ý mình không?"

"Hơi hơi..."

"Xin lỗi, Oshima nói, "mình dễ bốc khi bàn về đề tài này."

"Nhưng có đủ mọi dạng và cấp độ không hoàn hảo, đúng không?" tôi nói.

"Tất nhiên rồi."

"*So sánh* các cách diễn tấu bản xô-nát cung Rê trưởng, anh thấy ai chơi hay nhất?"

"Hỏi khó đấy," Oshima nghĩ một lát. Anh giảm tốc độ, chuyển làn, mau lẹ vượt qua một chiếc xe đông lạnh kếch sù mười tám bánh, tăng tốc để trở về làn đường của mình mình. "Mình không có ý làm cậu hốt, nhưng ban đêm, xe Miata xanh là loại khó thấy nhất trên xa lộ. Nó đã thấp lại xanh nên dễ lẫn vào đêm tối. Nhất là cánh lái xe tải ngồi trong cabin cao lại càng khó nhìn thấy nó. Nếu không chú ý thì rất nguy hiểm, đặc biệt trong đường hầm. Quả thật, xe thể thao đáng ra nên là màu đỏ thì mới nổi bật lên. Vì vậy, phần lớn xe Ferrari đều màu đỏ. Nhưng khốn nỗi mình lại thích màu xanh, cho dù nó có thể gây nguy hiểm. Xanh là màu của rừng cây. Còn đỏ là màu của máu."

Anh liếc nhìn đồng hồ và lại âm ư theo điệu nhạc. "Nói chung, mình nghĩ Brendel và Ashkenazy là những người diễn tấu hay nhất, tuy nhiên họ không làm mình xúc động. Âm nhạc của Schubert thách thức và đập tan các cung cách của thế gian. Đó là cốt lõi của chủ nghĩa lãng mạn và âm nhạc của Schubert là sự đúc kết của dòng này."

Tôi tiếp tục lắn gnghe bản xô-nát.

"Cậu thấy thế nào? Hơi chán hả?"

"Vâng, hơi chán," tôi thừa nhận.

"Phải tự rèn luyện mới thấy được giá trị của Schubert. Mình cũng thế, lần đầu nghe ông, mình thấy chán ốm. Cái đó là tự nhiên đối với lứa tuổi cậu. Với thời gian, cậu sẽ vỡ dần ra. Người ta nhanh chóng mệt mỏi với những thứ không chán, thế nhưng lại không mệt mỏi với những gì mới đầu tưởng là chán. Nghĩ mà xem. Mình có thể rỗi hơi mà chán, nhưng không bao giờ mệt mỏi với những gì mình yêu thích. Phần đông người đời không phân biệt được hai cái đó."

"Anh nói anh là người khác thường. Có phải là tại cái chứng máu không đông ấy không?"

"Có phần thế đấy," anh nói với một nụ cười ma mãnh. "Nhưng không phải chỉ vậy thôi, còn có cái gì đó khác nữa."

Khi bản xô-nát dài "tẻ nhạt tuyệt trần" của Schubert kết thúc, chúng tôi không nghe thêm gì nữa. Chúng tôi lặng thinh, mỗi người lấp đầy im lặng bằng những ý nghĩ lang bang của mình. Tôi lơ đãng nhìn những biển báo vùn vụt qua. Tới một ngã tư, chúng tôi rẽ vào một ngả đường hướng Nam đi về phía núi, xuyên hết đường hầm này đến đường hầm khác.

Oshima hết sức tập trung mỗi khi anh vượt một xe khác. Chúng tôi vượt một số xe tải chạy chậm rì rì và mỗi lần như thế, lại nghe thấy tiếng rít viu víu của không khí như thể một linh hồn vừa thoát xác. Thi thoảng tôi ngoái nhìn lại để yên trí rằng chiếc ba lô của mình vẫn đường cột chặt an toàn ở đó.

"Chỗ bọn mình đến nằm sâu trong núi, chắc chắn không phải là căn nhà khang trang nhất thế giới," Oshima nói. "Mình chắc cậu sẽ không gặp ai khác trong thời gian cậu ở đó. Không có radio, tivi hay điện thoại gì hết. Chắc cậu không phiền chứ?"

"Không," tôi đáp.

"Cậu đã quen với cô đơn," Oshima bình luận.

Tôi gật đầu.

"Nhưng cô đơn cũng có ba bảy loại. Cái thứ cô đơn đang chờ đợi cậu có thể là hơi bất ngờ đấy."

"Bất ngờ như thế nào?"

Oshima đẩy cái cầu gọng kính trên sống mũi lên. "Quả thực mình chả biết tả thế nào, cũng có thể nó sẽ thay đổi, do ở cậu."

Chúng tôi ra khỏi xa lộ và theo con đường liên tỉnh nhỏ. Đi một quãng ngắn, tới một thị trấn nhỏ ven đường, Oshima dừng ở một cửa hàng mở cửa ban đêm, mua đủ thứ thực phẩm đến độ hầu như cả hai chúng tôi không mang hết - rau quả, bánh quy giòn, sữa, nước khoáng, đồ hộp, các túi thực phẩm ăn liền, phần lớn là những thứ không đòi hỏi mất nhiều công nấu nướng. Tôi định rút ví ra nhưng anh lắc đầu, giành phần trả tiền tất cả.

Quay về chiếc xe thể thao, chúng tôi đi xuôi đường liên tỉnh. Tôi ôm những bịch không cho vào cốp xe được. Ra khỏi thị trấn nhỏ, tất cả đều tối đen xung quanh chúng tôi. Không có nhà cửa gì cả, họa hoằn mới gặp một chiếc xe, đường thì hẹp đến nỗ hai xe khó mà vượt nhau được.Oshima bật pha hết cỡ, tiếp tục lao tới, hết hãm phanh lại dận ga, liên tục sang số từ hai lên ba, rồi lại từ ba xuống hai. Vẻ mặt anh im sững vì tập trung lái, môi mím chặt, mắt nhìn trân trân vào một điểm phía trước trong bóng tối, tay phải giữ chắc vô lăng, tay trái đặt trên cần sang số trong tư thế sẵn sàng.

Một vách đá dốc đứng xuất hiện bên trái chúng tôi. Có vẻ như ở bên dưới có một khe suối. Các khúc cua trở nên gấp hơn, đường trơn hơn và một đôi lần, phần sau xe bị trượt bánh, nhưng tôi quyết định không bận tâm lo lắng về điều đó: đối với Oshima, để xảy ra tai nạn ở đây chắc chắn *không phải là một lựa chọn*.

Đồng hồ tôi chỉ gần chín giờ. Tôi hạ kính cửa sổ cho khí lạnh ủa vào. Ở đây, mọi âm vang đều khác. Chúng tôi đang ở giữa vùng núi và còn đi sâu vào nữa. Tôi thở phào nhẹ nhõm khi, cuối cùng, con đường tách ra xa bờ vực và rẽ vào một khu rừng. Những ngọn cây

cao vút như bóng ma trên đầu chúng tôi. Ánh đèn pha lần lượt liếm vào từng thân cây bật sáng. Đường quãng này không rải nhựa và bánh lốp làm những viên sỏi bắn lên va vào gầm xe. Bộ giảm xóc nhún lên nhún xuống trên mặt đường gồ ghề. Trời không trăng không sao. Những giọt mưa nhỏ thi thoảng táp vào tấm kính chắn gió.

"Anh có hay đến đây không?" tôi hỏi.

"Dạo trước cơ. Bây giờ mắc công việc và bận bịu linh tinh, mình không đến luôn được. Anh trai mình là vận động viên lướt sóng, anh ấy sống ở ven biển, tỉnh Kochi. Anh ấy có một cửa hàng bán dụng cụ lướt sóng và làm ván lướt. Thỉnh thoảng anh ấy cũng đến đây. Cậu có chơi lướt sóng không?"

"Em chưa bao giờ thử."

"Nếu có dịp, cậu nên nhờ anh trai mình dạy cho. Anh ấy lướt sóng rất cừ," Oshima nói. "Nếu cậu gặp anh ấy, cậu sẽ thấy anh ấy chả giống mình tí nào. Anh ấy to con, da ngăm ngăm, ít nói, không thích giao du lắm và khoái bia. Và chẳng biết Schubert khác Wagner thế nào. Nhưng hai anh em mình rất hợp nhau."

Chúng tôi tiếp tục đi sâu vào rừng rậm và cuối cùng, tới đích. Oshima hãm phanh nhưng vẫn để nổ máy, xuống xe, mở khóa một thứ cổng rào lưới sắt, đẩy ra rồi trở lại xe, lái vào trong, đi tiếp trên một con đường ngoằn ngoèo, gồ ghề cho tới một chỗ quang cuối đường. Oshima dừng xe, thở trút ra, đưa cả hai tay vuốt tóc ra đằng sau rồi tắt máy và cài phanh tay.

Quạt gió vẫn chạy ro ro để làm nguội động cơ quá nhiệt, trong khi một làn hơi bốc lên từ capô, nhưng vì máy đã tắt nên lúc này một im lặng nặng nề bao trùm chúng tôi. Tôi nghe tiếng nước róc rách từ một con suối nhỏ gần đâu đây. Trên cao, gió rì rào mơ hồ. Tôi mở cửa xe, bước ra ngoài. Những mảng sương giá lạnh lơ lửng trong không trung. Tôi kéo lên tận cổ phéc-mơ-tuya của chiếc áo khoác không thấm nước mà tôi vừa mặc ra ngoài áo phông.

Trước mặt chúng tôi là một căn nhà nhỏ. Trời tối quá, không nhìn rõ, nhưng có vẻ đây là một cái lều gỗ. Chỉ thấy một đường viền đen chờn vờn trên nền của rừng cây. Đèn pha đầu xe vẫn bật sáng, Oshima từ từ lại gần căn lều, tay cầm đèn pin, bước lên bậc thềm, lấy ra một chiếc chìa khóa, mở cửa, vào trong và đánh diêm châm đèn. Rồi cầm đèn, bước ra ngoài hiên, trịnh trọng thông báo: "Chào mừng đến tệ xá!" Cứ như từ một bức vẽ minh họa truyện cổ tích bước ra vậy.

Tôi bước lên bậc thềm vào nhà. Oshima thắp một chiếc đèn treo lớn dòng từ trần xuống. Căn nhà gỗ gồm độc một phòng lớn hình hộp. Một chiếc giường nhỏ kê trong góc, một cái bàn ăn với hai ghế gỗ, một cái sofa cũ kỹ, một tấm thảm bạc phếch - vẻ như một mớ đồ

đạc cũ không ai màng, vơ quàng vơ quấy để dùng tạm. Một cái giá gỗ chật cứng sách, những cuốn sách bìa đã xác xơ vì đọc đi đọc lại bao lần. Còn có một cái tủ cũ để đựng quần áo. Và một gian bếp đơn sơ với một quầy, một cái bếp ga nhỏ và một bồn rửa nhưng không thấy vòi nước. Thay vào đó là một cái xô nhôm chắc để đựng nước. Một cái xoong và một ấm đun nước trên giá, một cái chảo treo trên tường. Và giữa phòng, một cái bếp lò đun củi màu đen.

"Anh trai mình làm cái nhà này gần như một mình. Nguyên nó là một cái lều gỗ của thợ rừng, anh ấy đã cải tạo lại hoàn toàn. Anh ấy rất khéo tay. Dạo ấy mình còn bé, chỉ giúp việc vặt, giữ cho khỏi xây chân đứt tay. Phương tiện thì rất thô sơ. Điện không, nước máy không, toa-lét cũng không. Tiện nghi duy nhất là khí prôpan để đun nấu." Oshima đổ chút nước khoáng vào ấm và bắt đầu đun.

"Vùng đất núi này trước kia là tài sản của ông nội mình. Cụ là một phú hộ ở Kochi, sở hữu rất nhiều tài sản. Cụ mất cách đây mười mấy năm và hai anh em mình được thừa kế toàn bộ khu đất núi này. Không ai trong họ muốn nó cả, vì quá hẻo lánh và chẳng đáng giá là bao. Nếu muốn khai thác lâm sản thì phải thuê người tốn kém lắm."

Tôi vén tấm rèm che cửa sổ. Chỉ thấy một bức tường bóng tối mịt mùng.

"Hồi mình trạc tuổi cậu," Oshima nói tiếp, bỏ mấy túi trà hoa cúc vào bình, "mình rất hay đến đây sống một mình. Không gặp ai khác, không trò chuyện với ai. Anh trai mình gần như ép mình làm thế. Thông thường, với một người mắc cái bệnh giống mình, người ta không làm như vậy - ở một mình giữa nơi hoang vắng thế này là quá nguy hiểm cho họ. Nhưng anh mình bất cần." Anh ngả người dựa vào quầy, chờ cho nước sôi. "Anh ấy không tìm cách gò mình vào kỷ luật hay gì hết mà chỉ nghĩ rằng đó là cái mình cần. Nhìn lại, mình thấy đó là một trải nghiệm tốt, đúng là cái mình cần thật. Mình có điều kiện đọc rất nhiều, suy ngẫm mọi sự. Nói thật tình, sau một thời gian, mình gần như không thể đi học được nữa. Giữa trường học và mình có một thứ quan hệ ghét bỏ nhau. Mình khác mọi người. Do hảo tâm, người ta để cho mình tốt nghiệp trung học, và sau đó, về cơ bản, mình tự thân vận động. Y như cậu vậy. Mình đã kể với cậu mọi chuyện đó chưa nhỉ?"

Tôi lắc đầu. "Có phải vì thế mà anh tốt với em như vậy không?"

"Có phần thế," anh nói rồi ngừng một lát. "Nhưng lý do không phải chỉ có vậy."

Oshima đưa tôi một tách trà và nhấp nhấm nháp tách của mình. Thần kinh tôi căng thẳng sau chuyến đi dài và vị hoa cúc đúng là cái tôi cần để thư giãn.

Oshima liếc nhìn đồng hồ đeo tay. "Mình sắp phải đi, nên hãy để

mình giải thích mọi thứ. Có một con suối lành gần đây, cậu có thể lấy nước ở đó mà dùng. Nó chảy từ đầu nguồn nên cậu có thể uống nguyên như thế, tốt hơn nước khoáng đóng chai nhiều. Có củi chất sau nhà, nên cậu có thể dùng bếp lò nếu cậu thấy lạnh. Nơi này rét đáo để. Thậm chí vào tháng Tám, mình đã phải dùng tới bếp lò vài lần. Nếu cậu cần dụng cụ gì khác hoặc bất cứ cái gì thì cứ lục cái kho ở sau nhà. Và cứ thoải mái mặc bất kỳ đồ cũ nào của ông anh mình mà cậu thấy trong tủ quần áo. Anh ấy chẳng bận tâm đâu, ai mặc đồ của anh ấy cũng được."

Oshima đứng chống nạnh, đảo mắt nhìn khắp căn lều. "Chắc chắn đây không phải là một nơi ở ẩn lãng mạn. Nhưng để sống đạm bạc thì ổn đấy. Có một điều mình phải cảnh cáo cậu: chớ có đi sâu quá vào trong rừng. Rừng ở đây thực sự rậm rạp và không có đường ra đường xuyên suốt đâu. Phải giữ sao cho căn lều bao giờ cũng ở trong tầm nhìn. Nếu cậu đi xa hơn sẽ rất dễ lạc và khó mà tìm thấy đường về. Mình đã một lần nếm mùi ấy, thật dễ sợ. Mình chỉ đi cách đây khoảng hai trăm mét mà mà mất đứt nửa ngày đi lòng vòng. Cậu có thể nghĩ Nhật Bản là một nước nhỏ, không thể lạc trong rừng được. Nhưng hãy tin mình đi, một khi mạo hiểm sâu vào những cánh rừng này, cậu sẽ lạc là cái chắc."

Tôi ghi điều này vào bộ nhớ để tham chiếu sau này.

"Và trừ trường hợp thật khẩn cấp, đừng có xuống núi một mình. Mọi nhà đều ở cách rất xa. Cứ đợi ở đây, trong vòng vài ngày, mình sẽ quay lại đón cậu. Cậu có đủ cái ăn để cầm cự cho đến lúc đó. À, cậu có điện thoại di động không nhỉ?"

"Em có," tôi nói, tay chỉ vào ba lô.

Anh nhoẻn cười với tôi. "Cứ giữ nó ở trong ba lô. Ở đây không dùn được đâu: ngoài tầm phủ sóng. Và tất nhiên, đài phát thanh cũng thế. Cậu bị cắt rời khỏi thế giới. Như vậy cậu sẽ có ối thì giờ mà đọc."

Tôi chợt nghĩ đến một vấn đề rất thực tế. "Không có toa-lét thì em đi vệ sinh ở đâu?"

Oshima dang rộng cánh tay: "Cậu có cả một khu rừng, muốn cho ra đâu chả được."

Chương 14

Nakata đến bãi đất trống nhiều ngày liền. Trừ một buổi sáng trời mưa to, đành ở nhà đục đẽo gỗ, còn đa phần thời gian lão ngồi rình trong đám cỏ, chờ con mèo mai rùa hay gã đàn ông có cái mũ kỳ dị xuất hiện. Nhưng chẳng ăn thua gì.

Cuối mỗi ngày Nakata đều ghé qua nhà những người đã thuê lão, báo cáo tình hình tìm kiếm: lão đã đi những đâu, lượm được những thông tin gì. Mỗi ngày, lão được trả công khoảng ba nghìn *yen*. Chẳng ai chính thức định giá như thế, nhưng người ta cứ truyền tai nhau rằng trong vùng có lão Nakata là tổ sư tìm mèo, muốn nhờ thì cứ xì ra mỗi ngày chừng nấy. Bao giờ họ cũng muốn cho lão thêm chút gì ngoài tiền công – đồ ăn thức uống, có khi cả quần áo nữa. Và khi tìm thấy con mèo mất tích, lão còn được nhận một khoản mười nghìn *yen* tiền thưởng nữa.

Không phải lúc nào cũng có người thuê Nakata tìm mèo lạc, cho nên số tiền công lão gom góp được mỗi tháng chẳng nhiều nhặn gì. Người lớn nhất trong số em trai lão thanh toán các khoản dịch vụ công cộng, lấy từ phần thừa kế khiêm tốn mà cha mẹ Nakata để lại, và lão sống bằng những món tiền để dành còm cõi cộng với một khoản trợ cấp hàng tháng của thành phố cho người già khuyết tật. Lão xoay sở chỉ ăn uống sinh hoạt bằng số trợ cấp trên, để có thể tiêu xài tiền công tìm mèo theo ý riêng, và đối với lão đó là một món khá sộp. Tuy nhiên, đôi khi lão không nghĩ ra được ý nào khác hơn là thưởng thức món ăn ưa thích của mình – lươn nướng. Ra ngân hàng hay lập sổ tiết kiệm thì phải điền nhiều mục vào tờ khai mà lão lại không biết đọc biết viết, nên còn lại bao nhiêu tiền lão giấu béng dưới chiếc chiếu tatami trong phòng.

Khả năng nói chuyện được với mèo là một bí mật của Nakata mà chỉ riêng lão và lũ mèo biết. Người ta sẽ tưởng lão điên nếu lão nói ra điều đó, nên lão cứ ngậm tăm. Ai nấy đều biết lão chẳng thông minh sáng láng gì, nhưng đần độn và điên rồ lại là chuyện hoàn toàn khác.

Đôi khi có người đi qua giữa lúc lão đang mải mê trò chuyện với một con mèo nào đó, nhưng chẳng ai buồn để ý. Xét cho cùng, thấy một ông già nói chuyện với súc vật như với người đâu phải chuyện gì quá khác thường. Nhưng nếu có ai chợt bình luận về cái tài tìm mèo của lão và nói đại loại như thế này: “Bác Nakata, làm sao bác có thể rành những thói quen của loài mèo đến thế? Cứ như là bác có thể nói chuyện với chúng vậy”, thì lão chỉ tủm tỉm và cho qua thôi. Nakata bao giờ cũng nghiêm túc và lễ phép, với một nụ cười hòa nhã, và rất được các bà nội trợ trong khu quý mến. Một phần cũng vì vẻ bề

ngoài sạch sẽ gọn gàng của lão. Nghèo xác xơ, nhưng Nakata năng tắm giặt và những bộ quần áo mới toanh các khách hàng thường cho lão càng khiến bộ dạng lão thêm tươm tất. Một số, như chiếc sơ mi đánh golf mang nhãn Jack Nicklaus chẳng hạn, không hợp với lão, nhưng Nakata bất cần chừng nào nó sạch sẽ tinh tươm.

Nakata đang đứng ở cửa trước, ngập ngừng báo cáo với bà Koizumi khách hàng mới của lão về tình hình tìm kiếm con mèo Goma của bà ta.

"Cuối cùng Nakata này đã có đôi chút thông tin về bé Goma," lão mào đầu. "Một ông tên là Kawamura nói rằng mấy hôm trước ông ta đã trông thấy một con mèo giống Goma ở bãi trống đằng kia, cái bãi có tường bao quanh ở khối 2 ấy. Bãi cách đây hai phố lớn và theo ông ta tả thì nó cũng cùng tuổi, cùng màu lông như Goma và cũng có cái đai cổ chống rận như thế. Nakata này bèn quyết định canh chừng ở bãi trống, ngày ngày tới đấy ăn trưa tại chỗ, ngồi lì từ sáng đến lúc mặt trời lặn. Không, bà đừng băn khoăn về chuyện đó, tôi có ối thời gian rảnh rỗi, nên tôi chẳng thấy phiền gì hết, trừ phi trời đổ mưa lớn. Nhưng nếu bà nghĩ tôi không cần phải rình nữa thì xin cứ bảo. Lão xin thôi ngay."

Lão không nói với bà rằng cái ông Kawamura ấy không phải là một người, mà là một con mèo vằn. Lão nghĩ nói thế chỉ tổ rắc rối vấn đề.

Bà Koizumi cảm ơn lão. Hai đứa con gái nhỏ của bà rầu rĩ suốt từ khi con vật yêu của chúng mất tích, không thiết ăn nữa. Mẹ chúng không tài nào giải thích cho chúng hiểu rằng giống mèo thường vẫn thỉnh thoảng biết mất đột ngột một thời gian. Nhưng dù thương con, bà cũng không có thì giờ đi khắp thành phố tìm mèo cho chúng. Cho nên bà rất mừng khi kiếm được một người làm hết sức mình để tìm cho ra Goma, như Nakata. Nakata là một lão già kỳ dị, có cách nói khác thường, nhưng thiên hạ đồn rằng lão là một thiên tài trong việc tìm mèo. Bà biết mình nghĩ vậy là không phải, nhưng quả thật coi bộ lão chẳng đủ thông minh để lừa ai. Bà đưa cho lão tiền công ngày đựng trong một chiếc phong bì kèm theo một hộp cơm nắm và khoai môn bà vừa nấu.

Nakata cúi rạp đầu nhận hộp cơm, đưa lên mũi hít hít và cảm ơn. "Đa tạ bà. Khoai môn là một trong những món ưa thích của Nakata này."

"Chúc cụ ngon miệng," bà Koizumi đáp.

Một tuần đã qua kể từ khi lão bắt đầu dò dõi bãi hoang này. Trong thời gian đó, Nakata đã thấy rất nhiều mèo lui tới đây. Kawamura, con mèo vằn màu nâu, mỗi ngày ghé thăm vài lần. Nakata chào nó, chuyện gẫu linh tinh: mưa nắng, chợ cấp… Lão vẫn không nắm được nó nói những gì.

“Kawara gặp rắc rối, nằm rạp trên đường”, Kawamura nói. Hình như nó muốn truyền đạt điều gì với Nakata, nhưng lão già không hiểu và lão bảo nó thế.

Con mèo có vẻ bối rối vì thế và nhắc lại – có lẽ vẫn điều đó, nhưng diễn tả cách khác. “Kawara bị trói, la hét.” Nakata lại càng hoang mang.

Đáng tiếc là Mimi không có đây giúp mình, lão nghĩ. Nếu có đây ắt Mimi sẽ cho nó cái tát vào mõm để nó nói cho gẫy gọn. Mimi thật là một con mèo thông minh. Nhưng Mimi không bao giờ xuất hiện ở một nơi như thế này vì sợ bị lây rận từ bọn mèo hoang.

Sau khi xổ ra những câu mà Nakata chẳng hiểu gì, Kawamura hơn hớn bỏ đi.

Những con mèo khác lẻ tẻ ra ra vào vào. Thoạt đầu chúng còn đề phòng khi phát hiện thấy Nakata, gườm gườm nhìn lão từ xa, nhưng sau khi thấy lão chỉ ngồi đấy, chẳng làm gì, chúng liền quên phắt lão đi. Theo cái cách thân ái điển hình của lão, Nakata tìm cách gợi chuyện. Lão cất tiếng chào và tự giới thiệu, nhưng hầu hết giả ngây giả điếc không buồn nghe hoặc chỉ trừng trừng nhìn lão. Lũ mèo ở đây đặc biệt thạo môn phớt lờ người. Chắc chúng đã nếm mùi điêu đứng trong quan hệ với con người. Nakata hiểu là mình chẳng có quyền đòi hỏi gì ở chúng và không hề trách chúng về thái độ lạnh lùng ấy. Lão hiểu rất rõ rằng trong thế giới loài mèo, bao giờ lão cũng chỉ là một kẻ ngoài rìa.

Duy nhất có một con trong đám mèo ở bãi hoang tỏ ra rất tò mò muốn làm quen với Nakata. Nó đã mấy lần đáp lại lời chào của lão.

“Vậy ra bác biết nói tiếng mèo hả?” cuối cùng, chú mèo mướp nhị thể đen trắng rách tai vừa ngập ngừng hỏi vừa đưa mắt nhìn quanh. Giọng nói cộc cằn, nhưng xem ra khá hồ hởi.

“Phải, chút ít thôi,” Nakata đáp.

“Dù sao thế cũng oách rồi,” mèo mướp bình luận.

“Tên lão là Nakata,” Nakata tự giới thiệu. “Còn cậu tên gì?”

“Tôi làm gì có tên,” mèo mướp cấm cảu.

“Vậy Okawa nghe thế nào? Lão gọi cậu là Okawa được không?”

“Gì cũng được.”

“Vậy thì cậu Okawa này,” Nakata nói, “để đánh dấu cuộc gặp gỡ của chúng ta, cậu không từ chối vài con cá mòi khô chứ?”

“Nghe hấp dẫn đấy, cà mòi là một món ưa thích của tôi.”

Nakata lấy từ trong bị ra một con cá mòi bọc giấy bóng kính, mở ra cho Okawa. Lão luôn mang theo mấy con cá mòi, phòng khi cần đến. Okawa ngấu nghiến con cá từ đầu đến đuôi, rồi liếm mép.

“Thật đúng lúc, buồn ngủ gặp chiếu manh. Đa tạ. Nếu bác thích,

tôi sẽ liếm cho bác bất kỳ ở chỗ nào.”

“Không, không cần đâu. Nakata này cám ơn nhã ý của cậu, nhưng ngay bây giờ lão chả cần được liếm ở chỗ nào cả, dù sao cũng cám ơn. Thật ra, có một con mèo bị mất tích, chủ nó nhờ lão tìm hộ. Một con mèo cái lông mai rùa tên là Goma.” Nakata lấy từ trong túi ra tấm hình màu của Goma, đưa cho Okawa xem. “Có người nói đã thấy nó ở bãi hoang này. Cho nên Nakata này mới đến ngồi đây mấy ngày liền, chờ Goma xuất hiện. Không biết cậu có tình cờ gặp nó không?”

Okawa liếc nhìn tấm ảnh và sa sầm nét mặt. Những nếp nhăn hiện ra giữa đôi mày cau lại và nó chớp mắt liên hồi. “Xin thật lòng cám ơn về con cá mòi. Nhưng xin đừng hiểu lầm, tôi không thể nói về chuyện này, kẻo sẽ mang vạ vào thân.”

Nakata ngớ ra. “Cậu sẽ mang vạ vào thân nếu nói ra ư?”

“Đó là một vụ việc nguy hiểm, tai ác. Tôi nghĩ tốt hơn là bác nên quên con mèo ấy đi. Và nếu bác biết cái gì là tốt cho mình thì hãy tránh xa nơi này. Tôi không muốn bác lâm nạn. Rất tiếc đã không giúp được bác, nhưng xin hãy coi lời cảnh báo này như một cách cảm ơn bác đã cho ăn.”

Nói rồi, Okawa đứng dậy, nhìn quanh rồi biến vào một bụi rậm.

Nakata thở dài, lấy chiếc phích ra và chậm rãi nhấp mấy ngụm trà. Okawa nói là ở đây nguy hiểm, nhưng Nakata không hình dung được mối nguy hiểm đó ra sao. Tất cả những gì lão đang làm chỉ là tìm một con mèo bị lạc. Làm sao *cái đó* lại có thể nguy hiểm được? Có thể là nguy hiểm đến từ gã bắt mèo đội cái mũ kỳ dị mà Kawamura đã mô tả. Nhưng Nakata này là người chứ đâu phải mèo. Vậy tại sao lão lại phải sợ một gã bắt mèo?

Nhưng thế giới này đầy những thứ mà Nakata không mong gì thấu hiểu nổi, cho nên lão thôi không nghĩ về điều đó nữa. Với một bộ óc như lão thì nghĩ chỉ tổ đau đầu. Nakata nhấp ngụm trà cuối cùng, vặn nắp phích lại, bỏ phích trở vào trong bị.

Sau khi Okawa biến vào trong bụi rậm, hồi lâu không thấy con mèo nào khác xuất hiện. Chỉ thấy những cánh bướm dập dờn trên cỏ. Một đàn chim sẽ bay vào chỗ đất trống, tản ra nhiều phía, tụ trở lại rồi bay đi. Nakata ngủ chập chờn vài lần, rồi lại giật mình tỉnh dậy. Bằng vào vị trí của mặt trời, lão ang áng biết lúc này là mấy giờ.

Vào khoảng gần tối thì con chó ấy xuất hiện trước mặt lão.

Đó là một con chó đen kếch sù, nó đột ngột chui ra từ bụi rậm, lặng lẽ lặc lè đi tới. Từ chỗ Nakata ngồi, nom nó giống một con bê hơn một con chó. Chân dài, lông ngắn, cơ bắp cuồn cuộn rắn như thép, tai nhọn như mũi dao, không có đai cổ. Nakata không thạo mấy về các giống chó, nhưng vừa thoáng nhìn lão đã biết đây là loại dữ, hay ít nhất cũng có thể trở nên dữ khi cần thiết. Loại chó người ta

dùng trong quân đội hay cảnh sát.

Mắt nó hoàn toàn vô cảm và lớp da quanh mồm nó cuộn lên, để lộ những chiếc nanh trắng nom thật gớm. Cái lưỡi đỏ tươi thè lè giữa hai hàm răng như một ngọn lửa. Con chó đứng đó, không động đậy, im lặng, trân trân nhìn Nakata hồi lâu. Nakata cũng im lặng. Lão không biết nói chuyện với chó, chỉ biết tiếng mèo thôi. Mắt con chó đơ đơ vô hồn như nước ao tù đông đặc.

Nakata thở gắn, khẽ khàng, nhưng lão không sợ. Lão biết mình đang đối mặt với một con vật hung hãn, thù địch (lão không hiểu *tại sao* lại thế). Nhưng lão không đẩy ý nghĩ đó xa hơn đến độ *tự coi* là mình đang bị đe dọa. Cái khái niệm chết nằm ngoài khả năng tưởng tượng của lão. Và đau đớn thể xác là một cái gì trừu tượng đối với lão cho đến khi lão thực sự có cảm giác ấy. Còn ở dạng khái niệm thì đau đớn chả có nghĩa gì sất. Do đó, lão chẳng sợ, cho dù con chó quái đản ấy cứ gườm gườm nhìn lão. Lão chỉ bối rối thôi.

Đứng lên! Con chó nói.

Nakata nuốt khan đánh ực. Con chó đang nói! Không hẳn là nói, vì miệng nó không hề động đậy, mà chính xác ra là nó đang truyền đạt bằng một phương tiện khác ngoài ngôn ngữ.

Đứng lên và đi theo tôi! Con chó ra lệnh.

Nakata làm theo lời nó, lồm cồm đứng dậy. Lão toan cất tiếng chào nó, nhưng nghĩ thế nào lại thôi. Ngay cả nếu đôi bên có thể trò chuyện, thì cũng chả ích gì lắm. Hơn nữa, lão cũng không cảm thấy muốn trò chuyện với con chó này, càng không muốn đặt tên cho nó. Có mất bao nhiêu thời gian cũng chẳng biến nó thành bạn được.

Một ý nghĩ thoáng hiện trong đầu lão. Có thể con chó này có chút liên quan đến ông Tỉnh Trưởng, ông ta phát hiện ra là lão đang kiếm tiền bằng nghề tìm mèo, nên muốn cắt *chợ cấp* của lão. Nếu con chó cảnh sát này là của ông tỉnh trưởng thì cũng chả có gì là lạ, lão nghĩ thầm. Và nếu sự tình ra như thế thì mình gặp rắc rối to rồi!

Khi Nakata đứng dậy rồi, con chó bèn bắt đầu đi. Nakata khoác bị lên rồi đi theo nó. Dưới cuống cái đuôi ngắn của nó thò lò hai hòn dái to tướng.

Con chó cắt ngang bãi đất trống và lách qua một chỗ hổng ở hàng rào gỗ ra ngoài. Nakata ra theo và con chó không hề ngoái nhìn lại lấy một lần. Chắc hẳn nghe tiếng chân của Nakata, nó biết là lão đang ở đằng sau nó. Khi đến gần khu buôn bán, phố xá đông đúc hơn, phần lớn là các bà nội trợ đi mua sắm. Mắt nhìn thẳng về phía trước, con chó bước tiếp, tư thế oai nghiêm. Trông thấy con thú khổng lồ, dữ tợn ấy, mọi người vội né sang bên, thậm chí vài người còn xuống xe đạp, dắt sang bên kia đường để tránh phải đối mặt với nó.

Đi sau con quái vật ấy khiến cho Nakata có cảm giác là mọi người tránh xa mình. Có thể họ nghĩ là lão dắt chó đi dạo mà không cần dây xích. Và quả thật, một số người bắn vào lão những tia nhìn trách móc. Điều đó làm cho lão buồn. Tôi làm thế không phải vì tôi muốn thế, lão những muốn phân trần với họ, Nakata này đang bị con chó này dắt đi. Nakata này không phải là một người mạnh, mà là một kẻ yếu.

Lão đi cách con chó một quãng xa. Cả hai qua mấy ngã tư và ra khỏi khu phố buôn bán. Con chó phớt lờ đèn tín hiệu giao thông ở các ngã tư. Đường phố không rộng lắm, xe cộ chạy không nhanh, nên qua đường khi đang đèn đỏ cũng chẳng mấy nguy hiểm. Các lái xe dận phanh gấp khi thấy con vật to đùng ấy trước mũi xe. Còn nó thì nhe nanh, nhìn chòng chọc vào người tài xế và tiếp tục lững thững qua đường với vẻ thách thức. Nakata cảm thấy rõ con chó thừa biết đèn giao thông có nghĩa là thế nào, nhưng nó cố tình phớt lờ đi. Con vật này đã quen thói chỉ làm theo ý mình.

Nakata không còn biết mình đang ở đâu nữa. Lúc đi ngang qua một khu nhà ở thì lão nhận ra nơi đó thuộc quận Nakano quen thuộc, nhưng rồi khi rẽ vào một phố khác thì lão mù tịt. Nakata cảm thấy lo lo. Ngộ nhỡ lạc và không tìm thấy đường về thì lão biết làm sao đây? Lão biết là đây không còn là địa bàn quận Nakano nữa. Lão vươn cổ cò, cố tìm những điểm mốc quen thuộc, nhưng chẳng thấy. Đây là một khu phố lão chưa từng đặt chân tới.

Tỉnh bơ, con chó vẫn đi tiếp, giữ một nhịp mà nó biết Nakata có thể theo kịp, đầu cất cao, tai vểnh, hai hòn dái lủng lẳng như cái quả lắc đồng hồ.

“Này, đây có còn là quận Nakano không?” Nakata hỏi to.

Con chó không trả lời, cũng chẳng buồn ngoảnh lại.

“Cậu làm việc cho ông tỉnh trưởng phải không?”

Vẫn không có câu trả lời.

“Nakata này chỉ muốn tìm một con mèo lạc thôi. Một con mèo mai rùa, tên là Goma.”

Vô công.

Chẳng ăn thua gì và lão thôi không hỏi nữa.

Đến một khu cư xá yên tĩnh, nhiều nhà to nhưng không người qua lại, con chó mạnh bạo đi qua hai cánh cửa mở của một cái cổng lớn kiểu cổ dẫn vào một ngôi nhà có tường đá cũ bao quanh. Một chiếc xe hơi lớn đậu ở một ga-ra trống – nó cũng to và đen bóng như con chó. Cửa trước của ngôi nhà cũng mở. con chó vào thẳng bên trong, không chút do dự. trước khi bước vào theo, Nakata cởi đôi giầy vải cũ, xếp gọn gàng bên ngoài cửa, nhét cái mũ giang hồ vào bị và phủi những lá cỏ bám trên quần. con chó đứng đấy, chờ Nakata sửa lại y phục cho chỉnh tề rồi theo

một hành lang lát gỗ bóng loáng dẫn lão đến một nơi có vẻ là phòng khách hay thư viện.

Căn phòng tối om. Mặt trời đã sắp lặn hẳn, tấm rèm dày nặng ở cửa sổ nhìn ra vườn đã kéo lại. Không có ngọn đèn nào bật sáng. Ở cuối phòng là một bàn giấy lớn và hình như có ai ngồi cạnh đó. Nakata biết mình phải đợi cho quen mắt mới nói chắc được, còn lúc này chỉ thấy vật vờ một bóng đen giống như hình cắt giấy thôi. Khi Nakata vào trong phòng, cái bóng, ngồi trên một chiếc ghế xoay – từ từ quay lại phía lão. Nhiệm vụ đã hoàn thành, con chó dừng lại, nằm phịch xuống sàn, nhắm mắt lại.

"Xin chào," Nakata nói với cái bóng đen.

Người kia không nói gì.

"Tên tôi là Nakata, xin lỗi vì đã quấy rầy, nhưng không phải là tôi đột nhập."

Vẫn không thấy trả lời.

"Con chó này bảo tôi đi theo nó, cho nên tôi tới đây. Xin thứ lỗi, nhưng tại con chó cứ xồng xộc vào, và tôi vào theo nó. Nếu ngài cho phép thì tôi xin đi ngay thôi."

"Hãy ngồi vào chiếc ghế kia nếu bác muốn," người kia nói, giọng nhỏ nhẹ nhưng hách dịch.

"Vâng, tôi xin ngồi," Nakata nói và ngồi xuống chiếc ghế bành. Ngay cạnh lão, con chó nằm im như một pho tượng. "Ngài có phải là tỉnh trưởng không ạ?"

"Đại khái thế," người kia nói từ trong bóng tối. "Nếu nghĩ vậy làm bác thấy thoải mái hơn thì cứ việc tin là thế đi. Cái đó không quan trọng."

Y xoay người, kéo một sợi dây để bật một ngọn đèn sàn. Một ánh sáng vàng, kiểu đèn thời cổ, yếu ớt nhưng vừa đủ cho căn phòng.

Trước mặt lão là một người đàn ông cao, gầy, đội một cái mũ lụa màu đen. Y ngồi trên một chiếc ghế xoay bọc da, hai chân bắt tréo trước mặt. Y mặc một cái áo đuôi tôm màu đỏ vừa khít bên ngoài một chiếc vest đen, một chiếc quần trắng như tuyết bó sát và đi ủng cao màu đen. Một tay y đưa lên vành mũ như đang lễ phép ngả mũ chào một công nương. Tay trái y cầm một chiếc can màu đen với núm đầu dát vàng. Nhìn chiếc mũ, Nakata chợt nghĩ: *đây hẳn là kẻ bắt mèo*.

Nét mặt người này không đến nỗi dị thường như trang phục của y. cách nào đó, y là một thứ trung dung – giữa trẻ và già, giữa đẹp và xấu. lông mày rậm và sắc, má hồng hào, mặt nhẵn thín không chút râu ria. Bên dưới đôi mắt him him, một nụ cười lạnh lùng phảng phất trên môi y. một loại mặt khó nhớ, nhất là vì trang phục kỳ dị

của y mới chính là cái bắt mắt. hẳn là người ta sẽ không nhận ra y trong một bộ đồ khác.

"Bác biết tôi là ai chứ?"

"Không, thưa ngài," Nakata nói.

Y có vẻ hơi chưng hửng.

"Có chắc không?"

"Chắc ạ. Tôi quên không thưa rằng Nakata này chẳng thông minh sáng láng gì."

"Bác chưa từng gặp tôi bao giờ ư" y đứng dậy khỏi ghế, đến cạnh Nakata, một chân nhấc lên như kiểu đang bước đi. "Không gợi nhớ chút gì ư?"

"Không, xin lỗi, tôi không sao nhận ra ngài."

"Tôi hiểu. Vậy có lẽ bác không phải là dân nghiện whisky."

"Đúng thế. Nakata này không uống rượu cũng không hút thuốc. Tôi nghèo, sống nhờ *chợ cấp*, lấy đâu ra tiền mà rượu chè."

Người kia ngồi trở lại, hai chân bắt tréo. Y nhấc một chiếc ly trên bàn, tợp một ngụm whisky. Những cục đá lanh canh trong ly. "Vô phép bác."

"Không dám. Xin ngài cứ tự nhiên."

"Cám ơn," y nói, mắt đăm đăm dõi vào Nakata. "Vậy bác thực sự không biết tôi là ai?"

"Xin lỗi, nhưng quả tình tôi không biết."

Người kia khẽ nhếch môi. Trong một thoáng nụ cười lạnh lùng hiện trên môi y như một gợn sóng làm nhăn mặt nước, biến mất rồi lại hiện lên. "Bất cứ ai khoái whisky ắt sẽ nhận ra tôi ngay lập tức, nhưng không sao. Tên tôi là *Johnnie Walker*. Johnnie Walker. Hầu như mọi người đều biết tôi. Không phải khoe, chứ tôi nổi tiếng khắp thế giới. Có thể nói là một gương mặt biểu tượng. Tất nhiên tôi không phải là Johnnie Walker thật. Tôi chẳng có liên quan gì với cái công ty sản xuất rượu ấy của nước Anh. Tôi chỉ mượn cái mã ngoài và tên của ông ta thôi. Con người ta phải có tên, cái mã chứ, đúng không?"

Im lặng bao trùm căn phòng, Nakata không hiểu người kia nói những gì, điều duy nhất lão nắm được là cái tên Johnnie Walker.

"Thưa ngài Johnnie Walker; ngài có phải là người ngoại quốc không ạ?"

Johnnie Walker nghiêng đầu. "Nếu nghĩ vậy khiến bác thoải mái thì xin cứ tin là thế. Hoặc không phải là thế. Bởi vì cả hai đằng đều đúng."

Nakata hoang mang. Khác nào nói chuyện với con mèo Kawamura.

“Vậy ngài vừa là người ngoại quốc, vừa không phải là người ngoại quốc. Có phải ngài muốn nói thế không?”

“Chính xác.”

Nakata không tiếp tục hỏi sâu về điểm đó nữa. “Vậy có phải ngài sai con chó này dẫn tôi đến đây không?”

“Phải,” Johnnie Walker trả lời gọn lỏn.

“Có nghĩa là… ngài có điều muốn hỏi tôi?”

“Đúng hơn là, bác có điều cần hỏi tôi,” Johnnie Walker đáp rồi nhấp một ngụm whisky nữa. “Theo tôi hiểu, bác đã trực ở cái bãi trống ấy nhiều ngày, chờ tôi xuất hiện.”

“Vâng, đúng thế. Tôi quên bẵng mất! Nakata này chẳng thông minh sáng láng gì và mau quên lắm. Đúng như ngài nói, tôi đã chờ ngài ở bãi đất trống ấy để hỏi về một con mèo mất tích.”

Johnnie Walker đập đập chiếc can đen vào cạnh chiếc ủng, tiếng bồm bộp khô khốc vang lên trong phòng, làm con chó khẽ ngọ nguậy đôi tai. “Mặt trời đang lặn, thủy triều đang xuống. Vậy tại sao ta không đi thẳng vào vấn đề,” Johnnie Walker nói. “Bác muốn gặp tôi vì con mèo ấy?”

“Vâng, đúng thế. Bà Koizumi nhờ Nakata này tìm nó. Và trong khoảng mười ngày qua, tôi đã tìm Goma khắp nơi. Ngài có biết Goma không?”

“Tôi biết nó rất rõ.”

“Và ngài có biết liệu nó đang ở đâu không?”

“Quả là tôi có biết.”

Môi hơi hé, Nakata dán mắt vào cái mũ lụa rồi nhìn xuống bộ mặt bên dưới. Đôi môi mỏng của Johnnie Walker mím chặt với vẻ tự tin.

“Nó có ở gần đây không?”

Johnnie Walker gật đầu mấy cái liền. “Có, rất gần.”

Nakata nhìn quanh phòng, nhưng chẳng thấy con mèo nào. Chỉ có cái bàn giấy, cái ghế xoay Johnnie Walker đang ngồi, cái ghế bành chính lão đang ngồi, hai cái ghế tựa khác, ngọn đèn sàn và một bàn cà phê. “Vậy tôi có thể mang con Goma về được không?” Nakata hỏi.

“Điều đó hoàn toàn tùy thuộc ở bác.”

“Tùy thuộc ở Nakata này?”

“Đúng. Tất cả tùy thuộc ở *bác*,” Johnnie Walker nói, một bên lông mày hơi nhướn lên. “Nếu bác quyết định làm theo yêu cầu, bác có thể mang Goma về nhà và làm cho Koizumi cùng các con gái bà ta sung sướng. Hoặc là bác sẽ chẳng bao giờ mang được nó về và do đó làm tan nát trái tim họ. Tôi đoán bác không muốn làm thế.”

“Không. Nakata này không muốn làm họ thất vọng.”

“Tôi cũng vậy. Tôi cũng không muốn làm họ thất vọng.”

“Vậy tôi phải làm gì?”

Johnnie Walker xoay xoay chiếc can. “Tôi muốn bác làm cho tôi một việc.”

“Liệu Nakata này có làm nổi không?”

“Tôi không bao giờ yêu cầu điều bất khả thi. Làm thế chỉ tổ mất thì giờ, bác đồng ý không?”

Nakata nghĩ một lát. “Tôi đồ là thế.”

“Có nghĩa, điều tôi yêu cầu là một việc bác có thể làm được.”

Nakata lại ngẫm nghĩ. “Vâng, có lẽ là thế.”

“Thông thường, mọi luận thuyết đều có phản chứng.”

“Tôi không hiểu,” Nakata nói.

“Mỗi luận thuyết đều có phản chứng – nếu không, khoa học không thể tiến bộ được,” Johnnie Walker nói lại đập can vào ủng với vẻ thách thức. con chó lại vểnh tai lên. “Dứt khoát không thể tiến bộ được.”

Nakata im lặng.

“Nói thật tình, từ lâu tôi đã tìm kiếm một người như bác,” Johnnie Walker nói. “Nhưng không dễ gì kiếm được đúng người. Tuy nhiên, hôm nọ, tôi trông thấy bác nói chuyện với một con mèo và tôi chợt nhận ra: đây đích thị là người mình đang tìm. Chính vì thế mà tôi đã cho rước bác đến tận đây. Tôi cảm thấy áy náy để bác phải vất vả, tuy nhiên…”

“Đâu có vất vả gì, Nakata này có ối thì giờ rảnh rỗi mà.”

“Tôi đã chuẩn bị vài luận thuyết về bác,” Johnnie Walker nói. “Và dĩ nhiên là kèm theo nhiều phản chứng. Nó giống như một cuộc chơi. Phải, tôi chơi một trò chơi tinh thần. Nhưng đã chơi thì phải có bên thắng, bên thua. Trong trường hợp cụ thể này, sự thắng, thua sẽ xác định luận thuyết nào đúng, luận thuyết nào trật. Nhưng tôi nghĩ là bác không hiểu tôi đang nói gì.”

Nakata lặng lẽ gật đầu.

Johnnie Walker đập chiếc can vào ủng hai cái, hiệu lệnh cho con chó đứng dậy.

Chương 15

Oshima trèo vào chiếc Miata thể thao và bật đèn pha. Khi anh dận ga, những hòn sỏi bắn lên, gại vào gầm xe. Anh lùi xe, rồi quành lại, hướng ra đường cái. Anh giơ tay chào tạm biệt và tôi cũng làm như thế. Bóng tối nuốt chửng ánh đèn hậu, tiếng máy nổ nhỏ dần rồi tắt hẳn và rừng cây trở lại lặng tờ.

Tôi quay vào nhà và chốt cửa từ bên trong. Như thể nó đã rình sẵn, im lặng quây chặt lấy tôi một khi tôi chỉ còn một mình. Không khí ban đêm lạnh đến nỗi khó mà tin là chỉ mới vào hè, nhưng đốt lò thì đã quá muộn. Đầu tôi hơi mụ mẫm vì thiếu ngủ và cơ bắp ê ẩm vì xóc nẩy người trên xe suốt chặng đường dài. Tôi vặn nhỏ đèn. Những cái bóng trong bốn góc phòng sẫm thêm. Ngại thay đồ phiền phức, tôi cứ mặc nguyên cả quần jeans và áo khoác ngoài chui vào túi ngủ.

Tôi nhắm mắt lại nhưng không thể ngủ ngay: thân thể thì thèm nghỉ muốn chết, nhưng đầu óc lại tỉnh như sáo. Thi thoảng, một con chim phá vỡ im lặng đêm. Nhiều tiếng động khác cũng lọt vào mà tôi không xác định được - một cái gì giẫm trên lá rụng; một cái gì nặng nề khua lách cách những cành cây; một âm thanh tựa như một hơi thở sâu; thi thoảng, tiếng cọt kẹt dễ sợ của những bậc thềm gỗ ngoài hiên. Nghe như ở cạnh nhà. Như thể cả một đạo quân gồm những sinh vật vô hình đang bao vây tôi.

Và tôi cảm thấy như có người đang theo dõi tôi. Da tôi nhoi nhói dưới những tia nhìn phóng vào mình. Tim tôi đập thình thịch. Mấy lần, từ trong túi ngủ, tôi hé mắt ngó quanh căn phòng lờ mờ sáng để yên trí rằng không có ai khác ở đó. Cửa trước đã chốt chặt bằng chiếc then to gộc và những tấm rèm dày đã che kín các cửa sổ. Vậy là ổn cả, tôi tự nhủ, chỉ có mình mày trong phòng, làm gì có ai dòm ngó mày qua cửa sổ.

Thế nhưng tôi vẫn không rũ bỏ được cái cảm giác mình đang bị theo dõi. Cổ họng tôi khô rát và tôi thấy khó thở. Tôi cần phải uống chút nước, nhưng nếu uống thì sẽ phải đi giải, có nghĩa là phải ra ngoài. Tôi phải cầm cự đến sáng thôi. Co ro trong túi ngủ, tôi khẽ lắc đầu.

Cậu giỡn tớ đấy hả? Cậu như một thằng nhóc nhát gan, thấy im lặng và bóng tối là sợ mất vía. Cậu sắp lộ rõ bản chất yếu đuối ra trước mắt tớ chăng? Xưa nay cậu vẫn tưởng mình kiên cường, nhưng cháy nhà ra mặt chuột, giờ nom cậu như sắp sửa khóc òa lên. Nhìn kìa, tớ cuộc là cậu sắp tè ra quần rồi!

Phớt lờ thằng cu tên là Quạ, tôi nhắm nghiền mắt, kéo phéc-mơ-tuya túi ngủ đến tận dưới mũi và xua mọi ý nghĩ ra khỏi đầu. Bất cứ cái gì

cũng không làm tôi mở mắt - dù là tiếng cú rúc hay vật gì rơi đánh thịch bên ngoài. Ngay cả nếu tôi cảm thấy có gì di chuyển trong nhà. Mình đang trải qua thử thách, tôi tự nhủ. Dạo bằng tuổi mình, Oshima cũng đã qua nhiều ngày một mình ở đây. Chắc anh ấy cũng đã sợ mất vía như mình. Anh ấy nói cô đơn cũng có nhiều kiểu nghĩa là thế đấy. Oshima biết đích xác cảm giác của mình khi phải đơn độc ở đây ban đêm, vì anh ấy đã trải qua cảnh ấy cùng những xúc động ấy. Ý nghĩ đó giúp tôi thư giãn một chút. Tôi cảm thấy như có thể chạm vào những cái bóng của quá khứ và hình dung bản thân mình như một bộ phận của quá khứ ấy. Tôi thở thật sâu rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Tôi thức giấc sau sáu giờ sáng. Không khí đầy tiếng chim chóc gọi nhau. Chúng bận rộn chuyền từ cành này sang cành khác, gọi nhau the thé. Thông điệp của chúng tuyệt nhiên không bợn chút dư vang nặng nề và hàm ẩn hãi hùng của những tiếng động đêm qua. Khi tôi kéo những rèm cửa ra, toàn bộ bóng tối bao quanh căn lều đêm qua đã biến mất không sót lại mảnh nhỏ nào. Tất cả đều lấp lánh trong một ánh vàng óng mới nhen. Tôi đốt lò, đun sôi một chút nước khoáng, pha một tách trà hoa cúc rồi mở một hộp bánh quy giòn và ăn mấy cái cùng với phó mát. Sau đo, tôi đánh răng, rửa mặt.

Tôi mặc áo gió và bước ra ngoài. Ánh ban mai rọi qua hàng cây cao tràn xuống khoảng trống trước căn lều, giữa những tia nắng lan khắp, dập dờn mấy mảng sương như những linh hồn mới sinh. Không khí tinh khiết theo mỗi hơi thở xuyên vào phổi tôi. Tôi ngồi xuống một bậc thềm, nhìn lũ chim bay liệng từ cây này sang cây khác, nghe tiếng chúng gọi nhau. Phần lớn bay từng cặp, luôn luôn kiểm tra xem bạn mình đang ở đâu, không ngừng líu lo để giữ liên lạc.

Tôi lần theo tiếng nước róc rách và tìm ngay ra con suối ở gần đấy. Ở một chỗ, giữa những tảng đá quây tròn, nước tràn vào thành vũng, xoáy tít từng vòng trước khi ào ra trở lại dòng chính. Nước suối trong và đẹp. Tôi lấy tay vốc, uống thử - mát tuyệt - rồi thả tay xuống dòng nước chảy xiết.

Trở về lều, tôi rán giăm bông với trứng trong chảo, nướng bánh bằng vỉ sắt và đun sữa trong xoong. Ăn xong, tôi kéo ghế ra ngoài hiên, gác chân lên lan can, đọc cả buổi sáng. Tủ sách của Oshima đầy ự sách - hàng mấy trăm quyển. Chủ yếu là sách kinh điển, chỉ có một số tiểu thuyết. Phần lớn là sách về triết học, xã hội học, lịch sử, địa lý, khoa học tự nhiên, kinh tế học - rất nhiều đề tài, đủ mọi lĩnh vực. Oshima đã nói là anh ấy theo học ở trường chẳng được mấy, cho nên đây hẳn là cách anh ấy tự trau dồi văn hóa.

Tôi lấy một cuốn về vụ án Adolf Eichmann. Tôi mang máng biết hắn là một tên Đức quốc xã tội phạm chiến tranh, nhưng không đặc biệt quan tâm đến hắn. Cuốn sách chỉ tình cờ bắt mắt tôi, vậy thôi.

Tôi bắt đầu đọc và được biết tên trung tá SS có đầu óc cực kỳ thực tế, đeo cặp kính gọng kim loại và mái tóc lưa thưa này, ngay sau khi chiến tranh bùng nổ đã được tổng hành dinh Đức quốc xã giao cho thiết kế một "giải pháp cuối cùng" dành cho dân Do Thái - có nghĩa là hủy diệt. Và hắn đã nghiên cứu cách tốt nhất để thực hiện "giải pháp" này. Rõ ràng hắn chẳng mấy bận tâm đến vấn đề đạo lý của công việc hắn làm. Điều duy nhất hắn quan tâm là làm sao để thực hiện tốt nhất, nhanh nhất và đỡ tốn kém nhất việc thủ tiêu những người Do Thái. Theo tính toán của hắn, thì số người Do Thái ở châu Âu cần xoá sổ lên tới khoảng mười một triệu [3].

Eichmann nghiên cứu xem có thể lèn bao nhiêu người Do Thái vào một toa xe lửa, bao nhiêu phần trăm có thể chết vì những nguyên nhân "tự nhiên" trong khi vận chuyển, số nhân viên tối thiểu cần thiết để tiến hành nhiệm vụ này, phương pháp rẻ nhất để tiêu hủy các xác chết - hỏa thiêu, hay chôn, hay hòa tan bằng hóa chất. Ngồi ở bàn giấy, Eichmann suy đi tính lại những con số ấy. Một khi hắn đưa vào thực thi, mọi sự đều diễn ra đúng như kế hoạch. Trước khi chiến tranh kết thúc, sáu triệu người Do Thái (hơn một nửa chỉ tiêu hắn đề ra) đã bị thủ tiêu. Kỳ lạ thay, hắn không hề cảm thấy ăn năn. Ngồi sau tấm kính chống đạn, giữa tòa án Tel Aviv, Eichmann có vẻ hết sức ngỡ ngàng không sao hiểu nổi duyên cớ gì mà hắn lại bị đưa ra xét xử, hoặc vì sao toàn thế giới đều chú mục vào hắn. Hắn nhấn đi nhấn lại rằng hắn chỉ là một kỹ thuật viên đã tìm ra giải pháp hiệu quả nhất cho nhiệm vụ hắn được giao. Chẳng phải hắn đã làm đúng những gì mà mọi viên chức tốt đều phải làm đó ư? Vậy tại sao hắn lại bị tách riêng ra để kết tội?

Ngồi trong cánh rừng tĩnh mịch với tiếng chim ríu rít xung quanh, tôi đọc câu chuyện của con người có "đầu óc thực tế" ấy. Ở cuối sách, trên một trang giấy trắng, có một đoạn ghi bằng bút chì của Oshima. Nét chữ anh ta rất dễ nhận: *Tất cả vấn đề là ở trí tưởng tượng. Trách nhiệm của chúng ta bắt đầu với khả năng tưởng tượng. Đúng như Yeats nói:* Trách nhiệm bắt đầu từ trong mơ. *Đảo ngược lại, ta có thể nói không có khả năng tưởng tượng thì không thể phát sinh trách nhiệm. Đúng như ta thấy ở trường hợp Eichmann.*

Tôi hình dung Oshima ngồi trên chiếc ghế này, ta cầm cây bút chì vót nhọn quen thuộc, ngẫm lại nội dung cuốn sách và ghi cảm tưởng. *Trách nhiệm bắt đầu từ trong mơ*. Câu dẫn thật trúng.

Tôi gấp sách lại, để trên lòng và nghĩ về trách nhiệm của chính mình. Tôi không thể không nghĩ. Chiếc áo phông trắng của tôi đẫm máu tươi. Tôi đã giặt sạch máu bằng đôi bàn tay này, nhiều máu đến nỗi đỏ cả bồn rửa. Tôi tưởng tượng mình sẽ bị buộc trách nhiệm về sự đổ máu này. Tôi cố hình dung mình bị xử ở một phiên tòa, những người bên nguyên nằng nặc kết tội tôi, phẫn nộ chỉ mặt tôi và quắc

mắt nhìn tôi. Tôi cố cãi rằng không thể buộc trách nhiệm cho một người về một điều mà anh ta không nhớ nổi. Tôi hoàn toàn không biết điều gì đã thực sự xảy ra, tôi nói với họ thế. Nhưng họ vặn lại như thế này: "Ai là người đầu tiên mơ thấy thế, điều đó không quan trọng. Nhưng anh cũng mơ đúng như thế, vậy thì anh phải chịu trách nhiệm về bất cứ điều gì diễn ra trong giấc mơ ấy. Giấc mơ ấy đã theo hành lang tăm tối của tâm hồn anh mà luồn lách vào trong anh đó."

Hệt như Adolf Eichmann mặc nhiên vướng vào những giấc mơ vĩ cuồng quái đản của một người tên là Hitler vậy.

Tôi đặt sách xuống, đứng dậy vươn vai. Tôi đã đọc khá lâu và cần đứng dậy, đi quanh quanh một chút. Tôi xách cái xô nhôm cạnh bồn rửa ra suối múc nước. Sau đó, tôi ôm một ôm củi từ lán sau vào để cạnh bếp lò.

Ở góc hiên, có một sợi dây nilông để phơi quần áo. Tôi lấy mớ quần áo ẩm trong balô ra, vuốt cho phẳng và đem phơi. Tôi lôi tất cả những thứ khác ra khỏi balô, rải lên giường rồi ngồi vào bàn ghi nhật ký. Tôi dùng một cái bút ngòi nhỏ ghi lại bằng chữ rất nhỏ tất cả những gì đã xảy đến với tôi trong mấy ngày qua. Tôi không biết liệu mình có thể nhớ mọi chi tiết được bao lâu, cho nên tốt nhất là cứ ghi lại càng sớm càng tốt. Tôi lục soát trí nhớ. Nào là tôi đã bất tỉnh rồi tỉnh lại trong rừng đằng sau một miếu thờ như thế nào. Đêm tối và cái áo phông đẫm máu. Nào là gọi điện cho Sakura, qua đêm ở chỗ cô, trò chuyện với nhau, và cô làm *cái* ấy cho tôi như thế nào.

Cô** ấy **nói: Mình không hiểu đấy. Cậu không việc gì phải nói với mình điều** ấy. **Tại sao cậu không mặc nhiên tưởng tượng cái gì cậu thích? Cậu không cần phải xin phép mình. Làm sao mình có thể biết được cái gì** ở **trong đầu cậu?

Nhưng cô ấy hiểu trật. Điều tôi tưởng tượng có thể *là* rất quan trọng. Vô cùng quan trọng trên đời.

Chiều hôm đó, tôi quyết đi vào rừng. Oshima bảo đi quá sâu vào trong rừng là nguy hiểm. Phải giữ sao cho căn lều bao giờ cũng ở trong tầm nhìn, anh ấy dặn tôi thế. Nhưng có lẽ tôi sẽ ở đây dăm bảy ngày, vậy tôi nên biết đôi chút về bức-tường-rừng-cây đồ sộ bao quanh tôi chứ. Tôi nghĩ biết một chút còn hơn không biết gì. Hai tay không, tôi chào tạm biệt quãng trống tươi nắng và dấn bước vào rừng rậm âm u.

Có một con đường mòn thô sơ tạo nên bởi bước chân người xuyên rừng, phần lớn nương theo địa hình, nhưng đây đó có lát những phiến đá phẳng cho dễ đi. Những chỗ bị xói mòn được gia cố bằng ván gỗ, nên ngay cả nếu cỏ dại mọc tràn lấn, vẫn không mất dấu con đường. Có lẽ anh trai của Oshima đã sửa sang dần con đường ngày một ngày hai, mỗi lần anh ấy lưu lại đây. Tôi theo con đường này vào rừng, thoạt đầu đầu lên dốc rồi xuôi xuống, lượn

vòng một khối đá cao trước khi lại đi lên. Nói chung, đa phần là đi lên nhưng không đến nỗi dốc lắm. Hai bên là những cây cao thân xỉn với những cành to chĩa khắp ngả và vòm lá bên là xòe tán trên đầu. Phía dươi,sẽ đám cây bụi và dương xỉ ráng hết sức hấp thụ những tia nắng lọt xuống, được chừng nào hay chừng nấy. Ở những chỗ mặt trời không rọi đến, rêu lặng lẽ phủ đầy những tảng đá.

Như một người kể chuyện thoạt đầu thì hào hứng, rồi bí lời đâm ấp úng, con đường cứ hẹp dần khi tôi đi sâu thêm, nhường chỗ cho cây bụi lấn chiếm. Đến một quãng nào đó, thật khó mà nói đó có phải là một con đường đích thực hay chỉ là một cái gì giông giống một con đường. Cuối cùng, nó ngập chìm trong một biển cả dương xỉ. Có thể nó vẫn còn tiếp nối, nhưng tôi quyết định dành phần hai cuộc thám hiểm đến lần sau. Tôi hiện không mang trên mình loại quần áo thích hợp và chưa chuẩn bị đầy đủ để đi xa hơn.

Tôi dừng lại và quay đằng sau. Đột nhiên, mọi thứ trở nên xa lạ, không còn gì quen thuộc cho tôi bám vào nữa. Một đám nhằng nhịt những thân cây đầy đe doạ bịt kín tầm nhìn. Xung quanh mờ tối, không khí đẫm một màu xanh lục tù đọng, không một tiếng chim hót.

Tôi bỗng sởn da gà khắp người. Nhưng không việc gì mà sợ, tôi tự nhủ. Con đường ngay ở chỗ kia mà. Chừng nào tôi còn thấy nó, tôi vẫn có thể trở về với ánh sáng. Dán mắt xuống đất, tôi thận trọng dò từng bước lần theo lối cũ và sau một thời gian dài gấp bội thời gian bỏ ra để đi tới đây, cuối cùng, tôi mò được về tới trước căn lều. Khoảng trống đầy ánh nắng rực rỡ đầu hè, đầy tiếng chim lảnh lót gọi nhau đi tìm mồi. Mọi thứ đều y nguyên như khi tôi đi, ít nhất tôi cũng *nghĩ* là thế. Chiếc ghế tôi ngồi trước đó vẫn ở ngoài hiên. Cuốn sách tôi đọc dở vẫn úp sấp trên đó như tôi đã để nó như thế.

Giờ thì tôi biết đích xác khu rừng này có thể nguy hiểm đến mức nào. Và tôi hy vọng mình sẽ không bao giờ quên điều đó. Đúng như gã thanh niên tên là Quạ đã nói, thế giới này đầy những thứ mà tôi không biết rõ. Chẳng hạn, tất cả những cây cối ở đây. Tôi không bao giờ tưởng tượng được là lại có những loại cây kỳ quái, dễ sợ đến thế. Tôi muốn nói, cho đếế nay, những cây duy nhất tôi đã thấy tận mắt, sờ tận tay đều là loại cây thành phố, được chăm sóc và tỉa gọn ghẽ, mượt mà. Nhưng cây ở đây - những cái cây *sống* ở đây - thì hoàn toàn khác. Chúng có sức mạnh vật thể, hơi thở của chúng làm trầy da bất cứ người nào tình cờ đi ngang, tia nhìn của chúng chĩa vào kẻ đột nhập như thể phát hiện thấy con mồi. Tựa hồ chúng có những sức mạnh tiền sử thần bí, đen tối. Giống như những sinh vật ở đáy sâu biển cả ngự trị đại dương, trong rừng, cây là thống soái. Nếu rừng muốn, nó có thể vứt bỏ tôi, hoặc nuốt chửng tôi gọn một miếng. Tốt nhất là nên biết kính sợ nó.

Tôi trở về lều, lấy chiếc la bàn trong ba lô ra, kiểm tra cho chắc là

kim vẫn chỉ đúng hướng Bắc. Tôi bỏ nó vào túi phòng khi cần đến là có ngay. Tôi ra hiên ngồi, nhìn rừng cây, nghe Cream và Duke Ellington qua chiếc Walkman, những ca khúc tôi ghi lại từ một bộ đĩa CD của thư viện. Tôi nghe đi nghe lại bài *Crossroads* mấy lần. Âm nhạc làm tôi nguôi dịu, nhưng tôi không thể nghe thật lâu: ở đây không có điện, chả cách nào sạc pin được, nên khi nào pin dự trữ cạn thì âm nhạc cũng rắt luôn.

Tôi tập một chút trước khi ăn tối. Hít đất, nhún, ngồi dậy từ từ thế nằm, trồng cây chuối, mấy loại bài tập vươn duỗi khác nhau từ tư thế nằm, trồng cây chuối, mấy loại bài tập vươn duỗi khác nhau để giữ phom mà không cần máy móc hoặc thiết bị. Kể cũng chán, tôi công nhận, nhưng giữ được nếp tập luyện nghiêm chỉnh. Một huấn luyện viên ở phòng tập thể dục đã dạy tôi cách tập ấy. "Tù nhân biệt giam thích nhất kiểu tập này," ông ta giải thích, gọi đó là "cách tập luyện cô đơn nhất thế giới." Tôi tập trung vào điều mình đang làm, tập quay vòng mấy đợt cho đến khi áo sơ mi ướt đẫm mồ hôi.

Sau một bữa tối đơn giản, tôi ra hiên, nhìn lên bầu trời lấp lánh sao - hàng triệu ngôi sao vãi tung tóe. Ngay cả trong một cung thiên văn, cũng không có nhiều sao như thế. Một số ngôi nom thật to và rõ, tưởng như nếu với hết tầm tay sẽ chạm tới được. Quang cảnh đẹp đến nao lòng.

Không chỉ đẹp mà thôi, những ngôi sao còn sống động và thở dạt dào như đám mây trong rừng. Và chúng đang quan sát cô. Những gì tôi đã làm cho tới nay, những gì tôi sắp làm, chúng biết tất. Không gì lọt khỏi con mắt cảnh giác của chúng. Trong khi tôi ngồi đó, dưới trời đêm lung linh, một nỗi sợ mãnh liệt lại xâm chiếm tôi. Tim tôi đập với tốc độ một dặm/phút và tôi hầu như không thở được. Tất cả bao nhiêu triệu ngôi sao kia đều đang nhìn xuống tôi, vậy mà trước nay, tôi chưa bao giờ dành cho chúng nhiều hơn một ý nghĩ thoáng qua. Không chỉ các ngôi sao, còn biết bao thứ khác trên đời tôi không để ý tới, không mảy may biết đến? Đột nhiên tôi cảm thấy đơn côi, hoàn toàn bất lực. Và tôi biết mình sẽ không bao giờ thoát được cái cảm giác sợ hãi ấy.

Trở vào trong lều, tôi xếp củi vào lò rất cẩn thận, vo tròn mấy tờ báo cũ, nhóm lò và kiểm tra cho chắc là củi đã bén lửa. Hồi ở trường tiểu học, tôi đã đi trại hè và học được cách nhóm lửa. Tôi ghét cái trạm hè ấy, nhưng tôi nghĩ ít nhất nó cũng mang lại là một điều tốt. Tôi mở tấm chắn gió cho khói thoát ra. Lúc đầu chỉ lom dom, nhưng khi một thanh củi bắt lửa, nó lan nhanh sang các thanh khác. Tôi đóng cửa lò, kéo một chiếc ghế đến trước lò, đặt một cây đèn bên cạnh và đọc tiếp cuốn sách về Eichmann. Khi lửa bốc to dần, tôi đặt một siêu nước lên và một lúc sau, nước bắt đầu reo vui.

Trở lại câu chuyện của Eichmann. Dĩ nhiên, dự án của hắn không

phải bao giờ cũng tiến triển đúng như kế hoạch. Điều kiện ở các địa điểm làm chậm công việc. Khi điều đó xảy ra, hắn đã phản ứng như một con người, ít nhất là hơi giống con người: hắn nổi cáu. Hắn điên tiết với những yếu tố bất trắc đã làm đảo lộn giải pháp tuyệt vời của hắn. Xe lửa chạy chậm rì rì. Tệ quan liêu bàn giấy cản trở tiến độ công việc. Có những thay thế trong đám phụ trách và quan hệ với những người kế nhiệm không tốt. Sau khi mặt trận phía Đông bị vỡ, bọn lính gác ở các trại tập trung bị điều đi chiến đấu. Tuyết rơi đầy trời. Điện bị cúp. Hơi độc không đủ. Đường sắt bị oanh tạc. Eichmann ghét chính chiến tranh - cái yếu tố bất trắc đã làm hỏng kế hoạch của hắn.

Tại phiên tòa xử hắn, Eichmann mô tả mọi tình huống đó, mặt trơ trơ không mảy may xúc động. Trí nhớ của hắn thật đáng kinh ngạc. Cuộc đời hắn hoàn toàn được tạo nên bởi những chi tiết thực dụng đó.

Đến mười giờ, tôi đặt sách xuống, đi rửa mặt, đánh răng. Lửa bếp lò nhuộm căn phòng một ánh da cam và hơi ấm dễ chịu đã làm nguôi dịu nỗi sợ và căng thẳng của tôi. Tôi chui vào túi ngủ, mặc độc chiếc áo phông và quần đùi. So với đêm qua, tôi nhắm mắt tương đối dễ dàng. Tôi thoáng nghĩ đến Sakura.

"Mình đang nghĩ, giá mình là chị gái cậu thì hay biết mấy," cô ấy đã nói thế.

Thôi, đêm nay không nghĩ lung tung nữa. Phải ngủ cho sâu. Một thanh củi đổ rụi trong lò, một con cú rúc bên ngoài. Và tôi rơi vào một giấc mộng mông lung.

Ngày hôm sau cũng như thế. Chim chóc đánh thức tôi dậy sau sáu giờ một chút. Tôi đun nước, pha một tách trà và ăn điểm tâm. Ngồi đọc ngoài hiên, nghe nhạc, xách xô ra suối múc nước. Và đi vào rừng, lần này mang theo la bàn, chốc chốc lại giở ra xem để xác định vị trí của căn lều. Tôi nhìn thấy một cái rìu trong lán và dùng nó để đánh dấu vào thân cây, đồng thời phạt bớt bụi râm ven đường cho dễ đi.

Cũng như hôm qua, rừng vẫn âm u và sâu thẳm, những cây cao vòi vọi họp thành hai bức tường dày ven đường. Tôi cảm thấy một cái gì lẩn khuất giữa đám cây rừng như hình một con vật trong phim nổi, đang quan sát từng cử động của tôi. Nhưng nỗi sợ đã làm tôi rùng mình giờ không còn nữa. Tôi đã tự đặt ra cho mình những quy tắc và một khi tuân thủ những quy tắc đó, tôi sẽ không bị lạc. Ít nhất thì, tôi cũng hy vọng thế.

Tôi đến chỗ đã dừng lại hôm qua và dấn tới nữa, bước vào cả một biển dương xỉ. Sau một thôi dài, con đường lại hiện ra. Một lần nữa, tôi lại bị bao quanh bởi bức tường cây. Tôi tiếp tục đẵn vào thân cây để đánh dấu. Đâu đó, ở một cành cao trên đầu tôi, một con chim lớn vỗ cánh, nhưng khi nhìn lên thì tôi không thấy nó. Miệng tôi khô se lại.

Tôi đi tiếp một thôi nữa và tới một quãng trống tròn tròn với những cây cao quây quanh, nom như đáy một cái giếng khổng lồ. Nắng tuôn xuống qua những cành cây như ánh đèn sân khấu rọi sáng mặt đất dưới chân tôi. Tôi cảm thấy chỗ này khá đặc biệt, theo một cách nào đó. Tôi ngồi xuống dưới ánh nắng, để cho hơi ấm lan tỏa khắp người, lấy trong ba lô ra một thanh sô-cô-la, thưởng thưc vị ngọt của nó. Một lần nữa nhận ra ánh mặt trời quan trọng như thê snào đối với con người, tôi trân trọng từng giây của nguồn sáng quý giá đó. Cái cảm giác cô đơn và bất lực cao độ khi nhìn triệu triệu vì sao trên bầu trời đêm qua đã biến mất. Nhưng rồi giờ khắc qua đi, góc chiếu của mặt trời thay đổi và ánh sáng tắt dần Tôi đứng dậy và trở ngược con đường, về lều.

Đến chiều, những đám mây đen đột ngột nhuộm bầu trời một sắc độ bí ẩn và mưa bắt đầu trút xuống dữ dội, gõ trống trên mái và các ô cửa sổ của căn lều. Tôi cởi quần áo, chạy ra ngoài, lấy xà phòng rửa mặt và xát khắp mình mẩy chân tay. Cảm giác thật tuyệt vời. Trong niềm vui, tôi nhắm mắt lại và la lớn những câu bâng quơ vô nghĩa trong khi những hạt mưa to tướng táp vào má, mí mắt, ngực sườn, dương vật, chân và mông tôi - nhoi nhói đau như một lễ thu pháp tôn giáo hay một cái gì tương tự. Cùng với cái đau, là một cảm giác thân cận, như thể lần đầu tiên trong đuời, tôi được thế giới đối xử một cách thỏa đáng. Tôi cảm thấy phấn khích, như thể đột nhiên được giải phóng. Tôi ngửa mặt lên trời, dang rộng tay, há to miệng hớp ừng ực những hạt mưa đang rơi.

Trở vào lều, tôi lấy khăn lau khô người, ngồi xuống giường và ngắm của quý của mình - một cái dương vật trẻ tráng, lành mạnh, trắng trẻo. Quy đầu còn hơi rát vì mưa táp. Hồi lâu tôi trân trân nhìn cái bộ phận kỳ lạ này của cơ thể tôi: phần lớn thời gian, nó chỉ hoạt động theo ý nó và nuôi những ý nghĩ mà bộ não tôi không chia sẻ.

Tôi tự hỏi không biết Oshima, hồi bằng tuổi tôi và ở đây, có phải đấu tranh với những thèm muốn tình dục hay không. Chắc có, nhưng tôi không hình dung nổi anh ấy tự làm cho mình sướng. Anh ấy tự chủ có thừa, đâu có làm thế.

"Mình khác tất cả mọi người," anh ấy nói thế. Tôi không hiểu ý nghĩa cụ thể của câu nói đó, nhưng tôi dám chắc anh ấy không khoa trương phét lác. Cũng không phải là anh ấy giữ kẽ hay làm ra vẻ bí mật.

Tôi định "xúc lọ" nhưng lại thôi. Trận mưa ào ào quất vào mình mẩy đem lại một cảm giác tinh khiết kỳ lạ mà tôi muốn níu giữ lâu hơn chút nữa. Tôi mặc quần đùi vào, thở mấy hơi thật sâu rồi bắt đầu tập nhún rồi chuyển sang ngồi dậy từ tư thế nằm, mỗi động tác một trăm lần, lần lượt tập trung vào từng nhóm cơ bắp. Tập xong, đầu óc tôi sáng sủa hẳn lên. Mưa đã tạnh, mặt trời bắt đầu lấp lánh qua khoảng trống giữa những đám mây và chim chóc lại bắt đầu líu

lo.

Nhưng sự yên tĩnh này sẽ không kéo dài, cậu biết đấy. Những con thú vẫn truy đuổi cậu khắp nơi, không biết mệt. Tận trong rừng sâu, chúng xồ ra, dai như đỉa, liên tục, tàn bạo, không biết mệt, không bao giờ bỏ cuộc. Có thể bây giờ cậu tự chủ được, không thủ dâm, nhưng rồi chung cuộc, chúng sẽ dụ được cậu dưới hình thức mộng tinh. Cậu sẽ mơ thấy cậu cưỡng hiếp chị gái mình, mẹ mình. Đó là một cái gì cậu không cách chi kiểm soát nổi. Đó là một quyền lực ngoài tầm của cậu, và cậu không thể làm gì khác ngoại trừ chấp nhận nó.

Cậu sợ tưởng tượng. Và thậm chí còn sợ chiêm bao nữa. Sợ hãi trách nhiệm khởi đầu từ giấc mơ. Nhưng cậu phải ngủ và chiêm bao là một bộ phận của giấc ngủ. Khi tỉnh, cậu có thể dẹp được tưởng tượng. Nhưng cậu không thể dẹp được chiêm bao.

Tôi nằm xuống giường, và nghe Prince qua tai nghe, tập trung vào chất nhạc trì tục kỳ lạ này. Đến giữa bài *Little Red Corvette* thì hết pin và âm nhạc biến mất như bị bãi sa lầy nuốt chửng. Tôi bỏ tai nghe ra và lắng tai. Và phát hiện ra rằng im lặng là một cái gì ta có thể *nghe thấy* thực sự.

Chương 16

Con chó đen đứng dậy và dẫn Nakata ra khỏi phòng, theo hành lang tới nhà bếp, ở đây chỉ có một cửa sổ hẹp và tối om. Mặc dù rất sạch và ngăn nắp, nơi này vẫn có một cái gì đơ đơ vô cảm giống như một phòng thí nghiệm khoa học ở nhà trường. Con chó dừng trước một cái tủ lạnh to tướng, quay lại và phóng vào Nakata một tia nhìn lạnh lùng, nhọn như mũi khoan.

Mở cánh cửa bên trái ra, nó ra lệnh bằng một giọng trầm trầm. Nakata biết đó không phải là lời của con chó, mà là Johnnie Walker nói với lão thông qua nó. Nhìn lão bằng đôi mắt nó.

Nakata làm theo lời chỉ bảo. Cái tủ lạnh màu xanh cao quá đầu lão và khi lão mở cánh cửa bên trái, độ điều nhiệt tự động khởi động đánh thịch một cái, động cơ bắt đầu chạy ro ro. Một làn hơi trắng như sương phả ra. Mé này của tủ lạnh là một ngăn đá đặt khá thấp.

Bên trong, xếp gọn một dãy khoảng hai chục vật tròn tròn giống như trái cây. Không có gì khác nữa. Nakata cúi xuống nhìn chăm chăm vào những vật đó. Khi làn hơi tan đi, lão thấy ra đó không phải là trái cây, mà là những cái đầu mèo bị chặt. Những cái đầu bị chặt đủ màu, đủ cỡ, xếp trên ba cái giá, như cam ở một quầy bán rau quả. Những cái mặt mèo đông lạnh nhìn thẳng phía trước. Nakata nuốt khan.

Nhìn cho kỹ đi, con chó ra lệnh**. Hãy kiểm tra bằng chính mắt mình xem có Goma trong số đó không.**

Nakata làm theo, xem xét số đầu mèo từng cái một. Lão không cảm thấy sợ, đầu óc chỉ tập trung vào việc tìm con mèo nhỏ mất tích. Nakata thận trọng kiểm tra từng cái đầu, xác định rằng Goma không có trong đám này. Không nghi ngờ gì nữa – không thấy hoa văn mai rùa nào. Những cái mặt mèo lìa khỏi thân có một vẻ trống trơn kỳ lạ, không thấy dấu hiệu nào chứng tỏ chúng đã đau đớn. Ít nhất thì điều đó cũng khiến Nakata thở phào nhẹ nhõm. Một số con nhắm mắt, nhưng phần lớn thao láo nhìn đờ đẫn vào một điểm nào đó trong không gian.

“Lão không thấy Goma ở đây,” Nakata nói, giọng dứt khoát. Lão đằng hắng và đóng cửa tủ lạnh lại.

Bác có hoàn toàn chắc chắn không?

“Có, lão chắc chắn.”

Con chó đứng dậy và dẫn Nakata trở lại thư phòng. Johnnie Walker vẫn ngồi ở chiếc ghế xoay chờ lão. Khi Nakata bước vào, y đưa tay lên vành mũ ra ý chào và hòa nhã mỉm cười. Rồi y vỗ tay hai

cái thật to và con chó ra khỏi phòng.

“Tôi là người đã chặt đầu tất cả lũ mèo ấy,” y nói, nhấc ly whisky lên và tợp một ngụm. “Tôi đang làm bộ sưu tập đầu mèo.”

“Vậy ra ngài là người bắt mèo ở bãi trống và giết chúng?”

“Đúng thế. Johnnie Walker Kẻ Giết Mèo khét tiếng.”

“Nakata này không hiểu rõ lắm, vậy vô phép ngài cho lão hỏi một câu, được không?”

“Xin mời,” Johnnie Walker nói, lại nhấc ly rượu lên. “Bác cứ thoải mái hỏi bất cứ câu gì. Tuy nhiên, để tiết kiệm thời gian, nếu bác không phiền, tôi có thể đoán điều đầu tiên bác muốn biết là *tại sao* tôi lại giết tất cả lũ mèo ấy. Tại sao tôi lại sưu tầm đầu mèo. Đúng không?”

“Vâng, đúng thế. Đó là điều Nakata này muốn biết.”

Johnnie Walker đặt ly xuống bàn và nhìn thẳng vào mặt Nakata. “Đây là một bí mật rất quan trọng mà tôi không muốn nói cho ai biết. Riêng với bác, bác Nakata, tôi làm một ngoại lệ, nhưng tôi không muốn bác kể lại với ai khác. Vả chăng, nếu bác có nói, cũng chẳng ai tin.” Y cười khúc khích.

“Bác nghe đây, tôi giết mèo không chỉ để mua vui. Tôi đâu có bệnh hoạn đến mức coi đó là trò vui,” y nói tiếp. “Tôi cũng không phải là một gã amatơ thừa thì giờ. Đi gom lại và giết ngần nấy con mèo tốn nhiều thì giờ và công sức lắm. Tôi giết chúng để gom hồn chúng lại làm thành một loại sáo đặc biệt. Và khi tôi thổi cây sáo ấy, nó sẽ giúp tôi gom được những hồn lớn hơn. Rồi tôi gom những hồn lớn để tạo ra một cây sáo lớn hơn nữa. Có thể cuối cùng, tôi sẽ làm được một cây sáo lớn đến mức ngang tầm vũ trụ. Nhưng đầu tiên hẳng là mèo đã. Gom hồn chúng là điểm xuất phát của toàn bộ dự án này. Mọi việc đều phải tuân theo một trình tự cốt yếu. Làm mọi điều theo đúng trình tự là một cách bày tỏ sự tôn trọng đối với trật tự tự nhiên của vạn vật. Đó là điều cần làm khi xử lý với các linh hồn khác. Những gì tôi phải xử lý ở đây không phải là dứa hay dưa, bác đồng ý không?”

“Vâng,” Nakata đáp. Nhưng thực ra lão chẳng hiểu mô tê gì. Sáo ư? Sáo ngang hay sáo dọc? nó sẽ phát ra âm thanh như thế nào? Và y nói *hồn* mèo nghĩa là thế nào? Tất cả những cái đó vượt qua năng lực nhận thức của lão. Nhưng có một điều mà Nakata hiểu: đó là phải phát hiện thấy Goma và cứu nó ra khỏi đây.

“Điều bác muốn là mang Goma về nhà”, Johnnie Walker nói, như đọc được ý nghĩ của Nakata.

“Đúng thế. Nakata này muốn đưa Goma về nhà nó.”

“Đó là sứ mệnh của bác,” Johnnie Walker nói. “Chúng ta ai cũng

có sứ mệnh phải hoàn thành trong cuộc đời. Cái đó là tự nhiên thôi. Tôi đồ rằng bác chưa bao giờ nghe nói đến một cây sáo làm bằng hồn mèo, phải không?"

"Phải, chưa bao giờ."

"Dĩ nhiên là thế. Bác không thể nghe nó bằng tai được."

"Một cây sáo mà người ta không nghe được?"

"Đúng. Cố nhiên, tôi thì nghe được," Johnnie Walker nói. "Nếu tôi mà không nghe được thì còn ra quái gì nữa. Tuy nhiên, người thường thì không thể nghe ra. Ngay cả nếu họ nghe được thì họ cũng không nhận ra. Có thể trong quá khứ, họ đã nghe thấy, nhưng họ không nhớ nữa. Rành là một cây sáo kỳ lạ. Nhưng, bác Nakata, có thể - tôi nói có thể thôi – bác nghe được nó đấy. Nếu như lúc này, tôi có một cây sáo như thế trong tay, thì ta có thể thử luôn, nhưng tiếc rằng tôi chưa có." Rồi như chợt nhớ ra điều gì, y giơ thẳng một ngón tay lên. "Trên thực tế, tôi đang chuẩn bị chặt đầu lũ mèo tôi vừa bắt được. Đây là mùa gặt mà. Tôi đã tóm hết những con có thể quây được ở bãi trống đó và đã đến lúc tiếp tục. Con mèo mà bác đang tìm, con Goma, ở trong số đó. Dĩ nhiên nếu tôi chặt đầu nó, bác sẽ không thể mang nó về cho nhà Koizumi, phải không nào?"

"Đúng thế," Nakata nói. Lão không thể mang về cho gia đình Koizumi cái đầu bị chặt đứt của con Goma. Nếu hai con bé trông thấy, chúng sẽ bỏ ăn cả đời.

"Tôi muốn chặt đầu Goma, nhưng bác thì không muốn điều đó xảy ra. Sứ mệnh và lợi ích của hai chúng ta xung đột nhau. Điều đó luôn luôn xảy ra trên thế gian. Cho nên tôi đề nghị thế này: chúng ta hãy thương lượng. Tôi muốn nói là nếu bác làm cho tôi một việc, tôi sẽ đáp lễ bằng cách trao trả Goma lành lặn nguyên vẹn cho bác."

Nakata đưa tay lên vò mái tóc muối tiêu thật lực, cái động tác quen thuộc của lão khi bối rối. "Điều đó tôi có thể làm được chứ?"

"Tôi nghĩ chuyện này chúng ta đã giải quyết rồi mà", Johnnie Walker nói với một nụ cười giễu cợt.

"Vâng, vâng," Nakata nói, chợt nhớ ra. "Đúng thế. Chúng ta đã giải quyết chuyện này rồi. Lão xin lỗi."

Chúng ta không có nhiều thì giờ, vậy hãy để tôi đi thẳng vào vấn đề, nếu bác không phiền. Việc bác có thể làm cho tôi là *giết tôi*. Nói cách khác là lấy mạng tôi."

Tay vẫn vò đầu, Nakata trân trân nhìn Johnnie Walker hồi lâu. "Ngài muốn Nakata này giết ngài?"

"Chính thế," Johnnie Walker nói. "Tình thật, tôi mệt mỏi và ớn cái cuộc đời này lắm rồi. Tôi đã sống quá, quá lâu rồi. Thậm chí tôi không còn nhớ mình bao nhiêu tuổi nữa. Và tôi cảm thấy không

muốn sống thêm nữa. Tôi mệt và chán giết mèo lắm rồi, nhưng chừng nào tôi còn sống, đó là việc tôi phải làm – hạ sát mèo và thu gom hồn chúng. Tiến hành mọi việc theo đúng trình tự, từ bước một đến bước mười, rồi lại quay lại bước một. Một sự lặp đi lặp lại bất tận. Và tôi đã phát ớn! Không ai tôn trọng việc tôi đang làm, nó không làm ai sung sướng. Nhưng tất cả đều đã thiết định, tôi không thể dùng một cái nói thôi và dừng phắt việc mình đang làm. Và tự lấy mạng mình không phải là một phương án. Cái đó cũng đã được quy định. Trong cái cuộc này, có đủ các thứ lệ luật. Nếu tôi muốn chết, tôi phải nhờ được một người khác giết tôi. Bác chính là người thích hợp. Tôi muốn bác phải sợ tôi, căm ghét tôi ghê gớm, rồi mới hạ sát tôi. Đầu tiên, bác sợ tôi. Rồi bác ghét tôi. Và sau cùng, bác giết tôi."

"Nhưng tại sao… tại sao lại *nh*ờ tôi? Nakata này xưa nay chưa từng giết ai bao giờ. Đó không phải là loại công việc phù hợp với lão."

"Tôi biết. Bác chưa bao giờ giết ai và không muốn giết ai. Nhưng hãy nghe tôi nói đây: trong cuộc đời, có những lúc những kiểu lý do như thế là không đủ. Có những tình huống mà người ta bất cần xét xem anh có phù hợp với công việc trước mắt hay không. Bác cần hiểu điều đó. Chẳng hạn điều đó thường xảy ra trong chiến tranh. Bác có biết chiến tranh là gì không?"

"Có, lão có biết. Khi Nakata ra đời thì đang có một cuộc chiến tranh lớn. Lão có nghe nói về cuộc chiến tranh ấy."

"Khi một cuộc chiến tranh nổ ra, người ta buộc phải trở thành lính. Họ phải mang súng ra tiền tuyến và phải giết những người lính ở phía bên kia. Giết càng nhiều càng tốt. Không ai cần biết anh có thích giết người khác hay không. Đó là việc anh phải làm, thế thôi. Bằng không, *anh sẽ là* kẻ bị giết." Johnnie Walker chĩa ngón tay trỏ vào ngực Nakata. "Đòm!" Y nói. "Lịch sử loài người tóm gọn trong một tiếng."

"Có phải ngài Tỉnh trưởng định xung Nakata này vào lính và ra lệnh cho lão giết người không?"

"Phải, đó chính là điều ngài Tỉnh trưởng sẽ làm: ra lệnh cho bác phải giết ai đó."

Nakata suy nghĩ nhưng không thể vỡ lẽ ra tại sao ngài Tỉnh trưởng lại làm thế.

"Bác phải nhìn nhận vấn đề theo cách này: giả sử đây là *chiến tranh*. Bác là một người lính và bác phải làm một quyết định: hoặc là tôi giết lũ mèo, hoặc là bác giết tôi. Một trong hai cách bác phải lựa chọn ngay lập tức, tại chỗ. Có thể bác cảm thấy đây là một lựa chọn quá quắt, nhưng hãy ngẫm mà xem: mọi lựa chọn chúng ta phải

quyết định trong đời đều quá quắt." Johnnie Walker khẽ chạm vào chiếc mũ lụa như để chắc chắn rằng nó vẫn ở đó.

"Điều bù lại duy nhất cho bác ở đây – nếu quả thật bác cần cái đó – là việc tôi *muốn* chết. Tôi đã *nhờ* bác giết tôi, cho nên bác khỏi phải chịu lương tâm cắn rứt. Bác làm đúng tâm nguyện của tôi. Không phải như bác giết một người không muốn chết. Thực tế, bác đang làm một điều thiện."

Nakata gạt mấy giọt mồ hôi đọng ở chân tóc. "Nhưng Nakata này không cách nào có thể làm được một việc như thế. Ngay cả nếu ngài bảo lão giết ngài, lão cũng không biết xoay sở ra sao."

"Tôi hiểu", Johnnie Walker nói, vẻ thán phục. "Bác chưa từng giết ai bao giờ, nên bác không biết xoay sở ra sao. Được, vậy thì để tôi bày cho bác nhé. Bí quyết của việc giết ai đó, bác Nakata ạ, là không do dự. Phải tập trung vào định kiến của mình đối với kẻ đó và hành động thật nhanh, đó là phương cách hiệu quả để đạt mục đích. Tôi có một thí dụ tuyệt hảo ở ngay đây. Đối tượng không phải là con người, song nó có thể giúp bác tham khảo."

Johnnie Walker đứng dậy, lấy một cái túi da lớn từ dưới gầm bàn, đặt lên chiếc ghế y vừa ngồi và mở ra. Như thể biểu diễn một trò ảo thuật, y vừa vui vẻ huýt sáo vừa lôi ra một con mèo. Nakata chưa từng thấy nó bao giờ, một con mèo đực vằn xám vừa đến tuổi trưởng thành. Toàn thân nó mềm rũ, nhưng mắt nó vẫn mở và còn tỉnh. Miệng vẫn huýt sáo theo điệu "Heigh-ho" của bảy chú lùn trong phim *Nàng Bạch Tuyết* của Walt Disney, Johnnie Walker giơ cao con mèo lên như phô một con cá y vừa bắt được.

"Trong cái túi này có năm con mèo, tất cả đều từ cái bãi trống ấy. Một mẻ tươi nguyên, vừa mới cất lưới, có thể nói thế. Tôi đã tiêm cho chúng một liều thuốc gây liệt. Gây liệt chứ không phải gây tê – chúng không ngủ và có thể cảm thấy đau, nhưng cả bốn chân lẫn đầu đều không cử động được. Tôi làm thế để giữ cho chúng khỏi giãy giụa. Điều tôi sắp làm là lấy dao rạch ngực con mèo này, moi quả tim còn đập của nó và chặt đầu nó. Ngay trước mắt bác. Nó sẽ đổ rất nhiều máu và sẽ đau đớn kinh khủng. Bác thử tưởng tượng xem nếu ai đó rạch ngực, moi tim *bác* thì sẽ đau biết chừng nào. Với mèo cũng thế - tất phải đau thôi. Tôi ái ngại cho những con vật bé bỏng tội nghiệp. Tôi không phải là một tên bạo tàn hung ác, lạnh lùng, nhưng tôi không thể làm khác được. Cần phải có sự đau đớn. Đó là quy tắc. Ở đây, chỗ nào cũng đầy quy tắc". Y nháy mắt với Nakata. "Công việc là công việc. Mỗi người phải hoàn thành sứ mệnh của mình. Tôi sắp giết lần lượt từng con một và kết thúc bằng con Goma. Cho nên bác còn thì giờ để quyết định xem mình nên làm gì. Hãy nhớ lấy: hoặc là tôi giết lũ mèo, hoặc là bác giết tôi. Không có lựa chọn nào khác."

Johnnie Walker đặt con mèo mềm nhũn lên mặt bàn, mở một ngăn kéo và bằng cả hai tay, lôi ra một gói to tướng màu đen. Y mở gói và bày những thứ trong đó lên bàn – một cái cưa điện nhỏ, dao mổ các cỡ và một con dao phay rất to, tất cả đều bóng loáng như vừa mới mài. Trong khi xếp chúng thành một hàng trên mặt bàn, Johnnie Walker âu yếm thử độ sắc của từng lưỡi. Tiếp đó, y lấy mấy cái khay kim loại từ một ngăn kéo khác và cũng bày lên bàn. Rồi đến một cái túi plastic lớn từ một ngăn kéo thứ ba. Trong cả thời gian đó, vẫn huýt gió điệu "Heigh-ho".

"Như tôi đã nói, bác Nakata ạ, mọi sự đều phải có quy củ," Johnnie Walker nói. "Không thể nhìn quá xa về phía trước. Nếu nhìn quá xa, anh sẽ bỏ lãng cái trước mắt và sẽ vấp. Xin lưu ý, tôi không nói là chỉ nên tập trung vào những chi tiết trước mắt. Phải nhìn xa hơn cái trước mắt một chút, kẻo sẽ đâm sầm vào một cái gì. Phải theo đúng trình tự đồng thời để mắt tới những gì ở phía trước. Đó là điều cốt tử, bất kể anh làm việc gì."

Johnnie Walker him mắt lại và khẽ vuốt đầu con mèo. Y lướt đầu ngón trỏ dọc theo bụng con vật, rồi dùng tay phải cầm lấy một con dao mổ và, không hề báo trước, rạch một nhát thẳng giữa bụng. Tất cả diễn ra trong một khoảnh khắc. Bụng mở toang và ruột đỏ quạch phòi ra. Con mèo cố kêu nhưng hầu như không ra tiếng. Lưỡi nó liệt cứng và miệng hầu như không há ra được. Nhưng đôi mắt lộn tròng của nó đủ nói lên nỗi đau khủng khiếp. Và Nakata có thể hình dung được nó đau đớn biết nhường nào. Lát sau, máu ộc ra, ướt đẫm hai tay Johnnie Walker và ròng ròng trên áo ghi-lê của y. Vậy mà y không hề để ý; miệng vẫn huýt sáo điệu "Heigh-ho", y thọc tay vào bụng con vật, và với một con dao mổ cỡ nhỏ, cắt rời quả tim bé xíu.

Y đặt cái cục máu me ấy lên lòng bàn tay và chìa cho Nakata xem. "Nhìn thử coi. Nó còn đập đấy."

Rồi như thể đó là điều tự nhiên nhất trên đời, y bỏ tọt trái tim mèo vào mồm và lặng lẽ nhai, ung dung tận hưởng vị của nó. Mắt y long lanh như một đứa trẻ đang khoan khoái ăn một cái bánh gatô mới ra lò.

Y lấy mu bàn tay chùi máu ở mồm và liếm môi liếm mép thật sạch. "Tươi, nóng và vào trong miệng vẫn còn đập."

Nakata trố mắt nhìn cảnh diễn ra trước mặt, không nói nên lời. Lão không thể ngoảnh đi được. Mùi máu tươi tràn ngập phòng.

Vẫn huýt gió tiếp điệu nhạc vui, Johnnie Walker bắt đầu cưa đầu con mèo. Hàng răng cưa nghiến vào xương ken két đến đứt rời. Động tác của y có vẻ rất chuyên nghiệp. Xương cổ không dày lắm, nên toàn bộ công việc kết thúc nhanh chóng. Nhưng cái tiếng ken két kia nghe nặng nề lạ lùng. Johnnie Walker âu yếm đặt cái đầu vừa cưa đứt lên một chiếc khay kim loại. Như thể đang thưởng thức một tác phẩm

nghệ thuật, y nheo mắt đăm đăm nhìn. Y ngừng huýt sáo một giây, lấy móng tay nậy một mảnh nhỏ giắt trong kẽ răng, rồi lại bỏ vào mồm và nhấm nháp ngon lành trước khi nuốt gọn, rồi chép môi một cách thỏa mãn. Sau đó, y mở cái túi plastic đen, quẳng cái xác mèo vào như thể vứt mớ giấy lộn vào sọt rác.

"Xong một con," Johnnie Walker vừa nói vừa xòe hai bàn tay đầy máu ra trước mặt Nakata. "Một công việc thổ tả, bác có nghĩ thế không? Được quả tim tươi giãy đành đạch kể cũng khoái khẩu, nhưng xem này, bao nhiêu là máu… *Không, bàn tay này có thể làm hồng ngàn con sóng biển, nhuộm đỏ đại dương xanh*. Đó là một câu trong vở kịch Macbeth. Đây không đến nỗi không tẩy sạch được như bàn tay Macbeth, nhưng tổng số hóa đơn tẩy khô tôi phải thanh toán lên đến mức bác không tin được đâu. Xét cho cùng, đây là một bộ đồ đặc biệt. Lẽ ra tôi nên mặc blouse và găng tay mổ, nhưng tôi không được phép. Đó lại là một quy tắc nữa."

Nakata không nói gì, tuy nhiên, một cái gì đó bắt đầu ngọ nguậy trong đầu lão. Căn phòng tanh nồng mùi máu, và âm điệu của bài "Heigh-ho" vẫn vang vang trong tai lão.

Johnnie Walker lôi con mèo tiếp theo ra khỏi túi, một con cái lông trắng không còn trẻ lắm, chóp đuôi hơi vẹo. Cũng như lần trước, y vuốt đầu con mèo một lúc, rồi ung dung vạch ướm một đường kẻ vô hình trên bụng nó. Rồi cầm một con dao mổ và lại rạch nhanh một vệt, mở toang ngực nó ra. Phần còn lại cũng y như với con trước – tiếng kêu thét câm lặng, cái thân co giật, ruột phòi ra, moi quả tim nhầy nhụa máu, phô với Nakata, bỏ tọt vào mồm, thong thả nhai. Nụ cười thỏa mãn. Lấy mu bàn tay quệt máu. Tất cả với tiếng huýt gió điệu "Heigh-ho" làm nhạc nền.

Nakata ngồi thụt hẳn vào chiếc ghế bành và nhắm mắt lại, hai tay ôm đầu, những ngón tay ấn sâu vào thái dương. Rành là một cái gì đang dâng lên bên trong lão, một thứ hỗn loạn khủng khiếp đang làm thay đổi chính bản thể của lão. Lão thở gấp, và một cơn đau nhói giần giật trong cổ lão. Con mắt nhìn của lão thay đổi quyết liệt.

"Bác Nakata," Johnnie Walker tươi tỉnh nói, "chớ vội bỏ cuộc như thế. Giờ mới sắp tới phần chính. Kia mới chỉ là màn dạo đầu, một bước khởi động thôi. Giờ chúng ta sẽ đến với những gương mặt quen thuộc mà bác từng biết. Cho nên bác hãy mở to mắt mà nhìn cho kỹ. Đây là đoạn hay ho nhất! Tôi hy vọng bác sẽ đánh giá được những cố gắng cật lực của tôi để mang lại cho bác cuộc tiêu khiển này."

Huýt gió tiếp bài "Heigh-ho", y lôi con mèo tiếp theo ra. Ngồi lút trong ghế bành, Nakata mở mắt ra nhìn nạn nhân sắp tới. Đầu lão trống trơn hoàn toàn. Thậm chí lão không đứng dậy nổi.

"Tôi tin rằng hai bên đã biết nhau," Johnnie Walker nói, "tuy nhiên tôi vẫn xin làm nhiệm vụ giới thiệu. Bác Nakata, đây là cậu

Kawamura. Cậu Kawamura, bác Nakata," Johnnie Walker ngả mũ với một dáng điệu rất kịch, thoạt tiên chào Nakata, rồi đến con mèo bị tiêm thuốc liệt.

"Giờ hai bên đã chào hỏi nhau rồi, tôi e rằng chúng ta lại phải nói lời vĩnh biệt ngay tức khắc. Gặp mặt, phân ly! Đời người là những cuộc phân ly dài dài, như những cánh hoa tung tóe trong gió. (Y mơn man cái bụng mềm của Kawamura). Bác Nakata, nếu bác muốn chặn tôi lại thì bây giờ là đúng lúc đấy. Thời gian đang trôi và tôi sẽ không do dự đâu. Trong từ điển của Johnnie Walker Kẻ-Giết-Mèo khét tiếng, không có từ *do dự* đâu."

Và quả vậy, không mảy may do dự, y rạch toang bụng Kawamura. Lần này, có thể nghe thấy tiếng kêu. Có lẽ lưỡi của nó chưa liệt hoàn toàn hoặc giả đó là một thứ tiếng kêu đặc biệt mà chỉ Nakata nghe thấy được. Một tiếng kêu ghê rợn lạnh sống lưng. Nakata nhắm mắt lại và đưa hai tên lên ôm mái đầu run rẩy.

"Bác phải nhìn!" Johnnie Walker ra lệnh. "Đó lại là một quy tắc nữa của chúng tôi. Nhắm mắt lại cũng chẳng thay đổi được gì. Chẳng có gì biến đi chỉ vì anh không nhìn thấy những gì đang diễn ra. Trên thực tế, tình hình thậm chí sẽ còn xấu đi khi anh mở mắt trở lại. Chúng ta đang sống trong một thế giới như thế đó, bác Nakata ạ. Hãy mở to mắt ra. Chỉ có kẻ hèn nhát mới nhắm mắt lại. Nhắm mắt, bịt tai đâu có thể làm cho thời gian ngừng lại được."

Nakata làm theo lời chỉ bảo và mở mắt ra.

Một khi đã chắc chắn là Nakata đang mở mắt, Johnnie Walker liền trình diễn tiết mục ăn tim Kawamura, nhai thủng thẳng hơn lần trước để thưởng thức. "Vừa mềm vừa ấm. Y như món gan lươn ấy," Johnnie Walker bình luận. Rồi y đưa một ngón tay trỏ đẫm máu lên miệng mút chùn chụt. "Khi đã phải mùi rồi sẽ đâm nghiện. Nhất là cái chất máu lầy nhầy ấy."

Y chùi máu ở dao mổ, vẫn vui vẻ huýt gió như mọi khi và cưa đầu Kawamura. Những răng nhỏ sắc của lưỡi cưa nghiến qua xương và máu tràn khắp.

"Ngài Johnnie Walker, lão xin ngài, Nakata này không chịu đựng được nữa."

Johnnie Walker ngừng huýt sáo, ngừng công việc đang làm và gãi dái tai. "Thế này thì không ổn rồi, bác Nakata. Tôi rất tiếc là bác cảm thấy khó ở, thành thực rất tiếc, nhưng tôi không thể đơn giản nói *Thôi được* và ách chuyện này lại. Tôi đã nói với bác đây là chiến tranh mà. Thật rất khó mà ách một cuộc *chiến tranh* lại một khi nó đã bắt đầu. Một khi gươm đã rút ra khỏi vỏ thì máu phải đổ. Chuyện này hoàn toàn không liên quan gì với lý thuyết, hay với lô-gích, hay thậm chí với cái tôi của tôi. Đó chỉ thuần túy là một quy tắc. Nếu bác

không muốn con mèo nào bị giết nữa, thì bác phải giết tôi. Hãy đứng dậy, tập trung chí căm thù của bác và hạ thủ tôi. Và phải làm *ngay lập tức*. Hãy làm thế và mọi chuyện sẽ kết thúc. Chấm hết."

Johnnie Walker lại bắt đầu huýt sáo. Y cưa nốt đầu Kawamura và vứt cái xác không đầu vào túi rác. Giờ đây, đã có ba cái đầu xếp thẳng hàng trên chiếc khay kim loại. chúng đã đau đớn đến thế mà mặt chúng vẫn vô cảm lạ lùng, y hệt những cái đầu xếp trong tủ lạnh.

"Sau đây đến lượt con mèo xiêm", Johnnie Walker vừa nói vừa lôi từ trong túi ra một con mèo Xiêm người mềm nhũn. Tất nhiên đó chính là Mimi. "Vậy bây giờ ta đến với *Mi Chiamano Mimi* (Người ta gọi tôi là Mimi). Vở nhạc kịch của Puccini. Quả thực con mèo nhỏ này có cái vẻ đỏm dáng sang trọng ấy, phải không? Bản thân tôi là người cực kỳ hâm mộ Puccini. Âm nhạc của Puccini là... Tôi nên nói thế nào nhỉ? ... Vĩnh viễn mâu thuẫn với thời đại. Người ta có thể cãi lại rằng đó chỉ đơn thuần là giải trí bình dân, nhưng nó không bao giờ già cỗi. Một thành quả nghệ thuật tuyệt vời."

Y huýt sáo một nét giai điệu trong *Mi Chiamano Mimi*.

"Nhưng, bác Nakata này, tôi phải nói với bác là tôi phải rất kỳ công mới bắt được Mimi đấy. Nó rất thông minh và thận trọng và nhanh cực kỳ. Không thuộc loại dễ lừa. Một vị khách hàng khó chơi. Nhưng con mèo có thể thoát khỏi tay Johnnie Walker Kẻ-Bắt-Mèo vô song chưa sinh ra đời. Tôi nói vậy không phải để khoe khoang đâu. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh là bắt nó khó khăn biết nhường nào. Dù sao đi nữa, voilà[14]! Cô bạn Mimi của bác! Mèo Xiêm là loại cực kỳ yêu thích của tôi. Bác không biết, chứ tim mèo Xiêm thực sự là một của quý. Tựa như nấm hương vậy. Hảo, hảo, tiểu thư Mimi! Đừng sợ - Johnnie Walker đây! Sẵn sàng thưởng thức trái tim âm ấm xinh xẻo của tiểu thư. A... Tiểu thư đang run này!"

"Ngài Johnnie Walker." Thu hết nghị lực từ đáy lòng mình, Nakata bật ra được mấy tiếng đó bằng một giọng nhỏ bặt. "Tôi xin ngài hãy dừng lại. Nếu không, Nakata này sẽ điên mất. Lão cảm thấy không còn là mình nữa."

Johnnie Walker đặt Mimi lên bàn và như mọi lần, từ từ lướt ngón tay dọc theo bụng nó. "Vậy bác không còn là bác nữa," y nói, thận trọng và bình tĩnh. "Điều này rất quan trọng đấy, bác Nakata ạ. Một con người không còn là mình nữa." Y cầm lên một con dao mổ y chưa dùng tới và lấy đầu ngón tay kiểm tra độ sắc của nó. Rồi, như để thực tập, y liếc liếc mũi dao trên mu bàn tay. Một lát sau, máu rỉ ra, nhỏ giọt xuống bàn và mình Mimi. Johnnie Walker cười rinh rích. "Một con người không còn là mình nữa," y nhắc lại. "Bác không còn là bác nữa. Thế là đúng sách đấy, bác Nakata ạ, tuyệt vời! Điều quan trọng nhất trong tất cả. *Ôi, đầu ta đầy những bọ cạp!* Lại một lời thoại

trong Macbeth.”

Không một lời, Nakata đứng dậy. Không ai, kể cả Nakata, có thể ngăn được lão. Bằng những sải chân dài, lão bước tới bàn và vớ lấy một cái gì đó giống như dao thái thịt. Nắm chắc cái chuôi gỗ, lão cắm ngập lưỡi dao vào bụng Johnnie Walker, xuyên qua lớp gi-lê đen, rồi tiếp tục đâm vào một chỗ khác. Lão nghe thấy một cái gì, một âm thanh lớn mà thoạt đầu, lão không biết là cái gì. Nhưng rồi lão hiểu ra: Johnnie Walker đang cười. Bị đâm trúng bụng và ngực, máu trào ra, y vẫn tiếp tục cười.

“Đó mới là bản lĩnh chứ!” y la to. “Bác đã không do dự. Làm tốt lắm!” Cười ngặt nghẽo như thể đây là câu đùa ngộ nghĩnh nhất y từng nghe. Tuy nhiên, chẳng mấy chốc, tiếng cười chuyển thành tiếng nấc. Máu ùng ục trong cuống họng y nghe như một ống dẫn nước vừa được mở nút. Một cơn co giật dữ dội làm người y oằn oại và máu từ miệng y ộc ra cùng với những cục đen đen lầy nhầy: những miếng tim mèo y vừa ăn. Máu tung tóe trên bàn, trên cả chiếc sơ mi golf của Nakata. Cả hai người đều bê bết máu và Mimi nằm trên bàn cũng vậy.

Johnnie Walker gục xuống dưới chân Nakata. Y nằm nghiêng co quắp như một đứa trẻ trong đêm lạnh. Y chết hẳn rồi, không còn nghi ngờ gì nữa. Tay trái y áp chặt vào cổ họng, tay phải giơ thẳng ra như muốn với lấy một cái gì đó. Đã dứt cơn co giật và dĩ nhiên cả tiếng cười nữa. Tuy nhiên, vẫn còn dấu vết của một nụ cười giễu cợt ở khóe môi. Máu đọng thành vũng trên sàn gỗ và chiếc mũ lụa đã lăn vào một góc. Tóc ở phía sau đầu Johnnie Walker thưa, có thể nhìn rõ da đầu. Không có cái mũ, nom y già hơn, yếu hơn.

Nakata buông con dao và tiếng nó rơi xuống sàn nghe như tiếng khởi động của một cỗ máy lớn ở đằng xa. Nakata đứng cạnh cái xác hồi lâu. Mọi thứ trong phòng như đã ngưng đọng lại. Chỉ có máu là tiếp tục lặng lẽ chảy tràn, cái vũng từ từ lan khắp mặt sàn.

Cuối cùng, Nakata định thần lại và bế Mimi từ trên bàn lên. Ấm và mềm lả trong tay Nakata, mình nó đầy máu, nhưng rõ ràng nó không bị thương. Mimi ngước mắt như muốn nói với ông già điều gì, nhưng thuốc liệt khiến nó không há miệng được.

Sau đó, Nakata tìm thấy Goma trong cái túi lớn và nhấc nó ra ngoài. Tuy mới chỉ nhìn thấy nó trong ảnh, nhưng lão vẫn thấy lòng nao nao nhớ như thể gặp lại một người bạn xa lâu. “Goma...” Lão thì thầm. Hai tay ôm hai con mèo, Nakata ngồi xuống chiếc ghế bành. “ta về nhà thôi,” lão bảo chúng thế, nhưng không đứng dậy nổi.

Từ một nơi nào đó, con chó đen đã xuất hiện trở lại và ngồi xuống cạnh xác chủ nó. Có thể nó đã liếm hết vũng máu, nhưng Nakata không nhớ chắc lắm. Đầu lão nặng nặng và mù mờ. Lão hít một hơi thật sâu và nhắm mắt lại. Tâm trí lão bắt đầu nhòa nhòa và

chìm vào bóng tối lúc nào không biết.

Chương 17

Đây là đêm thứ ba của tôi ở căn nhà gỗ này. Mỗi ngày qua đi, tôi lại quen hơn với im lặng và bóng tối thăm thẳm. Ban đêm không làm tôi sợ nữa, ít nhất cũng thôi làm tôi chết khiếp. Tôi chất củi đầy bếp lò, ngồi trấn trước đó và đọc. Khi nào mệt, tôi chỉ ngồi thần ra, trân trân nhìn lửa cháy. Tôi không bao giờ chán nhìn lửa. Những ngọn lửa đủ các hình dạng và màu sắc, chuyển động linh hoạt như những vật sống - chúng sinh ra, tụ lại, rời nhau và chết.

Khi trời quang mây, tôi ra ngoài, nhìn lên bầu trời. Những ngôi sao không đem lại cho tôi cảm giác bất lực như trước nữa và tôi bắt đầu cảm thấy gần gũi chúng. Mỗi ngôi sao phát ra ánh sáng đặc biệt của riêng mình. Tôi nhận ra một số ngôi và quan sát chúng lấp lánh trong đêm. Thi thoảng, chúng bùng sáng hơn như thể chợt nhớ ra điều gì. Vầng trăng treo lơ lửng, trắng và sáng vằng vặc; nếu nhìn kỹ, dường như tôi có thể nhận thấy địa hình lởm chởm trên bề mặt. Tôi chẳng bận óc nghĩ suy gì mạch lạc, chỉ ngây ngất ngắm bầu trời.

Không nghe nhạc được vì máy hết pin không phải là một thiếu vắng trầm trọng như tôi đã tưởng. Có biết bao âm thanh khác thay thế nó - tiếng chim líu lo, tiếng kêu của đủ loại côn trùng, tiếng róc rách của con suối, tiếng lá xào xạc. Mưa rơi, một vật gì trườn trên mái lều, đôi khi một tiếng động bí ẩn không tả nổi. Trước đây, tôi không hề biết thế giới lại đầy những âm thanh tự nhiên đẹp và nhiều đến thế. Cả đời, cho đến tận bây giờ, tôi đã bỏ qua chúng. Tôi ngồi ngoài hiên hàng giờ, mắt nhắm nghiền, không động đậy, lắng nghe không bỏ sót tiếng động nào quanh mình.

Rừng cũng thôi không làm tôi sợ đến độ khiếp vía như trước và tôi đã bắt đầu cảm thấy hồ như gần gũi với nó, thậm chí kính trọng nữa. Tuy nhiên, tôi không mạo hiểm quá xa căn nhà gỗ và chỉ đi theo con đường mòn sẵn có mà thôi. Chừng nào tôi tuân thủ những quy tắc đó, sẽ không có bất trắc gì quá đáng. Đó là điều quan trọng - hãy tuân thủ các quy tắc, rừng sẽ lặng lẽ chấp nhận anh, chia sẻ với anh phần nào sự yên bình và nét đẹp của nó. Nhưng nếu vượt qua ranh giới, những con thú rình núp trong im lặng sẽ chộp gọn anh trong những móng sắc như dao của chúng.

Tôi thường nằm dài trong khoảng trống nhỏ hình tròn, để cho nắng tãi lên khắp người. Mắt nhắm nghiền, tôi thả mình cho nắng mơn man, tai dỏng lên đón tiếng gió rít qua các ngọn cây. Bao bọc trong hương rừng đằm ngát, tôi lắng nghe tiếng chim vỗ cánh, tiếng lá dương xỉ lao xao. Tôi thoát khỏi trọng lực, bồng bềnh bên trên mặt đất (chút xíu thôi) và trôi trong không trung. Tất nhiên, trạng thái

này không kéo dài. Đó chỉ là một cảm giác thoáng qua - mở mắt ra là nó tan biến. Dẫu sao, đó vẫn là một trải nghiệm ngây ngất: có thể trôi bồng bềnh trên không.

Có đôi ba lần mưa to nhưng không kéo dài, và lần nào tôi cũng trần truồng lao ra tắm mưa. Đôi khi tập vã mồ hôi, tôi cởi quần áo, tắm nắng ngoài hiên. Tôi uống rất nhiều trà, tập trung vào đọc sách, khi ngồi ngoài hiên, lúc bên bếp lò. Đọc đủ các loại: lịch sử, khoa học, truyện dân gian, huyền thoại, xã hội học, tâm lý học, cả Shakespeare nữa... Thay vì ngốn thẳng một mạch đến hết, tôi thường đọc đi đọc lại những đoạn tôi nghĩ là quan trọng nhất kỳ cho đến khi thật hiểu để từ đó thu hoạch được một cái gì cụ thể. Từng tí một, đủ các loại kiến thức thẩm thấu vào óc tôi. Tôi nghĩ giá có thể ở lại đây bao lâu tùy thích thì tuyệt biết mấy. Có bao nhiêu là sách trên các giá mà tôi muốn đọc và đồ ăn thức uống thì vẫn còn ê hề. Nhưng tôi biết đây chỉ là nơi tạm trú, chẳng bao lâu sẽ phải rời đi. Chốn này thật quá yên tĩnh, quá tự nhiên, quá hoàn hảo. Tôi không xứng đáng với nó. Ít nhất là chưa phải bây giờ.

Đến ngày thứ tư, Oshima xuất hiện vào cuối buổi sáng. Tôi nằm ườn trên ghế ngoài hiên, trần truồng, lơ mở ngủ dưới nắng nên không nghe thấy anh tới. Tôi không nghe thấy tiếng xe của anh. Vai khoác ba lô, anh bước đi trên con đường dẫn tới đây. Anh lặng lẽ bước lên các bậc thềm, chìa tay ra và khẽ xoa đầu tôi. Giật mình, tôi chồm dậy và cuống quít quờ tay tìm một chiếc khăn để che thân, nhưng không có cái nào trong tầm tay.

"Đừng ngại," Oshima nói. "Hồi mình ở đây, mình vẫn trần truồng tắm nắng thường xuyên. Phơi những chỗ kín ra ánh mặt trời là một cảm giác thật dễ chịu."

Trần như nhộng trước mặt anh, tôi cảm thấy trơ trẽn với cả bộ tam sự xồm xoàm lông lá phô ra. Tôi không biết nên làm gì. Đã quá muộn để che đậy.

"À anh," tôi nói, cố lấy giọng thản nhiên. "Anh leo bộ lên à?"

"Trời hôm nay đẹp quá nên mình quyết định để xe ở dưới cổng," anh với một chiếc khăn vắt trên lan can, đưa cho tôi. Tôi quấn nó quanh mình và cuối cùng mới cảm thấy đỡ ngượng.

Anh vừa nấu nước vừa hát nho nhỏ, rồi lấy bột, trứng và sữa từ ba lô ra, đánh lộn lên làm bánh kếp, rồi láng bơ và xi-rô lên chốc. Rồi anh lôi ra nào rau diếp, nào cà chua, nào hành, dùng dao bếp thái nhỏ tất cả rất cẩn thận để làm món nộm. Đó là bữa trưa của chúng tôi.

"Vậy cậu thấy thế nào qua ba ngày ở đây?" anh hỏi, tay cắt bánh kếp.

Tôi kể với anh về những giờ khắc tuyệt vời tôi đã sống ở đây. Tôi

bỏ qua đoạn đi vào rừng: tốt hơn là đừng nhắc đến chuyện đó.

"Mình lấy làm mừng," Oshima nói. "Mình đã hy vọng nơi này sẽ làm cậu thích mà."

"Nhưng chúng ta sẽ quay về thành phố bây giờ, phải không?"

"Phải. Đã đến lúc trở về rồi."

Chuẩn bị sẵn sàng để lên đường, chúng tôi nhanh chóng dọn dẹp mọi thứ trong lều. Rửa bát đĩa, xếp lên giá, lau chùi bếp lò, đổ nước trong xô, đóng van bình ga, cho những đồ ăn để lâu được vào chạn, còn bao nhiêu vứt đi, quét sàn, lau bàn ghế, đào một cái hố bên ngoài lều để vùi rác.

Trong khi Oshima khóa cửa, tôi quay lại nhìn căn lều một lần cuối. Một phút trước, tôi còn cảm thấy nó rất thật, nhưng giờ đây nó lại có vẻ hư ảo. Chỉ vài bước thôi là đủ cho tất cả những gì gắn liền với nó mất hết tính chất thực tại. Và tôi - người đã từng ở đấy cho tới giây phút trước - lúc này tôi cảm thấy chính mình cũng hư ảo nốt. Từ đây đến chỗ Oshima đậu xe, đi bộ mất ba mươi phút và trên đường xuống núi, chúng tôi hầu như không trao đổi với nhau một lời nào. Oshima âm ư một giai điệu, còn tôi để mặc tâm trí phiêu diêu.

Dưới chân núi, chiếc xe thể thao nhỏ màu xanh quyện lẫn vào nền cây lá của rừng. Oshima đóng cổng chính để ngăn người lạ đột nhập vào, quấn hai vòng xích và bấm ống khóa móc. Như lần trước, tôi cột chiếc ba lô vào giá để hành lý đằng sau xe. Mui xe đã hạ sẵn.

"Về thành phố," Oshima nói.

Tôi gật đầu.

"Mình dám chắc cậu khoái sống một mình với thiên nhiên như thế, nhưng thật không dễ gì sống ở nơi đó một thời gian dài," Oshima nói. Anh đeo kính râm và thắt dây an toàn.

Tôi ngồi xuống cạnh anh và cũng cài dây an toàn.

"Về lý thuyết thì không phải không thể sống như thế và cố nhiên đã có những người làm thế. Nhưng trên thực tế, cách nào đó, tự nhiên lại có phần phi tự nhiên. Và thư giãn có khi lại trở thành mối đe dọa thực sự. Phải từng trải và có chuẩn bị mới có thể thực sự sống được với những mâu thuẫn đó. Cho nên, tạm thời ta hẵng quay về thành phố cái đã. Trở về với văn minh."

Oshima dận ga và xe bắt đầu xuống núi. Lần này, anh không vội và lái nhẩn nha, vừa đi vừa ngắm cảnh và hóng gió thổi tung mái tóc. Hết đoạn đường đất, xe bắt đầu vào một đoạn đường nhựa hẹp, băng qua làng xóm, cánh đồng.

"Nhân nói đến mâu thuẫn," Oshima đột nhiên nói, "hôm đầu tiên gặp cậu, mình đã cảm thấy một cái gì mâu thuẫn nơi cậu. Cậu đang tìm kiếm một cái gì, đồng thời lại chạy trốn cái đó bằng mọi giá."

"Em đang tìm kiếm cái gì?"

Oshima lắc đầu. Anh liếc vào gương chiếu hậu và cau mày, "Mình chẳng biết. Mình chỉ nói rằng mình có cảm giác như thế thôi."

Tôi không trả lời.

"Theo kinh nghiệm bản thân mình, khi ta có công tìm kiếm một cái gì thì chẳng mấy khi thấy được. Và khi ra sức trốn chạy một cái gì thì nó thường bắt kịp ta. Tất nhiên, mình chỉ khái quát hóa thôi."

"Vậy nếu áp dụng vào trường hợp của em, thì điều gì sẽ xảy ra nếu như cùng một lúc, em vừa tìm kiếm vừa trốn tránh một điều gì?"

"Một câu hỏi hắc búa đấy," Oshima mỉm cười. Một lát sau anh mới nói tiếp. "Nếu phải trả lời thì mình sẽ nói như sau: bất kể cậu đang tìm kiếm điều gì, nó cũng sẽ đến dưới dạng cậu chờ đợi."

"Kiểu như một lời tiên đoán gở."

"Như trong *Cassandra*."

"*Cassandra?*"

"Một vở bi kịch Hy Lạp. Cassandra là công chúa thành Troy có tài tiên tri. Nàng vào đền làm nữ tu sĩ và được Apollo ban cho khả năng đoán trước số mệnh. Đổi lại, Apollo ép nàng ngủ với mình, nhưng nàng từ chối và vị thần đã hô thần chú ếm nàng. Các vị thần Hy Lạp mang nhiều tính chất huyền thoại hơn là tôn giáo. Nghĩa là họ cũng có những khuyết điểm giống như con người: cũng nổi nóng, cũng thèm khát tình dục, cũng ghen tuông, cũng lú lẫn, tật gì cũng có."

Anh lấy từ hộc đựng găng một hộp kẹo chanh, bỏ một viên vào miệng. Anh ra dấu mời tôi và tôi cũng lấy một viên.

"Thần chú như thế nào?"

"Thần chú yểm Cassandra ấy à?"

Tôi gật đầu.

"Là mọi tiên đoán của nàng đều ứng, nhưng sẽ không có ai tin nàng cả. Hơn nữa, mọi tiên đoán ấy đều nhằm chuyện gở: phản bội, tai nạn, chết chóc, đất nước suy vong. Đại loại như thế. Người ta chẳng những không tin mà còn bắt đầu khinh ghét nàng. Nếu cậu chưa đọc kịch Euripdes và Aeschylus[15], thì mình khuyên cậu nên đọc đi. Tác phẩm của họ nêu nhiều vấn đề cốt tử mà thậm chí tới nay, chúng ta vẫn còn phải đương đầu. Thông qua các *koros*."

"*Koros* là cái gì?"

"Đó là dàn đồng ca trong các bi kịch Hy Lạp. Họ đứng đằng sau sân khấu, đồng thanh giải thích các tình huống hoặc bình luận những diễn biến nội tâm nhân vật. Thậm chí đôi khi còn khuyên bảo nhân vật. Đó là một thủ pháp rất tiện lợi. Đôi khi mình ước sao có riêng một dàn đồng ca đứng đằng sau mình."

"Anh có khả năng tiên tri không?"

"Mình đâu có cái may mắn ấy," anh tủm tỉm cười. "Khốn thay - hay may thay - mình lại không có cái năng lực ấy. Nếu như mình có vẻ như luôn luôn tiên đoán những điều gở, đó là vì mình là một thằng thực dụng. Mình dùng phương pháp lập luận suy diễn để khái quát hóa, và mình đồ rằng kết quả suy luận của mình đoi khi nghe những dự báo điều chẳng lành. Cậu biết tại sao không? Bởi thực tại chỉ là sự tích tụ của những dự báo gở trở thành hiện thực. Cậu chỉ việc giở một tờ báo bất kỳ ngày nào ra và bắc lên bàn cân một bên là tin tốt và bên kia là tin xấu, cậu sẽ rõ mình muốn nói gì."

Đến một vòng cua, Oshima đều thận trọng giảm tốc độ, sang số nhẹ như không. Chỉ nhận ra ở tiếng động cơ hơi thay đổi.

"Tuy nhiên, mình có một tin tốt cho cậu đây," anh nói. "Chúng tôi đã quyết định nhận cậu. Cậu sẽ là một nhân viên của Thư viện Tưởng niệm Komura. Mình nghĩ cậu đủ tiêu chuẩn đấy."

Bất giác tôi liếc nhìn anh. "Anh muốn nói là em sẽ làm việc ở thư viện?"

"Chính xác hơn, từ nay trở đi, cậu sẽ *thuộc* về thư viện. Cậu sẽ ở ngay trong thư viện, sống tại đó. Cậu sẽ mở cửa và đóng cửa thư viện đúng giờ quy định. Như mình đã nói trước đây, cậu có vẻ là người có kỷ luật tự giác và khá khỏe mạnh, nên mình nghĩ công việc sẽ không quá vất vả đối với cậu. Cả Miss Saeki lẫn mình về thể chất đều không khỏe lắm, có cậu thêm chân thêm tay, sẽ đỡ đần chúng mình rất nhiều. Ngoài ra, cậu sẽ chỉ giúp vào những công việc vặt hàng ngày thôi. Không có gì đáng kể đâu: pha cà phê ngon cho mình, đi mua sắm giúp bọn này. Chúng mình đã chuẩn bị một căn phòng ở khu nhà phụ của thư viện cho cậu. Đó trước là phòng của khách, nhưng không có khách nào nghỉ lại qua đêm, nên đã lâu không dùng đến. Cậu sẽ ở đó. Cậu có thể tắm vòi hoa sen ngay trong phòng. Điều hay nhất là cậu sẽ ở luôn trong thư viện, nên có thể đọc bất cứ cái gì cậu thích."

"Nhưng tại sao..." tôi mở đầu nhưng không nói hết câu.

"Tại sao bọn mình làm thế chứ gì? Tất cả đều dựa trên một nguyên lý rất đơn giản. Mình hiểu *cậu* và Miss Saeki hiểu *mình*. Mình chấp nhận cậu, còn Miss Saeki chấp nhận mình. Cho nên mặc dù cậu là một thiếu niên mười lăm tuổi bỏ nhà và xa lạ, cũng không thành vấn đề. Vậy cậu nghĩ thế nào?"

Sau một lát suy nghĩ tôi nói: "Tất cả những gì em kiếm tìm là một mái nhà che đầu. Lúc này đây, chỉ có cái đó là quan trọng. Em không thật sự hiểu *thuộc* về thư viện nghĩa là thế nào, nhưng nếu nó có nghĩa là em có thể ở đấy, thì em rất hàm ơn. Ít nhất em cũng sẽ không phải đi đi lại lại hằng ngày bằng xe lửa nữa."

"Vậy là ngã ngũ nhé," Oshima nói. "Ta hãy đến thư viện. Để cậu có thể trở thành một bộ phận *thuộc* về nó."

Chúng tôi theo xa lộ, qua một số thị trấn, qua một panô to tướng quảng cáo cho một công ty tín dụng, một trạm xăng với những trang trí lòe loẹt, một cửa hàng ăn uống với những phòng kính, một khách sạn ái tình bắt chước kiểu một lâu đài châu Âu, một cửa hàng cho thuê băng video đã phế bỏ còn trơ lại tấm biển, một phòng chơi pachinko[16] với bãi đỗ xe rộng mênh mông, một cửa hàng McDonald's, những siêu thị 7-Eleven, Yoshinoya, Denny's... Thực tại ồn ào bắt đầu bắt đầu bao quanh chúng tôi. Tiếng rít phanh hơi của những xe tải mười tám bánh, tiếng còi, tiếng xả khí. Tất cả những thứ mới vừa đây còn gần gũi với tôi: ngọn lửa trong bếp lò, những vì sao lấp lánh, cái tĩnh lặng của khu rừng... giờ biến mất tăm; thậm chí tôi thấy khó mà hình dung ra chúng.

"Có một đôi điều cậu cần biết về Miss Saeki," Oshima nói. "Hồi nhỏ mẹ mình và Miss Saeki là bạn cùng lớp, rất thân nhau. Mẹ mình kể rằng bà là một nữ sinh xuất sắc, luôn đạt điểm cao, thuộc loại giỏi trong môn tập làm văn, thể dục thể thao và còn chơi dương cầm rất hay nữa. Làm bất cứ cái gì, bà cũng nhất. Lại xinh đẹp nữa. Tất nhiên, bây giờ, bà vẫn còn là một phụ nữ kiều diễm."

Tôi gật đầu.

"Khi còn ở tiểu học, Miss Saeki đã có đã có người yêu. Con trai lớn của gia đình Komura - trên thực tế là có họ xa. Hai người cùng tuổi, rất đẹp đôi, y như Romeo và Juliet vậy. Hai nhà ở gần nhau, họ luôn xoắn xuýt bên nhau không rời. Và khi đến tuổi trưởng thành, họ yêu nhau thật sự, cả thể xác lẫn tâm hồn hòa làm một. Ấy là theo lời mẹ mình."

Chúng tôi dừng xe trước một đèn đỏ và Oshima ngước nhìn trời. Khi đèn bật xanh, anh dận ga và chúng tôi vượt một chiếc xe chở xăng. "Cậu có nhớ những gì mình nói với cậu ở thư viện không? Về chuyện con người ta cứ loanh quanh đi tìm cái nửa kia của mình ấy?"

"Cái đoạn đực/đực, cái/cái và đực/cái ấy à?"

"Phải. Những điều Aristophanes nói. Suốt đời, chúng ta long đong lận đận đi tìm cái nửa kia của chúng ta một cách tuyệt vọng. Nhưng *Miss Saeki* và chàng trai của mình thì không phải làm thế. Họ sinh ra đã có cái nửa kia ngay trước mặt mình."

"Họ thật may mắn."

Oshima gật đầu. "Đúng vậy. Đến một mức độ nào đó."

Anh đưa tay xoa xoa cằm như để kiểm tra xem cạo có tốt không. Không có vết dao cạo nào trên làn da nhẵn như sứ.

"Năm mười tám tuổi, chàng trai lên Tokyo để vào đại học. Chàng đạt điểm cao và muốn theo một chuyên khoa. Chàng cũng muốn được tận mắt thấy thủ đô to đẹp như thế nào. Nàng thì vào một

trường đại học của tỉnh nhà, học chuyên khoa piano. Đây là một địa phương bảo thủ và nàng lại xuất thân từ một gia đình truyền thống chủ nghĩa. Nàng là con một, cha mẹ nàng không muốn để con gái đi Tokyo. Vậy là lần đầu tiên trong đời, hai người xa nhau. Cứ như Thượng đế đã tách đôi họ bằng một lưỡi dao vậy."

"Dĩ nhiên là ngày nào họ cũng viết thư cho nhau. 'Có thể việc chúng mình thử xa nhau thế này lại là tốt cũng nên,' chàng viết cho nàng. 'Như vậy, chúng mình có thể thực sự hiểu chúng mình cần cho nhau đến độ nào.' Nhưng nàng không tin thế. Nàng biết họ gắn bó keo sơn với nhau đến mức không cần phải thử thách quan hệ đó bằng một cuộc phân ly. Mối cơ duyên của họ là tiền định, cả triệu mới có một, không thể chia lìa. Nàng tuyệt đối tin chắc thế. Nhưng chàng thì không. Hoặc có thể chàng cũng tin thế, nhưng không chịu chấp nhận. Thế là chàng cứ đi Tokyo, chàng nghĩ rằng vượt qua một số trở ngại sẽ càng củng cố thêm tình yêu của họ với nhau. Đàn ông đôi khi vốn thế."

"Năm mười chín tuổi, Miss Saeki viết một bài thơ, tự phổ nhạc và vừa hát vừa đệm piano. Đó là một giai điệu đẹp, buồn và ngây thơ. Mặt khác, ca từ lại mang tính chất tượng trưng, đầy suy tưởng và trừu tượng. Sự tương phản ấy khiến cho bài hát có hồn và có sức truyền cảm trực tiếp. Tất nhiên, toàn bộ bài hát, cả nhạc lẫn lời, thể hiện nỗi buồn nhớ người yêu phương xa. Cô có hát cho một số người nghe dăm ba lần. Bình thường cô là người nhút nhát, nhưng cô thích hát và thậm chí đã từng tham gia một ban nhạc dân gian ở trường đại học. Có người cảm kích với bài hát, đã thu một băng demo gửi cho một người bạn là giám đốc một công ty thu băng đĩa. Ông này rất thích bài hát, bèn mời cô lên *studio* của họ ở Tokyo để thu.

"Đó là lần đầu tiên cô đến Tokyo và cô đã có dịp gặp người mình yêu. Tranh thủ thời gian giữa những buổi thu, họ có thể yêu nhau như xưa. Theo mẹ mình, họ đã có quan hệ tình dục từ hồi mười bốn tuổi. Cả hai đều sớm phát triển tính dục, và cũng như nhiều đứa trẻ phát triển tính dục, họ khó có thể thành người lớn. Cứ như là họ vĩnh viễn ở tuổi mười bốn, mười lăm vậy. Họ quấn quýt với nhau và lại có thể cảm thấy tình yêu của họ mãnh liệt đến nhường nào. Cả hai đều chưa bị bất cứ ai khác hấp dẫn. Ngay cả khi họ xa nhau, cũng không có ai khác xen vào giữa được. Xin lỗi... mình có làm cho cậu chán với câu chuyện tình cổ tích này không?"

Tôi lắc đầu. "Em có cảm giác là sắp đến một bước ngoặt."

"Đúng," Oshima nói. "Cái hay của các câu chuyện là ở chỗ đó - một bước ngoặt, một xoay chuyển tình thế bất ngờ. Hạnh phúc thì chỉ có một loại, nhưng bất hạnh thì đến dưới mọi dạng, mọi cỡ. Như Tolstoy đã nói: hạnh phúc là ngụ ngôn, bất hạnh là *chuyện đời*. Dù sao đi nữa, đĩa hát được tung ra thị trường và thành công lớn. Số đĩa

bán được liên tục tăng - một triệu, hai triệu, mình không nhớ chắc con số chính xác. Bất kể thế nào, đó là một con số phá mọi kỉ lục của thời bấy giờ. Hình của cô in trên bìa đĩa, một tấm hình chụp cô ngồi trước một chiếc piano cánh dơi trong *studio*, mỉm cười với ống kính.

"Vì cô chưa sáng tác bài hát nào khác nên mặt B của đĩa vẫn là bài đó dưới dạng khí nhạc - piano và dàn nhạc. Tất nhiên, phần piano do cô đảm nhiệm. Một cuộc trình diễn xuất sắc. Đó là vào khoảng năm 1970 gì đó. Hồi đó, từ trung ương đến địa phương, đài nào cũng phát đi phát lại bài ấy. Dạo ấy, mình chưa đẻ, nên mọi chuyện đều do mẹ mình kể lại. Đó là bài hát duy nhất của cô với tư cách là ca sĩ chuyên nghiệp. Cô không cho ra thêm đĩa nào nữa."

"Em không biết mình đã bao giờ nghe bài hát này chưa."

"Cậu có hay nghe đài không?"

Tôi lắc đầu. Tôi hầu như không bao giờ nghe đài.

"Vậy thì chắc là cậu chưa bao giờ nghe bài hát ấy. Trừ phi trong một chương trình hồi cố. Nhưng đó là một bài hát tuyệt vời. Mình có bài ấy trong một đĩa CD và thỉnh thoảng vẫn nghe lại. Tất nhiên là vào những lúc không có mặt Miss Saeki. Bà ghét mọi thứ gợi nhớ đến nó. Bà không thích ai gợi lại quá khứ."

"Tên bài hát là gì?"

"*Kafka bên bờ biển*." Oshima nói.

"*Kafka bên bờ biển*?"

"Phải, Kafka Tamura. Cùng tên với cậu. Một sự trùng hợp kỳ lạ, phải không?"

"Nhưng Kafka không phải là tên thật của em. Tuy nhiên, Tamura thì đúng là họ của em."

"Nhưng chính cậu đã chọn cái tên Kafka, đúng không?"

Tôi gật đầu. Tôi đã quyết định từ lâu rằng đó sẽ là cái tên phù hợp với con người mới của tôi.

"Mình nghĩ đó là điểm mấu chốt đấy," Oshima nói.

Người yêu của Saeki chết năm hai mươi tuổi. Oshima kể tiếp. Đúng vào lúc Kafka bên bờ biển trở thành một "hit"[17]. Trường đại học của anh bãi khóa trong thời kỳ sinh viên nổi loạn và phải đóng cửa. Một đêm, vào khoảng trước mười giờ, anh mang đồ tiếp tế đến cho một người bạn ở chiến lũy. Các sinh viên chiếm giữ trường tưởng lầm anh là thủ lĩnh của nhóm đối lập (quả la rất giống người đó), liền bắt anh, trói vào một cái ghế và tra hỏi anh như tra hỏi một tên gián điệp. Anh cố giải thích rằng họ đã lầm, nhưng mỗi lần anh mở miệng, họ lại quát anh bằng một cây gậy hoặc một cái ống bằng thép. Khi anh gục xuống sàn, họ vẫn dùng ủng đá anh túi bụi. Anh chết vào lúc rạng sáng. Sọ hõm sâu, xương sườn gãy nát, rách cả hai lá phổi. Họ vứt xác anh ra ngoài phố như một con

chó chết. Hai ngày sau, theo yêu cầu của nhà trường, lực lượng vệ binh quốc gia tới và trong vòng vài giờ, dẹp xong cuộc dấy loạn. Nhiều sinh viên bị bắt và kết tội giết người. Họ nhận tội và bị đưa ra xét xử. Nhưng vì đó không phải là hành động có mưu tính trước, nên hai trong số bọn họ bị khép tội giết người không chủ định và chỉ chịu án tù ngắn hạn. Thành thử cái chết của anh hoàn toàn vô nghĩa.

Saeki thôi hẳn không bao giờ hát nữa. Cô giam mình trong phòng và không muốn trò chuyện với ai, kể cả qua điện thoại. Cô không đến dự đám tang của anh và bỏ học luôn. Sau vài tháng, người ta đột nhiên nhận ra rằng cô không còn ở thành phố nữa. Không ai biết cô đi đâu hoặc làm gì. Cha mẹ cô từ chối không muốn nói đến chuyện này. Có lẽ họ cũng không biết cô đang ở đâu. Cô biến mất tăm. Ngay cả bạn thân nhất của cô, mẹ Oshima, cũng không nắm được manh mối nào. Người ta đồn rằng sau một lần tự tử không thành trong rừng sâu gần núi Fuji, cô đã được đưa vào một bệnh viện tâm thần. Một số người khác lại nói một người bạn của bạn họ đã trông thấy cô trên đường phố Tokyo. Theo người này, cô đã trở thành nhà văn hay gì gì đó ở Tokyo. Lại có tin đồn khác là cô đã lấy chồng và có một con. Tuy nhiên, tất cả những tin đó đều vô căn cứ, không có gì làm bằng. Hai mươi lăm năm[4] trôi qua.

Bất kể trong suốt thời gian ấy cô ở đâu hay làm gì, Saeki cũng không gặp khó khăn về tiền nong. Tiền tác quyền của về *Kafka bên bờ biển* được đưa vào một tài khoản ngân hàng và ngay cả sau khi nộp thuế vẫn còn lại một con số đáng kể. Mỗi lần bài hát được phát trên đài hay được đưa vào một chương trình hồi cố, cô đều được hưởng tác quyền. Cho nên cô có thể dễ dàng sống ẩn dật, xa hẳn chốn phồn hoa đô hội. Phải chăng, gia đình cô giàu có và cô lại là con một.

Đột nhiên, hai mươi lăm năm qua, Miss Saeki xuất hiện trở lại ở Takamatsu. Lý do bề ngoài là về chịu tang mẹ. (Cha bà đã mất năm năm trước đó, song bà đâu có về.) Bà làm một lễ cầu siêu nhỏ cho mẹ, rồi sau khi mọi chuyện êm xuôi, bán ngôi nhà nơi bà ra đời và lớn lên. Bà mua một căn hộ ở một khu yên tĩnh trong thành phố và dường như muốn định cư hẳn ở đó. Sau đó một thời gian, bà đã có những cuộc nói chuyện với gia đình Komura (Sau cái chết của người con trai cả, ý trung nhân của Saeki, chủ gia đình là người em trai kém anh ba tuổi. Không ai biết đích xác họ bàn với nhau những gì trong các cuộc nói chuyện tay đôi). Kết quả là Miss Saeki trở thành người đứng đầu Thư viện Komura.

Ngay cả giờ đây, bà vẫn mảnh dẻ, vẫn đẹp và vẫn có cái dáng vẻ thông minh, nền nã như ta thấy trên bìa bọc đĩa *Kafka bên bờ biển*. Duy chỉ thiếu nụ cười đẹp tươi, ngây thơ. Đành rằng thi thoảng bà vẫn mỉm cười, một nụ cười thật duyên dáng nhưng chỉ thoáng qua không bao giờ đậu lại. Một bức tường cao vô hình rào quanh bà,

khiến mọi người phải đứng cách một sải tay. Sáng sáng bà lái chiếc Volkswagen Golf xám đến thư viện và tối lại lái về.

Trở về thành phố quê hương, Miss Saeki rất ít đi lại với bà con, bạn bè cũ... Nếu tình cờ gặp nhau, bà lịch sự tiếp chuyện, nhưng hiếm khi đi quá một vài đề tài vô thưởng vô phạt. Nếu thảng hoặc đụng chạm đến chuyện quá khứ, nhất là lại liên quan đến bản thân, lập tức bà khéo léo lái sang chuyện khác. Bà bao giờ cũng lịch sự, hòa nhã, nhưng lời lẽ không còn cái tò mò, háo hức thủa xưa. Tình cảm đích thực của bà - ví như điều đó vẫn còn - ẩn sâu tận đáy lòng. Trừ trường hợp cần có quyết định về một vấn đề thiết thực, bà không bao giờ phát biểu ý kiến cá nhân về bất cứ điều gì. Bà ít khi nói về bản thân mình, mà thường lắng nghe người khác nói và nhiệt thành gật đầu tán thưởng. Nhưng nhiều người đã bắt đầu cảm thấy không thoải mái khi nói chuyện với bà, như thể họ ngờ ngợ rằng mình đang làm phí thì giờ của bà, đột nhập vào thế giới riêng tư phong nhã và trang nghiêm của bà. Và về cơ bản, cảm giác ấy là đúng.

Vậy là ngay cả khi trở về định cư ở thành phố quê hương, bà vẫn là một ẩn số. Một phụ nữ phong nhã với một màn bí mật tinh tế bao quanh. Có một cái gì nơi bà khiến người ta khó tiếp cận. Ngay cả gia đình Komura, trên danh nghĩa là chủ của bà, cũng giữ một khoảng cách.

Cuối cùng, Oshima được tuyển vào làm việc ở thư viện và trở thành trợ lý của bà. Dạo ấy Oshima đã thôi học nhưng chưa đi làm, chỉ ở nhà đọc sách và nghe nhạc. Trừ một số người thường cùng anh trao đổi thư điện tử, Oshima hầu như không có bạn. Vì chứng bệnh máu không đông, anh mất khá nhiều thời gian đến khám chuyên khoa ở bệnh viện, hoặc dạo quanh thành phố trong chiếc Mazda Miata. Và trừ những lần khám định kỳ tại Bệnh viện Đại học ở Hiroshima và đôi lần tới ở căn nhà gỗ trong vùng núi Kochi, anh không bao giờ ra khỏi thành phố. Chẳng phải là anh không bằng lòng với cuộc sống này. Một hôm, mẹ Oshima tình cờ giới thiệu anh với Miss Saeki và hai cô cháu lập tức quý mến nhau. Ý tưởng làm việc ở thư viện hấp dẫn Oshima. Chẳng bao lâu anh trở thành người duy nhất mà KS tiếp xúc hằng ngày và cùng trò chuyện.

"Nghe anh kể em có cảm giác như Miss Saeki trở về đây cốt để phụ trách thư viện," tôi nói.

"Mình cũng nghĩ thế. Đám tang mẹ bà chỉ là cơ hội để bà trở về. Thành phố quê hương đầy những kỷ niệm chua xót, cho nên mình nghĩ việc trở về này hẳn là một quyết định khó khăn đối với bà."

"Tại sao thư viện lại quan trọng đến thế với bà?"

"Người yêu của bà trước kia ở một căn nhà nằm trong khuôn viên thư viện. Ông là con cả trong gia đình Komura và vốn mê đọc sách từ

trong máu. Ông thích sống một mình, đây cũng là một nét đặc trưng của gia đình. Cho nên lên trung học là ông nằng nặc đòi ở một căn tách biệt hẳn với ngôi nhà chính và hai cụ thân sinh chấp nhận. Cả gia đình đều mê đọc sách nên thông cảm với ý muốn của ông: nếu con muốn quanh mình toàn là sách thì cũng tốt thôi, đại loại các cụ nghĩ thế. Vậy là ông ở căn nhà phụ ấy một mình, không ai quấy rầy, chỉ quay về ngôi nhà chính vào những bữa ăn. Miss Saeki hầu như ngày nào cũng đến thăm ông ở đó. Hai người cùng học, cùng nghe nhạc và trò chuyện miên man. Và rất có thể là làm tình ở đó luôn. Nơi này là thiên đường riêng của họ."

Cả hai tay đặt trên vô lăng, Oshima ngoái sang nhìn tôi. "Đó là nơi cậu sẽ ở, Kafka. Trong căn phòng ấy. Như mình đã nói, thư viện đã được tân trang, nhưng phòng đó vẫn để y nguyên."

Tôi lặng thinh.

"Cuộc đời Miss Saeki về cơ bản đã dừng lại ở tuổi hai mươi, khi người yêu của bà chết. Không, có lẽ không phải ở tuổi hai mươi, mà sớm hơn nhiều... Mình không rõ thật cụ thể, nhưng cậu cần biết điều này: những kim của chiếc đồng hồ chôn sâu trong lòng bà đã dừng lại vào thời điểm đó. Dĩ nhiên, thời gian bên ngoài vẫn tiếp tục trôi chảy, nhưng không tác động đến bà. Đối với bà, cái mà ta thường gọi là thời gian chẳng có nghĩa gì hết."

"Không có nghĩa gì hết?"

Oshima gật đầu. "Như thể nó không hề tồn tại."

"Anh muốn nói Miss Saeki hiện vẫn sống trong cái thời gian ngưng đọng ấy?"

"Chính xác. Nhưng không có nghĩa là bà là một thứ thi thể sống đâu. Khi nào cậu biết rõ hơn, cậu sẽ hiểu."

Oshima đặt tay lên đầu gối tôi trong một cử chỉ hoàn toàn tự nhiên. "Kafka ạ, trong đời mỗi con người, đều có một điểm không-đường-trở-lui. Và trong một số rất ít trường hợp, lạ có một điểm không thể tiến thêm chút nào nữa. Và một khi ta tới điểm đó, ta chỉ còn một nước là lặng lẽ chấp nhận sự việc. Như thế mới tiếp tục sống được."

Ngay trước lúc đi vào xa lộ chính, Oshima dừng xe, kéo mui lên và bỏ một đĩa xô-nát Schubert vào ổ CD.

"Còn một điều nữa mình muốn cậu nên biết," Oshima nói thêm. "Miss Saeki có một trái tim bị thương. Thực ra, trong chừng mực nào đó, chúng ta đều thế, kể cả mình lẫn cậu. Nhưng ở Miss Saeki, đó là một vết thương *cá nhân* đặc biệt vượt quá cái nghĩa thông thường của từ ấy. Tâm hồn bà có những xáo động bí ẩn. Mình không nói bà là người nguy hiểm đâu, đừng hiểu sai ý mình. Thường ngày, bà xứng xử rất đúng mực, có lẽ còn chỉn chu hơn mọi người mình biết. Bà duyên dáng, sâu sắc, thông minh. Nhưng đừng lo lắng nếu thi

thoảng cậu nhận thấy một điều gì kỳ dị ở bà."

"Kỳ dị?" tôi không thể không hỏi.

Oshima lắc đầu. "Mình thực sự quý mến và kính trọng Miss Saeki. Mình dám chắc rồi đây cậu cũng sẽ chia sẻ những tình cảm ấy với mình."

Đây không thực sự là một câu trả lời cho câu hỏi của tôi, song Oshima không nói thêm gì nữa. Anh sang số rất đúng lúc, dận ga và vượt một chiếc xe tải nhỏ trước khi đi vào một đường hầm.

Chương 18

Nakata tỉnh dậy thấy mình nằm ngửa trên một đám cỏ. Lão từ từ mở mắt. Đêm đã xuống, một đêm không trăng sao. Tuy nhiên, trời vẫn nhờ nhờ sáng. Lão ngửi thấy mùi cỏ mùa hè ngào ngạt và nghe thấy tiếng côn trùng ran ran xung quanh. Vẻ như lão đã trở về cái bãi hoang nơi lão đến thường phục hàng ngày. Cảm thấy có cái gì ram ráp, âm ấm cọ vào mặt, lão xoay đầu và thấy hai con mèo nồng nhiệt liếm cả hai má lão bằng cái lưỡi nhỏ xíu của chúng. Đó là Goma và Mimi. Lão chậm rãi ngồi dậy, đưa tay ra vuốt ve chúng. "Nakata này vừa ngủ phải không?"

Hai con mèo cùng kêu ra ý phàn nàn điều gì, nhưng Nakata không nắm rõ lời. Lão không hiểu chúng nói gì. Những gì lão nghe được chỉ là tiếng mèo kêu meo meo.

"Lão xin lỗi, nhưng lão không hiểu các bạn nói gì." Lão đứng dậy và soát lại toàn thân cho chắc là không có gì bất bình thường. Lão không thấy đau ở chỗ nào và chân tay vẫn cử động thoải mái. Mắt lão phải mất một lúc mới thích ứng được với bóng tối, nhưng một khi đã quen mắt, lão có thể thấy tay chân, quần áo mình không dính chút máu nào. Quần áo lão cũng không hề nhàu nát hay xộc xệch, nom vẫn chỉnh tề như lúc lão ra khỏi nhà. Cái bị vải bố đựng phích và suất ăn trưa ở ngay bên cạnh lão, và cái mũ trong túi quần, đúng chỗ của nó. Mọi thứ đều đâu vào đấy. Nakata không hình dung được điều gì đang diễn ra.

Để cứu hai con mèo lão đã đâm chết Johnnie Walker – kẻ hủy diệt mèo. Điều đó thì lão nhớ rất rõ. Lão vẫn có thể cảm thấy con dao trong tay mình. Đó không phải là một giấc mơ – máu đã phọt ra từ Johnnie Walker và y đã gục xuống sàn, nằm cong queo và chết. Nakata đã nằm vật trên sofa và bất tỉnh. Và điều tiếp theo lão biết là lão đang nằm đây giữa đám cỏ trong bãi trống này. Nhưng làm sao lão trở về đây được? Thậm chí lão không hề biết đường về. Và quần áo lão lại không hề dính tí máu nào. Việc Mimi và Goma ở bên cạnh lão chứng tỏ đó không phải là một giấc mơ, nhưng vì một lý do kỳ lạ nào đó, lão không hiểu một lời nào của chúng.

Nakata thở dài. Lão không thể nghĩ cho vỡ nhẽ. Nhưng không sao - rồi sau lão sẽ nghĩ ra thôi. Lão khoác bị lên vai, bế hai con mèo lên và rời khỏi bãi trống. Khi ra khỏi hàng rào, Mimi bắt đầu quẫy cựa như thể đòi được thả xuống.

Nakata thả nó xuống đất. "Mimi lão nghĩ cô có thể về nhà một mình được. Nhà cô gần đây mà."

Đúng thế, cái đuôi vẫy vẫy của Mimi như muốn nói.

"Nakata này không hiểu chuyện gì đã xảy ra, nhưng vì một lý do

nào đó, lão không nói chuyện với cô được nữa. Cơ mà lão đã tìm được Goma và tốt hơn hết là lão cứ mang cô ta về cho ông bà Koizumi đã. Cả nhà họ đang chờ. Cám ơn cô rất nhiều về mọi sự, Mimi."

Mimi lại vẫy đuôi, kêu meo meo, rồi chạy đi và biến mất ở góc đường. Trên người nó cũng không có vết máu nào. Nakata quyết định phải ghi nhớ chi tiết này.

Gia đình Koizumi quá đỗi vui mừng với sự trở về của Goma. Đã hơn mười giờ đêm nhưng bọn trẻ vẫn còn thức, đang đánh răng trước khi đi ngủ. Bố mẹ chúng đang uống trà và xem tin tức trên tivi. Họ nồng nhiệt chào đón Nakata. Hai đứa con gái vận đồ ngủ tranh nhau ôm ấp con vật yêu quý và hối hả lấy sữa cùng thức ăn của mèo cho Goma. Nó vồ lấy ăn ngon lành.

"Lão xin lỗi đã đến vào lúc đêm hôm khuya khoắt thế này. Nakata này muốn đến sớm hơn, nhưng không thể."

"Không sao," bà Koizumi nói. "Xin bác đừng ngại chuyện ấy."

"Bác đừng lo chuyện giờ giấc," ông chồng nói. "Con mèo này như một thành viên trong gia đình. Tôi không sao tả xiết nỗi vui mừng của chúng tôi vì bác tìm thấy nó. Bác vào nhà làm một chén trà nhé?"

"Không, cảm ơn. Nakata này phải đi đây. Lão chỉ muốn mang Goma về cho nhà ta càng sớm càng tốt thôi."

Bà Koizumi sang một phòng khác và trở lại với số tiền công của Nakata bỏ trong một phong bì. Ông chồng đỡ lấy chiếc phong bì đưa cho Nakata. "Chẳng nhiều nhặn gì, nhưng xin bác hãy nhận lấy, coi như đền đáp công sức của bác. Chúng tôi rất biết ơn."

"Đa tạ. Cám ơn ông bà," Nakata nói.

"Tuy nhiên, tôi lấy làm lạ là bác có thể tìm thấy nó trong đêm tối như thế này."

"Vâng, đó là một câu chuyện dài. Nakata không thể kể hết được. Lão chả thông minh sáng láng gì và không thạo giải thích dài dòng."

"Thế là tốt lắm rồi. chúng tôi chịu ơn bác nhiều lắm, bác Nakata," bà Koizumi nói, "Tôi xin lỗi, còn ít cà nướng và dưa chuột ngâm dấm, bác cầm về dùng tạm nhé."

"Rất vui lòng. Cà nướng và dưa chuột ngâm dấm là những món ưa thích của Nakata này."

Nakata nhét chiếc cặp lồng thức ăn và chiếc phong bì vào bị, ra khỏi nhà. Lão rảo bước đến một đồn cảnh sát gần khu phố buôn bán. Một viên cảnh sát trẻ ngồi ở bàn giấy trong đồn đang chăm chú viết một cái gì đó, mũ để trên bàn.

Nakata đẩy cánh cửa kính lùa ra. "Xin chào. Xin lỗi đã quấy rầy cậu," lão nói.

“Chào,” viên cảnh sát trả lời. anh ta ngước mắt lên khỏi xấp giấy, nhìn Nakata từ đầu đến chân. Về cơ bản là một ông già hiền lành, vô hại, anh ta nhận định, chắc là ghé vào để hỏi đường.

Đứng ở cửa ra vào, Nakata bỏ mũ đút vào túi và móc ở túi kia ra một chiếc khăn tay, hỉ mũi. Lão gấp khăn tay lại, nhét trả vào túi.

“Có việc gì đấy bác?” viên cảnh sát hỏi.

“Vâng, có việc đấy. Nakata vừa giết một người.”

Viên cảnh sát buông rơi bút, há hốc mồm, giương mắt nhìn ông già. Anh ta ngớ ra một lúc, không thốt ra được tiếng nào. Cái quái quỷ gì...?

“Ờ... à... bác ngồi xuống đây đã,” anh ta nói, nghi nghi hoặc hoặc, tay chỉ một cái ghế trước mặt. Anh ta đưa tay kiểm tra lại cho chắc là khẩu súng lục, cây dùi cui và chiếc còng số tám vẫn ở trên người.

“Cám ơn,” Nakata nói và ngồi xuống. Lưng thẳng, tay đặt trong lòng, lão nhìn thẳng vào viên cảnh sát.

“Vậy bác vừa nói là... bác đã giết một ai đó?”

“Vâng. Nakata đã giết một người bằng một con dao. Mới cách đây một lúc thôi,” Nakata thành thực thừa nhận.

Viên cảnh sát trẻ lấy ra một tờ mẫu khai, liếc nhìn đồng hồ trên tường và ghi thời điểm chính xác của lời khai báo một vụ giết người bằng dao. “tôi cần ghi họ tên và địa chỉ của bác.”

“Họ tên lão là Satoru Nakata và địa chỉ là...”

“Khoan đã, tên bác viết thế nào?”

“Lão không biết chữ. Xin lỗi, Nakata này không biết viết, cũng chẳng biết đọc.”

Viên cảnh sát cau mày. “Bác nói là bác không biết đọc? Cả đến tên mình bác cũng không biết viết?”

“Đúng thế. Cho đến năm lên chín, lão vẫn còn biết đọc biết viết. Nhưng rồi sau một tai nạn, lão quên tiệt. Nakata này chẳng thông minh sáng láng gì.”

Viên cảnh sát thở dài, đặt bút xuống. “Tôi không thể ghi tờ khai nếu tôi không biết viết tên bác như thế nào.”

“Lão xin lỗi.”

“Bác có gia đình, bà con gì không?”

“Nakata này chỉ có một mình, không có gia đình, bà con nào, không cả việc làm. Lão sống bằng tiền *chợ cấp* của ngài Tỉnh trưởng cho.”

“Bây giờ đã khá muộn, tôi đề nghị bác hãy về nhà đi. Về nhà và ngủ một giấc thật đẫy, rồi mai, nếu bác nhớ ra điều gì thì trở lại gặp tôi. Lúc đó, ta sẽ có thể nói chuyện.”

Viên cảnh sát đã sắp hết phiên trực và muốn viết nốt báo cáo trước khi giao ca. Anh ta đã hẹn uống với đồng nghiệp ở một quán bar gần đấy sau khi xong việc, nên hoàn toàn không muốn lãng phí thời gian nói chuyện với một lão già lẩn thẩn."

Nhưng Nakata nghiêm nghị nhìn anh ta và lắc đầu. "Không, thưa cậu, Nakata này muốn kể hết mọi chuyện trong khi còn nhớ. Nếu đợi đến mai, lão có thể quên một điều gì đó quan trọng. Nakata này lúc ấy đang ở cái bãi trống trong khu 2. Chả là ông bà Koizumi có nhờ lão tìm hộ con mèo Goma bị lạc. Thế rồi một con chó đen to tướng thình lình xuất hiện và dẫn lão đến một ngôi nhà. Một ngôi nhà to đùng với một cái cổng to đùng và một chiếc xe hơi màu đen. Lão không biết địa chỉ cụ thể. Trước nay, lão chưa từng đến khu vực đó bao giờ. Nhưng lão dám chắc đó là ở trong quận Nakano. Bên trong ngôi nhà có một người đàn ông tên là Johnnie Walker, đội một cái mũ đen nom rất ngộ. Một cái mũ cao lênh khênh. Bên trong cái tủ lạnh để trong bếp, có hàng dãy đầu mèo. Lão ước độ trên dưới hai mươi cái. Hắn ta đi bắt mèo gom lại, cưa đứt đầu chúng và ăn tim chúng. Hắn gom hồn mèo để làm một cây sáo đặc biệt. Rồi hắn sẽ dùng cây sáo ấy để gom hồn người. Ngay trước mặt Nakata này, Johnnie Walker đã dùng dao giết cậu Kawamura cùng mấy mèo khác. Hắn lấy dao rạch bụng chúng. Hắn sắp sửa giết cả Goma và Mimi. Nhưng Nakata này bèn dùng một con dao giết Johnnie Walker."

"Johnnie Walker nói hắn muốn Nakata này giết hắn. Chứ Nakata này không tính giết hắn. Trước nay, lão chưa giết ai bao giờ. Lão chỉ muốn ngăn Johnnie Walker khỏi giết thêm nhiều mèo nữa. Cơ mà chân tay lão không nghe theo lão. Nó làm theo ý nó. Nakata này vớ lấy một trong những con dao để ở đó và đâm Johnnie Walker hai nhát. Johnnie Walker gục xuống, mình đầy máu và chết. Lúc ấy, Nakata này cũng đầy máu. Lão ngồi xuống cái ghế bành và hắn đã ngủ thiếp đi. Khi lão tỉnh dậy thì đã nửa đêm và lão thấy mình lại ở bãi trống với Mimi và Goma ở bên cạnh. Và mới chỉ cách đây một lúc thôi. Nakata này bèn đưa Goma về, được bà Koizumi cho ít cà nướng và dưa chuột ngâm dấm, và đến thẳng đây luôn. Lão nghĩ là nên báo cáo ngay với ngài Tỉnh trưởng. Kể cho ngài nghe những gì đã xảy ra."

Suốt trong thời gian thuật lại đầu đuôi câu chuyện, Nakata ngồi rất ngay ngắn và khi kể xong, lão thở dài đánh thượt. Cả đời lão chưa bao giờ nói một mạch dài thế. Lão cảm thấy hoàn toàn kiệt lực. "Vậy xin cậu hãy trình chuyện này lên ngài Tỉnh trưởng," lão nói thêm.

Viên cảnh sát trẻ đã nghe toàn bộ câu chuyện với một vẻ lơ đãng và không mấy hiểu ý đồ của ông già. *Goma? Johnnie Walker?* "Tôi hiểu," anh ta đáp. "Tôi sẽ trình để ngài Tỉnh trưởng biết, chắc chắn thế."

“Lão hy vọng ngài sẽ không cắt *chợ cấp* của lão.”

Vẻ khó chịu, viên cảnh sát trẻ giả vờ điền vào một tờ khai. “Tôi hiểu, tôi sẽ ghi như thế này: *Đương sự muốn trợ cấp của mình không bị cắt.* Thế được chưa nào?”

“Vâng, tốt rồi. Đa tạ. Xin lỗi đã làm mất thì giờ của cậu. Và nhờ cậu cho lão gửi lời chào ngài Tỉnh trưởng.”

“Tôi sẽ chuyển. Vậy bác đừng lo, cứ về nghỉ thoải mái đi,” viên cảnh sát nói. Anh ta không thể không đưa thêm một nhận xét cá nhân: “Này quần áo bác nom khá sạch, đâu có vẻ là vừa giết người. Chả có vết máu nào cả.”

“Vâng, cậu nói hoàn toàn đúng. Tình thật, Nakata này cũng thấy cái đó rất kỳ lạ. Thật vô lý. Đáng nhẽ người lão phải đầy máu, thế nhưng khi lão tỉnh dậy nhìn lại thì đã biến mất ráo. Quả là rất kỳ lạ.”

“Kỳ lạ là cái chắc,” viên cảnh sát nói, giọng nhuốm vẻ mệt mỏi của một ngày làm việc cật lực.

Nakata đẩy cánh cửa lùa ra và sắp sửa đi khỏi thì chợt dừng bước và quay lại. “Xin lỗi cậu, tối mai cậu có ở đây không ạ?”

“Có,” viên cảnh sát thận trọng đáp. “Tối mai, tôi trực ở đây. Bác hỏi làm gì?”

“Lão khuyên cậu nên mang theo ô, ngay cả nếu ban ngày trời nắng.”

Viên cảnh sát gật đầu. Anh ta quay lại nhìn đồng hồ trên tường. Người đồng nghiệp hẳn sắp gọi điện thoại. “được, tôi sẽ mang theo ô.”

“Sẽ có cá từ trên trời rơi xuống như mưa. Vô số cá. Lão nghĩ đa phần là cá mòi. Xen lẫn vài con cá thu.”

“Cá mòi và cá thu hả?” viên cảnh sát cười rộ. “Thế thì tốt nhất là quay ngược ô lại, hứng lấy mấy con cá về nấu dấm làm một bữa!”

“Cá thu nấu dấm là một món ưa thích của Nakata này,” Nakata nói, vẻ rất nghiêm trang. “Nhưng giờ này ngày mai, chắc lão đã đi xa rồi.”

Ngày hôm sau, khi một cơn mưa cá mòi và cá thu thật sự trút xuống một khu của Quận Nakano, mặt viên cảnh sát tái nhợt đi như tờ giấy. Không hề có chút dấu hiệu báo trước nào, khoảng hai nghìn con cá mòi và cá thu từ trên mây ào ào rơi xuống mặt đất. Phần lớn khi chạm đất đều nát bét, nhưng một số vẫn còn sống và giãy đành đạch trên đường ngay trước khu phố buôn bán. Lũ cá tươi nguyên còn nồng mùi biển. Cá rơi xuống mái nhà, xuống mui xe, xuống cả người, nhưng vì độ cao rõ ràng là không lớn lắm, nên không gây ra tổn thương nào nghiêm trọng. Đây chủ yếu là một cú sốc tâm lý hơn bất cứ gì khác. Một số lượng lớn cá đổ xuống như mưa đá – thực sự như là tận thế!

Cảnh sát đã điều tra vụ này nhưng không phát hiện ra điều gì khả dĩ giải thích được làm sao lại xảy ra chuyện như vậy. Không có chợ cá hay tàu đánh cá nào kêu mất cá mòi và cá thu với số lượng lớn. Không có máy bay nào, kể cả trực thăng, bay qua vào thời điểm ấy. Cũng không thấy thông báo về một cơn lốc nào. Khả năng đây là một trò đùa tinh vi cũng bị loại trừ - kẻ nào mà lại có thể làm một điều cực kỳ quái gở như vậy? Theo yêu cầu của cảnh sát, phòng y tế quận Nakano đã lượm một số đem về xem xét, nhưng chẳng thấy điều gì bất thường: đó chỉ là những con cá mòi và cá thu thông thường – tươi và trông có vẻ rất ngon. Tuy nhiên, do sợ những con cá bí hiểm kia có thể chứa một chất gì nguy hiểm, cảnh sát đã phái một chiếc xe phóng thanh đi khắp vùng lân cận cảnh báo dân chúng chớ nên ăn.

Đó là loại tin mà tivi vồ lấy ngay và những đoàn máy quay đổ xô đến. Phóng viên tới tấp quanh khu phố buôn bán và gửi tin về sự kiện kỳ lạ này đi khắp nước. Họ lấy xẻng xúc cá trước ống kính để minh họa điều đã xảy ra. Họ còn phỏng vấn một bà nội trợ bị một con cá thu rơi trúng đầu, vây nó làm bà toạc cả má. “May mà không phải là một con cá ngừ,” bà vừa nói vừa ấp khăn tay vào má. Bà nói nghiêm túc nhưng khán giả xem tivi đều cười. Một phóng viên táo tợn đã nướng và ăn thử mấy con tại chỗ. “Ngon tuyệt,” anh ta vênh vang nói. “Rất là tươi với chất béo vừa độ. Tiếc là không có củ cải đỏ và cơm nóng để ăn kèm.”

Viên cảnh sát trẻ hoang mang. Cái lão già lẩm cẩm kỳ quái ấy – tên lão ta là gì nhỉ - đã tiên đoán trận mưa cá đó. Cá mòi và cá thu, đúng như lời lão nói... Thế mà mình đã cười xòa gạt phắt đi, anh ta nghĩ thầm. Thậm chí mình còn không ghi tên và địa chỉ của lão nữa. Mình có nên báo cáo với sếp chuyện này không nhỉ? Đúng ra là phải làm thế, nhưng bây giờ thì còn ích gì? Không ai bị thương và không có gì chứng tỏ đây là một vụ liên quan đến hình sự. Chỉ là một cơn lốc cá từ trên trời trút xuống, thế thôi.

Nhưng liệu sếp có tin lời mình không? Giả dụ mình kể lại với ông ta toàn bộ câu chuyện – rằng đêm trước hôm xảy ra vụ này, một lão già kỳ quặc đã ghé vào đồn và tiên đoán rằng sẽ có một trận mưa cá. Ông ấy sẽ nghĩ rằng mình hoàn toàn mất trí. Và câu chuyện sẽ lan truyền khắp vùng, mỗi người kể lại đều thêm mắm thêm muối, và cuối cùng thành giai thoại để mọi người cười vào mũi mình.

Còn một điều nữa, viên cảnh sát nghĩ. Lão già đến để trình báo rằng lão đã giết một ai đó. Nói cách khác là tự nộp mình. Vậy mà mình không hề coi lời khai của lão là thật. Thậm chí cũng chẳng buồn ghi vào sổ trực nữa. Rõ ràng là vi phạm quy định, có thể bị cảnh cáo. Nhưng mà câu chuyện của lão thật quá *phi lý*. Ắt chẳng cảnh sát nào có thể coi lời lão là thật. Cái đồn cảnh sát này đôi khi bận bịu như điên, giấy tờ chất như núi. Thế giới này đầy những kẻ

chập mạch và như thể thông đồng với nhau, vào lúc này lúc nọ, họ đều tìm đến đồn cảnh sát để tuôn ra những chuyện quàng xiên chẳng đâu vào đâu. Nếu lưu tâm đến tất cả đám điên ấy thì chính anh cũng sẽ hóa rồ.

Nhưng lời tiên đoán về trận mưa cá kia – mà đó cũng có vẻ là một tuyên bố điên rồ - lại ứng nghiệm thật sự, cho nên chưa biết chừng (chưa biết chừng thôi) câu chuyện lão kể là đã giết chết ai đó mà lão gọi là Johnnie Walker, có thể là thật cũng nên. Giả dụ đúng là vậy, thì sẽ là vấn đề lớn đây, bởi anh ta đã khước từ một kẻ đến thú tội giết người và thậm chí còn không viết báo cáo về việc đó nữa.

Cuối cùng, một xe rác tới hót hết những đống cá. Viên cảnh sát trẻ đứng ra điều hành giao thông, chặn lối vào khu buôn bán không cho xe hơi vào. Vẩy cá dính chặt trên mặt đường trước các cửa hàng, vòi nước phun mạnh thế nào cũng không gột đi được. Đường phố ướt sũng khiến mấy bà nội trợ đi xe đạp bị trượt ngã. Khu vực này tanh nồng mùi cá nhiều ngày sau đó, khiến lũ mèo nhốn nháo cả lên. Viên cảnh sát trẻ bận bịu với việc dọn dẹp không còn thì giờ nghĩ đến ông già kỳ lạ nữa.

Tuy nhiên, ngày hôm sau trận mưa cá, viên cảnh sát suýt nghẹn vì sốc khi xác một người đàn ông bị đâm chết được phát hiện ở khu lân cận. Người chết là một nhà điêu khắc nổi tiếng và người phát hiện thấy xác ông ta là bà lao công cứ cách một ngày lại đến dọn vệ sinh giúp. Cái xác trần truồng nằm giữa một vũng máu. Ước đoán thời gian xảy ra án mạng là vào buổi tối hai hôm trước và hung khí là một con dao bếp. Trong cơn bàng hoàng, cuối cùng, viên cảnh sát trẻ buộc phải tin những gì ông già đã kể với anh ta. Trời, anh ta thầm nghĩ, mình đã dính vào một chuyện rắc rối nhường bao! Đáng ra mình phải gọi lên quận và đưa lão già vào phòng tạm giam. Lão đến thú tội giết người, vậy lẽ ra mình phải giao nộp lão lên cấp trên và để *h*ọ quyết định xem lão có điên hay không. Nhưng mình đã lẩn tránh nhiệm vụ. Giờ đã đến nước này thì tốt nhất là ngậm miệng và xem như chuyện đó không bao giờ xảy ra, anh ta quyết định.

Nhưng lúc này, Nakata đã không còn ở trong thành phố nữa.

Chương 19

Hôm đó là thứ Hai, thư viện đóng cửa. Bình thường đã khá tĩnh lặng, những hôm đóng cửa thư viện lại càng giống như một miền đất bị thời gian bỏ quên. Hay đúng hơn, một miền đất đang nín thở, hy vọng là thời gian đừng chạm tới mình.

Đi xuôi theo hành lang từ phòng đọc, qua tấm biển DÀNH CHO NHÂN VIÊN, ta thấy một khoang bếp, có cả một lò vi ba, có thể pha cà phê hoặc trà ở đó. Tiếp liền đó, là cửa vào phòng ngủ dành cho khách có tủ tường và buồng tắm nhỏ xíu. Cạnh chiếc giường một là một tủ nhỏ đầu giường trên đặt một chiếc đèn đọc sách và một bộ bàn ghế kiểu cổ để tiếp khách và một hòm đựng quần áo. Bên trên một tủ lạnh cỡ nhỏ là một giá để bát đĩa. Nếu muốn tự làm một bữa ăn đơn giản, thì khoang bếp ở ngay ngoài cửa. Buồng tắm được trang bị vòi hoa sen, xà phòng và dầu gội đầu, máy sấy tóc và nhiều khăn tắm. Tất cả những tiện nghi cần thiết cho một kỳ tạm trú ngắn. Qua một cửa sổ mở về hướng Tây, có thể thấy cây trong vườn. Đã sắp tối và ánh chiều tà lấp lánh qua những cành tuyết tùng.

"Mình đã ở đây vài lần, khi không tiện về nhà," Oshima nói. "Ngoài ra, chưa có ai khác dùng căn phòng này. Theo mình biết, thì Miss Saeki chưa bao giờ đặt chân vào đó. Mình muốn nói là cậu ở đây không chiếm chỗ của ai cả."

Tôi đặt balô xuống sàn và nhìn quanh nơi ở mới của mình.

"Giường nệm sạch tinh tươm và tủ lạnh có đủ thức cho cậu dùng. Sữa, hoa quả, rau, bơ, giăm bông, phómát... Không đủ cho một bữa ăn tươm tất, nhưng chí ít cũng đủ cho một món xa-lát hay xăng-uých. Nếu cậu muốn xôm hơn thì có thể gọi nhà hàng mang tới hoặc ra ngoài ăn. Riêng khoản quần áo bẩn, có lẽ cậu phải tự giặt lấy trong buồng tắm thôi. Thế nhé, mình còn bỏ sót điều gì không nhỉ?"

"*Miss Saeki* thường làm việc ở đâu?"

Oshima chỉ lên trần. "Cậu có nhớ cái phòng trên tầng hai mà cậu đã thấy hôm tham quan không? Bao giờ bà cũng ngồi viết ở đấy. Khi nào mình có việc phải ra ngoài, thì bà xuống tầng trệt trực thay ở quầy. Nhưng trừ phi bà có việc phải làm dưới trệt, bà luôn luôn ở phòng đó."

Tôi gật đầu.

"Ngày mai mình sẽ có mặt ở đây trước mười giờ để chỉ dẫn cụ thể công việc của cậu. Từ giờ đến lúc đó, cậu cứ nghỉ ngơi thoải mái."

"Cám ơn anh về mọi sự," tôi nói.

"*My pleasure*[18]," anh đáp.

Sau khi anh rời khỏi, tôi bỏ đồ trong balô ra. Xếp mớ quần áo nghèo nàn vào hòm, treo sơ mi và áo vest lên mắc, để sổ tay và bút lên bàn viết, các đồ dùng vệ sinh vào buồng tắm và cuối cùng, cho chính cái balô vào tủ tường.

Phòng không có trang trí gì ngoài một bức sơn dầu nhỏ, chân dung tả thực một cậu bé bên bờ biển. Không tồi, tôi khẳng định - có lẽ là tác phẩm của một họa sĩ nổi tiếng chăng? Cậu bé khoảng mười hai tuổi, đội một cái mũ che nắng màu trắng và ngồi trên một chiếc ghế bố nhỏ, chống khuỷu tay lên ghế, đỡ lấy cằm. Vẻ hơi buồn nhưng đồng thời cũng có phần mãn nguyện. Một con chó bẹc-giê Đức màu đen ngồi cạnh chú bé như một vệ sĩ. Trên nền sau là biển và vài ba người khác, nhưng quá xa không thấy rõ mặt. Thấp thoáng một hòn đảo nhỏ và vài đám mây hình quả đấm trôi trên bầu trời. Rành là một cảnh mùa hè. Tôi ngồi vào bàn viết và ngắm bức tranh hồi lâu, kỳ đến lúc bắt đầu cảm thấy như đang nghe tiếng sóng vỗ bờ và ngửi mùi muối mặn của biển.

Chú bé trong tranh có thể là chú bé đã từng sống trong căn phòng này, người yêu thuở xưa của Miss Saeki. Chàng trai bị mắc kẹt giữa những cuộc đụng độ trong phòng trào sinh viên và đã bị đánh đến chết một cách phi lý. Không có căn cứ chắc chắn, nhưng tôi dám cuộc đó là ai. Cảnh trong tranh nom rất giống những gì ta thấy ở quanh đây. Nếu đúng thế, thì đây chắc là khoảng bốn mươi năm[5] trước - đối với một đứa như tôi, quãng thời gian đó là cả một thiên thu. Tôi cố hình dung mình bốn mươi năm sau, nhưng thật chẳng khác nào cố tưởng tượng ra những gì ở bên ngoài vũ trụ vậy.

Sáng hôm sau, Oshima nói và chỉ cho tôi những việc phải làm trước khi mở cửa thư viện. Trước hết, phải mở khóa, mở các cửa sổ cho thông thoáng các phòng, lia nhanh một tua máy hút bụi, lau các mặt bàn, thay hoa trong các bình, bật đèn, thỉnh thoảng tưới nước trong vườn cho sạch bụi và đến giờ thì mở cửa ra vào. Đến giờ đóng cửa, cũng vẫn những công việc ấy theo thứ tự đảo ngược - khóa các cửa sổ, lau các mặt bàn, tắt đèn và đóng cửa trước.

"Ở đây chẳng có nhiều thứ cho kẻ trộm dòm ngó, cho nên có lẽ chúng ta không cần lúc nào cũng lo khóa cửa chính," Oshima nói. Nhưng Miss Saeki và mình không thích cung cách làm ăn cẩu thả. Cho nên chúng tôi cố gắng làm việc theo đúng quy tắc. Đây là *ngôi nhà của chúng tôi*, chúng tôi trân trọng nó. Và tôi hy vọng cậu cũng sẽ làm như thế."

Tôi gật đầu.

Sau đó, anh chỉ dẫn cho tôi công việc ở quầy tiếp tân, làm thế nào để giúp những người đến đọc ở thư viện.

"Hiện tại, cậu chỉ cần ngồi cạnh mình, quan sát những gì mình làm. Cũng chẳng có gì khó lắm đâu. Nếu có gì phức tạp cậu không xử

lý được, cậu cứ lên gác hỏi Miss Saeki. Bà sẽ giải quyết."

Miss Saeki đến trước mười một giờ một chút. Chiếc Volkswagen Golf của bà có tiếng động cơ rất dễ phân biệt, nó vừa đến là tôi nhận ra ngay. Đậu xe xong, bà vào bằng lối cửa sau và chào hai chúng tôi. "Chào buổi sáng," bà nói. "Chào cô," chúng tôi đáp. Chuyện trò giữa chúng tôi chỉ tới chừng đó. Miss Saeki mặc một chiếc áo dài xanh nước biển ngắn tay, vai đeo túi, tay khoác một chiếc áo vest. Không có chút gì có thể gọi là đồ trang sức, son phấn trang điểm chỉ loáng thoáng. Tuy nhiên, ở bà có một cái gì thật rực rỡ. Bà liếc nhìn tôi đứng cạnh Oshima, vẻ như muốn nói điều gì, song lại thôi. Bà chỉ hơi mỉm cười với tôi rồi lên phòng làm việc của mình trên tầng hai.

"Đừng ngại," Oshima trấn an tôi. "Bà không thắc mắc gì về sự có mặt của cậu ở đây đâu. Bà vốn không thích chuyện phiếm, có thế thôi."

Đúng mười một giờ, Oshima và tôi mở cửa chính, nhưng hồi lâu không có ai đến. Trong khoảng thời gian đó, anh hướng dẫn tôi cách tìm sách trên máy tính. Máy ở đây đều thuộc loại dành cho thư viện tôi đã quen dùng. Sau đó anh bày cho tôi cách sắp xếp tất cả các phiếu nhập sách. Hằng ngày, thư viện nhận được những sách mới xuất bản và một trong những nhiệm vụ của tôi là tạo phiếu cho sách mới đến.

Khoảng mười một rưỡi, hai phụ nữ cùng đến, mặc quần jeans giống hệt nhau. Người thấp hơn tóc húi cua như một vận động viên bơi, còn người cao hơn tết tóc thành bím vắt vẻo sau lưng. Cả hai đều đi giày chạy bộ, một người mang đôi Nike, người kia mang đôi Asics. Người cao trạc bốn mươi tuổi, đeo kính, mặc sơ mi carô, người thấp, khoảng ba mươi, mặc áo cánh trắng. Cả hai đều đeo ba lô nhỏ sau lưng, vẻ mặt u ám như bầu trời đầy mây và chẳng nói gì mấy. Oshima đề nghị họ gửi ba lô ở cửa vào và hai người đàn bà, vẻ không hài lòng, lấy bút và sổ tay ra trước khi gửi lại.

Hai người đàn bà đi khắp thư viện, xem xét từng ngăn sách một, ráo riết lật giở từng bìa phiếu, thỉnh thoảng lại ghi ghi chép chép. Họ không đọc gì, cũng chẳng thèm ngồi. Họ hành xử không giống độc giả của thư viện mà giống những thanh tra sở thuế đến kiểm tra sổ sách của một công ty kinh doanh vậy. Oshima và tôi không thể đoán được họ là ai hoặc định làm gì. Anh nháy mắt với tôi và nhún vai. Tôi cảm thấy chuyện này chẳng có gì tốt lành, nói vậy còn là nhẹ.

Đến trưa, trong khi Oshima ra ngoài vườn ăn trưa, tôi thay anh đứng quầy.

"Xin lỗi, cho tôi hỏi một câu," một trong hai phụ nữ, bà cao, tiến đến, nói với tôi. Giọng bà ta khô khốc, rắn đanh như một ổ bánh bỏ quên lâu ngày trong góc chạn.

"Vâng, tôi có thể làm gì cho bà?"

Bà ta cau mày nhìn tôi như nhìn một cái khung tranh méo. "Cậu là học sinh trung học?"

"Vâng, đúng thế, tôi đang tập sự," tôi đáp.

"Tôi muốn nói chuyện với cấp trên của cậu, có ai trong số họ ở đây không?"

Tôi ra vườn kiếm Oshima. Anh chậm rãi nhấp một ngụm cà phê để chiêu chút thức ăn trong miệng, phủi những vụn bánh vãi trên lòng và vào nhà.

"Vâng, tôi có thể giúp gì cho bà?" Oshima nhã nhặn đáp.

"Xin nói cho anh biết, chúng tôi đang điều tra các phương tiện văn hóa công cộng trong toàn quốc từ quan điểm nữ giới, trên các mặt: dễ sử dụng, dễ tiếp cận và một số vấn đề khác," bà nói. "Nhóm chúng tôi đang tiến hành một cuộc điều tra kéo dài một năm và dự định sẽ xuất bản một báo cáo về những phát hiện của mình. Một số lớn phụ nữ đã tham gia vào dự án và hai chúng tôi đây được giao phụ trách khu vực này."

"Nếu bà không phiền," Oshima nói, "xin cho biết tên của tổ chức đó?"

Bà ta rút ra một tấm danh thiếp, chìa cho anh.

Vẻ mặt không chút thay đổi, Oshima đọc kỹ tấm danh thiếp, đặt lên quầy rồi ngước lên nhìn bà ta đăm đắm với một nụ cười nồng cháy. Một nụ cười hảo hạng, đảm bảo có thể làm đỏ mặt bất kỳ người đàn bà dồi dào sinh lực nào.

Lạ thay, người đàn bà này không hề phản ứng, thậm chí không cả nhướn mày. "Thật không may, chúng tôi đã đi đến kết luận là thư viện này có một số vấn đề cần xét."

"Bà nói từ quan điểm nữ giới," Oshima bình luận.

"Đúng, *từ quan điểm nữ giới*," bà ta đáp. Bà ta hắng giọng. "Và chúng tôi muốn nêu vấn đề với ban quan trị ở đây và nghe họ trả lời, nếu anh không phiền."

"Chúng tôi không có cái thứ sang trọng gọi là "ban quản trị", nhưng tôi xin vui lòng nghe bà."

"Tốt, trước hết, ở đây không có nhà vệ sinh dành riêng cho phụ nữ. Đúng không?"

"Vâng, đúng thế. Thư viện này không có nhà vệ sinh dành riêng cho nữ giới. Chúng tôi có một nhà vệ sinh cho cả nam và nữ."

"Ngay cả những cơ sở tư nhân, một khi đã mở cho công chúng, thì về nguyên tắc, cũng phải có nhà vệ sinh riêng rẽ cho nam và nữ, anh có nghĩ thế không?"

"Về nguyên tắc?" Oshima nói.

"Đúng. Nam nữ dùng chung nhà vệ sinh dễ gây ra đủ kiểu quấy rầy tình dục. Theo điều tra của chúng tôi, đa số phụ nữ không muốn dùng chung nhà vệ sinh với nam giới. Đây là một bằng chứng rõ ràng vệ sự xao lãng đối với các độc giả phái nữ."

"Xao lãng..." Oshima nói và nhăn mặt như vừa nuốt nhầm phải một cái gì đắng nghét. Xem ra anh chẳng thích gì âm hưởng của cái từ ấy.

"Một sự cố tình bỏ qua."

"Cố tình bỏ qua," anh nhắc lại và ngẫm nghĩ một chút về cụm từ vụng về ấy.

"Vậy anh phản ứng như thế nào về chuyện đó?" bà ta hỏi, hầu như không kìm nổi giận dữ[6].

"Như bà có thể thấy," Oshima nói, "đây là một thư viện rất nhỏ. Và khốn thay, chúng tôi lại không có đủ không gian để bố trí hai nhà vệ sinh riêng rẽ. Tất nhiên nếu được như thế thì tốt, nhưng cho tới nay, chưa ai trong số độc giả của chúng tôi phàn nàn về điều đó. May thay - hay rủi thay - thư viện chúng tôi không đông độc giả lắm. Nếu bà muốn tiếp tục đi sâu thêm về vấn đề toa-lét riêng rẽ này, tôi khuyên bà nên đến trụ sở hãng Boeing ở Seattle và chất vấn họ về tiện nghi vệ sinh trên các máy bay 747. Một chiếc Boeing 747 to hơn thư viện của chúng tôi nhiều và đông khách hơn nhiều. Theo chỗ tôi biết thì tất cả toa-lét trên các máy bay phản lực chở hành khách đều chung cho cả nam lẫn nữ."

Bà cao cau mặt nghiêm nghị nhìn Oshima, đôi gò má gồ lên khiến cặp kính trượt trên sống mũi. "Chúng tôi không điều tra tiện nghi trên máy bay. Anh nói đến Boeing 747 là lạc đề."

"Dù là máy bay hay trong thư viện chúng tôi, thì về nguyên tắc, những vấn đề nảy sinh cũng như nhau, bà không thấy thế sao?"

"Chúng tôi đang điều tra lần lượt các phương tiện công cộng. Chúng tôi không đến đây để tranh cãi về nguyên tắc."

Nụ cười mềm mỏng của Oshima không lúc nào rời môi anh trong suốt cuộc trao đổi. "Chẳng phải đích thị nguyên tắc là đầu đề tranh cãi của chúng ta đó sao?"

Bà kia nhận ra mình đã hớ. Bà hơi đỏ mặt, tuy nhiên không phải vì sức quyến rũ tình dục của Oshima. Bà bèn đổi chiến thuật. "Dù sao đi nữa, nói đến máy bay phản lực khổng lồ ở đây là không phù hợp. Anh đừng tìm cách làm rối vấn đề."

"Tôi hiểu. Thôi không nói đến may bay nữa," Oshima hứa. "Ta sẽ chuyển vấn đề xuống mặt đất vậy."

Người đàn bà trừng trừng nhìn anh ta và, sau khi hít một hơi, bà

tiếp tục tấn công. "Một vấn đề khác tôi muốn nêu lên: các tác giả ở đây được phân chia theo giới tính."

"Đúng. Người tiền nhiệm của chúng tôi đã lập danh mục tác giả và không biết vì lý do gì, đã chia ra hai bên nam bên nữ. Chúng tôi đã nghĩ đến việc sắp xếp lại nhưng cho đến nay vẫn chưa có điều kiện."

"Chúng tôi không phê phán điểm ấy," bà ta nói.

Oshima hơi nghiêng đầu.

"Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ trong tất cả các loại sách, các tác giả nam đều được liệt kê trước các tác giả nữ," bà ta nói. "Theo cách nghĩ của chúng tôi, điều đó vi phạm nguyên tắc bình đẳng giới và hoàn toàn không công bằng."

Oshima lại cầm tấm danh thiếp của bà ta lên, lướt mắt trên các dòng chữ, rồi lại đặt xuống mặt quầy. "Thưa bà Soga," anh mở đầu, "khi điểm danh ở trường, người ta ắt phải gọi tên bà trước cô Tanaka và sau cô Sekini. Liệu bà có khiếu nại không? Liệu bà có đòi người ta đảo lộn trật tự? Chữ G có bất bình vì phải đứng sau chữ F trong vần chữ cái không? Trong một cuốn sách, trang 68 có nổi dậy làm cách mạng chỉ vì bị xếp sau trang 67 không?"

"Nói lạc đề rồi," bà ta nổi cáu. "Anh cố tình làm rối vấn đề."

Người phụ nữ thấp hơn đang đứng ghi chép trước một chồng sách, nghe thấy bà kia cao giọng, bèn chạy đến.

"*Cố tình làm rối vấn đ*ề," Oshima nhắc lại, như thể nhấn mạnh lời bà ta.

"Anh phủ nhận hả?"

"Một con cá trích đỏ," Oshima đáp.

Người đàn bà tên là Soga đứng ngây, miệng há hốc, không thốt ra được một tiếng nào.

"Trong tiếng Anh, thành ngữ *red herring* (cá trích đỏ) có nghĩa là một cái gì lý thú nhưng lại dẫn đi chệch khỏi đề tài trích. Tuy nhiên tôi chưa đi sâu tìm hiểu nguyên do của cái thành ngữ ấy."

"Cá trích hay cá thu hay gì gì nữa vẫn chỉ là chuyện anh né tránh vấn đề."

"Thật ra, tôi đang đảo ngược phép loại suy," Oshima nói. "Một trong những phương pháp lập luận hiệu quả nhất, theo Aristotle. Những công dân của Athens cổ đại rất khoái dùng cái thủ pháp trí tuệ này. Tuy nhiên, thật đáng tiếc là vào thời đó, phụ nữ lại jko được bao gồm trong định nghĩa về công dân."

"Anh đang giễu chúng tôi đấy hả?"

Oshima lắc đầu. "Đâu có, điều tôi đang cố gắng diễn đạt là thế này, tôi dám chắc rằng, để kiểm tra xem các quyền của phụ nữ Nhật Bản có được bảo đảm hay không, có nhiều cách hiệu quả hơn là đến

ngửi hít quanh quanh một cái thư viện nhỏ trong một cái thành phố nhỏ và phàn nàn về nhà vệ sinh với phiếu kê. Chúng tôi đang làm hết khả năng của mình sao cho cái thư viện khiêm tốn này của chúng tôi giúp ích được cho cộng đồng. Chúng tôi đã thu thập gom góp được một bộ sưu tập sách thượng thặng để phụ vụ những người ham đọc. Và chúng tôi làm hết sức mình để tất cả những giao dịch của mình với công chúng mang một bộ mặt người. Có thể bà không biết, chứ bộ sưu tập tư liệu liên quan đến thơ từ những năm 1910 đến thời kỳ trung-Showa của thư viện chúng tôi đã được công nhận trong toàn quốc. Tất nhiên, còn có những điều chúng tôi có thể làm tốt hơn và những thành quả của chúng tôi còn hạn chế. Nhưng xin hãy tin rằng chúng tôi sẽ cố gắng hết mình. Tôi nghĩ là sẽ tốt hơn nhiều nếu bà tập trung vào những gì chúng tôi đã làm *tốt* chứ không phải vào những gì chúng tôi *chưa thể* làm được. Như vậy mới gọi là công bằng, bà có thấy thế không?"

Bà cao nhìn bà thấp, bà thấp ngước mắt lên nhìn lại bà cao và lần đầu tiên mở miệng. "Anh vừa mới né tránh vấn đề, thở ra những luận điệu rỗng tuếch nhằm trốn trách nhiệm," bà ta nói bằng một giọng the thé. "Trên *thực tế* - thôi thì dùng luôn từ ấy cho tiện - anh chỉ cố gắng tự biện hộ một cách dễ dãi. Không phải nói ngoa, anh là một thí dụ lịch sử bi thiết về thói đề cao dương vật như là trung tâm vũ trụ."

"*Một thí dụ lịch sử bi thiết*," Oshima nhắc lại, rõ ràng là thán phục. Qua giọng anh, tôi cảm thấy anh khoái âm hưởng của cụm từ đó.

"Nói cách khác, anh là một con đực gia trưởng trọng nam khinh nữ điển hình," bà cao chêm vào, không giấu nổi sự tức tối."

"*Một con đực gia trưởng*," Oshima lại nhắc lại.

Bà thấp không thèm để ý, tiếp tục nói. "Anh viện dẫn hiện trạng với cái lô gích rẻ tiền "dương vật là trung tâm" làm bệ đỡ, để hạ thấp toàn bộ nữ giới xuống hàng công dân hạng hai, để hạn chế và tước đoạt các quyền chính đáng của phụ nữ. Anh làm điều đó một cách vô thức chứ không phải có dụng ý, nhưng như thế, anh càng thêm nặng tội. Anh bảo vệ những quyền lợi đã thủ đắc của nam giới và trở nên chai sạn trước nỗi đau của những người khác giới, thậm chí không chịu cố gắng tìm hiểu xem sự mù quáng của mình đã gây hại cho phụ nữ và xã hội như thế nào. Tôi hiểu những vấn đề toa-lét và phiếu danh mục chỉ là chi tiết, nhưng nếu chúng tôi không bắt đầu từ những chuyện nhỏ, thì chúng tôi sẽ không bao giờ có thể vứt bỏ được tấm màn bưng bít che phủ xã hội. Đó là những nguyên tắc hành động của chúng tôi."

"Tất cả những phụ nữ biết điều hơn lẽ thiệt đều cảm nghĩ theo cách ấy," bà cao, chêm vào, mặt không chút biểu cảm.

"*Thử hỏi người phụ nữ có tinh thần quảng đại nào có thể ứng xử cách khác trước những tra tấn mà tôi đang phải chịu đựng*," Oshima nói.

Hai bà đứng sững im lặng như hai tảng băng.

"Đó là một câu thoại trong *Electra* của Sophocles. Một vở kịch tuyệt vời. Và tiện đây, xin nói: từ "gender (giống)" thoạt kỳ thủy được dùng để chỉ giống trong ngữ pháp thôi. Tôi cảm thấy khi chỉ sự khác nhau về giới tính, thì dùng từ "sex" hợp hơn. Trong trường hợp này, dùng "gender" là không chuẩn. Xin lưu ý một điểm trên khía cạnh ngôn ngữ học như vậy."

Im lặng giá băng.

"Dù sao đi nữa, những điều các bà đã nói đều sai về cơ bản," Oshima nói tiếp, bình tĩnh nhưng dằn từng tiếng "Tôi dứt khoát *không* phải là một thí dụ lịch sử bi thiết về một con đực gia trưởng."

"Vậy anh hãy giải thích một cách đơn giản những điều chúng tôi nói có gì sai?" bà thấp thách thức.

"Mà không né tránh vấn đề hoặc phô trương kiến thức," bà cao bổ sung.

"Được. Tôi sẽ làm đúng như thế - giải thích một cách đơn giản và trung thực, không né tránh hoặc phô phang kiến thức," Oshima nói.

"Chúng tôi đang đợi đây," bà cao nói và bà thấp gật đầu ra ý tán thành.

"Trước hết tôi không phải là một con đực," Oshima thông báo.

Tất cả mọi người im lặng sững sờ. Tôi nuốt khan và liếc nhìn Oshima.

"Tôi là một phụ nữ," anh nói.

"Tôi xin anh đừng có giỡn hoài," bà thấp nói sau một hồi im lặng để lấy hơi. Tuy nhiên, không được tự tin lắm, tựa như chỉ vì bà ta cảm thấy ai đó cần phải nói *một câu gì*.

Oshima rút ví từ túi quần, lấy tấm bằng lái xe ra, đưa cho bà ta. Bà đọc những dòng chữ trên đó, cau mày rồi đưa cho người bạn cao của mình, bà này đọc và sau một giây lưỡng lự, đưa trả tấm bằng cho Oshima, vẻ cay cú hiện trên nét mặt.

"Cậu cũng muốn xem chứ?" Oshima hỏi tôi. Khi tôi lắc đầu, anh nhét tấm bằng lái vào ví, bỏ túi quần. Rồi đặt cả hai tay lên quầy, anh nói. "Như các bà thấy, về mặt sinh học và pháp lý, tôi là một con cái không ai phủ nhận được. Vì thế nên những gì bà nói về tôi cơ bản là sai. Tôi dứt khoát không thể, như lời bà nói, là *một con đực gia trưởng trọng nam khinh nữ điển hình*.

"Phải, nhưng..." bà cao nói nhưng lại ngừng bặt. Bà thấp, môi mím chặt, vân vê cổ áo[19]. "Thân thể tôi là đàn bà, nhưng tinh thần tôi thì hoàn toàn là đàn ông," Oshima nói tiếp. "Về mặt xúc cảm, tôi sống như một người đàn ông. Cho nên tôi nghĩ cái khái niệm *một thí dụ lịch sử* của bà có thể là đúng. Và có thể tôi trọng nam khinh nữ,

biết đâu đấy. Nhưng tôi không phải là một người nữ đồng giới tình dục, mặc dù tôi ăn mặc thế này. Sở thích tình dục của tôi là với đàn ông. Nói cách khác, tôi là nữ, nhưng lại là nam trong hành xử đồng giới tình dục. Tôi hoạt động tình dục qua hậu môn và không bao giờ dùng âm hộ để làm tình. Âm vật của tôi nhạy cảm, nhưng vú tôi lại vô cảm. Tôi không hành kinh. Vậy thì tôi phân biệt giới ở điểm nào?"

Ba chúng tôi nghe cứ ngẩn tò te, không nói nên lời. Một trong hai bà đằng hắng, tiếng khục khặc trong cổ vang lên trong căn phòng. Chiếc đồng hồ trên tường cao giọng tích tắc điểm từng giây.

"Tôi xin lỗi," Oshima nói, "tôi đang ăn dở bữa trưa. Lúc các bà gọi tôi đến, tôi đang ăn món cá ngừ cuốn rau dền, mới hết nửa. Nếu tôi để ngoài đó quá lâu, bọn mèo quanh đây sẽ cuỗm mất. Nhiều người đem những con mèo con họ không ưng vứt vào khu rừng gần biển, nên khu vực này đầy mèo. Nếu các bà không phiền, tôi xin quay về với bữa trưa của mình. Vậy các bà bỏ quá cho. Nhưng xin các bà cứ thư thả và thăm thú thư viện. Thư viện của chúng tôi mở cửa cho tất cả mọi người. Chừng nào các bà tuân theo nội quy và không làm phiền các độc giả khác, các bà có thể thoải mái làm bất cứ điều gì mình thích. Các bà có thể xem xét bất cứ cái gì các bà cần. Cứ tiếp tục điều tra và viết những gì các bà muốn trong báo cáo của mình. Chúng tôi bất cần. Chúng tôi không nhận tài trợ từ bất cứ nơi nào và làm mọi việc theo cách riêng của chúng tôi. Và đó là cách chúng tôi ưa thích."

Sau khi Oshima đi khỏi, hai bà nhìn nhau, rồi cùng nhìn tôi chòng chọc. Có thể họ tưởng tôi là bồ của Oshima hay gì đó. Tôi không nói gì và bắt đầu xếp các thẻ danh mục. Hai bà thầm thì với nhau giữa các ngăn sách và không lâu sau, thu dọn đồ lề rồi bắt đầu rút lui. Mặt lạnh tanh, họ không buồn nói một lời cảm ơn khi tôi trao cả những chiếc ba lô nhỏ cho họ.

Một lúc sau, Oshima ăn xong, quay vào. Anh đưa tôi hai chiếc nem cuốn cá ngừ với rau dền xanh rưới xốt kem trắng bên trên. Đó là bữa trưa của tôi. Tôi đun ít nước, pha trà Earl Grey để chiêu.

"Tất cả những điều mình nói lúc nãy đều là thật," Oshima nói khi tôi ăn xong quay về.

"Vậy là điều anh định ám chỉ khi nói với em anh là một con người đặc biệt, có nghĩa là thế?"

"Khi ấy mình không có ý huênh hoang," anh nói, "nhưng giờ thì cậu hiểu là mình đã không nói quá, phải không?"

Tôi lặng lẽ gật đầu.

Oshima tủm tỉm cười. "Về mặt giới tính, mình dứt khoát là đàn bà, tuy vú mình không phát triển mấy và mình không bao giờ có kinh. Nhưng mình không có dương vật và tinh hoàn, không có râu

ria. Tóm lại, mình *chẳng có gì*. Một thứ cảm giác nhẹ tếch, nếu như cậu muốn gài một ngụ ý tích cực vào đó. Tuy nhiên, mình không chắc cậu có thể hiểu được cảm giác đó."

"Em chắc là không," tôi nói.

"Đôi khi, chính mình cũng không hiểu. Quỷ tha ma bắt, mình là cái gì nhỉ? Thực vậy, theo cậu, mình là cái gì?"

Tôi lắc đầu. "Chao, em cũng chẳng biết em là cái gì nữa."

"Một sự khủng hoảng bản sắc mang tính cổ điển."

Tôi gật đầu.

"Nhưng ít nhất thì cậu cũng biết bắt đầu từ đâu. Không như mình."

"Em bất cần anh là cái gì. Bất kể anh là gì, em cũng vẫn thích anh," tôi nói. Cả đời, tôi chưa bao giờ nói với ai như thế, và những lời nói đó làm tôi đỏ mặt.

"Cám ơn," Oshima nói và dịu dàng đặt tay lên vai tôi. "Mình biết là mình *hơi* khác mọi người, nhưng mình vẫn là một con người. Mình muốn cậu nhận thức rõ điều đó. Mình là một con người bình thường, chứ không phải một quái vật. Mình cảm nhận sự vật như mọi người, hành động như mọi người. Tuy nhiên, đôi khi cái khác biệt nho nhỏ ấy lại như một vực thẳm ngăn cách. Nhưng có lẽ mình cũng đành chịu vậy thôi, biết làm thế nào." Anh cầm một cây bút chì dài vót nhọn ở trên quầy lên, đăm đăm nhìn như thể đó là một phần kéo dài của cơ thể. "Mình đã muốn kể với cậu tất cả những điều này vào thời điểm sớm nhất có thể, nói trực tiếp chứ không để cậu nghe qua một người nào khác. Cho nên mình nghĩ hôm nay là một cơ hội tốt. Tuy nhiên, đó không phải là một trải nghiệm thú vị lắm, phải không?"

Tôi gật đầu.

"Mình đã nếm trải đủ mọi kiểu phân biệt đối xử," Oshima nói. "Chỉ những người đã bị phân biệt đối xử mới thực sự hiểu điều đó đau đớn biết nhường nào. Mỗi người cảm nhận nỗi đau theo cách riêng của mình, mỗi người mang những vết sẹo riêng. Thế nên mình nghĩ là mình khát thèm bình đẳng và công bằng không kém bất kỳ ai. Nhưng điều làm mình ghê tởm hơn nữa là những kẻ không có tí đầu óc tưởng tượng nào. Loại người mà T.S.Eliot gọi là *những người rỗng tuếch*[20]. Những kẻ lấp đầy khoảng trống vắng trí tưởng tượng bằng những cọng rơm không chút tâm cảm, mà thậm chí chẳng biết mình đang làm gì. Những kẻ chai lì ném vào anh hàng mớ lời chữ rỗng tuếch, ra sức cưỡng bách anh làm những điều anh không muốn. Giống như cái cặp bài trùng khả ái mà chúng ta vừa gặp."

Anh thở dài, xoay xoay cây bút chì dài mảnh trong tay. "Đám đồng giới tình dục nam cũng như nữ, đám dị giới tình dục, những người hoạt động đòi phụ nữ bình quyền, bọn lợn phát xít, những người

cộng sản, những thành viên của giáo phái Hare Krishna[21]- mình chẳng ngại đám nào cả. Mình bất cần họ giương cờ gì. Nhưng cái mà mình *không thể* chịu nổi là những kẻ *rỗng tuếch*. Hễ có mặt họ là mình hết chịu nổi và rốt cuộc thể nào cũng xổ ra những điều lẽ ra không nên nói. Với hai bà vừa rồi, lẽ ra mình nên cho qua hoặc giả gọi Miss Saeki đến giải quyết. Trong trường hợp ấy, bà ắt tươi cười giải thích êm xuôi mọi chuyện. Nhưng mình thì không thể làm thế được. Mình nói những điều không nên nói, làm những điều không nên làm. Mình không kiểm soát được bản thân. Đó là một trong những nhược điểm của mình. Cậu có biết tại sao đó lại là một nhược điểm không?"

"Bởi vì nếu với mỗi một người thiếu đầu óc tưởng tượng, anh đều bận tâm một cách nghiêm túc, thì chả biết bao giờ cho xong."

"Chính thế," Oshima nói. Anh lấy đầu có tẩy của cây bút chì khẽ dỗ dỗ vào thái dương. "Nhưng mình muốn cậu nhớ điều này, Kafka ạ. Chính cái loại người như thế đã giết chết người tình thời trẻ của Miss Saeki. Đầu óc hẹp hòi triệt tiêu trí tưởng tượng. Không khoan nhượng, lý thuyết tách rời khỏi thực tế, ngôn từ sáo rỗng, lý tưởng vay mượn, hệ thống cứng nhắc. Đó chính là những cái làm mình *thực sự* kinh hãi. Những cái mình cực kỳ khiếp sợ và ghê tởm. Dĩ nhiên, cần phải biết cái gì là đúng và cái gì là sai. Sai lầm cá nhân trong nhận định thường có thể sửa được. Chừng nào anh có can đảm nhận lỗi, mọi sự vẫn có thể cứu vãn được. Nhưng thói cứng nhắc, hẹp hòi thiếu trí tưởng tượng giống như những ký sinh trùng làm biến đổi chủ thể bị nó ăn bám, thay đổi hình dạng và tiếp tục sinh sôi nảy nở. Cái đám ấy là không thể cứu vãn và mình không muốn thấy bất kỳ ai trong bọn họ đặt chân vào đây.

Oshima chỉ đầu nhọn của cây bút chì vào những ngăn sách. Tất nhiên là anh nhằm cả thư viện nói chung.

"Mình ước sao có thể cười khẩy không đếm xỉa đến loại người như thế mà không được."

Chương 20

Đã hơn tám giờ tối khi chiếc xe tải ĐÔNG LẠNH mười tám bánh rẽ khỏi xa lộ Tomei và thả Nakata xuống bãi đậu xe của khu nghỉ Fujigawa. Tay xách túi đồ và ô, lão lụi hụi bước xuống mặt đường rải nhựa.

"Chúc bác may mắn kiếm được một chuyến xe khác," người lái xe thò đầu qua cửa xe nói. "Bác cứ hỏi quanh đây, chắc thể nào cũng có."

"Đa tạ. Nakata này cám ơn cậu đã giúp đỡ."

"Vô tư đi," người lái nói, rồi vẫy tay và quay xe trở về xa lộ.

Fu-ji-ga-wa, người lái xe đã nói thế. Nakata không biết Fu-ji-ga-wa là nơi nào, song lão hiểu là mình đã rời Tokyo và đi về hướng Tây. Chả cần đến la bàn hay bản đồ, bản năng lão mách vậy. Giá bây giờ có chiếc xe tải nào đi về hướng Tây, cho lão quá giang thì hay quá.

Đói bụng, Nakata quyết định vào nhà hàng của khu nghỉ làm một bát mì. Cơm nắm và Sô-cô-la trong bị, lão để dành, phòng trường hợp đột xuất. Vì không biết đọc, lão phải mất một lúc để tìm hiểu xem làm cách nào để mua được đồ ăn. Trước khi vào phòng ăn, phải mua phiếu ăn từ một máy bán hàng tự động, lão phải nhờ người đọc hộ nút bấm. "Mắt lão kém, không nhìn rõ," lão nói với một bà trung niên. Bà này bỏ tiền vào cho lão, bấm nút và đưa tiền thối lại cho lão. Kinh nghiệm đã dạy cho lão là tốt nhất đừng để người ta biết là lão mù chữ. Bằng không, họ sẽ trừng trừng nhìn lão như nhìn một con quái vật.

Ăn xong, Nakata vai đeo túi, tay xách ô, đi tua các xe tải trong bãi đậu, hỏi xin quá giang. Nakata này đi về hướng Tây – lão giải thích – có cậu nào hảo tâm cho lão quá giang không? Nhưng tất cả các tài xế đều lắc đầu sau khi nhìn lão từ đầu đến chân. Một lão già xin đi nhờ xe là điều ít thấy và dĩ nhiên, họ phải cẩn thận đề phòng chuyện bất trắc. Rất tiếc, công ty chúng tôi không cho phép lấy khách quá giang, họ đều nói vậy.

Nakata đã phải mất một thời gian dài để đi từ quận Nakano đến ngả vào xa lộ Tomei. Trước đó, lão chưa bao giờ ra khỏi Nakano và không biết xa lộ ở chỗ nào. Lão có một tấm thẻ đặc biệt đi các tuyến xe buýt nội thành miễn phí mà lão vẫn dùng thường xuyên, nhưng lão chưa bao giờ đi xe điện ngầm hay xe lửa một mình, dùng các phương tiện này thì cần phải mua vé.

Trước mười giờ sáng một chút, lão bỏ một bộ quần áo, khăn mặt, xà phòng, bàn chải, thuốc đánh răng và một ít lương thực vào chiếc túi vải bố, lấy số tiền giấu dưới chiếu cất cẩn thận vào ruột tượng cho an toàn, rồi xách cái ô đen to tướng rời khỏi căn hộ. Khi lão hỏi

người lái xe buýt nội thành làm sao đến được xa lộ, anh ta cả cười.

"Xe buýt này chỉ đến ga Shinjuku thôi. Xe buýt nội thành không chạy trên xa lộ. Bác phải bắt xe đò chạy đường dài cơ."

"Thế bến xe đò chạy đường dài đến xa lộ *To-mei* ở đâu?"

"Ga Tokyo," người tài xế trả lời. "Bác đáp chuyến xe buýt này đến ga cuối, rồi chuyển sang đi tàu đến ga Tokyo, tới đó bác đặt vé trước để giành chỗ. Chuyến xe đò ấy sẽ đưa bác đến xa lộ Tomei."

Nakata không hiểu rõ lắm những chỉ dẫn của anh ta, nhưng cứ đáp chuyến xe đó đến tận Shinjuku. Nhưng khi tới đó, lão thấy ngợp. Cái nhà ga mênh mông chật ních những người là người, lão phải khó khăn lắm mới lách qua được đám đông. Có bao nhiêu là tuyến đường, lão không sao biết được tuyến nào đi đến ga Tokyo. Không đọc được biển chỉ dẫn, lão phải hỏi những người đi ngang qua, nhưng họ giải thích quá nhanh, quá rắc rối, với những địa danh lão chưa nghe thấy bao giờ. Thà nói chuyện với Kawamura còn dễ dàng hơn, Nakata nghĩ thầm. Kể ra có thể hỏi đường ở trạm cảnh sát đặt ở trong ga, nhưng lão sợ họ lầm tưởng lão là một ông già lẫn cẫn và tạm giữ lại, điều mà dạo trước lão đã từng bị một lần. Loanh quanh mãi trong ga, hơi người và tiếng ồn ào bắt đầu làm lão cảm thấy váng vất. Lần theo những lối đỡ đông hơn, lão mò ra ngoài, tìm thấy một công viên nhỏ giữa hai tòa nhà cao tầng và ngồi xuống một chiếc ghế băng.

Nakata hết sức hoang mang. Lão ngồi đó, thỉnh thoảng lại lầm bầm, xoa xoa cái đầu húi cua. Trong công viên, không thấy bóng một con mèo, nhưng lại đầy quạ sà xuống bới những thùng rác. Nakata nhìn lên bầu trời mấy lần, và bằng vào vị trí của mặt trời, có thể đoán được là mấy giờ. Khí thải bão hòa nhuộm bầu trời một màu kỳ lạ.

Đến trưa, nhân viên từ các tòa nhà gần đấy tràn ra công viên ăn trưa. Nakata cũng lấy mấy cái bánh rán nhân đậu ra ăn, chiêu bằng nước trà nóng từ cái phích lão luôn mang theo. Hai cô gái kéo nhau đến ngồi ở chiếc ghế băng bên cạnh. Lão quyết định bắt chuyện với họ. Làm thế nào đến được xa lộ To-mei? Lão hỏi. Họ nói với lão y hệt như người lái xe buýt đã chỉ dẫn. Đáp tàu tuyến Chuo đến ga Tokyo rồi lên xe đò đi xa lộ Tomei.

"Nakata này đã thử làm thế mà không xong," lão thú nhận. "Trước nay, lão chưa bao giờ ra khỏi quận Nakano, nên không biết đi tàu. Lão chỉ biết đi xe buýt nội thành thôi. Lão không biết đọc, thành thử không mua được vé. Lão đã đi xe buýt nội thành đến đây, nhưng không biết làm thế nào để đi xa hơn."

Bác không biết đọc? Họ ngạc nhiên hỏi. Nom lão có vẻ là một ông già vô hại. Tươi cười, ăn mặc gọn gàng. Trời đẹp như thế này mà

mang cái ô tổ bố kể cũng hơi kỳ, song lão không có vẻ là kẻ vô gia cư. Mặt mày dễ coi, đặc biệt là đôi mắt sáng long lanh.

"Trước nay, bác chưa bao giờ ra khỏi quận Nakano, bác nói thật đấy chứ?" cô gái tóc đen hỏi.

"Phải. Lão đã cố không bao giờ ra khỏi đó. Nếu Nakata này bị lạc, sẽ không có ai đi tìm đâu."

"Và bác không biết đọc?" cô kia, nhuộm tóc nâu, hỏi.

"Đúng thế. Lão hoàn toàn không biết đọc. Lão biết mấy chữ số đơn giản, nhưng không biết cộng."

"Hmm. Cháu nghĩ thế thì bác khó mà đi tàu được."

"Vâng, rất khó. Lão không thể mua được vé."

"Nếu có thì giờ, chúng cháu có thể đưa bác tới ga rồi đảm bảo đưa bác lên đúng chuyến tàu, nhưng chúng cháu sắp phải quay về làm việc rồi. Cháu thực tình xin lỗi."

"Không, không cần phải xin lỗi đâu. Lão sẽ nghĩ ra cách nào đó."

"Mình nghĩ ra rồi!" cô tóc đen reo lên. "Chẳng phải Togeguchi ở bộ phận bán hàng bảo hôm nay anh ta phải đi Yokohama đấy sao?"

"Ừ nhỉ, giờ cậu nhắc mình mới nhớ. Chúng mình nhờ thì anh ta sẽ giúp thôi. Anh ta hơi u sầu nhưng vốn không phải người xấu, thật đấy," cô tóc nâu nói.

"Nếu bác không biết đọc thì nên vẫy xe xin quá giang, có lẽ tốt hơn," cô tóc đen nói.

"Xin quá giang?"

"Bác hỏi ai đó xin đi nhờ xe. Nên hỏi cánh lái xe tải chạy đường dài, chứ đám du lịch đi xe con ít khi chịu cho đi nhờ lắm."

"Nakata này không biết *xe tải chạy đường dài* như thế nào."

"Bác cứ thử hỏi các tay lái xe tải, khắc được đấy. Hồi còn ở trường đại học, cháu đã xin quá giang một lần. Cánh lái xe tải thường rất hảo tâm."

"Bác định đến tận đâu trên xa lộ Tomei?" cô tóc nâu hỏi.

"Nakata này không biết," lão đáp.

"Bác không biết?"

"Chừng nào đến đó, lão sẽ biết thôi. Vậy nên, khởi đầu, lão sẽ đi về hướng Tây trên xa lộ *To-mei*. Sau đó, lão sẽ nghĩ về nơi mình sẽ đến. Dù thế nào đi nữa, lão vẫn phải đi theo hướng Tây."

Hai cô gái nhìn nhau, nhưng những lời của Nakata có sức thuyết phục kỳ lạ khiến họ bỗng có thiện cảm với ông già. Họ ăn nốt bữa trưa của mình, vứt hộp vào thùng rác và đứng dậy.

"Bác hãy đi với chúng cháu," cô tóc đen nói. "Chúng ta sẽ nghĩ ra

một cách nào đó.”

Nakata đi theo họ vào một tòa nhà gần đó. Trước nay, lão chưa từng đặt chân vào tòa nhà nào lớn như vậy. Hai cô gái đặt lão ngồi ở một chiếc ghế dài gần quầy tiếp tân, rồi nói với nhân viên tiếp tân và bảo Nakata chờ đó một lát. Họ biến vào một trong những buồng thang máy trong sảnh. Trong khi lão ngồi đấy ôm chiếc ô và túi vải, đám nhân viên lũ lượt trở vào sau giờ ăn trưa. Thêm một cảnh tượng nữa lão chưa từng thấy trong đời. Như thể đã thỏa thuận với nhau, tất cả những người này đều ăn vận thật đẹp – cà vạt, cặp bóng lộn, giày cao gót, tất cả đều hối hả rảo bước về cùng một phía. Nakata không tài nào hiểu nổi cái đám người đông đến thế có thể làm gì ở đây.

Sau một hồi, hai cô gái trở lại cùng một gã cao kều mặc sơ mi trắng, đeo cà vạt kẻ sọc.

“Đây là anh Togeguchi,” cô tóc nâu giới thiệu. “Anh ấy sắp lái xe đi Yokohama. Anh ấy nhận sẽ đưa bác đi cùng. Anh ấy sẽ thả bác ở bãi đậu xe Kohoku trên xa lộ Tomei. Hy vọng tại đó bác sẽ có thể kiếm được một người khác cho đi nhờ tiếp. Bác cứ đi một vòng hỏi các tài xế, nói là bác muốn đi về hướng Tây. Và nếu có ai cho bác quá giang, bác nhớ mua đãi anh ta một suất ăn khi dừng lại nghỉ ở đâu đó. Bác có hiểu không?”

“Nhưng liệu bác có đủ tiền để làm thế không?” cô tóc đen hỏi.

“Dạ, lão có đủ.”

“Bác Nakata là bạn tụi em, hãy tử tế với bác, nghe anh,” cô tóc nâu nói với Togeguchi.

“Nếu cô tử tế với tôi,” chàng trai rụt rè nói.

“Ờ, một ngày nào đó...” cô tóc đen nói.

Khi chào tạm biệt, hai cô gái nói, “Đây là một chút quà chia tay. Phòng khi bác đói bụng.” Họ đưa cho Nakata mấy nắm cơm và một thanh sô-cô-la vừa mua ở siêu thị.

“Lão không biết cảm ơn các cô thế nào cho vừa về tất cả những gì các cô đã làm,” Nakata nói. “Lão sẽ cầu nguyện cho những điều tốt lành đến với cả hai cô.”

“Cháu hy vọng lời cầu nguyện của bác trở thành sự thật,” cô tóc nâu nói trong khi cô bạn cười rúc rích.

Togeguchi để Nakata ngồi ở ghế cạnh mình trên chiếc xe Hi-Ace, rồi theo đường Metropolitan, cho xe chạy đến xa lộ Tomei. Đường bị kẹt xe nhiều quãng, nên hai người nói đủ các thứ chuyện trong khi xe nhích từng tí một. Togeguchi vốn tính nhút nhát, thoạt đầu không nói gì mấy, nhưng sau khi quen với sự hiện diện của Nakata, gã bắt đầu thao thao đến mức, rốt cuộc, thay vì đôi bên trò chuyện, chỉ có mình gã độc thoại.

Có rất nhiều điều gã muốn nói và gã thấy dễ dàng dốc bầu tâm sự với một người xa lạ như Nakata mà hẳn gã sẽ không bao giờ gặp lại. Gã kể gã đã cắt đứt với vợ chưa cưới cách đây một tháng. Cô ta có một thằng bồ khác, hai đứa vẫn lén lút gặp nhau suốt. Gã nói là gã không hợp với các sếp trong công việc và đang tính xin thôi. Cha mẹ gã ly hôn từ hồi gã còn học cấp hai và mẹ gã chẳng bao lâu đã tái hôn với một tay vô tích sự. Gã đã rút hết tiền tiết kiệm cho một thằng bạn vay, chả biết bao giờ nó mới trả. Và cái thằng sinh viên ở căn hộ bên cạnh suốt ngày mở nhạc to tướng làm gã chẳng ngủ được mấy.

Nakata chăm chú lắng nghe, phụ họa ở những điểm thích hợp, thi thoảng chêm vào một ý kiến riêng. Đến lúc chiếc xe rẽ vào bãi đậu xe Kohoku, Nakata đã biết gần hết những điều cần biết về chàng trai này. Có vô khối điều lão không hiểu, nhưng lão có thể hình dung được toàn cảnh cuộc đời Togeguchi, chàng trai tội nghiệp này đã cố gắng sống một cuộc đời ngay thẳng, nhưng cứ vấp phải hàng lô vấn đề.

"Đa tạ," lão nói. "Nakata này rất cám ơn cậu đã cho đi nhờ xe."

"Chính cháu phải cám ơn bác, bác Nakata. Giờ, cháu cảm thấy hoàn toàn thư giãn. Trước nay, cháu chưa từng nói chuyện như thế với ai bao giờ. Và cháu lấy làm mừng là đã có thể kể tất cả với bác. Cháu hy vọng đã không làm bác chán ngấy với những vấn đề của cháu."

"Không, hoàn toàn không. Nakata cũng rất sung sướng được nói chuyện với cậu. Cậu Togeguchi, lão tin chắc những điều đại cát sắp đến với cậu."

Chàng trai lấy trong ví ra một chiếc thẻ điện thoại đưa cho Nakata. "Xin bác nhận lấy chiếc thẻ này. Đây là sản phẩm của công ty cháu. Hãy coi đây như một món quà chia tay. Cháu những muốn có cái gì hay hơn để tặng bác."

"Cám ơn rất nhiều," Nakata nói và cẩn thận nhét chiếc thẻ vào ví mình. Lão chẳng có ai quen để gọi điện thoại, cũng không biết cách dùng thẻ ra sao, nhưng lão nghĩ cứ nhận cho lịch sự. Lúc này là ba giờ chiều.

Phải mất thêm một tiếng nữa mới kiếm được một tài xế xe tải đồng ý cho lão đi nhờ đến Fujigawa. Đó là một người to béo trạc ngoại tứ tuần, tay như khúc gỗ, bụng phệ, chở cá tươi trên xe đông lạnh.

"Mong bác không phiền vì mùi cá," người lái xe nói.

"Cá là một trong những món ăn ưa thích của Nakata này," Nakata đáp.

Người lái xe cả cười. "Bác quả là một người kỳ dị."

"Đôi khi người ta cũng bảo lão thế."

“Tôi lại thích những người kỳ dị,” người lái xe nói. “Những người coi bộ bình thường và sống một cuộc sống bình thường lại chính là những kẻ ta phải đề phòng.”

“Thế ư?”

“Hãy tin tôi, đời nó thế đấy. Dù sao đó cũng là ý kiến của tôi.”

“Nakata này không có nhiều ý kiến. Tuy nhiên, lão thích lươn.”

“Tốt, thích lươn cũng là một ý kiến.”

“Lươn cũng là một ý kiến à?”

“Tất nhiên, bác nói bác thích lươn, đó là một ý kiến.”

Cứ thế hai người đi đến Fujigawa. Người lái xe nói tên anh ta là Hagita.

“Vậy bác nghĩ thế giới này rồi sẽ ra sao, bác Nakata?” anh ta hỏi.

“Xin lỗi, lão không phải là người thông minh, lão mù tịt về chuyện í,” Nakata nói.

“Có ý kiến riêng và không thông minh là hai chuyện khác nhau.”

“Nhưng thưa cậu Hagita, không thông minh thì làm sao nghĩ được về chuyện í.”

“Nhưng bác chả nói bác thích lươn là gì.”

“Phải, lươn là một trong những món ưa thích của Nakata này.”

“Đó là một mối liên quan, bác thấy không?”

“Ừm.”

“Bác có thích cơm gà với trứng không?”

“Có, đó cũng là một món ưa thích của Nakata này.”

“Ấy đấy, lại một tương quan nữa,” Hagita nói. “Cứ lần lượt lập những tương quan là tự khắc hình thành ý nghĩa lúc nào không biết. Càng nhiều tương quan, ý nghĩa càng sâu. Bất kể là lươn hay cơm gà, hay cá nướng. Bác hiểu không?”

“Không, lão vẫn không hiểu. Thức ăn cũng liên quan với các sự vật ư?”

“Không chỉ thức ăn. Xe điện, hoàng đế, tất tật.”

“Cơ mà lão không bao giờ đi xe điện.”

“Hay đấy. này nhé, điều tôi muốn nói là: chỉ riêng việc ta đang sống đã thiết lập một mối liên hệ giữa ta với sự vật xung quanh, bất kể chúng là gì. Điều quan trọng là phải xem điều đó diễn ra có tự nhiên hay không. vấn đề không phải thông minh hay đần độn, mà là nhìn sự vật bằng đôi mắt của chính mình.”

“Cậu Hagita, cậu rất chi là thông minh.”

Hagita cười phá lên. “Đã bảo đây không phải là vấn đề thông minh mà. Tôi chẳng thông minh gì lắm đâu. Tôi chỉ có cách nghĩ

riêng của mình thôi. Vì thế người ta ngán tôi. Họ kết tội tôi là luôn luôn nhiễu sự. Hễ anh dùng đầu mình để suy nghĩ là thiên hạ không muốn dây với anh."

"Nakata này vẫn chưa hiểu, cơ mà cậu vừa nói là có một mối liên hệ giữa việc thích ăn lươn với việc thích cơm gà trộn trứng phải không?"

"Tôi nghĩ bác có thể diễn đạt theo cách ấy. Bao giờ cũng có một mối liên quan giữa bác, ông già Nakata, với những thứ mà bác quan tâm tới. Cũng như có một mối liên quan giữa lươn và cơm gà. Và khi mạng lưới những liên quan đó phát triển rộng ra, tự khắc sẽ hình thành một mối liên quan giữa bác, ông già Nakata, với các nhà tư bản và giai cấp vô sản."

"*Vô* gì?"

"Giai cấp *vô sản*," Hagita nói, cất tay khỏi vô lăng, khoa lên. Hai bàn tay to tướng như găng bóng chày, Nakata nghĩ thế. "Những con người làm lụng cực nhọc, đổ mồ hôi sôi nước mắt để kiếm miếng cơm, đó là giai cấp vô sản. Ngược lại, có những kẻ ngồi mát ăn bát vàng, không động một ngón tay, chỉ ra lệnh cho người khác mà hưởng gấp trăm lần lương tôi. Đó là bọn tư bản."

"Lão không biết gì về những người cậu gọi là tư bản. Nakata này nghèo, đâu có biết ai quyền quý như thế. Người quyền quý nhất lão biết là ngài Tỉnh trưởng Tokyo. Ngài Tỉnh trưởng có phải là một nhà tư bản không?"

"Phải, tôi chắc thế. Tuy nhiên, các tỉnh tưởng dễ là chó kiểng của bọn tư bản hơn."

"Ngài Tỉnh trưởng là một con chó ư?" Nakata nhớ đến con chó đen kếch sù đã đưa lão đến nhà Johnnie Walker, và hình ảnh dễ sợ ấy cùng ngài Tỉnh trưởng chồng lên nhau trong tâm trí lão.

"Thế giới này nhan nhản những loại chó như thế. Những quân cờ của bọn tư bản."

"Quân cờ?"

"Tức là những con chó ngoan ngoãn tuân lệnh chủ."

"Thế có mèo tư bản không?"

Hagita cười phá lên. "Chà, bác Nakata, bác thật khác người. Nhưng tôi thích cái cách của bác. *Mèo tư bản*! Thật là hay. Bác có một ý kiến rất chi là độc đáo."

"Cậu Hagita này..."

"Gì vậy bác?"

"Vì lão nghèo nên ngài Tỉnh trưởng cấp cho lão một món chợ cấp hàng tháng. Việc lão nhận *chợ cấp* có phải là sai trái không?"

"Mỗi tháng bác được bao nhiêu?"

Nakata cho anh ta biết số tiền.

Hagita lắc đầu, vẻ ghê tởm. “Thật khó mà sống nổi với một món tiền bọ ấy.”

“Được chứ, vì Nakata này có tiêu gì mấy đâu. Ngoài chợ cấp, lão còn kiếm thêm bằng cách giúp người ta tìm mèo lạc.”

“Không đùa đấy chứ? Một tay tìm mèo chuyên nghiệp?” Hagita nói, vẻ thán phục. “Tôi phải nói bác là một quái kiệt.”

“Tình thật, lão biết nói chuyện với mèo,” Nakata nói. “Lão có thể hiểu chúng nói gì. Điều đó giúp lão tìm ra những con bị mất tích.”

Hagita gật đầu. “Tôi chắc điều đó không ngoài tầm của bác.”

“Thế nhưng cách đây không lâu, lão phát hiện ra là mình không nói chuyện với mèo được nữa. Lão không hiểu tại sao.”

“Sự vật thay đổi từng ngày, bác Nakata ạ. Mỗi sớm thức dậy, thấy thế giới không còn như hôm trước nữa. Bản thân mình cũng không còn là con người từng là mình hôm qua. Bác hiểu tôi muốn nói gì chứ?”

“Vâng.”

“Những mối liên quan cũng thay đổi. Ai là tư bản, ai là vô sản. Ai thuộc cánh hữu, ai thuộc cánh tả. Cách mạng thông tin, cổ phiếu, biến động vốn, tái cấu trúc nghề nghiệp, công ty đa quốc gia – cái gì tốt, cái gì xấu? Ranh giới giữa sự vật không ngừng được xóa nhòa. Có lẽ vì thế mà bác không nói chuyện được với mèo nữa.”

“Nakata này chỉ có thể phân biệt được tả với hữu. Đây là hữu, còn đây là tả. Đúng không?”

“Chính xác,” Hagita đồng ý. “Đó là tất cả những gì bác cần biết.”

Cuối cùng, họ cùng ăn với nhau một bữa trong tiệm ăn ở khu nghỉ chân. Hagita gọi hai suất lươn và khi Nakata đòi trả tiền để cám ơn anh đã cho đi nhờ, anh lắc đầu quầy quậy.

“Không được,” anh nói. “Tôi không đời nào để bác dùng cái khoản tiền còm người ta trợ cấp cho bác để đãi tôi đâu.”

“Vậy thì đa tạ. cám ơn cậu về bữa ăn ngon,” Nakata nói, vui vẻ chấp nhận sự hảo tâm của Hagita.

Nakata bỏ cả một tiếng đồng hồ ở khu tạm nghỉ Fujigawa đi hỏi các lái xe, nhưng không tìm được ai thuận tình cho quá giang. Tuy nhiên, lão vẫn không hoảng sợ hoặc buồn bã. Trong ý thức của lão, thời gian qua rất chậm. Hoặc gần như ngưng đọng.

Lão ra ngoài cho thoáng và lang thang đây đó. Trời không một vẩn mây, trăng sáng vằng vặc. Nakata dạo quanh bãi đậu xe đầy những chiếc xe tải to đùng như những con vật khổng lồ vai kề vai nằm nghỉ. Một số xe có ít nhất là hai mươi bánh, mỗi bánh cao bằng đầu người. Ngần nấy xe đều chạy trên xa lộ vào đêm khuya, không biết chở gì

bên trong nhỉ? Nakata không thể hình dung nổi. Nếu mình đọc được những chữ viết trên thành xe, liệu mình có thể đoán ra không nhỉ? Lão tự hỏi.

Sau khoảng một tiếng đồng hồ, lão phát hiện ra độ chục chiếc mô-tô ở một góc của bãi đậu, nơi có ít ô-tô hơn. Một nhóm thanh niên đứng thành vòng tròn gần đó, xem một cái gì và la hét. Tò mò, Nakata tiến lại gần. có thể bọn họ đã khám phá ra một cái gì bất thường.

Khi đến gần hơn, lão thấy là họ đang vây quanh một người nằm dưới đất và đang đấm đá người đó – nói chung là ráng hết sức làm cho anh ta đau. Hầu hết đều tay không trừ một gã cầm một dây xích và một gã khác cầm một cây gậy ngắn màu đen nom giống như dùi cui cảnh sát. Họ mặc sơ mi cộc tay không cài khuy, một số mặc áo phông. Phần lớn đều nhuộm tóc vàng hoặc nâu, một số xăm hình trên cánh tay. Người thanh niên bị họ đang đấm đá cũng ăn vận tương tự như thế.

Khi Nakata tới gần, đầu nhọn của chiếc ô gõ lách cách trên mặt đất rải nhựa khiến vài gã chột dạ quay lại nhìn lão trừng trừng, nhưng trấn tĩnh lại khi thấy đó chỉ là một ông già vô hại. “Này, bố già phắn đi!” một gã quát.

Tỉnh bơ, Nakata bước lại gần hơn. Người nằm dưới đất ứa máu mồm. “Máu đang chảy ra kìa,” Nakata nói. “Khéo cậu ấy chết mất.”

Bị bất ngờ, bọn kia không kịp phản ứng.

“Liệu đấy, bố già, kẻo tụi tôi giết cả bố luôn thể,” gã cầm xích nói. “Giết một hay hai cũng vậy thôi, chả khó khăn gì hơn.”

“*Các cậu không thể giết người vô cớ*,” Nakata nài nỉ.

“Các cậu không thể giết người vô cớ,” một gã nhại lại và cả bọn cười ồ lên.

“Tụi này có cớ đấy anh già ạ,” một gã khác nói. “Với lại, tụi này có giết nó hay không, cũng chẳng bận gì đến anh già. Vậy nên hãy xách cái ô thổ tả của anh già mà biến đi trước khi trời đổ mưa.”

Người nằm dưới đất bắt đầu trườn lên và một gã đầu trọc liền xông tới đá thật mạnh vào sườn anh ta bằng đôi ủng lao động.

Nakata nhắm mắt lại. Lão cảm thấy một cái gì dâng lên bên trong mình, không kiểm soát nổi, khiến lão hơi buồn nôn. Lão chợt nhớ lại lúc đâm Johnnie Walker. Bàn tay lão còn nguyên cái cảm giác khi cầm dao cắm vào ngực một con người. *Liên quan*. Phải chăng đây là một trong những mối liên quan cậu Hagita đã nhắc tới ban nãy? *Lươn = dao = Johnnie Walker*? Tiếng của bọn thanh niên trộn vào nhau méo mó, không tách biệt, hòa với tiếng bánh xe rào rạo không dứt trên xa lộ thành một âm thanh kỳ lạ. Tim lão dồn đẩy máu đến tận những đầu mút của cơ thể trong khi đêm tối bao quanh lão.

Nakata nhìn lên trời rồi chậm rãi mở ô, giương lên che đầu. Rất thận trọng, lão lùi lại sau mấy bước, mở một khoảng cách giữa lão với bọn kia. Lão nhìn quanh rồi lùi thêm vài bước nữa.

Thấy vậy, bọn thanh niên cười hô hố. "Này, nom anh già kìa," một gã nói. "Anh già giương ô lên thật kìa!"

Nhưng chúng không cười được lâu. Bất thình lình, những vật bầy nhầy từ trên trời rơi xuống đất bồm bộp ngay sát chân chúng. Chúng ngừng đá nạn nhân của mình và ngước nhìn trời. Không một đám mây, vậy mà rành là từ một chỗ trên trời, những vật đó vẫn nối tiếp nhau rơi xuống. Mới đầu còn lác đác, rồi dần dần dồn dập hơn, thành một trận mưa rào thực sự, trút xuống chúng những vật nhỏ đen đen dài độ hơn ba phân. Trong ánh đèn của bãi đậu xe, nom như tuyết đen lấp lánh đang rơi xuống vai, cổ và cánh tay đám thanh niên rồi dính chặt vào đấy. Chúng cuống cuồng tìm cách dứt những vật ấy ra mà không được.

"*Đỉa!*" một gã la lớn.

Như tuân theo một hiệu lệnh, cả lũ kêu ầm lên và chạy qua bãi đậu xe về phía nhà vệ sinh. Một gã tóc vàng đâm sầm vào một chiếc xe hơi, ngã nhào xuống đất. Gã bật dậy, vung tay đấm lên capô và lớn tiếng chửi người lái xe. Tuy nhiên, gã dừng lại ở mức đó và tập tễnh đi về phía nhà vệ sinh.

Cơn mưa đỉa ập xuống ào ào một lúc, ngớt dần rồi tạnh hẳn. Nakata cụp ô lại, phủi những con đỉa bám vào quần áo và trở lại xem người bị đánh ra sao. Một đống đỉa nhung nhúc xung quanh và phủ lên anh ta khiến lão không thể đến gần hơn. Nhìn thật kỹ, Nakata có thể thấy máu rỉ ra từ hai mí mắt bị rách và mấy chiếc răng bị gãy. Nakata biết một mình lão thì không thể xoay xở được nên chạy về tiệm ăn bảo một nhân viên là có người bị thương nằm ở bãi đậu xe. "Cậu nên gọi cảnh sát mau kẻo cậu ta chết mất." lão nói.

Sau đó không lâu, Nakata tìm được một tay lái xe tải đồng ý cho lão quá giang đến Kobe. Một gã khoảng hai mươi lăm, hai sáu tuổi, mắt gà gà như buồn ngủ, không cao lắm, để tóc đuôi ngựa, đeo khuyên tai và đội chiếc mũ của đội bóng chày Chunichi Dragons. Gã ngồi trong tiệm ăn, vừa hút thuốc vừa xem một cuốn truyện tranh. Một chiếc sơ mi Hawai sặc sỡ và đôi giày Nike quá cỡ hoàn tất trang phục của gã. Gã vẩy tàn thuốc lá vào mấy sợi mì còn sót lại trong bát, trừng trừng nhìn Nakata rồi gật đầu với vẻ miễn cưỡng. "ờ, thôi được. Ông có thể đi cùng. Ông có cái gì giông giống ông nội cháu. Cung cách, hay có lẽ lối nói tựa như lạc đề của ông... Về sau, ông cụ đâm lẫn cẫn rồi chết. Cách đây mấy năm."

Gã giải thích rằng sáng mai, xe phải đến Kobe giao đồ gỗ cho một cửa hàng lớn của thành phố này. Xe vừa ra khỏi bãi đậu đã gặp ngay một tai nạn giao thông. Hai chiếc xe tuần tra đã có mặt tại hiện

trường, đèn đỏ chớp loang loáng, và một cảnh sát đang điều khiển giao thông bằng một đèn tín hiệu. Có vẻ như không đến nỗi nghiêm trọng lắm. Mấy chiếc xe va quệt nhau, thành một chiếc buýt mini bị xây xước, một chiếc đèn hậu bị vỡ.

Gã tài xế thò đầu ra cửa xe, trao đổi vài câu với một cảnh sát tuần tra, rồi quay cửa kính xe lên. "Anh ta bảo một đống đỉa từ trên trời rơi xuống," gã nói, thản nhiên như không. "Chúng bị xe nghiền nát, làm cho đường rất trơn, và một số lái xe bị lạng tay lái. Vậy nên hãy đi từ từ và thoải mái, anh ta bảo cháu thế. Ngoài ra có một băng đảng mô-tô tính sổ với nhau, đánh một tên thừa sống thiếu chết. Đỉa và băng đảng mô-tô một sự phối kết kỳ quái! Ít nhất thì cũng làm cho cảnh sát bận rộn."

Gã thận trọng lái về phía lối ra khỏi xa lộ. Ngay cả đi rất chậm, xe cũng đôi lần bị trượt bánh và gã tài xế khéo léo lựa tay lái, chỉnh lại ngay ngắn. "Chà, có vẻ là cả một núi đỉa ụp xuống thật, đường trơn như mỡ. Chao, đỉa, cái giống thật tởm! Ông đã bao giờ bị đỉa bám vào người chưa?"

"Chưa, theo trí nhớ của Nakata này, thì hình như chưa bao giờ," Nakata đáp.

"Cháu lớn lên ở vùng núi Gifu và chuyện đó xảy đến với cháu bao nhiêu lần. Đang đi trong rừng, đùng một cái nó từ trên cây rơi xuống. Đang lội suối, nó lao đến bám vào bắp chân. Cháu chả lạ gì cái giống đỉa, hãy tin cháu. Một khi nó đã bám vào mình rồi thì khó rứt ra lắm. Nếu rứt một con bự, da sẽ bị tuột theo và để lại sẹo. Cho nên tốt nhất là đốt cho nó rụng xuống. Thật gớm ghiếc, cái cách nó hút máu người ta! Khi hút no, nó phình ra, nung núc, mềm nhão. Thật tởm lợm, phải không?

"Vâng, chắc chắn là thế," Nakata đồng ý.

"Nhưng đỉa không thể từ trên trời rơi xuống một bãi đậu xe của một khu dừng chân dọc đường. Cháu chưa bao giờ nghe thấy chuyện gì vớ vẩn đến thế. Dân vùng này chẳng biết tí gì về đỉa cả. Đời thuở nào đỉa lại từ trên trời rơi xuống bao giờ?"

Nakata lặng thinh không trả lời.

"Cách đây mấy năm, một số lượng rết nhiều vô kể đồng loạt xuất hiện ở tỉnh Yamanashi và xe hơi bị trượt bánh khắp nơi. Cũng giống như thế này, đường sá trơn như mỡ gây nên rất nhiều tai nạn. rết tràn ngập cả đường sắt, xe lửa cũng không chạy được. nhưng rết không rơi từ trên trời xuống, mà từ một nơi nào đó bò ra. Bất kỳ ai cũng biết thế."

"Lâu lắm rồi, lão đã từng sống ở Yamanashi. Trong thời gian chiến tranh."

"Ông không đùa đấy chứ?" gã lái xe nói. "Là cuộc chiến tranh nào

vậy?”

Chương 21

ĐIÊU KHẮC GIA KOICHI TAMURA BỊ ĐÂM CHẾT

(Được phát hiện trên sàn xưởng tượng, giữa một vũng máu)

Chiều ngày 30, người ta tìm thấy nhà điêu khắc nổi tiếng thế giới Koichi Tamura chết tại nhà mình ở Nogata, quận Nakano. Người phát hiện ra thi thể ông là một bà giúp việc. Ông Tamura được tìm thấy trong tư thế nằm sấp, trần truồng, mình đầy máu. Có những dấu hiệu vật lộn và người ta cho rằng đây là một vụ án mạng. Hung khí, được tìm thấy bên cạnh xác chết, là một con dao bếp.

Cảnh sát ước đoán thời gian chết là tối 28 và vì ông Tamura sống một mình nên mãi đến hai hôm sau, thi thể mới được phát hiện. Ông Tamura bị nhiều vết thương sâu ở ngực do bị đâm bằng con dao nhọn pha thịt và có thể tin rằng ông gần như đã chết ngay vì mất quá nhiều máu từ những vết thương ở tim và phổi. Nhiều xương sườn cũng bị gẫy, có vẻ như do bị những cú đập rất mạnh. Cảnh sát không thông báo gì về việc có tìm thấy dấu tay hay bất cứ vật gì sót lại ở hiện trường hay không. Xem ra cũng không có nhân chứng nào mục kích tội ác.

Vì trong nhà không bị xáo lộn và không có đồ vật đáng giá nào, kể cả một ví tiền nằm gần đó, bị lấy đi, nên cảnh sát cho rằng đây là một cuộc báo thù cá nhân. Nhà ông Tamura ở một khu dân cư yên tĩnh, nhưng không có ai nghe thấy gì vào thời điểm xảy ra vụ án mạng, và những người hàng xóm đều bàng hoàng khi biết tin này. Ông Tamura sống kín đáo, ít có quan hệ với láng giềng, và không ai nhận thấy điều gì khác thường vào quãng thời gian xảy ra sự kiện này.

Ông Tamura ở với con trai mười lăm tuổi, nhưng theo bà giúp việc, thì khoảng mươi hôm nay không thấy cậu ta ở nhà. Cậu bé cũng vắng mặt ở trường trung học và cảnh sát đang dò tìm tung tích cậu ta.

Ngoài ra, ông Tamura còn có một văn phòng và một xưởng làm việc ở cạnh nhà [7] và theo cô thư ký của ông ta, thì cho đến trước hôm bị giết, ông ta vẫn đang làm dở một bức tượng mới như bình thường. Vào ngày xảy ra chuyện, cô có việc cần xin ý kiến ông, nhưng lần nào gọi điện thoại đến cũng chỉ thấy máy nhắn tự động.

Ông Tamura sinh ở Kokubunji, Tokyo. Ông theo học Khoa Điêu khắc của Trường Đại học Mỹ Thuật Tokyo và từ khi còn là sinh viên đã hoàn thành nhiều tác phẩm cách tân làm xôn xao giới mỹ thuật. Chủ đề chính của ông là tiềm thức con người và những tác phẩm điêu khắc của ông,

với một phong cách độc đáo thách thức cái cổ truyền, được hoan nghênh trên trường quốc tế. Tác phẩm được biết đến nhiều nhất của ông, một xê-ri lớn mang tên "Mê Cung", với một trí tưởng tượng phóng khoáng, khảo sát cái đẹp và cảm hứng tìm thấy nơi những ngóc nghách ngoằn ngoèo của mê cung. Ông hiện là giáo sư thỉnh giảng tại Trường Đại học Mỹ Thuật và cách đây hai năm, Bảo tàng Mỹ thuật Hiện đại ở New York đã tổ chức một cuộc triển lãm tác phẩm của ông.

Tôi ngừng đọc ở đoạn này. Có một hình chụp cổng trước nhà chúng tôi và một ảnh chân dung cha tôi hồi trẻ, khiến trang báo đượm vẻ thê thảm. Tôi gập đôi tờ báo, đặt lên bàn. Vẫn ngồi trên giường, tôi không nói gì, chỉ ép đầu ngón tay lên mí mắt. Một tiếng thình thịch, theo một nhịp đều đặn, vang rền trong tai tôi. Tôi ráng lắc đầu thật mạnh để xua nó đi mà không được.

Tôi đang ở phòng riêng của mình trong thư viện. Đã bảy giờ tối. Oshima và tôi vừa đóng cửa và cách đây một lúc, Miss Saeki đã lái chiếc Volkswagen Golf về nhà. Giờ chỉ còn tôi và Oshima trong thư viện. Và cái tiếng thình thịch khó chịu ấy trong tai tôi.

"Số báo này cách đây hai hôm rồi. Bài này được đăng khi cậu còn ở căn lều trên núi. Khi mình đọc, mình liền nghĩ có thể ông Koichi Tamura này là cha cậu cũng nên. Rất nhiều chi tiết phù hợp. Lẽ ra mình phải đưa cậu xem từ hôm qua, nhưng mình muốn đợi cho cậu ổn định chỗ ở đã."

Tôi gật đầu, ngón tay vẫn ép trên mí mắt.

"Em không giết ông, anh biết đấy."

"Mình biết," Oshima nói. "Hôm xảy ra vụ án mạng, cậu đang ở thư viện này, đọc đến tận tối. Cậu ắt không đủ thì giờ để quay về Tokyo, giết cha cậu, rồi trở lại Takamatsu. Việc đó là bất khả."

Nhưng tôi thì không dám chắc thế. Tôi nhẩm tính và thấy ra rằng cha tôi bị giết vào đúng cái đêm tôi tỉnh dậy với chiếc sơ mi đầy máu.

"Nhưng báo có nói là cảnh sát đang kiếm tìm cậu với tư cách là một nhân chứng quan trọng."

Tôi gật đầu.

"Nếu cậu đến gặp cảnh sát và chứng minh cậu có một bằng chứng ngoại phạm vững chắc, thì mọi chuyện sẽ bội phần dễ dàng hơn là cứ vòng vo tránh né họ. Dĩ nhiên, mình sẽ làm chứng cho cậu."

"Nhưng nếu em làm thế, họ sẽ đưa em trở về Tokyo."

"Mình chắc thế. Mình muốn nói, dù sao cũng phải học nốt trung học - đó là nghĩa vụ mà. Ở tuổi này, cậu không thể đi bất cứ nơi nào cậu muốn được. Theo đúng luật, cậu vẫn cần có người giám hộ."

Tôi lắc đầu.

"Em không muốn phải giải thích chuyện gì với bất kỳ ai. Và em

không muốn trở về nhà ở Tokyo."

Im lặng một lúc, Oshima đăm đăm nhìn tôi. "Đó là một điều cậu sẽ phải tự quyết định lấy," cuối cùng, anh nói, giọng bình tĩnh. "Mình nghĩ cậu có quyền sống theo bất cứ cách nào cậu muốn. Dù cậu mười lăm hay năm mươi tuổi thì có gì quan trọng. Nhưng khốn thay, xã hội lại không đồng ý thế. Vậy cứ cho rằng cậu 'không muốn giải thích chuyện gì với bất kỳ ai' đi. Cậu sẽ luôn luôn phải trốn tránh cảnh sát và xã hội. Cuộc đời cậu sẽ rất gay go. Cậu mới mười lăm tuổi đầu, còn cả cuộc đời ở trước mặt. Cậu thấy thế có ổn không?"

Tôi không nói gì.

Oshima cầm tờ báo lên, đọc lướt lại bài báo một lần nữa. "Theo bài này, cậu là người thân duy nhất của cha cậu."

"Em có mẹ và một chị gái," tôi giải thích, "nhưng hai người bỏ nhà đi từ lâu rồi và em không biết hiện họ ở đâu. Ngay cả nếu em biết, thật tình em cũng không chắc họ có về chịu tang hay không."

"Chà, nếu cậu không ở đó, không biết ai sẽ lo liệu mọi chuyện. Nào là đám tang, nào là công việc làm ăn của cha cậu."

"Như trong báo nói, cha em có một cô thư ký văn phòng, lo toan mọi sự. Cô biết công việc của ông, nên em tin chắc cô ấy có thể xử lý tốt. Em chẳng muốn gì trong những cái ông để lại cho em. Ngôi nhà, đất đai và mọi thứ khác, họ có thể thanh lý những cái đó theo bất cứ cách nào họ muốn."

Cái duy nhất tôi thừa kế từ ông mà tôi không thể khước từ, tôi nghĩ thầm, đó là ADN của tôi.

"Hãy cải chính nếu như mình nói sai," Oshima nói, "nhưng hình như cậu không buồn lắm về chuyện cha cậu bị giết."

"Không, em có buồn chứ. Dù sao ông cũng là cha em mà. Song điều em thực sự tiếc là ông không chết sớm hơn. Em biết điều này nói ra thật là kinh khủng."

Oshima lắc đầu. "Không sao. Hơn lúc nào hết, cậu có quyền trung thực với chính mình."

"Vậy, em nghĩ..." Giọng tôi trở nên yếu ớt, thiếu sức thuyết phục. Không biết hướng vào đâu, những lời tôi nói rơi tõm vào khoảng trống. Oshima tiến lại, ngồi xuống cạnh tôi.

"Đủ mọi chuyện đang xảy đến với em," tôi mở đầu. "Một số do tự em chọn, một số thì không, nhưng giờ em không còn phân biệt rảnh rẽ được nữa. Điều em muốn nói là, dường như là mọi sự đã được định trước - rằng em đang đi theo một con đường do một người nào khác đã vạch sẵn cho em. Cho dù em có cố gắng suy nghĩ đến đâu để hiểu cho ra, cũng vô ích. Trên thực tế, em càng cố, thì lại càng mất đi ý thức về bản thân, càng không hiểu mình là ai nữa. Cứ như em đang

chệch xa khỏi quĩ-đạo-bản-ngã của mình và điều đó thật sự là đau đớn. Hơn thế nữa, nó còn làm em sợ. Mới chỉ nghĩ đến đã thấy chợn."

Oshima đặt tay lên vai tôi và tôi cảm thấy hơi ấm của bàn tay ấy. "Cứ cho là tất cả những lựa chọn, tất cả những cố gắng của em đều phí hoài đi nữa, thì em vẫn là em, chứ không phải bất kỳ ai khác. Và em đang tiến tới với tư cách là *bản thân mình*. Vậy nên hãy vô tư đi."

Tôi ngẩng đầu lên nhìn anh. Giọng anh thật thuyết phục. "Tại sao anh nghĩ thế?"

"Bởi vì trong đó có yếu tố mỉa mai."

"Mỉa mai?"

Oshima nhìn sâu vào mắt tôi. "Nghe này, Kafka. Những gì em đang trải qua đều là môtíp của nhiều bi kịch Hy Lạp. Con người ta không chọn số phận, mà số phận chọn con người. Đó là thế giới quan cơ bản của kịch Hy Lạp. Và chất bi kịch - theo Aristotle - mỉa mai thay, lại không bắt nguồn từ những nhược điểm của các nhân vật chính, mà từ những phẩm chất tốt của họ. Em có hiểu anh muốn nói gì không? Người ta bị kéo sâu vào bi kịch không phải bởi những khuyết điểm mà bởi những *đức tính* của mình. Vở *Oedipus làm vua* của Sophocles là một thí dụ lớn. Oedipus ngụp vào bi kịch không phải vì chàng lười biếng hay ngu ngốc, mà chính vì lòng dũng cảm và trung thực của chàng. Từ đó nảy ra một chất mỉa mai tất yếu."

"Vậy là tình thế không lối thoát."

"Cái đó còn tùy," Oshima nói. "Đôi khi là thế đấy. Nhưng sự mỉa mai làm cho con người sâu sắc hơn, giúp họ trưởng thành. Đó là cửa vào sự cứu rỗi ở một bình diện cao hơn, vào một nơi ta có thể tìm thấy một thứ hy vọng phổ quát hơn. Vì thế ngay cả bây giờ, người ta vẫn thích đọc bi kịch Hy Lạp, vì thế mà nó vẫn được coi là kinh điển mẫu gốc. Mình đang tự lặp lại, nhưng quả vậy, mọi thứ trên đời đều là ẩn dụ. Thực tế, người ta không giết cha mình và ngủ với mẹ mình, phải không nào? Nói cách khác, chúng ta chấp nhận sự mỉa mai thông qua một thủ pháp gọi là ẩn dụ. Và qua đó, chúng ta trưởng thành và trở nên những con người sâu sắc hơn."

Tôi không nói gì. Tôi đang quá mải suy nghĩ về tình thế của chính mình.

"Có bao nhiêu người biết em đang ở Takamatsu?" Oshima hỏi.

Tôi lắc đầu. "Em đến đây là tự ý mình, nên em nghĩ chẳng ai khác biết được."

"Vậy thì tốt nhất là em cứ tạm ẩn ở thư viện một thời gian. Đừng ra làm việc ở khu tiếp tân. Anh không tin là cảnh sát có thể mò ra dấu tích của em, nhưng nếu tình hình gay go, em vẫn có thể trốn về căn nhà gỗ ở Kochi."

Tôi nhìn Oshima. "Nếu em không gặp anh thì không biết em sẽ xoay xở ra sao. Chẳng có ai khác có thể giúp em."

Oshima mỉm cười. Anh cất tay khỏi vai tôi và đăm đăm nhìn vào bàn tay ấy. "Cái đó không đúng. Mình dám chắc rằng nếu không gặp mình, cậu sẽ tìm thấy một đường đi khác. Mình không biết tại sao, nhưng mình tin chắc vậy. Mình thực sự cảm thấy như thế về cậu." Anh đứng dậy, đến bàn giấy cầm một tờ báo khác mang lại cho tôi "Tiện thể, bài này đăng trong số ra hôm kia. Mình nhớ kỹ vì chuyện này thật dị thường. Có thể chỉ là trùng hợp thôi, nhưng nó diễn ra ở gần nhà cậu."

MƯA CÁ

2.000 cá mòi và cá thu từ trên trời rơi xuống

khu buôn bán Quận Nakano

Khoảng 6 giờ tối hôm 29, cư dân khối X quận Nakano bàng hoàng khi 2.000 con cá mòi và cá thu từ trên trời trút xuống như mưa. Hai bà nội trợ đang mua hàng ở chợ đã bị thương nhẹ ở mặt bởi cá rơi sượt qua, ngoài ra không ai khác bị tổn thương nặng. Vào lúc xảy ra sự kiện này, trời đang nắng, quang mây, lặng gió. Phần lớn cá đều còn sống, giãy đành đạch trên đường.

Tôi đọc xong đoạn tin và đưa trả tờ báo cho Oshima. Phóng viên đưa ra một số suy đoán có thể là nguyên nhân gây ra sự kiện nhưng tất cả đều thiếu sức thuyết phục. Cảnh sát điều tra theo hướng liên quan đến trộm cắp hoặc có kẻ đùa dai. Nha Khí tượng thông báo hiện không có bất cứ điều kiện khí quyển nào có thể dẫn đến một cơn mưa cả. Còn người phát ngôn của Bộ Nông-Lâm-Ngư nghiệp thì vẫn chưa bình luận gì.

"Cậu có nghĩ ra tại sao lại xảy ra chuyện lạ ấy không?" Oshima hỏi tôi.

Tôi lắc đầu. Chịu.

"Ngay hôm sau ngày cha cậu bị giết, gần nơi xảy ra vụ án mạng, hai nghìn cá mòi và cá thu rơi từ trên trời xuống. Chỉ là sự trùng hợp thôi ư?"

"Em chắc thế."

"Báo còn đăng tin là cùng ngày hôm ấy, ở khu nghỉ chân Fujigawa trên xa lộ Tomei, giữa đêm khuya, một đống đỉa đã từ trên trời ụp xuống một khoảng nhỏ hẹp, gây ra mấy vụ đụng xe nhẹ. Nghe nói đỉa rất lớn. Không ai giải thích được tại sao lại có cơn mưa đỉa đó. Đó là một đêm sáng trời, quang mây. Cả vụ này, cậu cũng không hiểu tại sao, phải không?"

Một lần nữa tôi lại lắc đầu.

Oshima gập tờ báo lại và nói "Có nghĩa chúng ta đứng trước một thực tế: một chuỗi sự kiện kỳ lạ, không thể giải thích được đang nối tiếp nhau diễn ra. Có thể đó chỉ là một loạt những trùng hợp, nhưng nó vẫn khiến mình thắc mắc. Ở đây có một cái gì mình không nêu ra cụ thể được."

"Có thể đó là một ẩn dụ chăng?" tôi đánh bạo gợi ý.

"Cũng có thể... Nhưng mưa cá mòi và cá thu, mưa đỉa là cái thứ ẩn dụ ám chỉ gì chứ?"

Trong im lặng, tôi cố tìm cách diễn đạt thành lời cái điều mà bao lâu nay tôi không nói ra được. "Anh biết không? Mấy năm trước đây, cha em có một lời tiên đoán về em."

"Một lời tiên đoán?"

"Điều này, em chưa từng nói với ai bao giờ. Em nghĩ hẳn sẽ chả ai tin em."

Oshima không nói gì. Tuy nhiên, sự im lặng của anh lại động viên tôi.

"Một lời nguyền rủa thì đúng hơn là một tiên đoán. Cha em nhắc đi nhắc lại với em điều đó không biết bao nhiêu lần. Như thể ông muốn khắc từng chữ vào óc em vậy." Tôi hít một hơi thật sâu và ôn lại lần nữa những gì tôi cần nói ra. Thực ra tôi đâu cần phải ôn lại - bao giờ nó chả ở đấy, ong ong trong đầu tôi, cho dù tôi có kiểm tra lại hay không. Nhưng tôi cần phải cân nhắc từng chữ một lần nữa. Và đây là điều tôi nói: "*Một ngày kia, mày sẽ giết cha mày và ngủ với mẹ mày, cha em nói thế đấy*."

Một khi đã nói ra, diễn đạt cái ý đó thành lời cụ thể, tôi bỗng cảm thấy lòng mình trống huơ trống hoác. Và bên trong cái khoảng trống đó, tim tôi đập rộn với một âm thanh kim khí và rỗng.

Sắc mặt không chút thay đổi, Oshima nhìn tôi hồi lâu.

"Vậy là ông nói một ngày nào đó, chính tay cậu sẽ giết cha và ngủ với mẹ."

Tôi gật lia lịa.

"Y hệt lời tiên đoán với Oedipus. Mình nghĩ cậu biết chứ?"

Tôi gật đầu. "Nhưng chưa hết. Ông còn đưa thêm vào đó một chi tiết phụ. Em có một chị gái hơn em sáu tuổi và cha em nói em sẽ ngủ với cả chị ấy."

"Cha cậu nói với cậu thế thật sao?"

"Vâng. Dạo ấy, em còn đang học cấp một và còn chưa hiểu ra từ "ngủ" đó nghĩa là thế nào. Mãi đến mấy năm sau, em mới vỡ ra."

Oshima không nói gì.

"Cha em bảo không cách chi em thoát được cái mệnh đó. Lời tiên

đoán đó giống như một cơ chế định giờ được gá trong gien của em và không có gì có thể hóa giải được. *Em sẽ phải giết cha em và ngủ với cả mẹ em lẫn chị em.*"

Oshima vẫn lặng thinh một lúc nữa như thể đang tra vấn, xem xét từng chữ một trong những lời tôi vừa nói để tìm ra đầu mối dẫn tới chìa khoá của điều bí hiểm này. "Tại sao cha cậu lại đi nói với cậu một điều gớm ghiếc như thế cơ chứ?" cuối cùng anh hỏi.

"Em không biết. Ông không hề giải thích thêm," tôi lắc đầu nói. "Có thể ông muốn trả thù vợ và con gái đã bỏ ông. Muốn trừng phạt họ, chắc thế. Thông qua em."

"Dù như thế có nghĩa là làm cậu tổn thương?"

Tôi gật đầu. "Đối với cha em, có lẽ em chả hơn gì một bức tượng của ông ấy. Một thứ mà ông ấy có thể tạo ra hay đập vỡ tùy theo ông thấy có thích hợp hay không."

"Thật lả một cách nghĩ kỳ quái," Oshima nói.

"Ở nhà chúng em, *mọi th*ứ đều kỳ quái. Và khi mà mọi thứ đều kỳ quái, thì rốt cuộc, cái gì bình thường đâm ra có vẻ quái dị. Em đã biết điều đó từ lâu, nhưng em chỉ là một đứa bé. Em còn biết đi đâu khác?"

"Mình đã được xem tác phẩm của cha cậu một số lần," Oshima nói. "Ông là một điêu khắc gia tuyệt vời. Tượng của ông độc đáo, khiêu khích, đầy uy lực. Không thỏa hiệp, mình muốn dùng chữ ấy. Rành là nghệ thuật đích thực."

"Có thể là thé. Nhưng những đầu thừa đuôi thẹo sót lại từ những sáng tác ấy, ông rải ra khắp nhà như một thứ thuốc độc, không trốn đâu cho thoát được. Cha em làm ô nhiễm tất cả những gì ông đụng vào, làm tổn thương tất cả những ai ở quanh ông. Em không biết có phải ông cố tình làm thế hay không. Có thể là ông *phải* làm thế. Có thể đó là một phần bản chất của ông. Dù sao mặc lòng, em vẫn có cảm giác là ông gắn bó với một cái gì rất khác thường. Anh có hiểu em muốn nói gì không?"

"Mình nghĩ là có," Oshima nói. "Một cái gì vượt khỏi phạm vi cái thiện và cái ác. Có thể gọi nó là nguồn sức mạnh."

"Và cái đó chiếm nửa phần gien của em. Có lẽ vì thế mà mẹ em bỏ em lại. Có thể bà muốn đoạn tuyệt với em vì em sinh ra từ cái nguồn dễ sợ ấy. Vì em đã bị ô nhiễm."

Oshima khẽ ấn đầu ngón tay vào thái dương, ngẫm nghĩ. Anh lim dim mắt nhìn tôi. "Liệu có khả năng ông ấy không phải là cha đẻ của cậu không?"

Tôi lắc đầu. "Cách đây mấy năm, cha con em đã làm xét nghiệm ở một bệnh viện. Người ta đã lấy mẫu máu hai cha con để kiểm tra

ADN. Không thể nghi ngờ về điểm này - trăm phần trăm, đó là cha sinh học của em. Họ đã cho em xem kết quả xét nghiệm."

"Ông ấy quả là rất cẩn thận."

"Em đồ rằng ông ấy muốn em biết mình là một trong những tác phẩm do ông sáng tạo. Một cái gì ông đã hoàn thành và ký tên."

Những ngón tay của Oshima vẫn áp trên tháidương. "Nhưng lời tiên đoán của cha cậu vẫn chưa ứng nghiệm, phải không nào? Cậu không giết cha cậu. Khi điều đó xảy ra, cậu đang ở đây, tại Takamatsu. Một kẻ khác đã giết ông ở Tokyo."

Tôi lặng lẽ xòe hai bàn tay ra trước mặt và nhìn trân trân vào đó. Đôi bày tay đã dính đầy máu trong đêm tối. "Về điểm này, em không dám chắc lắm," tôi nói với anh.

Và tôi lần lượt kể cho anh nghe tất cả. Chuyện tôi bị bất tỉnh trên đường về khách sạn. Chuyện tôi tỉnh lại trong khu rừng đằng sau miếu thờ, và chiếc sơ mi đẫm máu ai đó. Chuyện gột máu trong nhà vệ sinh. Cả việc mấy giờ liền bị xóa hẳn trong trí nhớ của tôi. Để khỏi mất thì giờ tôi bỏ qua đoạn tôi qua đêm ở chỗ Sakura. Oshima thỉnh thoảng hỏi một đôi câu và sắp xếp các chi tiết vào bộ nhớ trong đầu. Nhưng anh không phát biểu ý kiến gì.

"Em không hiểu làm sao người em lại đầy máu như thế, mà cũng chẳng biết là máu của ai nữa. Quãng thời gian ấy là một khoảng trống hoàn toàn," tôi nói. "Nhưng có thể em đã giết cha em bằng chính tay mình, chứ không phải theo nghĩa ẩn dụ. Em thật sự có cảm giác là mình đã *làm việc đó*. Như anh đã nói, hôm ấy em ở Takamatsu - rành là em không đi Tokyo. Nhưng *trách nhiệm bắt đầu từ trong mơ*, phải không nào?"

Oshima gật đầu. "Thơ của Yeats."

"Vậy có thể em đã giết cha em qua một giấc mơ," tôi nói. "Có thể em đã đi đến Tokyo thông qua kênh đặc biệt của chiêm bao và đã giết ông."

"Đó là cảm nghĩ của cậu và cậu cho đó là thật, nhưng sẽ không có ai thẩm vấn cậu về trách nhiệm trong mơ đâu. Chắc chắn cảnh sát sẽ không làm thế. Không ai có thể ở hai nơi cùng một lúc. Đó là một sự thật khoa học đã được Einstein chứng minh và pháp luật chấp nhận nguyên lý ấy."

"Nhưng em đâu có nói chuyện khoa học hay pháp luật ở đây."

"Kafka," Oshima. "điều cậu nói chỉ là một giả thuyết. Một giả thuyết táo bạo và siêu thực đáng được chuyển thành kịch bản phim khoa học viễn tưởng."

"Tất nhiên, đó chỉ là giả thuyết. Em biết thế. Em nghĩ chắc chẳng ai tin nổi một điều ngớ ngẩn đến như vậy. Nhưng sinh thời, cha em

thường nói không có phản chứng nhằm bác bỏ một lý thuyết, thì khoa học sẽ không bao giờ tiến bộ. *Lý thuyết là một bãi chiến trường trong đầu*, đó là câu ưa thích của ông. Và ngay lúc này, em không thể nghĩ ra phản chứng nào để bác bỏ giả thuyết của mình."

Oshima im lặng. Và tôi thì không nghĩ ra điều gì khác để nói.

"Dù sao đi nữa," cuối cùng Oshima nói, "chính vì thế mà cậu bỏ nhà đến Shikoku. Để trốn khỏi lời nguyền của cha cậu."

Tôi gật đầu và chỉ tờ báo gập tư. "Nhưng xem chừng chẳng có cách nào trốn thoát."

Khoảng cách sẽ không giải quyết được gì hết, cái thằng tên Quạ nói thế.

"Vậy rành là cậu cần một nơi ẩn náu," Oshima nói: "Ngoài ra, mình chả còn biết nói gì hơn."

Tôi chợt nhận ra mình mệt biết bao. Tôi ngả người dựa vào Oshima và anh quàng tay ôm vai tôi.

Tôi gục mặt vào bộ ngực phẳng của anh. "Oshima, em không muốn làm những điều đó. Em không muốn giết cha em. Hoặc ngủ với mẹ em và chị gái em."

"Dĩ nhiên là thế," anh đáp, đưa tay vuốt mái tóc húi cua ngắn của tôi. "Làm sao em có thể muốn vậy được?"

"Kể cả trong mơ cũng không."

"Cũng như trong ẩn dụ," Oshima nối lời. "Hay trong ngụ ngôn, hay một tương suy." Anh dừng một lát rồi tiếp. "Nếu em không phiền, anh sẽ ở lại với em đêm nay. Anh có thể ngủ trên ghế."

Nhưng tôi khước từ. Tôi bảo anh là tôi muốn được một mình.

Oshima vuốt lại mớ tóc rủ xuống trán. Sau một chút do dự, anh nói, "Mình biết mình chỉ là một con ái nam ái nữ rách nát vô vọng và nếu đó là điều làm cậu e ngại thì..."

"Không," tôi nói, "tuyệt nhiên không phải thế. Em chỉ cần được một mình ít lâu để suy nghĩ thôi. Quá nhiều điều đã xảy ra cùng một lúc. Có vậy thôi."

Oshima ghi một số điện thoại trên một tập giấy nhắn. "Nửa đêm, nếu cậu cảm thấy muốn trò chuyện với ai, thì gọi số này. Đừng ngần ngại nhé. Mình tỉnh ngủ lắm."

Tôi cảm ơn anh.

Đêm ấy, tôi đã thấy một con ma.

Chương 22

Chiếc xe tải cho Nakata quá giang tới Kobe, ngay sau năm giờ sáng. Ngoài trời đã sáng, nhưng nhà kho vẫn đóng cửa nên chưa thể dỡ hàng được. Họ đậu xe trong một con phố rộng gần cảng và ngủ đỡ một giấc. Gã tài xế trẻ nằm dài trên ghế sau, nơi gã vẫn thường ngả lưng, và chẳng mấy chốc đã ngáy như sấm. Tiếng ngáy của gã đôi khi làm Nakata thức giấc, song lần nào lão cũng ngủ lại ngon lành. Mất ngủ là một hiện tượng xa lạ đối với Nakata.

Trước tám giờ một chút, gã lái xe ngồi dậy, ngoác miệng ngáp thật to. “Này, ông có đói không, ông nội?”. Gã đang cạo mặt bằng một cái dao cạo điện, dùng kính chiếu hậu làm gương.

“Nhắc đến mới nhớ, phải, Nakata có hơi đói.”

“Vậy ta hãy đi kiếm tí gì lót dạ đi.”

Từ lúc rời Fujigawa cho đến lúc tới Kobe, phần lớn thời gian Nakata chỉ ngủ. gã tài xế trẻ hầu như cũng im lặng suốt, chỉ vừa lái vừa nghe một chương trình phát thanh khuya. Thi thoảng, gã hát theo đài những bài Nakata chưa từng nghe bao giờ. Lão thậm chí không chắc những bài đó có phải bằng tiếng Nhật hay không, vì lão hầu như không hiểu lời ca nói gì, họa hoằn mới nghe rõ một chữ. Lão lấy trong túi bố ra gói cơm nắm và sô-cô-la, quà của các cô gái ở Shinjuku, chia cho gã.

Gã này hút thuốc lá liên tục, điếu này nối điếu kia, nói rằng điều đó giúp cho mình tỉnh táo, thành thử khi tới Kobe, quần áo của Nakata đã sực mùi khói thuốc.Tay xách túi và ô, Nakata khệ nệ xuống xe.

“Ông nên để những thứ này trong xe thì hơn,” gã tài nói. “Chúng ta sẽ không đi xa và ăn xong một cái là về ngay thôi mà.”

“Vâng, cậu nói chí phải, cơ mà Nakata này mang nó theo thì yên tâm hơn.”

Gã nhíu mày. “Thế nào cũng được. Mấy lại cháu đâu có phải mang vác nó. Tùy ông thôi.”

“Cám ơn cậu.”

“Tiện thể xin nói để ông biết tên cháu là Hoshino. Viết giống như tên cựu huấn luyện viên của đội Chunichi Dragons ấy. Nhưng cháu không phải là bà con họ hàng gì với ông ta đâu.”

“Cậu Hoshino ư? Rất hân hạnh. Tên lão là Nakata.”

“Cái đó thì cháu biết rồi. Đi nào,” Hoshino nói.

Gã thông thạo khu này và sải bước dọc con phố khiến Nakata gần

như phải chạy lon ton mới theo kịp. Cuối cùng họ vào một tiệm ăn nhỏ ở một ngõ hẻm, ngồi cùng các lái xe tải khác và các công nhân bốc dỡ ở bến tàu. Không thấy một chiếc cà vạt nào. Tất cả đều lặng lẽ xúc lấy xúc để món điểm tâm của mình như thể đang đổ đầy bình xăng của xe. Cửa hàng đầy những tiếng thìa bát lách cách, tiếng cô hầu bàn hô truyền xuống nhà bếp tên các món thực khách gọi, tiếng đọc bản tin sáng từ một chiếc tivi đặt trong góc.

Hoshino chỉ tờ thực đơn dán trên tường. "Ông nội thích món gì thì cứ gọi. Ở đây vừa rẻ vừa ngon."

"Được, Nakata nói và theo lời gã, nhìn trân trân vào bảng thực đơn cho đến khi lão nhớ ra là mình không biết đọc. "Xin lỗi cậu Hoshino, Nakata này không được sáng dạ và không biết đọc."

"Thật thế không?" Hoshino ngạc nhiên hỏi. "Không biết đọc? Thời buổi này đó là chuyện hiếm. Nhưng không sao. Cháu chọn cá nướng với trứng ốp-lết, ông cũng thế nhé?"

"Nghe hay đấy. Cá nướng với ốp-lết là một trong những món ưa thích của Nakata này."

"Tốt."

"Lão cũng rất thích lươn."

"Thế à? Cháu cũng thích lươn. Nhưng lươn không phải là món lót dạ buổi sáng."

"Đúng. Mấy lại tối qua, Nakata này vừa ăn lươn rồi, cậu Hagita đã đãi lão."

"Tốt," Hoshino lại tán thưởng. "Hai cá nướng với ốp-lết!" gã gọi to cho cô hầu bàn. "Một cho nhiều cơm vào nhé!"

"Hai cá nướng với ốp-lết, một nhiều cơm!" cô hầu bàn lớn tiếng hô truyền vào nhà bếp.

"Không biết đọc có phiền không ông nội?" Hoshino hỏi.

"Có chứ, đôi khi lão đến khổ vì không biết đọc. chừng nào còn ở quận Nakano trong Tokyo thì còn không đến nỗi tệ, nhưng nếu đi đâu khác như bây giờ thì rất gay."

"Cháu đoán thế. Kobe cách Tokyo xa lắm."

"Nakata này không biết đâu là Bắc, đâu là Nam, chỉ biết bên nào là trái, bên nào là phải, nên dễ bị lạc lắm. Lão lại không biết mua vé nữa."

"Thế mà ông đi đến tận đây được, thật không thể tin nổi."

"Có nhiều người tốt sẵn lòng giúp lão. Cậu cũng ở trong số đó, cậu Hoshino. Lão không biết cám ơn cậu thế nào cho vừa."

"Dù sao, không biết đọc cũng thật là gay. Ông cháu tuy lẫn cẫn nhưng vẫn đọc được tốt."

“Lão thuộc loại đần đặc biệt.”

“Gia đình ông ai cũng thế sao?”

“Không. Anh trai lão là *chưởng buồng* ở một sở gọi là *Itô-tru*, còn em trai lão làm việc ở *Bộ Xương mại*.”

“Oao!” Hoshino nói. “Toàn trí thức cả. Vậy chỉ có mình ông là hơi ‘nghiêng’ thôi à?”

“Phải, chỉ có Nakata này bị tai nạn và không sáng dạ thôi. Vì thế mà mọi người luôn dặn lão đừng có ra ngoài nhiều kẻo gây rắc rối cho anh trai, em trai, cháu trai cháu gái lão.”

“Phải, cháu chắc hầu hết đều thấy bối rối khi có một người như ông thình lình xuất hiện.”

“Những cái đó thì lão không hiểu, nhưng lão biết rằng chừng nào còn ở trong quận Nakano thì lão không lạc. Ngài Tỉnh trưởng giúp đỡ lão và lão hòa hợp với bọn mèo. Mỗi tháng lão cắt tóc một lần và thi thoảng, lão ăn một chầu lươn. Nhưng sau chuyện Johnnie Walker, Nakata này không thể ở lại quận Nakano nữa.”

“Johnnie Walker?”

“Phải. Hắn ta đi ủng, đội một cái mũ đen cao thành, mặc áo đuôi tôm và cầm can. Hắn ta bắt mèo gom lại để lấy hồn bọn nó.”

“Thôi nào...” Hoshino nói. “Cháu nghe kể lể dài dòng sốt ruột lắm. tóm lại, đã xảy ra chuyện gì khiến ông phải bỏ Nakano mà đi, phải không nào?”

“Đúng. Lão đi khỏi Nakano.”

“Vậy ông đi đâu?”

“Nakata chưa biết. Nhưng sau khi tới đây, lão biết là phải qua một cái cầu. Một cái cầu lớn gần đây.”

“À, vậy ông đi Shikoku.”

“Cậu Hoshino, lão xin lỗi, lão mù tịt về địa lý. Đi qua cầu là đến Shikoku à?”

“Phải. Nếu ông nói cây cầu to gần đây, thì đó là cầu ra đảo Shikoku. Thực ra là có những ba cái cơ. Một cái từ Kobe qua đảo Awaji dẫn đến Tokushima. Một cái ở mé dưới Kurashiki bắc sang Sakaide. Và một cái nữa nối Onomichi với Imabari. Kể ra chỉ một cây cầu cũng đủ chán, cơ mà các nhà chính trị cứ chõ mũi vào, thành thử có những ba cái. Thật điển hình là những dự án lấy tiền Nhà nước để giành phiếu bầu!”

Hoshino đổ chút xíu nước lên mặt bàn bằng nhựa, lấy đầu ngón tay vẽ phác bản đồ Nhật Bản, chỉ ba cây cầu nối Honshu với Shikoku.

“Ba cái cầu ấy có to thật không?” Nakata hỏi.

“To tổ bố.”

“Thật à? Dù sao Nakata này cũng sẽ đi qua một cái. Có lẽ là cái nào gần nhất. Sau đó, lão sẽ nghĩ ra phải làm gì.”

“Có nghĩa là ông không có bạn bè, bà con gì ở nơi ông đang nhằm đến?”

“Không, Nakata này chẳng quen biết ai ở đó cả.”

“Ông chỉ qua cầu đến Shikoku rồi lại đi tiếp đến một nơi khác?”

“Đúng thế.”

“Và ông không biết *nơi khác* đó là *ở đâu*?”

“Hoàn toàn không. Cơ mà cứ đến đó rồi khắc biết, lão nghĩ thế.”

“Chu cha!” Hoshino nói. Gã vuốt tóc, chỉnh lại cái bím đuôi ngựa rồi đội chiếc mũ cầu thủ Chunichi Dragons lên đầu.

Thức ăn bưng ra, họ bắt đầu ăn.

“Ốp-lết ngon đấy chứ ông?” Hoshino hỏi.

“Vâng, rất ngon. Vị của nó khác với món ốp-lết lão vẫn ăn ở Nakano.”

“Là vì nó được làm theo kiểu Kansai. Khác hẳn cái thứ bèn bẹt vô vị giả danh ốp-lết ở Tokyo.”

Hai người lặng lẽ thưởng thức bữa sáng gồm có ốp-lết, cá thu muối nướng, xúp trai miso, củ cải đỏ ngâm, rau dền ướp gia vị, rong biển. vét sạch không sót một hạt cơm. Nakata nhai thật kỹ, mỗi miếng đúng ba mươi hai lần trước khi nuốt, thành thử khá lâu mới xong bữa.

“Đủ chưa, ông nội Nakata?”

“Đã đời. Còn cậu thế nào, cậu Hoshino?”

“Cả cháu cũng no căng. Đả một bữa điểm tâm ngon lành như thế này, tinh thần lên phơi phới, phải không ông?”

“Phải, nhất định rồi.”

“Thế nào? Có toa-lét cái không?”

“Cậu nhắc, lão mới thấy mót.”

“Vậy thì đi đi. Nhà vệ sinh đằng kia kìa.”

“Còn cậu, cậu Hoshino?”

“Cháu đi sau. Cháu nhẩn nha tí đã.”

“Cám ơn. Nakata này đi tháo bụng một cái đây.”

“Này, đừng nói to thế. Mọi người còn đang ăn kia kìa.”

“Xin lỗi, Nakata này chẳng sáng dạ tí nào.”

“Không sao. Ông cứ đi đi.”

“Tiện thể, lão đánh răng luôn, có được không?”

“Được. Ông đi đi. Chúng ta còn thời gian mà. Ông muốn làm gì thì

làm. Cơ mà cháu nghĩ ông chẳng cần mang cái ô này theo làm gì. Ông chỉ đi cầu thôi mà, phải không nào?"

"Thôi được. Lão để cái ô này lại."

Khi Nakata quay về, Hoshino đã thanh toán xong xuôi.

"Cậu Hoshino, lão có tiền mà, chí ít cũng xin cậu để lão trả bữa điểm tâm này."

Hoshino lắc đầu. "Có gì đâu, cháu còn nợ ông khối. Hồi ấy cháu phá lắm."

"Lão hiểu. Cơ mà lão đâu phải là ông của cậu."

"Đó là vấn đề của cháu, vậy nên ông đừng băn khoăn. Không tranh cãi nữa, được không? Cứ để cháu đãi ông."

Nghĩ một lúc, Nakata quyết định chấp nhận lòng hào hiệp của gã lái xe. "Vậy thì cám ơn cậu nhiều. Quả là một bữa ăn tuyệt vời."

"Dào, có mấy miếng cá thu với ốp-lết ở một tiệm ăn ba xu ấy mà. Đâu cần phải cúi đầu cảm ơn thế."

"Cơ mà cậu biết đấy, cậu Hoshino, từ khi Nakata này rời Nakano, ai ai cũng đầy hảo tâm với lão đến nỗi lão hầu như chưa phải tiêu đồng nào."

"Tuyệt," Hoshino nói, thán phục.

Nakata nhờ một cô hầu bàn rót đầy trà nóng vào chiếc phích nhỏ của mình rồi thận trọng đặt nó trở lại trong túi bố. Quay trở về chỗ đậu xe, Hoshino hỏi, "Vậy còn chuyện đi Shikoku thế nào?"

"Dạ?" Nakata nói.

"Tại sao ông muốn đến đó?"

"Lão không biết."

"Ông không có mục đích cụ thể, thậm chí không biết mình đến đâu, vậy mà ông vẫn muốn đi Shikoku?"

"Đúng thế. Nakata này phải đi qua một cây cầu to."

"Sự thể sẽ sáng tỏ hơn khi ông sang đến bờ bên kia, phải không?"

"Lão nghĩ vậy. Chừng nào chưa qua cầu, lão còn chưa biết gì hết."

"Hmm," Hoshino nói. "Vậy việc qua cầu là rất quan trọng."

"Phải, việc đó quan trọng hơn bất cứ cái gì."

"Đến là lạ," Hoshino vừa nói vừa gãi đầu.

Vì phải lái xe đến kho để giao lô hàng đồ gỗ, Hoshino bảo Nakata chờ gã ở một công viên nhỏ gần cảng.

"Ông chớ có đi khỏi đây nhé!" Hoshino dặn. "Có một nhà vệ sinh ở đằng kia và một vòi nước. Ông đã có mọi thứ ông cần. Ông mà lang thang đâu đó thì có thể không tìm thấy đường về đâu."

"Lão hiểu. Lão không còn ở trong quận Nakano nữa."

“Chính xác. Đây không phải là Nakano. Vậy hãy ngồi yên, cháu sẽ quay về rất sớm thôi.”

“Được. Lão sẽ ở nguyên đây.”

“Tốt. Giao hàng xong một cái là cháu sẽ về ngay.”

Nakata y theo lời dặn, không rời khỏi ghế, thậm chí đi vệ sinh cũng không. lão thấy việc ngồi gí một chỗ hồi lâu chả khó khăn gì. Thực tế, ngồi yên chính là chuyên môn của lão.

Từ chỗ lão ngồi, có thể thấy biển. Đã rất lâu rồi, lão không thấy biển. Hồi nhỏ, Nakata đã cùng gia đình đi nghỉ ở bờ biển bao lần, mặc quần bơi, vùng vẫy ở quanh bờ, lượm vỏ ốc khi nước triều xuống. Những kỷ niệm ấy nay đã nhạt nhòa, như chuyện xảy ra từ kiếp trước. Từ đó đến nay, lão chưa một lần thấy lại biển, ít nhất thì theo trí nhớ của lão.

Sau cái sự kiện kỳ lạ trên đồi Yamanashi, Nakata trở lại trường ở Tokyo. Cậu bé giờ đây đã bình phục về mặt thể chất, ý thức đã trở lại, nhưng bộ nhớ đã bị xóa sạch, không bao giờ phục hồi được khả năng đọc và viết nữa. Vì không đọc được sách giáo khoa, cậu không thể qua được bất kỳ đợt trắc nghiệm nào. Tất cả kiến thức học được cho tới khi đó đều tan biến cũng như khả năng suy nghĩ trừu tượng. Tuy nhiên, nhà trường vẫn để cậu học đến hết cấp. Không theo dõi được những gì cô giáo giảng, cậu ngồi lặng lẽ ở một góc trong lớp. Khi cô giáo bảo làm gì, Nakata tuân thủ triệt để lời cô dặn đến từng chữ. Cậu không làm rầy ai, nên các thầy cô có khuynh hướng quên hẳn sự hiện diện của cậu. Cậu giống một vị “khách” dự thính hơn là một gánh nặng.

Chẳng bao lâu, người ta đâm quên rằng trước khi xảy ra tai nạn, cậu luôn luôn được điểm cao trong lớp. Nhưng giờ đây mọi hoạt động của trường đều không có cậu tham gia. Cậu không có bạn. Tuy nhiên, tất cả những cái đó không làm cậu buồn phiền. Thui thủi một mình có nghĩa là tha hồ chìm đắm trong thế giới riêng nhỏ bé của mình. Điều cuốn hút cậu nhất ở trường là chăm sóc đàn thỏ và dê của nhà trường, tưới tỉa các vạt hoa và quét dọn lớp. Một nụ cười luôn luôn nở trên môi, cậu làm những công việc đó không bao giờ biết mệt.

Cả ở nhà, cậu cũng bị quên đứt. Một khi biết rằng đứa con trai đầu của mình mất khả năng đọc chữ và không theo được bài giảng ở lớp, cha mẹ Nakata – vốn chỉ tập trung toàn tâm toàn ý vào việc học của con cái – liền bỏ rơi cậu và chuyển sự chú ý sang những đứa em. Không thể học tiếp lên trung học, cho nên vừa hết cấp sơ học, Nakata liền bị gửi về quê ngoại, tỉnh Nagano, ở với ông bà ngoại. Tại đây, cậu được đưa vào một trường nông nghiệp. Vì vẫn không biết đọc, cậu học rất vất vả, nhưng cậu yêu thích công việc đồng áng. Thậm chí lẽ ra cậu đã có thể trở thành một nông dân nếu như các bạn cùng

lớp không hành hạ cậu đến thế. Chúng gây cho cậu những vết thương nặng (có lần rách cả tai) đến nỗi ông bà ngoại phải rút cậu khỏi trường và giữ cậu ở nhà để giúp công việc nhà. Nakata là một chú bé lặng lẽ, vâng lời, được ông bà ngoại rất thương yêu.

Chính vào thời gian này, cậu đã phát hiện ra là mình có khả năng nói chuyện với mèo. Ông bà cậu có nuôi mấy con mèo trong nhà và Nakata trở thành bạn thân của chúng. Thoạt đầu, cậu chỉ nói được một số từ, nhưng rồi cậu cố gắng trau dồi như thể học ngoại ngữ và chẳng bao lâu đã có thể nói chuyện dài dài với chúng. Hễ rảnh rỗi là cậu lại ra ngồi ngoài hiên, trò chuyện với mèo. Chúng dạy cho cậu nhiều điều về thiên nhiên và thế giới xung quanh. Thực tế, hầu hết những kiến thức cơ bản về thế giới mà Nakata nắm được là do các bạn mèo của cậu dạy.

Năm mười lăm tuổi, cậu được gửi đến một công ty đồ gỗ gần nhà để học việc. Đó là một xưởng nhỏ chế tác các đồ gỗ thủ công thì đúng hơn một nhà máy. Bàn, ghế và tủ làm ra được chở bằng đường thủy đến Tokyo. Nakata đâm yêu công việc làm gỗ. Ông chủ rất mến cậu vì cậu rất khéo tay, không bao giờ bỏ sót một chi tiết nhỏ nào, tính tình trầm lặng ít nói và tuyệt không bao giờ kêu ca phàn nàn. Đọc bản vẽ hay bổ sung con số không phải là thế mạnh của cậu, nhưng ngoài những nhiệm vụ đó ra, cậu làm tốt tất cả những gì cậu bắt tay vào. Một khi đã nắm được các bước chế tác, cậu có thể lặp lại quy trình đó vô số lần không biết mệt. Sau hai năm học việc, cậu được vào làm chính thức.

Nakata làm ở đó đến khi ngoài năm mươi, không để xảy ra bất cứ sự cố nào, không một lần nghỉ ốm. Lão không uống rượu, không hút thuốc, không thức khuya, không ăn quá độ. Lão không bao giờ xem tivi và chỉ bật đài để nghe chương trình thể dục buổi sáng. Ngày lại ngày, lão chỉ ra công làm đồ gỗ. Ông bà và cha mẹ lão thay nhau qua đời. Mọi người đều mến lão, tuy nhiên lão không có ai là bạn thân thiết. Có lẽ đó cũng là tất nhiên thôi. Phần lớn, khi bắt chuyện với Nakata, chỉ sau mươi phút là không còn gì để nói nữa.

Tuy vậy, lão không bao giờ cảm thấy cô đơn hoặc bất hạnh. Lão không bao giờ cảm thấy thèm muốn tình dục hoặc thậm chí muốn có ai bên cạnh mình. Lão hiểu mình khác mọi người. Lão nghĩ bóng của lão đổ trên mặt đất nhạt hơn, nhẹ hơn bóng những người khác, mặc dầu không ai nhận thấy điều này. Duy nhất, chỉ có lũ mèo thực sự hiểu lão. Kỳ lạ thay, với chúng, lão không bao giờ cạn chuyện để nói.

Ông chủ công ty đồ gỗ qua đời khi Nakata năm mươi hai tuổi và sau đó ít lâu, xưởng đồ gỗ đóng cửa. Cái loại đồ gỗ cổ truyền màu đen ảm đạm ấy bán không chạy như trước nữa. Tất cả các nghệ nhân đều đã già và lớp trẻ không ai thiết học nghề này nữa. Xưởng gỗ, ban đầu ở giữa cánh đồng, nay bốn bề là những nhà mới xây và người ta

bắt đầu kêu ca về tiếng ồn và khói khi đốt phoi bào. Con trai ông chủ làm việc trên tỉnh cho một hãng kế toán, không muốn nối nghiệp cha, nên khi ông cụ vừa mất, là bán luôn tất cả cho một người kinh doanh bất động sản. Sau khi dỡ bỏ xưởng, khu đất đã san bằng được bán cho một chủ thầu phát triển chung cư, người này xây trên đó một ngôi nhà sáu tầng. Tất cả các căn hộ ở đây, ngay hôm đầu rao bán, đã có người mua.

Thế là Nakata mất việc. Công ty có những khoản nợ lớn phải trả, nên lão chỉ được một số tiền hưu còm cõi. Sau đó lão không kiếm được việc làm nào khác. Ai hơi đâu đi thuê một lão già ngoài năm mươi mù chữ, chỉ có độc một ngón nghề chế tác những đồ gỗ cổ mà chẳng ai cần đến nữa?

Nakata đã làm việc liên tục ở xưởng suốt ba mươi bảy năm trời không nghỉ lấy một ngày nên cũng có một số tiền tiết kiệm kha khá ở bưu điện địa phương. Nói chung lão tiêu pha rất ít cho bản thân, cho nên dù không kiếm được việc làm mới, lẽ ra lão cũng vẫn có thể an hưởng tuổi già bằng khoản tiền tiết kiệm đó. Vì lão không biết đọc biết viết, một người em họ làm ở tòa thị chính giúp lão quản lý tài khoản ở bưu điện. Là một người tốt bụng nhưng thiếu nhạy bén với thời cuộc, người em họ này đã bị một tên mối lái nhà đất vô lương tâm lừa phỉnh đầu tư vào một dự án nhà cho thuê tại một khu thể thao mùa đông và cuối cùng đâm nợ lút đầu. Vào quãng thời gian Nakata mất việc, người em họ này biến mất cùng cả gia đình để trốn các chủ nợ. Hình như một số chủ nợ thuộc dạng mafia đã truy tìm ông ta. Không ai biết gia đình đó hiện ở đâu, hay thậm chí có còn sống hay không.

Khi Nakata nhờ một người quen đưa đến bưu điện để kiểm tra số dư, lão phát hiện ra là chỉ còn mấy nghìn *yen* trong tài khoản. Cả món lương hưu được nhập thẳng vào tài khoản, cũng đã biến mất. Chỉ có thể nói là Nakata hết sức đen đủi – đã mất việc lại thêm trắng tay. Bà con họ hàng đều thương lão nhưng họ cũng đều lạ nạn nhân của vụ này do đã cho ông em họ trứ danh kia vay tiền hoặc đem tài sản thế chấp giúp ông ta. Thành thử, không một ai có khả năng giúp Nakata trong cơn hoạn nạn.

Cuối cùng, một trong hai em trai Nakata, người kế ngay sau lão, quyết định đưa lão về Tokyo ở tạm với mình để tiện chăm nom. Ông có một ngôi nhà ở Nakano phân làm nhiều căn để cho những người độc thân thuê – phần thừa kế của ông từ tài sản của cha mẹ - và ông dành một căn cho anh trai. Ông cũng quản lý giúp khoản tiền không lớn lắm mà cha mẹ họ để lại cho Nakata theo di chúc và xoay xở xin được cho lão một trợ cấp của Tòa Thị chính Tokyo. Đó là tất cả những gì ông có thể làm cho Nakata. Tuy mù chữ, nhưng Nakata vẫn có thể tự mình lo liệu những nhu cầu thường nhật, và chừng nào

tiền nhà không phải trả, lão có thể xoay xỏa đâu vào đấy.

Hai người em trai rất ít tiếp xúc với lão. Họ gặp lão vài lần khi lão mới trở về Tokyo và chỉ thế thôi. Họ đã sống riêng biệt hơn ba mươi năm và cung cách sống của họ hoàn toàn khác. Cả hai đều không có tình cảm đặc biệt gì với lão, vả lại họ quá bận bịu với con đường hoạn lộ của mình, làm gì có thì giờ để chăm sóc một ông anh thiểu năng trí tuệ.

Nhưng sự đối đãi lạnh nhạt của các em trai không làm Nakata phiền lòng. Lão ở một mình đã quen và thực tế, lão lại căng thẳng khi người ta cố tỏ ra ân cần với lão. Lão cũng không hề nổi giận khi ông em họ phá tán món tiền dành dụm cả đời của lão. Cố nhiên, lão hiểu chuyện xảy ra như thế là đáng tiếc, nhưng cả vụ đó cũng không làm lão thất vọng. Nakata không có khái niệm gì về một "khu thể thao mùa đông", cũng chả biết "đầu tư" nghĩa là gì, hoặc việc "vay nợ" phức tạp như thế nào. Lão sống trong một thế giới khoanh lại bởi một vốn từ vựng rất hạn chế.

Lão chỉ hiểu được ý nghĩa của một khoản tiền không quá năm nghìn *yen*. Quá mức ấy – mười nghìn, một trăm nghìn hay một triệu *yen* – đối với lão cũng thế cả mà thôi, chẳng khác gì nhau. Đều là "vô khối" tiền cả. Lão đã từng có tiền gửi tiết kiệm, nhưng lão chẳng nhìn thấy nó bao giờ. Họ chỉ bảo lão: "Bác có từng này, từng này trong tài khoản", và con số đó đối với lão hoàn toàn là một khái niệm trừu tượng. Cho nên khi nó biết hết, lão không hề có cảm giác là mình đã thực sự mất một cái gì.

Như vậy, Nakata sống một cuộc sống mãn nguyện trong căn hộ nhỏ do em trai dành cho, hàng tháng nhận trợ cấp, sử dụng chiếc thẻ đi xe buýt miễn phí, thường xuyên ra công viên trong khu chuyện gẫu với lũ mèo. Cái góc nhỏ ấy của quận Nakano trở thành thế giới mới của lão. Giống như chó và mèo, Nakata phân định lãnh thổ của mình, một đường ranh giới mà ngoại trừ trường hợp đặc biệt, lão không bao giờ mạo hiểm vượt qua. Chừng nào còn ở trong phạm vi lãnh thổ đó, lão còn cảm thấy an toàn và hài lòng. Không bất mãn, không giận dữ với cái gì. Không cảm thấy cô đơn, lo âu về tương lai, hoặc băn khoăn về cuộc sống khó khăn hay bất tiện. Ngày lại ngày, suốt hơn mười năm, cuộc đời lão cứ thế trôi, thong dong hưởng bất cứ cái gì đến với mình.

Cho tới ngày Johnnie Walker xuất hiện.

Đã nhiều năm Nakata không thấy biển, vì ở tỉnh Nagano cũng như quận Nakano, đều không có biển. Giờ đây, lần đầu tiên, lão nhận ra rằng mình đã quên bẵng biển lâu đến thế. Lão thậm chí không hề nghĩ đến nó suốt trong ngần ấy năm trời. Lão gật đầu lia lịa với chính mình, xác nhận sự thực ấy. Lão bỏ mũ, đưa tay xoa xoa cái đầu húi cua, đội mũ trở lại và đăm đăm nhìn ra biển. Lão chỉ biết về biển đến chừng này thôi: nó rất

lớn, nó mặn vị muối và cá sống trong nó.

Lão ngồi đấy trên chiếc ghế băng, hít cái mùi thơm nồng của biển, nhìn những con hải âu lượn vòng trên đầu, hướng mắt ra những con tàu bỏ neo ngoài cảng. Lão ngắm hoài quang cảnh đó không biết mệt.

Thi thoảng một con hải âu trắng muốn sà xuống đậu trên lớp cỏ tươi đầu hạ của công viên. Cái mầu trắng trên nền xanh lục ấy thật đẹp. Nakata thử gọi con hải âu khi nó bước đi trên cỏ, nhưng nó không trả lời mà chỉ lạnh lùng nhìn lão. Quanh đây chẳng có con mèo nào. Những con vật duy nhất ở công viên lúc này là hải âu và chim sẻ. Trong khi lão nhấp từng ngụm nhỏ trà nóng từ chiếc phích, mưa bắt đầu lộp độp rơi và Nakata giương chiếc ô quý giá của mình lên.

Khi Hoshino quay về công viên trước mười hai giờ một chút, mưa đã tạnh. Gã thấy Nakata vẫn ngồi nguyên trên ghế băng y như lúc gã để lão lại đó, ô cụp lại, mắt nhìn ra biển. Hoshino đã đậu xe ở một chỗ nào đó và trở lại bằng taxi.

"Cháu xin lỗi đã để ông chờ lâu quá," gã nói. Một chiếc túi nhựa cứ lủng lẳng từ nơi vai gã. "Cháu đã tưởng xong sớm hơn, nhưng lắm chuyện quá. Hình như kho hàng nào cũng có một thằng cha rách việc."

"Nakata này không phiền đâu. Lão ngồi đây ngắm biển thôi mà."

"Ừm," Hoshino ậm ừ. Gã đưa mắt theo hướng nhìn của Nakata nhưng chỉ thấy một cầu tàu cũ kỹ xác xơ và váng dầu trên mặt nước.

"Đã lâu rồi lão chưa thấy biển."

"Thật ư?"

"Lần cuối cùng là hồi còn học cấp một. Lão đến một bãi biển gọi là Enoshima."

"Chắc là xa xưa lắm rồi nhỉ?"

"Hồi ấy, Nhật Bản bị Mỹ chiếm đóng. Bãi biển Enoshima đầy lính Mỹ."

"Ông nói giỡn."

"Không, lão không nói giỡn đâu."

"Thôi nào," Hoshino nói. "Nhật Bản không bao giờ bị Mỹ chiếm đóng."

"Nakata này không biết rành rọt, nhưng Mỹ có những máy bay gọi là B-29. Chúng ném rất nhiều bom xuống Tokyo nên lão phải tản cư đến tỉnh Yamanashi, chính ở đấy, lão bị bệnh."

"Thế à? Dù gì... Mà cháu đã bảo ông là cháu không thích những chuyện dài dòng văn tự. Thôi kệ, ta đi thôi. Việc giao hàng kéo dài hơn cháu tưởng, nếu ta cứ kề cà thì tối đến nơi bây giờ."

"Chúng ta đi đâu?"

“Tất nhiên là đi Shikoku. Chúng ta sẽ qua cầu. Lúc nãy ông nói là ông đi Shikoku, phải không nào?”

“Vâng. Nhưng còn công việc của cậu thì sao?”

“Ông đừng lo. Khi cháu trở lại thì nó vẫn đấy, chạy đi đâu được. Cháu đã làm thêm bao nhiêu giờ và cháu đang nghĩ mình cũng nên nghỉ bù vài ngày. Nói thực tình, cháu cũng chưa bao giờ đến Shikoku. Âu cũng là dịp để xem nó ra sao. Mấy lại, ông không biết đọc, đúng không nào? Cho nên, có cháu đi cùng để giúp ông mua vé, có phải dễ dàng hơn nhiều không? Trừ phi ông không muốn cháu đi theo.”

“Không, có được cậu đi cùng thì Nakata này quá sướng.”

“Vậy thì ta cứ thế làm nhé. Cháu đã xem kỹ bảng giờ xe chạy. Nào, lên đường đi Shikoku!”

Chương 23

Tôi không biết từ ma dùng ở đây có chính xác hay không, nhưng dứt khoát đây không phải là một cái gì trên cõi trần này - chỉ thoáng nhìn một cái tôi đã có thể khẳng định thế.

Tôi cảm thấy một cái gì đó và tôi choàng thức giấc, và kìa, cô ta đã ở đó. Đã nửa đêm nhưng căn phòng vẫn sáng lạ lùng, ánh trăng tràn vào qua cửa sổ. Tôi biết mình đã kéo rèm che trước khi đi ngủ, nhưng lúc này rèm đã mở toang. Bóng cô gái in rõ nét, ngập trong ánh trăng rợn một màu trắng của xương.

Cô ta trạc tuổi tôi, mười lăm, mười sáu gì đó. Tôi đoán là mười lăm. Giữa mười lăm và mười sáu tuổi, có một khác biệt rất lớn. Cô nhỏ người và thon thả, tư thế rất thẳng và không hề có vẻ mảnh mai.Tóc cô xõa ngang vai, với vài mớ rủ xuống trán. Cô mặc một chiếc áo váy màu xanh lơ, vạt xòe ra ngang đầu gối. Cô không đi giày dép gì cả. Cổ tay áo cài khuy gọn ghẽ. Chiếc áo hở vai phô ra một cái cổ rất đẹp.

Cô ngồi ở bàn giấy, tựa cằm vào lòng bàn tay, đăm đăm nhìn bức tường như đang nghĩ về một điều gì không quá phức tạp - có lẽ là một hồi ức ấm áp, thú vị chưa xa lắm. Thi thoảng, một nụ cười phảng phất ở khóe môi. Nhưng vì cô ngồi ngược sáng với ánh trăng, nên tôi không thể thấy rõ cụ thể sắc diện cô. Không muốn ngắt quãng cô, cho dù cô đang làm gì, tôi giả vờ ngủ, kìm hơi thở, cố không để cô nhận thấy.

Tôi dám chắc đây là ma. Trước hết, cô quá đẹp. Nét mặt cô rất lộng lẫy, nhưng không phải chỉ có thế. Mọi thứ nơi cô đều hoàn hảo đến mức khó có thể là thật. Cô giống như một người từ trong mơ bước ra. Cái trong trắng nơi sắc đẹ của cô đem lại cho tôi một cảm giác gần như là buồn - một cảm giác rất tự nhiên, tuy nhiên chỉ có thể gây nên bởi một cái gì phi thường.

Tôi cuộn mình trong chăn, nín thở. Cô vẫn ngồi ở bàn, tay chống cằm, hầu như không động đậy. Thỉnh thoảng, cằm cô hơi dịch đi, khiến đầu cô chuyển góc độ chút xíu, và đó là chuyển động duy nhất trong phòng. Tôi nhìn thấy cây sơn thù du lớn đang trổ hoa ngay ngoài cửa sổ, lặng lẽ lung linh trong ánh trăng. Trời ắng gió và tôi không nghe thấy một tiếng động nào. Cứ như là tôi đã chết mà không biết vậy. Tôi đã chết và cùng cô gái đó đã chìm xuống đáy một cái hồ ở miệng một núi lửa đã tắt.

Thình lình cô buông tay khỏi cằm, đặt lên lòng. Hai đầu gối trắng nhỏ nhắn lộ ra ở lai váy. Cô thôi nhìn vào tường và quay về phía tôi. Cô đưa tay lên sờ món tóc xõa xuống trán - những ngón tay con gái

thon thả áp lên trán một lúc như thể cố moi ra một ý nghĩ bị lãng quên nào đó. *Cô đang nhìn tôi*. Tim tôi đập thình thịch trong lồng ngực, nhưng lạ thay, tôi không hề có cảm giác là có người nhìn mình. Có thể là cô không nhìn tôi, mà là nhìn một cái gì đó đằng sau tôi.

Ở đáy sâu cái-hồ-miệng-núi-lửa của chúng tôi, tất cả đều lặng tờ. Núi lửa đã tắt hàng bao đời rồi. Cô đơn chồng chất nhiều tầng như những lớp bùn mềm nhão. Chút xíu ánh sáng lọt xuống được độ sâu này soi lờ mờ mọi thứ xung quanh như tàn dư của một kỷ niệm thoi thóp, xa vời. Ở độ sâu này, không có dấu hiệu nào của sự sống. Tôi không biết cô nhìn tôi bao lâu - không phải nhìn tôi, mà có thể là nhìn vào chỗ tôi đang nằm. Quy luật của thời gian không áp dụng ở đây. Thời gian dãn ra hay co vào đều ứng hợp theo nhịp đập của trái tim[8].

Thế rồi, đột nhiên, cô gái đứng dậy và đi về phía cửa trên đôi chân thon mảnh. Cửa vẫn đóng, mà thoắt cái cô biến mất không một tiếng động.

Tôi nằm yên trên giường. Tôi chỉ hơi hé mắt và không động đậy một cơ nào. Tôi nghĩ cô ta có thể quay lại. Tôi nhận ra mình đang *muốn* cô ta quay lại. Nhưng cho dù tôi có chờ đến bao lâu, cô cũng không trở lại. Tôi ngóc đầu lên, nhìn những con số dạ quang trên mặt đồng hồ báo thức để kề đầu giường: ba giờ hai mươi lăm phút. Tôi ra khỏi giường, đi tới sờ vào chiếc ghế cô vừa ngồi. Chẳng thấy ấm chút nào. Tôi kiểm tra mặt bàn, hy vọng tìm thấy một cái gì - một sợi tóc chẳng hạn? - cô để vương lại. Nhưng chẳng có gì hết. Tôi ngồi xuống ghế, lấy lòng bàn tay xoa má và thở dài đánh thượt một cái.

Tôi kéo rèm và lại chui vào chăn, nhưng không sao ngủ lại được. Đầu óc tôi quá vương vấn với cô gái bí hiểm đó. Một cái gì mạnh mẽ không giống bất kỳ cảm giác nào tôi từng trải nghiệm, một cái gì lạ kỳ, dữ dội nảy sinh trong tim tôi, bắt rễ tại đó và lớn dần lên. Bị nhốt trong lồng ngực, trái tim nồng ấm của tôi cứ phình ra, co vào liên hồi, độc lập với ý muốn của tôi.

Tôi bật đèn, ngồi dậy trên giường chờ bình minh. Tôi không thể đọc, cũng không thể nghe nhạc. Không thể làm bất cứ điều gì, ngoại trừ ngồi đó chờ sáng. Cuối cùng, khi trời bắt đầu rạng, tôi ngủ thiếp đi được một tí. Lúc tỉnh dậy, tôi thấy chiếc gối lạnh và đẫm nước mắt. Nhưng thật tình, tôi không biết *tại sao* mình lại khóc.

Khoảng chín giờ, Oshima lái chiếc Miata tới và chúng tôi cùng dọn dẹp chuẩn bị mở cửa thư viện. Sau khi làm xong mọi việc, tôi pha cho anh một tách cà phê. Anh đã dạy tôi pha sao cho đúng cách. Phải xay hạt cà phê bằng cối xay tay, đun nước trong một cái bình có vòi, để nó sôi một lúc, rồi *t*ừ *t*ừ - xin nhớ là phải từ từ - rót nước qua một cái lọc bằng giấy. Khi cà phê đã pha xong, Oshima cho thêm một tí ty đường gọi là có, nhưng không lấy kem - anh khẳng định đó là cách

tốt nhất. Tôi pha cho mình một ly trà Earl Grey.

Oshima mặc một chiếc sơ mi ngắn tay màu nâu bóng và một chiếc quần lanh trắng. Rút một chiếc khăn tay mới tinh từ trong túi ra lau kính, anh quay sang tôi.

"Trông cậu có vẻ không ngủ được mấy."

"Em muốn yêu cầu anh một điều," tôi nói.

"Nói đi."

"Em muốn nghe bài *Kafka bên bờ biển*. Anh có kiếm được đĩa không?"

"Không nhất thiết là đĩa CD chứ?"

"Nếu có thể, em muốn nghe qua đĩa nhựa để nghe được tiếng nguyên gốc. Tất nhiên, như vậy dù phải kiếm thêm cả máy quay đĩa nữa."

Oshima áp ngón tay vào thái dương, suy nghĩ. "Có thể trong kho còn một cái quay đĩa stereo, nhưng mình không chắc nó còn chạy được không."

Chúng tôi vào một phòng nhỏ trông ra bãi đậu xe. Phòng không có cửa sổ, chỉ có một cửa trời trên mái. Khắp phòng ngổn ngang những vật dụng thuộc nhiều thời kỳ khác nhau - đồ gỗ, bát đĩa, báo ảnh, quần áo, tranh... Trong đó, một số rõ ràng là đồ quý, nhưng phần lớn chẳng đáng giá gì.

"Một ngày nào đó, chúng ta cũng phải thải bớt cái mớ đồng nát này thôi," Oshima nhận xét, "nhưng chưa ai đủ can đảm để dọn dẹp."

Ở giữa phòng, nơi thời gian dường như ngưng lại, chúng tôi tìm thấy một dàn stereo Sansui. Dưới một lớp bụi mỏng trăng trắng, dàn máy có vẻ còn tốt, tuy thời kỳ nó được coi là thiết bị nghe tối tân đã qua đi hơn hai mươi năm rồi. Cả dàn gồm một quay đĩa, một ăm li và hai loa thùng. Chúng tôi cũng thấy một bộ đĩa 33 cũ, phần lớn là nhạc pop hồi những năm 60 - The Beatles, Stones, Beach Boys, Simon & Garfunkel, Setvie Wonder, cả thảy độ ba mươi đĩa. Tôi rút mấy cái ra khỏi bao. Chủ của những đĩa này đã bảo quản rất tốt: không chút vẩn mốc hay một vết xước nào.

Trong kho còn có cả một cây ghi-ta còn nguyên dây, một chồng họa báo cũ mà tôi chưa nghe tên bao giờ và một chiếc vợt tennis kiểu cổ. Tất cả giống như tàn tích của một quá khứ chưa xa lắm.

"Mình nghĩ mọi thứ này vốn xưa thuộc về người bạn trai của Miss Saeki," Oshima nói. "Như mình đã nói, sinh thời, ông ở ngôi nhà này. Sau khi ông mất, chắc người ta chuyển đồ của ông xuống đây. Tuy nhiên, dàn âm thanh stereo thì có vẻ gần đây hơn."

Chúng tôi khuân dàn âm thanh và lô đĩa về phòng tôi, phủi sạch bụi, cắm điện, nối máy quay đĩa với ăm li, và bật máy. Chấm xanh

nhỏ ở ăm li sáng lên và mâm xoay bắt đầu quay. Tôi kiểm tra đầu đọc, thấy kim còn tốt, và lấy ra chiếc đĩa màu đỏ *Sgt. Pepper's Lonely Hearts Club Band* đặt lên mâm xoay. Đoạn dạo đầu quen thuộc bằng ghi-ta vang lên. Chất lượng âm thanh sạch hơn tôi chờ đợi nhiều.

"Nhật Bản cũng vấp phải nhiều vấn đề, nhưng về mặt chế tác hệ thống âm thanh thì chúng ta vào loại thượng thặng," Oshima mỉm cười nói: "Cái này đã bỏ xó cả mấy chục năm rồi mà nghe vẫn oách."

Chúng tôi nghe đĩa Beatles đó một lúc. So với đĩa CD, nó tựa như một thứ âm nhạc hoàn toàn khác.

"Tốt, chúng ta đã có cái để nghe đĩa nhựa," Oshima kết luận, "nhưng kiếm một cái đĩa 45 ghi riêng bài *Kafka bên bờ biển* không dễ lắm đâu. Bây giờ đó là của hiếm đấy. Để mình hỏi mẹ mình xem. Có thể bà còn một bản dúi ở đâu đó. Hoặc ít nhất bà cũng biết ai đó có."

Tôi gật đầu.

Oshima giơ một ngón tay lên như kiểu thầy giáo cảnh báo học trò. "Tuy nhiên có một điều cậu phải đảm bảo: không bao giờ mở đĩa ấy khi có Miss Saeki ở đây. Bất kể thế nào. Hiểu chưa?"

Tôi lại gật đầu.

"Như trong phim *Casablanca* ấy," anh nói và âm ư đoạn mở đầu của bài *As Time Goes By*. "Riêng bài ấy, chớ có mở đấy, nghe chưa?"

Tôi đánh liều thốt ra câu hỏi đang cháy bỏng trên môi [9].

"Oshima, có một điều em muốn hỏi anh. Có cô gái nào trạc mười lăm tuổi đến đây không?"

"*Đây* tức là thư viện, cậu muốn nói thế, phải không?"

Tôi gật đầu.

Oshima nghiêng đầu nghĩ một lát. "Theo mình biết thì không," vừa nói, anh vừa dõi mắt vào tôi như thể nhìn vào phòng qua cửa sổ. "Một câu hỏi kỳ lạ đấy".

"Em nghĩ là em vừa mới thấy cô ta."

"Lúc nào?"

"Đêm qua."

"Cậu thấy một cô gái mười lăm tuổi ở đây đêm qua?"

"Vâng."

"Một cô gái như thế nào?"

Tôi hơi đỏ mặt. "Một cô gái thông thường thôi. Tóc xõa ngang vai. Mặc một chiếc áo váy màu xanh lơ."

"Có xinh không?"

Tôi gật đầu.

"Có thể là một hoang tưởng tình dục," Oshima nói và nhoẻn miệng

cười. "Thế giới đầy những sự kỳ dị. Nhưng với một thiếu niên tính dục khác giới lành mạnh như cậu, thì những hoang tưởng như vậy không phải là lạ".

Tôi nhớ lại là Oshima đã thấy tôi trần như nhộng ở căn nhà gỗ trên núi và càng đỏ dừ mặt.

Trong giờ nghỉ ăn trưa, Oshima lẳng lặng đưa tôi một đĩa nhựa Kafka bên bờ biển đựng trong một bao vuông, "Hóa ra mẹ mình hãy còn giữ được. Những năm bản cơ, cậu có tin không? Quả thật, bà chăm lo thu vén mọi thứ. Nhặt nhạnh các đồ vặt vãnh, hơi tủn mủn một chút, nhưng mình nghĩ chúng ta không nên phàn nàn về điều đó."

"Cám ơn," tôi nói.

Tôi về phòng và lấy chiếc đĩa ra khỏi bao. Nom nó như chưa bao giờ được chơi vậy. Trong tấm ảnh in trên bao, Miss Saeki (theo Oshima, hồi đó, cô mười chín tuổi) đang ngồi trước piano trong phòng thu. Mắt nhìn thẳng vào camera, cô tì cằm vào tay chống trên giá nhạc, đầu hơi nghiêng về một bên, một nụ cười rụt rè nhưng đầy vẻ tự nhiên, nhã nhặn nở rộng trên đôi môi mím lại, làm hằn rõ những nét dễ thương ở khóe miệng. Có vẻ như cô không son phấn gì cả. Một chiếc kẹp plastic giữ cho tóc cô khỏi xõa xuống mặt, một phần của tai phải lộ rõ qua những sợi tóc. Cô mặc một chiếc áo váy ngắn màu lam nhạt, hơi xòe và đeo một chiếc vòng bạc ở cổ tay trái - vật trang sức duy nhất của cô. Một đôi dép thật xinh xắn nằm cạnh chiếc ghế piano và đôi chân trần của cô thật đẹp.

Trông cô giống như một biểu tượng. Cho một thời kỳ nào đó, một nơi chốn nào đó. Cho một tâm thái nào đó. Cô như một nàng tiên vụt hiện do một duyên may. Một chất ngây thơ hồn nhiên phi thời gian, dễ tổn thương[10] bồng bềnh quanh cô như những bào tử lúc xuân về. Trong tấm ảnh, thời gian đã ngưng lại. 1969. Khá lâu trước khi tôi ra đời.

Ngay từ đầu, tôi đã biết cô gái đến phòng tôi đêm qua chính là Miss Saeki. Tôi không nghi ngờ điều đó một giây nào, nhưng tôi muốn kiểm tra lại cho đích xác thôi.

So với hồi mười lăm tuổi, Miss Saeki mười chín tuổi trong ảnh nom trưởng thành hơn, chín chắn hơn, khuôn mặt sắc cạnh hơn, định hình rõ hơn, và mất đi cái vẻ lo sợ mơ hồ. Nhưng ngoài ra, Miss Saeki mười chín tuổi và cô gái mười lăm tuổi tôi thấy đêm qua gần như giống hệt nhau. Nụ cười trong ảnh chẳng khác gì nụ cười tôi đã thấy đêm qua. Cả cái cách để tay chống cằm và cái dáng nghiêng nghiêng đầu cũng thế. Và ở Miss Saeki *hiện tại*, tôi có thể nhận ra vẫn những sắc diện và cử chỉ ấy. Tôi vui sướng thấy rằng những nét ấy cùng cái vẻ siêu nhiên ấy không hề thay đổi. Ngay cả vóc người cũng gần như nguyên xi.

Tuy nhiên, có một cái gì đó nơi cô gái mười chín tuổi trong ảnh mà người đàn bà trung niên tôi biết đã mất đi vĩnh viễn. Có thể gọi đó là sự tràn trề năng lượng. Không rực rỡ, không màu, trong suốt như dòng nước mát kín đáo chảy ra từ giữa những tảng đá - một thứ hấp dẫn tự nhiên, tinh khiết đi thẳng vào tim ta. Cái năng lượng ngời ngời ấy toát ra từ toàn bộ con người cô khi cô ngồi đó, trước piano. Chỉ cần nhìn nụ cười rạng rỡ ấy, cũng có thể hình dung ra con đường đẹp đẽ của một trái tim hoàn mãn. Như ánh lập lòe của con đom đóm còn lại nơi tròng mắt ta hồi lâu sau khi nó đã biến mất trong đêm tối.

Tôi ngồi trên giường hồi lâu, chiếc bao đĩa trên tay, không nghĩ gì, để mặc thời gian trôi qua. Tôi mở mắt ra, đi tới cửa sổ, hít một hơi thật sâu; cùng với không khí tươi mát ùa vào lồng ngực, có cả chút vị biển trên cánh gió thổi qua rừng thông. Hình bóng tôi thấy hiện về đây đêm qua rành là Miss Saeki ở tuổi mười lăm. Miss Saeki thật, tất nhiên, vẫn còn sống - một phụ nữ ngoại ngũ tuần sống một cuộc đời thật ở một thế giới thật. Ngay lúc này, bà đang ngồi làm việc tại bàn giấy trong văn phòng của mình trên gác. Tôi chỉ cần ra khỏi căn phòng này, lên cầu thang là có thể gặp bà, nói chuyện với bà - nhưng tất cả những cái đó không thay đổi được sự thực này: cô gái tôi thấy đêm qua là *bóng ma* của bà. Oshima bảo tôi người ta không thể ở hai chỗ cùng một lúc, nhưng tôi nghĩ điều đó là có thể. Thực tế, tôi dám chắc là thế nữa kia. Con người ta, khi còn sống, vẫn có thể trở thành ma.

Và còn có một sự thực quan trọng khác nữa: tôi bị cuốn hút về phía bóng ma đó, bị bóng ma đó hấp dẫn. Không phải bởi Miss Saeki hiện hữu ở đây ngay lúc này, mà là bởi cô gái mười lăm tuổi *không hiện hữu*. Bị hấp dẫn *rất* mãnh liệt, phải, một cảm giác mạnh mẽ đến nỗi tôi không diễn đạt nổi. Và, ai muốn nói gì thì nói, điều này là thật. Có thể cô không thực sự tồn tại, nhưng thử nghĩ mà xem: cô làm trái tim tôi - máu và thịt tôi, trái tim *thật* của tôi - đập cuồng loạn. Những cảm giác ấy cũng thực như lớp máu đẫm ngực áo tôi vào cái đêm kinh hoàng kia.

Gần tới giờ đóng cửa, Miss Saeki xuống dưới nhà, gót giày lách cách trên bậc cầu thang. Khi trông thấy bà, người tôi căng cứng và tim đập thình thịch: tôi trông thấy cô gái mười lăm tuổi bên trong bà. Như một con thú nhỏ ngủ đông, cô cuộn mình nằm gọn một hốc bên trong Miss Saeki, thiêm thiếp giấc nồng.

Miss Saeki hỏi tôi điều gì đó, nhưng tôi không trả lời được. Tôi thậm chí không biết bà đã nói gì nữa. Dĩ nhiên, tôi có nghe thấy bà nói - tiếng bà làm rung màng nhĩ của tôi và truyền một tin nhắn đến óc để chuyển thành ngôn ngữ - nhưng có một sự ngắt mạch giữa chữ và nghĩa. Luống cuống, tôi đỏ bừng mặt và ấp úng một điều gì ngu xuẩn. Oshima xen vào trả lời đỡ cho tôi. Tôi gật đầu lia lịa theo từng

lời anh nói. Miss Saeki mỉm cười chào tạm biệt chúng tôi và ra về. Tôi nghe tiếng chiếc Golf của bà ra khỏi bãi đậu xe, xa dần rồi tắt hẳn.

Oshima ở lại giúp tôi đóng cửa thư viện nghỉ đêm.

"Không khéo cậu phải lòng ai rồi chăng?" anh hỏi. "Nom cậu như người mất hồn ấy."

Tôi không biết trả lời ra sao.

"Oshima," cuối cùng, tôi nói, "hỏi thế này kể cũng kỳ, nhưng anh có nghĩ rằng người ta có thể trở thành ma ngay khi còn sống được không?"

Anh dừng tay thu dọn quầy và nhìn tôi. "Thực ra đó là một câu hỏi rất lý thú. Có phải cậu hỏi về linh hồn con người theo nghĩa văn học - nói cách khác là theo cách ẩn dụ. Hay nhằm sự việc thật?"

"Đúng ra là nhằm sự việc thật, em nghĩ thế," tôi nói.

"Với giả định là ma có thật?"

"Phải."

Oshima bỏ kính ra, lấy khăn tay lau mắt kính rồi đeo lại.

"Đó là cái được gọi là 'linh hồn sống'. Mình không biết ở các nước khác thế nào, chứ cái này xuất hiện khá nhiều trong văn học Nhật Bản. Chẳng hạn, Truyện Genji đầy những linh hồn sống. Vào thời Heian[22], hay ít nhất là trong lĩnh vực tâm linh của thời ấy, con người ta thi thoảng có thể trở thành linh hồn sống chu du qua không gian để thực hiện những mong muốn của mình. Cậu đã đọc Genji chưa?"

Tôi lắc đầu.

"Thư viện ta có mấy bản dịch sang tiếng Nhật hiện đại, cậu nên tìm đọc một bản. Dù sao, đây là một thí dụ: Công nương Rokujo, một trong những người tình của Hoàng tử Genji, bầm gan tím ruột vì ghen với Công nương Aoi, vợ chính thức của Genji, đến nỗi biến thành ma để ám nàng. Đêm này qua đêm khác, bà ta tấn công nàng trên giường ngủ và cuối cùng đã giết chết nàng. Công nương Aoi mang thai với Genji và tin đó đã đẩy lòng căm giận của Rokujo lên đến tột cùng. Genji triệu các pháp sư đến để trừ tà nhưng vô hiệu. Hồn ma này có sức mạnh không cách gì chống lại được."

"Nhưng điểm lý thú nhất của câu chuyện là Công nương Rokujo không hề biết mình đã trở thành một linh hồn sống. Bà ta trải qua những cơn ác mộng và khi tỉnh dậy, phát hiện thấy mái tóc đen dài của mình sực mùi khói. Thực tế, đó là khói hương do các pháp sư đốt khi cầu nguyện cho Công nương Aoi. Hoàn toàn không ý thức được điều gì đang diễn ra, bà ta bay qua không gian, luồn qua đường hầm của vô thức mình để vào phòng ngủ của Aoi. Đó là một trong nhưng

đoạn lạ lùng và ly kỳ nhất của *Truyện Genji*. Về sau, khi vỡ lẽ ra mình đã làm gì, bà ta ăn năn hối lỗi và cắt tóc quy y."

"Cái mà người ta gọi là thế giới siêu nhiên chỉ là vùng tối trong tâm trí chúng ta. Từ lâu trước khi Freud và Jung rọi một luồng sáng vào sự vận hành của vô thức, con người, bằng bản năng, đã thấy một mối tương quan giữa vô thức và cái siêu nhiên [11], cả hai đều là vùng bóng tối. Đó không phải là một ẩn dụ. Nếu ta đi ngược xa hơn nữa, đó thậm chí cũng không phải là một tương quan. Trước khi Edison phát minh ra ánh sáng điện, đa phần thế giới đều bị bóng tối bao phủ. Bóng tối vật thể bên ngoài và bóng tối bên trong tâm hồn hòa lẫn vào nhau, không có ranh giới phân đôi. Gắn thẳng với nhau. Như thế này này (Oshima chắp hai bàn tay vào nhau).

Vào thời của Murasaki Shikibu, tác giả *Truyện Genji*, những linh hồn sống vừa là một hiện tượng siêu nhiên vừa là một hình thái tự nhiên của tinh thần con người ở ngay trong họ. Hẳn người thời này không thể quan niệm tách bạch hai loại bóng tối đó. Nhưng ngày nay, sự vật đã khác xưa. Bóng tối bên ngoài đã được xua tan, nhưng bóng tối bên trong vẫn hồ như không thay đổi. Cái mà ta gọi là bản ngã hay ý thức là phần nổi trên mặt nước của tảng núi băng: phần quan trọng nhất vẫn chìm trong vùng bóng tối. Và đó chính là nguồn gốc của những mâu thuẫn và hoang mang sâu sắc thường giày vò chúng ta."

"Xung quanh căn nhà gỗ trên núi của anh, thực sự là bóng tối."

"Đích thị," Oshima nói. "Bóng tối thực sự vẫn còn tồn tại ở đó. Đôi khi mình đến đó chỉ cốt để trải nghiệm nó."

"Yếu tố khởi phát nào khiến người ta trở thành linh hồn sống? Có phải bao giờ cũng là một yếu tố tiêu cực?"

"Mình không phải là chuyên gia về mặt này, nhưng trong phạm vi hiểu biết của mình, thì đúng thế, tất cả những linh hồn sống đó đều nảy sinh từ những xúc động tiêu cực. Phần lớn những tình cảm cực đoan của con người đều có xu hướng trở nên vừa rất cán nhân vừa rất tiêu cực. Và những linh hồn sống ấy tự phát xuất hiện sau những xúc động mãnh liệt ấy. Thật đáng buồn là không thấy trường hợp nào phát sinh một linh hồn sống để hoàn thành một mục tiêu duy lý hoặc mang lại hòa bình thế giới."

"Thế có trường hợp nào vì tình yêu không?"

Oshima ngồi xuống và ngẫm nghĩ. "Một câu hỏi khó đấy. Mình chỉ có thể nói với cậu là mình chưa bao giờ gặp một thí dụ thuộc loại đó. Dĩ nhiên, cũng có cái truyện "Lời nguyền hoa cúc" trong tập *Những truyện về ánh trăng và mưa*. Cậu đã đọc cuốn đó chưa?"

"Chưa," tôi đáp.

"*Những truyện về ánh trăng và mưa* được Ueda Akinari viết vào

cuối thời kỳ Edo, nhưng lại đặt trong khung cảnh đầu thời Chiến Quốc khiến cách tiếp cận của tác giả có phần hoài cổ hoặc quay về quá khứ. Dù sao đi nữa, trong truyện này, hai samurai trở thành bạn thân và nguyện thề kết nghĩa anh em. Đối với những samurai, điều này là rất nghiêm túc. Kết nghĩa anh em có nghĩa là nguyện xả thân vì nhau. Họ sống xa nhau, mỗi người phục vụ một vị chúa. Một người viết thư cho người kia, hẹn sẽ đến thăm vào mùa hoa cúc nở, bất kể chuyện gì xảy ra. Người kia trả lời là sẽ đợi. Nhưng người thứ nhất chưa kịp lên đường thì đã vướng vào một chuyện rắc rối và bị giam giữ, không giữ được phép ra ngoài, kể cả gửi thư. Cuối cùng, hè qua và thu tới cùng mùa cúc nở hoa. Vậy là chàng không thể thực hiện được lời hứa của mình. Đối với một samurai, không có gì quan trọng hơn lời hứa. Danh dự quan trọng hơn mạng sống. Vì vậy, chàng samurai đã mổ bụng tự sát theo cách võ sĩ đạo hara-kiri, trở thành một linh hồn, băng qua bao dặm đường đến thăm bạn. Họ ngồi bên hoa cúc và hàn huyên đến thỏa nguyện rồi linh hồn biến mất khỏi mặt đất. Thật là một thiên chuyện đẹp."

"Nhưng người samurai phải chết để trở thành linh hồn."

"Ừ, chính thế," Oshima nói. "Có vẻ như người ta không thể trở thành linh hồn vì danh dự, hoặc vì tình yêu hay tình bạn được. Muốn thế, người ta phải chết. Phải hy sinh đời mình vì danh dự, tình yêu hay tình bạn và chỉ có thể làm thế mới biến thành linh hồn. Nhưng trở thành linh hồn *sống* lại là một chuyện khác. Dường như những kẻ biến mình thành linh hồn sống bao giờ cũng xuất phát từ những động cơ xấu."

Tôi ngẫm nghĩ.

"Nhưng như cậu nói," Oshima nói tiếp, "cũng có thể có những thí dụ về những người trở thành linh hồn sống vì những tình cảm yêu thương tích cực. Mình không đi sâu nghiên cứu vấn đề này, nhưng đó là điều có thể xảy ra. Người ta nói tình yêu có thể xây dựng lại thế giới, vậy thì với tình yêu, mọi sự đều có thể."

"Anh đã yêu bao giờ chưa?"

Bị hỏi bất ngờ, anh sững ra nhìn tôi. "Cậu nghĩ gì vậy? Mình có phải là một con sao biển hay một cây hồ tiêu đâu. Mình là một con người đang sống, đang hít thở. Dĩ nhiên là mình đã từng yêu."

"Ý em không phải thế," tôi đỏ mặt nói.

"Mình biết," anh nói và dịu dàng mỉm cười với tôi.

Khi Oshima đi khỏi, tôi trở về phòng, bật dàn stereo lên, đặt đĩa Kafka bên bờ biển, vừa nghe vừa theo dõi lời in trên bao đĩa.

Anh ngồi bên rìa thế giới

Em trên miệng núi lửa đã tắt

Đứng khuất trong bóng cánh cửa
Là những lời không còn chữ

Trăng soi con thằn lằn đang ngủ
Cá nhỏ từ trên trời mưa xuống
Ngoài cửa sổ đám chiến binh
Luyện rèn mình để chết
Điệp khúc
Kafka ngồi ghế bên bờ biển
Nghĩ về quả lắc làm thế giới đung đưa
Khi trái tim ta khép kín
Cái bóng của Nhân Sư sẽ thành lưỡi dao
Xuyên thủng giấc mơ ta

Cô gái chết đuối huơ tay tìm
Phiến đá cửa vào
Nâng gấu váy màu thiên thanh
Và đăm đăm nhìn
Kafka bên bờ biển

Tôi nghe đĩa nhạc ba lần. Làm sao một đĩa hát với ca từ như vậy lại có thể bán được tới hàng triệu bản? tôi tự hỏi. Tôi không nói rằng nó hoàn toàn bí hiểm, mà chỉ trừu tượng và siêu thực thôi. Không phải những lời ca dễ nhớ. Nhưng nếu nghe mấy lần, nó bắt đầu quen tai. Từng chữ một lần lượt tìm đường tới tim tôi. Đó là một cảm giác kỳ lạ. Những hình ảnh vượt ra ngoài ngữ nghĩa đột nhiên như những hình cắt giấy và đứng riêng ra, như thể tôi đang chìm sâu vào một giấc mộng.

Giai điệu đẹp, đơn giản nhưng cũng khác lạ. Và giọng Miss Saeki hòa quyện vào nó một cách tự nhiên. Giọng cô còn thiếu lực - cô đâu phải là ca sĩ chuyên nghiệp - nhưng nó thực sự rửa sạch tâm trí ta một cách dịu dàng như cơn mưa mùa xuân rửa sạch những phiến đá lát lối đi trong vườn. Cô vừa hát vừa đệm piano cùng một số nhạc cụ dây và một cây kèn ôboa. Hẳn là ngây sách cho việc thu đĩa chỉ đủ cho một phối khí đơn giản, nhưng thực tế, chính sự đơn giản ấy lại làm cho bài hát hấp dẫn.

Hai hợp âm bất thường xuất hiện ở đoạn điệp khúc. Các hợp âm khác trong bài chẳng có gì đặc biệt, nhưng hai hợp âm này thì khác, không thuộc loại nghe vài lần là cảm nhận được ngay. Thoạt đầu, tôi cảm thấy bối rối. thậm chí, nói quá lên một chút là tôi cảm thấy như bị phản bội. Những âm thanh hoàn toàn bất ngờ làm tôi bị chấn động, bất an như khi có cơn gió lạnh đột ngột thổi qua khe cửa.

Nhưng khi dứt đoạn điệp khúc, thì giai điệu đẹp quay trở lại, đưa ta trở về với cái thế giới hài hòa và thân mật ban đầu. Không còn gió lạnh run người nữa. Piano chạy những nốt kết thúc trong khi đàn dây nhẹ ngân trên hợp âm cuối và tiếng kèn ôboa kéo dài khép lại bài hát.

Nghe đi nghe lại, tôi bắt đầu hiểu ra tại sao *Kafka bên bờ biển* lại khiến nhiều người xúc động thế. Bài hát vừa dịu dàng vừa trực tiếp đi thẳng vào lòng người vì nó là tiếng nói của một trái tim vị tha. Nó có một cái gì kỳ diệu: sự đan xen của những đối lập. Một cô gái mười chín tuổi ở tỉnh lẻ viết những ca từ về người bạn trai phương xa, ngồi vào dương cầm và phổ thành nhạc, rồi không ngần ngại, hát lên sáng tác của mình. Cô viết bài hát không phải để cho những người khác nghe, mà là cho bản thân mình, để sưởi ấm trái tim mình dù chỉ một chút xíu thôi. Và sự đắm chìm tự thân đó đã làm rung động mãnh liệt một xúc cảm thầm kín tế nhị trong lòng những người nghe.

Tôi trộn nháo nhào các thứ trong tủ lạnh thành một bữa tối đơn giản rồi lại đặt *Kafka bên bờ biển* lên máy quay đĩa. Tôi ngồi trên ghế nhắm mắt lại, cố hình dung Miss Saeki mười chín tuổi đang hát và đệm piano trong phòng thu. Tôi nghĩ về tình yêu chan chứa cô cảm thấy trong khi hát. Và về sự bạo lực mù quáng đã vĩnh viễn chia lìa mối tình đó.

Hết đĩa, cần kim tự động nhấc lên và trở về trên trụ đỡ.

Có thể Miss Saeki đã viết ca từ cho bài Kafka bên bờ biển ngay trong căn phòng này cũng nên. Càng nghe cái đĩa này, tôi càng tin chắc rằng Kafka bên bờ biển chính là chàng trai trong bức tranh treo trên tường. Tôi ngồi vào bàn, để tay chống cằm giống như cô gái đêm qua và đăm đăm nhìn theo cùng một góc độ vào bức tranh ngay trước mặt mình. Giờ thì tôi dám chắc đây chính là nơi cô đã viết bài hát đó. Tôi hình dung thấy cô đăm đăm nhìn bức tranh, nhớ đến người bạn trai và viết bài thơ mà sau đó cô đã phổ nhạc. Lúc đó hẳn là vào ban đêm, bên ngoài trời tối đen như mực.

Tôi đứng dậy, đi đến sát tường, xem xét bức tranh thật kỹ. Cậu thiếu niên đang nhìn ra xa, cặp mắt chất chứa một chiều sâu bí ẩn. Ở một góc trời, lơ lửng vài đám mây, đám lớn nhất nom từa tựa một con Nhân Sư nằm.

Tôi lục tìm trong trí nhớ. Nhân Sư là kẻ thù đã bị Oedipus đánh bại bằng việc giải được câu đố hóc hiểm, và khi biết mình bị thua, con quái vật bèn nhảy xuống vực tự tử. Nhờ chiến tích này, Oedipus trở thành vua xứ Thebes và rốt cuộc, lấy chính mẹ mình làm vợ. Và cái tên Kafka nữa. Tôi đoán là Miss Saeki dùng cái tên này vì trong tâm trí cô, nỗi cô đơn bí ẩn của chàng trai trong tranh có phần trùng lặp với thế giới hư cấu của Kafka. Điều đó cho ta hiểu tại sao cô đặt tên bài hát như thế: một tâm hồn cô đơn lạc đến một bến bờ phi lý.

Còn có nhiều câu khác trùng lặp với những điều đã xảy đến với tôi. Đoạn nói về "cá nhỏ từ trên trời mưa xuống" - đó chẳng đích thị là điều đã xảy ra khi hàng trăm con cá mòi và cá thu trút xuống khu phố buôn bán ở thành phố tôi sao? Đoạn "cái bóng của Nhân Sư sẽ thành lưỡi dao/ xuyên thủng giấc mơ ta" có thể ám chỉ việc cha tôi bị đâm chết. Tôi chép toàn bộ lời ca vào sổ tay, nghiên cứu từng câu, gạch dưới những chỗ khiến tôi đặc biệt quan tâm. Nhưng rốt cuộc, toàn bài thật tối nghĩa, tôi không biết nên hiểu thế nào.

Đứng khuất trong bóng cánh cửa

Là những lời không còn chữ...

Cô gái chết đuối huơ tay tìm

Phiến đá cửa vào...

Ngoài cửa đám chiến binh

Luyện rèn mình để chết...

Thế nghĩa là gì? Tất cả những cái đó có phải là trùng hợp ngẫu nhiên không? Tôi đến bên cửa sổ, nhìn ra ngoài vườn. Bóng đêm bắt đầu trùm lên cảnh vật. Tôi vào phòng đọc, ngồi trên sofa đọc *Truyện Genji* qua bản dịch của Tanizaki. Mười giờ tôi đi nằm, tắt đèn đầu giường, nhắm mắt lại chờ Miss Saeki mười lăm tuổi trở lại.

Chương 24

Đã tám giờ tối khi chiếc xe buýt đưa họ từ Kobe tới trước cửa ga Tokushima.

"Đây, ông Nakata, đến Shikoku rồi."

"Cây cầu đẹp quá. Trước giờ Nakata này chưa bao giờ nhìn thấy cây cầu nào lớn đến vậy."

Hai người xuống xe và ngồi vào một chiếc ghế băng quan sát xung quanh.

"Nào... trời phật có mách bảo gì cho ông không?" Hoshino hỏi. "Có chỉ cho ông biết phải đi đâu không? Và phải làm gì?"

"Không. Nakata này vẫn chưa biết phải ra sao cả."

"Tuyệt nhỉ..."

Nakata xoa đầu một lúc, vẻ đăm chiêu như đang suy nghĩ nhiều điều rất hệ trọng. "Cậu Hoshino?" cuối cùng lão nói.

"Có chuyện gì?"

"Xin lỗi, quả thực bây giờ Nakata này phải đi ngủ thôi. Lão buồn ngủ đến nỗi cảm thấy có thể lăn ra đây ngủ luôn tức thì."

"Khoan đã... ông không thể ngủ ở đây được," Hoshino cuống quít nói. "Cháu sẽ kiếm một chỗ cho ông nghỉ lại, ông chờ ở đây một lát, được không?"

"Thôi được. Nakata này sẽ chờ ở đây và cố không ngủ."

"Tốt. Ông có đói không?"

"Không, chỉ buồn ngủ thôi."

Hoshino giở vội cuốn hướng dẫn du lịch, tìm thấy địa chỉ một nhà trọ rẻ tiền có cả điểm tâm miễn phí và gọi điện thoại tới đặt trước một phòng. Nhà nghỉ này ở cách ga khá xa nên họ gọi một chiếc taxi. Vừa đến nơi, Hoshino lập tức yêu cầu cô hầu phòng trải nệm ngay cho họ đi nằm.

Nakata không tắm, cởi đồ đi nằm luôn, và lát sau đã ngáy ro ro.

"Có lẽ lão sẽ ngủ rất lâu đấy, cho nên cậu đừng có hoảng," ngay trước khi ngủ lão nói vậy.

"Dào, cháu sẽ không quấy rầy ông đâu, ông muốn ngủ bao lâu thì ngủ," Hoshino đáp, nhưng Nakata đã chìm vào cõi mộng.

Hoshino khoan thai tắm táp thoải mái và ra ngoài dạo quanh thăm thú địa thế, rồi vào một quán sushi ăn tối. Gã không phải là tay bợm rượu, một chai bia cỡ trung bình đã đủ làm gã đỏ gay mặt và phấn chấn. Ăn xong, gã chơi pachinko khoảng một tiếng và thua ba nghìn

yen. Chiếc mũ cầu thủ bóng chày Chunichi của gã khiến nhiều người qua đường trố mắt nhìn và gã dám chắc mình là người duy nhất ở Tokushima đội một chiếc mũ như thế.

Trở về nhà nghỉ, gã thấy Nakata vẫn ngủ say tít, y nguyên như khi gã ra phố. Đèn trong phòng vẫn bật, nhưng rõ ràng là chẳng hề làm phiền lão. Quả là một ông già vô tâm, Hoshino kết luận. Gã bỏ mũ, cởi chiếc áo sơ-mi Hawai và chiếc quần jeans, rồi vào giường và tắt đèn. Nhưng gã cảm thấy nổi nứng và điều đó cộng với khung cảnh khác lạ khiến gã không ngủ được. Chà, gã nghĩ thầm, đáng ra mình nên kiếm một ả, "vui vẻ" một quắn rồi hẵng về. Nhưng khi nghe tiếng thở đều đặn và bình yên của Nakata, gã bỗng thấy ngượng về ý nghĩ đó, mặc dù gã không biết chắc là tại sao.

Nhìn trân trân lên trần nhà trong bóng tối, nằm trong một nhà trọ rẻ tiền ở một tỉnh lẻ gã chưa bao giờ tới, bên cạnh một lão già kỳ dị mà gã chẳng biết lai lịch ra sao, Hoshino bắt đầu nghi ngờ chính bản thân mình. Lẽ ra đêm nay, gã đang phải lái xe trên đường về Tokyo và vào giờ này, ắt đã đến đâu đó quanh vùng Nagoya rồi. Gã thích công việc của mình và ở Tokyo, có một "em" lúc nào cũng sẵn sàng qua đêm với gã nếu gã muốn. Tuy nhiên, vừa giao hàng ở Kobe xong, trong một cơn bốc đồng đột ngột, gã đã gọi một bạn đồng nghiệp ở tỉnh này, nhờ thay mình đưa xe về Tokyo giùm. Gã gọi điện về công ty xin được nghỉ ba ngày. Và thế là cùng với Nakata, gã đáp xe đến Shikoku, chỉ mang theo chiếc xắc nhỏ đựng một bộ quần áo thay đổi và bộ đồ cạo râu.

Thoạt đầu, Hoshino chỉ chú ý tới Nakata vì lão giống người ông quá cố của gã, nhưng rồi ấn tượng ấy nhạt đi và giờ đây, gã rất tò mò về bản thân Nakata. Những điều lão già kể và *cái cách* nói của lão quả thật là kỳ lạ, nhưng kỳ lạ một cách lý thú. Gã cần phải tìm hiểu xem lão đi đâu và rốt cuộc, sẽ làm gì khi tới đó.

Hoshino xuất thân từ một gia đình nông dân, thứ ba trong số năm con trai. Cho đến hết cấp trung học, gã vẫn đạt hạnh kiểm tốt, nhưng sau khi vào trường chuyên nghiệp, gã giao du với một bọn xấu và bắt đầu gặp rắc rối, thậm chí đã bị cảnh sát bắt mấy lần. Gã đủ điểm tốt nghiệp nhưng không kiếm được việc làm tử tế. Thêm vào đó, những trục trặc với cô bạn gái càng gây thêm trở ngại, cho nên gã quyết định xung vào Lực Lượng Tự Vệ. Gã hy vọng được lái xe tăng nhưng không qua được kỳ thi sát hạch nên đa phần thời gian, phải lái xe tải lớn vậy. Sau ba năm ở trong Lực Lượng Tự Vệ, gã giải ngũ, kiếm được việc làm ở một công ty vận tải và sáu năm nay, gã sống bằng nghề lái xe tải.

Công việc này hợp với gã. Xưa nay, gã vẫn yêu thích máy móc và mỗi khi ngồi chễm chệ trong cabin, tay đặt lên vô lăng, gã cảm thấy như đang ở trong tiểu vương quốc của riêng mình. Công việc nặng nhọc, liên miên bất kể giờ giấc, nhưng gã biết mình không thể chịu

nổi một công việc văn phòng đều đặn sớm vác ô đi tối vác về, nhất cử nhất động đều bị con mắt cú vọ của một ông chủ giám sát từng giờ.

Mặc dù gầy gò, nhỏ con, bề ngoài chả có vẻ gì là tay sừng sỏ, nhưng gã lại chúa hay gây gổ. Nom thế mà gã rất khỏe và một khi đã nổi xung đến tột độ, mắt gã sẽ lóe lên một ánh điên dại khiến phần lớn các địch thủ phải bỏ chạy. Gã đã tham gia nhiều cuộc ẩu đả, hồi còn trong quân ngũ cũng như khi đã chuyển sang lái xe tải, nhưng mãi đến gần đây mới bắt đầu hiểu ra rằng thắng hay thua cũng chẳng ăn cái giải gì. Ít nhất, mình cũng chưa bao giờ bị thương nặng, gã hãnh diện nghĩ thầm.

Hồi học trung học, những lần Hoshino quậy phá bị tống giam, bao giờ ông nội cũng phải lên đồn khẩn khoản xin lỗi, cảnh sát mới thả. Trên đường về nhà, bao giờ ông cũng rẽ vào một tiệm ăn, đãi cháu một bữa ngon lành. Ngay cả trong trường hợp đó, ông già cũng không bao giờ lên lớp Hoshino. Không một lần nào cha mẹ gã lên xin cho con về. Họ còn phải nai lưng kiếm từng đồng, chẳng có thì giờ hoặc nghị lực để lo cho thằng coi trai thứ ba vô tích sự. Đôi khi Hoshino tự hỏi: không biết mình sẽ ra sao nếu ông nội không đến xin cho mình ra? Ít nhất thì cũng còn có ông nhớ đến sự tồn tại của gã và lo cho gã.

Mặc dầu thế, gã vẫn không một lần cảm ơn ông nội về tất cả những gì ông đã làm. Gã không biết phải nói thế nào, hơn nữa, hồi đó, bận tâm lớn nhất của gã là làm sao để sống qua ngày. Ông cụ chết vì ung thư ít lâu sau khi gã xung vào Lực Lượng Tự Vệ. Thời gian cuối, ông đâm lẫn cẫn, thậm chí không nhận ra cháu. Từ khi ông mất, Hoshino chưa trở về nhà lần nào.

Tám giờ sáng hôm sau, khi Hoshino thức giấc, Nakata vẫn ngủ tít và coi bộ lão không hề nhúc nhích một phân suốt cả đêm. Cả nhịp thở cũng vẫn đều đặn, không hề tăng hay giảm âm lượng. Hoshino xuống dưới nhà ăn điểm tâm cùng với những khách trọ khác. Một bữa đơn sơ, nhưng cơm và xúp miso thì thoải mái lấy thêm.

"Ông già đi cùng với anh có ăn sáng không?" cô phục vụ hỏi.

"Ông ấy còn ngủ. Có vẻ như ông không cần đâu. Nếu không phiền, xin cô đừng đánh thức ông."

Đến trưa, thấy Nakata vẫn ngủ say sưa, Hoshino giữ phòng nghỉ lại một đêm nữa. Gã ra phố, ăn cơm gà trộn trứng ở một quán bình dân, sau đó dạo quanh một lúc và cuối cùng tạt vào một tiệm cà phê, vừa uống vừa hút thuốc và lật giở mấy cuốn truyện tranh.

Gần hai giờ, gã trở về nhà trọ, Nakata vẫn chưa dậy. Lo lắng, gã sờ trán lão, nhưng xem ra lão không sốt. Hơi thở lão vẫn bình thản, đều đặn và má hồng hào. Lão có vẻ hoàn toàn khỏe mạnh. Lão chỉ

ngủ tít thò lò, thậm chí không hề trở mình, có thế thôi.

"Cụ ấy có sao không mà ngủ nhiều thế?" Cô hầu phòng hỏi khi ngó vào phòng họ. "Có lẽ cụ ấy ốm chăng?"

"Cụ ấy mệt thôi," Hoshino giải thích. "Cứ để cụ ấy ngủ cho đẫy giấc."

"Thôi được, nhưng tôi chưa thấy ai ngủ nhiều đến thế..."

Giờ ăn tối đến, và cuộc ma-ra-tông ngủ vẫn tiếp tục. Hoshino ra ngoài kiếm một tiệm cà-ri và gọi một suất thịt bò cà-ri và xa-lát ngoại cỡ. Sau đó, gã lại đến chỗ đêm trước chơi pachinko khoảng một tiếng. Lần này gã gặp may và được gần một nghìn *yen* chuyển thành hai tút Marlboro.

Trở về nhà trọ với hai tút thuốc lúc chín rưỡi, gã không thể tin vào mắt mình: Nakata vẫn ngủ.

Hoshino tính nhẩm: ông già đã ngủ hơn hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Đã đành lão đã báo trước là sẽ ngủ lâu nên đừng có lo, nhưng đến mức này thì thật là quá quắt! Hoshino cảm thấy bất lực một cách khác thường. Ngộ nhỡ ông già không tỉnh lại nữa thì mình biết làm thế nào đây?

"Chà chà!" gã thốt lên và lắc đầu.

Nhưng sáng hôm sau, khi Hoshino thức giấc thì đã thấy Nakata dậy rồi, mắt thao láo nhìn ra cửa sổ.

"Kìa, ông nội, vậy là cuối cùng, ông đã tỉnh lại đấy ư?" Hoshino hỏi, nhẹ cả người.

"Vâng, Nakata này vừa mới dậy. Lão không biết mình đã ngủ bao lâu, nhưng chắc là khá dài. Lão cảm thấy mình như là một con người mới."

"Quá lâu ấy chứ, không đùa đâu! Ông ngủ từ chín giờ tối hôm kia, vậy tổng cộng vào khoảng ba mươi tư tiếng đồng hồ. Đích thị là một ông Bạch Tuyết!"

"Nakata này thấy đoi đói."

"Khỏi phải nói, ông chẳng ăn tí gì vào bụng hai ngày rồi."

Hai ông cháu xuống điểm tâm ở phòng ăn dưới nhà. Nakata đả thùng bất chi thình, khiến cô phục vụ kinh ngạc.

"Ông ăn khỏe chẳng kém gì ông ngủ," cô reo lên. "Hai ngày dồn vào một bữa!"

"Vâng, giờ lão phải ăn thật nhiều."

"Ông quả là tráng kiện."

"Vâng, Nakata này không biết đọc nhưng còn khỏe, không có một cái răng sâu nào và không cần phải đeo kính. Lão không bao giờ phải đến bác sĩ, không bao giờ sái vai sái cổ và sáng nào cũng đại tiện đều

đặn.”

“Hết sẩy!” cô gái nói, vẻ thán phục. “Thế hôm nay ông định làm gì?”

“Chúng tôi đi về hướng Tây,” Nakata tuyên bố.

“Hướng Tây,” cô ngẫm nghĩ. “Thế có nghĩa là đi về phía Takamatsu.”

“Lão không sáng dạ, lại chẳng thông thạo địa lý.”

“Thì ta cứ đi đến Takamatsu cái đã, rồi sẽ tính sau, ông nội ạ.” Hoshino xen vào.

“Thôi được. Vậy thì đi Takamatsu. Đến đó rồi sẽ tính.”

“Thật là một kiểu du lịch độc đáo,” cô phục vụ bình luận.

“Đúng thế,” Hoshino nói.

Trở về phòng, Nakata vào toa-lét trong khi Hoshino, mình vẫn mặc áo choàng tắm, nằm dài trên tấm tatami xem thời sự trên truyền hình. Chẳng có mấy tin mới. Cảnh sát vẫn chưa khám phá được gì trong vụ ám sát một điêu khắc gia nổi tiếng ở Nakano - không manh mối, không nhân chứng. Cảnh sát đang tìm đứa con trai mười lăm tuổi của ông ta, biến mất ít ngày trước khi xảy ra vụ án mạng.

“Chao, Hoshino nghĩ thầm, một thằng nhóc mười lăm tuổi. Tại sao thời buổi này cứ luôn luôn có những thằng nhóc mười lăm tuổi dính líu vào những vụ bạo hành? Cố nhiên, gã chẳng có tư cách để lên mặt đạo đức vì chính gã, hồi mười lăm tuổi, cũng đã ăn cắp một chiếc xe máy ở một bãi đậu xe và phóng một vòng du hí mà chẳng có bằng lái gì hết. Tuy nhiên, không thể đem so việc mượn tạm một chiếc xe máy với việc băm viên cha đẻ của mình. Có lẽ chỉ nhờ may mắn mà gã đã không giết cha mình: đã bao lần gã bị ông ấy cho ăn no đòn.

Phần tin thời sự vừa hết thì Nakata từ buồng tắm bước ra.

“Cậu Hoshino, lão hỏi cậu một câu có được không?”

“Có chuyện gì đấy, ông?”

“Cậu có khi nào đau lưng không?”

“Có chứ. Cháu đoán đó là bệnh nghề nghiệp. Tất cả các lái xe cháu quen đều có vấn đề về lưng, cũng như cầu thủ bóng chày, cha nào cũng đau vai. Tại sao ông hỏi thế?”

“Bởi vì nhìn thấy lưng cậu, lão nghĩ ngay là có vấn đề.”

“Hmm...”

“Cậu không phiền nếu Nakata này sờ nắn lưng cậu chứ?”

“Ông cứ tự nhiên.”

Hoshino quay người nằm sấp và Nakata ngồi lên như cưỡi ngựa. Lão đặt tay dọc sống lưng gã và để yên đó một lúc trong khi Hoshino

xem một chương trình nhàn đàm về các "sao" mới. Một nữ diễn viên nổi tiếng làm lễ hứa hôn với một nhà văn trẻ ít ai biết đến. Hoshino không mấy thích thú nhưng chẳng còn gì khác để xem. Thu nhập của cô diễn viên gấp mười lần anh nhà văn, mà anh này thì không hề đẹp trai, thậm chí coi bộ cũng chẳng thông minh gì lắm.

Hoshino thấy chuyện này cũng đáng ngờ. "Cuộc hôn nhân này rồi sẽ chẳng ra sao, cháu dám nói với ông thế. Chắc là có sự ngộ nhận nào đây."

"Cậu Hoshino, xương cậu hơi bị lệch đấy."

"Chả có gì là lạ với kiểu sống lệch lạc của cháu trước nay." Hoshino vừa nói vừa ngáp.

"Nếu cậu không chữa thì sẽ sinh đủ thứ phiền toái đấy."

"Ông nghĩ vậy à?"

"Cậu sẽ đau đầu, táo bón. Rồi sẽ vẹo lưng nữa."

"Thế thì rắc rối đấy."

"Hơi đau đấy. Cậu có chịu không?"

"Chịu. Ông cứ làm tới đi."

"Nói thật tình, sẽ *rất* đau đấy."

"Ông nội à, cháu đã ăn đòn cả đời rồi - ở nhà, ở trường, trong Lực Lượng Tự Vệ - vậy mà cháu vẫn sống. Chả phải khoe mẽ đâu, nhưng thực sự những ngày cháu không bị đánh có thể đếm trên đầu ngón tay. Cho nên đau một tý thì có mùi mắn gì. Nóng bỏng hay nhồn nhột, êm dịu hay buốt nhói – xin ông cứ việc ra chiêu."

Nakata nheo mắt, tập trung tinh thần, thận trọng kiểm tra cho chắc là hai đầu ngón tay cái đã đặt đúng vị trí mong muốn. Sau đó, lão từ từ bấm, vừa tăng dần áp lực vừa theo dõi phản ứng của Hoshino. Lão hít một hơi thật sâu, rồi thốt ra một tiếng kêu ngắn như chim kêu vào mùa đông và dồn toàn lực ấn mạnh vào khoảng giữa cơ lưng và xương sống. Hoshino cảm thấy đau khủng khiếp, đau đến mức phi lý. Một tia chớp lóe trong óc gã, làm tất cả trắng phớ ra. Gã nghẹn thở. Như thể gã bị ném từ một ngọn tháp cao xuống đáy địa ngục vậy. Cơn đau ghê gớm đến nỗi thậm chí gã không thể kêu lên được. Mọi ý nghĩ cháy trụi và tung tóe đi hết. Tưởng như thân thể gã vỡ tan ra từng mảnh. Gã cảm thấy ngay cả cái chết cũng không thể kinh khủng đến thế. Gã cố mở mắt ra mà không được. Đành cứ nằm đó, bất lực, úp mặt xuống tấm chiếu tatami, nhớt dãi ròng ròng, nước mắt giàn giụa. Cơn đau kéo dài khoảng ba mươi giây.

Cuối cùng, gã cũng thở lại được và chệnh choạng ngồi dậy. Tấm tatami dập dềnh trước mặt gã như mặt biển trong cơn giông.

"Lão dám chắc là cậu đau."

Hoshino ngúc ngắc đầu mấy cái như để kiểm tra cho chắc là mình

còn sống. Nói "đau" là quá nhẹ, chưa lột tả được một phần. Cháu cảm thấy như bị lột da sống, xiên như xiên chả, giã như giã giò, rồi bị giẫm nát dưới chân một đàn bò điên. Ông giở cái ngón quỷ quái gì ra với cháu thế?"

"Lão nắn cho cột sống của cậu thẳng lại. Rồi cậu sẽ ổn thôi. Lưng cậu sẽ không đau nữa. Và đảm bảo là đại tiện trơn tru."

Quả nhiên, khi cơn đau dịu đi như thủy triều rút, lưng gã đỡ hẳn. Cái cảm giác nặng nề, trì trệ mọi khi đã biến mất. Gã thấy nhẹ nhõm ở vùng thái dương và thở dễ dàng hơn. Và rành là gã thấy mót đi ngoài.

"Ờ, đúng là có đỡ ở nhiều chỗ."

"Tất cả mọi rắc rối đều từ cột sống," Nakata nói.

"Cơ mà đau thấy ông bà ông vải," Hoshino nói và thở dài.

Hai ông con đáp chuyến tàu tốc hành JR từ ga Tokushima đi Takamatsu. Hoshino trả tất cả mọi khoản chi phí, nhà trọ và vé tàu. Nakata đòi trả phần mình, nhưng Hoshino không nghe.

"Bây giờ, cháu cứ trả đã, rồi ta sẽ tính toán sau. Cháu không thích đàn ông với nhau lại đi cãi vã về chuyện tiền nong."

"Thôi được. Nakata này không hiểu chuyện tiền nong lắm, vậy cậu bảo sao, lão cứ làm thế," Nakata nói.

"Tuy nhiên, cháu phải nói là cháu cảm thấy tuyệt vời nhờ cái ngón shiatsu[23] ông bấm cho cháu. Cho nên chí ít ông cũng phải để cháu tạ ơn ông chứ, đúng không? Không biết từ bao lâu rồi, cháu chưa thấy sảng khoái như thế. Cháu cảm thấy như mình trở thành một người mới vậy.

"Thế thì tuyệt. Nakata này chả hiểu *shiatsu* nghĩa là gì, nhưng biết chắc rằng xương cốt là rất quan trọng."

"Cháu cũng không biết chắc người ta gọi cái ấy là gì – *shiatsu*, nắn xương hay thuật nắn bóp cột sống – nhưng bất kể gọi là gì, ông vẫn thực sự là một nhân tài về mặt này. Ông mà làm nghề này thì hốt bạc đấy. Ông chỉ cần chữa cho các bạn tài xế của cháu cũng kiếm được khối."

"Vừa thấy lưng cậu là lão biết ngay là xương bị lệch mà. Hễ thấy cái gì lệch là lão thích nắn lại. Lão đã đóng đồ mộc bao lâu và bất cứ khi nào thấy cái gì vẹo vọ là lão phải chữa cho thẳng thớm. Nakata này là như thế đó. Nhưng đây là lần đầu tiên lão chỉnh xương."

"Cháu chắc ông được trời phú," Hoshino nói, vẻ thán phục.

"Nakata này trước đây còn có thể nói chuyện với mèo."

"Ông không đùa đấy chứ?"

"Nhưng gần đây, lão không nói chuyện được với chúng nữa. Hẳn là tại Johnnie Walker."

“Cháu hiểu.”

“Lão ngu ngốc nên không hiểu được những chuyện rắc rối. Và gần đây, có bao nhiêu chuyện rắc rối xảy ra. Chẳng hạn, cá và đỉa từ trên trời rơi xuống.”

“Thật ư?”

“Cơ mà lão rất mừng là đã chữa được cho lưng cậu đỡ hơn. Nếu cậu cảm thấy dễ chịu thì Nakata cũng cảm thấy dễ chịu.”

“Cháu cũng mừng thực sự,” Hoshino nói.

“Thế thì tốt.”

“Giờ ông nhắc đến chuyện đỉa...”

“Phải, Nakata nhớ rất rõ mà.”

“Ông có liên quan gì đến chuyện ấy không?”

Nakata ngẫm nghĩ một lúc, một điều hiếm khi xảy ra. “Chính lão cũng không biết nữa. Lão chỉ biết khi lão giương ô lên, là đỉa bắt đầu rơi xuống rào rào.”

“Ông biết...”

“Điều xấu xa nhất là giết người,” Nakata nói với một cái gật đầu dứt khoát.

“Tuyệt đối đúng. Giết người là xấu, chắc chắn thế.”

“Chính xác,” Nakata nói và lại gật đầu thật lực.

Đến gã Takamatsu, hai ông con xuống xe và vào một tiệm mì gần ga ăn trưa. Nhìn qua cửa sổ tiệm ăn, có thể thấy mấy cái cần trục trên bến cảng rợp bóng hải âu.

Nakata nhấm nháp từng sợi mì một. “Cái món mì udon này ngon ơi là ngon,” lão nói.

“Ông thích là cháu mừng,” Hoshino nói. “Giờ ông nghĩ sao? Chỗ này có được không?”

“Vâng, Nakata này nghĩ chỗ này tốt đấy.”

“Vậy là ta đã chọn đúng chỗ. Giờ thì ông sẽ làm gì?”

“Lão còn phải tìm phiến đá cửa vào đã.”

“Phiến đá *cửa vào*?”

“Đúng thế.”

“Hừm, cháu dám chắc đằng sau cái này là cả một câu chuyện dài,” Hoshino nói.

Nakata nghiêng bát mì, húp nốt giọt nước cuối cùng. “Phải, đó là một câu chuyện dài. Dài đến nỗi chính lão cũng không hiểu. Cơ mà Nakata nghĩ là khi nào đến đó, chúng ta sẽ hiểu thôi.”

“Như mọi lần, cứ bao giờ đến nơi thì ông mới hiểu?”

“Đúng thế.”

“Có nghĩa cháu chưa đến thì chưa hiểu được?”

“Phải, chưa đến thì chính lão cũng chưa hiểu.”

“Thôi đủ rồi. Cháu không thích những câu chuyện dài dòng. Dù sao đi nữa, ta vẫn cần phải tìm *phiến đá cửa vào* ấy, phải không?”

“Chính thế,” Nakata nói.

“Vậy nó ở đâu?”

“Nakata này không biết.”

“Mình hỏi cũng bằng thừa,” Hoshino vừa nói vừa lắc đầu.

Chương 25

Tôi ngủ thiếp đi một lúc, tỉnh dậy, rồi lại ngủ tiếp, cứ thế mấy lần. Tôi không muốn bỏ lỡ cái lúc cô xuất hiện. Thế nhưng tôi đã bỏ lỡ thật - khi tôi ngước lên thì cô đã ngồi ở bàn giấy y như đêm hôm trước. Chiếc đồng hồ cạnh giường tôi chỉ hơn ba giờ một chút. Rõ ràng trước khi đi nằm, tôi đã kéo rèm, vậy mà giờ đây nó lại mở toang. đêm nay không có trăng - đó là điểm khác biệt duy nhất. Trời đầy mây và có thể bên ngoài đang mưa bụi. Bên trong phòng, tối hơn đêm qua nhiều, những ngọn đèn thưa thớt ngoài vườn chỉ hắt vào một ánh sáng yếu ớt qua lá cây. Phải mất một lúc mắt tôi mới quen được với bóng tối.

Cô gái ngồi ở bàn, tì má vào lòng bàn tay, nhìn bức tranh treo trên tường. Cô vẫn mặc bộ đồ như hôm qua. Lần này, mặc dù căng mắt ra nhìn, tôi vẫn không thấy rõ được nét mặt cô vì tối quá. Nhưng kỳ lạ thay, đường nét thân hình cô lại nổi bật lên bồng bềnh trong bóng tối. Không nghi ngờ gì nữa, đây đúng là Miss Saeki hồi trẻ.

Cô có vẻ như đang trầm ngâm suy nghĩ. Hoặc đang đắm mình trong một giấc mơ dài. Dù thế nào, tôi vẫn cố thở thật nhẹ để khỏi khuấy động cảnh tượng trước mắt tôi đây. Tôi không động đậy một ly, chỉ thỉnh thoảng đưa mắt nhìn đồng hồ xem giờ. Thời gian đều đặn, chậm chạp trôi.

Bất chợt, tim tôi bắt đầu rộn lên. Và cái âm thanh giống như tiếng gõ cửa ấy vang lên trong đêm khuya tịch lặng của căn phòng làm tôi giật mình đến nỗi suýt nhảy ra khỏi giường.

Cái bóng đen của cô gái thoáng động đậy. Cô ngước lên và lắng tai nghe. Cô nghe thấy tiếng tim tôi đập. Cô hơi nghiêng đầu, kiểu như một con thú trong rừng tập trung chú ý vào một tiếng động bất thường. Rồi cô quay về phía giường tôi đang nằm. Nhưng tôi biết hình ảnh của tôi không được ghi nhận trong mắt cô: tôi không ở trong giấc mơ của cô. Cô và tôi thuộc về hai thế giới khác nhau, ngăn cách bởi một ranh giới vô hình.

Hồi trống trong ngực tôi lắng xuống cũng nhanh chóng như khi nó bắt đầu. Cả nhịp thở của tôi cũng vậy. Tôi lại thôi không hiện hữu và cô không lắng tai nghe nữa. Cô lại hướng mắt về bức tranh *Kafka bên bờ biển*, trong tư thế tay chống cằm như cũ. Một lần nữa, trái tim cô lại bị hút về cậu thiếu niên trong cái quang cảnh mùa hè ấy.

Cô ngồi đó khoảng hai mươi phút rồi đi khỏi. Y như đêm trước, cô đứng dậy, đôi chân trần lướt đi không một tiếng động về phía cửa và không cần mở, cứ thế biến ra ngoài. Tôi tiếp tục nằm yên một lúc, rồi cuối cùng trở dậy. Vẫn để đèn tắt, tôi đi trong bóng tối, tới ngồi vào chỗ cô vừa bỏ đi. Tôi đặt cả hai tay lên bàn và cố hấp thụ chút gì

còn lại từ sự hiện diện của cô. Tôi nhắm mắt lại, níu đón nhịp tin run rẩy của cô cho nó thẩm thấu vào tim tôi.

Tôi phát hiện ra một điểm chung giữa cô gái và tôi: cả hai chúng tôi đều yêu một người không còn ở trên đời này nữa.

Lát sau, tôi chìm vào một giấc ngủ bất an. Tôi chao đảo như quả lắc đồng hồ một bên là cơ thể cần được nghỉ ngơi và bên kia là tâm trí không thuận theo. Thế rồi sau đó - thậm chi tôi cũng không biết chắc là đã sáng hay chưa - chim hót rộn lên ngoài vườn, làm tôi thức giấc hoàn toàn.

Tôi xỏ chân vào chiếc quần jeans, mặc thêm sơ mi dài tay ra ngoài áo phông, và ra ngoài. Mới hơn năm giờ sáng, chưa có ai khác ra đường. Tôi bỏ lại sau lưng dãy nhà ngoại ô cũ kỹ, đi qua khu rừng thông được trồng để chắn gió, qua con đê chắn sóng và ra tới bãi biển. Một làn gió thoảng mơn man da tôi. Bầu trời giăng một lớp mây xám, nhưng không có vẻ gì là sắp mưa. Một buổi sáng tĩnh lặng, yên bình. Như một lớp cách âm, những đám mây hút kiệt mọi âm thanh từ mặt đất vọng lên.

Tôi dạo bước trên một con đường nhỏ dọc biển , hình dung chàng trai trong bức tranh, tay xách chiếc ghế vải dạo bước cũng trên con đường này, rồi ngồi bên bờ biển. Tuy nhiên, tôi không dám chắc bức tranh mô tả cụ thể quãng nào của bờ biển. Trên tranh, ta chỉ thấy bãi biển, chân trời, bầu trời và mây. Và một hòn đảo. Mà dọc bờ biển thì có nhiều đảo và tôi không nhớ rõ hình thù hòn đảo được thể hiện trong tranh. Tôi ngồi xuống bãi cát, nhìn ra biển và khum tay thành một thứ khung tranh. Tôi hình dung chàng trai đang ngồi đó. Một con hải âu đơn lẻ vật vờ bay ngang bầu trời lặng gió. Những con sóng nhỏ xô bờ, đều đặn từng đợt, để lại trên cát một đường lượn mềm mại li ti những chấm bọt.

Đột nhiên tôi hiểu ra là mình ghen với gã thiếu niên trong tranh.

"Cậu ghen với chàng trai trong tranh," thằng cu tên là Quạ thì thầm vào tai tôi.

Cậu ghen với gã trai hai mươi tuổi tội nghiệp bị tưởng nhầm là một kẻ khác, do đó bị giết uổng vào thời kỳ... ba mươi năm trước đây, phải không nhỉ? Ghen điên cuồng đến phát đau. Đây là lần đầu tiên trong đời, cậu ghen. Giờ thì cậu biết thế nào là một cơn ghen. Nó như một đám cháy rừng thiêu đốt tim ta.

Cả đời, cậu chưa bao giờ ghen tị ai hoặc muốn được như ai - nhưng giờ đây thì cậu thèm muốn địa vị của gã trai ấy hơn hết thảy. Thậm chí, dù biết là năm hai mươi tuổi, gã đã bị nện vào đầu bằng một cái ống sắt rồi đánh đến chết, cậu vẫn sẵn sàng đánh đổi số phận với gã. Cậu bằng lòng làm vậy để có thể yêu Saeki trong năm năm còn lại của đời mình. Và được nàng yêu với tất cả tấm lòng. Được tha hồ ôm nàng trong tay bao lâu tùy thích, làm tình với nàng

hết ngày này sang ngày khác. Được vuốt ve mọi bộ phận trên cơ thể nàng và để nàng cũng làm như thế đối với cậu. Và để sau khi cậu chết, mối tình ấy sẽ trở thành một câu chuyện được khắc ghi mãi mãi trong tim nàng. Từng đêm, từng đêm, nàng sẽ yêu cậu trong kỷ niệm.

Phải, cậu đang ở trong một tình huống kỳ lạ. Cậu yêu một cô gái không còn tồn tại và ghen với một chàng trai đã vĩnh viễn ra đi. Mặc dù thế, niềm xúc cảm đang xâm chiếm con tim cậu lại thực hơn, đau đớn hơn bất cứ những gì cậu từng trải nghiệm trước đây. Và không có một lối thoát nào. Không có cơ may nào tìm được đường ra. Cậu đã lạc vào một mê cung của thời gian và điều rắc rối nhất là cậu tuyệt nhiên không mong muốn ra khỏi đó. Có đúng thế không?

Oshima đến muộn hơn hôm qua một chút. Trước khi anh tới, tôi đã kịp hút bụi cả tầng trên lẫn tầng dưới, lau chùi tất cả bàn ghế, mở và lau các cửa sổ, cọ rửa nhà vệ sinh, đổ rác, thay nước các bình hoa. Rồi tôi bật tất cả các đền và hiển thị danh mục trên các máy vi tính. Chỉ còn việc mở cửa nữa thôi.

Oshima kiểm tra công việc của tôi và gật đầu hài lòng. "Em học nhanh đấy, không để phí thời gian."

Tôi đun nước, pha cà phê cho anh. Còn tôi làm một táchy trà Earl Grey như hôm qua. Bên ngoài trời bắt đầu mưa khá nặng hạt. Có tiếng sấm ở đằng xa. Chưa trưa mà đã tối sầm như xế chiều.

"Oshima, em muốn nhờ anh một việc."

"Việc gì?"

"Anh có kiếm đâu được tổng phổ của *Kafka bên bờ biển* không?"

Oshima nghĩ một thoáng."Nếu có trên trang mạng của một nhà xuất bản âm nhạc nào đó, mình nghĩ cậu có thể trả phí để tải xuống. Để mình kiểm tra rồi sẽ báo cho cậu."

"Cám ơn anh."

Anh ngồi xuống ở một góc quầy, bỏ một viên đường nhỏ xíu vào tách cà phê và lấy thìa khuấy. "Vậy là cậu thích bài hát ấy?"

"Vâng, rất thích."

"Mình cũng mê luôn. Một giai điệu đẹp, độc nhất vô nhị. Đơn giản mà sâu lắng. Nó nói lên nhiều điều về con người đã sáng tác ra nó."

"Tuy nhiên, ca từ lại quá tượng trưng," tôi đánh bạo nhận xét.

"Từ xửa từ xưa, tính tượng trưng và thơ vốn không thể tách rời nhau. Như hải tặc với rượu rhum vậy."

"Theo anh Miss Saeki có hiểu hết ý nghĩa của ca từ không?"

Oshima ngước lên, lắng nghe tiếng sấm như thể đang ước tính xem nó ở bao xa. Rồi quay về phía tôi và lắc đầu. "Không nhất thiết. Tính tượng trưng và ý nghĩa là hai điều riêng rẽ. Mình nghĩ bà tìm ra

những từ thật đắt bằn cách vượt qua ý nghĩa và lô gích. Bà "bắt" chữ trong một giấc mơ, như kiểu người ta rón tay túm nhẹ đôi cánh một con bướm dập dờn quanh mình. Nghệ sĩ là những kẻ có khả năng tránh được thói dài dòng văn tự."

"Vậy theo anh, có thể Miss Saeki đã tìm thấy những từ đó ở một không gian khác như trong mơ?"

"Đa phần những bài thơ lớn đều như vậy. Nếu những con chữ không tạo nổi một sấm truyền liên thông tới người đọc qua một thứ đường hầm, thì toàn bài không còn là thơ nữa."

"Nhưng khối bài thơ đều chỉ làm ra vẻ thế."

"Đúng vậy. Đó là một thứ thủ thuật và một khi biết cách, thì chẳng có gì là khó. Chỉ cần dùng một số từ nghe có vẻ tượng trưng là toàn bộ mang dáng dấp một bài thơ rồi."

"Em cảm thấy trong *Kafka bên bờ biển* có một cái gì khẩn cấp và nghiêm trọng."

"Mình cũng thế," Oshima nói. "Lời ca không chỉ là một cái gì hời hợt trên bề mặt. Nhưng trong tâm trí mình, lời ca và giai điệu không tách rời nhau, mình không thể xem xét lời ca như là thơ thuần túy và quyết định là tự thân nó có sức thuyết phục đến mức nào. (Anh khẽ lắc đầu). "Dù sao đi nữa, rành là bà có tài trời phú và khả năng âm nhạc đích thực. Bà cũng có đầu óc khá thực tế để nắm bắt thời cơ. Nếu cái sự kiện khủng k hiếp kia không khiến bà rút khỏi thế sự, mình dám chắc bà đã phát triển tài năng tiến xa hơn nữa. Thật đáng tiếc..."

"Vậy tài năng đó đi đâu mất rồi?"

Oshima nhìn tôi. "Cậu hỏi tài năng của Miss Saeki biến đi đâu sau khi bạn trai của bà chết?"

Tôi gật đầu. "Nếu tài năng là một năng lượng tự nhiên thì nó phải tự thể hiện ra bằng cách này hay cách khác chứ?"

"Mình không biết," anh đáp. "Không ai có thể tiên đoán hướng đi của tài năng. Có khi nó biến mất hẳn. Hoặc giả nó lặn sâu xuống như một dòng nước ngầm và chảy đi đâu có trời biết."

"Có thể Miss Saeki tập trung tài năng của mình vào một lĩnh vực khác ngoài âm nhạc chăng?" tôi đoán.

"Vào một lĩnh vực khác?" Oshima nhíu mày, quan tâm ra mặt. "Cụ thể là thế nào?"

Tôi không tìm ra lời để diễn đạt. "Em không biết... Em chỉ cảm thấy là có thể như thế thôi. Có thể là vào một cái gì đó vô hình."

"Vô hình?"

"Một cái gì người khác không nhìn thấy, một thứ gì đó mà người ta theo đuổi cho riêng mình. Một quá trình nội tâm."

Oshima vuốt lại mớ tóc xõa xuống trán, những sợi mềm như chảy giữa những ngón tay thanh mảnh. "Đó là một ý hay. Sau khi trở lại thành phố, có thể Miss Saeki đã dùng tài năng của mình vào một điều gì đó mà ta không biết, hay để dùng chữ của cậu, *vào một cái gì đó vô hình*. Nhưng xin nhớ là bà đã biến mất khoảng hai mươi lăm năm, cho nên không cách nào biết chắc được trừ phi ta trực tiếp hỏi bà."

Tôi lưỡng lự một chút rồi quyết định cứ hỏi. "Em có thể hỏi anh một điều thật sự ngớ ngẩn được không?"

"Thật sự ngớ ngẩn ư?"

Tôi đỏ mặt. "Hoàn toàn phi lý."

"Không sao. Mình không nhất thiết phản đối những gì ngớ ngẩn hay phi lý."

"Em thậm chí không thể tin là mình dám mở miệng nói điều này với ai."

Oshima hơi nghiêng đầu, đợi tôi nói tiếp.

"Liệu có khả năng Miss Saeki là... là mẹ em được không?"

Oshima ngả người dựa vào quầy, ngẫm nghĩ tìm lời chữ cho chính xác. Chiếc đồng hồ trên tường trên tường tích tắc đếm từng giây trong khi tôi chờ đợi.

Cuối cùng, anh lên tiếng. "Vậy điều cậu muốn nói là thế này: năm Miss Saeki hai mươi tuổi, tuyệt vọng, rời khỏi Takamatsu đến sống một mình ở một nơi nào đó, bà tình cờ gặp cha cậu, ông Koichi Tamura, và hai người lấy nhau, đẻ ra cậu. Rồi bốn năm sau, xảy ra chuyện gì đó khiến bà bỏ nhà đi, để cậu lại. Sau đó là một khoảng trống mù mịt cho đến khi bà xuất hiện trở lại ở Shikoku. Mình hiểu như thế có đúng không?"

"Vâng."

"Điều đó không phải là bất khả. Mình muốn nói: cho đến giờ, không có bằng cứ nào để bác bỏ giả thuyết của cậu. Quá nhiều điều trong cuộc đời bà vẫn còn là một bí mật hoàn toàn. Người ta đồn là bà đã từng sống ở Tokyo. Hơn nữa, bà lại trạc tuổi cha cậu. Tuy nhiên, khi trở về Takamatsu, bà chỉ có một mình. Cậu nói chị gái cậu bao nhiêu tuổi?"

"Hăm mốt."

"Bằng tuổi mình," Oshima nói. "Nhưng mình không phải là chị cậu, cái đó thì mình biết chắc. Mình có cha mẹ và anh trai - tất cả cùng máu mủ ruột rà. Một gia cảnh quá tốt đối với mình." Anh khoanh tay lại và nhìn tôi một lúc. "Mình cũng có một điều muốn hỏi cậu. Cậu có bao giờ xem giấy khai sinh của mình không? Nếu có, ắt cậu phải biết tên tuổi của mẹ cậu chứ?"

"Dĩ nhiên là em có xem."

"Vậy trong đó ghi tên mẹ cậu là gì?"

"Người ta không ghi tên mẹ em," tôi nói.

Oshima có vẻ kinh ngạc. "Không ghi? Sao lại có thể thế được?"

"Không có tên mẹ em. Không đùa đâu. Em không hiểu tại sao lại thế. Theo giấy khai sinh thì em không có mẹ. Cũng chẳng có chị gái. Chỉ có tên cha em và tên em trong giấy khai sinh. Về phương diện pháp lý, em là một đứa con hoang. Một đứa con ngoài giá thú."

"Nhưng thực tế, cậu đã từng có một người mẹ và một chị gái mà."

Tôi gật đầu. "Đúng vậy, cho đến năm em lên bốn. Một gia đình bốn người chung sống, đó không phải chỉ là tưởng tượng. Em còn nhớ rất rõ mà. Ít lâu sau khi em tròn bốn tuổi, mẹ em bỏ đi mang theo chị em."

Tôi rút ví, đưa cho Oshima xem tấm ảnh hai chị em tôi chơi trên bãi biển. Anh ngắm một lúc, mỉm cười rồi trả lại tôi.

"Kafka bên bờ biển," anh nói.

Tôi gật đầu và cất ấm ảnh trở vào ví. Bên ngoài, gió xoáy lộn, táp mưa vào cửa kính lộp độp. Ngọn đèn trần hắt bóng tôi và Oshima trên sàn nhà, khiến chúng tôi nom giống như hai kẻ đang bàn bạc một âm mưu tăm tối nào đó ở một thế giới nghịch đảo.

"Em không nhớ mặt mẹ mình ư?" Oshima hỏi. "Em sống với mẹ đến năm lên bốn, chắc phải nhớ mang máng dáng nét của bà chứ?"

Tôi lắc đầu. "Em hoàn toàn không nhớ nổi. Em không biết tại sao, nhưng trong bộ nhớ của em, cái chỗ đáng lẽ phải lưu giữ gương mặt mẹ lại là một vệt tối đen, một khoảng trống."

Oshima ngẫm nghĩ một lúc. "Hãy nói thêm cho anh nghe tại sao em lại nghĩ Miss Saeki có thể là mẹ em."

"Thôi, chừng nấy là đủ rồi," tôi nói. "Ta hãy quên chuyện đó đi. Em đã tưởng tượng quá nhiều, thế thôi."

"Không sao, em cứ nói tiếp tất cả những gì em nghĩ trong đầu đi," anh nói. "Rồi hai anh em mình sẽ có thể xác định đó có phải tại em tưởng tượng quá nhiều hay không?"

Cái bóng của Oshima trên sàn chuyển động theo những cử chỉ của anh, tuy có hơi phóng đại lên một tí.

"Có rất nhiều sự trùng hợp giữa em và Miss Saeki," tôi nói. "Y như những miếng trong trò chơi ghép hình chắp vừa khít vào nhau vậy. Em hiểu ra điều đó khi nghe bài *Kafka bên bờ biển*. Trước hết là việc em ị hút đến cái thư viện này như thể do số phận đưa đẩy. Thẳng một mạch từ Nakano đến Takamatsu. Ngẫm ra thì rất kỳ lạ."

"Như tình tiết của một bi kịch Hy Lạp vậy."

"Thế rồi, em đâm yêu," tôi nói thêm.

"Yêu Miss Saeki?"

"Vâng, có lẽ thế."

"*Có lẽ?*" Oshima cau mày nhắc lại. "Cậu muốn nói *có lẽ* cậu đang yêu? Hay *có lẽ* cậu yêu Miss Saeki?"

Tôi đỏ mặt. "Em thực sự không thể giải thích được rõ ràng," tôi đáp. "Thật phức tạp và có nhiều điều chính em cũng không hiểu."

"Nhưng cậu nghĩ có lẽ cậu đang yêu, có lẽ cậu yêu Miss Saeki?"

"Đúng," tôi nói. "Rất yêu."

"*Có lẽ*, mà lại là rất yêu."

Tôi gật đầu.

"Đồng thời lại cũng có thể Miss Saeki là mẹ cậu?"

Lại một cái gật đầu đặc trưng của tôi.

"Với một thiếu niên mười lăm tuổi thậm chí chưa cần đến dao cạo râu, hành trang cậu mang theo quả là nặng nề," Oshima nhấp một ngụm cà phê và thận trọng đặt tách lên đĩa. "Mình không nói thế là dở, mà chỉ nhận xét rằng cái gì cũng có giới hạn của nó."

Tôi không nói gì.

Oshima đưa tay lên bóp thái dương và trầm ngâm. Rồi chắp tay trước ngực, nói "Mình sẽ cố tìm bản tổng phổ ấy trong thời gian sớm nhất có thể. Những việc còn lại ở đây, mình có thể tự làm nốt, vậy cậu về phòng nghỉ đi."

Đến giờ ăn trưa, tôi ra thay Oshima ở quầy trước. Hôm nay ít khách hơn mọi khi, có lẽ vì mưa liên tục. Khi trở lại sau giờ nghỉ, Oshima đưa cho tôi một chiếc phong bì lớn đựng bản tổng phổ của Kafka bên bờ biển in ra từ máy vi tính.

"Chúng ta đang sống trong một thế giới tiện lợi thật," anh nói.

"Cám ơn anh," tôi nói.

"Nếu không phiền, cậu có thể pha một tách cà phê mang lên gác được không? Đen, không kem, không đường. Cậu pha cà phê ngon lắm."

Tôi pha một tách mới, đặt vào khay, mang lên tầng hai. Như mọi khi, cửa phòng Miss Saeki để mở và bà đang ngồi bên bàn làm việc. Khi tôi đặt cà phê lên bàn, bà ngước mắt nhìn tôi, mỉm cười, rồi đậy nắp chiếc bút máy lại, đặt lên chồng giấy.

"Thế nào, cháu đã quen với mọi thứ ở đây chưa?"

"Dần dần ạ," tôi trả lời.

"Giờ cháu có rảnh không?"

"Thưa có ạ," tôi nói.

"Vậy thì cháu ngồi xuống đi," Miss Saeki chỉ chiếc ghế gỗ cạnh

bàn. "Chúng ta nói chuyện một lúc."

Trời lại bắt đầu nổi sấm ở đằng xa, rồi mỗi lúc một gần lại. Tôi làm theo lời bà và ngồi xuống ghế.

"Nhắc lại xem, cháu bao nhiêu tuổi? Mười sáu?"

"Mười lăm. Cháu vừa tròn mười lăm."

"Cháu bỏ nhà đi, phải không?"

"Vâng."

"Có lý do gì khiến cháu phải làm thế không?"

Tôi lắc đầu. Tôi biết nói gì đây?

Miss Saeki nhấc tách cà phê lên, nhấp một ngụm trong khi chờ tôi trả lời.

"Cháu cảm thấy nếu ở lại đó, cháu sẽ hỏng không cách chi cứu chữa nổi."

"Hỏng ư?" Miss Saeki nheo mắt, nói.

"Vâng," tôi nói.

Ngừng một lát, Miss Saeki lại nói. "Một cậu bé ở tuổi của cháu mà dùng cái từ *hỏng*, nghe cũng kỳ lạ. Có phải nói là cháu làm cô tò mò đấy. Chính xác ra, cháu nói *hỏng* theo nghĩa nào?"

Tôi tìm chữ để diễn giải cho đúng. Trước hết, tôi tìm gã thanh niên tên là Quạ, nhưng chẳng thấy gã đâu. Thành thử tôi phải tự túc lựa chọn chữ lựa lời và như vậy phải mất thời gian. Nhưng Miss Saeki vẫn kiên nhẫn chờ. Ngoài trời, chớp lóe lên và lát sau, sấm vang rền ở đằng xa.

"Cháu muốn nói là cháu sẽ có nguy cơ biến chất thành một thứ mà cháu không muốn là thế."

Miss Saeki nhìn tôi với vẻ quan tâm đặc biệt. "Với thời gian, rốt cuộc, tất cả mọi người đều sẽ *hỏng*, sẽ biến thành một cái gì khác. Sớm muộn, điều đó tất sẽ xảy ra thôi."

"Nhưng ngay cả nếu điều đó xảy ra, người ta vẫn cần có một chốn để quay về."

"Một chốn để quay về?"

"Một chốn đáng để quay về."

Miss Saeki nhìn thẳng vào mặt tôi.

Tôi đỏ mặt, rồi lấy hết can đảm ngước lên nhìn lại bà. Bà mặc một chiếc áo liền váy ngắn tay màu xanh nước biển. Chắc bà phải có cả một tủ đầy những áo váy màu xanh với những sắc độ khác nhau. Ngoài trang phục chính, bà chỉ đeo thêm một vòng cổ mảnh bằng bạc và một đồng hồ tay nhỏ xíu với dây da màu đen. Tôi tìm cô gái mười lăm tuổi ở nơi bà và thấy ngay lập tức. Cô đang thiêm thiếp náu mình trong khu rừng của trái tim bà như hình ảnh trong phim nổi.

Nhưng nhìn thật kỹ là phát hiện được thôi. Tim tôi lại bắt đầu đập rộn lên như có ai đóng cái đinh dài vào thành ngực bao quanh nó.

"So với tuổi mười lăm, cháu quả là rất biết lẽ đúng sai."

Tôi không biết trả lời ra sao.

"Hồi cô mười lăm," Miss Saeki nói với một nụ cười, "cô chỉ muốn đi biệt đến một thế giới khác, đến một nơi ngoài tầm của tất cả mọi người. Một nơi ngoài dòng chảy của thời gian."

"Nhưng làm gì có nơi nào như thế."

"Đúng. Vì thế mà cô đành sống ở đây, trong cái thế gian này, nơi mà mọi thứ cứ liên tục hỏng đi, lòng người luôn thay đổi và thời gian thì cứ trôi chảy không ngừng." Bà im lặng một lát như để ám chỉ sự trôi chảy của thời gian. "Nhưng cháu biết đấy," bà nói tiếp, "khi cô mười lăm tuổi, cô nghĩ là hẳn phải có một nơi như vậy trên thế gian này. Cô tin chắc ở đâu đó, mình sẽ tìm thấy cửa vào cái thế giới kia."

"Hồi mười lăm tuổi, cô có cảm thấy cô đơn không?"

"Có, theo một nghĩa nào đó. Cô không trơ trọi một mình, nhưng cô cảm thấy cô đơn ghê gớm. Bởi vì cô biết mình sẽ không bao giờ hạnh phúc hơn lúc đó. Cô biết chắc thế. Vì vậy nên cô mới muốn đi đến một nơi nào đó không có thời gian để có thể mãi mãi giữ nguyên trạng thái hạnh phúc đó."

"Cháu thì lại muốn lớn lên nhanh thôi."

Miss Saeki ngả người ra sau để nhìn cho kỹ sắc diện của tôi. "Cháu hẳn là mạnh mẽ và độc lập hơn cô hồi ấy. Ở tuổi cháu, cô mang đầy ảo tưởng rằng mình có thể trốn thoát thực tại, còn cháu thì đứng thẳng đối mặt với thực tại, đương đầu với nó. Thật khác xa nhau."

Mạnh mẽ và độc lập ư? Cả hai phẩm chất ấy, tôi đều không có. Tôi chỉ bị thực tại xô đẩy về phía trước, dù tôi muốn hay không. Nhưng tôi không nói gì.

"Cháu biết không, cháu là cô nhớ đến một thiếu niên mười lăm tuổi cô quen hồi xưa."

"Cậu ấy nom có giống cháu không?" tôi hỏi.

"Cháu cao hơn và lực lưỡng hơn cậu ấy, nhưng có một nét giống. Cậu ấy không thích trò chuyện với đám trẻ cùng tuổi - không đồng cảm mà - cho nên phần lớn thời gian, cậu ta cứ ru rú trong phòng đọc sách hoặc nghe nhạc. Khi gặp những đề tài khó, cậu ta cũng cau mày, y hệt cháu. Cháu cũng ham đọc, đúng không?"

Tôi gật đầu.

Miss Saeki liếc nhìn đồng hồ. "Cám ơn cháu về tách cà phê."

Hiểu ý bà muốn bảo tôi lui, tôi đứng dậy và đi ra cửa. Miss Saeki cầm chiếc bút máy lên, chậm rãi xoáy nắp ra và lại cắm cúi viết. Lại

một tia chớp lóe bên ngoài, nhuộm đẫm căn phòng một màu kỳ lạ trong thoáng chốc. Tiếng sấm đến sau một lát, lần này nghe gần hơn.

"Kafka," Miss Saeki gọi.

Tôi dừng bước ở cửa và quay lại.

"Cô chợt nhớ có lần cô đã viết một cuốn sách về sét."

Tôi không nói gì. Một cuốn sách về sét?

"Cô đã đi khắp nước phỏng vấn những người sống sót sau khi bị sét đánh. Cô bỏ mấy năm để làm việc ấy. Hầu hết các cuộc phỏng vấn đều rất lý thú. Một nhà xuất bản nhỏ đã ấn hành, nhưng chả bán được mấy. Cuốn sách không đưa ra một kết luận nào và không ai muốn đọc một cuốn sách không kết luận. Tuy nhiên, cô nghĩ, không có kết luận là chuyện hoàn toàn bình thường."

Trong đầu tôi, một cái búa nhỏ xíu gõ vào một ngăn kéo của bộ nhớ, riết róng. Tôi cố nhớ lại một điều gì đó, một điều rất quan trọng, nhưng tôi không biết đó là gì. Lúc này, Miss Saeki đã trở lại với bài viết của mình và tôi quay về phòng riêng.

Cơn mưa giông tiếp tục khủng bố chúng tôi khoảng một giờ nữa. Sấm dồn dập liên hồi đến nỗi tôi sợ các cửa kính của thư viện đến vỡ tan tành mất. Mỗi lần một tia sét rạch ngang bầu trời, cửa sổ kính mờ ở chiếu nghỉ cầu thang lại phóng chiếu lên bức tường trắng đối diện một hình ảnh tựa như bóng ma của quá khứ. Khoảng hai giờ chiều, cơn giông ngớt và ánh sáng vàng vọt bắt đầu lách mây rọi xuống, như thể cuối cùng, đất trời đã đi đến hòa giải. Nước mưa vẫn tí tách nhỏ xuống trong nắng nhạt.

Xế chiều, tôi bắt đầu đóng cửa thư viện. Miss Saeki chào tạm biệt tôi và Oshima rồi lên xe về nhà. Tôi nghe thấy tiếng động cơ chiếc Golf của bà và hình dung bà ngồi sau tay lái, vặn chìa khóa khởi động máy. Tôi bảo Oshima là tôi có thể khóa nốt các cửa một mình. Anh vào phòng vệ sinh, vừa rửa ráy vừa huýt sáo một aria trong ca kịch rồi ra về. Tôi lắng nghe chiếc Mazda Miata nổ máy lao đi, tiếng động cơ tắt dần ở đằng xa. Giờ thì thư viện hoàn toàn thuộc về tôi. Không gian lại tĩnh mịch hơn bao giờ hết.

Tôi về phòng, nghiên cứu bản tổng phổ của *Kafka bên bờ biển*. Như tôi đoán, phần lớn các hợp âm đều đơn giản. Tuy nhiên, đoạn điệp khúc có một số hợp âm hắc búa. Tôi ra phòng đọc và thử chơi trên chiếc piano đứng. Ngón bấm quả là rất khó, tôi tập đi tập lại, cố luyện tay cho thuần và cuối cùng, cũng đánh được tàm tạm. Thoạt đầu, các hợp âm nghe rất "phô", tôi tưởng là do lỗi nhà in hoặc đàn sai dây. Nhưng rồi càng nghe kỹ hai hợp âm đó nối tiếp nhau cộng hưởng như thế nào, tôi càng vỡ lẽ ra: toàn bộ bài hát dựa trên hai hợp âm đó. Chúng giữ cho *Kafka bên bờ biển* khỏi xuống cấp thành một ca khúc pop tầm thường, đem lại cho nó một chiều sâu và tố

chất đặc biệt. Nhưng làm thế nào Miss Saeki tìm ra được những hợp kỳ diệu đó?

Tôi trở về phòng, đun nước trong chiếc siêu điện, pha trà. Tôi lấy ra những chiếc đĩa cũ lấy ở buồng kho và lần lượt đặt lên máy quay đĩa: *Blonde on Blonde* của Bob Dylan, *White Album* của nhóm Beatles, *Dock of the Bay* của Otis Redding, *Getz/Gilberto* của Stan Getz, tất cả đều là những album nổi bật của hồi cuối những năm 1960. Chàng trai dạo xưa (cùng với Miss Saeki kề bên) hẳn cũng đã làm như tôi bây giờ: đặt đĩa lên máy, hạ cần kim xuống, lắng nghe nhạc phát ra từ bộ loa nhỏ này. Tiếng nhạc như đưa tôi và cả gian phòng tới một thời nào khác, tới một thế giới trước khi tôi ra đời. Trong khi thưởng thức âm nhạc, tôi ôn lại cuộc trò chuyện chiều nay, cố nhớ chính xác từng lời từng chữ.

"Khi cô mười lăm tuổi, cô nghĩ là hẳn phải có một nơi như vậy trên thế gian này. Cô tin chắc ở đâu đó, mình sẽ tìm thấy cửa vào cái thế giới kia."

Tôi có thể nghe thấy tiếng bà ngay bên cạnh. Trong tim tôi, có cái gì đang gõ vào một cánh cửa, một tiếng gõ nặng nề, riết róng.

Một cửa vào.

Tôi nhấc kim lên khỏi đĩa album của Stan Getz, lấy đĩa *Kafka bên bờ biển* ra khỏi bao, đặt lên máy, hạ kim xuống. Và lăng nghe tiếng hát của Miss Saeki.

Cô gái chết đuối huơ tay tìm

Phiến đá cửa vào

Nâng gấu váy màu thiên thanh

Và đăm đăm nhìn

Kafka bên bờ biển

Rất có thể là cô gái mấy đêm nay đến phòng tôi đã tìm ra phiến đá cửa vào. Cô vẫn ở một thế giới khác, cũng như lúc cô còn tuổi mười lăm và hằng đêm cô tới thăm căn phòng này. Trong chiếc áo váy màu thiên thanh, cô đến đăm đăm nhìn *Kafka bên bờ biển*.

Đột nhiên, không biết do đâu, tôi bỗng nhớ là cha tôi từng kể rằng ông đã có lần bị sét đánh. Không phải ông trực tiếp kể cho tôi nghe mà là tôi đọc được trong một bài phỏng vấn ông trên một tạp chí. Hồi còn là sinh viên trường mỹ thuật, ông đi làm nửa thời gian ở một sân golf, mang gậy cho các đấu thủ. Một hôm, đang mang gậy cho người khách chơi trên sân, trời bỗng tối sầm lại và nổi cơn giông lớn. Họ vừa nấp vào dưới một cây to thì cây đó bị sét đánh nứt đôi. Tay chơi golf chết ngay, nhưng cha tôi, nhờ một linh tính nào đó, đã kịp thời nhảy ra khỏi cây. Ông chỉ bị cháy sém tóc và vài vết bỏng nhẹ, đồng thời hơi sét đã hất ông văng vào một tảng đá. Đầu bị va mạnh,

ông ngất đi, nhưng qua khỏi cơn nguy biến với chỉ một vết sẹo trên trán. Đó chính là điều tôi đã cố nhớ lại hồi chiều lúc đứng ở khung cửa phòng Miss Saeki, lắng nghe tiếng sấm dồn. Chính sau khi bình phục khỏi những vết thương, cha tôi mới nghiêm túc chuyên tâm vào sự nghiệp điêu khắc của mình.

Có lẽ trong khi đi khắp nơi phỏng vấn những người bị sét đánh để hoàn thành cuốn sách của mình, Miss Saeki đã gặp cha tôi. Đó là điều hoàn toàn có thể. Những người sống sót sau khi bị sét đánh chắc hẳn không nhiều lắm.

Tôi thở rất nhẹ nhàng, chờ bình minh. Ánh trăng rẽ mây rọi xuống đám cây trong vườn. Có quá nhiều sự trùng hợp. Dường như tất cả đang tăng tốc, đồng quy tới một nơi duy nhất.

Chương 26

Đã xế chiều và họ phải tìm chỗ nghỉ lại qua đêm. Hoshino đến phòng thông tin du lịch ở ga Takamatsu và đặt được một phòng ở một quán trọ xuống xĩnh, nhưng được cái gần ga, có thể đi bộ tới. Cả Hoshino lẫn Nakata đều bất cần, miễn sao có cái futon[24] trải ra để ngủ là tốt rồi. Cũng như ở quán trọ trước, điểm tâm được phục vụ miễn phí, nhưng các bữa chính phải tự túc. Điều này hoàn toàn phù hợp với Nakata, bởi lão có thể lăn ra ngủ bất cứ lúc nào.

Một khi về phòng, Nakata liền bảo Hoshino nằm sấp trên *futon*, rồi ngồi xổm lên và ấn cả hai ngón tay cái dọc theo phần lưng, kiểm tra cẩn thận tình trạng các cơ và đốt sống. Lần này, lão nhẹ tay hơn nhiều, chỉ lần theo sống lưng và kiểm tra xem các cơ căng đến mức nào.

"Có gì trục trặc không?" Hoshino hỏi.

"Không, tất cả đều ổn. Hiện Nakata này không thấy có gì trục trặc với cậu cả. Xương sống cậu ngon rồi."

"Nghe mà nhẹ cả người," Hoshino nói. "Cháu không muốn bị một chầu tra tấn cực hình nữa."

"Lão biết. Nakata này thực tình xin lỗi. Cơ mà cậu đã bảo là cậu không sợ đau cho nên lão mới làm tới và ra sức bấm cật lực."

"Phải, cháu biết là cháu đã nói thế. Cơ mà ông nội này, cái gì cũng có giới hạn. Đôi khi ông phải biết điều chứ. Nhưng thiết nghĩ cháu cũng không nên phàn nàn: ông đã nắn lại lưng cho cháu. Cơ mà, chu cha, cả đời cháu chưa bao giờ cảm thấy cái gì như thế - đau không thể tưởng tượng nổi! Cứ như là bị xé toạc ra, chết đi sống lại!"

"Nakata này đã từng chết ba tuần liền."

"Không đùa đấy chứ," Hoshino nói. Vẫn nằm sấp mặt, gã tợp một ngụm trà và nhai mấy chiếc bánh quy giòn mua ở một cửa hàng bán 24/24. "Vậy là ông đã chết thật à?"

"Lão đã từng."

"Suốt thời gian ấy, ông ở đâu?"

"Nakata này chẳng nhớ. Dường như lão ở một nơi nào đó, làm một việc gì khác. Nhưng đầu lão cứ bồng bà bồng bềnh và lão chẳng nhớ được điều gì sất. Thế rồi lão lại trở về với thế gian này và thấy mình thành ngơ ngẩn, không biết đọc biết viết nữa."

"Chắc ông bỏ lại khả năng biết đọc biết viết ở bên kia."

"Có thể."

Hai ông con im lặng một lúc. Hoshino quyết định tốt nhất là cứ

nên tin những gì ông lão kể, cho dù câu chuyện nghe thật quái dị. Đồng thời gã cũng cảm thấy ngại ngùng, e rằng tiếp tục đi sâu vào cái ý niệm "chết ba tuần liền" sẽ khiến gã rơi vào một tình huống hỗn mang ngoài tầm kiểm soát. Tốt hơn là lái cuộc trò chuyện trở về những vấn đề thiết thực hơn. "Ông Nakata, bây giờ ta đã ở Takamatsu, vậy ông định đi đâu nào?"

"Lão không biết," Nakata đáp. "Lão chưa biết lão phải đi đâu."

"Thế cái phiến đá cửa vào ấy thì sao?"

"À phải! Nakata này quên bẵng đi mất. Chúng ta phải tìm thấy cái phiến đá ấy. Cơ mà lão chẳng có manh mối nào để dò tìm cả. Đầu óc lão cứ bồng bà bồng bềnh trong một đám sương mù không chịu tan đi. Lão vốn đã chẳng sáng dạ gì, lại thêm những thứ này lại càng rắc rối."

"Vậy là chúng ta hơi bị bế tắc đấy, phải không?"

"Phải, lão đồ là thế."

"Mà ngồi trơ mắt nhìn nhau thì chẳng hay ho gì. Như thế sẽ chẳng giúp ta đi đến đâu."

"Cậu nói chí phải."

"Cháu nghĩ ta phải đi loanh quanh hỏi mọi người, nếu quả phiến đá ấy ở đâu đó trong vùng này."

"Nếu cậu bảo thế thì Nakata này sẵn sàng làm thế. Gì chứ lân la hỏi mọi người thì lão khá thạo vì lão vốn tối dạ mà."

"Ông nội cháu thường nói: hỏi một lần thì bối rối một lúc, không hỏi thì bối rối cả đời."

"Chí lý. Chết là hết, mọi thứ hiểu biết đều biến mất."

"Ồ, ý ông nội cháu không hẳn là thế," Hoshino gãi đầu nói. "Dù sao đi nữa, ông có mường tượng cái phiến đá ấy ra sao không? Đó là *loại* đá gì, to chừng nào, hình thù, màu sắc thế nào? Dùng để làm gì? Nếu ta không có một số chi tiết thì rất khó hỏi. Sẽ chẳng ai biết mô tê gì nếu chúng ta chỉ nói: *Quanh đây có một phiến đá cửa vào nào không*? Họ sẽ nghĩ chúng ta điên. Ông hiểu ý cháu chứ?"

"Vâng, lão hiểu. Lão có thể là đần độn, nhưng không điên."

"Đúng."

"Phiến đá Nakata này đang tìm rất đặc biệt. Nó không to lắm. Màu trắng, không có mùi gì cả. Lão không biết nó dùng để làm gì. Nó tròn, tựa như cái bánh đa." Lão giơ hai tay lên phác một hình bằng cỡ một đĩa hát 33 vòng/phút.

"Hmm. Vậy nếu thấy nó, liệu ông có thể nhận ra được không? Kiểu như... *A đây rồi*!"

"Nakata này có thể nhận ra ngay lập tức."

“Chắc đằng sau nó phải có một câu chuyện hoặc một giai thoại nào đó chứ. Có thể nó rất nổi tiếng và đã được trưng bày tại một miếu thờ hay một nơi nào đó chăng?”

“Lão đồ là có thể thế.”

“Hoặc có thể nó chỉ đơn giản ở trong một ngôi nhà nào đó và người ta dùng nó để nén dưa muối chẳng hạn.”

“Không, không thể như thế được.”

“Tại sao không?”

“Vì không ai có thể vần phiến đá ấy đi được.”

“Không ai khác trừ *ông*, ông định nói thế chứ gì?”

“Phải, lão nghĩ Nakata này có thể vần được.”

“Cứ cho là ông di chuyển được nó, sau đó thì sao?”

Nakata làm một điều khác thường: suy nghĩ hồi lâu. Ít nhất thì coi bộ lão cũng có vẻ đang suy nghĩ, bằng vào cách lão cứ vò miết mái tóc muối tiêu cắt ngắn.

“Cái đó thì thực sự lão không biết,” cuối cùng lão nói. “Lão chỉ biết lã đã đến lúc phải có ai đó vần nó đi.”

Đến lượt Hoshino ngẫm nghĩ. “Và ai đó chính là *ông*, phải không? Ít nhất là vào lúc này.”

“Phải,” Nakata đáp, “đúng thế.”

“Và phiến đá đó chỉ có thể tìm thấy ở Takamatsu?”

“Không nhất thiết. Thực ra, nó ở đâu không thành vấn đề. Có điều, đúng lúc này đây, nó đang ở Takamatsu. Giá nó ở quận Nakano thì dễ dàng hơn biết mấy.”

“Nhưng di chuyển một phiến đá đặc biệt như thế chắc hẳn là nguy hiểm.”

“Phải. Lẽ ra Nakata này không nên nói ra, nhưng quả là rất nguy hiểm.”

“Chà,” Hoshino chậm rãi lắc đầu. Gã đội chiếc mũ Chunichi Dragons lên đầu, để thòi mái tóc đuôi ngựa ra sau lưng. “Bắt đầu giống một bộ phim Indiana Jones rồi đây.”

Sáng hôm sau, họ đi ra trạm thông tin du lịch ở ga để hỏi xem có phiến đá nổi tiếng nào ở Takamatsu hoặc vùng lân cận không.

“Phiến đá ư?” cô gái đứng sau quầy hỏi lại, hơi cau mày. Cô đã được đào tạo để giới thiệu tất cả những điểm du lịch thông thường, ngoài ra không có gì khác và câu hỏi này rõ ràng làm cô bối rối. “Các vị tìm loại đá gì ạ?”

“Một phiến đá hình tròn, to bằng thế này này,” Hoshino vừa nói vừa khum tay thành một hình tròn bằng chiếc đĩa hát 33 vòng/phút như Nakata đã mô tả cho gã. “Người ta gọi nó là phiến đá cửa vào.”

“Phiến đá cửa vào.”

“Phải. Tên nó là thế. Tôi nghĩ là nó rất nổi tiếng.”

“Nhưng cửa vào *cái gì*?”

“Nếu tôi biết là vào cái gì thì tôi đã chẳng phải mất công đi hỏi han lôi thôi như thế này.”

Cô gái nghĩ một lúc. Trong khi đó, Hoshino nhìn chằm chằm vào mặt cô. Cũng khá xinh đấy, gã nhận định, tuy nhiên hai con mắt cách nhau hơi xa khiến cô có cái vẻ của một con bò cảnh giác đề phòng. Cô gọi mấy cú điện thoại, nhưng xem ra chẳng đi đến đâu.

“Rất tiếc,” cuối cùng cô nói. “Không ai từng nghe nói về một phiến đá có cái tên như thế.”

“Thế ư?”

Cô lắc đầu. “Xin lỗi, cho tôi hỏi, hai vị đến đây chỉ cốt để tìm phiến đá ấy?”

“À, *chỉ cốt* hay không thì tôi không rõ. Dù sao đi nữa, tôi đến từ Nagoya, còn ông già này từ quận Nakano, Tokyo.”

“Vâng, Nakata này ở quận Nakano,” Nakata phụ họa. “Lão đã quá giang nhiều xe tải và thậm chí có lần còn được đãi món lươn nữa kia... Lão đi suốt chặng đường xa như thế mà chưa tiêu đến một xu nào từ tiền túi của mình.”

“Cháu...” cô gái nói.

“Không sao. Nếu không ai nghe nói về phiến đá ấy thì đâu phải lỗi tại cô. Nhưng có thể người ta gọi nó bằng một cái tên khác chăng. Liệu có một phiến đá nào khác cũng nổi tiếng ở quanh đây không? Có thể là một cái gì gắn liền với một truyền thuyết dân gian? Hay là một hòn đá thiêng mà bà con đến cầu khấn? Bất cứ cái gì tựa tựa như thế?”

Cô gái rụt rè nhìn Hoshino bằng đôi mắt hơi cách xa nhau, quan sát từ chiếc mũ Chunichi Dragons, mái tóc kiểu đuôi ngựa, chiếc kính râm mắt xanh cho đến đôi khuyên tai và chiếc sơ mi Hawai. “Tôi rất vui lòng chỉ đường cho các vị tới thư viện công cộng của thành phố, các vị có thể tìm thông tin về phiến đá tại đó. Rất tiếc, tôi không biết gì mấy về đá.”

Tuy nhiên, thư viện cũng chẳng giúp ích được gì: ở đây không có cuốn sách nào chuyên khảo về đá ở Takamatsu hoặc quanh đó. Cô thủ thư đặt phịch xuống trước mặt họ một chồng sách gồm Truyền thuyết của tỉnh Kagawa, Truyện cổ tích của Kobo Daishi, Lịch sử Takamatsu cùng nhiều cuốn đại loại như thế và nói họ có thể tìm trong đó xem có đoạn nào liên quan không. Thở dài đánh thượt, Hoshino bắt đầu lật giở các trang sách. Còn Nakata thì chọn một tập ảnh nhan đề Những phiến đá trứ danh của Nhật Bản, xem thật kỹ từng trang.

“Lão không biết đọc,” lão nói, “nên đây là lần đầu tiên lão đặt chân vào một thư viện.”

“Cháu chả lấy gì làm hãnh diện,” Hoshino nói, “tuy cháu biết đọc, nhưng đây cũng là lần đầu đối với cháu.”

“Bây giờ vào đây, mới thấy là khá thú vị.”

“Nghe ông nói vậy là cháu vui rồi.”

“Ở quận Nakano cũng có một thư viện. Lão nghĩ sau này trở về, lão sẽ năng ghé vào đó. Cái ưu điểm nhất là vào cửa tự do. Trước đây, Nakata này đâu có biết là cả những người không biết đọc cũng được vào.”

“Cháu có một người em họ mù bẩm sinh mà vẫn thường xuyên đi xem phim,” Hoshino nói. “Thế thì còn thú cái nỗi gì?”

“Lão sáng mắt, nhưng lão chưa bao giờ bước chân vào một rạp chiếu bóng.”

“Ông nói đùa! Thế thì bữa nào cháu phải đưa ông đi mới được.”

Cô thủ thư đến nhắc họ hạ bớt giọng, nên họ ngừng nói chuyện và quay trở về với chồng sách. Xem xong *Những phiến đá trứ danh của Nhật Bản*, Nakata đặt trả về trên giá và bắt đầu giở đến cuốn *Các giống mèo trên thế giới*.

Mặc dù không ngừng làu bàu trong miệng, Hoshino cũng lật giở được hết lượt chồng sách đặt cạnh gã. Ngán thay, gã chẳng tìm thấy có gì phù hợp trong bất cứ cuốn nào. Có mấy chỗ nói đến những bức tường đá của Lâu đài Takamatsu, nhưng các phiến đá ở những bức tường ấy to tổ bố, sức mấy Nakata vần nổi. Cũng có một truyền thuyết khả dĩ có thể xem xét về Kobo Daishi, vị đại sư trứ danh thời Heian Jidai. Tương truyền rằng khi ngài nậy một phiến đá giữa một vùng hoang địa lên, một dòng suối đã trào ra, biến nơi này thành một đồng lúa phì nhiêu. Nhưng đến đó là hết chuyện. Hoshino cũng đọc thấy một đoạn nói về một miếu thờ có một cọc đá được gọi là “Nguồn sinh con đẻ cái” nhưng nó cao hơn một mét và hình thù giống như dương vật. Chắc chắn không thể là phiến đá mà Nakata tìm kiếm.

Hai ông con bỏ cuộc, rời thư viện đến một nhà hàng gần đó dùng bữa tối. Cả hai đều ăn mì với bánh *tempura*, Hoshino gọi thêm một bát nước dùng.

“Lão khoái cái thư viện ấy,” Nakata nói. “Lão không ngờ trên thế giới lại có nhiều giống mèo đến thế.”

“Chuyện phiến đá chưa ngã ngũ, nhưng không sao,” Hoshino nói. “Ta mới chỉ bắt đầu. Đêm nay hãy đánh một giấc ngon lành đã, để xem rồi ngày mai sẽ đem lại những gì.”

Sáng hôm sau, họ trở lại thư viện. Như hôm trước, Hoshino đọc lướt

một chồng sách tướng, hết cuốn này đến cuốn khác. Cả đời gã chưa bao giờ đọc nhiều sách đến thế. Giờ đây, gã đã khá thông thạo lịch sử Shikoku và biết được là từ bao thế kỷ, người ta đã thờ nhiều loại đá khác nhau. Nhưng cái mà gã muốn tìm – một phiến đá cửa vào – thì chẳng thấy đâu. Đến chiều thì gã bắt đầu thấy nhức đầu, nên họ rời thư viện và đến nằm dài trên bãi cỏ một công viên hồi lâu, nhìn mây trôi ngang trời. Hoshino hút thuốc lá, còn Nakata nhấp từng ngụm trà nóng từ chiếc phích lão mang theo.

"Mai lại có sấm đấy," Nakata nói.

"Có nghĩa là *ông* sẽ gọi sấm?"

"Không, Nakata này đâu có làm thế được. Sấm tự đến thôi."

"Thế thì cháu yên tâm," Hoshino nói.

Họ về nhà trọ, tắm táp rồi Nakata đi nằm và chẳng mấy chốc đã ngủ say sưa. Hoshino mở tivi xem một trận bóng chày, vặn nhỏ âm lượng, nhưng vì đội Giants quần cho đội Hiroshima tơi bời nên gã ngán ngẩm tắt đi không xem tiếp. Gã chưa buồn ngủ và cảm thấy khát, nên ra ngoài kiếm một tiệm bia và gọi một vại bia hơi cùng một đĩa hành tây phi. Gã tính bắt chuyện với một cô gái ngồi gần đó, nhưng rồi nghĩ đây không phải lúc, cũng không phải chỗ để cưa kéo. Sáng mai lại phải trở về với công việc tìm kiếm cái phiến đá biến ảo như ma ấy rồi.

Gã uống nốt bia, đội cái mũ Chunichi lên, rời tiệm và chỉ tha thẩn quanh đó. Đây không phải là một thành phố hấp dẫn lắm, gã nhận định, nhưng dù sao đi la cà ở một nơi trước đây mình chưa từng đến cũng thú vị. Với lại, bao giờ gã cũng khoái thả bộ. Ngậm một điếu Marlboro trên môi, hai tay đút túi, gã lang thang hết phố này sang phố khác, ngõ này sang ngõ khác. Khi nào thôi hút thuốc, gã lại huýt sáo. Chỗ thì tấp nập, đông đúc, nơi khác lại vắng vẻ, tịch lặng. Đến đâu gã cũng giữ đều một nhịp bước. Gã đang tuổi thanh xuân, khỏe mạnh, vô tư lự, chẳng có gì phải sợ.

Gã đang đi dọc một ngõ hẹp đầy những quán bar karaoke và câu lạc bộ (dường như những quán này cứ sáu tháng lại đổi chủ đổi tên mấy lần) và vừa tới một chỗ vắng, tối om, thì chợt đằng sau có người lớn tiếng gọi: "Hoshino! Hoshino!"

Thoạt đầu, gã không tin. Ở Takamatsu này, làm gì có ai biết gã – chắc là một Hoshino nào khác. Đây không phải là một cái tên phổ biến lắm, nhưng cũng không hiếm người mang tên ấy. Gã không quay lại mà cứ đi tiếp. Nhưng người kia vẫn theo sau, gọi tên gã hoài.

Rốt cuộc, Hoshino dừng bước và ngoảnh lại. Đó là một ông già thấp bé mặc một bộ đồ trắng. Tóc bạc, ria bạc, râu cằm bạc, cặp kính đạo mạo, sơ mi trắng, cà vạt dây, mặt thì có vẻ Nhật nhưng toàn bộ trang phục lại khiến ông ta giống một trang chủ nông thôn ở miền

Nam nước Mỹ. Ông ta cao không quá một mét rưỡi nhưng nom không giống một người lùn, mà tựa như một mẫu người thu nhỏ lại. Ông ta chìa cả hai tay ra trước mặt như thể đang bưng một chiếc khay.

"Cậu Hoshino," ông già nói, giọng rõ ràng, the thé và hơi trọ trẹ.

Hoshino nhìn ông trân trân, hết sức kinh ngạc.

"Nhận ra chứ? Ta là Đại tá Sanders."

"Nom bác giống hệt ông ta," Hoshino nói, vẻ thán phục.

"Ta không chỉ giống thôi. Ta *là* Đại tá Sanders."

"Của tập đoàn Kentucky Fried Chicken[25]?"

Ông già trịnh trọng gật đầu. "Chính xác."

"Thôi được, nhưng sao bác biết tên tôi?"

"Tất cả những cổ động viên của Chunichi, ta đều gọi là Hoshino. Cách gọi đó đã thành hệ thống. Các *fan* của đội Giants được gọi là Nagashima, vậy thì các *fan* của Dragons là Hoshino, đúng không nào?"

"Vâng, nhưng thật ngẫu nhiên, Hoshino lại là tên thật của tôi."

"Chỉ là trùng hợp thôi," ông già nói oang oang. "Ta đâu có biết."

"Vậy bác muốn gì?"

"Ta có một em tươi mát cho cậu đấy!"

"À, tôi hiểu rồi," Hoshino nói. "Bác là tay dắt gái. Vì thế cho nên bác ăn mặc như thế."

"Cậu Hoshino, không biết ta phải nhắc lại bao nhiêu lần điều này: không phải ta cải trang cho giống ai, mà ta *chính là* Đại tá Sanders. Đừng có lẫn lộn nữa, nghe không?"

"Thôi được... Nhưng nếu bác là đại tá Sanders thật thì việc quái gì bác phải làm cái chân dắt gái trong cái ngõ hẻm tối tăm này của Takamatsu? Bác nổi tiếng thế, ắt chỉ trông vào bản quyền cũng đủ hốt bạc. Đáng ra bác phải đang an nhàn bên một bể bơi đâu đó tại nước Mỹ, tận hưởng những năm tháng về hưu chứ. Thế đầu đuôi câu chuyện ra sao?"

"Thế giới luôn có một độ cong vênh."

"Cong vênh?"

"Có lẽ cậu không rõ điều này, nhưng có độ cong vênh ấy thế giới chúng ta mới thành ba chiều. Nếu cậu muốn mọi thứ lúc nào cũng ngay ngắn thẳng thớm, thì hãy tìm đến sống trong một thế giới kẻ bằng thước góc."

"Bác cũng khá kỳ quặc đấy," Hoshino nói. "Nhưng hình như cái số tôi những ngày này là phải đeo với những ông già kỳ quặc vậy. Cứ tiếp tục thế này rồi đến nước tôi sẽ không còn biết đâu là tay phải

đâu là tay trái nữa.”

“Cũng có thể đấy, cậu Hoshino, nhưng còn chuyện kia thì sao? Một em xinh đẹp ấy?”

“Ý bác là vào tiệm mát-xa chăng?”

“Tiệm mát-xa? Đó là cái gì?”

“Bác lạ gì, ở đấy nó không để cho mình *tấn*, nhưng có thể *thổi kèn* hoặc *xúc lọ* cho mình. Làm cho mình xuất bằng cách đó, nhưng không được đút vào *phích-phoọc phích-phoọc*.”

“Không, không,” Đại tá Sanders bực bội lắc đầu, nói. “Hoàn toàn không phải thế. Các em của ta làm tuốt tuột – *xúc lọ* bằng tay, *thổi kèn*, bất kỳ cái gì cậu muốn, kể cả đút vào *phích-phoọc.”*

“À, tức là tắm hơi kiểu Thổ Nhĩ Kỳ chứ gì?”

“Kiểu thổ tả?”

“Thôi đừng giỡn nữa, được không? Tôi đi cùng với một người và sáng mai, chúng tôi phải lên đường sớm. Cho nên tôi chẳng có thì giờ đú đởn tối nay.”

“Vậy là cậu không cần gái?”

“Không gái, không gà rán. Tôi phải về ngủ một chút.”

“Nhưng cậu tưởng mình sẽ dễ ngủ ư?” Đại tá Sanders tinh quái nói. “Khi người ta bỏ công tìm cái gì mà không thấy, giấc ngủ thường không đến dễ dàng đâu.”

Hoshino đứng ngây, mồm há hốc, nhìn ông ta chằm chằm. “Tìm cái gì? Sao bác biết tôi đang tìm cái gì?”

“Điều đó in rành rành trên mặt cậu. Về bản chất, cậu là người thật thà. Mọi thứ cậu đang nghĩ đều hiển hiện lên nét mặt. Giống như con cá khô bửa đôi ra – tất cả những gì trong đầu cậu phơi ra rõ mồm một, ai cũng thấy.”

Bất giác, Hoshino đưa tay lên xoa má. Rồi xòe tay ra, nhìn trân trân nhưng chẳng thấy gì. *In rành trên mặt mình*?

“Vậy,” Đại tá Senders nói, giơ một ngón tay lên ra ý nhấn mạnh, “có phải vật cậu đang tìm có hình tròn và rất rắn, là ta nói hú họa thế?”

Hoshino cau mày nói, “Này, ông già, ông là ai vậy? Làm sao ông biết được điều đó?”

“Ta đã nói với cậu – điều đó in rành trên mặt cậu. Cậu không hiểu, phải không?” Đại tá Senders nói, lắc lư ngón tay. “Ta đã hành nghề này bao năm, đâu phải chuyện chơi. Vậy cậu thật sự không cần gái ư?”

“Tôi đang tìm một phiến đá gọi là phiến đá cửa vào.”

“Ta biết hết về nó.”

“Thật không?”

“Ta không bốc phét, cũng chẳng nói giỡn. Ta là người thẳng thắn, không tào lao.”

“Bác có biết phiến đá ấy ở đâu không?”

“Ta biết đích xác nó ở chỗ nào.”

“Vậy bác có thể... nói cho tôi biết chỗ của nó không?”

Đại tá Senders sờ chiếc mục kỉnh gọng đen và hắng giọng. “Cậu có *chắc* cậu không cần gái không?”

“Nếu bác nói cho tôi biết phiến đá ở đâu, tôi sẽ nghĩ về chuyện đó,” Hoshino nói, giọng đượm vẻ hoài nghi.

“Tuyệt. Đi với ta.” Không đợi trả lời, ông ta thoăn thoắt đi dọc theo ngõ hẻm.

Hoshino lật đật theo cho kịp. “Này, Đại tá... Tôi chỉ mang theo có hăm nhăm nghìn *yen* thôi.”

Đại tá Sanders vừa rảo bước vừa tặc lưỡi. “Ngần nấy là nhiều rồi. Với giá ấy, cậu sẽ có một em mười chín tuổi xinh tươi, với đủ các tiết mục: xúc lọ, thổi kèn, nhong nhong ếp ếp, muốn gì được nấy. Và sau đó, ta sẽ tặng thêm cho cậu miễn phí toàn bộ câu chuyện về phiến đá.”

“Chu cha!” Hoshino ngỡ ngàng reo lên.

Chương 27

Đúng 2g47, tôi nhận thấy cô gái đã ở đó - sớm hơn đêm hôm trước một chút. Tôi liếc nhìn chiếc đồng hồ cạnh giường nằm để ghi nhớ chính xác thời điểm. Lần này, tôi cố thức để chờ cô xuất hiện. Tôi chỉ thi thoảng chớp mi chứ không hề nhắm mắt một giây nào. Tôi tưởng mình đã chú ý hết mức, thế mà không hiểu sao vẫn lỡ đi chính cái khoảnh khắc cô xuất hiện.

Cô vẫn mặc chiếc áo màu xanh nhạt mọi khi, vẫn ngồi ở chỗ cũ, tay chống cằm, lặng lẽ ngắm bức *Kafka bên bờ biển*. Còn tôi thì nín thở nhìn cô. Bức tranh, cô gái và tôi tạo thành một tam giác tĩnh lặng trong phòng. Cô nhìn bức tranh không biết mỏi và hệt như thế, tôi nhìn cô không biết mỏi. Một tam giác cố định, bất động. Thế rồi một điều hoàn toàn bất ngờ xảy ra.

"Miss Saeki," tôi nghe thấy tiếng mình cất lên. Tôi không chủ định kêu tên cô, nhưng ý nghĩ dâng trào trong tôi và tràn ra. Rất khẽ thôi, nhưng cô nghe thấy. Thế là một cạnh của tam giác sụp đổ. Có thể tôi đã thầm mong nó sụp đổ - tôi cũng không biết nữa.

Cô hướng mắt về phía tôi, tuy nhiên không như đang ráng để nhìn cho rõ. Cô vẫn tựa cằm vào tay, trong khi lặng lẽ xoay mặt về phía tôi. Như thể cô cảm thấy một cái gì (mà cô không dám chắc lắm) khẽ rung động không khí vậy.

Tôi không biết cô có thể nhìn thấy tôi không, nhưng tôi rất muốn thế. Tôi cầu sao cô nhận thấy tôi và biết rằng tôi hiện hữu. "Miss Saeki," tôi nhắc lại. Tôi không thể ngăn mình kêu tên cô. Có thể tiếng tôi sẽ làm cô sợ hãi mà rời khỏi phòng, không bao giờ trở lại nữa. Nếu điều đó xảy ra, hẳn tôi sẽ cảm thấy thất vọng ghê gớm. Không, không phải là thất vọng, từ đó không trúng ý tôi. *Sụp đổ* còn sát nghĩa hơn. Nếu cô không trở lại, mọi sự sẽ vĩnh viễn mất đi đối với tôi. Mọi ý nghĩa, mọi phương hướng. *Tất thảy*. Tôi biết thế mà vẫn cứ tiếp tục liều lĩnh kêu tên cô hoài hoài như cái máy, môi và lưỡi tôi cứ không ngừng thốt ra cái tên ấy.

Cô không nhìn vào bức tranh nữa, cô nhìn tôi. Hoặc ít nhất, tôi nằm trong tầm nhìn của cô. Từ chỗ mình ngồi, tôi không thể thấy rõ sắc diện cô. Bên ngoài, mây trôi và ánh trăng lao động. Chắc là có gió, nhưng tôi không nghe thấy tiếng gió thổi.

"Miss Saeki," tôi lại nói, cuốn đi bởi một sức mạnh khẩn cấp, áp đảo, không cưỡng được.

Cô buông tay chống cằm, đưa bàn tay phải ra trước mặt như để bảo tôi đừng nói gì nữa. Nhưng có phải cô thật sự muốn nói thế không? Giá tôi có thể tới bên cô, nhìn sâu vào mắt cô để xem ngay

lúc này đây cô đang nghĩ gì, cảm xúc nào đang rung động cô. Cô đang cố truyền đạt điều gì với tôi? Cô đang ám chỉ điều gì bằng cử chỉ ấy? Chà, ước gì tôi biết được. Nhưng cái bóng tối nặng nề trước ba giờ sáng này đã nuốt chửng mọi ý nghĩa. Bỗng nhiên tôi cảm thấy khó thở và nhắm mắt lại. Có một cục không khí rắn đanh chẹn ngang ngực tôi như thể tôi đã nuốt phải cả một đám mây mưa vậy. Vài giây sau, khi tôi mở mắt ra, cô đã biến mất. Chỉ còn trơ lại chiếc ghế trống. Bóng một đám mây lướt ngang mảng tường phía trên bàn giấy.

Tôi ra khỏi giường, đến bên cửa sổ nhìn lên bầu trời đêm. Và nghĩ về thời gian không bao giờ trở lại. Nghĩ về những dòng sông, về những đợt thủy triều. Về rừng và suối. Mưa và chớp. Những tảng đá. Những cái bóng. Tất cả những cái đó đều ở trong tôi.

Ngày hôm sau, vào buổi chiều, một thanh tra cảnh sát đến thư viện. Tôi đang nằm trong phòng mình và không biết anh ta ở đó. Viên thanh tra hỏi Oshima khoảng hai mươi phút rồi đi. Sau đó, Oshima đến phòng tôi kể cho tôi hay.

"Một cảnh sát địa phương hỏi mình về cô," Oshima nói rồi lấy một chai Perrier trong tủ lạnh ra, mở nắp, rót một cốc và uống.

"Sao họ biết em ở đây?"

"Cậu đã dùng điện thoại di động của cha cậu."

Tôi lục lọi trí nhớ và gật đầu. Phải, cái đêm hôm tôi tỉnh dậy mình đầy máu trong cánh rừng đằng sau miếu thờ, tôi đã gọi Sakura bằng chiếc điện thoại di động ấy. "Em có dùng, nhưng chỉ một lần thôi."

"Cảnh sát kiểm tra nhật ký đàm thoại và truy ra cậu ở Takamatsu. Thông thường, cảnh sát không đi vào chi tiết, nhưng trong khi chuyện gẫu, mình đã gợi được anh ta giải thích cách thức truy ra cuộc gọi. Khi cần, mình có thể rất khéo miệng. Anh ta cũng để lộ là họ không truy ra người cậu đã gọi vì đây hẳn là một chiếc điện thoại dùng thẻ trả trước. Dù sao đi nữa, họ cũng biết cậu đang ở Takamatsu và cảnh sát địa phương đã kiểm tra tất cả các khách sạn. Họ phát hiện ra là một thiếu niên mang tên Kafka Tamura khớp với đặc điểm nhận dạng của cậu đã ở một khách sạn trong thành phố, với sự giới thiệu đặc biệt của YMCA, cho đến ngày 28 tháng Năm. Đó là ngày cha cậu bị ám sát."

Ít nhất thì cảnh sát cũng không truy ra Sakura. Tôi lấy làm mừng, nghĩ mình làm phiền Sakura chừng nấy đã quá đủ rồi.

"Người quản lý khách sạn nhớ ra là cậu đã hỏi về thư viện của chúng ta. Cậu có nhớ cái lần một cô nhân viên khách sạn gọi tới hỏi xem cậu có thực sự đến đây không?"

Tôi gật đầu.

"Vì vậy nên cảnh sát mới ghé thăm." Oshima uống một hớp

Perrier. "Tất nhiên là mình nói dối. Mình bảo anh ta rằng từ hôm 28 mình không thấy cậu. Rằng trước đó, ngày nào cậu cũng đến, nhưng từ hôm ấy là thôi, không một lần nào nữa."

"Anh có thể bị rắc rối đấy," tôi nói.

"Nếu mình không nói dối, cậu ắt bị rắc rối hơn gấp bội."

"Nhưng em không muốn anh bị liên can."

Oshima him mắt lại và mỉm cười. "Cậu không thấy sao? Cậu đã khiến mình bị liên can."

"Phải, em đồ là thế..."

"Thôi đừng tranh cãi nữa, được không? Việc đã rồi là đã rồi. Cãi vã nữa cũng chả đi đến đâu."

Tôi gật đầu, không nói gì.

"Dù sao đi nữa, viên thanh tra vẫn để danh thiếp lại, dặn mình gọi ngay cho anh ta nếu thấy cậu xuất hiện trở lại."

"Em có bị tình nghi không?"

Oshima lắc đầu. "Mình không nghĩ thế. Nhưng họ nghĩ cậu có thể giúp họ tìm ra manh mối. Mình đã theo dõi toàn bộ vụ này trên báo chí. Cuộc điều tra chưa đi đến đâu và cảnh sát đang sốt ruột. Không một dấu vân tay, không một đầu mối, không một nhân chứng. Cậu là đường dây duy nhất họ trông vào. Vì thế họ mới ra sức truy tìm cậu. Cha cậu là người nổi tiếng, cho nên truyền hình và các báo đều đưa tin chi tiết về vụ ám sát. Cảnh sát không thể ngồi yên và bó tay."

"Nhưng nếu họ phát hiện ra là anh nói dối, họ sẽ không chấp nhận anh với tư cách nhân chứng nữa - thế là đi tong chứng cứ ngoại phạm của em. Họ có thể nghĩ em là thủ phạm."

Oshima lại lắc đầu. "Cảnh sát Nhật Bản không đến nỗi ngu thế đâu, Kafka ạ. Thiếu đầu óc tưởng tượng thì có, nhưng không hề kém năng lực chuyên môn. Mình dám chắc họ đã kiểm tra tất cả các danh sách hành khách đi máy bay từ Tokyo đến Shikoku. Mình không biết cậu có biết điều này không, chứ họ đã đặt camera ở tất cả các cửa đáp máy bay ở các phi trường để chụp tất cả các hành khách lên máy bay. Vào lúc này, họ đã biết cậu không hề bay về Tokyo vào thời điểm xảy ra vụ ám sát. Ở Nhật Bản, giờ đây, thông tin đều được vi xử lý, hãy tin lời mình. Cho nên cảnh sát không xem cậu là tình nghi. Nếu thế, họ đã không phải một tay cớm địa phương đến, mà là nhiều thanh tra từ Nha Cảnh sát Quốc Gia cơ. Nếu điều đó xảy ra, họ ắt quay mình tới số, sức mấy mình lỡm họ được. Họ chỉ muốn nghe bất cứ thông tin nào ta có thể cung cấp về vụ đó thôi."

Những điều anh nói là hoàn toàn có lý.

"Dù sao đi nữa, cậu cũng nên lánh mặt một thời gian," anh nói. "Cảnh sát có thể rà soát vùng này để mắt tìm kiếm cậu. Họ đã có hình

cậu sao từ thẻ học sinh. Tuy nhiên, có thể nói ảnh đó không giống lắm. Trong ảnh, nom cậu rất khùng."

Đó là tấm ảnh duy nhất tôi để lại. Tôi luôn tìm mọi cách trốn tránh việc chụp hình, nhưng khi làm thẻ học sinh thì hết cách.

"Viên thanh tra nói cậu thường quậy phá ở trường học. Đã có những vụ ẩu đả giữa cậu và các bạn cùng lớp và cậu đã bị đuổi học ba lần."

"Hai chứ không phải ba. Và không phải bị đuổi học mà chỉ tạm treo thôi," tôi phân trần. Tôi hít thật sâu rồi từ từ thở như trút hết ra. "Phải, em có những lúc như thế đó."

"Cậu không kiềm chế được bản thân," Oshima nói.

Tôi gật đầu.

"Và cậu đánh lộn."

"Em không cố tình. Nhưng cứ như thể có một ai khác bên trong em vậy. Và khi tỉnh trí lại, em nhận ra mình đã làm ai đó bị thương."

"Đến mức nào?" Oshima hỏi.

Tôi thở dài. "Không nặng lắm. Không đến mức gãy xương, gãy răng hay đại loại như thế."

Oshima ngồi xuống giường, bắt tréo chân và vuốt ngược mớ tóc rủ xuống trán. Anh mặc quần vải bông xanh nước biển, áo polo đen và đi giày Adidas trắng. "Xem ra cậu có ối vấn đề phải xử lý đấy."

Ối *vấn đ*ề. Tôi ngước lên. "Còn anh thì sao?"

Oshima giơ hai tay lên. "Không nhiều đến thế. Nhưng với mình, có một điều như thế này: trong cái thân xác này - cái vỏ bọc khiếm khuyết này - việc quan trọng nhất là tồn tại ngày này sang ngày hôm sau. Điều này có thể là đơn giản hay rất khó khăn. Cái đó tùy thuộc cách anh nhìn nhận vấn đề. Dù thế nào đi nữa, ngay cả nếu mọi sự tốt đẹp thì cũng chẳng phải là thành tích lớn lao gì. Sẽ chẳng ai đứng lên vỗ tay hoan hô mình đâu."

Tôi cắn môi một lát rồi hỏi, "Có bao giờ anh nghĩ đến chuyện thoát ra khỏi cái vỏ ấy không?"

"Cậu muốn nói là rời bỏ thân xác mình?"

Tôi gật đầu.

"Một cách tượng trưng hay thật sự?"

"Thế nào cũng được."

Oshima đưa tay vuốt tóc ra sau. Tôi có thể hình dụng những bánh xe răng vận hành hết công suất bên dưới bề mặt của trán anh.

"Cậu muốn làm thế?" anh hỏi lại, thay vì trả lời tôi.

Tôi hít một hơi. "Oshima, nói thật tình không màu mè, em chẳng thích gì cái vỏ xác bọc bản thể em. Chưa bao giờ thích. Thực ra, em

ghét nó. Cái mặt em, đôi bàn tay em, dòng máu em, gien di truyền của em... Em ghét mọi thứ em thừa kế từ cha mẹ em. Em chẳng muốn gì hơn là thoát hẳn ra khỏi nó như em đã bỏ nhà đi vậy."

Anh nhìn chằm chằm vào mặt tôi và mỉm cười. "Cậu có một thân hình đẹp, lực lưỡng. Bất luận cậu thừa kế nó từ ai, cậu vẫn thuộc loại đẹp trai. Ồ, nói cho chính xác, cậu hơi quá riêng biệt để có thể gọi là đẹp trai theo nghĩa thông thường. Nhưng cậu không hề khó coi. Ít nhất, cũng bắt mắt mình. Cậu thông minh, nhanh nhẹn. Cả cái của quý của cậu cũng oách - xin mở ngoặc đơn: mình thèm có được một cái như vậy. Bảo đảm là sẽ có ối em xin chết với cậu. Cho nên mình không hiểu cậu còn bất mãn cái nỗi gì về vỏ xác của mình nữa.

Tôi đỏ dừ mặt.

"Thôi được, mình nghĩ tất cả những cái đó đều lạc đề," Oshima nói tiếp. "Về phần mình, mình chẳng mê gì cái vỏ bọc của mình, đó là cái chắc. Làm sao mình có thể mê cái phế phẩm này được? Nó thật là bất tiện, mình có thể nói với cậu thế. Tuy nhiên, mình nghĩ thế này: Nếu ta đảo ngược cái vỏ ngoài và cái cốt lõi - nói cách khác, coi cái vỏ ngoài là cốt lõi và cái cốt lõi chỉ là vỏ ngoài - thì cuộc sống của chúng ta ắt có thể dễ hiểu hơn nhiều."

Tôi nhìn trân trân vào hai bàn tay mình, nghĩ đến cái đêm nó vấy đầy máu, sao mà dính nhớp làm vậy. Tôi nghĩ về cái cốt lõi của mình, cái vỏ ngoài của mình. Cái cốt lõi của tôi bao quanh bởi cái vỏ ngoài cũng là tôi. Nhưng những ý nghĩ đó đều bị cuốn phăng đi bởi một hình ảnh không gì xóa nổi: cái chỗ máu ấy.

"Còn Miss Saeki thì sao?" tôi hỏi.

"Cậu muốn nói gì?"

"Theo anh, liệu bà có những vấn đề phải vượt qua không?"

"Tốt hơn là cậu tự đi hỏi bà xem," Oshima nói.

Đến hai giờ, tôi đặt một tách cà phê vào khay bưng lên phòng Miss Saeki. Cô đang ngồi ở bàn giấy. Như mọi khi, trên bàn có giấy viết và một cây bút máy, có điều bút máy vẫn còn đóng nắp. Cả hai tay đặt trên bàn, bà nhìn trân trân vào không trung. Không ra cách nhìn vào một cái gì, mà chỉ dõi mắt vào một nơi chốn không có ở đó. Nom bà có vẻ mệt mỏi. Cửa sổ phía sau bà để mở, gió đầu hạ lay động tấm rèm đăng ten trắng. Cảnh tượng giống như một bức tranh ngụ ngôn tuyệt đẹp.

"Cám ơn," bà nói khi tôi đặt tách cà phê lên bàn.

"Trông cô có vẻ hơi mệt."

Bà gật đầu. "Cô đoán khi mệt, trông cô già hơn nhiều."

"Hoàn toàn không. Trông cô lúc nào cũng tuyệt vời."

Bà mỉm cười. "Cháu trẻ thế mà đã khéo nịnh đầm."

Tôi đỏ mặt.

Miss Saeki chỉ một chiếc ghế. Vẫn chiếc ghế ngày hôm qua ở đúng vị trí cũ. Tôi ngồi xuống.

"Cô mệt mỏi đã quen rồi, nhưng cô chắc cháu thì không."

"Cháu nghĩ thế."

"Dĩ nhiên rồi, hồi mười lăm tuổi, cô cũng vậy, chẳng bao giờ thấy mệt." Bà cầm tách cà phê lên, nhấp một ngụm. "Kafka, cháu thấy gì bên ngoài?"

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ đằng sau bà. "Cháu thấy cây cối, bầu trời và những đám mây. Mấy con chim trên cành."

"Không có gì bất bình thường. Phải không?"

"Vâng."

"Nhưng nếu cháu biết ngày mai, có thể cháu sẽ không được thấy lại những cái đó, mọi sự sẽ đột nhiên trở nên đặc biệt và quý giá, phải không?"

"Cháu đồ là thế."

"Cháu đã bao giờ nghĩ về điều đó chưa?"

"Cháu đã."

Một vẻ ngạc nhiên hiện trên nét mặt bà. "Khi nào?"

"Khi cháu đang yêu."

Một nụ cười thoáng nở và còn vương trên môi bà hồi lâu. Điều khiến tôi nghĩ đến những giọt nước mát rượi ai đó đem tưới vào một hõm nhỏ một ngày hè.

"Cháu đang yêu ư?"

"Vâng."

"Và gương mặt cùng cả con người của cô gái đó rất đặc biệt và quý giá đối với cháu, mỗi lần cháu nhìn thấy cô ấy?"

"Đúng vậy. Và cháu có thể mất những cái đó."

Miss Saeki nhìn tôi một lúc và nụ cười phai dần. "Cháu hãy hình dung một con chim đậu trên một nhành cây mảnh," bà nói. "Nhành cây chao đảo trước gió và mỗi lần như thế, diện nhìn của con chim lại thay đổi. Cháu hiểu cô muốn nói gì chứ?"

Tôi gật đầu.

"Theo cháu, khi điều đó xảy ra, con chim điều chỉnh như thế nào?"

Tôi lắc đầu. "Cháu không biết."

"Nó lúc lác đầu theo đà chao đảo của nhành cây. Lần sau, khi trời gió, cháu hãy quan sát kỹ chim trên cành nhé. Cô đã bỏ nhiều thời gian quan sát qua cửa sổ này. Cháu có nghĩ kiểu sống như thế là mệt không? Luôn luôn phải lúc lắc đầu mỗi khi cành cây mình đậu chao

đi trước gió."

"Cháu nghĩ thế."

"Loài chim đã quen với điều đó. Chúng làm thế một cách tự nhiên, không phải nghĩ ngợi, cứ tự khắc thế thôi. Cho nên không mệt như ta tưởng tượng. Nhưng cô là một con người, không phải là chim, nên đôi khi cũng thấy mệt."

"Cô cũng đậu trên cành?"

"Phải, nói một cách nào đó," bà nói. "Và đôi khi, gió thổi khá mạnh." Bà đặt tách cà phê xuống đĩa và mở nắp bút máy.

Đó là cách bà ra hiệu cho tôi lui, nên tôi đứng dậy. "Miss Saeki, có một điều cháu muốn hỏi cô."

"Một điều riêng tư?"

"Vâng. Và có lẽ thất thố nữa."

"Nhưng quan trọng?"

"Quan trọng đối với cháu."

Bà đặt bút xuống bàn. Mắt bà long lanh một ánh trung lập. "Được. Nói đi."

"Cô có con không?"

Bà nuốt khan, không trả lời ngay. Sắc mặt bà từ từ rút vào đâu đó rất sâu, rồi lại quay trở lại. Kiểu như một đám diễu hành mất hút cuối một con phố, rồi đi trở ngược lại vẫn con phố ấy.

"Tại sao cháu muốn biết điều đó?"

"Vì một vấn đề riêng tư. Đây không phải là một câu hỏi nảy ra bất chợt."

Bà nhấc cây bút máy Mont Blanc lên như để ước lượng trọng lượng của nó rồi lại đặt nó xuống bàn và ngước mắt lên. "Cô rất tiếc, nhưng cô không thể trả lời đơn giản là có hoặc không. Ít nhất là ngay lúc này. Cô đang mệt và gió đang thổi rất mạnh."

Tôi gật đầu. "Cháu xin lỗi. Lẽ ra cháu không nên hỏi."

"Không sao. Cô không trách cháu đâu," bà dịu dàng nói. "Cám ơn cháu về tách cà phê. Cháu pha cà phê rất ngon."

Tôi đi ra và xuống cầu thang về phòng mình. Tôi ngồi trên giường, cố đọc, nhưng không một dòng hcữ nào lọt được vào trong đầu. Đưa mắt dõi theo những dòng chữ, tôi có cảm giác như mình đang nhìn vào một bảng chữ lộn xộn. Tôi đặt sách xuống, đi tới cửa sổ và nhìn ra vườn. Chim đậu trên cành thì có, nhưng gió thì không. Tôi yêu Miss Saeki hồi mười lăm tuổi hay Miss Saeki đích thực ngoại ngũ tuần đang ở trên gác kia? Tôi cũng không biết nữa. Ranh giới phân biệt hai con người đó bắt đầu nhòa đi, biến mất và tôi không thể chỉnh đúng tiêu cự. Và điều đó làm tôi hoang mang. Tôi nhắm mắt lại, cố tìm trong bản thân mình một

cái gì để níu bám vào.

Nhưng, Miss Saeki nói đúng. Từng ngày, gương mặt biết à, con người bà, mỗi lần tôi nhìn thấy, càng trở nên vô cùng quý giá.

Chương 28

Đối với một người ở tuổi ông, Đại tá Sanders đi nhanh thoăn thoắt, cứ như một cựu quán quân môn chạy bộ vậy. Và dường như ông thuộc hết mọi ngõ ngách của thành phố. Ông chọn những đường tắt qua những cầu thang vừa hẹp vừa tối, len lách qua những ngách hẹp ngoằn ngoèo giữa những ngôi nhà. Ông nhảy qua một cái rãnh, quát một tiếng ngắn để suỵt một con chó sủa ăng ẳng sau một hàng rào. Như một hồn ma nôn nóng tìm đường về nhà, cái bóng nhỏ thó mặc đồ trắng ấy lao vun vút qua những ngõ hẻm của thành phố. Hoshino phải cố hết sức mới theo kịp ông. Chẳng bao lâu gã đã thở hổn hển, mồ hôi ướt đẫm nách. Đại tá Sanders không một lần ngoái lại để xem gã có theo sau không.

"Này, đã sắp đến chưa?" cuối cùng, Hoshino sốt ruột gọi to.

"Cậu nói gì vậy, cậu nhỏ. Đây chỉ là một cuốc dạo bộ thôi mà," Đại tá Sanders đáp, vẫn không buồn ngoái lại.

"Phải, nhưng ông nên nhớ tôi là một khách hàng. Nếu ông bắt tôi rượt theo ông đến mệt lử thì còn đâu là cơn nứng tình nữa?"

"Thật là nhục! Thế mà cũng gọi là đàn ông! Nếu mới dạo bộ tí ti đã làm tắt ngấm cơn dục của cậu thì thà dẹp ngay từ đầu đi!"

"Chà," Hoshino làu bàu.

Đại tá Sanders đi xuyên một nhánh phố nữa, băng qua một đường chính bất chấp đèn đỏ và tiếp tục sải bước. Qua một cái cầu, ông chui vào khuôn viên một miếu đường. Trông có vẻ là một miếu đường khá lớn, nhưng lúc này đã muộn, nên chẳng có ai ngoài họ. Đại tá Sanders chỉ một cái ghế băng trước chái của miếu đường, ra hiệu cho Hoshino ngồi đó. Cạnh chiếc ghế có một ngọn đèn thủy ngân chiếu sáng tất cả như ban ngày. Hoshino làm theo và Đại tá Sanders cũng ngồi xuống cạnh gã.

"Ông không bắt tôi làm chuyện ấy *tại đây* đấy chứ?" Hoshino băn khoăn hỏi.

"Đừng có ngớ ngẩn thế. Mình có phải là loài hươu nai đâu mà làm chuyện bậy bạ ở nơi thánh đường tôn nghiêm. Ta sẽ không để cậu làm chuyện ấy trong một miếu đường đâu. Cậu nghĩ ta là cái quái gì chứ?"

Rồi ông ta rút trong túi ra một chiếc điện thoại di động và bấm số. "Phải, ta đây," ông nói khi đầu dây đằng kia trả lời. "Chỗ cũ. Miếu đường. Có một chàng trai tên là Hoshino đang ở đây với ta. Phải... như mọi khi. Ừ, ta hiểu rồi. Đến ngay nhé."

Ông tắt máy, đút trả vào túi.

"Bao giờ ông cũng gọi từ cái miếu đường này ư?" Hoshino hỏi.

“Thế thì có gì không ổn ư?”

“Không, thực ra thì không. Tôi chỉ nghĩ hẳn phải có nơi tốt hơn chứ. Một nơi nào đó bình thường hơn. Một tiệm cà phê hay một phòng khách sạn chẳng hạn.”

“Miếu đường vừa tĩnh lặng, không khí lại mát mẻ và tinh khiết.”

“Đúng, nhưng đợi gái trên một chiếc ghế băng trước nhà chái một miếu đường thì... Khó thư giãn lắm. Tôi cảm thấy như sắp bị ốp đồng ấy.”

“Cậu nói gì vậy? Cậu đang giễu vùng Shikoku đấy ư? Takamatsu là một thành phố đàng hoàng, thủ phủ của vùng. Đâu phải một tỉnh lẻ. Ở đây làm gì có đồng bóng.”

“Thôi được, tôi chỉ nói đùa... Nhưng ông đã đi vào kỹ nghệ dịch vụ, vậy tôi nghĩ ông nên bận tâm hơn đến chuyện tạo không khí, ông hiểu tôi muốn nói gì chứ? Một chút gì xa hoa để gây hứng thú. Nhưng có lẽ đó không phải việc của tôi.”

“Cậu nói đúng. Đó không phải việc của cậu.” Đại tá Sanders nói. “Bây giờ nói về phiến đá đó nhé.”

“À phải. Phiến đá... Nói cho tôi biết về nó đi.”

“Chỉ *sau khi* cậu hành sự. Rồi ta mới nói chuyện.”

“Việc ấy quan trọng thế hử?”

Đại tá Sanders trịnh trọng gật đầu hai lần và vuốt bộ râu dê. “Phải. Đó là một thủ tục mà cậu phải trải qua. Sau đó, ta sẽ nói chuyện về phiến đá. Ta biết rồi cậu sẽ thích con bé này. Đó là số một của chúng ta. Vú thơm phức, da mượt như lụa, thắt đáy lưng ong. Và ấm nóng và nhiều nước ở chỗ cậu muốn nó như thế. Một cỗ máy tình dục chính hiệu. Nói theo thuật ngữ xe hơi thì đó là một chiếc xe mọi địa hình trên giường, cậu vừa dận ga nó đã tăng áp tuốc-bin, tay nắm cần sang số ngỏng lên, ngoặt cua, sang số rất ngọt, vèo! vèo! Và hầy Hoshino, thẳng một mạch đến thiên đường!”

“Ông thật độc đáo!” Hoshino thán phục nói.

“Như ta đã nói mà, ta làm nghề này đâu phải xoàng...”

Mười lăm phút sau, cô gái đến. Đại tá Sanders nói đúng: quả là mê ly. Mini juýp bó, giày cao gót đen, một chiếc xắc nhỏ đen bóng đẹp ở vai. Thừa tiêu chuẩn để làm người mẫu thời trang. Ngực tràn ra hào phóng trên diềm cổ áo hở vai.

“Hàng có được không?” Đại tá Sanders hỏi.

Quá sững sờ để trả lời, Hoshino chỉ gật đầu.

“Một cỗ máy tình dục đích thực đấy, Hoshino. Hãy vui vẻ dầm dề đi,” Đại tá Sanders nói, lần đầu tiên mỉm cười. Ông véo mông Hoshino một cái.

Cô gái đưa Hoshino đến một khách sạn ái tình gần đấy. Cô vặn nước đầy bồn tắm, mau lẹ cởi đồ cho mình rồi cho Hoshino. Cô tắm cho gã rất kỹ, rồi bắt đầu liếm, trình diễn một tiết mục khẩu dâm cực kỳ nghệ thuật, cho gã thưởng thức những ngón gã chưa từng thấy, thậm chí chưa từng nghe nói đến trong đời. Gã không thể nghĩ đến điều gì khác ngoài việc đạt đến cực khoái, và gã đã cực khoái thực sự.

"Chu cha, kinh dị! anh đây chưa bao giờ cảm thấy như vậy," Hoshino nói và uể oải ngụp trở lại vào bồn nước nóng.

"Đấy mới chỉ là mở đầu thôi," cô gái nói. "Hãy chờ xem phần tiếp theo."

"Ờ, nhưng mà đã tốt lắm rồi."

"Tốt đến mức nào?"

"Đến mức không quá khứ hay tương lai nữa."

"*Hiện tại thuần túy là một bước tiến không thể nắm bắt của quá khứ gặm nhấm tương lai. Thực ra, mọi cảm giác đã là ký ức.*"

Hoshino ngước lên, miệng he hé, và nhìn chằm chằm vào mặt cô. "Em nói cái gì vậy?"

"Henri Bergson," cô đáp, liếm một giọt tinh dịch ở đầu dương vật gã. "*Vachat và kiuc*".

"Là cái gì?"

"*Vật chất và ký ức*. Anh chưa bao giờ đọc cuốn ấy à?"

"Chắc là chưa," Hoshino đáp sau một lát suy nghĩ. Trừ cuốn sách giáo khoa dạy lái những loại xe đặc biệt mà gã phải nghiền khi tại ngũ và những cuốn về lịch sử Shikoku mà gã vừa mới đọc ở thư viện, gã chẳng thể nhớ được mình đã đọc gì ngoài *manga*[26].

"Còn em?"

Cô gái gật đầu. "Em bắt buộc phải đọc. Em đang theo học khoa triết ở đại học và kỳ thi sát hạch sắp đến."

"Ra thế," Hoshino nói, vẻ thán phục. "Vậy đây là việc làm thêm?"

"Để gom đủ tiền trả học phí."

Cô kéo gã vào giường, mơn man khắp người gã bằng đầu ngón tay và lưỡi, làm cho gã lại cương cứng lên. Cột buồm dựng hiên ngang như Tháp Pisa vào dịp lễ hội hóa trang.

"Xem này, anh lại sẵn sàng chiến đấu rồi," cô gái nhận xét, chuyển sang đợt thao tác tiếp theo. "Anh có yêu cầu gì đặc biệt không? Một ngón gì anh muốn em làm? Ông Sanders dặn em chiều theo mọi ý thích của anh."

"Anh không nghĩ ra điều gì đặc biệt, nhưng em có thể dẫn thêm vài đường của cái món triết học ấy không? Anh không biết tại sao,

nhưng có thể nó giữ cho anh khỏi xuất tinh quá sớm. Kẻo em làm thế này, anh sẽ ra rất nhanh đây."

"Để xem..."

"Bất cứ cái gì cũng được."

"Em dẫn Hegel nhé. Tay này hơi lỗi thời nhưng đích thị là quái kiệt."

"Nghe hay đấy."

"*Cùng lúc 'tôi' là nội dung một chuyện kể, 'tôi' cũng lại là cái làm việc kể chuyện.*[12]"

"Hmm..."

"Hegel tin rằng một người không chỉ ý thức về bản ngã và khách thể như là những thực thể tách biệt, mà qua việc phóng chiếu bản ngã lên khách thể bằng cách suy ngẫm, còn có thể chủ động hiểu sâu hơn về bản ngã. Tất cả những cái đó là tự ngã ý thức."

"Anh chẳng hiểu em nói cái cóc khô gì."

"Ví dụ như cái em đang làm với anh đây này. Đối với em, tôi, còn anh là khách thể. Đối với anh thì hoàn toàn ngược lại – anh là bản ngã còn em là khách thể. Và bằng cách hoán đổi bản ngã với khách thể với nhau, chúng ta có thể tự phóng chiếu lên nhau và đạt đến tự ngã ý thức. Một cách chủ động."

"Anh vẫn chả hiểu gì, nhưng chắc chắn là hiệu nghiệm đấy."

"Cốt là thế mà." cô gái nói.

Tàn cuộc, gã chào tạm biệt cô gái và quay trở lại miếu đường. Đại tá Sanders vẫn ngồi nguyên trên ghế băng y như lúc gã đi.

"Ông ngồi chờ đây suốt đấy à?"

Đại tá Sanders bực bội lắc đầu. "Đừng có ngu ngốc thế. Cậu nghĩ ta có thừa thì giờ để phí phạm hả? Trong khi cậu ngây ngất ở chín tầng mây thì ta lại phải lùng sục các ngõ ngách săn khách. Khi cậu xong cuộc, con bé gọi cho ta và ta hộc tốc chạy về đây. Vậy chứ cỗ máy tình dục của chúng ta thế nào? Oách chứ?"

"Tuyệt vời, không chê vào đâu được. Tôi *chủ động* xuất tinh ba lần. Chắc tôi phải mất tới hai ký rưỡi."

"Ta rất hài lòng nghe cậu nói vậy. Giờ đến chuyện phiến đá nhé."

"Phải, đó là mục đích chuyến đi của tôi."

"Thực tế, phiến đá ở ngay trong cánh rừng đằng sau miếu đường này."

"Ông đang nói về *phiến đá cửa vào* đấy chứ?"

"Phải, phiến đá cửa vào."

"Ông có chắc là ông không bịa chuyện không?"

Đại tá Sanders hất hàm. “Cậu nói cái quái gì thế, đồ ngu? Từ đầu đến giờ đã khi nào ta nói dối cậu chưa? Ta có phịa không? Ta bảo ta sẽ kiếm cho cậu một cỗ máy tình dục ngon lành và ta đã giữ lời. Và với giá rất mềm nữa – có mười lăm nghìn *yen* mà cậu xuất tinh không dưới ba lần, đồ mặt dày! Thế mà cậu còn nghi ngờ ta.”

“Đừng có nổi xung. Dĩ nhiên là tôi tin ông. Chỉ là vì khi mọi chuyện có vẻ quá thuận buồn xuôi gió, thì tôi hơi ngờ ngợ, có thế thôi. Ý tôi là thế này, ông thử đặt mình vào địa vị tôi mà coi – đang lang thang thì một tay ăn vận dị dạng gọi lại và bảo là biết chỗ có phiến đá mình đang tìm, thế rồi đi theo y và vui vẻ với một em ác chiến.”

“*Ba* phát, đúng không?”

“Ừ thì ba phát. Thế rồi ông bảo hòn đá tôi đang tìm ở ngay đây, phải không nào? Như thế thì ai mà chả hoang mang.”

“Cậu vẫn chưa hiểu à? Ta đang nói về một sự *thiên khải*,” Đại tá Sanders tặc lưỡi nói. “Sự thiên khải vượt qua giới hạn của cái thường nhật. Đời mà không có thiên khải thì còn ra cái gì. Điều quan trọng là phải chuyển từ lý trí *quan sát* sang lý trí *hành động*. Cái đó có tính chất quyết định. Cậu có hiểu ta đang nói cái gì không, đồ đầu lừa?”

“Sự phóng chiếu và hoán đổi giữa bản ngã và khách thể... phải không?” Hoshino rụt rè nói.

“Tốt. Ta hài lòng là ít ra cậu cũng biết chừng nấy. Vấn đề là ở chỗ đó. Nào, hãy theo ta và cậu có thể khấn vái phiến đá của cậu. Một chương trình đặc biệt dành cho cậu.”

Chương 29

Tôi gọi Sakura từ máy công cộng của thư viện. Tôi chợt nhận ra là mình đã bỏ bẵng không liên lạc từ cái đêm tạm trú ở chỗ cô - chỉ mấy dòng thư ngắn ngủi để lại, có thế thôi. Tôi hơi ngượng về cái cách tạm biệt ấy. Sau khi rời căn hộ của cô, tôi đi thẳng tới thư viện, Oshima lái xe đưa tôi đến ở căn nhà gỗ mấy ngày, cách xa mọi trạm điện thoại. Rồi tôi đến ở và làm việc tại thư viện, đêm nào cũng gặp linh hồn sống của Miss Saeki, đâm ra yêu say đắm cô gái mười lăm tuổi ấy. Hàng tấn sự việc đã nối tiếp nhau xảy ra, đủ khiến bất kỳ ai cũng bù đầu. Tuy nhiên, không thể viện lý do đó để bao biện.

Tôi gọi vào khoảng chín giờ tối. Sau sáu hồi chuông reo, cô nhấc máy.

"Cậu đã đi những đâu vậy?" Sakura hỏi, giọng cộc cằn.

"Em vẫn ở Takamatsu."

Cô không nói gì một lúc. Tôi nghe thấy tiếng nhạc nền - một chương trình ca nhạc truyền hình.

"Cách nào đó, em đã sống sót," tôi nói thêm.

Im lặng, rồi một tiếng thở dài cam chịu.

"Cậu biến mất tăm mất tích như thế là nghĩa làm sao? Hôm ấy, mình lo cho cậu nên về nhà sớm. Trên đường về còn mua sắm vài thứ cho cậu."

"Em biết thế là không phải. Thật vậy. Nhưng em phải đi. Đầu óc em rối tung lên và em phải đi để suy ngẫm sự việc, trấn tĩnh lại. Ở với chị thì... em không biết... em không diễn tả bằng lời được."

"Kích thích quá mức?"

"Vâng. Trước đây, em chưa bao giờ gần một cô gái đến thế."

"Thật ư?"

"Chị biết đấy, cái mùi thơm con gái và còn bao nhiêu thứ khác nữa..."

"Trai tơ mà, kể cũng gay nhỉ?"

"Em nghĩ thế," tôi nói. "Vậy công việc của chị ra sao?"

"Bí bét lắm. Nhưng tôi muốn làm việc kiếm ít tiền để dành, thì không nên phàn nàn."

Ngừng một lát, tôi quay sang kể cô nghe về việc cảnh sát truy tìm tôi.

Sau một lát im lặng, cô thận trọng hỏi "Có dính dáng gì đến... chỗ máu trên người cậu không?"

Tôi quyết định chưa nói hết sự thật ngay bây giờ. "Không, không

phải thế, không liên quan gì đến máu. Họ truy tìm em vì em trốn nhà. Họ muốn bắt em, tống lên tàu trả về Tokyo, có thế thôi. Vậy có thể cảnh sát sẽ tiếp xúc với chị. Chả là cái hôm ấy, cái đêm em đến chỗ chị, em có gọi máy di động của chị bằng máy của em, và họ kiểm tra nhật ký điện thoại và truy ra em đang ở Takamatsu."

"Đừng lo," cô nói. "Đây là điện thoại dùng thẻ trả trước, nên không cách nào truy ra chủ sở hữu đâu."

"Em nhẹ cả người," tôi nói. "Em không muốn gây thêm phiền phức cho chị."

"Cậu thật tình cảm, cậu làm mình khóc đến nơi bây giờ."

"Không, em thực sự cảm thấy như thế mà."

"Mình biết," cô nói, hơi bối rối. "Vậy những ngày này, cậu bé trốn nhà của chúng ta tá túc ở đâu?"

"Một người quen cho em ở nhờ."

"Cậu bắt quen với ai ở đây từ khi nào?"

Làm sao tôi có thể tóm tắt mọi chuyện đã xảy đến với tôi trong những ngày qua? "Đó là một câu chuyện dài," tôi nói.

"Với cậu thì bao giờ cũng là những câu chuyện dài."

"Em không biết tại sao sự việc bao giờ cũng xoay ra như thế."

"Kiểu như một thiên hướng tự nhiên?"

"Có lẽ vậy," tôi đáp. "Một hôm nào đó có thì giờ em sẽ kể hết với chị. Không phải em muốn giấu chị điều gì đâu, chỉ là em không thể giải thích rõ qua điện thoại."

"Thôi được. Mình chỉ hy vọng cậu không mắc vào chuyện gì không nên thôi."

"Không đâu, không có gì như thế cả. Em ổn thôi, chị đừng lo."

Cô lại thở dài. "Mình có thể hiểu cậu muốn tự lập, nhưng chớ có dây vào bất cứ chuyện gì phi pháp nhé. Chả bõ bèn đâu. Mình không muốn thấy cậu chết khốn khổ ở tuổi vị thành niên như Billy the Kid[27]."

"Billy the Kid không chết ở tuổi vị thành niên," tôi đính chính. "Anh ta giết hăm mốt người và chết ở tuổi hăm mốt."

"Ờ thế à... Rốt cuộc, cậu gọi mình có việc gì vậy?"

"Em chỉ muốn cảm ơn chị thôi. Em cảm thấy ân hận đã lẳng lặng bỏ đi sau khi được chị đối đãi tốt như thế."

"Cám ơn, nhưng sao ta không quên chuyện ấy đi nhỉ?"

"Em cũng muốn nghe giọng chị nữa."

"Nghe mà sướng, nhưng tại sao cậu lại muốn nghe giọng mình?"

"Em không biết nói thế nào cho chính xác... Nói thế này nghe cũng

kỳ, nhưng quả thực là chị đang sống trong thế giới thực, hít thở không khí thực, nói những từ đích thực. Nói chuyện với chị khiến em cảm thấy được nối kết với thực tại. Và điều đó lúc này là thực sự quan trọng đối với em."

"Những người cậu đang ở cùng không *thực* sao?"

"Em không dám chắc," tôi đáp.

"Vậy cậu muốn nói là cậu đang ở một nơi không thực cùng những người tách rời khỏi thực tại sao?"

Tôi nghĩ một lúc rồi đáp, "Cách nào đó, có thể nói thế."

"Kafka này," Sakura nói, "đây là cuộc đời của cậu, mình biết mình không nên can thiệp, nhưng mình nghĩ tốt hơn là cậu nên ra khỏi đó. Mình không biết nơi cậu đang ở thuộc loại gì, nhưng mình có cảm giác đó là ứng xử thông minh. Có thể gọi đây là linh cảm. Tại sao cậu không đến chỗ mình? Cậu muốn ở bao lâu tùy thích."

"Tại sao chị tốt với em thế?"

"Cậu đúng là thằng đần!"

"Tại sao?"

"Tại vì mình *thích* cậu - cậu không hình dung ra ư? Về cơ bản, mình thuộc loại tò mò, nhưng không phải với ai mình cũng làm thế. Mình đối với cậu như thế vì mình *thích* cậu. Mình không biết diễn đạt như thế nào, nhưng mình cứ cảm thấy cậu như là em trai mình vậy."

Tôi nắm chặt ống nghe không nói gì. Trong khoảng một giây, tôi hoàn toàn bối rối, thậm chí bàng hoàng. Chưa ai từng nói với tôi những điều như vậy. Chưa từng.

"Cậu vẫn nghe đấy chứ?" Sakura hỏi.

"Vâng," tôi thốt lên được một tiếng.

"Vậy thì *nói* điều gì đi chứ."

Tôi đứng thẳng lên và hít một hơi thật sâu. "Chị Sakura, em ước gì em có thể làm thế. Em thực sự muốn thế. Nhưng ngay bây giờ thì chưa được. Như em đã nói với chị, em không thể rời nơi này. Em đang yêu."

"Yêu một con người phức tạp, *không thực sự tồn tại?*"

"Có thể nói thế."

Tôi nghe thấy cô lại thở dài - một tiếng thở dài sâu thăm thẳm. "Cậu biết không, khi bọn choai choai tuổi cậu tập tọng yêu, chúng thường có khuynh hướng hơi mênh mông, vậy nên nếu người cậu yêu là kẻ tách rời thực tế thì quả là một vấn đề rắc rối đấy. Cậu vẫn nghe đấy chứ?"

"Vâng, em nghe rõ."

"Kafka?"

"Dạ."

"Nếu xảy ra chuyện gì, nhớ gọi tôi, nghe không? Đừng có ngần ngại gì hết."

Tôi tắt máy, về phòng, đặt chiếc đĩa nhựa *Kafka bên bờ biển* lên bàn xoay và hạ cần kim xuống. Và một lần nữa, muốn hay không muốn, tôi lại bị cuốn về *nơi* ấy. Về *thời* ấy.

Tôi cảm thấy một sự hiện diện và mở mắt. Tối mịt. Kim đồng hồ báo thức dạ quang bên cạnh giường tôi chỉ ba giờ hơn. Chắc tôi đã ngủ thiếp đi. Trong ánh sáng yếu ớt của cột đèn ngoài vườn lọt vào, tôi nhìn thấy cô ngồi đó. Như mọi khi, cô vẫn ngồi bất động tại bàn, tay chống cằm, đăm đăm nhìn bức tranh trên tường. Và cũng như mọi khi, tôi nằm trên giường, ráng nhịn thở, he hé mắt[13], ngắm hình bóng cô. Ngoài cửa sổ, gió từ biển thổi vào khua xào xạc những cành sơn thù du...

Tuy nhiên sau một lúc, tôi cảm thấy có gì khang khác. Một cái gì đó trong không khí làm khuấy động sự hài hòa hoàn hảo của thế giới nhỏ bé này của chúng tôi. Tôi căng mắt nhìn qua bóng tối. Đó là cái gì nhỉ? Gió thổi mạnh hơn và tôi bắt đầu cảm thấy máu trong huyết quản chạy rần rật, nặng và đặc một cách kỳ lạ. Những cành sơn thù du in bóng trên ô kính cửa sổ thành một thứ trận ma khắc khoải. Cuối cùng, tôi vỡ nhẽ ra. Bóng đen ngồi đó không phải là cô gái. Nom rất giống cô, gần như cùng một khuôn đúc, nhưng không *đích thị* là cô. Như kiểu bản can một hình vẽ, chỉ sai sót vài chi tiết. Thí dụ, kiểu tóc của cô không phải thế. Và quần áo của cô cũng khác. *Sự hiện diện* của cô khác về tổng thể. Bất giác, tôi lắc đầu. Không phải cô đang ngồi đấy, mà là *một ai khác*. Đã xảy ra một điều gì, một điều rất quan trọng. Tôi riết chặt tay dưới tấm chăn và tim tôi hết chịu nổi, bắt đầu đập dữ dội theo một nhịp loạn xạ bất ngờ.

Như thể tiếng tim đập đó là một hiệu lệnh, bóng đen trên ghế bắt đầu cử động, từ từ xoay mình tựa như một con tàu chuyển hướng đi. Bóng đen nhấc đầu khỏi tay đỡ và quay về phía tôi. Và tôi giật mình nhận ra đó là Miss Saeki. Bà nhìn tôi một lúc, lặng lẽ tập trung nhãn lực như khi ngắm bức tranh và tôi chợt nghĩ đến cái gọi là *trục thời gian*. Ở đâu đó tôi không biết, một điều gì dị thường đang xảy đến với thời gian. Thực tại và mộng mơ trộn lẫn như nước biển và nước sông hòa vào nhau. Tôi vắt óc cố tìm ra ý nghĩa ẩn đằng sau đó, vô hiệu.

Cuối cùng, Miss Saeki đứng dậy và chậm rãi đi về phía tôi, người rất thẳng như bao giờ cũng vậy. Bà để chân trần và ván sàn khẽ cọt kẹt dưới bước đi của bà. Bà lẳng lặng ngồi xuống mép giường và cứ giữ nguyên tư thế đó một lúc. Rành là thân thể bà có độ đậm đặc và trọng lượng thực sự. Bà mặc áo lụa trắng và máy vào xanh nước biển chấm đầu gối. Bà đưa tay ra sờ đầu tôi, những ngón tay lùa qua mái

tóc cắt ngắn của tôi. Bàn tay ấy, những ngón tay ấy rành là thật. Bà lại đứng lên và trong ánh sáng lờ mờ từ bên ngoài rọi vào, bắt đầu cởi quần áo, tựa như đó là việc tự nhiên nhất trên đời. Không vội vàng mà cũng không do dự. Bằng những cử chỉ nhẹ nhàng, tự nhiên, bà cởi khuy áo, trút bỏ váy rồi quần lót. Từng chiếc một, y phục bằng tơ lụa mềm của bà rơi xuống sàn, hồ như không một tiếng động. Tôi nhận ra là bà đang buồn ngủ. Mắt bà mở nhưng dường như bà đang mộng du.

Khi không còn gì trên người, bà buông mình xuống chiếc giường hẹp và quàng đôi cánh tay trắng muốt ôm lấy tôi. Hơi thở ấm của bà phả vào cổ tôi, nạm lông mu của bà cọ vào đùi tôi. Chắc hẳn bà ngỡ tôi là người bạn tình quá cố của mình và tưởng mình đang làm cái điều họ vẫn thường làm hồi xa xưa tại đây, ngay trong căn phòng này. Trong giấc ngủ mê mệt, trong cơn mơ, bà lặp lại những động tác thuở xưa.

Tôi nghĩ mình nên đánh thức bà dậy thì hơn. Bà đang lầm to và tôi cần nói cho bà biết. Đây không phải là một giấc mơ - đây là đời thực. Nhưng mọi sự diễn ra quá nhanh và tôi không đủ sức để cưỡng lại. Hoàn toàn mất thăng bằng, tôi cảm thấy như mình đang bị hút thỏm vào một đoạn cong vênh của thời gian.

Và mày bị hút thỏm vào một đoạn cong vênh của thời gian.

Trước khi mày kịp nhận ra, giấc mơ của bà ấy đã quấn quanh tâm trí mày. Êm dịu, nồng ấm như một thứ nước ối. Miss Saeki sẽ cởi áo phông và quần lót của mày ra. Bà sẽ hôn hít cổ mày, rồi nắm lấy chim mày lúc đó đã rắn như sành. Tay bà nhẹ nhàng mơn quanh tinh hoàn của mày, và lặng lẽ kéo tay mày đặt lên mu bà. Âm đạo bà ấm nóng và ướt. Bà hôn ngực mày, bú đầu vú mày. Ngón tay mày, như bị hút, từ từ luồn vào bên trong bà.

Trách nhiệm của mày bắt đầu từ đâu? Gạt lớp sương mù che mắt mày, mày ráng sức níu lấy thực tại. Mày cố xác định hướng của dòng chảy ấy để bám trụ vào trục thời gian. Nhưng mày không thể định vị được ranh giới phân cách thực với mộng, hoặc thậm chí ranh giới giữa cái gì là thực và cái gì là khả thể. Điều duy nhất mày biết chắc là mày đang ở một thế khó xử. Khó xử và nguy hiểm. Mày bị cuốn đi thành một bộ phận của nó, không thể nắm chắc những nguyên lý của tiên tri hoặc của lô gích. Như khi một dòng sông tràn bờ, làm ngập lụt một thành phố, tất cả các biển báo giao thông đều chìm dưới những con sóng. Và ta chỉ còn trông thấy phần mái vô danh của những ngôi nhà bị lấp chìm.

Mày nằm ngửa và Miss Saeki cưỡi lên mày. Bà cầm con cu rắn như đá của mày ấn vào cửa mình bà. Mày không làm gì được - bà là người chủ động. Bà uốn mình vặn người như thể phác những hình vẽ trong không khí. Tóc bà xõa thẳng xuống vai mày và run rẩy

***không một tiếng động như những nhành liễu. Từng tí một, mày bị hút xuống lớp bùn ấm. Cả thế giới trở nên nồng ấm,** ướt át, mờ mịt và chỉ còn tồn tại con cu cứng đơ, bóng nhẫy của mày. Mày nhắm mắt lại và giấc mơ của chính mày bắt đầu. Mày mất hết ý thức về thời gian. Triều dâng và trăng lên. Và chẳng mấy chốc mày xuất tinh. Mày không cách nào hãm lại được. Mày xuất lấy xuất để trong bà. Âm đạo bà co thắt, đón nhận hạt giống của mày. Suốt thời gian đó, bà vẫn ngủ mở mắt. Bà đang ở một thế giới khác biệt và đó là nơi dòng tinh trùng của mày chảy đến để bị hút vào một nơi riêng biệt.*

Một quãng thời gian dài trôi qua. Tôi không sao cử động được. Toàn thân tôi tê liệt. Liệt hẳn hay có thể là tôi không muốn cố cử động. Miss Saeki đã rời khỏi tôi và giờ đang nằm cạnh tôi. Một lúc sau, bà đứng dậy, mặc quần lót và váy vào, và cài khuy áo. Một lần nữa, bà đưa tay dịu dàng vuốt tóc tôi. Tất cả diễn ra từ đầu đến cuối không một lời trao đổi giữa chúng tôi. Bà không hé răng từ khi bước vào phòng. Âm thanh duy nhất là tiếng cọt kẹt của ván sàn, tiêng gió không ngừng thổi bên ngoài. Căn phòng thở, ô kính nhẹ rung. Đó là dàn đồng ca đằng sau tôi.

Vẫn ngái ngủ, bà đi ngang phòng và bỏ đi. Cửa chỉ mở hé nhưng bà lách qua như một con cá tinh tế và mộng mơ. Cửa đóng lại không một tiếng động. Từ giường, tôi nhìn theo bà đi ra, vẫn không sao cử động được. Thậm chí tôi không nhấc nổi một ngón tay. Môi tôi như bị gắn xi. Ngôn từ ngủ lịm trong một góc khuất của thời gian.

Không động đậy được một cơ bắp, tôi nằm đó dỏng tai lên nghe. Tôi chờ đợi tiếng chiếc Golf của bà nổ máy trong bãi đậu xe nhưng mãi chẳng thấy gì. Gió xua mây tan tác trên bầu trời. Những cành sơn thủ du run rẩy và vô số lưỡi dao lóe lên trong đêm tối. Cửa sổ căn phòng này là cửa sổ lòng tôi, cửa phòng là cửa vào hồn tôi. Tôi nằm đó thức chong chóng cho đến bình minh, trân trân nhìn vào chiếc ghế trống.

Chương 30

Hai người len lách qua những hàng rào thấp vào cánh rừng đằng sau miếu đường. Đại tá Sanders rút trong túi ra một chiếc đèn pin nhỏ soi đường. Rừng không sâu lắm nhưng toàn cây cổ thụ với những cành chằng chịt kết thành tán sẫm tối trên đầu. Một mùi cỏ nồng đượm xông lên từ mặt đất.

Đại tá Sanders dẫn đường, lần này đi thong thả. Rọi đèn cho chắc chỗ đặt chân, ông thận trọng lần từng bước một.

Hoshino bám theo gót ông. "Này, ông già, ông định thử thách tôi hay sao vậy?" gã nói với cái lưng áo trắng. "Úi, ma!"

"Cậu có kéo phéc-mơ-tuya mồm lại được không?" Đại tá Sanders không ngoái lại, nói.

"Thôi được." Đột nhiên, Hoshino tự hỏi không biết giờ này Nakata đang làm gì. Có lẽ đang ngủ say như chết. Dường như cụm từ *ngủ say như chết* được đặt ra cốt để mô tả lão – đã ngủ không còn biết trời đất gì nữa. Mà chẳng biết lão mơ những gì trong những đợt ngủ phá mọi kỷ lục ấy nhỉ? Hoshino không thể hình dung ra. "Đến nơi chưa?"

"Sắp," Đại tá Sanders đáp.

"Tôi hỏi cái này nhé," Hoshino mào đầu.

"Cái gì?"

"Có *thật* ông là Đại tá Sanders không?"

Đại tá Sanders đằng hắng. "Thật ra thì không. Ta chỉ mượn tạm cái vẻ bề ngoài của ông ta thôi."

"Tôi cũng đoán thế," Hoshino nói. "Vậy *thật ra* ông là ai?"

"Ta không có tên."

"Thế thì cũng rắc rối đấy nhỉ."

"Chẳng sao cả. Ta vốn chẳng bao giờ có tên hay hình hài gì."

"Vậy là giống như một phát rắm ấy à?"

"Cậu muốn nói thế cũng được. Vì ta không có hình hài, ta có thể trở thành bất kỳ cái gì ta muốn."

"Hừm..."

"Lần này, ta quyết định chọn một hình dáng quen thuộc, hình dáng của một thánh thượng tư bản chủ nghĩa. Ta đã toan lấy hình tượng Chuột Mickey, nhưng Hãng Disney rất khắt khe về chuyện bản quyền đối với những ai mô phỏng nhân vật của họ."

"Dù sao đi nữa, tôi cũng không muốn Chuột Mickey dắt gái cho."

“Ta hiểu quan điểm của cậu.”

“Cải trang như Đại tá Sanders cũng hợp với tính cách của ông nữa.”

“Nhưng ta làm gì có tính cách hay tình cảm. *Ta có thể mượn hình hài, ta có thể trò chuyện, nhưng ta không phải là trời phật, mà là một sinh vật vô cảm có trái tim khác với tim người.*”

“Ông nói gì vậy...?”

“Một câu trong *Những chuyện ánh trăng và mưa* của Ueda Akinari. Ta chắc cậu chưa đọc?”

“Ông nói trúng phóc.”

“Ta đang hiển hiện trong hình hài con người, nhưng ta không phải là trời cũng chẳng phải là phật. Tim ta không vận hành giống tim người vì ta hoàn toàn vô cảm. Đó là ý nghĩa của câu đó.”

“Hừm,” Hoshino nói. “Tôi không dám chắc là mình đã hiểu, nhưng phải chăng ông muốn nói ông không phải là người mà cũng chẳng phải là trời phật gì cả?”

“*Trời, phật chẳng phải, ta chỉ là kẻ vô cảm nên ta bất cần thiện, ác, không nghi vấn mà cũng chẳng theo đằng nào.*”

“Có nghĩa là...?”

“Vì ta không phải là trời cũng chẳng phải là phật, nên ta chẳng cần phải phán xét ai tốt ai xấu. Tương tự như thế, ta không cần phải hành động theo những tiêu chuẩn của thiện/ác.”

“Nói cách khác, ông đứng ngoài thiện và ác.”

“Cậu quá đôn hậu đấy. Chính xác ra, ta không đứng ngoài thiện và ác – có điều những cái đó đối với ta không quan trọng. Ta không biết thế nào là thiện, thế nào là ác. Ta là một kẻ rất thực dụng. Một khách thể trung lập, có thể nói thế, tất cả những gì ta quan tâm là hoàn mãn chức năng ta được giao phó.”

“*Hoàn mãn* chức năng của ông? Chức năng đó là gì?”

“Trước cậu có đi học không?”

“Có, tôi học đến trung học, nhưng đó là một trường dạy nghề. Tôi dành tất cả thời gian vào những cuộc đi chơi nhổng bằng xe máy.”

“Ta giống như một tay giám sát đôn đốc công việc, bảo đảm cho mọi khâu hoàn tất đến nơi đến chốn. Kiểm tra tương quan giữa các thế giới khác nhau sao cho mọi thứ diễn ra đúng trình tự. Sao cho hậu quả đến sau nguyên nhân và các ý nghĩa không lẫn lộn. Quá khứ đến trước hiện tại, tương lai đến sau hiện tại. Sự vật có thể *hơi* lệch lạc *tí chút*, nhưng không sao. Không có gì là hoàn hảo cả. Với ta, miễn sao về cơ bản, trong sổ quyết toán, thu chi thăng bằng, thế là tốt rồi. Nói thật với cậu, ta không phải là người chi ly lắm. Thuật ngữ kỹ thuật gọi đó là ‘lược gọn quy trình giác quan của thông tin liên tục’,

nhưng ta không muốn đi sâu vào cái đó, giải thích lằng nhằng mất thì giờ lắm, ta biết cậu chả hiểu được đâu. Vậy hãy để ta tóm tắt. Điều ta muốn nói là: ta không xét nét từng việc nhỏ một. Dĩ nhiên, nếu chung cuộc thu chi không thăng bằng thì đó là vấn đề. Ta phải có trách nhiệm xem xét."

"Tôi muốn hỏi ông một câu. Nếu ông là một người quan trọng như thế, tại sao ông lại phải làm công việc dắt gái trong những ngõ ngách này của Takamatsu?"

"Ta không phải là *người*, hiểu chưa? Ta phải nói với cậu bao nhiêu lần nữa đây?"

"Dù là gì..."

"Dắt gái chỉ là một cách để dụ cậu đến đây. Có một chuyện ta cần cậu giúp một tay, nên ta nghĩ nên cho cậu thư giãn vui vẻ trước đã, coi như một phần thưởng. Một thứ thủ tục ấy mà."

"Giúp ông một tay?"

"Như ta đã giải thích, ta chẳng có hình dạng gì. Ta là một vật thể khái niệm, siêu hình. Ta có thể khoác bất kỳ hình dạng gì, nhưng ta thiếu thực chất. Và muốn làm một hành động thật, ta cần sự giúp đỡ của ai đó có thực chất."

"Và trong trường hợp cụ thể này, cái thực chất ấy là tôi."

"Chính thế," Đại tá Sanders đáp.

Họ thận trọng men theo con đường nhỏ và đến một cái miếu nhỏ hơn dưới bóng một cây sồi lớn. Ngôi miếu già nua và hư nát không có đồ cúng tế hay trang trí gì cả.

Đại tá Sanders rọi đèn lên mặt tiền của miếu. "Phiến đá ở trong này. Mở cửa ra đi."

"Không được," Hoshino nói. Cửa miếu đường shinto không phải là thứ muốn mở lúc nào thì mở. Không khéo bị thánh vật đấy. Rụng tai, mất mũi chứ chẳng chơi."

"Đừng lo. Ta bảo không sao đâu. Cứ mở ra. Cậu sẽ không bị vật vã gì đâu, tai mũi cậu sẽ nguyên vẹn. Chà, cái cậu này cổ hủ thật!"

"Thế thì tại sao bác không mở? Tôi không muốn dây vào những trò này đâu."

"Ta phải giải thích điều này cho cậu bao nhiêu lần nữa? Ta đã bảo cậu là ta không có thực chất. Ta là một khái niệm trừu tượng. Ta không thể tự làm bất cứ cái gì. Chính vì thế ta mới cất công lôi kéo cậu đến đây. Và cho cậu làm tới ba phát với mức đại hạ giá."

"Ờ, con bé quả là ác chiến... Nhưng phạm vào miếu đường thì tôi chịu thôi! Từ nhỏ, ông nội vẫn dặn tôi chớ có làm uế tạp chốn thánh đường. Về điểm này, ông tôi rất nghiêm ngặt."

"Quên ông cậu đi. Đừng có lên lớp ta bằng thói đạo đức nhà quê

của cái tỉnh Gifu ấy, được không? chúng ta đâu có thì giờ dành cho chuyện ấy."

Làu bàu luôn miệng, Hoshino ngập ngừng mở cửa ngôi miếu và Đại tá Sanders rọi đèn vào trong. Quả là có một phiến đá tròn cũ kỹ trong đó. Đúng như Nakata nói, đó là một phiến đá trắng nhẵn bóng, kích cỡ bằng cái bánh đa lớn.

"Nó đây à?" Hoshino hỏi.

"Phải," Đại tá Sanders đáp. "Mang nó ra đi."

"Khoan đã. Thế là ăn trộm đấy."

"Không sao. Thiếu đi một viên đá như thế này, chẳng ai nhận thấy đâu. Và cũng chẳng ai hơi đâu mà quan tâm."

"Nhưng phiến đá là của giời, ngài sẽ nổi giận nếu ta mang nó ra ngoài."

Đại tá Sanders khoanh tay, nhìn thẳng vào mặt Hoshino. "Giời là gì?"

Câu hỏi làm Hoshino ngớ ra một lúc.

Đại tá Sanders dồn thêm. "Mặt mũi giời như thế nào và ông ta làm cái thá gì?"

"Đừng có truy tôi. Giời là giời. Ngài có mặt ở khắp nơi, quan sát xem chúng ta làm gì, phán xét những điều ta làm là tốt hay xấu."

"Như trọng tài bóng đá ấy à?"

"Có lẽ đại loại như thế."

"Vậy giời mặc quần soọc, miệng ngậm còi, mắt nhìn đồng hồ?"

"Bác thừa biết tôi không định nói thế," Hoshino nói.

"Giời của Nhật Bản và giời của Tây có bà con họ hàng với nhau hay không, hay là kẻ thù của nhau?"

"Làm sao tôi biết được?"

"Nghe này – giời chỉ tồn tại trong tâm trí con người thôi. Đặc biệt, ở Nhật Bản, giời bao giờ cũng là một khái niệm rất biến động. Này nhé, trước kia, ở đây, hoàng đế là giời, thế mà sau chiến tranh, Douglas Arthur ra lệnh cho ông ta thôi không làm giời, thế là ông ta tuân theo, đọc ngay một bài diễn văn tuyên bố mình chỉ là một người bình thường. Vậy sau 1946, ông ta không còn là giời nữa. Đấy, giời của Nhật Bản là thế đó: có thể vặn vẹo, điều chỉnh dễ dàng. Một tên tướng Mỹ ngậm một cái tẩu rẻ tiền vừa ra lệnh một cái là *a-lê-hấp* giời nghỉ là giời. Một quan niệm rất chi là hậu hiện đại. Nếu anh nghĩ có giời thì là có giời. Nếu anh nghĩ không thì là không. Và nếu giời là thế thì có gì phải lo?"

"Thôi được..."

"Vậy cậu chịu mang phiến đá ra chứ? Ta sẽ chịu trách nhiệm

hoàn toàn. Tuy ta không phải là trời hay phật, nhưng ta cũng có một số quan hệ. Ta sẽ bảo đảm để cậu không bị thánh vật."

"Ông chắc chứ?"

"Ta đã nói là giữ lời."

Hoshino đưa tay ra nhấc phiến đá một cách hết sức thận trọng như thể đó là một quả mìn sát thương vậy. "Nặng ra trò."

"Đây đâu phải đậu phụ. Đá thì phải nặng chứ."

"Nhưng ngay cả đối với đá, thế này vẫn là nặng," Hoshino nói. "Vậy ông muốn tôi làm gì với nó?"

"Mang nó về nhà và đặt cạnh giường, sau đó sự việc phải đến sẽ đến."

"Bác muốn tôi mang nó về nhà trọ?"

"Cậu có thể đi taxi nếu nó nặng quá," Đại tá Sanders đáp.

"Vâng, nhưng mang nó đi quá xa như vậy có được không?"

"Nghe này, mọi sự vật đều luôn vận động. Trái đất, thời gian, các khái niệm, tình yêu, cuộc đời, lòng tin, cái ác... tất cả đều vận động và chuyển đổi, không giữ nguyên một hình thái hay ở nguyên một chỗ mãi mãi. Cả vũ trụ giống như một dịch vụ bưu điện khổng lồ vậy."

"Hừm."

"Phiến đá này tạm thời ở đây dưới dạng đá. Di chuyển nó sẽ không thay đổi gì cả."

"Thôi được, nhưng phiến đá này có gì đặc biệt thế? Nom nó chẳng có vẻ gì là khác thường."

"Bản thân nó chẳng có nghĩa gì. Hoàn cảnh đòi hỏi sự tham gia của một vật nào đó và vào thời điểm cụ thể này, vật đó ngẫu nhiên là phiến đá này. Anton Chekhov đã diễn đạt ý này rất hay khi ông nói: "*Nếu một khẩu súng lục xuất hiện trong một câu chuyện, cuối cùng nó tất phải nhả đạn.*" Cậu có hiểu thế nghĩa là gì không?"

"Không."

Đại tá Sanders thở dài. "Ta cũng chắc thế, nhưng ta cứ phải hỏi cho lịch sự."

"Đa tạ."

"Điều Chekhov muốn nói là: sự cần thiết là một khái niệm độc lập. Nó có cấu trúc khác với lô-gích, đạo lý hay ý nghĩa. Chức năng của nó hoàn toàn nằm trong vai trò nó đóng. Cái gì không có vai trò gì thì không cần tồn tại. Nghệ thuật soạn kịch là thế. Nó chẳng cần đến lô-gích, đạo lý hay ý nghĩa. Tất cả chỉ là vấn đề tương quan. Chekhov hiểu rất tường tận nghệ thuật soạn kịch."

"Chao... ông nói cao siêu quá, tôi chả hiểu gì cả."

“Phiến đá cậu đang mang là cây súng lục của Chekhov. Nó sẽ phải được dùng để bắn. Theo nghĩa đó, nó là một vật quan trọng. Nhưng nó chẳng có gì là thiêng liêng hay thần thánh cả. Cho nên cậu đừng lo bị thánh vật.”

Hoshino cau mày. Phiến đá này là một khẩu súng lục ư?”

“Theo nghĩa ẩn dụ thôi. Đừng lo, không có đạn gì trong đó đâu.” Đại tá Sanders rút trong túi ra một tấm vải rộng, đưa cho Hoshino. “Bọc nó vào, tốt nhất là đừng để cho mọi người trông thấy.”

“Tôi đã bảo bác thế này là ăn trộm mà!”

“Cậu điếc à? Đây không phải là ăn trộm. Chúng ta cần nó cho một việc quan trọng, cho nên chúng ta chỉ mượn tạm trong một thời gian thôi.”

“Thôi được, thôi được. Tôi nghe ra rồi. Theo quy tắc của nghệ thuật soạn kịch, chúng ta đang di chuyển vật chất do sự cần thiết.”

“Chính xác,” Đại tá Sanders gật đầu nói. “Thấy không, quả là cậu đã hiểu những điều ta nói.”

Bê phiến đá bọc trong tấm vải màu xanh nước biển, Hoshino lộn lại theo con đường nhỏ, ra khỏi cánh rừng. Đại tá Sanders cầm đèn pin soi đường cho gã. Phiến đá nặng hơn nhiều so với vẻ bề ngoài của nó và Hoshino phải dừng lại mấy lần để lấy hơi. Họ nhanh chóng đi tắt qua mặt sân được chiếu sáng của miếu đường để khỏi bị trông thấy, rồi ra đến một phố chính. Đại tá Sanders gọi một chiếc taxi và chờ cho Hoshino vào xe cùng với phiến đá.

“Vậy là tôi phải đặt nó cạnh gối hả?” Hoshino hỏi.

“Phải,” Đại tá Sanders nói. “Cậu chỉ cần làm thế thôi. Đừng làm gì khác cả. Điều chủ yếu là có được nó ở đấy.”

“Tôi phải cảm ơn ông đã chỉ chỗ phiến đá cho tôi.”

Đại tá Sanders cười toét miệng. “Không cần phải cảm ơn, ta chỉ làm việc của mình thôi. Chỉ là hoàn tất sứ mạng của mình. Nhưng này... con bé thế nào, Hoshino?”

“Tuyệt.”

“Ta hài lòng nghe cậu nói thế.”

“Con bé ấy là thật đấy chứ? Không phải là ma cáo hay một cái gì trừu tượng hay đại loại thế chứ?”

“Không phải ma, không phải trừu tượng. Mà là một cỗ máy tình dục đích thực. Cơn dâm dục chính hiệu hóa thân thành xe địa hình. Không dễ gì tìm được đứa như nó đâu. Yên trí đi.”

“Úi chà!” Hoshino thở hắt ra.

Khi Hoshino đặt phiến đá bọc trong tấm vải xuống cạnh gối Nakata thì đã hơn một giờ sáng. Gã nghĩ đặt nó cạnh gối Nakata thay vì gối của

chính mình sẽ có thể giảm thiểu nguy cơ bị thánh vật. Như gã đã đoán, Nakata vẫn ngủ như một khúc gỗ. Hoshino cởi tấm khăn bọc cho phiến đã lộ ra. Gã thay đồ ngủ, vào giường nằm và ngủ ngay lập tức, chìm vào một giấc mơ ngắn: một vị thần mặc quần đùi, đôi chân lông lá, chạy quanh một cánh đồng, vừa chạy vừa thổi sáo.

Năm giờ sáng hôm ấy, Nakata thức giấc và thấy phiến đá ngay cạnh gối mình.

Chương 31

Ngay sau một giờ chiều, tôi mang cà phê lên tầng hai. Như mọi khi, cửa phòng vẫn mở. Miss Saeki đứng cạnh cửa sổ nhìn ra ngoài, một tay đặt trên bậu cửa. Chìm đắm trong suy tư đến độ không biết là những ngón của bàn tay kia đang vân vê khuy áo. Lần này, trên bàn không có cả bút lẫn giấy viết. Tôi đặt tách cà phê lên bàn. Một lớp mây mỏng che phủ bầu trời và không thấy tiếng chim hót bên ngoài.

Cuối cùng, bà cũng nhận thấy sự có mặt của tôi, bứt khỏi dòng suy tưởng, rời cửa sổ, ngồi vào bàn và nhấp một ngụm cà phê. Bà ra hiệu cho tôi ngồi vào chiếc ghế hôm qua. Tôi ngồi xuống và nhìn bà đang nhấp từng ngụm cà phê bên kia bàn. Liệu bà có nhớ gì về chuyện xảy ra đêm hôm qua không? Tôi không cách chi biết được. Bà có vẻ như biết hết đồng thời lại như chẳng biết gì cả. Hình ảnh thân thể bà thoát y trở lại trong trí tôi và tôi nhớ lại cảm giác khi tiếp xúc với những bộ phận khác nhau của bà. Tôi thậm chí không dám chắc đó có phải là thân thể người đàn bà đang ngồi trước mặt tôi không. Tuy nhiên, lúc đó thì tôi chắc chắn một trăm phần trăm.

Bà mặc một chiếc áo sơ mi màu xanh nhạt mượt như lụa và một chiếc váy bo màu be, cổ đeo một chiếc vòng bạc mảnh rất sang. Những ngón tay thon thả của bà đan vào nhau trên mặt bàn, đẹp như một món đồ mỹ nghệ. "Vậy bây giờ cháu đã thích vùng này chưa?"

"Cô muốn nói Takamatsu?"

"Phải."

"Cháu không biết. Cháu chưa thăm được nhiều nơi trong thành phố, chỉ mới thấy vài thứ trên dọc đường đi. Nhà ga, một phòng tập thể dục công cộng, khách sạn cháu ở lúc đầu và tất nhiên là thư viện này... đại loại những nơi như thế."

"Cháu có thấy nó buồn chán không?"

Tôi lắc đầu. "Cháu chưa biết. Cháu chưa có thì giờ để buồn chán, vả chăng các thành phố đều na ná như nhau. Tại sao cô lại hỏi thế? Cô nghĩ đây là một thành phố buồn tẻ chăng?"

Bà khẽ nhún vai. "Hồi còn trẻ cô nghĩ thế. Cô cực kỳ muốn thoát khỏi nó. Rời bỏ nó và đến một nơi nào khác, ở đó một cái gì khác thường đang chờ mình, ở đó mình có thể tìm thấy những người thú vị hơn."

"Những người thú vị?"

Miss Saeki khẽ lắc đầu. "Dạo ấy cô còn trẻ," bà nói. "Cô đồ rằng hầu hết những người trẻ tuổi đều có những ý nghĩ như thế. Cháu có thế không?"

"Không, cháu không bao giờ cảm thấy rằng nếu mình đến một nơi nào khác, ở đó sẽ có cái gì đặc biệt đang chờ mình. Cháu chỉ muốn *hiện hữu* ở một nơi nào khác, đơn giản thế thôi. Bất cứ nơi nào trừ *nơi ấy*."

"*Nơi ấy?*"

"Là Nogata, quận Nakano. Nơi cháu sinh ra và lớn lên."

Nghe nhắc đến cái tên ấy, một cái gì vụt lóe lên trong mắt Miss Saeki. Ít nhất là tôi cũng có cảm giác như thế.

"Cháu chẳng mấy quan tâm đến chuyện mình đi đâu, miễn là rời khỏi nơi đó?" bà hỏi.

"Đúng vậy," tôi đáp. "Đi đâu không thành vấn đề. Cháu cần phải ra khỏi đó, bằng không cháu sẽ xong đời, cháu biết thế. Cho nên cháu mới bỏ nhà đi."

Bà nhìn xuống đôi bàn tay đặt trên bàn với một vẻ rất vô tư trong mắt. Rồi rất điềm đạm, bà nói, "Hồi hai mươi tuổi, khi cô rời nơi này, cô cũng nghĩ như cháu - mình phải đi, bằng không sẽ không sống nổi. Và cô tin chắc rằng cô sẽ không bao giờ thấy lại nơi này chừng nào cô còn sống. Cô không bao giờ tính chuyện trở lại, nhưng rồi một số sự việc xảy ra, thế là giờ cô lại ở đây. Như thể tất cả lại bắt đầu lại từ đầu vậy." Bà quay mặt đi nhìn ra ngoài cửa sổ.

Lớp mây che phủ bầu trời vẫn không đổi màu và không một gợn gió nào gọi là có. Tất cả im sững như phông cảnh trong một cuốn phim vậy.

"Trong cuộc đời, có lúc xảy ra những điều không thể tin được," bà nói.

"Cô muốn nói có thể cháu sẽ lại quay về điểm xuất phát?"

"Cô không biết. Cái đó còn tùy thuộc cháu, mà nếu điều đó có xảy ra thì cũng còn lâu. Nhưng cô nghĩ với một con người, nơi sinh ra cũng như nơi chết là rất quan trọng. Anh không thể chọn nơi ra đời, nhưng nơi chết thì anh có thể chọn... trong chừng mực nào đấy." Bà nói những lời này với một giọng bình thản, mắt đăm đăm nhìn qua cửa sổ như đang nói với một người nào ngoài đó. Chợt nhớ đến sự hiện diện của tôi, bà quay lại. "Cô tự hỏi tại sao cô lại tâm sự tất cả những điều đó với cháu."

"Vì cháu không phải là người vùng này và cô cháu mình khác xa nhau về tuổi tác."

"Cô cũng đồ là thế," bà nói.

Trong vòng hai mươi thậm chí là ba mươi giây, chúng tôi lặng thinh, mỗi người chìm đắm trong dòng suy nghĩ của riêng mình. Bà nhấc tách cà phê lên và nhấp một ngụm nữa.

Tôi quyết định nói thẳng ra. "Miss Saeki, cháu cũng có điều cần

tâm sự với cô."

Bà nhìn tôi và mỉm cười. "Cô thấy là cô cháu ta đang trao đổi những bí mật riêng tư."

"Về phần cháu thì không phải là một bí mật. Chỉ là một giả thuyết thôi."

"Một giả thuyết?"

"Vâng."

"Nghe hay đấy."

"Đó là hệ luận của những gì cô cháu mình đang trao đổi," tôi nói. "Ý cháu muốn hỏi có phải cô trở về thành phố này để chết?"

Như một vành trăng bạc lúc bình minh, một nụ cười thoáng hiện trên môi bà. "Có lẽ thế. Nhưng điều đó không quan trọn. Dù ta đến một nơi để sống hay để chết, những điều ta làm hằng ngày vẫn chẳng khác gì nhau."

"Cô có mong chết không?"

"Cô tự hỏi...," bà nói. "Chính cô cũng không biết."

"Sinh thời, cha cháu đã mong được chết."

"Cha cháu chết rồi ư?"

"Cách đây không lâu," tôi nói. "Thực ra là rất gần đây thôi."

"Tại sao cha cháu muốn chết?"

Tôi hít một hơi thật sâu. "Trong một thời gian dài, cháu không sao đoán được. Nhưng bây giờ thì cháu đã vỡ ra. Sau khi đến đây, rốt cuộc, cháu đã hiểu."

"Tại sao?"

"Cha cháu yêu cô nhưng không thể làm cách nào để khiến cô trở lại. Hoặc có thể là ngay từ đầu, ông đã không sao thực sự *chiếm hữu* được cô. Ông biết rõ điều đó và chính vì thế mà ông muốn chết. Và cũng vì thế mà ông muốn con trai ông - cũng là con trai *của cô* - giết ông. Nói cách khác, là *cháu* đây. Ông muốn cháu ngủ với cô và với cả chị cháu nữa. Đó là lời tiên tri của ông, lời nguyền của ông. Ông đã lập trình như vậy ngay trong nội tạng cháu."

Miss Saeki đặt tách cà phê xuống đĩa đánh cạch một cái. Bà nhìn thẳng vào tôi, nhưng bà không thực sự thấy tôi. Cái nhìn của bà đối với một khoảng chân không nào đó ở một nơi nào khác. "Cô có biết cha cháu không?"

Tôi lắc đầu. "Cháu đã nói với cô đây chỉ là một giả thuyết mà."

Bà đặt cả hai tay lên bàn, tay nọ chồng lên tay kia. Vẫn còn thấp thoáng một nét cười ở khóe môi. "Vậy trong giả thuyết này, cô là mẹ cháu?"

"Đúng thế," tôi nói. "Cô đã sống với cha cháu, sinh ra cháu và rồi

bỏ đi, để cháu lại. Vào cái mùa hè năm cháu vừa lên bốn."

"Vậy giả thuyết của cháu là thế?"

Tôi gật đầu.

"Đó là lý do khiến cháu hôm qua hỏi cô có con hay không?"

Tôi lại gật đầu.

"Cô đã nói với cháu rằng cô không thể trả lời câu hỏi đó. Rằng cô không thể nói đơn giản là có hoặc không."

"Cháu biết."

"Vậy giả thuyết của cháu chỉ là tự biện."

Tôi lại gật đầu. "Đúng thế."

"Vậy hãy nói cho cô nghe cha cháu chết như thế nào?"

"Ông ấy bị ám sát."

"Cháu không giết ông ấy đấy chứ?"

"Không, cháu không giết ông. Cháu có chứng cớ ngoại phạm."

"Nhưng cháu không chắc chắn hoàn toàn, phải không?"

Tôi lắc đầu. "Cháu không chắc chắn một trăm phần trăm."

Bà lại nhấc tách cà phê lên, nhấp một ngụm nhỏ như thể nó chẳng có vị gì. "Tại sao cha cháu lại trút lên đầu cháu một lời rủa nguyền như vậy?"

"Chắc ông muốn cháu tiếp nối ý chí của ông."

"Tức là thèm muốn cô?"

"Vâng," tôi nói.

Miss Saeki nhìn trân trân vào tách cà phê trong tay, rồi lại ngẩng lên.

"Vậy cháu có... thèm muốn cô không?"

Tôi gật đầu một cách dứt khoát.

Bà nhắm mắt lại. Tôi đăm đăm nhìn cặp mí mắtn hắm nghiền của bà hồi lâu, và qua đó, tôi có thể cảm nhận vùng bóng tối bà đang thấy. Những hình thù kỳ dị nổi lên trong đó, bồng bềnh rồi tan biến.

"Cuối cùng, bà mở mắt ra. "Cháu muốn nói trên giả thuyết đó?"

"Không, không chỉ trên giả thuyết. Cháu thèm muốn cô thật, vượt xa giới hạn của giả thuyết."

"Cháu muốn giao hợp với cô?"

Tôi gật đầu.

Bà him mắt lại như thể bị chói sáng. "Cháu đã bao giờ làm tình với một cô gái chưa?"

Tôi lại gật đầu. *Đêm qua... với cô ấy*, tôi nghĩ thầm. Nhưng tôi không thể nói thành tiếng. Bà tịnh không nhớ gì hết.

Một cái gì đó gần giống như tiếng thở dài thoát ra khỏi môi bà. "Kafka, cô biết cháu ý thức được điều này: cháu mới mười lăm mà cô thì đã ngoài năm mươi."

"Vấn đề không đơn giản như thế. Ở đây ta không bàn trên bình diện thời gian ấy. Cháu biết một Miss Saeki ở tuổi mười lăm. Và cháu yêu cô ở độ tuổiấy. Người thiếu nữ ấy hiện vẫn ở trong cô, vẫn ngủ trong cô. Tuy nhiên, khi cô ngủ thì nàng thức dậy và cháu đã thấy điều đó."

Bà nhắm mắt lại một lần nữa, mí mắt nhè nhẹ rung.

"Cháu yêu cô, và đối với cháu, đó là điều quan trọng. Cháu nghĩ cô hiểu điều đó."

Như một người từ đáy biển ngoi lên mặt nước, bà hít một hơi thật sâu. Bà cố tìm lời để diễn đạt mà không ra.

"Cô xin lỗi, Kafka, cháu có thể để cô một mình một lúc được không? cuối cùng, bà nói. "Và khi ra nhớ đóng cửa lại giùm cô."

Tôi gật đầu, đứng dậy đi ra, nhưng một cái gì kéo tôi lại. Tôi dừng lại ở cửa, quay lại, bước tới chỗ bà. Tôi đưa tay vuốt tóc bà. Qua những mớ tóc, tay tôi chạm vào vành tai nhỏ nhắn của bà. Tôi không thể ngăn mình lại.

Miss Saeki ngạc nhiên ngước lên và sau một thoáng lưỡng lự, đặt tay lên tay tôi. "Dù sao chăng nữa, cháu và cái giả thuyết của cháu đã nhắm trúng một mục tiêu xa hơn cháu tưởng nhiều. Cháu có biết thế không?"

Tôi gật đầu. "Cháu biết. Nhưng khoảng cách có thể rút ngắn bằng ẩn dụ."

"Chúng ta không phải là ẩn dụ."

"Cháu biết," tôi nói. "Nhưng ẩn dụ giúp loại bỏ những gì ngăn cách cô với cháu."

Bà thoáng mỉm cười, ngước nhìn tôi. "Đó là lời tán tỉnh kỳ lạ nhất cô từng nghe thấy đấy."

"Có biết bao điều kỳ lạ đang diễn ra, nhưng cháu cảm thấy mình đang từ từ đến gần chân lý hơn."

"*Thực s*ự đến gần một chân lý ẩn dụ, hay đến gần một chân lý đích thực theo nghĩa ẩ*n d*ụ? Hay có thể hai đằng bổ sung cho nhau?"

"Đằng nào thì cháu cũng không chịu nổi nỗi buồn cháu đang cảm thấy lúc này đây," tôi nói với bà.

"Cô cũng cảm thấy như cháu."

"Vậy cô trở về đây để chết?"

Bà lắc đầu. "Nói thật tình, cô không tìm đến cái chết. Cô chỉ chờ nó đến thôi. Như kiểu ngồi trên một chiếc ghế băng ở ga, chờ tàu đến

vậy."

"Thế cô có biết bao giờ thì tàu đến không?"

Bà cất tay khỏi tay tôi và áp những đầu ngón tay lên mí mắt. "Kafka, cô đã sống đền mòn xơ đời mình, mòn xơ bản thân mình. Đến một độ nào đó, lẽ ra cô đã nên ngừng sống, nhưng cô đã không làm thế. Cô biết đời mình đã hết ý nghĩa mà vẫn không thể từ bỏ nó. Thành thử cô đâm lần lữa, phí phạm thời gian vào những việc vô ích, kết quả là làm tổn thương bản thân mình và những người xung quanh. Vì thế giờ đây, cô đang bị trừng phạt, tựa như chịu một lời rủa nguyền vậy. Cô đã từng có một cái gì đó quá trọn vẹn, quá hoàn hảo, thế rồi sau đó, cô chỉ có thể tự khinh bỉ mình mà thôi. Đó là sự rủa nguyền mà cô không bao giờ thoát được. Cho nên cô chẳng sợ chết. Và để trả lời câu hỏi của cháu - có, cô biết khá rõ khi nào thì tàu đến."

Một lần nữa, tôi lại cầm lấy tay bà. Bàn cân đang chòng chành, chỉ một trọng lượng tí xíu cũng đủ để làm nó nghiêng về bên này hay bên kia. Tôi cần phải suy nghĩ. Tôi cần phải quyết định. Tôi cần tiến một bước. "Miss Saeki, liệu cô có bằng lòng ngủ với cháu không?" tôi hỏi.

"Ngay cả nếu theo giả thuyết của cháu, cô là mẹ cháu ư?"

"Cháu có cảm giác như tất cả xung quanh cháu đều trôi chảy triền miên... như thể tất cả đều có hai nghĩa."

Bà ngẫm nghĩ một lúc về điều tôi vừa nói. "Nhưng với cô, có lẽ không phải như thế. Với cô, có lẽ sự vật không mang sắc thải nửa vời như thế. Nó dứt khoát hơn: hoặc là tất cả, hoặc là không có gì."

"Và cô biết đó là *tất cả* hay *không có gì*?"

Bà gật đầu.

"Cháu có thể hỏi cô một câu được không?"

"Về cái gì?"

"Cô kiếm đâu ra hai hợp âm đó?"

"*Hợp âm?*"

"Hai hợp âm trong điệp khúc bài *Kafka bên bờ biển* ấy."

Bà nhìn tôi. "Cháu thích những hợp âm ấy à?"

Tôi gật đầu.

"Cô tìm thấy những hợp âm ấy trong một căn phòng cũ, rất xa đây. Cửa phòng lúc ấy để mở," bà nói nhỏ nhẹ. "Một căn phòng rất rất xa."

Bà nhắm mắt lại, đắm mình trong kỷ niệm. "Kafka, đóng cửa lại khi cháu đi ra nhé," bà nói.

Và tôi làm đúng như vậy.

Sau khi chúng tôi đóng cửa thư viện nghỉ đêm, Oshima lái xe đưa tôi đến một nhà hàng hải sản cách thư viện một quãng xa. Qua một cửa sổ rộng của nhà hàng, tôi có thể thấy biển đêm và tôi nghĩ về những sinh vật sống dưới đó.

"Thỉnh thoảng chúng mình cũng phải ra ngoài kiếm chút gì ăn cho ngon miệng," anh bảo tôi. "Thư giãn đi. Mình không nghĩ là cảnh sát canh chừng thư viện đâu. Cả hai chúng ta đều cần phải thay đổi cảnh trí một tí."

Chúng tôi ăn một đĩa xa-lát to tướng rồi gọi một suất paella[28] chia đôi.

"Mình rất thích một ngày nào đó được sang Tây Ban Nha," Oshima nói.

"Tại sao lại Tây Ban Nha?"

"Để tham gia cuộc nội chiến Tây Ban Nha."

"Nhưng nó đã kết thúc từ lâu rồi mà."

"Mình biết chứ. Lorca thì chết, còn Hemingway sống sót," Oshima nói. "Nhưng mình vẫn có quyền muốn sang Tây Ban Nha tham gia cuộc chiến đó."

"Theo nghĩa ẩn dụ?"

"Tất nhiên," anh nói, nhăn nhó nhìn tôi. "Một kẻ giới tính không xác định mắc chứng máu không đông hầu như chưa bao giờ đặt chân ra ngoài vùng Shikoku làm sao có thể thực sự đi chiến đấu ở Tây Ban Nha."

Chúng tôi đả món paella đầy tú ụ, chiêu bằng nước khoáng Perrier.

"Vụ án cha em có diễn biến gì mới không?"

"Không có gì thực sự đáng kể. Trừ một cáo phó não nùng ở trang nghệ thuật, các báo chẳng đưa tin gì nhiều về vụ này. Chắc là cuộc điều tra bị bế tắc. Điều đáng buồn là những ngày này, tỉ lệ bắt giữ tội phạm liên tục đi xuống hệt như thị trường chứng khoán. Mình muốn nói là cảnh sát thậm chí không dò ra tung tích của cậu con trai đã biến mất tăm."

"Một thiếu niên mười lăm tuổi."

"Mười lăm tuổi và những triệu chứng bạo hành," Oshima bổ sung. "Chú bé bỏ nhà mang đầy ám ảnh."

"Còn sự kiện mưa cá thì sao?"

Oshima lắc đầu. "Họ tạm ngừng điều tra vụ này. Không có vật lạ nào khác từ trên trời rơi xuống, ngoại trừ cú sét đáng xếp vào *Kỷ lục Guiness* cách đây hai ngày."

"Vậy là tình hình đã lắng xuống?"

"Có vẻ thế. Hoặc giả ta đang ở giữa mắt bão."

Tôi gật đầu, nhặt một con ngao lên, dùng dĩa khều ruột ra rồi vứt vỏ vào một chiếc đĩa đựng vỏ.

"Cậu vẫn đang yêu?"

Tôi gật. "Còn anh?"

"Cậu muốn nói là mình có đang yêu không à?"

Tôi lại gật.

"Nói cách khác, cậu đang cả gan tọc mạch hỏi về bản tình ca phản xã hội điểm tô cho đời sống riêng tư của kẻ đồng giới tínhphải dục, ái nam ái nữ là tôi đây?"

Tôi gật và anh cũng gật theo.

"Phải, mình có một bạn tình," anh thừa nhận (anh ăn một con ngao với vẻ mặt nghiêm túc). "Đó không phải là loại tình yêu bão tố, say đắm như trong các vở nhạc kịch của Puccini. Bọn mình giữ một khoảng cách thận trọng vớinhau, không năng gặp nhau lắm, nhưng về cơ bản, bọn mình hiểu nhau sâu sắc."

"Hiểu nhau?"

"Khi sáng tác nhạc, bao giờ Haydn cũng ăn mặc rất chỉnh tề, thậm chí đeo cả tóc giả rắc bột."

Tôi ngạc nhiên nhìn anh. "Haydn thì có liên quan gì đến chuyện này?"

"Ông không thể sáng tác hay nếu không ăn mặc như thế?"

"Tại sao?"

"Mình không biết. Đó là chuyện riêng tư giữa Haydn và bộ tóc giả của ông. Không ai khác hiểu được. Mình nghĩ chuyện đó là bất khả giải thích."

Tôi gật đầu. "Những lúc một mình, anh có thi thoảng nghĩ đến người bạn tình và cảm thấy buồn không?"

"Dĩ nhiên," anh nói. "Điều đó thi thoảng xảy ra. Khi ánh trăng chuyển qua màu xanh, khi chim chóc bay về phương Nam, khi..."

"Tại sao lại *dĩ nhiên*?" tôi hỏi.

"Bất kỳ ai đang yêu đều tìm cái phần thiếu hụt của bản ngã mình. Cho nên họ cảm thấy buồn khi nghĩ đến người mình yêu. Giống như khi ta bước vào một căn phòng đầy kỷ niệm thân thương mà đã bao lâu ta không trở lại. Đó là một tình cảm rất tự nhiên. Cậu không phải là người phát hiện ra tình cảm ấy, vậy nên đừng có tìm cách giành bằng phát minh ra nó, hiểu không?"

Tôi đặt dĩa xuống và ngước lên.

"Một căn phòng cũ thân thương, xa xưa?"

"Đúng," Oshima nói, giơ thẳng chiếc dĩa như để nhấn mạnh. "Dĩ nhiên đó chỉ là ẩn dụ."

Đêm ấy, Miss Saeki đến phòng tôi sau chín giờ. Tôi đang ngồi ở bàn đọc một cuốn sách thì nghe thấy tiếng chiếc Golf của bà vào bãi đậu xe. Cửa đóng lại đánh sầm. Tiếng giày đế cao su chậm rãi bước lạo xạo qua bãi đậu xe. Và cuối cùng, một tiếng gõ lên cửa phòng tôi. Tôi mở cửa và thấy bà đứng đó. Lần này, rành là bà thức. Bà mặc một chiếc áo sơ mi lụa sọc hồng, quần jeans mỏng màu xanh lơ, đi giày tennis trắng. Trước đây, tôi chưa từng thấy bà mặc quần tây bao giờ.

"Lâu lắm cô chưa trở lại căn phòng này," bà nói. Bà đứng cạnh tường và nhìn bức tranh. "Cả bức tranh này nữa."

"Cảnh trong tranh có ở gần đây không?"

"Cháu có thích bức tranh này không?"

Tôi gật đầu. "Ai vẽ vậy cô?"

"Một họa sĩ trẻ tạm trú ở nhà Komura mùa hè năm ấy," bà nói. "Hồi ấy, ông ta chưa nổi tiếng lắm. Cô quên mất tên ông ta. Nhưng ông ta là người rất thân thiện và theo cô, đây là một bức tranh đẹp. Nó có một cái gì... cô không biết nói thế nào... một cái gì đầy cường lực. Cô ngồi cạnh ông ta suốt, xem ông làm việc. Cô đưa ra hàng lô gợi ý nửa đùa nửa thật trong khi ông vẽ. Hai người bọn cô rất hợp nhau. Đó là vào mùa hè cách đây lâu lắm rồi. Hồi ấy, cô mới mười hai. Cậu bé trong tranh cũng mười hai."

"Trông giống như biển ở vùng này."

"Ta đi dạo một vòng đi," bà nói. "Cô sẽ dẫn cháu đến đó."

Tôi đi với bà đến bờ biển. Chúng tôi xuyên qua một rừng thông và xuống một bãi cát. Mây hé ra và một vầng trăng bán nguyệt chiếu lấp lánh trên sóng. Những con sóng nhỏ chỉ hơi chạm vào bờ đã vỡ ra. Bà ngồi xuống bãi cát và tôi cũng ngồi xuống cạnh bà. Cát vẫn còn âm ấm.

Đưa tay lên như để kiểm tra góc nhìn, bà chỉ một chỗ trên bờ biển. "Chính xác ở chỗ kia kìa," bà nói. "Ông ấy ngồi dây vẽ. Ông đặt một chiếc ghế bố ở đằng kia để cậu bé ngồi mẫu và dựng giá vẽ ngay đây. Cô nhớ rất rõ. Cháu có nhận thấy vị trí của hòn đảo y hệt như trong tranh không?"

Tôi nhìn theo hướng bà chỉ. Vị trí hòn đảo thì quả đúng như vậy, nhưng, cho dù tôi có nhìn lâu đến mấy, phong cảnh này vẫn không giống trong tranh. Tôi nói với bà thế.

"Cảnh vật đã thay đổi hoàn toàn," Miss Saeki đáp. "Xét cho cùng, đã bốn mươi năm rồi còn gì. Vật đổi sao dời mà. Biết bao nhiêu thứ tác động đến bờ biển - sóng, gió, bão. Cát bị cuốn đi hay lấn vào. Nhưng dứt khoát là chỗ này đấy. Cô nhớ rất rõ, dạo ấy vào mùa hè.

Cũng là thời điểm cô thấy kinh lần đầu."

Chúng tôi ngồi đó ngắm cảnh. Mây thay hình đổi dạng và ánh trăng vỡ ra lốm đốm mặt biển. Gió thổi qua rừng thông, nghe như cả đám người quét đất cùng một lúc. Tôi vốc cát, để cho chảy qua kẽ tay. Nó rơi xuống và, giống như thời gian trôi qua, lại hòa làm một với bãi cát bên dưới. Tôi lặp đi lặp lại trò chơi đó.

"Cháu đang nghĩ đến cái gì?" Miss Saeki nói.

"Đến chuyện đi Tây Ban Nha," tôi đáp.

"Cháu sẽ làm gì ở bên đó?"

"Ăn một chầu paella thật khoái khẩu."

"Thế thôi ư?"

"Và tham gia cuộc nội chiến Tây Ban Nha."

"Cuộc chiến đó đã chấm dứt cách đây sáu mươi năm rồi."

"Cháu biết," tôi nói. "Lorca chết và Hemingway sống sót."

"Nhưng cháu vẫn muốn tham gia?"

Tôi gật đầu. "Vâng. Giật mìn phá cầu và các thứ khác."

"Và yêu Ingrid Bergman?"

"Nhưng trong thực tại thì cháu đang ở Takamatsu. Và đang yêu cô."

"Thật không may."

Tôi quàng tay ôm vai bà.

Mày quàng tay ôm vai bà.

Bà dựa người vào mày. Và một quãng thời gian dài trôi qua.

"Cháu có biết cách đây lâu lắm, cô đã làm đúng như thế này?"

"Cháu biết," mày nói với bà vậy.

"Làm sao cháu biết được?"

"Khi đó cháu ở đây mà?"

"Giật mìn phá cầu?"

"Vâng, cháu đã ở đây - giật mìn phá cầu."

"Một cách ẩn dụ?"

"Cố nhiên."

Mày ôm bà trong tay, ghì sát nữa, hôn bà. Mày có thể cảm thấy rõ sức lực từ cơ thể bà.

"Cả hai chúng ta đang mơ, phải không? bà nói.

Phải, tất cả chúng ta đều đang mơ.

"Tại sao *anh* lại phải chết?"

"*Anh* không thể làm khác được," tôi đáp.

Mày cùng Miss Saeki đi xuôi bãi biển quay về thư viện. Mày tắt đèn trong phòng, kéo rèm và không nói thêm một lời, cả hai lên giường và làm tình. Khá giống cách làm tình đêm hôm trước. Nhưng với hai điểm khác biệt. Sau cuộc ân ái, bà bắt đầu khóc. Đó là một. Bà vùi mặt vào gối và lặng lẽ khóc. Mày không biết nên làm gì. Mày dịu dàng đặt một tay lên bờ vai trần của bà. Mày biết là mày nên nói một điều gì đó, nhưng mày chẳng nghĩ ra ý gì. Lời chữ đã chết hết trong vực thẳm thời gian, lặng lẽ chất đống dưới đáy tăm tối của một cái hồ-miệng-núi-lửa. Và lần này, khi bà rời khỏi thư viện, mày có thể nghe thấy tiếng động cơ của chiếc Golf. Đó là điểm khác biệt thứ hai. Bà khởi động máy, tắt đi một lúc như thể chợt nghĩ điều gì, rồi lại mở khoá công tắc và lái xe ra khỏi bãi đậu xe. Cái khoảng trống im lặng giữa hai lần khởi động ấy làm mày buồn, buồn ghê gớm. Như lớp sương mù trên biển, sự trống trải ấy len vào tim mày và lưu lại đó hồi lâu, rất lâu, để rồi cuối cùng, trở thành một bộ phận của chính mày.

Bà để lại một chiếc gối đẫm nước mắt. Mày đặt tay lên lần vải ướt và ngó nhìn bầu trời bên ngoài dần dần sáng. Đằng xa, một tiếng quạ kêu. Trái Đất vẫn tiếp tục quay chậm rãi. Nhưng bên kia những chi tiết ấy của thực tại, có những giấc mơ. Và mỗi người đều đang sống trong giấc mơ của mình.

Chương 32

Khi Nakata thức giấc vào lúc năm giờ sáng, lão nhìn thấy phiến đá lớn ngay cạnh gối mình. Hoshino vẫn đang ngủ vùi trên tấm nệm futon cạnh đó, miệng hơi hé, tóc rối bù, chiếc mũ Chunichi Dragons vứt lăn lóc bên mình. Bộ mặt ngủ say sưa của gã có một vẻ cương quyết như muốn nói: bất kể có chuyện gì cũng đừng đánh thức tôi.

Nakata không quá ngạc nhiên khi thấy phiến đá ở đó. Tâm trí lão thích ứng ngay với cái thực tại mới ấy, chấp nhận nó, không hề tự hỏi tại sao nó lại ở đấy. Suy nghĩ về nguyên nhân và hậu quả không bao giờ là điểm mạnh của lão.

Lão trịnh trọng ngồi xếp bằng bên tấm nệm, chăm chú nhìn ngắm phiến đá một hồi lâu. Cuối cùng, lão với tay ra chạm nhẹ vào nó như vuốt ve một con mèo đang ngủ. Thoạt đầu, rón rén, chỉ bằng đầu ngón tay, rồi khi thấy có vẻ an toàn, lão xòe cả bàn tay thận trọng xoa khắp bề mặt phiến đá. Suốt quãng thời gian đó lão đăm chiêu suy nghĩ – hay ít nhất cũng có vẻ như đang suy nghĩ. Như thể đang đọc một tấm bản đồ, lão sờ lần khắp các mặt và cạnh góc của phiến đá, ghi nhớ từng chỗ lồi lõm, từng vết rạn để có một cảm giác thật chuẩn xác về nó. Rồi đột nhiên, lão đưa tay lên xoa mái tóc húi cua, như thể tìm kiếm một tương quan giữa đầu mình với phiến đá ấy.

Cuối cùng, lão trút ra một tiếng tựa như thở dài, đứng dậy, mở cửa sổ và thò mặt ra ngoài. Từ đây, chỉ còn thể nhìn thấy mặt sau của ngôi nhà bên cạnh. Một ngôi nhà lầm than, bệ rạc. Cái loại nhà trong đó những con người bệ rạc sống lần lữa những ngày bệ rạc của mình, kiếm ăn bằng công việc bệ rạc của mình. Cái loại nhà thất sủng ta có thể gặp ở bất cứ thành phố nào, cái loại nhà mà Charles Dickens có thể dành cả chục trang để mô tả. Những đám mây trôi trên bầu trời giống như những mớ bụi đã vón cục từ một chiếc máy hút bụi mà từ lâu không ai cọ rửa nữa. Hoặc có thể những mâu thuẫn tạo nên bởi cuộc Cách mạng Công nghiệp thứ ba đã đông đặc lại dưới dạng đó để trôi trên trời. Bất kể thế nào thì cũng sắp mưa thôi. Nakata nhìn xuống và thấy một con mèo đen gầy giơ xương, đuôi ngỏng lên, đang rình mò trên bức tường hẹp giữa hai ngôi nhà. “Hôm nay, sẽ có sấm chớp đấy,” lão nói vọng ra. Nhưng con mèo có vẻ như không để tai nghe lão, thậm chí không buồn ngoảnh lại, chỉ tiếp tục uể oải bước rồi biến mất trong bóng râm của ngôi nhà.

Nakata đi xuôi hành lang, tay cầm chiếc túi nhựa đựng đồ dùng vệ sinh, đến phòng tắm công cộng. Lão rửa mặt, đánh răng và cạo râu bằng một lưỡi dao an toàn. Lão nhẩn nha làm từng thao tác một. Lão nhẩn nha rửa mặt thật cẩn thận, nhẩn nha đánh răng thật cẩn

thận, nhẩn nha cạo mặt thật cẩn thận. Lão lấy kéo cắt lông mũi, chải lông mày, cọ tai. Lão thuộc loại người làm việc gì cũng nhẩn nha, nhưng sáng nay, thậm chí lão còn đủng đỉnh hơn mọi khi. Không có ai khác rửa mặt vào cái giờ sớm sủa này và còn khá lâu nữa mới đến giờ ăn sáng. Xem ra Hoshino chưa chắc đã dậy ngay được. Một mình chiếm lĩnh cả phòng tắm, Nakata soi gương, ung dung chuẩn bị đón ngày mới và mường tượng mặt mũi tất cả những con mèo trong cuốn sách lão đã xem tại thư viện hai hôm trước. Lão không đọc được nên không biết tên từng giống, loại, nhưng hình ảnh mỗi gương mặt mèo đều được in rõ nét trong trí nhớ của lão.

"Quả thật có vô số mèo trên thế giới, đó là cái chắc," lão vừa nghĩ thầm vừa ngoáy tai với một que đầu bọc bông mềm. Buổi đầu tiên trong đời đến thăm một thư viện đã khiến lão đau đớn hiểu ra rằng lão biết quá ít. Khối lượng những điều lão chưa biết về thế giới này thật mênh mông vô tận. Cái vô tận, theo định nghĩa, là không biên giới và chỉ nghĩ sơ sơ về nó đã khiến lão đau đầu. Lão bỏ dở, quay sang nghĩ về cuốn *Các giống mèo trên thế giới*. Giá có thể nói chuyện được với từng con mèo trong đó thì thú biết bao, lão nghĩ. Chắc hẳn trên thế giới có đủ các loại mèo với những cách nghĩ và cách nói chuyện khác nhau. Liệu mèo nước ngoài có nói tiếng nước ngoài không nhỉ? Lão tự hỏi. Nhưng đây lại là một đầu đề khó khác và lão lại bắt đầu nhức đầu.

Rửa ráy xong, lão vào toa-lét đi vệ sinh theo thông lệ hàng ngày. Việc này không mất nhiều thời gian như rửa mặt đánh răng. Xong xuôi, lão xách túi đồ vệ sinh về phòng. Hoshino vẫn ngủ ngon lành, y nguyên như khi lão bỏ gã nằm đó. Nakata nhặt chiếc áo sơ mi Hawai và chiếc quần jeans vứt dưới sàn lên, gấp lại gọn gàng và xếp cạnh tấm nệm futon của Hoshino. Lão đặt thêm chiếc mũ của đội bóng chày Chunichi Dragons lên trên cùng như để đặt tên cho một tập hợp những ý tưởng pha tạp. Lão cởi chiếc áo choàng tắm của khách sạn, mặc sơ mi và quần thường ngày của mình vào rồi xoa tay và hít một hơi thật sâu.

Lão lại ngồi xuống trước phiến đá, nhìn ngắm một hồi trước khi rụt rè đưa tay chạm vào nó. "Hôm nay, sẽ có sấm chớp đây," lão thông báo, không nhằm cụ thể vào ai. Có thể là lão nói với phiến đá cũng nên. Lão gật đầu hai cái như để chấm câu cho lời thông báo đó.

Cuối cùng, khi Hoshino thức dậy thì Nakata đang đứng cạnh cửa sổ, tập một bài thể dục thông thường. Lão vừa làm các động tác khớp với nhịp của điệu nhạc thể dục trên đài phát thanh vừa khẽ huýt sáo theo.

Hoshino liếc nhìn đồng hồ. Tám giờ hơn. Gã vươn cổ nhìn để yên trí rằng phiến đá vẫn nằm nguyên ở chỗ gã đã đặt nó. Trong ánh sáng ban ngày, trông nó xù xì và lớn hơn nhiều so với trong trí nhớ của gã. "Vậy rốt cuộc, không phải là mình nằm mơ," gã nói.

“Xin lỗi... cậu nói gì?” Nakata hỏi.

“Phiến đá,” Hoshino nói. “Nó thực sự ở đây. Không phải cháu nằm mơ.”

“Chúng ta đã có phiến đá,” vẫn đang đứng giữa chừng bài thể dục, Nakata khẳng định một cách dứt khoát như phát biểu một mệnh đề trung tâm nào đó của triết học Đức thế kỷ XIX.

“Tuy nhiên, làm sao *đưa được nó về đây*, lại là cả một câu chuyện dài đấy ông nội ạ.”

“Phải, Nakata này cũng nghĩ thế.”

“Dù sao đi nữa,” Hoshino nói, ngồi dậy và thở dài đánh thượt, “cái đó cũng chả thành vấn đề. Điều quan trọng là nó đã ở đây. Nói thế cho nhanh.”

“Chúng ta đã có phiến đá,” Nakata nhắc lại. Đó mới là điều quan trọng.

Hoshino định đáp lại nhưng đột nhiên, gã bỗng nhận ra là mình đang đói muốn chết. “Này ông nội, ta đi kiếm cái gì điểm tâm chứ?”

“Phải, Nakata này cũng đang đói mèm.”

Ăn sáng xong, Hoshino vừa uống trà vừa hỏi. “Thế bây giờ ông định làm gì với phiến đá?”

“Nakata này nên làm gì với nó?”

“Ông phải để cháu nghỉ lấy hơi tý đã chứ,” Hoshino lắc đầu nói. “Ông bảo cháu phải tìm cho ra phiến đá, vì thế đêm qua cháu đã cất công kiếm được nó. Bây giờ, ông lại tra tấn cháu với cái câu hỏi chết tiệt *nên làm gì với nó*?”

“Phải, cậu có lý. Nhưng nói thật tình, lão vẫn chưa biết mình phải làm gì với nó.”

“Rắc rối đấy.”

“Quả thật là rắc rối,” Nakata đáp, tuy nhiên vẻ mặt lão chẳng biểu lộ điều gì chứng tỏ lão cảm thấy “rắc rối”.

“Nếu ông bỏ thì giờ suy nghĩ, liệu ông có hình dung ra được điều cần làm không?”

“Lão nghĩ là được. Nakata làm gì cũng mất nhiều thời gian hơn mọi người khác.”

“Ô-kê nhưng nghe này ông nội.”

“Dạ, thưa cậu Hoshino.”

“Cháu không biết ai đặt tên cho nó, nhưng một khi đã gọi là phiến đá cửa vào thì chắc ngày xưa, nó đã từng là cửa dẫn vào một cái gì đó, phải không nào? Chắc phải có một truyền thuyết gì về nó chứ?”

“Phải, chắc thế.”

“Nhưng ông không biết đó là cửa vào đâu à?”

“Không, lão chưa biết. Trước đây, lão thường trò chuyện với mèo suốt, nhưng chưa bao giờ nói chuyện với đá.”

“Có vẻ như chả dễ gì.”

“Khác xa nói chuyện với mèo, đó là cái chắc.”

“Cơ mà lấy phiến đá đó ra khỏi một miếu thờ, liệu chúng ta có bị thánh vật không nhỉ? Điều đó thực sự khiến cháu áy náy đấy. Lấy được nó là một chuyện, nhưng bây giờ, một khi có nó trong tay, xử trí như thế nào với nó lại là cả một vấn đề hóc búa. Đại tá Sanders bảo cháu là sẽ không có chuyện thánh vật, nhưng cháu không thể tin lão ta hoàn toàn, ông hiểu ý cháu chứ?”

“Đại tá Sanders nào?”

“Có một lão già tên là thế. Cái tay trên các tấm quảng cáo Kentucky Fried Chicken ấy. Lão mặc một bộ com-lê trắng, để râu dê, đeo kính nhỏ xíu. Ông không biết à?”

“Xin lỗi, nhưng lão không quen quý ông ấy.”

“Ông không biết tập đoàn Kentucky Fried Chicken ư? Kể cũng lạ đấy. Mà thôi, chả quan trọng. Dù sao đi nữa, lão cũng chỉ là một khái niệm trừu tượng. Lão không phải là người, cũng chẳng là thần phật gì cả. Lão không có hình thù, nhưng vì phải mang một vẻ bề ngoài, nên lão chọn cái lốt Đại tá Sanders.”

Vẻ bối rối, Nakata đưa tay vò mái tóc muối tiêu. “Lão không hiểu.”

“Nói thực tình, cháu cũng chả hiểu, mặc dầu cháu nói chuyện huyên thuyên thế,” Hoshino thú nhận. “Không biết từ đâu, lão già kỳ quặc ấy tự dưng xuất hiện và ba hoa đủ thứ với cháu. Nói cho ngắn gọn, lão giúp cháu tìm ra phiến đá và cháu khuân nó về đây. Không phải cháu kể công để tranh thủ tình cảm của ông, nhưng cháu có thể nói với ông đó là một đêm dài gian truân. Điều cháu thực sự muốn làm ngay lúc này là bàn giao tất tật cả cho ông.”

“Lão xin nhận.”

“Mau lẹ đấy.”

“Cậu Hoshino?”

“Gì vậy?”

“Sắp sửa có rất nhiều sấm đấy. Ta hãy đợi đến lúc ấy.”

“Ông muốn nói là sấm sẽ tạo ra một cái gì giúp chúng ta xử trí với phiến đá?”

“Lão chưa biết chắc, nhưng lão đã bắt đầu cảm thấy như thế.”

“Sấm ư? Nghe có vẻ lặng lẽ thế này mà. Thôi được, ta sẽ chờ xem điều gì xảy ra.”

Khi trở về phòng Hoshino gieo mình nằm sấp trên tấm nệm futon và bật tivi. Chẳng có gì ngoài một mớ tiết mục tạp kỹ dành cho các bà nội trợ, nhưng vì không có cách nào khác để giết thì giờ nên gã vẫn cứ theo dõi, vừa xem vừa luôn mồm bình luận mọi thứ diễn ra trên màn hình.

Trong khi đó, Nakata ngồi trước phiến đá, mắt nhìn chăm chăm, tay sờ lần khắp mọi chỗ, miệng thỉnh thoảng lẩm bẩm điều gì mà Hoshino không nghe được. Gã chỉ đoán là có thể Nakata đang nói chuyện với phiến đá.

Khoảng hai giờ sau, Hoshino chạy ra một cửa hàng gần đấy mua về một bịch đầy sữa và bánh mì ngọt để hai ông con ăn trưa. Trong khi họ ăn, cô phục vụ đến dọn phòng, nhưng Hoshino bảo khỏi phiền, họ thấy thế này được rồi.

“Bác và anh không đi đâu ra ngoài?”

“Không,” gã đáp. “Chúng tôi có việc phải làm ở đây.”

“Bởi vì sắp sửa có sấm,” Nakata nói thêm.

“Sấm ư... ra thế” cô phục vụ nói, vẻ hoài nghi, trước khi rút lui. Coi bộ cô không muốn dính dáng gì với cái bộ đôi kỳ quặc này nữa.

Vào quãng trưa, sấm ì ầm ở đằng xa và như chỉ chờ hiệu lệnh ấy, mưa bắt đầu lắc rắc. Sấm không to lắm, chỉ như một chú lùn uể oải giậm chân lên mặt trống. Tuy nhiên, chẳng mấy chốc, những hạt mưa lớn dần để trở thành một trận hồng thủy thật sự, bao bọc thế giới trong một mùi ẩm ướt, ngột ngạt.

Khi sấm bắt đầu nổi, hai người bèn ngồi xuống đối diện nhau với phiến đá ở giữa, như kiểu những người da đỏ truyền tay nhau tẩu thuốc hòa bình. Nakata vẫn lẩm bẩm một mình, lúc xoa đầu, lúc xoa phiến đá. Hoshino rít một điếu Marlboro và quan sát.

“Cậu Hoshino?” Nakata nói.

“Gì vậy ông?”

“Cậu có vui lòng ở bên lão một lúc không?”

“Tất nhiên rồi. Mưa thế này, cháu còn đi đâu làm gì.”

“Có thể một điều kỳ lạ sắp diễn ra.”

“Ông có giỡn cháu không đấy?” Hoshino hỏi. “Mọi thứ vừa xảy ra đã đủ kỳ lạ rồi.”

“Cậu Hoshino?”

“Sao nữa?”

“Bỗng nhiên, lão tự hỏi – mình là cái gì nhỉ? Phải, Nakata này là cái gì?”

Hoshino ngẫm nghĩ. “Đó là một câu hỏi hóc búa. Hơi xa vời đấy. Cháu thậm chí cũng không biết mình là cái gì nữa, cho nên ông đừng

có hỏi cháu. Suy nghĩ không phải là thế mạnh của cháu, ông lạ gì. Nhưng cháu biết ông là người tốt, trung thực. Ông có chập cheng một tí, nhưng là người cháu tin cậy. Vì thế cháu mới đi suốt với ông đến tận Shikoku. Cháu cũng chả thông minh sáng láng gì, nhưng cháu biết nhìn người."

"Cậu Hoshino?"

"Gì nữa?"

"Lão không chỉ đần độn mà thôi. Nakata này còn *rỗng tuếch* nữa. Cuối cùng, lão đã nhận ra điều ấy. Nakata này giống như một cái thư viện chẳng có quyển sách nào vậy. Không phải bao giờ cũng thế: trước kia, đã từng có sách trong bụng lão. Một thời gian dài, lão quên mất, nhưng bây giờ lão đã nhớ ra. Lão đã từng bình thường như mọi người khác. Nhưng một sự việc đã xảy ra, khiến lão trở thành một thứ thùng rỗng chẳng có gì bên trong."

"Phải, nhưng nếu ông nhìn nhận theo cách ấy thì chúng ta ít nhiều đều rỗng cả. Ta ăn, ta ị, ta làm một công việc tồi tàn để kiếm đồng lương vét đĩa, thi thoảng *tẩn* bậy một phát nếu gặp dịp. Ngoài ra, còn có gì khác nữa? Tuy nhiên, cũng có những điều thú vị xảy đến trong đời – như với chúng ta bây giờ. Cháu cũng chẳng biết tại sao. Ông nội cháu dạo xưa thường nói sự vật chẳng bao giờ diễn ra như ta tưởng, nhưng chính như thế, cuộc đời mới lý thú và thế mới hợp lý. Nếu đội Chunichi Dragons trận nào cũng thắng thì ai còn thiết xem bóng chày làm gì?"

"Cậu yêu ông nội mình lắm phải không?"

"Vâng. Không có ông cháu thì chẳng biết đời cháu đã ra sao. Ông đã khiến cháu cảm thấy muốn gắng sức làm một cái gì đó cho nên người. Ông đã khiến cháu cảm thấy... Cháu không biết diễn đạt như thế nào... Cảm thấy mình được *gắn liền* với cuộc đời. Chính vì thế mà cháu bỏ cái băng mô-tô và gia nhập Lực lượng Tự vệ. Và cháu thoát khỏi rắc rối lúc nào không biết."

"Nhưng cậu Hoshino, cậu biết đấy, Nakata này *chẳng có* ai thân thích trên đời. Không gắn liền với bất cứ cái gì. Lão không biết đọc. Và cái bóng của lão teo lại chỉ còn một nửa."

"Ai chả có nhược điểm."

"Cậu Hoshino?"

"Dạ?"

"Nếu lão vẫn nguyên là con người bình thường như ban đầu thì hẳn lão đã có một cuộc đời khác hẳn. Giống như hai em trai của lão, hẳn lão đã vào đại học, làm việc ở một công ty nào đó, lấy vợ và có một gia đình hẳn hoi, lái một chiếc xe hơi cỡ bự, chơi golf vào những ngày nghỉ. Cơ mà lão lại không bình thường nên mới ra cái lão Nakata ngày nay. Đã quá muộn để làm lại từ đầu. Lão hiểu thế.

Nhưng lão vẫn muốn được là một Nakata *bình thường*, cho dù chỉ trong một thời gian ngắn. Cho đến nay, lão chưa bao giờ muốn làm một điều gì đặc biệt. Lão chỉ luôn luôn gắng sức làm những gì người ta bảo lão làm. Có thể, điều đó đã thành một thói quen. Nhưng bây giờ, lão muốn trở lại *bình thường*. Lão muốn là một Nakata với những ý tưởng riêng của mình, với một cuộc đời có ý nghĩa của riêng mình."

Hoshino thở dài. "Nếu ông muốn thế thì ông hãy làm đi. Cháu thì chả có tí khái niệm nào về một ông Nakata *bình thường* cả."

"Nakata này cũng thế."

"Cháu chỉ mong điều đó thành sự thật. Cháu sẽ cầu nguyện cho ông... cầu sao ông có thể trở lại bình thường."

"Trước khi lão trở lại là người bình thường, lão cần phải giải quyết một số chuyện."

"Chẳng hạn?"

"Chẳng hạn như Johnnie Walker."

"Johnnie Walker?" Hoshino nói. "Phải, ông đã nhắc đến cái tên này. Có phải thằng cha mang tên hãng rượu whisky không?"

"Phải. Lão đã đến đồn cảnh sát ngay và kể với họ về ông ta. Lão biết là lão phải báo cáo với ngài Tỉnh trưởng, nhưng họ không chịu nghe. Thành thử lão phải tìm một giải pháp của riêng mình. Lão phải lo cho xong chuyện này thì mới trở lại thành Nakata bình thường được. Nếu như có thể trở lại bình thường."

"Cháu không hiểu thật rõ những gì ông đang nói, nhưng cháu đoán ông cần phiến đá để làm điều ông cần làm."

"Đúng thế. Lão cần hồi phục nửa kia cho cái bóng của mình."

Lúc này, sấm đã trở nên đinh tai. Chớp nhằng nhằng trên trời, tiếp theo là sấm ùng oàng. Không khí rung chuyển và những ô kính lỏng lẻo kêu lanh canh. Khắp trời bịt bùng mây đen và trong nhà tối đến nỗi họ hầu như không nhìn rõ mặt nhau. Tuy nhiên, họ vẫn không bật điện. Họ vẫn ngồi nguyên như lúc trước, với phiến đá ở giữa. Mưa quất lồng lộn đến nỗi chỉ nhìn đã đủ nghẹt thở. Mỗi lần chớp lóe, căn phòng lại bừng sáng một thoáng. Hồi lâu, chẳng ai nói gì.

"Thôi được, nhưng tại sao ông lại dính dáng với cái phiến đá này, ông Nakata?" Hoshino tranh thủ lúc ngơi sấm, hỏi. "Tại sao lại là *ông*?"

"Bởi vì lão là kẻ đã *nhập* rồi lại *xuất*."

"Cháu không hiểu ông nói gì."

"Lão đã rời nơi đây một lần và đã quay trở lại. Điều đó xảy ra khi Nhật Bản đang trong một cuộc chiến lớn. Cái vung bật mở và lão thoát ra. Rồi ngẫu nhiên, lão trở lại. Vì thế nên lão không bình

thường và bóng lão chỉ còn một nửa. Nhưng bù lại, lão biết nói chuyện với mèo, mặc dù bây giờ không trôi chảy như trước nữa. Lão còn có thể làm cho các thứ rơi từ trên trời xuống."

"Như trận mưa đỉa bữa nọ?"

"Phải."

"Một cái tài độc nhất vô nhị, đó là cái chắc."

"Đúng, không phải ai cũng làm được thế."

"Và được thế là vì ông xuất rồi lại nhập? Cháu nghĩ ông *quả là* khác thường đấy."

"Sau khi trở lại, lão không còn bình thường nữa. Lão hết biết đọc. Và lão chưa bao giờ đụng đến một người đàn bà."

"Thật khó tin."

"Cậu Hoshino?"

"Sao?"

"Lão sợ. Như lão đã nói với cậu, bên trong lão hoàn toàn trống rỗng. Cậu có biết hoàn toàn rỗng nghĩa là thế nào không?"

Hoshino lắc đầu. "Cháu nghĩ là không."

"Nó giống như một cái nhà trống không. Một cái nhà không người ở, cửa không khóa. Bất kỳ ai cũng có thể vào bất kỳ lúc nào họ muốn. Đó là điều làm lão sợ nhất. Lão có thể khiến các thứ từ trên trời trút xuống, nhưng phần lớn thời gian, lão không biết nên trút thứ gì xuống tiếp theo. Giả dụ lần tới là một vạn con dao, hay một trái bom lớn, hay khí độc... Thì không biết lão phải làm gì... Lão có thể nói lời xin lỗi mọi người, nhưng ích gì..."

"Ông nói đúng," Hoshino nói. "Chỉ xin lỗi suông thì giải quyết được gì. Đỉa đã là xấu, nhưng những thứ kia còn tệ hại hơn."

"Johnnie Walker đã nhập vào Nakata này. Ông ta khiến lão làm những điều lão không muốn. Johnnie Walker sử dụng lão, nhưng lão không đủ sức chống lại. Bởi vì lão chẳng có gì bên trong cả."

"Vì thế nên ông mới mong muốn trở lại là một Nakata bình thường có tố chất bên trong mình?"

"Chính xác, lão chẳng thông minh sáng láng gì, nhưng trước đây, lão có thể đóng đồ gỗ và lão đã làm công việc đó ngày này qua ngày khác. Lão thích làm ra các đồ vật – bàn ghế, hòm tủ. Làm ra những đồ vật có hình dáng đẹp thật là thú vị. Trong những năm làm đồ gỗ ấy, lão không khi nào nghĩ đến chuyện muốn trở lại bình thường. Và không có ai trong số những người quen tìm cách nhập vào lão. Nakata không cảm thấy sợ bất cứ cái gì. Cơ mà sau khi gặp Johnnie Walker, lão thấy rất sợ."

"Vậy cái cha Johnnie Walker ấy đã khiến ông làm những gì sau

khi hắn nhập vào ông?"

Một tiếng ầm dữ dội xé trời, hẳn là sét đánh rất gần. Hoshino cảm thấy màng nhĩ nhoi nhói.

Nakata hơi nghiêng đầu sang một bên, thận trọng lắng nghe đồng thời chậm rãi xoa bề mặt phiến đá. "Ông ta đã khiến lão gây đổ máu."

Hoshino ngẫm nghĩ một lúc, vẻ bối rối. "Dù sao đi nữa, một khi ông mở phiến đá cửa vào, thì tất cả mọi thứ tự khắc sẽ đâu lại hoàn đó theo đúng trật tự tự nhiên, phải không? Như nước chảy từ chỗ cao xuống chỗ thấp?"

Đến lượt Nakata ngẫm nghĩ. "Có thể không đơn giản thế. Nhiệm vụ của Nakata này là tìm phiến đá cửa vào và mở nó. Còn sau đó điều gì xảy ra thì e rằng lão không biết."

"Thôi được, nhưng tại sao phiến đá lại ở Shikoku?"

"Phiến đá ở khắp nơi. Không chỉ ở Shikoku. Và không nhất thiết phải là một phiến đá."

"Cháu không hiểu... Nếu nó ở khắp nơi thì ông có thể làm mọi chuyện này tại nhà ở Nakano, tội gì phải mất bao thì giờ và công sức tới đây?"

Nakata đưa tay vò mái tóc húi cua. "Đó là một câu hỏi khó đấy. Lão đã lắng nghe phiến đá suốt từ nãy đến giờ, nhưng vẫn chưa hiểu rõ nó nói gì. Cơ mà lão nghĩ cả hai chúng ta phải tới đây. Chúng ta phải tìm qua một cái cầu lớn. Điều ấy không ứng ở Nakano."

"Cháu có thể hỏi một điều khác được không?"

"Được."

"Nếu ông mở phiến đá cửa vào tại đây, liệu có một điều gì kỳ diệu xảy ra không? Như là cái vị thần gì-gì-đó nhảy ra từ cây đèn của A-la-đanh? Hoặc một hoàng tử bị biến thành cóc sẽ ôm chầm lấy cháu mà hôn lên môi? Hoặc nữa những người sao hỏa sẽ xuất hiện và ăn thịt chúng ta?"

"Có thể sẽ có một điều gì xảy ra, mà cũng có thể là chẳng có gì. Lão chưa mở được nên lão chưa biết. Khi nào mở ra mới biết."

"Nhưng cũng có thể nguy hiểm, hả?"

"Phải, đúng thế."

"Chà!" Hoshino rút trong túi ra một điếu Marlboro và châm lửa hút. "Ông nội cháu luôn luôn bảo cháu: điểm yếu của cháu là cứ nhắm mắt đi theo những người lạ chẳng cần suy xét xem mình đang làm gì. Cháu nghĩ có lẽ bản chất cháu vốn thế. Như người ta thường nói: 'Trẻ con là cha người lớn'. Sao cũng được, giờ cháu cũng chả làm cách gì để thay đổi được. Cháu đã theo ông suốt và cất công tìm ra phiến đá, cho nên cháu không thể quay về nhà mà không thấy mọi sự

đến đầu đến đũa. Chúng ta biết là có thể nguy hiểm, nhưng thây kệ! Tại sao không mở nó ra xem điều gì sẽ xảy đến? Ít nhất, đó cũng sẽ là một câu chuyện li kỳ để kể cho cháu chắt nghe."

"Cậu Hoshino, Nakata này muốn nhờ cậu một việc."

"Việc gì?"

"Cậu có thể nhấc giùm phiến đá lên được không?"

"Không thành vấn đề."

"Nó nặng hơn nhiều so với lúc cậu mang về đấy."

"Cháu biết mình không phải là Schwarzenegger[29], nhưng cháu khỏe hơn nhiều so với vẻ bề ngoài đấy. Hồi ở Lực lượng Tự vệ, cháu đoạt giải nhì cuộc thi vật tay của đơn vị đấy. Hơn nữa, ông đã chữa cho cháu khỏi bệnh đau lưng, nên cháu phải ra tay để chứng tỏ mình chứ."

Hoshino đứng dậy, nắm lấy phiến đá bằng cả hai tay và ráng nhấc lên. Phiến đá không nhúc nhích. "Ông nói đúng, nó nặng hơn trước nhiều," gã nói, thở hắt ra. "Cách đây một lúc, nhấc nó lên chả là vấn đề gì. Bây giờ, nó như bị găm chặt xuống đất."

"Đây là phiến đá cửa vào nơi đầy giá trị nên không thể xê dịch dễ dàng được. Nếu *vậy* thì đã rắc rối rồi."

"Có lẽ thế."

Đúng lúc đó, mấy lằn chớp loằng ngoằng rạch trời và một loạt sấm làm rung chuyển đến tận lòng sâu trái đất. Như thể ai đó vừa mở nắp địa ngục vậy, Hoshino nghĩ. Một tiếng sấm cuối cùng nổ vang gần đấy và tiếp theo là một im lặng đột ngột, dày đặc đến tức thở. Không khí ẩm ướt và tù đọng, phảng phất một cái gì khả nghi, tựa hồ vô số cái tai đang rình rập trong không trung, nghe ngóng xem có dấu vết âm mưu gì. Hai người ngồi im sững, bao bọc trong bóng tối giữa ban ngày. Thình lình gió lại nổi, quất mưa vào cửa sổ. Sấm ùng oàng nhưng không dữ như trước. Tâm điểm cơn giông đã qua thành phố.

Hoshino ngước lên, đưa mắt nhìn khắp căn phòng. Mọi thứ dường như lạnh lẽo và xa vời lạ lùng, bốn bức tường trống trơn hơn trước. Mẩu thuốc lá Marlboro trong chiếc gạt tàn đã thành tro. Gã nuốt khan và cất tiếng để xua tan im lặng. "Ông Nakata này!"

"Gì vậy, cậu Hoshino?"

"Cháu cảm thấy như đang ở trong một cơn ác mộng."

"À, ít nhất thì chúng ta cũng cùng chung một cơn ác mộng."

"Ông nói phải, Hoshino nói và gãi tai, vẻ cam chịu. "Ông nói phải, củ cải cũng nghe, le le cũng gật, lật đật đi tìm, con chim bắt được... Ấy, cứ nói lăng nhăng thế mà cũng thấy đỡ."

Gã đứng dậy, thử nhấc phiến đá một lần nữa. Gã hít một hơi thật

sâu, nắm lấy nó, dồn hết sức lực vào đôi tay. Với một tiếng "hự", gã nhích được phiến đá đi vài phân.

"Cậu dịch nó đi được một tí rồi đấy," Nakata nói.

"Vậy là ta biết nó không bị găm xuống đất. Chắc cháu phải đẩy nó thêm nữa."

"Cậu cần phải lật sấp nó hoàn toàn."

"Như lật cái bánh xèo ấy à?"

Nakata gật đầu. "Phải. Bánh xèo là một món ưa thích của lão."

"Nghe mà sướng. Ở dưới âm phủ, họ cũng làm bánh xèo hả? Nào, để cháu thử một keo nữa. Cháu nghĩ là có thể lật được đấy."

Hoshino nhắm mắt lại, huy động toàn bộ sức lực, tập trung vào cú quyết định này. *Lần này là phải được!* gã tự nhủ. *Bây giờ hoặc không bao giờ!*

Gã bám thật chắc, thận trọng gì riết hai cạnh rồi hít một hơi dài, "dô huầy!" một tiếng và hấp một cái nhấc nó lên, giữ ở một góc bốn mươi lăm độ. Giới hạn sức lực của gã chỉ đến thế. Cách nào đó, gã đã có thể giữ phiến đá ở tư thế đó. Gã thở hồng hộc, cảm thấy đau khắp người, từng đốt xương, từng bắp thịt, từng thớ thần kinh đều kêu đau, nhưng gã vẫn không chịu bỏ cuộc. Gã hít một hơi dài nữa, thét lên một tiếng hò xung trận, nhưng gã không nghe thấy tiếng mình. Gã không biết mình đang nói gì. Mắt nhắm chặt, gã khơi được một nguồn sức mạnh mà gã không ngờ là mình vốn có, một sức mạnh vượt quá tầm của gã. Mặt gã trắng bệch vì thiếu ô-xy. Gã cảm thấy từng sợi thần kinh nối tiếp nhau đứt phựt như những cầu chì nổ. Gã không thể nhìn thấy hoặc nghe thấy gì, thậm chí không thể nghĩ. Gã ngạt thở. Tuy nhiên, từng tí một, gã vẫn nâng dần phiến đá lên và với một tiếng thét tối hậu, lật sấp được nó. Gã buông tay cho phiến đá tự úp xuống bằng chính trọng lượng của nó. Một tiếng thịch lớn làm rung chuyển cả căn phòng. Tưởng như toàn bộ ngôi nhà cũng chao đi.

Lực giật ngược đẩy Hoshino ngã vật ra sau. Gã nằm đó, quều quào, trên chiếc chiếu tatami, mặt ngửa lên hổn hển lấy hơi, đầu quánh đặc một thứ bùn nhão cứ xoáy lộn, xoáy lộn hoài. Chừng nào mình còn sống, gã nghĩ, chắc mình sẽ chẳng bao giờ nhấc một vật gì nặng như thế này nữa. (Tuy nhiên, sau này, hóa ra sự tiên đoán này lại là quá lạc quan).

"Cậu Hoshino?"

"C... c... cái gì?"

"Nhờ có cậu, cửa vào đã mở."

"Ông biết không, ông Nakata?"

"Chuyện gì vậy?"

Vẫn trong tư thế nằm ngửa, mắt nhắm nghiền, Hoshino hít một hơi thật dài, thật sâu nữa rồi thở hắt ra: "*May* mà nó đã mở. Bằng không, cháu đã uổng công hy sinh thân mình."

Chương 33

Tôi hoàn tất mọi công việc chuẩn bị để mở cửa thư viện trước khi Oshima đến. Hút bụi toàn bộ sàn nhà, lau chùi các cửa sổ và bàn ghế, cọ rửa phòng vệ sinh công cộng. Rẩy nước và lau bóng loáng tay vịn cầu thang. Phủi bụi thật kỹ tấm kính mờ ở chỗ chiếu nghỉ. Quét vườn, bật máy điều hòa nhiệt độ trong phòng đọc và máy hút ẩm trong kho sách. Pha cà phê, gọt bút chì. Không khí một thư viện vắng vẻ vào lúc sáng sớm có một cái gì đó làm tôi thực sự xúc động. Tất cả những lời hay ý đẹp con người có thể nghĩ ra đều ở đây, an tĩnh nghỉ ngơi. Tôi muốn làm những gì trong tầm khả năng của mình để bảo toàn nơi này, giữ cho nó ngăn nắp, gọn gàng. Thi thoảng tôi dừng lại ngắm tất cả những cuốn sách lặng lẽ nằm trên giá, với tay ra sờ vào gáy mấy cuốn. Như mọi khi, vào lúc mười rưỡi, chiếc Mazda Miata rồ máy vào bãi đậu và Oshima xuất hiện, coi bộ hơi buồn ngủ. Chúng tôi chuyện gẫu một lúc cho đến giờ mở cửa.

"Nếu có thể, em muốn ra ngoài một lúc," tôi nói với anh sau khi chúng tôi mở cửa.

"Đi đâu?"

"Em cần đến phòng thể dục công cộng tập luyện. Đã lâu, em bỏ bẵng không tập gì cả."

Đó không phải là lý do duy nhất. Buổi sáng, Miss Saeki đi làm muộn, và tôi không muốn chạm trán với bà. Tôi cần có thời gian để trấn tĩnh trước khi gặp lại bà.

Oshima nhìn tôi, im lặng một lát rồi gật đầu. "Dù sao cũng phải cảnh giác đấy. Tôi không muốn giám sát chặt cậu, nhưng ở hoàn cảnh của cậu, cẩn thận mấy cũng không thừa, hiểu không?"

"Anh khỏi lo, em sẽ cẩn thận," tôi bảo đảm với anh.

Ba lô ngoắc một bên vai, tôi lên tàu. Tới ga Takamatsu, tôi đáp xe buýt đến một câu lạc bộ thể hình. Tôi thay đồ trong phòng gửi quần áo, rồi bắt tay vào một loạt bài tập đa năng, cắm phích nghe Prince gào hết cỡ qua chiếc Walkman của tôi. Lâu không tập, cơ bắp tôi cưỡng lại, nhưng tôi có cách khắc phục. Đó là phản ứng bình thường của cơ thể - cơ bắp kêu rên phản đối gánh nặng gia tăng áp đặt lên nó. Vừa nghe bài *Little Red Corvette*, tôi vừa cố xoa dịu phản ứng đó, chế ngự nó. Tôi hít một hơi thật sâu, nín một lát rồi thở ra. Hít vào, nín, thở ra. Tôi dặn như thế, lặp đi lặp lại. Từng bước một, tôi đẩy các cơ bắp của mình đến cực hạn. Mồ hôi toát ra như tắm, ướt đẫm áo phông, mấy lần tôi phải ra thùng ướp lạnh uống nước.

Tôi thực hiện tất cả các bài tập bằng máy theo trình tự thông thường, mà chỉ nghĩ đến Miss Saeki. Đến cái đêm ân ái của chúng tôi.

Tôi cố dọn sạch đầu mình, xua đi mọi thứ, nhưng chẳng dễ dàng gì. Tôi tập trung vào các cơ bắp, miệt mài luyện theo thông lệ. Vẫn những máy ấy, vẫn những quả tạ ấy, vẫn số lượng bài tập như mọi khi. Lúc này, Prince đang hát *Sex Motherfucker*. Đầu dương vật vẫn còn hơi nhoi nhói đau khi tôi đi tiểu. Quy đầu đỏ hỏn. Chim tôi, với bao quy đầu tươi nõn, vẫn đầy sức trẻ và mẫn cảm. Những hoang tưởng tình dục cô đọng, cái giọng ngọt như mía lùi của Prince, những trích dẫn từ mọi loại sách - toàn bộ cái mớ hỗn độn ấy xoáy lộn trong óc tôi và đầu tôi như sắp nổ tung.

Tôi tắm vòi hoa sen, thay đồ lót mới và đáp xe buýt trở về ga. Đói mè, tôi chui vào một tiệm ăn, đánh một bữa nhanh gọn. Trong khi ăn, tôi nhận ra đây chính là nơi tôi đã ăn hôm đầu tiên đến Takamatsu. Ờ, mình đã ở đây bao nhiêu ngày rồi nhỉ? tôi tự hỏi. Tôi đã lưu trú tại thư viện khoảng một tuần, vậy là tôi đã tới Shikoku ba tuần trước.

Ăn xong, tôi vừa uống trà vừa nhìn đám người hối hả qua lại trước cửa ga. Tất cả đều nhằm đến một nơi nào đó. Nếu muốn, tôi cũng có thể hòa vào với họ. Đáp một chuyến tàu đến một nơi nào khác. Vứt bỏ tất cả lại đây, hướng tới một nơi nào tôi chưa từng đến bao giờ, bắt đầu lại từ đầu. Như thể giở sang một trang mới trong sổ tay. Tôi có thể đi Hiroshima, Fukuoka, bất cứ nơi nào. Chẳng có gì giữ tôi ở lại đây. Tôi hoàn toàn tự do. Tất cả những gì tôi cần để sống tạm đều ở trong ba lô: quần áo, đồ vệ sinh, túi ngủ. Tôi hầu như chưa đụng đến khoản tiền mặt lấy ở thư phòng cha tôi.

Nhưng tôi biết mình không thể đi đâu cả.

"Nhưng mày không thể đi đâu hết, mày biết rõ thế mà," cái thằng tên là Quạ nói.

Mày đã ngủ với Miss Saeki, xuất tinh trong bụng bà bao lần. Và bà đã thuận tình đón nhận. Chim mày vẫn còn nhoi nhói, nhớ cái cảm giác khi cắm ngập trong bà. Đích thị là một nơi dành cho mày. Mày nghĩ đến thư viện. Những cuốn sách lặng lẽ, bình yên trên các giá. Mày nghĩ đến Oshima. Căn phòng của mày. Bức Kafka bên bờ biển treo trên tường, cô gái mười lăm tuổi đăm đăm dán mắt vào bức tranh. Mày lắc đầu. Không cách chi mày rời được nơi này. Mày không tự do đâu. Nhưng tự do, đó có phải là điều mày thực lòng muốn không?

Trong nhà ga, tôi đi qua mặt những nhân viên tuần tra đang làm nhiệm vụ, nhưng họ chẳng buồn chú ý đến tôi. Nhà ga đầy những thiếu niên da rám nắng cỡ tuổi tôi, vai đeo ba lô. Thành thử tôi chỉ là một trong số đó hòa lẫn vào quang cảnh chung. Chẳng việc gì phải nơm nớp. Cứ đi lại hành động tự nhiên là chẳng ai để ý đến mình.

Tôi nhảy lên con tàu nhỏ hai toa và trở về thư viện.

"Về rồi đấy à," Oshima nói. Anh sửng sốt nhìn chiếc ba lô trên

lưng tôi. "Ủa, đi đâu cậu cũng tha cả đống hành lý như thế này à? Giống như nhân vật Charlie Brown trong truyện tranh đi đâu cũng mang chăn riêng theo[14]?

Tôi đun ít nước pha tách trà, uống. Như mọi khi, Oshima xoay xoay trong tay một trong những cây bút chì dài bao giờ cũng vót nhọn của anh. Chả biết khi chúng ngắn đi thì anh vứt chúng ở đâu?

"Cái ba lô này tựa như biểu tượng tự do của cậu," anh bình luận.

"Chắc thế," tôi nói.

"Có một vật tượng trưng cho tự do có thể khiến người ta sung sướng hơn là thực sự đạt được chính cái tự do ấy."

"Đôi khi," tôi nói.

"Đôi khi," anh nhắc lại. "Này, nếu có một cuộc thi trả lời ngắn gọn nhất thế giới, chắc cậu sẽ thắng, bỏ xa các đối thủ đấy."

"Có thể."

"Có thể," Oshima nói, vẻ như chán ngấy. "Kafka ạ, có thể hầu hết mọi người trên thế giới đều *không* cố gắng để được tự do. Họ chỉ đơn giản nghĩ rằng mình tự do. Ảo tưởng hoàn toàn. Nếu họ thực sự được tự do, phần lớn sẽ cảm thấy thực sự gò bó. Cậu nên nhớ kỹ điều đó. Thực ra người ta thích *không* tự do hơn."

"Kể cả anh?"

"Phải. Mình cũng thích mất tự do hơn. Đến một mức độ nào đó. Jean-Jacques Rousseau đã định nghĩa văn minh là khi người ta biết dựng hàng rào. Một quan sát rất là sâu sắc. Đúng thế, tất cả các nền văn minh đều là sản phẩm của việc hạn chế tự do bằng cách rào nó lại. Tuy nhiên, những thổ dân Úc lại là một ngoại lệ. Họ đã duy trì được một nền văn minh không có rào cản cho đến thế kỷ XVIII. Họ tự do triệt để. Họ muốn đi đâu, lúc nào thì đi, thích gì làm nấy. Cuộc đời họ là một cuộc hành trình theo nghĩa đen. Lang thang là một ẩn dụ hoàn hảo cho cuộc sống của họ. Khi người Anh đến dựng hàng rào để nhốt gia súc của họ, những người thổ dân không lường hết được. Và vì không hiểu mục đích của động thái này, họ bị coi là nguy hiểm và chống xã hội, do đó bị dồn về những vùng khỉ ho cò gáy. Cho nên mình muốn cậu nên cẩn thận. Những kẻ dựng hàng rào cao, chắc chắn là những kẻ tồn tại lâu nhất. Cậu phủ nhận thực tế đó thì chỉ chuốc lấy nguy cơ bị dồn về chốn hoang dã mà thôi."

Tôi trở về phòng mình, cất ba lô, rồi vào bếp pha cà phê mang lên phòng Miss Saeki. Hai tay bưng chiếc khay kim loại, tôi thận trọng bước từng bước lên những bậc cầu thang gỗ kêu cọt kẹt. Trên chiếu nghỉ, tôi bước qua một thứ cầu vồng lung linh sắc màu lọc qua tấm kính mờ.

Miss Saeki đang ngồi viết ở bàn giấy. Tôi đặt tách cà phê xuống và bà ngước lên, mời tôi ngồi vào chiếc ghế mọi khi. Hôm nay, bà mặc

một chiếc sơ mi màu cà phê sữa ra ngoài chiếc áo phông màu đen. Tóc bà kẹp sau gáy và tai đeo hoa tai bằng ngọc trai.

Hồi lâu, bà không nói gì. Bà đang xem lại những gì bà vừa mới viết. Vẻ mặt bà không có gì khác thường. Bà vặn nắp chiếc bút máy rồi đặt lên trên tập giấy viết. Bà xòe các ngón tay kiểm tra xem có bị dây mực không. Ánh nắng chiều Chủ nhật chiếu qua cửa sổ. Có tiếng người trò chuyện trong vườn.

"Oshima bảo cô là cháu đến phòng tập thể dục công cộng," bà nhìn tôi, nói.

"Đúng vậy," tôi nói.

"Cháu tập môn gì?"

"Cháu tập máy luyện cơ bắp và các loại tạ tự do," tôi đáp.

"Còn gì khác nữa không?"

Tôi lắc đầu.

"Có vẻ là một môn thể thao cô đơn, phải không?"

Tôi gật đầu.

"Cô đoán chắc cháu muốn khỏe hơn."

"Người ta cần phải khỏe để tồn tại. Nhất là trong hoàn cảnh của cháu."

"Vì cháu chỉ trơ trọi có một mình."

"Không ai giúp cháu. Ít nhất là cho đến bây giờ. Cho nên cháu phải tự lực cánh sinh. Cháu phải luyện cho mình khỏe hơn - như một con quạ lạc đàn. Vì thế cháu tự đặt tên mình là Kafka. Cô biết đấy, Kafka trong tiếng Tiệp nghĩa là quạ."

"Hừm," bà có vẻ thán phục. "Vậy cháu là Quạ cô đơn."

"Đúng thế."

Đúng thế, cái thằng tên Quạ nói.

"Tuy nhiên, ắt phải có một giới hạn cho kiểu sống ấy chứ," Miss Saeki nói. "Cháu không thể sử dụng sức mạnh ấy như một bức tường bảo vệ quanh mình. Bao giờ cũng có cái gì đó mạnh hơn có thể phá vỡ pháo đài của cháu. Ít ra là về nguyên lý mà nói."

"Bản thân sức mạnh trở thành đạo lý."

Miss Saeki mỉm cười. "Cháu nắm bắt nhanh đấy."

"Sức mạnh cháu tìm kiếm không phải là loại sức mạnh quyết định thắng thua. Cháu không muốn dựng một bức tường để đẩy lùi những cường lực ngoại lại. Điều cháu muốn là loại sức mạnh có khả năng *hấp th*ụ cái cường lực ngoại lai đó và chịu nổi nó. Loại sức mạnh cho phép ta bình thản chịu đựng sự đời - bất công, bất hạnh, lỗi lầm, buồn đau, hiểu lầm..."

"Đó là loại sức mạnh khó đạt được nhất."

"Cháu biết..."

Nụ cười của bà đậm nét thêm. "Cháu có vẻ biết đủ mọi thứ."

Tôi lắc đầu. "Không đúng. Cháu mới mười lăm tuổi, còn rất nhiều điều cháu chưa biết. Có nhưng điều lẽ ra cháu nên biết mà cháu lại mù tịt. Chẳng hạn, cháu chẳng biết tí gì về cô."

Bà cầm tách cà phê lên, nhấp một ngụm. "Về cô thì chẳng có gì cần biết đâu, cô chẳng có chuyện gì cháu cần biết cả."

"Cô có nhớ giả thuyết của cháu không?"

"Dĩ nhiên là có," bà nói. "Nhưng đó là giả thuyết *của cháu*, không phải của cô. Cho nên cô không chịu trách nhiệm về nó, phải không?"

"Đúng. Người nào đưa ra giả thuyết thì người ấy phải chứng minh nó," tôi nói. "Vì vậy cháu có một câu hỏi."

"Về cái gì?"

"Cô có kể với cháu là cô từng xuất bản một cuốn sách về những người bị sét đánh."

"Đúng."

"Hiện giờ còn kiếm được cuốn đó không?"

Bà lắc đầu. "Họ in với số lượng rất ít nên hết lâu rồi. Số còn lại chắc đã bị hủy. Bản thân cô cũng không có bản nào. Như cô đã nói bữa trước, chả mấy ai quan tâm."

"Tại sao cô lại quan tâm đến đề tài này?"

"Cô không dám chắc lắm. Cô đoán là nó có một cái gì tượng trưng. Hoặc có thể cô chỉ muốn có việc để làm nên tự đề ra một mục đích để chạy lăng xăng cho đầu óc mình bận rộn. Giờ cô không thể nhớ nổi động cơ ban đầu là như thế nào. Cô nảy ra ý tưởng và bắt đầu tìm kiếm tài liệu. Hồi ấy, cô đã là nhạc sĩ, không phải lo nghĩ về tiền nong và rất nhiều thì giờ rảnh, nên cô có thể làm bất cứ cái gì mình thích. Tuy nhiên, khi bập vào nó, bản thân đề tài đã làm cô say mê, Gặp gỡ đủ mọi loại người, nghe mọi thứ chuyện. Nếu không nhờ cái dự án dó, có lẽ cô đã rút xa hơn nữa khỏi thực tại và trở nên biệt lập hẳn với đời rồi."

"Hồi còn trẻ, cha cháu làm chân mang gậy, nhặt bóng ở một sân golf và đã bị sét đánh. Ông may mắn sống sót, còn người bị cùng với ông thì không qua khỏi."

"Nhiều người bị sét đánh chết ở các sân golf vì đó là những khoảng không lớn, rộng mở lại không có chỗ trú ẩn. Mà sét thì lại thích các câu lạc bộ golf. Cha cháu cũng mang họ Tamura chứ?"

"Vâng, và cháu nghĩ ông cũng trạc tuổi cô."

Bà lắc đầu. "Cô không nhớ ai mang họ Tamura cả. Cô không

phỏng vấn người nào mang họ ấy."

Tôi không nói gì.

"Đó là một phần trong giả thuyết của cháu, phải không? Rằng cha cháu và cô đã gặp nhau trong thời gian cô tìm tài liệu cho cuốn sách và kết quả là cháu ra đời?"

"Vâng."

"Vậy là ngã ngũ nhé, điều đó đã không hề xảy ra. Giả thuyết của cháu không đứng vững."

"Không nhất thiết là thế," tôi nói.

"Nghĩa là thế nào?"

"Bởi vì không phải bất cứ điều gì cô nói, cháu đều tin cả."

"Tại sao?"

"À, cô đã lập tức nói phắt là không hề phỏng vấn ai mang họ Tamura mà chẳng hề suy nghĩ lấy một giây. Hai mươi năm là một quãng thời gian dài và cô đã phỏng vấn rất nhiều người. Cháu nghĩ cô không thể nhớ lại nhanh đến thế là có hay không có người mang họ Tamura."

Bà lắc đầu và nhấp một ngụm cà phê nữa. Một nụ cười thoáng nở trên môi bà. "Kafka ạ, cô..." Bà dừng lại, tìm chữ cho chuẩn.

Tôi đợi bà tìm được lời chính xác.

"Cô có cảm giác mọi sự đang bắt đầu thay đổi xung quanh cô," bà nói.

"Thay đổi như thế nào ạ?"

"Cô thực sự không biết diễn đạt như thế nào, nhưng có một cái gì đó đang xảy ra. Áp suất không khí, những âm thanh cùng những vang vọng của chúng, những phản quang, vật thể chuyển động và thời gian trôi - tất cả đều đang biến đổi, từng tí một. Như thể mỗi thay đổi nhỏ là một giọt nước cứ không ngừng tích tụ dần thành một dòng chảy vậy." Bà cầm cây bút máy Mont Blanc lên nhìn một lúc, đặt về chỗ cũ, rồi nhìn thẳng vào tôi. "Điều xảy ra giữa chúng ta đêm qua trong phòng cháu có lẽ là một bộ phận của dòng chảy đó. Cô không biết điều chúng ta làm đêm qua là phải hay quấy nữa. Nhưng vào lúc ấy, cô đã quyết định không buộc mình phải phán định bất cứ cái gì. Nếu dòng chảy đó hiện hữu, có lẽ cô cứ để mặc cho nó cuốn mình đi đến đâu thì đến."

"Cháu có thể nói với cô cháu nghĩ gì không?"

"Nói thẳng ra đi."

"Cháu nghĩ cô đang cố bù đắp lại thời gian đã mất."

Bà ngẫm nghĩ một lúc. "Có thể cháu đúng," bà nói. "Nhưng làm sao cháu biết được điều đó?"

"Bởi vì cháu cũng đang làm như thế."

"Bù đắp lại thời gian đã mất?"

"Vâng," tôi nói. "Biết bao thứ đã bị đánh cắp đi khỏi tuổi htơ của cháu. Biết bao thứ quan trọng. Và bây giờ cháu phải giành lại."

"Để có thể tiếp tục sống?"

Tôi gật đầu. "Cháu cần phải làm thế. Con người ta cần có một nơi để trở về. Cháu nghĩ hãy còn thời gian để làm điều đó. Cho cháu, và cho cô nữa."

Bà nhắm mắt lại và chắp tay trên mặt bàn. Như thể cam phận, bà lại mở mắt ra. "Cháu *là* ai?" bà hỏi. "Và tại sao cháu biết nhiều thế về mọi thứ?"

Và mày nói bà ắt phải biết mày là ai chứ. Là Kafka bên bờ biển. Người yêu của bà - và con trai bà. Cái thằng tên là Quạ. Và hai chúng ta không thể tự do. Chúng ta bị mắc vào một xoáy lốc, bị kéo ra ngoài thời gian. Ở đâu đó, chúng ta đã bị sét đánh. Nhưng không phải loại sét ta có thể nhìn thấy hoặc nghe thấy.

Đêm ấy lại là một đêm ân ái. Mày lắng nghe khoảng trống trong bà đầy lên. Với một âm thanh khẽ khàng như cát mịn bên bờ nước sụt lở dưới ánh trăng. Mày nín thở, lắng nghe. Lúc này, mày ở bên trong giả thuyết của mày. Rồi mày ở ngoài giả thuyết ấy. Và lại bên trong, rồi bên ngoài. Bên trong, bên ngoài. Hít vào, ngưng, thở ra. Hít vào, ngưng, thở ra. Prince hát mãi, như một loài nhuyễn thể trong đầu mày. Trăng lên, triều dâng. Nước biển tràn vào một dòng sông. Một cành sơn thù du run lật bật ngay ngoài cửa sổ. Mày ghì chặt bà, bà úp mặt vào ngực mày. Mày cảm thấy hơi thở của bà trên làn da trần. Bà mơn man từng bắp thịt của mày. Cuối cùng, bà nhẹ nhàng liếm dương vật sưng phồng của mày như để xoa dịu nó. Mày lại xuất tinh một lần nữa, trong miệng bà. Bà nuốt hết như thể mỗi giọt đều quý giá. Mày hôn âm hộ bà, chạm lưỡi vào mọi chỗ mềm mềm, âm ấm. Mày trở thành một kẻ khác, một *vật gì* khác. Mày đang ở một nơi nào khác.

"Trong cô, chẳng có gì cháu cần biết cả," bà nói. Chúng tôi ôm ghì nhau cho tới rạng sáng thứ Hai, lắng nghe thời gian trôi.

Chương 34

Đám mây đen tích điện khổng lồ lừ đừ qua thành phố, trút xuống một trận tơi bời sấm sét, như thể sục sạo mọi ngóc ngách tìm lại một đạo lý đã thất truyền từ lâu, để rồi cuối cùng bặt dần đi, chỉ còn là một vang vọng giận dữ, yếu ớt nơi chân trời phía Tây. Và ngay sau đó, cơn mưa dữ dội cũng đột ngột tạnh, kéo theo một im lặng kỳ bí. Hoshino đứng dậy, mở cửa sổ cho không khí ùa vào. Mây giông đã tan, một lần nữa bầu trời lại bao phủ một màng mây trắng mỏng tang. Tất cả các ngôi nhà đều ướt sũng và những kẽ nứt trên tường nổi bật lên đen ngòm như những đường gân xanh của người già. Nước từ những dây điện nhỏ xuống thành vũng trên mặt đất. Chim chóc từ chỗ trú bay ra, vừa kêu ríu rít vừa đua nhau tìm lũ sâu bọ cũng đã túa ra sau khi dứt cơn giông.

Hoshino quay cổ từ bên này sang bên kia vài lần để kiểm tra cột sống của mình. Gã vươn vai một cái hết cỡ, ngồi xuống cạnh cửa sổ, nhìn ra ngoài, rồi rút bao Marlboro, châm một điếu.

"Ông thấy đấy, ông Nakata, sau bao cố gắng trầy vẩy để lật phiến đá và mở cửa vào, vẫn chẳng có gì phi thường xảy ra. Chẳng thấy cóc nhái, ma quỷ nào xuất hiện, chẳng có gì lạ kỳ hết. Về phần cháu thì chả sao, tất nhiên... Dàn cảnh thật ghê, sấm sét đùng đùng, nhưng cháu phải nói với ông rằng cháu hơi thất vọng đấy."

Không thấy trả lời, gã ngoảnh lại. Nakata đang ngả người về đằng trước, hai tay chống sàn, mắt nhắm chặt. Nom lão như một con sâu ẻo lả.

"Có chuyện gì thế? Ông không sao chứ?" Hoshino hỏi.

"Xin lỗi, lão chỉ hơi mệt thôi. Nakata cảm thấy khó ở. Lão muốn nằm xuống, ngủ một lúc."

Quả thật, mặt Nakata nom tái nhợt dễ sợ. Mắt trũng xuống, tay run bần bật. Dường như chỉ trong vài giờ, lão đã già đi ghê gớm.

"Thôi được, để cháu trải futon cho ông. Ông cứ tha hồ ngủ bao lâu tùy thích," Hoshino nói. "Nhưng ông chắc là mình không sao chứ? Ông có thấy đau bụng không? Có buồn nôn không? Tai có ù không? Hay có lẽ ông muốn đi cầu? Có cần cháu gọi bác sĩ không? Mà ông có bảo hiểm không nhỉ?"

"Có, ngài Tỉnh trưởng có cho lão một thẻ bảo hiểm. Lão cất kỹ nó trong túi xắc."

"Thế thì tốt," Hoshino vừa nói vừa lôi tấm futon trong tủ ra, trải. "Cháu biết bây giờ không phải lúc đi vào chi tiết, nhưng không phải là tỉnh trưởng Tokyo cho ông thẻ đâu. Đây là một tấm thẻ bảo hiểm y tế quốc gia, nên phải là chính phủ Nhật Bản cấp. Cháu không hiểu

thấu đáo lắm, nhưng riêng về điểm này thì cháu chắc chắn. Đích thân tỉnh trưởng không lo từng chi tiết nhỏ cho đời sống của ông đâu, ông hiểu không? Vậy hãy tạm quên ông ta đi."

"Nakata này hiểu. Ngài tỉnh trưởng không cho lão thẻ bảo hiểm. Lão sẽ cố tạm quên ngài đi. Dù sao, lão cũng không nghĩ là cần gọi bác sĩ. Lão chỉ cần ngủ một chút là sẽ ổn thôi."

"Khoan đã. Ông sẽ không đánh một giấc ma-ra-tông ba mươi sáu tiếng liền tù tì như lần trước đấy chứ?"

"Lão không biết. Lão không quyết được là mình sẽ phải ngủ bao lâu."

"Ờ, cũng có lý," Hoshino thừa nhận. "Không ai làm thế. Thôi được, ông cứ ngủ bao lâu tùy thích. Ông đã qua một ngày vất vả. Nào là sấm sét đùng đùng, lại còn phải nói chuyện với phiến đá. Rồi thì mở cửa vào *đâu chả biết*. Không phải ngày nào cũng chứng kiến những sự việc như thế, đó là cái chắc. Ông đã phải động não rất nhiều, mệt là phải. Ông đừng lo lắng gì, cứ thư giãn và ngủ cho sướng mắt. Các chuyện khác cứ để Hoshino này giải quyết."

"Đa tạ. Lão lúc nào cũng làm cậu vất vả. Nakata này không biết cảm ơn cậu thế nào cho vừa về những gì cậu đã làm. Nếu không có cậu đi cùng, lão ắt chẳng biết xoay xở ra sao. Mà cậu còn có công việc quan trọng phải làm chứ có chơi đâu."

"Vâng, có lẽ thế," Hoshino nói giọng ảo não. Quá nhiều chuyện xảy ra khiến gã quên bẵng nhiệm vụ của mình. "Giờ ông nhắc đến, cháu mới nhớ: quả thật cháu phải mau về làm việc thôi. Sếp của cháu lúc này hẳn đang lôi đình thịnh nộ, cháu dám cá thế. Cháu đã gọi điện thoại cho ông ấy xin nghỉ phép mấy ngày giải quyết chuyện riêng, nhưng từ bữa đó, cháu chưa gọi lại. Khi nào cháu về, thể nào ông ấy cũng xạc cho một trận."

Gã châm một điếu Marlboro mới, ung dung nhả khói. Gã nhìn một con quạ đậu trên chóp một cột điện thoại và nhăn mặt nhệch mồm làm trò giễu nó. "Nhưng cần quái gì! Ông ấy muốn nói gì thì nói – có hét sùi bọt mép cháu cũng mặc. Ông ạ, cháu đã làm quần quật quá sức mình bao năm, như trâu kéo cày. *Này, Hoshino, chúng ta đang thiếu người, chịu khó chạy một chuyến đêm đến Hiroshima nhé! Vâng, thưa sếp, tôi lên đường đây*... Bảo sao làm vậy, chẳng bao giờ kêu ca phàn nàn. Bởi thế nên lưng mới đau khốn đau khổ. Nếu ông không chữa cho cháu thì tình hình ắt đã mỗi ngày một tệ. Cháu mới hai lăm hai sáu, thế thì tại sao phải hủy hoại sức khỏe vì một công việc thảm hại thế này, phải không? Thỉnh thoảng nghỉ mấy ngày thì có gì là sai trái? Cơ mà, ông Nakata ạ, cháu..."

Hoshino chợt nhận ra là ông già đã ngủ ngon lành. Mắt nhắm nghiền, mặt ngửa lên trần, môi mím chặt, Nakata đang thở bình yên,

phiến đá lật sấp nằm cạnh gối.

Chà, mình chưa thấy ai ngủ say lẹ như ông lão, Hoshino nghĩ thầm, thán phục.

Thừa thì giờ, gã nằm duỗi dài xem tivi một lúc nhưng rồi không chịu nổi cái chương trình buổi chiều quá nhạt nhẽo, gã bèn quyết định ra ngoài. Gã không còn đồ lót sạch, cần phải mua thêm vài cái. Gã không thích giặt đồ. Thà mua mấy chiếc quần đùi rẻ tiền còn hơn ngồi giặt ba cái đồ cũ bẩn, gã luôn nghĩ thế. Gã đến quầy nhà trọ trả tiền cho ngày hôm sau và bảo họ người bạn đồng hành của gã đang ngủ, chớ có đánh thức ông dậy. "Mà có cố đánh thức cũng chả được đâu," gã nói thêm.

Gã lang thang dọc các phố, hít cái mùi thơm sau mưa trong không khí, vẫn trong trang phục quen thuộc: sơ mi Hawai, mũ Chunichi Dragons, kính râm Ray Bans mắt xanh. Gã mua một tờ báo ở ki-ốt cạnh ga, xem kết quả trận đấu – Dragons thua Hiroshima trên sân khách – lướt qua chương trình chiếu bóng và quyết định đi xem bộ phim mới nhất của Jackie Chan. Vừa vặn sắp đến giờ chiếu. Gã ghé trạm cảnh sát hỏi đường, hóa ra rạp ở ngay gần đấy, nên gã đi bộ đến, mua vé, vào rạp, vừa xem vừa nhai lạc.

Ra khỏi rạp, trời đã tối. Gã chưa đói lắm, nhưng vì không nghĩ ra việc gì khác để làm, gã quyết định đi ăn tối. Gã vào một tiệm gần đó, gọi sushi và bia. Gã mệt hơn là gã tưởng và chỉ uống hết nửa suất bia.

Cũng phải thôi, gã nghĩ. Nhấc cái phiến đá nặng như núi ấy, làm sao mà không mệt. Mình có cảm giác như mình là chú cả trong Ba Chú Lợn Con. Tên Sói gian ác chỉ cần hà hơi thổi phù một cái là mình bay đến tận Okayama.

Gã rời tiệm sushi và bắt gặp một điểm pachinko. Loáng cái, gã đã thua hai nghìn *yen*. Hôm nay không phải là ngày của mình, gã nghĩ vậy, không chơi nữa và đi lòng vòng. Gã chợt nhớ là vẫn chưa mua đồ lót. "Khỉ thật, mà mình ra phố cốt là để làm việc ấy," gã nghĩ thầm. Gã vào một cửa hàng giảm giá trong khu phố buôn bán, mua một mớ quần đùi, áo phông và bít tất. Cuối cùng, giờ đây, mình đã có thể vứt đồ lót bẩn đi được rồi. Gã quyết định đã đến lúc sắm một chiếc sơ mi Hawai mới, nhưng sau khi lùng sục mấy cửa hàng, gã kết luận rằng loại mặt hàng này ở Takamatsu không hợp "gu" gã. Mùa hè cũng như mùa đông, bao giờ gã cũng chỉ mặc loại này, nhưng thế không có nghĩa là gã xài bất kỳ kiểu sơ mi Hawai nào.

Gã dừng ở một hiệu bánh, mua ít bánh mì, phòng khi nửa đêm, Nakata thức dậy đói bụng, và cả một hộp nước cam nữa. Sau đó, gã đến một ngân hàng, dùng thẻ ATM rút năm mươi nghìn *yen*. Kiểm tra số dư, gã thấy hãy còn khối. Mấy năm vừa rồi quá bận rộn nên gã chẳng có mấy thời gian để tiêu tiền.

Lúc này trời đã tối mịt và gã bỗng thấy thèm một tách cà phê. Gã nhìn quanh, thấy một biển hiệu cà phê ngay bên ngoài khu phố chính. Đó là một tiệm cà phê kiểu cổ thuộc loại ít thấy bây giờ. Gã bước vào, ngồi thoải mái trên một chiếc ghế bành êm ái và gọi một tách cà phê. Nhạc thính phòng thánh thót bay ra từ bộ loa Anh chắc nịch bằng gỗ bồ đào. Hoshino là người khách duy nhất. Gã ngả người trên ghế và lần đầu tiên sau một thôi dài, cảm thấy hoàn toàn thoải mái. Mọi thứ trong tiệm đều tự nhiên, làm người ta cảm thấy bình an, dễ chịu. Cà phê, rót trong một chiếc tách sang nhã, đặc sánh và ngon tuyệt. Hoshino nhắm mắt lại, nhẹ nhàng hít vào và lắng nghe tiếng đàn dây xoắn xuýt quyện với dương cầm. Trước đây, gã hầu như không nghe nhạc cổ điển, nhưng bản nhạc này làm gã nguôi dịu và rơi vào một tâm thế hướng nội.

Ngả người trên chiếc ghế êm ái, mắt lim dim, chìm đắm trong tiếng nhạc, một số ý nghĩ chợt đến trong đầu gã – phần lớn là liên quan đến bản thân gã. Nhưng càng nghĩ về bản thân, gã càng thấy đời mình có vẻ thiếu thực chất. Gã bắt đầu cảm thấy mình như một thứ phụ tùng vô nghĩa.

Xưa nay, mình vốn là một *fan* cuồng nhiệt của Chunichi Dragons, nhưng rốt cuộc, đội này là cái gì đối với mình? Chẳng hạn, họ thắng đội Giants, thì điều đó có làm cho mình trở thành người tốt hơn không? Làm sao *có th*ể thế được? Vậy thì việc quái gì mình cứ suốt ngày háo hức kích động như thể đó là một bộ phận nối dài của bản thân mình?

Ông Nakata bảo con người ông trống rỗng. Có thể thế, theo chỗ mình biết. Nhưng cái đó thì việc quái gì đến mình? Ông bảo là hồi bé ông bị tai nạn nên đâm ra trống rỗng thế. Nhưng mình thì có bao giờ bị tai nạn gì đâu. Nếu ông Nakata trống rỗng thì mình còn tệ hơn cả trống rỗng! Chí ít ông cũng còn có cái gì của mình, một cái gì đặc biệt khiến mình bỏ tất cả để theo ông đến tận Shikoku. Đó là cái gì, mình cũng chả biết, nhưng mà...

Hoshino gọi thêm một tách cà phê.

"Cậu thích cà phê của bản hiệu?" ông chủ tóc bạc tiến lại, hỏi (đó là một cựu quan chức của bộ Giáo dục – cố nhiên Hoshino làm sao biết được. Sau khi về hưu, ông trở về thành phố quê hương Takamatsu, mở tiệm giải khát này, phục vụ cà phê tuyệt hảo và nhạc cổ điển).

"Tuyệt. Hương vị rất thơm."

"Tự tay tôi rang hạt cà phê. Chọn lọc từng hạt một."

*"Thảo nào mà ngon th*ế."

"Nhạc không làm cậu phiền chứ?"

"Nhạc ấy à?" Hoshino đáp. "Không, nhạc hay đấy chứ. Tôi không

phiền chút nào. Hoàn toàn không. Ai chơi đấy?"

"Tam tấu Rubinstein-Heifetz-Feuermann[30], được mệnh danh là dàn Tam Tấu Triệu Đô. Những nghệ sĩ siêu việt. Đĩa thu từ năm 1941 mà đến nay âm thanh vẫn sáng không xỉn đi chút nào."

"Quả là thế. Những cái hay cái đẹp không bao giờ già cỗi, phải không?"

"Một số người lại thích bản tam tấu *Archduke* này được chơi theo cách cổ điển hơn, cấu trúc chặt chẽ hơn. Như cách của dàn tam tấu Oistrach[31] ấy."

"Không, tôi nghĩ đĩa này là tuyệt," Hoshino nói. "Nó có một cái gì... biết nói thế nào nhỉ?... một cái gì thật dịu dàng."

"Rất cảm ơn," ông chủ nói, như thể nhân danh dàn Tam Tấu Triệu Đô mà nhận lời khen ấy, và trở về đứng sau quầy.

Trong khi thưởng thức tách cà phê thứ hai, gã quay trở lại với những suy ngẫm ban nãy. Nhưng mình *đang* giúp ích cho ông Nakata mà. Mình đọc tài liệu cho ông và chung cục, chính mình đã tìm ra phiến đá. Giúp ích được cho ai là một điều tốt, thế mà trước đây mình hồ như chưa bao giờ cảm nhận thấy... Mình đã bỏ việc, đi đến tận Shikoku, dính vào những chuyện điên rồ, hết chuyện này đến chuyện khác, nhưng mình tuyệt đối không hề hối tiếc.

Mình cảm thấy rơi vào đúng chỗ hoàn toàn phù hợp. Ở bên ông Nakata, mình không cần phải bận tâm với câu hỏi *Ta là ai?* Nói thế này có lẽ hơi quá, nhưng mình dám chắc các Phật tử và các thánh tông đồ của Chúa Jêsu cũng có cảm nhận giống nhau, đại loại như: *Khi ở bên Đức Phật, bao giờ ta cũng cảm thấy phù hợp.* Quên những lý sự về văn hóa, chân lý, mọi thứ phức tạp ấy đi. Chỉ cần thứ cảm hứng kia thôi.

Hồi nhỏ, ông nội thường kể những truyện về môn đồ của Đức Phật cho mình nghe. Trong số đó có một người tên là Myoga. Anh ta tối dạ đến nỗi không nhớ nổi một câu kinh *sutra*. Các bạn đồng môn luôn luôn trêu chọc anh. Một hôm, đức Phật bảo anh: "Myoga, con không được sáng dạ lắm, vậy con không cần phải học kinh. Thay vào đó, ta muốn con ngồi ở cửa vào và đánh giày cho mọi người". Vốn tính ngoan ngoãn vâng lời, Myoga không cãi lại thầy, cứ thế mười năm, hai mươi năm liền đánh giày cho mọi người. Rồi một hôm, Myoga bỗng Ngộ và trở thành một trong những Phật tử lớn nhất. Đó là một chuyện mà Hoshino luôn luôn nhớ, vì trước nay, gã vẫn nghĩ lầm lũi mấy chục năm đánh giày cho kẻ khác thì quả là một cuộc đời vét đĩa nhất. Chắc đây là chuyện đùa, gã nghĩ. Nhưng bây giờ suy xét kỹ, gã bắt đầu thấy nó có một hàm ý khác. Cách nào đi nữa, đời vẫn là vét đĩa. Điều đó, dạo bé, gã không hiểu ra, có thế thôi.

Những ý nghĩ đó chiếm lĩnh đầu óc gã cho đến khi bản nhạc kết

thúc. Bản nhạc dường như đã tạo đà cho gã suy tưởng.

"Này," gã gọi ông chủ. "Bản nhạc này tên là gì nhỉ, tôi quên mất rồi."

"Tam tấu Archduke của Beethoven."

"Mác-*duke*?"

"Ác. *Archduke*. Beethoven viết tác phẩm này tặng Đại công tước Rudolph của nước Áo. Do vậy, người ta gọi thế, chứ đó không phải tên chính thức của nó. Rudolph là con trai của Hoàng Đế Leopold đệ nhị. Ông rất có năng khiếu âm nhạc và được Beethoven dạy piano và nhạc lý từ năm mười sáu tuổi. Ông sùng bái Beethoven. Đại công tước Rudolph không thành danh cả với tư cách nhà soạn nhạc lẫn với tư cách nghệ sĩ dương cầm, nhưng ông đứng đằng sau giúp đỡ Beethoven vốn vụng về không biết xoay xở ra sao trong giới xã giao. Nếu không có ông Beethoven ắt cơ cực hơn nhiều."

"Những người như thế là cần thiết trong đời, phải không?"

"Hết sức cần thiết."

"Nếu tất cả mội người đều là thiên tài thì thế giới loạn xà ngầu mất. Phải có người canh chừng, lo toan công chuyện chứ."

"Đúng. Một thế giới đầy thiên tài ắt nảy sinh nhiều vấn đề."

"Tôi thực sự thích bản nhạc này."

"Một tác phẩm tuyệt vời. Nghe mãi không chán. Tôi nghĩ đó là bản tinh tế nhất trong tất cả các tam tấu piano của Beethoven. Ông viết nó năm bốn mươi tuổi và sau đó không viết thêm bản tam tấu nào nữa. Chắc ông coi là mình đã đạt tới đỉnh trong thể loại này."

"Tôi nghĩ là tôi hiểu ông muốn nói gì. Đạt tới đỉnh là điều quan trọng trong mọi sự," Hoshino nói.

"Mong lại có dịp đón tiếp cậu."

"Vâng, tôi sẽ trở lại."

Khi Hoshino về nhà trọ, Nakata, đúng như dự đoán, vẫn ngủ li bì. Đã có kinh nghiệm, nên lần này gã không lấy làm lạ. Cứ để ông lão muốn ngủ bao lâu thì ngủ, gã quyết định. Phiến đá vẫn đó, ngay cạnh gối. Hoshino đặt túi bánh mì xuống cạnh đó. Gã đi tắm, thay đồ lót mới, vo tròn đồ cũ bỏ vào một cái túi giấy vứt vào sọt rác. Gã nằm lên tấm nệm futon của mình và chẳng mấy chốc đã ngủ ngon lành.

Sáng hôm sau, gã dậy đúng trước chín giờ. Nakata vẫn ngủ, hơi thở đều đặn, nhẹ nhàng.

Hoshino xuống ăn sáng, dặn cô hầu phòng đừng đánh thức bạn đồng hành của mình. "Không cần phải dọn phòng đâu," gã nói.

"Bác ấy ngủ lâu thế có sao không ạ?" cô hầu phòng hỏi.

"Đừng lo, ông ấy không chết đâu. Ông ấy cần ngủ để lấy lại sức

thôi. Tôi biết đích xác thế nào là tốt nhất cho ông ấy mà."

Gã mua một tờ báo ở ga, ngồi trên một ghế băng, giở xem mục chiếu phim trong ngày. Một rạp ở gần ga đang có chương trình hồi cố các tác phẩm của Francois Truffaut. Hoshino không biết Truffaut là ai, thậm chí không biết đó là nam hay nữ, nhưng một buổi chiếu liền hai phim là cách tốt để giết thì giờ cho đến tối, nên gã quyết định đi xem. Chương trình gồm hai bộ phim *Les 400 coups* (Sống văng mạng) và *Tirez sur le pianiste* (Hãy bắn vào người chơi piano). Chỉ có một dúm khán giả trong rạp. Hoshino tuyệt nhiên không phải là dân nghiền điện ảnh. Thỉnh thoảng gã mới đi xem một phim hành động hoặc võ thuật. Cho nên những tác phẩm đầu tay này của Truffaut có chỗ khó hiểu đối với gã, tiết tấu thì lề mề như thường thấy ở các phim cổ. Tuy nhiên, gã thích tâm thế độc đáo và không khí chung của phim, cách mô tả thế giới nội tâm của các nhân vật. Ít nhất cũng không đến nỗi chán. Mình sẵn sàng xem thêm vài phim nữa của tay này, gã nghĩ thầm.

Ra khỏi rạp, gã thả bộ đến khu phố buôn bán và lại vào tiệm cà phê đêm qua. Ông chủ nhận ra gã. Hoshino ngồi vào chỗ cũ và gọi cà phê. Cũng như hôm trước, gã là người khách duy nhất. Dàn máy *stereo* đang phát ra một khúc nhạc do dàn dây biểu diễn.

"Concerto số 1 cho cello của Haydn, người độc tấu là Pierre Fournier," ông chủ giải thích khi bưng cà phê đến cho Hoshino.

"Âm thanh rất tự nhiên," Hoshino bình luận.

"Đúng thế," ông chủ tán thành. "Pierre Fournier là một trong những nhạc công yêu thích nhất của tôi. Như một thứ tiên tửu, ngón đàn của ông có một hương vị và một tố chất làm ấm bầu nhiệt huyết và khiến ta phấn chấn. Tôi luôn gọi ông là Thầy Fournier để tỏ lòng tôn kính. Dĩ nhiên, tôi không đích thân quen biết ông, nhưng tôi luôn cảm thấy như đó là thầy tôi."

Lắng nghe tiếng cello sang nhã vào dào dạt của Fournier, Hoshino như được đưa trở về thời thơ ấu. Dạo ấy, mình thường ra sông bắt cá, chẳng lo nghĩ gì, gã nhớ lại. Mỗi ngày đến thế nào thì mình sống thế ấy, mình là *một cái gì*. Cứ tự nhiên thế thôi. Nhưng rồi một hôm, tất cả bỗng thay đổi, cuộc sống khiến mình *không là cái gì* nữa. Thật kỳ lạ... Người ta sinh ra là để sống, phải không nào? Nhưng càng sống, mình càng mất đi cái gì ở bên trong mình, và rốt cuộc, mình trở thành trống rỗng. Và mình dám chắc là càng sống, mình sẽ càng trống rỗng hơn, vô giá trị hơn. Ở đây, có một cái gì đó không ổn. Đời lại cứ phải xoay ra như thế sao? Liệu mình có thể xoay chiều đổi hướng được không?

"Xin lỗi..." Hoshino gọi ông chủ đang đứng ở quầy.

"Tôi có thể giúp gì?"

“Không biết ông có thì giờ và có thể đến ngồi trò chuyện với tôi một lúc được không? Tôi muốn biết thêm về tay Haydn này.”

Ông chủ vui thích có dịp làm một bài thuyết trình mini về thân thế và âm nhạc của Haydn. Về cơ bản, ông là một người dè dặt, nhưng hễ đề cập đến âm nhạc cổ điển thì ông rất hùng biện. Ông giải thích là trong cuộc đời dài của mình, Haydn đã phục vụ nhiều vị quân vương, sáng tác không biết bao nhiêu tác phẩm theo đơn đặt hàng. Haydn vốn tính thực tế, dễ mến, khiêm nhường và rộng lượng, ông nói, nhưng cũng là một con người phức tạp với một vùng bóng tối lặng lẽ trong nội tâm.

“Haydn là một tính cách bí hiểm. Không ai thực sự biết được những cảm xúc mãnh liệt ẩn kín trong lòng ông. Tuy nhiên, sinh ra trong thời phong kiến, ông buộc phải khéo léo che giấu bản ngã của mình dưới cái vẻ ngoài tươi tỉnh, phục tùng. Nếu không, ông ắt bị đè bẹp. Nhiều người chê ông không bằng Bach và Mozart, cả về tác phẩm lẫn cách sống. Đành rằng ông cũng có cách tân, nhưng chưa bao giờ đích thực là người tiên phong cả. Nhưng nếu nghe thật chăm chú, ta có thể cảm nhận thấy một khát vọng sâu kín vươn tới cái tôi hiện đại. Như một vang vọng xa xăm đầy mâu thuẫn, nó hiện diện và lặng lẽ đập trong nhạc của Haydn. Hãy lắng nghe hòa âm này chẳng hạn. Rất em nhẹ, nhưng mang một tinh thần khăng khăng, hướng nội đầy một niềm ham hiểu biết trẻ trung.”

“Như phim của Francois Truffaut.”

“Chính xác,” ông chủ reo lên vui thích, vỗ vai Hoshino theo phản xạ tự nhiên. “Cậu nói trúng phắp. Cậu thấy được phim của Truffaut cũng xộn rộn cái tinh thần ấy. Một tinh thần khăng khăng, hướng nội đầy một niềm ham hiểu biết trẻ trung,” ông nhắc lại.

Khi bản concerto Haydn chấm dứt, Hoshino yêu cầu ông cho nghe lại bản tam tấu *Archduke* do Rubinstein, Heifetz và Feuermann chơi. Trong khi nghe, gã lại chìm đắm trong suy nghĩ. “Chậc, mình cóc cần chuyện gì xảy ra, cuối cùng gã quyết định. Chừng nào còn sống, mình sẽ tiếp tục theo ông Nakata. Kệ thây công việc!”

Chương 35

Khi chuông điện thoại réo vào lúc bảy giờ sáng, tôi vẫn còn ngủ say. Trong giấc mơ, tôi đang ở tít dưới một cái hang, lom khom trong bóng tối, tay cầm đèn pin soi tìm một cái gì đó. Tôi nghe thấy tiếng ai gọi tên mình văng vẳng từ tít tận cửa hang. Tôi gào lên trả lời, nhưng người đó hình như không nghe thấy và cứ tiếp tục gọi tên tôi. Cực chẳng đã, tôi đứng thẳng dậy và bắt đầu đi ra phía cửa hang. Chỉ một chút nữa thôi là mình đã có thể vớ được vật đang tìm kiếm, tôi tiếc rẻ nghĩ thầm. Nhưng đồng thời, tôi cũng thở phào nhẹ nhõm vì đã không tìm thấy nó. Chính lúc đó, tôi choàng tỉnh dậy. Tôi nhìn quanh, cố gom những mảnh ý thức vương vãi, định thần lại và nhận ra là chuông điện thoại đang reo từ quầy tiếp tân của thư viện. Ánh mặt trời rực rỡ chiếu qua rèm cửa sổ và Miss Saeki không còn bên tôi nữa. Chỉ trơ một mình tôi trên giường.

Tôi nhảy ra khỏi giường, mặc vội áo phông, quần đùi và chạy tới nghe điện thoại. Phải mất một lúc tôi mới tới được đó, nhưng chuông vẫn còn reo.

"Alô?"

"Cậu đang ngủ à?" Oshima hỏi.

"Vâng."

"Xin lỗi đã đánh thức cậu sớm thế vào một ngày nghỉ, nhưng chúng ta đang có vấn đề."

"Có vấn đề?"

"Mình sẽ cho cậu biết sau, nhưng tốt nhất là cậu nên lánh khỏi đây một thời gian. Ta phải đi sớm, nên cậu hãy chuẩn bị sẵn sàng đi. Khi mình tới, cậu cứ ra bãi đỗ xe và vào thẳng xe mình, đừng hỏi han gì. Ô-kê?"

"Ô-kê," tôi đáp.

Tôi trở về phòng và gói ghém hành lý. Không việc gì phải hấp tấp vì chỉ cần năm phút là đã xong xuôi. Tôi lấy các đồ giặt phơi trong buồng tắm, nhét dụng cụ vệ sinh, sách và nhật ký vào ba lô, rồi mặc quần áo và soạn lại giường gọn gàng - kéo drap cho phẳng phiu, vỗ mặt gối cho căng đều trở lại, gấp chăn mền cho ngay ngắn, xóa mọi dấu vết của những gì diễn ra đêm qua. Rồi ngồi xuống ghế và nghĩ về Miss Saeki mới cách đây mấy giờ còn ở bên tôi.

Tôi còn thì giờ để điểm tâm một bát bánh đa ngô. Rửa bát, thìa và cất đi. Đánh răng, rửa mặt. Đang soi gương thì nghe thấy tiếng chiếc Miata vào bãi đỗ.

Mặc dù trời rất đẹp, Oshima vẫn kéo mui xe lên. Tôi khoác ba lô lên vai, bước tới chỗ xe đậu, leo vào ghế cạnh tay lái. Như lần

trước, Oshima cột chặt ba lô của tôi ở phía sau. Anh đeo kính râm kiểu Armani, mặc một chiếc sơ mi lanh kẻ sọc bên ngoài áo phông trắng cổ chữ V, quần jeans trắng và đi giày Corverse All-Stars cổ thấp màu xanh nước biển.

Anh đưa tôi một chiếc mũ lưỡi trai màu xanh nước biển mang logo North Face. "Bữa nọ cậu nói là đã đánh mất mũ, phải không? Hãy dùng tạm cái này, nó sẽ che bớt mặt cậu đi một chút."

"Cám ơn," tôi nói và kéo sụp chiếc mũ xuống.

Oshima duyệt lại hình ảnh tôi dưới chiếc mũ và gật đầu phê chuẩn. "Cậu có kính râm chứ?"

Tôi gật đầu, rút từ trong túi ra cặp kính Revos màu xanh da trời và đeo lên mắt.

"Rất bảnh," anh nói. "Cậu thử quay ngược mũ ra đằng sau xem nào."

Tôi làm theo lời anh, xoay mũ ra đằng sau.

Oshima lại gật đầu. "Tuyệt. Nom cậu như một ca sĩ rap con nhà tử tế." Anh sang số một, từ từ dận ga và nhả phanh.

"Chúng ta đi đâu? tôi hỏi.

"Vẫn chỗ cũ lần trước."

"Vùng núi Kochi?"

Oshima gật đầu. "Phải. Lại một cuốc xe dài." Anh bật máy nghe nhạc. Một bản Mozart vui tươi tôi đã từng nghe. Hình như là *Posthorn Serenade* thì phải.

"Cậu đã chán vùng núi chưa?"

"Không, em thích chỗ ấy. Yên tĩnh và có thể tha hồ đọc."

"Tốt," Oshima nói.

"Vậy vấn đề anh nhắc tới lúc nãy là thế nào?"

Oshima phóng một cái nhìn nhăn nhó vào kính chiếu hậu, liếc về phía tôi rồi lại quay mặt về phía trước. "Thứ nhất là cảnh sát lại sờ đến mình. Đêm qua, họ phôn cho mình. Nghe như họ thực sự bắt tay vào truy tìm cậu. Xem ra họ làm rất ráo riết."

"Nhưng em có chứng cứ ngoại phạm cơ mà?"

"Phải, một chứng cứ ngoại phạm rất vững. Ngày hôm xảy ra vụ án mạng, cậu đang ở Shikoku. Họ không nghi ngờ điều đó. Họ nghĩ là có thể cậu đã âm mưu với một người nào khác."

"Âm mưu?"

"Có thể cậu có một đồng lõa."

"Đồng lõa?" tôi lắc đầu. "Họ mọi đâu ra cái ý ấy?"

"Họ rất kín miệng về chuyện này. Khi thẩm vấn thì họ dồn ép

người ta, nhưng khi người ta hỏi lại thì họ làm lơ. Cho nên cả đêm mình lướt mạng, tải xuống những thông tin về vụ này. Cậu có biết họ đã lập vào website về nó không? Cậu đã trở nên nổi tiếng. Chàng hoàng tử phiêu lãng nắm giữ chìa khóa của bí mật!"

Tôi khẽ nhún vai. *Hoàng tử phiêu lãng?*

"Với những thông tin trên mạng, thật khó tách biệt sự việc thật với suy diễn do ước muốn, nhưng ta có thể tóm tắt như sau: Cảnh sát hiện đang tìm kiếm một người khoảng gần bảy mươi tuổi. Đêm xảy ra vụ án mạng, ông ta xuất hiện ở một trạm cảnh sát gần khu phố buôn bán Nogata và thú nhận là vừa giết một ai đó trong vùng. Nói là đã dùng dao đâm người kia. Nhưng ông ta cũng tuôn ra đủ các chuyện chẳng ra đâu vào đâu đến nỗi viên cảnh sát trẻ trực đêm tưởng ông ta điên dại nên tống khứ ông đi mà không nghe hết đầu đuôi câu chuyện. Cố nhiên, khi vụ án mạng được phát hiện, viên cảnh sát mới biết là mình đã sai lầm. Anh ta thậm chí đã không buồn ghi tên hoặc địa chỉ của ông già, chuyện này nếu cấp trên biết thì lôi thôi to, thế nên anh ta giấu nhẹm đi không nói gì. Nhưng một chuyện gì đó đã xảy ra - mình không biết cụ thể là chuyện gì - và tất cả vỡ lở. Tất nhiên, viên cảnh sát bị kỷ luật. Tội nghiệp, có lẽ anh ta sẽ không bao giờ nguôi hối tiếc."

Oshima giảm số, vượt một chiếc Toyota Tercel màu trắng rồi lại lẹ làng trở về làn đường của mình. "Cảnh sát huy động tổng lực và có thể tìm ra ông già. Họ không nắm được lai lịch cụ thể của ông ta, nhưng hình như đó là một người thiểu năng trí tuệ. Không hẳn là ngây dại nhưng hơi tàng tàng. Ông ta sống một mình bằng trợ cấp cứu tế xã hội và sự giúp đỡ của một số bà con. Nhưng rồi ông bỗng biến mát khỏi nhà. Cảnh sát dò theo dấu vết của ông và nghĩ rằng ông đã đi nhờ xe từng chặng theo hướng Shikoku. Một tay lái xe buýt liên tỉnh ngờ ngợ rằng một người có đặc điểm nhận dạng như thế đã đáp xe anh ta ở Kobe. Sở dĩ anh ta nhớ là vì ông lão có cách nói chuyện khác thường và kể những điều kỳ dị. Hình như ông đi cùng với một thanh niên trạc hai lăm hai sáu tuổi. Hai người xuống xe ở ga Tokushima. Cảnh sát tìm ra lữ quán họ đã trọ và, theo một bà nội trợ, họ đã đáp tàu đi Takamatsu. Hành trình của ông già và của cậu y hệt nhau. Cả hai cùng rời Nogota thuộc quận Nakano và hướng thẳng tới Takamatsu. Một sự trùng hợp hơi quá khớp để có thể coi là ngẫu nhiên, cho nên đương nhiên là cánh át ngờ răng hai người đã cùng nhau vạch ra toàn bộ kế hoạch. Thậm chí Cục Cảnh sát Quốc gia cũng vào cuộc và hiện họ đang rà soát thành phố này. Không thể giấu cậu ở thư viện được nữa, nên mình quyết định đưa cậu về lánh ở vùng núi."

"Một ông già thiểu năng trí tuệ ở Nakano?"

"Có khiến cậu nhớ ra điều gì không?"

Tôi lắc đầu. "Không."

"Địa chỉ của ông ta cách nhà cậu không xa. Đi bộ mất khoảng mươi lăm phút."

"Nhưng có biết bao nhiêu người ở Nakano. Em thậm chí không biết ai ở cạnh nhà mình."

"Còn điều này nữa," Oshima nói và liếc nhìn tôi. "Ông ta là người đã làm cho cá thu và cá mòi từ trên trời rơi xuống khu phố buôn bán Nogata. Ít nhất thì ông cũng cảnh báo điều đó cho viên cảnh sát trẻ một hôm trước khi sự việc xảy ra."

"Thật kỳ lạ."

"Phải không?" Oshima nói. "Và cùng ngày, vào buổi tối,một khối lượng lớn đỉa trút xuống trạm dừng nghỉ Jujigawa trên xa lộ Tomei. Cậu nhớ không?"

"Vâng, em có nhớ."

"Tất nhiên, không một sự việc nào trong số này lọt khỏi mắt cảnh sát. Họ đoán hẳn phải có một mối liên hệ nào đó giữa những sự kiện này và con người bí hiểm họ đang truy tìm. Vì tất cả đều diễn ra trên đường đi của ông."

Khúc nhạc Mozart kết thúc và một bản khác bắt đầu.

Tay đặt trên vô lăng, Oshima lắc đầu mấy lần liền. "Một loạt diễn biến thật lạ lùng. Bắt đầu đã kỳ quặc và càng ngày càng kỳ quặc. Không thể tiên đoán được điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. Tuy nhiên có một điều chắc chắn là: tất cả dường như đều hội tụ về đây. Đường đi của ông già và của cậu tất phải giao nhau."

Tôi nhắm mắt lại, lắng nghe tiếng động cơ ro ro. "Có lẽ em nên đến một thành phố nào khác," tôi nói với anh. "Ngoại trừ mọi cái khác, em không muốn gây thêm rắc rối cho anh hoặc Miss Saeki."

"Nhưng cậu sẽ đi đâu?"

"Em chưa biết. Nhưng em sẽ nghĩ ra nếu anh đưa em đến nhà ga. Điều đó không thực sự quan trọng."

Oshima thở dài. "Mình không nghĩ đó là một ý hay. Nhà ga ắt nhan nhản những cớm truy lùng một thiếu niên mười lăm tuổi bảnh trai, cao lớn, đeo một cái ba lô và một mớ ám ảnh."

"Thế thì cho em tới một ga nào xa xa không có cảnh sát lùng sục."

"Cũng vậy thôi. Trước sau, họ cũng tìm ra cậu."

Tôi lặng thinh.

"Nghe này, hiện họ chưa có lệnh bắt giữ cậu. Cậu chưa ở trong danh sách bị truy nã khẩn cấp, rõ không?"

Tôi gật đầu.

"Có nghĩa là cậu còn tự do. Cho nên tôi có thể đưa cậu đến bất kỳ

nơi nào tôi muốn mà không cần phải xin phép ai. Tôi không vi phạm pháp luật. Thậm chí đến tên thật của cậu tôi cũng không biết, Kafka. Bởi vậy đừng có lo cho tôi. Tôi là người rất thận trọng. Chẳng ai tóm được tôi dễ dàng thế đâu."

"Anh Oshima!"

"Gì vậy?"

"Em không bày mưu tính kế với ai cả. Nếu em định giết cha em, em ắt không nhờ ai làm hộ."

"Mình biết."

Anh dừng xe trước một đèn đỏ, chỉnh lại kính chiếu hậu, ngậm một viên kẹo chanh và mời tôi một viên.

Tôi bỏ tọt viên kẹo vào mồm. "Rồi sao nữa?"

"Cái gì *sao nữa?*"

"Lúc nãy, anh nói *thứ nhất là* - lý do khiến em phải lánh về vùng núi. Nếu có *thứ nhất* thì phải có *thứ hai* chứ."

Oshima trừng trừng nhìn cái đèn đỏ nhưng nó vẫn chưa chịu chuyển màu. "So với điểm thứ nhất, thì điểm thứ hai không quan trọng."

"Dù sao em vẫn muốn nghe."

"Đó là về Miss Saeki," Oshima nói. Cuối cùng, đèn cũng chuyển xanh và anh dận ga. "Cậu đã ngủ với bà ấy phải không?"

Tôi không biết trả lời ra sao.

"Đừng lo, mình không trách cứ cậu đâu. Mình chỉ linh cảm thế thôi. Bà là một con người tuyệt vời, một phụ nữ rất hấp dẫn. Bà rất... đặc biệt, theo mọi cách. Dĩ nhiên, bà lớn tuổi hơn cậu nhiều, nhưng có sao? Mình hiểu được sức hút của bà đối với cậu. Cậu muốn làm tình với bà, tại sao không? Bà muốn làm tình với cậu? Thì cứ việc. Chẳng bận gì đến mình. Nếu hai người ngon lành, mình cũng thấy tốt thôi." Oshima xoay viên kẹo chanh lòng vòng trong mồm. "Nhưng mình nghĩ tốt nhất hai người nên giữ khoảng cách trong một thời gian. Và mình nói vậy không phải là vì cái chuyện rắc rối chết tiệt ở Nakano."

"Vậy thì tại sao?"

"Bà ấy đang ở một tình thế rất mong manh."

"Như thế nào?"

"Miss Saeki..." anh mào đầu, rồi tìm chữ. "Mình muốn nói là bà *đang chết*. Mình cảm thấy điều đó từ lâu rồi."

Tôi nhấc cặp kính râm lên và nhìn anh thật kỹ. Anh đang nhìn thẳng phía trước, tay cầm lái. Xe vừa vào xa lộ đi Koichi. Lần này, lạ lùng thay, anh chạy trong vòng giới hạn tốc độ. Một chiếc Toyota

Supra lao đánh vèo vượt qua chúng tôi.

"Khi anh nói bà *đang* chết.." tôi ấp úng. "Có nghãi là bà mắc bệnh nan y? Ung thư hay máu trắng hay gì đó tương tự?"

Oshima lắc đầu. "Có thể. Mình không biết đích xác về tình trạng sức khỏe của bà. Có thể bà mắc một bệnh thuộc loại ấy. Nhưng mình nghĩ nó thiên về tâm lý hơn. Liên quan đến ý chí sống - đại loại thế."

"Anh muốn nói là bà không muốn sống nữa?"

"Mình nghĩ thế. Mất ý chí muốn tiếp tục sống."

"Anh có nghĩ bà sẽ tự tử không?"

"Không, mình không nghĩ thế," Oshima đáp. "Chỉ đơn giản là bà đang đi đến cái chết, rất từ từ nhưng rất chắc chắn."

"Như một đoàn tàu hướng tới ga?"

"Đại loại như thế," Oshima nói, rồi dừng bặt, môi mím chặt. "Thế rồi, Kafka," anh nói tiếp, "bỗng nhiên cậu xuất hiện, ngon lành như trái dưa tươi và bí hiểm như chàng Kafka thật. Hai người bị hút vào nhau và bắt đầu - cho phép mình dùng cái từ cổ lỗ này - dan díu với nhau."

"Thế rồi sao?"

Oshima buông cả hai tay khỏi vô lăng một thoáng. "Thế rồi thế đấy."

Tôi chậm rãi lắc đầu. "Em dám chắc anh đang nghĩ *em chính là đoàn tàu*."

Hồi lâu, Oshima không nói gì. "Chính xác," cuối cùng, anh bật ra. "Có thế thật, chính xác."

"Nghĩa là em mang cái chết đến với bà?"

"Cậu nên nhớ là mình không trách cậu về chuyện ấy. Thực tế, thế mà lại tốt cơ đấy."

"Tại sao?"

Anh không trả lời. *Cậu phải tự tìm ra câu trả lời*, sự im lặng của anh nhủ tôi vậy. Hoặc có thể là: *Cái đó quá hiển nhiên, việc gì phải nghĩ.*

Tôi ngả người vào lưng ghế, nhắm mắt lại và thả lỏng người. "Anh Oshima!"

"Em chẳng còn biết làm gì nữa. Thậm chí em không biết mình đang hướng tới đâu. Cái gì là đúng, cái gì là sai, nên tiếp tục tiến tới hay nên quay lui - em vô cùng hoang mang."

Oshima lặng thinh, không trả lời.

"Anh phải giúp em. Em phải làm gì bây giờ?" tôi hỏi anh.

"Cậu chẳng phải làm gì hết," anh đáp gọn lỏn.

"Không làm gì hết?"

Anh gật đầu. "Vì thế nên tôi mới đưa cậu về lại vùng núi."

"Nhưng em nên làm gì khí tới đó?"

"Chỉ việc nghe gió thôi," anh nói. "Xưa nay mình vẫn làm thế mà."

Tôi ngẫm nghĩ về điều đó.

Anh dịu dàng đặt tay lên tay tôi. "Có biết bao điều không phải lỗi tại cậu. Cũng chẳng phải lỗi tại mình. Chẳng phải tại những tiên đoán hay những lời nguyền. Chẳng phải tại gien, cũng chẳng phải tại sự phi lý. Chẳng phải tại chủ nghĩa cấu trúc hay cuộc cách mạng công nghiệp thứ ba. Tất cả chúng ta đều sẽ chết và biến mất, nhưng đó là vì thế giới vốn dựa trên một cơ chế của hủy diệt và tiêu vong. Cuộc đời chúng ta chỉ là những cái bóng của cái nguyên lý chủ đạo ấy. Chẳng hạn như gió thổi. Đó có thể là một cơn gió mạnh, dữ dội hay một làn gió nhẹ. Nhưng rốt cuộc, mọi kiểu gió rồi cũng tắt và biến mất. Gió không có hình dạng. Nó chỉ là sự chuyển động của không khí. Cậu nên lắng nghe thật kỹ, rồi cậu sẽ hiểu ẩn dụ đó."

Tôi siết chặt tay anh. Bàn tay mềm và ấm. Bàn tay mượt mà, sang nhã, phi giới tính. "Vậy theo anh, ngay lúc này, em nên tạm tách xa Miss Saeki thì tốt hơn, đúng không?"

"Mình nghĩ thế đấy, Kafka ạ. Ngay bây giờ đó là điều tối ưu. Chúng ta nên để bà một mình. Bà là người thông minh và kiên cường. Bà đã chịu đựng được sự cô đơn khủng khiếp trong một thời gian dài đằng đẵng với bao ký ức đau đớn. Bà có thể tự quyết định bất cứ điều gì cần cho bản thân."

"Vậy ra em chỉ là một thằng nhóc nhiễu sự?"

"Mình không có ý ấy," Oshima nhẹ nhàng nói. "Hoàn toàn không phải thế. Cậu đã làm những gì cậu phải làm. Những điều có ý nghĩa đối với cậu cũng như với Miss Saeki. Hãy để bà lo nốt phần còn lại. Nói thế này nghe có vẻ phũ phàng, nhưng hiện giờ, cậu không thể làm gì cho bà đâu. Cậu cần đi về miền núi và làm việc riêng của mình. Với cậu, bây giờ là đúng lúc."

"Làm việc riêng của mình?"

"Hãy dỏng tai lên, Kafka," Oshima đáp. "Hãy lắng nghe. Hãy tưởng tượng mình là một con nghêu hay con sò."

Chương 36

Khi trở về nhà trọ, Hoshino thấy Nakata vẫn ngủ miết - chả có gì là lạ. Chiếc túi đựng bánh mì và nước cam gã để cạnh lão vẫn nguyên đó, chưa được đụng đến. Ông già không mảy may thay đổi tư thế, có lẽ suốt thời gian qua, không hề thức giấc lấy một lần. Hoshino nhẩm tính: Nakata ngủ từ hai giờ chiều hôm trước, vậy là đã đẫy ba mươi tiếng. Nhưng hôm nay là ngày thứ mấy rồi nhỉ? Hoshino tự hỏi. Gã đã hoàn toàn quên trình tự thời gian. Gã lấy cuốn sổ ghi nhớ ra để kiểm tra. Xem nào, gã tự nhủ, hai ông con đến Tokushima trên chuyến xe buýt từ Kobe hôm thứ Bảy, rồi ông Nakata ngủ đến thứ Hai. Rời Tokushima đi Takamatsu cũn vào hôm thứ Hai. Thứ Năm là ngày náo động với cuộc vận lộn lật phiến đá giữa sấm chớp đùng đùng, và chiều hôm ấy, ông lão bắt đầu ngủ. Đã qua một đêm, vậy hôm nay đã là... là thứ Sáu. Cứ như là ông lão đến Shikoku để dự một Festival Ngủ vậy.

Cũng như đêm trước, sau khi tắm, Hoshino xem tivi một lúc rồi ngả lưng trên tấm nệm futon. Nakata vẫn thở bình yên trong giấc ngủ say. Thôi kệ, đến đâu thì đến, Hoshino nghĩ. Cứ để ông lão ngủ cho đã. Khỏi cần phải lo chuyện ấy. Và chính gã cũng ngủ thiếp đi lúc mười rưỡi.

Năm giờ sáng hôm sau, chuông điện thoại di động trong túi dết làm gã choàng thức. Nakata vẫn say sưa giấc nồng.

Hoshino vớ lấy điện thoại. "Alô."

"Cậu Hoshino?" Một giọng đàn ông.

"Đại tá Sanders?" Hoshino nhận ra giọng ông ta.

"Chính ta đây. Thế nào, khỏe mạnh chứ?"

"Cũng khá... Nhưng làm sao ông biết được số điện thoại này. Tôi có cho ông đâu, mà tôi luôn luôn tắt máy để cho cái bọn nhăng nhố cùng xường khỏi quấy rầy tôi. Vậy làm thế nào mà ông gọi được tôi? Như kiểu ông *theo dõi* tôi vậy."

"Thì như ta đã nói với cậu, ta không phải là thần, phật mà cũng chẳng là người. Ta là một cái gì khác - một *khái niệm*. Cho nên làm cho điện thoại di động của cậu đổ chuông là chuyện dễ như bỡn. Trò trẻ. Mở hay tắt máy cũng thế thôi, chả khác một mảy, anh bạn ạ. Đừng ngạc nhiên vì những cái vặt vãnh như vậy, Ô-kê? Lẽ ra ta có thể chạy đến và ngồi ngay cạnh cậu lúc cậu thức giấc, nhưng ta nghĩ làm thế ắt sẽ khiến cậu bị sốc."

"Khỏi phải nói."

"Cho nên ta mới phôn trước. Dù sao ta cũng là người lịch sự."

"Cám ơn," Hoshino nói. "Vậy chúng ta phải làm gì với phiến đá

đây? Ông Nakata và tôi đã lật được nó, vậy là cửa vào đã mở. Ngoài trời sấm chớp như điên và phiến đá nặng đến cả tấn. À, phải... tôi quên chưa nói với ông về Nakata. Đó là ông già cùng đi với tôi."

"Ta biết mọi chuyện về Nakata, khỏi phải giải thích," Đại tá Sanders nói.

"Thế ư?" Hoshino nói. "Ô-kê... Sau đó, Nakata đã chìm vào giấc "ngủ đông" và phiến đá vẫn nằm đây. Ông có nghĩ là ta nên mang trả nó về miếu đường không? Ta có thể bị thánh vật vì đã mang nó đi mà không được phép."

"Cậu không bỏ cái ý nghĩ đó đi được à? Đã bao lần ta bảo cậu là chả có thành nào vật cả," Đại tá Sanders ngán ngẩm nói. "Cứ tạm giữ phiến đá ở đó. Các ngươi đã mở nó và cuối cùng các ngươi sẽ phải đóng nó lại. Rồi thì cậu có thể mang nó trả về chỗ cũ. Nhưng bây giờ thì chưa phải lúc. Hiểu chưa? Ô-kê?"

"Ô-kê, tôi hiểu," Hoshino nói. "Cái gì đã mở ra thì phải đóng lại. Mượn cái gì, lúc trả lại phải nguyên như thế. Được rồi. Dù sao, tôi cũng đã quyết định không nghĩ ngợi lôi thôi nữa. Tôi sẽ nghe theo bất kỳ cái gì ông muốn, cho dù nó có vẻ điên khùng đến đâu chăng nữa. Đêm qua, tôi ngộ ra một điều: coi những cái điên khùng là thực, quả là... thực sự lãng phí thời gian."

"Một kết luận rất chi là khôn ngoan. Tục ngữ có câu: *Suy nghĩ vô bổ còn tệ hại hơn là chẳng suy nghĩ gì."*

"Tôi thích câu ấy."

"Rất chí lý, phải không?"

"Ông đã bao giờ nghe câu tục ngữ: *Đồi trọc lóc nhóc tóc tiên bóc cọc quả cóc lăn lóc chưa?"*

"Thế nghĩa là cái cóc khô gì?"

"Một câu làm líu lưỡi. Tôi bịa ra."

"Cậu có chủ ý gì?"

"Chả chủ ý gì cả. Tôi chỉ bỗng dưng thích xướng nó lên thôi."

"Cậu có thôi trò dấm dớ đi không? Ta không mấy kiên nhẫn với những trò ngớ ngẩn. Nếu cậu tiếp tục thì ta phát điên mất."

"Xin lỗi," Hoshino nói. "Nhưng rốt cuộc, ông gọi tôi có việc gì đấy? Chắc ông phải có lý do gì mới gọi sớm thế chứ?"

"Phải, ta quên bẵng đi mất," Đại tá Sanders nói. "Thế này nhé, ta muốn cậu rời nhà trọ ngay lập tức. Không ăn sáng nữa. Đánh thức ông Nakata dậy, ẵm phiến đá lên và đi luôn. Kiếm một chiếc taxi, nhưng đừng để nhà trọ gọi. Ra phố chính mà vẫy. Rồi đưa địa chỉ này cho lái xe. Có bút ghi không?"

"Có, đợi một giây," Hoshino đáp và vớ lấy một cây bút và cuốn sổ tay từ túi đeo. "Chổi và xẻng hót rác đã sẵn sàng!"

"Xin đủ những câu đùa ấm ớ của cậu!" Đại tá Sanders quát lên trong máy. "Ta đang nói chuyện nghiêm túc đây. Đâu có phút nào để phí phạm."

"Ô-kê, ô-kê. Đọc đi."

Đại tá Sanders đọc địa chỉ và Hoshino ghi rồi nhắc lại để kiểm tra cho chắc ăn: "3-16-5, căn hộ 308, Takamatsu Park Heights. Đúng chưa?"

"Tốt," Đại tá Sanders đáp. "Cậu sẽ thấy chìa khoá dưới giá để ở ô cửa trước. Mở khóa vào nhà, ở lại đó bao lâu tùy thích. Ở đó, sẵn có đồ ăn thức uống dự trữ cùng các vật dụng, nên tạm thời các người không cần phải ra ngoài."

"Đó là chỗ ở của ông?"

"Quả vậy. Nhưng ta không phải là chủ sở hữu, ta thuê cho các người dùng. Vậy nên cứ thoải mái nhé."

"Đại tá?"

"Gì?"

"Ông bảo ông không phải là thần, phật mà cũng chẳng phải là người?"

"Đúng."

"Vậy tôi đồ rằng ông không thuộc thế giới này."

"Cậu hiểu ra rồi đấy."

"Vậy làm sao ông thuê được một căn hộ? Ông không phải là người, do đó không có các giấy tờ cần thiết, phải không nào? Sổ gia đình, đăng ký hộ tịch, chứng từ thu nhập có dán tem, đóng dấu và đủ thứ linh tinh. Nếu không có những thứ ấy, chẳng ai cho ông thuê nhà. Ông có lừa họ không? Chẳng hạn làm ảo thuật biến tờ giấy trắng thành văn bản chính thức có dấu má hẳn hoi? Đã khá những chuyện khuất tất rồi, tôi không muốn dính líu thêm nữa."

"Cậu chẳng hiểu gì cả!" Đại tá Sanders tặc lưỡi, nói. "Cậu đúng là chúa ngốc, đã óc bã đậu lại không cảnh sát xương sống. *Giấy trắng?* Cậu nghĩ ta là gì, một tên ảo thuật gia bú dù à? Ta là một khái niệm, hiểu không? K-h-á-i n-i-ệ-m! Khái niệm với bú dù khác xa nhau. Thật đần độn... Cậu thực sự nghĩ là ta đã đến gặp nhân viên nhà đất, điền vào các tờ khai, mặc cả với họ để giảm bớt giá tiền thuê nhà sao? Lố bịch! Ta có một cô thư ký lo liệu các chuyện *trần thế*. Thư ký của ta chuẩn bị tất cả các tài liệu cần thiết. Chứ cậu tưởng thế nào?"

"À... hóa ra ông có một *cô thư ký*."

"Hẳn nhiên rồi. Chứ cậu nghĩ ta là ai? Cậu trật quá xa rồi đấy. Ta là một người bận rộn, vậy tại sao ta lạ không có thư ký riêng?"

"Ô-kê, ô-kê, đừng nổi đóa nữa. Tôi chỉ đùa ông thôi mà. Nhưng tại sao chúng tôi lại phải rời đi cấp tốc thế? Không thể ăn sáng một chút

trước khi đi à? Tôi đang đói meo và ông Nakata thì ngủ say như chết, lay thế nào cũng không dậy."

"Nghe này, không phải chuyện đùa đâu. Cảnh sát đang lùng sục khắp thành phố tìm các người. Sáng nay, việc đầu tiên là họ kiểm tra các khách sạn và nhà trọ, lục vấn từng người. Họ đã có chi tiết nhận dạng của cả hai người. Cho nên một khi họ đã bắt đầu rà soát thì chỉ còn là vấn đề thời gian thôi. Hai ông con nhà cậu thì rành là nổi bật không trộn vào đâu được, phải thừa nhận thế. Không thể để mất thêm phút nào đâu."

"Cảnh sát ư?" Hoshino kêu lên. "Xin đủ nhé! Chúng tôi chả làm điều gì sai trái. Đành rằng hồi học trung học, tôi có cuỗm vài chiếc xe máy. Chỉ cốt chạy nhông cho vui, chứ đâu có để bán. Mà bao giờ tôi cũng đem trả về chỗ cũ. Từ đó đến nay, tôi chưa hề làm điều gì phạm pháp. Mang phiến đá này ra khỏi miếu đường là điều tệ hại nhất tôi từng làm. Mà là do ông bảo tôi làm."

"Việc này không liên quan gì đến phiến đá," Đại tá Sanders nói sổ toẹt. "Đôi khi cậu thật ngớ ngẩn. Hãy quên phiến đá đi. Cảnh sát không hay biết gì về phiến đá, mà có biết cũng cóc cần. Họ ắt không dậy từ tinh mơ gõ cửa từng nhà vì một phiến đá nào đó. Ta đang nói về một vụ nghiêm trọng hơn nhiều."

"Nghĩa là thế nào?"

"Cảnh sát đang truy lùng ông Nakata vì vụ này."

"Tôi không hiểu. Không ai có thể tưởng tượng ông Nakata phạm tội được. Là loại tội gì? Và làm sao ông ấy lại liên quan?"

"Không có thì giờ giải thích đâu. Cậu phải đưa ông ta ra khỏi đó. Mọi sự tùy thuộc vào cậu đấy. Rõ chưa?"

"Tôi không hiểu," Hoshino lắc đầu nhắc lại. "Chẳng ra sao cả. Vậy họ sẽ bắt luôn cả tôi với tư cách là tòng phạm ư?"

"Không, nhưng ta dám chắc họ sẽ tra vấn cậu. Cậu đang lãng phí thời gian đấy. Đừng có thắc mắc nữa, cứ làm như ta bảo."

"Này, ông nên biết là tôi rất ghét cớm. Chúng còn tệ hơn cả bọn yakuza hay LLTV nữa... những điều chúng làm thật kinh hoàng. Nghênh ngang, chẳng thích gì hơn là hành hạ kẻ yếu. Hồi còn đi học và cả dạo mới bắt đầu làm tài xế, tôi đã nhiều lần đụng bọn cớm, nên tôi tránh nhất là có chuyện với chúng. Không bao giờ thắng được chúng, hơn nữa sau đó, chúng cứ bám như đỉa chẳng cách nào rũ bỏ được. Ông hiểu ý tôi chứ? Trời đất, làm sao tôi lại dính vào chuyện này chứ? Ông thấy đấy, điều tôi..."

Điện thoại vụt tắt.

"Chao!" Hoshino thở dài đánh thượt và ném chiếc điện thoại di động vào rút rết, rồi cố đánh thức Nakata dậy.

"Ông ơi! Ông Nakata! Cháy! Lũ lụt! Động đất! Cách mạng! Godzilla[32] đến! Dậy đi!"

Phải mất một lúc Nakata mới dậy.

"Lão vừa bào xong," lão nói. "Phoi bào để nhóm bếp. Không, mèo đâu có tắm. Chỉ có lão tắm thôi."

Rõ ràng lão đang ở trong cái thế giới nhỏ bé của riêng mình.

Hoshino lay vai ông già, véo mũi, véo tai lão và cuối cùng, kéo được lão trở về cõi trần thế.

"Cậu đấy à, cậu Hoshino?" lão đáp.

"Vâng, cháu đây," Hoshino đáp. "Xin lỗi đã đánh thức ông."

"Không sao. Dù gì thì Nakata này cũng sắp dậy. Đừng bận tâm. Lão đã lo xong thứ nhóm lửa rồi."

"Tốt. Nhưng có chuyện không hay xảy ra, ông con mình phải đi khỏi đây ngay lập tức."

"Có phải liên quan đến Johnnie Walker không?"

"Cái đó thì cháu không biết. Cháu có nguồn tin riêng cảnh báo rằng tốt hơn hết là chúng ta nên lánh đi. Cảnh sát đang truy lùng chúng ta."

"Thật không?"

"Họ bảo cháu thế. Nhưng có chuyện gì giữa ông và tay Johnnie Walker ấy?"

"Nakata này chưa kể với cậu à?"

"Chưa, ông chưa kể."

"Tuy nhên, hình như lão đã kể rồi thì phải."

"Ông chưa kể phần quan trọng nhất."

"À, thế này... Nakata này đã giết ông ta."

"Ông nói đùa!"

"Không, lão đâu có đùa."

"Chu cha!" Hoshino lẩm bẩm.

Hoshino ném đồ vào túi dết và lại gói phiến đá vào tấm vải bọc. Nó đã trở lại trọng lượng lúc ban đầu. Không nhẹ, nhưng ít nhất thì cũng vừa sức gã. Nakata bỏ đồ của mình vào cái túi bạt. Hoshino đến quầy tiếp tân, nói họ có việc đột xuất phải đi khỏi và trả phòng. Vì gã đã trả tiền trước nên cũng nhanh thôi. Nakata còn hơi chệch choạng, nhưng vẫn đi được.

"Lão đã ngủ bao lâu?" lão hỏi.

"Để xem," Hoshino nói và tính nhẩm. "Khoảng bốn mươi tiếng."

"Lão cảm thấy mình đã ngủ tốt."

"Có gì là lạ. Nếu ông không cảm thấy sảng khoái sau giấc ngủ phá

mọi kỷ lục ấy, thì ngủ còn có nghĩa lý gì nữa. Này, ông có đói không?"

"Có. Lão đói lắm."

"Ông có thể nhịn thêm một lúc được không? Trước hết, ta phải ra khỏi đây càng sớm càng tốt. Rồi ta sẽ ăn sau."

"Cũng được. Lão có thể chờ."

Hoshino đỡ lão ra phố chính và vẫy một chiếc taxi. Gã nói địa chỉ, người lái gật đầu và phóng xe đi. Chiếc xe rời thành phố, theo một quốc lộ rồi đi vào một khu ngoại ô. Khu này sang trọng và yên tĩnh trái ngược hẳn với khu phố ồn ào gần ga mà họ đã trọ. Cuốc xe mất độ hai mươi lăm phút.

Họ dừng lại trước một cư xá năm tầng khang trang. Tấm biển ghi "Takamatsu Park Heights" (Đồi Công viên Takamatsu) mặc dù nó nằm trên một bãi đất phẳng và quanh đó chẳng thấy công viên nào. Họ đi thang máy lên tầng bốn, ở đó, đúng theo chỉ dẫn, Hoshino tìm thấy chìa khóa dưới giá để ô. Đó là một căn hộ tiêu chuẩn gồm hai phòng ngủ, một phòng ăn kiêm bếp, một phòng khách và một buồng tắm. Nơi này nom có vẻ mới toanh, đồ đạc hầu như chưa dùng tới. Phòng khách có tivi màn ảnh rộng, một dàn âm thanh stereo, một sofa và một ghế bành. Mỗi phòng có một giường được soạn trải tươm tất. Bếp được trang bị đồ nấu nướng thông thường, các ngăn giá xếp đầy bát đĩa cốc chén. Tường treo những tranh in đóng khung trang nhã. Toàn bộ có vẻ như một căn hộ mẫu mà nhà kinh doanh nhà đất dùng để quảng cáo với khách hàng mới.

"Không tồi chút nào," Hoshino nhận xét. "Không có tính cách lắm, song ít ra cũng sạch sẽ."

"Rất xinh xắn," Nakata bổ sung.

Chiếc tủ lạnh sơn màu trắng ngà chất đầy đồ ăn. Lẩm bẩm một mình, Nakata kiểm lại mọi thứ, cuối cùng lấy ra mấy quả trứng, hạt tiêu xanh và bơ. Sau đó đập trứng vào bát, lấy đũa đánh bồng lên, và đổ vào chảo, làm hai suất ốp-lết tiêu xanh, một cách thiện nghệ. Lão cho ra đĩa, đặt bánh mì nướng lên trên rồi mang ra bàn ăn cùng với trà nóng.

"Ông làm bếp nghệ nhỉ," Hoshino nói. "Cháu phục đấy."

"Lão chuyên sống một mình, chuyện ấy đã thành quen."

"Cháu cũng sống một mình, nhưng đừng ai bảo cháu nấu nướng cái gì."

"Nakata này ối thì giờ rảnh và chẳng có việc gì khác để làm."

Hai ông con ăn bánh mì nướng với trứng ốp-lết. Ăn xong vẫn còn đói, nên Nakata lại quay vào bếp, rán ít thịt xông khói với rau dền, mỗi người đả thêm hai lát bánh mì nướng nữa. Bắt đầu cảm thấy trở

lại thành người, họ ngồi ngả người thoải mái trên sofa, uống thêm tách trà.

"Vậy là ông đã giết ai đó?" Hoshino hỏi.

"Phải," Nakata đáp và kể tỉ mỉ chuyện lão đã đâm chết Johnny Walker như thế nào.

"Chu cha!" Hoshino nói khi lão kể xong. "Chuyện lạ kỳ! Cảnh sát ắt chẳng đời nào chịu tin chuyện đó, cho dù ông có thành thực đến mấy đi nữa. Cháu muốn nói bây giờ thì cháu tin ông, nhưng nếu ông kể với cháu một tuần trước thì hẳn cháu đã *sút* ông đi rồi."

"Chính lão cũng không hiểu nữa."

"Dù gì thì cũng đã có người bị giết, mà giết người đâu phải là chuyện có thể nhẹ nhàng gạt đi bằng một cái nhún vai được. Cảnh sát rất quan tâm đến vụ này, nếu không họ đã chả lần theo dấu vết của ông đến tận Shikoku."

"Nakata này lấy làm tiếc đã để cậu liên lụy."

"Ông có định ra tự thú không?"

"Không," Nakata nói với một vẻ cương quyết hiếm thấy ở gã. "Lão đã thử làm thế, nhưng bây giờ lão không muốn lặp lại nữa. Nakata này hiện có việc khác phải hoàn thành. Bằng không, bao nhiêu công sức đi đến tận đây hóa ra vô ích sao."

"Giờ ông phải đóng phiến đá cửa vào này lại."

"Đúng. Cái gì đã mở ra thì phải đóng lại. Rồi sau đó, lão sẽ trở lại bình thường. Cơ mà có vài việc lão phải lo liệu trước đã."

"Đại tá Sanders, người đã đưa cháu đến chỗ phiến đá, đang giúp ta có chỗ ẩn náu," Hoshino nói. "Nhưng tại sao ông ta lại làm thế? LIệu có mối liên hệ gì giữa ông ta và Johnnie Walker không?"

Nhưng càng cố gỡ rối, Hoshino càng thấy tù mù hơn. Tốt hơn là đừng cố tìm hiểu ý nghĩa của cái chẳng có ý nghĩa gì, gã quyết định "Suy nghĩ vô bổ còn tệ hơn là chẳng suy nghĩ gì," gã kết luận, nói to lên thành tiếng, hai tay khoanh lại.

"Cậu Hoshino?" Nakata gọi.

"Có chuyện gì?"

"Lão ngửi thấy mùi biển."

Hoshino đi tới mở cửa sổ, bước ra ban công và hít một hơi thật sâu. Gã chẳng hề thấy biển. Xa xa, những đám mây trắng bồng bềnh trên một rừng thông.

"Cháu chẳng ngửi thấy gì," gã nói.

Nakata đến bên cạnh gã, bắt đầu hít hít, cánh mũi nhó nhoáy như con sóc nhỏ.

"Lão có ngửi thấy biển. Biển ở ngay đằng kia."

Lão chỉ về phía cánh rừng.

"Mũi ông thính thật đấy," Hoshino nói. "Xưa nay, cháu vẫn hơi bị viêm xoan, nên mũi thường ngạt tí chút."

"Cậu Hoshino, ta đi dạo bờ biển tí chăng?"

Hoshino nghĩ một thoáng. Đi dạo trên bãi biển một tí thì hại gì nhỉ "Ô-kê, ta đi nào."

"Nakata này phải bỏ bom một bãi trước đã, nếu cậu không phiền."

"Ông cứ tự nhiên."

Trong khi Nakata ở trong toa-lét, Hoshino đi khắp căn hộ, kiểm tra suốt lượt. Như Đại tá Sanders đã nói, ở đây có mọi thứ họ cần. Băng dính cứu thương, kéo cắt móng tay. Tất cả các loại nhu yếu phẩm. Cả bàn là cùng cầu để là quần áo. Ông ta thật chu đáo, Hoshino nghĩ, nhưng mình chắc do cô thư ký lo liệu cả. Không quên một thứ gì.

Gã mở tủ, thấy đầy quần áo và đồ lót mới. Dở cái là không có chiếc sơ mi Hawai nào, toàn sơ mi polo và sơ mi kẻ sọc thông thường gắn nhãn Tommy Hilfigers mới toanh. "Thế mà mình đã vội nghĩ là Đại tá Sanders nắm bắt nhanh," Hoshino phàn nàn một mình. "Lẽ ra ông ta phải hiểu ra là mình chỉ mặc một loại sơ mi Hawai. Nếu ông ta đã cất công đến thế, chí ít ông ta cũng có thể mua cho mình một chiếc." Nhận thấy chiếc áo mình đang mặc đã hôi hôi, gã cởi luôn ra và thay vào một chiếc sơ mi polo. Vừa khít.

Hai ông con thả bộ qua rừng thông, leo qua một con đê chắn sóng rồi xuống bãi biển. Biển yên tĩnh. Họ ngồi bên nhau trên cát, hồi lâu không nói gì, ngắm những con sóng dựng lên như tấm ga trải giường rồi lại đổ ụp xuống với một tiếng rào rào nhỏ nhẹ. Có thể nhìn thấy mấy hòn đảo nhỏ ngoài khơi. Cả hai đều ít có dịp đến với biển và họ thoải mái ngắm cho sướng mắt.

"Cậu Hoshino?" Nakata là người phá vỡ im lặng.

"Ông bảo gì?"

"Biển thật tuyệt, phải không?"

"Vâng. Nó khiến lòng ta an tĩnh."

"Tại sao lại thế nhỉ?"

“Có lẽ vì nó mênh mông, lại không có gì bên trên, Hoshino vừa nói vừa chỉ ra mặt biển. Ông sẽ không cảm thấy an tĩnh như thế nếu chỗ kia có một tòa trung tâm thương mại hay một siêu thị Seiyu, phải không? Hoặc một phòng chơi pachinko hay một tiệm cầm đồ Yoshikawa? Nhưng phóng hết tầm mắt, vẫn *chẳng thấy gì*, điều đó thật dễ chịu."

"Lão nghĩ cậu có lý," Nakata nói sau một thoáng suy nghĩ. "Cậu Hoshino?"

"Gì vậy?"

"Lão muốn hỏi về một chuyện khác."

"Hỏi đi."

"Có gì ở dưới đáy biển?"

"Ở dưới ấy là một thế giới khác, đủ các loại cá, trai, sò, ốc, rong rêu biển và mọi thứ linh tinh. Ông cha bao giờ đến một viện hải dương học à?"

"Chưa bao giờ. Ở Matsumoto, nơi Nakata đã sống một thời gian dài, không có thứ ấy."

"Phải, cháu nghĩ thế," Hoshino nói. "Cháu đoán một tỉnh miền núi như thế may lắm cũng chỉ có được một bảo tàng nấm là cùng. Dù sao đi nữa, dưới đáy biển cũng đủ thứ, mà sinh vật dưới đó khác với chúng ta, chúng hấp thụ oxy từ trong nước và không cần không khí để thở. Có những loài rất đẹp, những loài ăn cực ngon, lại có những loài rất nguy hiểm. Và có những loài khiến ta sởn da gà. Thật khó giải thích cho ai chưa được thực mắt nhìn thấy, nhưng tựu chung, nó hoàn toàn khác hẳn với những gì ta quen thấy ở trên này. Dưới đó tối mù mịt, và có một số sinh vật gớm ghiếc ông chưa từng thấy... Bao giờ mọi chuyện xong xuôi, cháu sẽ đưa ông đi thăm một viện hải dương học, ông thấy thế nào? Thú vị lắm, ông ạ, và đã lâu cháu chưa đi xem lại. Cháu chắc thành phố này thể nào cũng có một viện kiểu ấy."

"Vâng, lão rất thích đến một nơi như thế."

"Có một điều cháu muốn hỏi ông."

"Điều gì?"

"Bữa nọ, chúng ta đã lật phiến đá và mở cửa vào, phải không?"

"Phải, hai chúng ta đã mở cửa vào. Sau đó, Nakata này lăn ra ngủ miết."

"Điều cháu muốn biết là: có chuyện gì diễn ra vì chúng ta đã mở cửa vào không?"

"Có," Nakata gật đầu đáp.

"Nhưng ông không biết đó là chuyện gì?"

Nakata lắc đầu một cách kiên quyết.

"Không, Nakata này chưa biết."

"Vậy có thể là nó đang diễn ra ở một nơi nào khác, vào chính lúc này đây?"

"Phải, lão nghĩ đúng thế. Như cậu nói, nó đang diễn ra. Và lão đang chờ nó *kết thúc*."

"Và một khi cái đó kết thúc, mọi sự sẽ tự khắc đâu vào đấy?"

Lại một cái lắc đầu kiên quyết. "Điều đó thì Nakata này không

biết. Lão làm điều mình đang làm, bởi vì đó là *bổn phận* của lão. Nhưng lão không biết kết quả sẽ ra sao. Lão không được thông minh sáng láng cho lắm, nên suy nghĩ là chuyện khó đối với lão. Lão không biết điều gì sẽ xảy ra sau đó."

"Dù sao đi nữa, cũng cần chút thời gian cho *cái đó* kết thúc để đi đến một kết cục nào đó, phải không?"

"Đúng thế."

"Và trong khi chờ đợi, phải làm sao đừng để bọn cớm tóm được, vì chúng ta còn có việc phải làm, đúng không?"

"Đúng. Lão không ngán gặp cảnh sát. Lão sẵn sàng làm theo lời ngài Tỉnh trưởng. Nhưng bây giờ không phải lúc."

"Ông biết không? Nếu bọn cớm nghe câu chuyện điên rồ của ông, chúng sẽ nhổ toẹt và thay vào đó một lời tự thú hợp lý ai cũng tin được. Đại loại như ông vào nhà định ăn trộm, nghe thấy có người, thế là ông vớ lấy con dao trong bếp và đâm người ấy. Chúng bất cần sự việc thật là thế nào hoặc thế nào là đúng. Chúng tỉnh bơ dựng lên một tội phạm cốt để tăng hiệu suất bắt giữ. Sau đó, chúng ném ông vào nhà đá hay vào một nhà thương điên nào cực kỳ an toàn. Chúng khóa chặt buồng giam và vứt chìa đi. Ông không đủ tiền thuê một luật sư giỏi, nên chúng sẽ chỉ định cho ông một tên thầy cãi bất cần phải, trái ra sao và ta có thể thấy trước kết cục sẽ như thế nào."

"Lão nghe chưa thủng."

"Cháu nói để ông biết bản chất bọn cớm như cháu biết thôi, hãy tin cháu," Hoshino nói. "Cho nên cháu thực sự không muốn dây với chúng, ông hiểu không? Cớm và Hoshino không sực được nhau."

"Lão lấy làm tiếc đã gây nhiều rắc rối cho cậu."

Hoshino thở dài đánh thượt.

"Tuy nhiên, tục ngữ có câu: *Uống thuốc độc cả đĩa."*

"Nghĩa là thế nào?"

"Là: một khi ông đã quyết uống thuốc độc thì có ăn luôn cả cái đĩa đựng thuốc cũng vậy thôi."

"Cơ mà ăn đĩa thì chết. Mà lại hại răng, đau họng nữa."

"Ờ, nghe cũng có lý," Hoshino bối rối nói. "Ừ... tại sao lại phải ăn cả đĩa nhỉ?"

"Lão kém thông minh, nên quả thật không biết giải đáp ra sao. Nhưng ngoại trừ thuốc độc, đĩa thì quá rắn."

"Ừm, ông nói phải. Cháu cũng bắt đầu hoang mang. Cháu cũng vốn không phải là người làm việc trí óc. Điều cháu muốn nói là: cháu đã đồng hành cùng ông đến bước này, thì cháu sẽ đi tới cùng đảm bảo cho ông thoát. Cháu không thể tin là ông đã làm điều gì xấu và cháu sẽ không bỏ ông giữa đường đâu. Cháu phải trọng danh dự

chứ."

"Đa tạ. Nakata này biết cảm ơn cậu thế nào cho vừa. Tuy nhiên, lão vẫn phải lạm dụng cậu, xin thêm một ân huệ nữa."

"Ông cứ nói."

"Chúng ta cần một chiếc xe hơi."

"Một chiếc xe thuê có được không?"

"Nakata này thật sự không biết xe thuê là thế nào, nhưng bất cứ loại gì cũng được. To hay nhỏ đều được tất, miễn là xe hơi."

"Không thành vấn đề. Đúng vào chuyên ngành của cháu. Lát nữa, cháu sẽ đi kiếm một cái. Vậy chúng ta sẽ đi đến một nơi nào hả?"

"Lão nghĩ thế. Có lẽ chúng ta sẽ đến một nơi nào đó."

"Ông Nakata, ông đã biết một điều gì, phải không?"

"Phải."

"Đi với ông chả bao giờ buồn chán. Đủ các thứ chuyện kỳ quặc điên rồ xảy ra, nhưng có thể nói: đi với ông không bao giờ buồn chán, đó là cái chắc."

"Cám ơn cậu đã nói thế. Lão nghe mà hả lòng hả dạ. Cơ mà cậu Hoshino này."

"Có chuyện gì vậy?"

"Lão thực sự không dám chắc lão có hiểu đúng nghĩa chữ buồn chán."

"Trước nay ông chưa bao giờ *buồn chán* ư?"

"Chưa, chưa một lần nào."

"Ông ạ, cháu cũng nghĩ thế."

Chương 37

Chúng tôi dừng lại ở một thị xã để ăn một chút và mua nước khoáng và thực phẩm dự trữ tại một siêu thị rồi theo con đường chưa rải nhựa xuyên qua đồi núi tới căn nhà gỗ. Bên trong, vẫn y nguyên như khi tôi rời đi cách đây một tuần. Tôi mở cửa sổ cho thoáng và cất đồ ăn vào tủ thực phẩm.

"Mình ngả lưng một lát trước khi trở về," Oshima nói, đưa tay che miệng, ngáp. "Đêm qua, mình chả ngủ được mấy tí."

Anh hẳn đã mệt lử, vì vừa chui vào chăn và quay mặt vào tường, là anh ngủ liền. Tôi pha chút cà phê, đổ vào phích cho anh dùng trên đường về, rồi xách chiếc xô nhôm ra suối lấy nước. Khu rừng không thay đổi chút nào - vẫn mùi cỏ, tiếng chim gọi nhau, tiếng suối róc rách, tiếng gió xào xạc qua hàng cây, bóng lá rung rinh. Những đám mây trên đầu nom rất gần. Tôi cảm thấy nao nao khi thấy lại tất cả những thứ đó vì chúng đã trở thành một bộ phận của bản thân tôi.

Trong khi Oshima ngủ, tôi ngồi ngoài hiên, vừa nhấp từng ngụm trà vừa đọc một cuốn sách về cuộc xâm lăng nước Nga năm 1812 của Napoléon. Khoảng 400.000 quân Pháp đã bỏ mạng trên đất nước rộng lớn này trong chiến dịch đại quy mô ào ạt mà vô ích đó. Dĩ nhiên các trrận giao chiến là khốc liệt nhưng không có đủ bác sĩ và thuốc men, nên phần lớn thươngbinh nặng bị bỏ lại chết trong đau đớn cùng cực. Số chết rét hoặc chết đói còn nhiều hơn, chết cách này cũng kinh khủng không kém. Ngồi đó uống trà nóng, chim líu lo xung quanh, tôi cố mường tượng cảnh chiến trường ở Nga với những người lính lăn lộn xong pha trong bão tuyết.

Tôi đọc được độ một phần ba cuốn sách thì đứng dậy, vào xem Oshima ra sao rồi. Tôi biết anh rất mệt, song thấy im ắng quá như thể anh không có ở đấy, tôi đâm lo lo. Nhưng không sao, anh vẫn ngủ yên trong chăn, hơi thở nhẹ nhàng. Tôi bước đến bên anh và nhận thấy đôi vai anh khẽ nhô lên hạ xuống đều đặn. Tôi đột nhiên nhớ ra anh là nữ giới. Đa phần thời gian, tôi quên mất điều đó và luôn nghĩ về anh như một người nam. Và dĩ nhiên, đó là điều anh muốn. Nhưng khi ngủ, nom anh như lại trở về là đàn bà.

Tôi trở ra hiên, đọc tiếp - trở lại với con đường bên ngoài Smolensk đầy những xác chết đóng băng dọc hai bên lề.

Oshima ngủ độ hai tiếng. Sau khi trở dậy anh ra hiên, nhìn chiếc xe của mình. Con đường núi không trải nhựa, bụi bặm, đã biến chiếc Miata màu xanh của anh thành ra gần như trắng. Anh vươn vai một cái thật đã rồi ngồi xuống cạnh tôi. "Giờ là mùa mưa," anh vừa nói vừa dụi mắt. "Nhưng năm nay, ít mưa. Nếu sắp tới không mưa thì

Takamatsu đến thiếu nước mất."

"Miss Saeki có biết em ở đây không?" tôi đánh bạo hỏi.

"Không," anh lắc đầu, "mình không nói gì với bà. Thậm chí bà cũng không biết là mình có một căn nhà gỗ trên này. Cứ giữ bí mật với bà thì tốt hơn, như vậy bà khỏi dính líu vào chuyện này. Bà biết càng ít, càng đỡ phải nghĩ cách nói dối."

Tôi gật đầu. Đó chính là điều tôi muốn nghe.

"Trước đây, bà đã dính líu quá đủ rồi," Oshima nói, "nên bây giờ khỏi cần thêm vụ này nữa.

"Em đã kể với bà chuyện cha em mới chết," tôi nói với anh. "Chuyện ông bị ám sát. Trừ chuyện cảnh sát đang truy tìm em."

"Bà rất thông minh. Ngay cả hai chúng tôi không ai nhắc đến chuyện đó, mình vẫn có cảm giác là bà hình dung được những gì đang diễn ra. Cho nên nếu mai mình nói với bà là cậu có việc phải đi vắng một thời gian để giải quyết và nhờ mình chuyển lời chào bà, mình chắc bà sẽ không hỏi thêm gì cụ thể. Ngay cả nếu mình chỉ nói thế thôi, bà cũng sẽ cho qua."

Tôi gật đầu.

"Nhưng cậu muốn gặp bà, phải không?"

Tôi không đáp. Tôi không biết diễn đạt thế nào, nhưng câu trả lời chả có gì là khó đoán.

"Mình cũng hơi ái ngại cho cậu," Oshima nói, "nhưng như mình đã nói ban nãy, mình nghĩ hai người nên ngừng gặp nhau trong một thời gian."

"Nhưng có thể em sẽ chẳng bao giờ được gặp lại bà nữa."

"Có thể thế," Oshima thừa nhận sau một thoáng suy nghĩ. "Điều này kể ra cũng khá hiển nhiên, nhưng chừn gnào sự việc chưa xảy đến tức là chưa có nó. Và nhiều khi nó lại không như ta tưởng."

"Nhưng không biết Miss Saeki cảm thấy thế nào nhỉ?"

Oshima nheo mắt nhìn tôi:

"Về chuyện gì?"

"Em muốn nói... nếu bà biết sẽ không bao giờ gặp lại em, bà có cảm thấy giống như em lúc này không?"

Oshima mỉm cười:

"Tại sao cậu hỏi mình điều đó?"

"Em không biết và có lẽ vì thế nên em mới hỏi anh. Yêu một người, khao khát người ấy hơn mọi thứ trên đời, đó là một trải nghiệm hoàn toàn mới. Mặt khác, có một người khao khát *mình* cũng vậy."

"Cậu hoang mang không biết làm gì?"

Tôi gật đầu:

"Chính thế."

"Cậu tự hỏi liệu Miss Saeki có chia sẻ những tình cảm trong sáng và mãnh liệt cậu dành cho bà," Oshima bình luận.

Tôi lắc đầu. "Nghĩ đến điều đó thật đau lòng."

Oshima im lặng một lúc, nheo mắt nhìn ra cánh rừng. Chim chóc thoăn thoắt chuyền cành. Anh chắp hai tay sau đầu. "Mình hiểu tình cảm của cậu," cuối cùng, anh nói. "Nhưng đây là một điều cậu phải tự nghĩ ra. Không ai có thể giúp cậu. Đó là cái đặc biệt của tình yêu, Kafka ạ. Cậu là kẻ có được những cảm giác tuyệt vời ấy, nhưng cậu phải một mình lặn lội qua đêm tối. Cả tinh thần và thể xác cậu phải chịu đựng điều đó. Hoàn toàn đơn độc."

Khoảng hai giờ hơn, anh sẵn sàng lên đường.

"Nếu cậu dè sẻn," anh bảo tôi, "chỗ thực phẩm có thể dùng được một tuần đấy. Lúc ấy, mình sẽ trở lại. Nếu có chuyện đột xuất khiến mình không đến được, mình sẽ nhờ anh trai mình mang đồ tiếp tế đến. Anh ấy ở cách đây một giờ xe hơi thôi. Mình đã bảo anh ấy là cậu ở đây. Vậy cậu khỏi lo. Ô-kê?"

"Vâng."

"Và như mình đã dặn cậu lần trước, phải hết sức cẩn thận khi vào rừng đấy. Nếu lạc thì không tìm thấy đường ra đâu."

"Em sẽ cẩn thận."

"Ngay trước khi Thế chiến thứ hai bắt đầu, một đơn vị lớn của quân đội Thiên hoàng đã tập trận giả ở đây với tình huống giả định là chiến đấu với quân đội Xô Viết trong rừng rậm Siberi. Mình đã kể cậu nghe chuyện ấy chưa nhỉ?"

"Chưa."

"Hình như mình đã quên mất điều quan trọng nhất," Oshima vỗ vỗ vào thái dương, ngượng ngập nói.

"Nhưng đây không giống rừng Siberi," tôi nói.

"Cậu nói đúng. Cây ở đây thuộc loại có lá rộng bản, còn cây rừng Siberi thuộc bộ thông, nhưng mình đoán là họ không bận tâm đến chi tiết ấy. Cái chính là tập hành quân trong rừng với tất cả trang thiết bị chiến đấu trên vai và thực tập chiến đấu."

Anh rót một tách cà phê từ chiếc phích tôi chuẩn bị cho anh, bỏ thêm một thìa đường và xuýt xoa ra chiều thích thú.

"Quân đội đề nghị với cụ cố mình cho họ sử dụng khu vực này để luyện tập và cụ đồng ý. Xét cho cùng, có ai khác sử dụng đến nó đâu. Đơn vị hành quân lên đây theo con đường chúng ta đã vượt qua bằng xe hơi, rồi đi vào rừng. Nhưng khi tập xong, điểm danh thì phát hiện thấy thiếu hai người. Họ biến mất tăm với toàn bộ trang thiết bị

chiến đấu trong khi tập, cả hai cùng là tân binh mới toe. Toàn đơn vị chia nhau đi tìm khắp nơi, chẳng thấy đâu. (Anh nhấp thêm một ngụm cà phê). Cho đến nay, không ai biết là họ lạc thật hay đào ngũ. Rừng quanh đây rậm khôn lường và khó mà kiếm ra cái gì ăn được."

Tôi gật đầu.

"Có một thế giới song hành với thế giới chúng ta và trong chừng mực nào đó, ta có thể bước vào thế giới ấy và trở về an toàn, nếu ta thận trọng. Nhưng quá một điểm nào đó, ta sẽ lạc vào một mê cung và không tìm thấy đường ra. Cậu có biết khởi thủy cái ý mê cung từ đâu ra không?"

Tôi lắc đầu.

"Có lẽ từ những cư dân cổ xưa của miền Lưỡng Hà. Họ moi ruột thú vật - mình ngờ là đôi khi cả ruột người nữa - và dựa vào những uốn khúc ngoằn ngoèo ấy mà tiên đoán tương lai. Cho nên, nói tóm lại, nguyên mẫu của mê cung là ruột. Có nghĩa là nguyên lý của mê cung ở bên trong ta. Và cái đó tương ứng với một mê cung *bên ngoài*."

"Lại một ẩn dụ," tôi bình luận.

"Đúng. Một ẩn dụ qua lại. Sự vật bên ngoài ta là phóng chiếu của những gì bên trong ta và những gì bên trong ta là phóng chiếu của những cái bên ngoài. Cho nên khi ta bước vào cái mê cung bên ngoài thì đồng thời, ta cũng bước vào cái mê cung bên trong. Rất chi là nguy hiểm."

"Kiểu như Hansel và Gretel[33]."

"Đúng, y như hai đứa bé ấy. Rừng luôn giăng bẫy, dù anh có làm gì và cẩn thận đến đâu, cũng có những con chim tinh mắt ăn hết những mẩu bánh vụn của anh."

"Em hứa là sẽ cẩn thận, tôi nói."

Oshima hạ mui chiếc Miata xuống và chui vào xe. Anh đeo cặp kính râm và đặt tay lên cần sang số. Rừng dội lại tiếng rồ máy khởi động. Anh vuốt tóc ra sau, khẽ vẫy tay chào và phóng đi. Xe chạy đến đâu, bụi cuồn cuộn bốc lên đến đấy, nhưng gió mau chóng xua tan đi.

Tôi trở vào căn nhà gỗ. Tôi nằm xuống chiếc giường anh vừa ngả lưng và nhắm mắt lại. Nghĩ lại thì đêm qua, tôi cũng chả ngủ được mấy. Gối và chăn còn mang dấu vết của Oshima, hay đúng hơn, dấu vết *giấc ng*ủ của anh. Tôi gieo mình trên những dấu vết ấy. Tôi mới ngủ được nửa tiếng thì bên ngoài bỗng vang lên một tiếng thịch như thể một cành cây gãy và rơi xuống đất. Tiếng động làm tôi thức giấc. Tôi đứng dậy, bước ra hiên nhìn xem, nhưng mọi thứ vẫn nguyên như cũ. Có thể đó là một thứ âm thanh bí ẩn mà thi thoảng, rừng thường phát ra. Hoặc có thể tôi mơ. Tôi không phân định được.

Tôi ngồi ngoài hiên, đọc sách cho đến lúc mặt trời lặn.

Tôi soạn bữa đơn giản và lặng lẽ ăn. Rửa bát đĩa xong, tôi ngả mình trên chiếc sofa cũ và nghĩ về Miss Saeki.

"Như Oshima nói, Miss Saeki là người rất thông minh, hơn nữa lại có cách ứng xử rất riêng," cái thằng tên là Quạ nói. (Nó ngồi cạnh tôi trên chiếc sofa, y như khi chúng tôi ở trong "sào huyệt" của cha tôi). Bà ấy khác xa mày."

Bà ấy khác xa mày. Bà đã vượt qua đủ mọi trở ngại, mà đâu phải là trở ngại bình thường. Bà am tường đủ mọi điều mà mày chẳng hay biết mảy may, bà đã trải nghiệm nhiều cung bậc cảm xúc mà mày chưa bao giờ cảm thấy. Càng sống lâu, con người càng học được cách phân biệt cái quan trọng với cái thông phàm. Bà đã phải đưa ra nhiều quyết định gay go và đã thấy kết quả do những quyết định đó mang lại. Thêm một điểm nữa khác xa mày. Mày chỉ là một đứa trẻ sống trong một thế giới chật hẹp và rất ít trải nghiệm. Mày khổ luyện để trở nên khỏe hơn và trong chừng mực nào đó, mày đã thành công. Đó là một thực tế. Nhưng bây giờ, mày đang ở một thế giới mới, trong một tình huống chưa từng biết đến. Đó là điều hoàn toàn mới đối với mày, cho nên đương nhiên là mày cảm thấy bối rối.

Đương nhiên là mày cảm thấy bối rối. Có một điều mày không hiểu rõ lắm: phụ nữ có ham muốn tình dục hay không? Về lý thuyết thì tất nhiên là có, điều đó, đến cả mày cũng biết. Nhưng ham muốn ấy thực sự như thế nào, nó biểu hiện ra sao thì mày mù tịt. Ham muốn tình dục của bản thân mày thì rất đơn giản. Nhưng ham muốn tình dục của phụ nữ, nhất là ở Miss Saeki, lại là một bí ẩn tuyệt đối. Khi bà ôm mày, bà có cảm thấy sự ngây ngất về thể xác như mày không nhỉ? Hay một cái gì hoàn toàn khác?

Càng nghĩ về điều đó, mày càng tức vì nỗi mới mười lăm tuổi. Mày cảm thấy vô vọng. Giá như mày hai mươi - không, chỉ mười tám thôi cũng tốt, miễn không phải mười lăm - ắt mình có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa lời nói và hành động của bà. Như vậy mày có thể đáp ứng một cách thỏa đáng. Mày được hưởng một cái gì tuyệt vời, một cái gì lớn lao đến mức rồi đây có thể mày sẽ không bao giờ được trải nghiệm một lần nữa. Thế mà mày lại không thể thực sự hiểu được nó tuyệt vời đến mức nào. Điều đó làm mày bứt rứt và cuối cùng, đi đến tuyệt vọng.

Mày cố hình dung lúc này bà đang làm gì. Hôm nay là thứ Hai, thư viện đóng cửa. Những ngày nghỉ, bà làm gì nhỉ? Mày mường tượng bà đang ở nhà, giặt đồ, quét dọn lau cùi, ra ngoài mua sắm, từng cảnh đó vụt lóe lên trong trí tưởng tượng của mày. Càng tưởng tượng, mày càng cảm thấy khó ngồi yên chỗ. Mày muốn biến thành một con quạ táo tợn, bay ra khỏi căn lều này, băng qua đồi núi,

đến đậu bên ngoài căn hộ của bà và ngắm nhìn bà mãi mãi.

Cũng có thể bà ghé qua thư viện vào vào phòng mày. Bà gõ cửa nhưng không ai trả lời. Cửa không khóa. Bà phát hiện ra là mày không còn ở đó. Giường nệm xếp gọn gàng và đồ đạc của mày đã biến mất. Bà tự hỏi mày biến đi đâu. Có thể bà đợi một lát xem mày có trở về chăng. Bà ngồi vào bàn, tay chống cằm, đăm đăm nhìn bức *Kafka bên bờ biển*. Nghĩ về quá khứ tàng ẩn trong bức tranh đó. Nhưng dù có đợi bao lâu, mày cũng chẳng trở về, cuối cùng, bà đành bỏ cuộc và đi khỏi. Bà ra chỗ chiếc Golf của mình ở bãi đậu xe và khởi động máy. Mày tuyệt nhiên không muốn bà bỏ đi như thế. Mày muốn ôm lấy bà, muốn hiểu từng cử động của thân thể bà nói gì. Nhưng mày không có ở đó. Mày đang trơ trọi một mình ở một nơi cách biệt với mọi người.

Mày nằm vào giường và tắt đèn, hy vọng bà hiện ra trong căn phòng *này*. Không cần phải là Miss Saeki thật - cô gái mười lăm nọ cũng được. Xuất hiện dưới hình thức nào - linh hồn sống hay ảo ảnh - không quan trọng, miễn là mày được thấy bà, được có bà bên cạnh. Đầu mày đầy ắp ý nghĩ về bà đến độ muốn vỡ toác, thân thể mày muốn nổ tung thành từng mảnh. Nhưng tha hồ cho mày ao ước có bà ở bên, tha hồ cho mày đợi, bà vẫn không xuất hiện. Tất cả những gì mày nghe thấy chỉ là tiếng gió lao xao bên ngoài, tiếng chim gù khe khẽ trong đêm. Mày nín thở, căng mắt nhìn vào bóng tối. Mày lắng nghe tiếng gió, ráng đọc một cái gì trong đó, dù chỉ là một thoáng ý mơ hồ. Nhưng bao quanh mày chỉ là lớp lớp bóng tối. Cuối cùng, mày bỏ cuộc, nhắm mắt lại và ngủ thiếp đi.

Chương 38

Hoshino tìm các hãng thuê xe trong cuốn Những Trang Vàng, chọn đại một hãng và gọi điện thoại đến.

"Tôi chỉ cần một chiếc xe trong vài ngày," gã giải thích, "nên một chiếc xe du lịch bình thường cũng được. Không cần to lắm, không cần hào nhoáng."

"Có lẽ tôi không nên nói điều này," người nhân viên nói, "nhưng vì chúng tôi chỉ cho thuê loại xe Mazda nên không có lấy một chiếc nào hào nhoáng cả. Vậy ông yên tâm."

"Tốt."

"Một chiếc Familia có được không? Loại này rất đáng tin cậy. Đảm bảo là không ai để ý."

"Nghe có lý đấy. Vậy là một chiếc Familia nhé." Hãng này ở gần ga và Hoshino hẹn độ một tiếng nữa, gã sẽ đến lấy xe.

Gã đi taxi đến, xuất trình thẻ tín dụng và bằng lái, rồi thuê chiếc xe đã chọn trong hai ngày. Đúng như lời quảng cáo, chiếc Familia trong bãi đậu hoàn toàn không lộ liễu chút nào. Quay mắt khỏi nó một lúc là chả còn nhớ hình dạng nó ra sao. Một thành tựu hoàn hảo trong lĩnh vực giữ kín tung tích.

Trên đường về, Hoshino dừng lại ở một hiệu sách, mua một tấm bản đồ thành phố Takamatsu và hệ thống xa lộ của vùng Shikoku. Gã tạt vào một cửa hàng CD xem có đĩa Tam tấu *Archduke* của Beethoven không, nhưng cửa hàng này chỉ có một ngăn nhỏ dành cho nhạc cổ điển và chỉ có một bản phổ thông rẻ tiền của tác phẩm này. Tiếc thay, không phải do dàn Tam tấu Triệu Đô chơi, nhưng Hoshino cứ mua đại với giá một nghìn *yen*.

Về đến nhà, một mùi thơm êm dịu tỏa khắp. Nakata đang lúi húi trong bếp làm một món ra-gu và đậu phụ rán.

"Chẳng có việc gì làm, nên lão nấu mấy món ăn," lão giải thích.

"Tuyệt vời," Hoshino nói. "Mấy hôm toàn ăn ngoài, giờ được bữa nấu tại gia để thay đổi, thật hay quá. Ông này, cháu thuê được xe rồi. Đậu ở ngoài kia kìa. Ông có cần ngay không?"

"Không, mai hẵng hay. Hôm nay, Nakata còn phải nói chuyện thêm với phiến đá."

"Một ý hay. Bàn bạc là quan trọng. Dù là với người hay với vật, có bàn luận trao đổi vẫn hơn. Ông biết không, những lúc lái xe, cháu vẫn thường nói chuyện với cái máy nổ đấy. Nếu chú ý lắng nghe thật kỹ, người ta có thể nghe được đủ mọi thứ."

"Nakata này không nói chuyện được với máy nổ, nhưng bàn bạc công việc thì đúng là quan trọng."

"Vậy với phiến đá thì sao? Có thể giao lưu được chứ?"

"Bắt đầu."

"Thế thì tốt. Chau cứ thắc mắc không biết phiến đá có phật ý vì bị chúng ta mang đến đây không?"

"Không, hoàn toàn không. Theo chỗ lão hiểu, phiến đá bất cần cái đó, ở đâu cũng được."

"Chà... nghe nhẹ cả người," Hoshino thở phào. "Nói cho cùng, chúng ta đã tai qua nạn khỏi, chứ nếu phiến đá ra tay thì chúng ta khốn đốn rồi."

Cả buổi chiều, Hoshino nghe đĩa CD mới của mình. Diễn tấu không tráng lệ đến mức không thể quên được như đĩa gã đã nghe ở tiệm cà phê. Gò bó hơn và đều đều đều, nhưng nói chung không đến nỗi tồi. Gã nằm dài trên giường lắng nghe. Giai điệu đẹp thấm vào gã và những nét fuga uốn lượn tinh tế làm gã xao xuyến đến tận đáy lòng.

Nếu mình nghe bản này cách đây một tuần, gã nghĩ thầm, chắc mình đã không hiểu gì hết, hoặc thậm chí không buồn tìm hiểu nữa. Nhưng tình cờ mình tạt vào tiệm cà phê ấy, ngả người trên chiếc ghế êm thoải mái, thưởng thức tách cà phê thơm ngon mà nghe nhạc. Và thế là mình ngộ Beethoven - thật khó tin! Sự gặp gỡ này với âm nhạc cổ điển quả là kỳ diệu.

Gã mở đi mở lại chiếc CD, trắc nghiệm khả năng thẩm nhạc mới phát hiện nơi gã. Chiếc CD này còn có một tác phẩm khác của Beethoven, tam tấu *Hồn Ma*. Không dở, nhưng gã thích tam tấu *Archduke* hơn hẳn. Sâu hơn nhiều, gã kết luận. Suốt thời gian đó, Nakata lui vào một góc, ngồi trước phiến đá trắng, miệng lẩm nhà lẩm nhẩm. Thi thoảng, lão lại gật đầu hoặc vò tóc. Mỗi người đắm trong thế giới riêng của mình.

"Mở nhạc có làm phiền ông không?" Hoshino nói.

"Không, không sao. Âm nhạc không làm phiền lão. Với lão, nó giống như gió ấy mà."

"Như gió à?"

Đến sáu giờ, Nakata làm bữa chiều: cá hồi nướng và nộm cộng với mấy món phụ do lão sáng chế. Hoshino bật tivi, xem có diễn biến gì mới về vụ án mạng không. Nhưng không thấy nhắc gì đến vụ đó. Chỉ có những tin khác: một vụ bắt cóc một bé gái, những cuộc trả đũa lẫn nhau thường xuyên như cơm bữa giữa Israel và Palestine, một tai nạn giao thông khủng khiếp trên xa lộ ở miền Tây Nhật Bản, một băng cướp xe hơi do người nước ngoài cầm đầu, lời phát biểu

ngu xuẩn có tính chất kỳ thị của một bộ trưởng, thải nhân viên ở một số công ty ngành truyền thông. Không có lấy một tin vui vẻ nào.

Hai ông con ngồi ăn bữa tối.

"Ngon thật là ngon," Hoshino nói. "Ông quả là tay bếp cừ."

"Cám ơn. Nhưng cậu là người đầu tiên được lão nấu cho ăn đấy."

"Ông chưa bao giờ ăn cùng với bạn bè, hay họ hàng, hay bất kỳ ai sao?"

"Nakata này quen khá nhiều mèo, cái ăn của người và mèo khác hẳn nhau."

"À, phải," Hoshino nói. "Nhưng dù sao, bữa tối nay cũng tuyệt. Nhất là món nộm."

"Rất mừng là cậu đã ăn ngon miệng. Nakata này không biết đọc, nên đôi khi mắc những lầm lẫn kinh khủng trong bếp. Cho nên bao giờ lão cũng chỉ dùng một số chất liệu không thay đổi và nấu theo cùng một cách. Nếu biết đọc thì lão đã có thể chế đủ mọi món khác nhau."

"Những món này là hay rồi."

"Cậu Hoshino?" Nakata ngồi thẳng lưng lên và nói, giọng nghiêm trọng.

"Dạ?"

"Không biết đọc, khó sống lắm."

"Cháu cũng nghĩ thế," Hoshino nói. "Lời dẫn giải trên bìa đĩa CD này nói là Beethoven bị điếc. Ông là một nhà soạn nhạc trứ danh, hồi trẻ là nghệ sĩ dương cầm hàng đầu của châu Âu. Nhưng rồi một hôm, chắc là do bị bệnh, ông bắt đầu nghễnh ngãng và cuối cùng điếc hẳn, không nghe thấy gì nữa. Là nhạc sĩ mà không nghe thấy gì mới gay chứ. Ông có hiểu ý cháu không?"

"Lão nghĩ là có."

"Một nhà soạn nhạc điếc cũng giống như một đầu bếp hỏng vị giác. Một con ếch mất màng chân. Một lái xe bị tước bằng lái. Ai ở trong hoàn cảnh đó chẳng tuyệt vọng. Nhưng Beethoven không chịu khuất phục. Tất nhiên là lúc đầu, chắc ông cũng hơi suy sụp, nhưng ông không để cho bất hạnh quật ngã. Kiểu như *Dô huầy! Sóng cả không ngã tay chèo! Dô huầy!* ấy mà. Ông càng sáng tác nhiều và làm nên những tác phẩm vượt trội hơn bất cứ những gì ông từng viết trước đó. Cháu thật sự khâm phục ông ta. Như bản Tam tấu *Archduke* này - khi viết bản này, ông đã gần điếc, thật không thể tin nổi. Cháu muốn nói: ông không biết đọc, đó là nỗi khổ cực cho ông, nhưng đâu phải là tận thế. Ừ, có thể ông không biết đọc, nhưng có những điều chỉ mình *ông* làm được. Đó là những gì ông phải tập trung sức lực vào. Như khả năng nói chuyện với phiến đá chẳng hạn."

"Phải, giờ đây lão đã có thể trò chuyện với nó một ít rồi. Trước kia, Nakata này còn nói chuyện được với mèo."

"Chẳng ai khác có thể làm được chuyện đó, phải không nào? Nhiều người khác có thể đọc mọi cuốn sách họ muốn, nhưng không thể nói chuyện với đá hay với mèo."

"Cơ mà mấy hôm nay, Nakata này hay nằm mơ lắm. Trong giấc mơ, không biết tại sao, lão lại biết đọc. Lão không đần độn như bây giờ. Lão sướng quá, ra thư viện, đọc bao nhiêu là sách. Và lão nghĩ: biết đọc quả là tuyệt vời! Lão đọc hết quyển này sang quyển khác, nhưng rồi bỗng nhiên đèn trong thư viện vụt tắt và thế là tối om. Có người tắt đèn. Lão không đọc thêm được cuốn sách nào nữa. Thế rồi lão tỉnh dậy. Ngay cả trong mơ, biết đọc vẫn cứ là tuyệt vời."

"Hay thật...," Hoshino nói. "Coi như cháu đây, rõ ràng là biết đọc, thế mà chẳng mấy khi cầm đến quyển sách. Thế giới này quả là một nơi lộn tùng bậy."

"Cậu Hoshino?" Nakata hỏi.

"Gì hả ông?"

"Hôm nay là thứ mấy?"

"Thứ Bảy."

"Vậy mai là Chủ nhật?"

"Bình thường thì thế."

"Sáng mai, cậu lái xe cho lão được không?"

"Đương nhiên là được, nhưng ông muốn đi đâu?"

"Nakata này chưa biết. Khi nào vào xe, lão sẽ nghĩ."

"Ông tin hay không thì tùy, nhưng cháu đã biết là ông sẽ nói thế mà," Hoshino nói.

Sáng hôm sau, Hoshino dậy vào quãng bảy giờ hơn. Nakata đã ở trong bếp, chuẩn bị bữa điểm tâm. Hoshino vào toa-lét, rửa mặt bằng nước lạnh, cạo mặt bằng dao cạo râu điện. Bữa ăn sáng gồm có cơm, xúp miso với cà, cá thu khô và dưa góp. Hoshino ăn hai bát cơm.

Trong khi Nakata rửa bát đĩa, Hoshino xem thời sự trên tivi. Lần này thì có một tin ngắn về vụ án mạng ở Nakano. "Mười ngày đã qua kể từ khi sự kiện xảy ra mà cảnh sát vẫn chưa tìm ra manh mối gì," giọng người phát thanh viên đài truyền hình NHK đều đều. (Cánh cổng uy nghi của một ngôi nhà lóe sáng trên màn hình, có biển cấm vào cùng một lính canh bên ngoài). "Việc truy tìm cậu con trai mười lăm tuổi của nạn nhân, mất tích ngay trước vụ án mạng, vẫn tiếp tục, nhưng chưa mang lại kết quả nào. Người ta cũng đang truy tìm một người đàn ông ngoài sáu mươi tuổi cư trú ở khu vực đó; người này, ngay sau khi xảy ra vụ án mạng, đã đến một đồn cảnh sát cung cấp thông tin về vụ đó. Hiện vẫn chưa rõ giữa hai người này có mối

liên quan gì không. Do đồ đạc trong nhà không bị đảo lộn, cảnh sát nghĩ rằng đây là một hành động báo thù cá nhân, chứ không phải diễn biến xấu đi của một vụ trộm, nên họ đang điều tra bạn bè và người quen của ông Tamura. Ở Bảo tàng Mỹ thuật Hiện đại Quốc gia Tokyo, nơi các thành tựu của ông Tamura được tôn vinh..."

"Ông ơi!" Hoshino gọi tôi về phía Nakata đang ở trong bếp.

"Gì thế?"

"Ông có biết con trai người bị ám sát ở Nakata không? Thằng bé mười lăm tuổi ấy?"

"Không, lão không biết. Lão chỉ biết Johnie Walker và con chó của ông ta thôi."

"Thế à?" Hoshino nói. "Cảnh sát cũng đang tìm thằng bé này. Hình như là con một. Không thấy nhắc gì đến mẹ nó. Cháu đoán nó bỏ nhà đi ngay trước khi xảy ra vụ án mạng và hiện vẫn mất tích."

"Thế à..."

"Cái vụ án mạng này thật rắc rối," Hoshino nói. "Nhưng cảnh sát là bọn rất kín miệng - họ biết nhiều hơn những điều họ nói ra. Theo Đại tá Sanders, họ đang dò theo dấu vết của ông và biết ông đang ở Takamatsu. Hơn nữa, họ còn biết có một gã đẹp trai như cháu đang đi cùng ông. Nhưng họ chưa tiết lộ điều đó với giới truyền thông. Họ sợ nếu để lộ họ biết chúng ta ở đây, chúng ta sẽ phới đi nơi khác. Vì thế về mặt công khai, họ làm như không biết chúng ta ở đâu. Thật là khôn ngoan, cái bọn cớm ấy!"

Đến tám rưỡi, họ lên chiếc xe thuê đậu ngoài đường. Như mọi khi, Nakata vẫn mang theo chiếc phích đựng đầy trà nóng cùng với những vật dụng trung thành: chiếc mũ rúm ró, cái ô và chiếc túi vải bố. Lúc rời khỏi căn hộ, Hoshino đang định chụp chiếc mũ Chunichi Dragons, đeo kính râm Ray Bans mắt xanh và mặc một chiếc sơ mi Hawai. Ở Takamatsu này, ắt chẳng có mấy ai có trang phục như thế, và gã sẽ lồ lộ ra trước mọi con mắt. Vì thế Đại tá Sanders mới để sẵn trong tủ những sơ mi polo xanh nước biển không gây chú ý - ông ta đã dự kiến trước điều này. Ông ta không bỏ sót gì, Hoshino nghĩ vậy và bỏ lại cả kính lẫn mũ.

"Nào, đi đâu?" gã hỏi.

"Đi đâu cũng được," Nakata đáp. "Vòng vòng thành phố."

"Ông chắc thế chứ?"

"Cậu thích đi đâu thì đi. Lão sẽ ngắm cảnh thôi."

"Quả là chưa từng thấy," Hoshino nói. "Cháu đã lái xe mòn tay lái - cả trong LLTV lẫn ở trong xe ở công ty xe tải - và cháu có thể nói mình là một tay lái nghiêm chỉnh. Mỗi khi ngồi sau vô lăng, cháu biết mình sẽ đi đâu và phóng thẳng tới đó. Cung cách của cháu là thế.

Nhưng quả chưa từng có ai bảo cháu: *Cậu thích đi đâu thì đi, hay Đi đâu cũng được.* Ông làm cháu đến là hoang mang."

"Nakata này rất lấy làm tiếc."

"Không sao... khỏi phải xin lỗi. Cháu sẽ cố làm thật tốt, Hoshino nói và đẩy chiếc CD Tam tấu *Archduke* vào ổ. Cháu sẽ lái lòng vòng khắp thành phố trong khi ông ngắm cảnh, được chưa?"

"Vâng, thế thì tốt."

"Cháu sẽ dừng lại khi nào ông thấy cái ông tìm. Và lúc đó, câu chuyện sẽ phát triển theo một hướng mới. Cháu hiểu thế có đúng không?"

"Vâng, đó là điều có thể xảy ra," Nakata đáp.

"Ta hãy hy vọng là thế," Hoshino nói và giở tấm bản đồ thành phố trên đùi mình.

Hai ông con dạo xe khắp thành phố, Hoshino đánh dấu trên bản đồ từng con phố đã đi qua rồi đi tiếp sang phố khác. Thỉnh thoảng, họ dừng một lát để cho Nakata uống một tách trà và Hoshino hút một điếu Marlboro. Đĩa Tam tấu Archduke được mở đi mở lại. Đến trưa, họ ghé một nhà hàng, ăn cơm cà ri.

"Nhưng ông tìm cái quái gì mới được chứ?" Hoshino hỏi sau bữa ăn.

"Lão không biết. Nhưng lão nghĩ..."

"... ông sẽ biết khi ông nhìn thấy nó chứ gì? Và trước khi ông nhìn thấy, ông vẫn chưa biết nó là cái gì."

"Phải, đúng thế."

Hoshino uể oải lắc đầu.

"Cháu biết là ông sẽ trả lời thế, nhưng vẫn cứ phải hỏi cho chắc."

"Cậu Hoshino?"

"Sao kia?"

"Có thể phải lâu lâu một chút lão mới tìm ra."

"Được thôi. Ta cứ làm hết sức mình. Đâm lao thì phải theo lao."

"Ta phải ném lao ư?" Nakata hỏi.

"Không. Tạm thời thì chưa cần."

Ba giờ. Họ ghé một quán giải khát. Hoshino gọi một tách cà phê. Nakata bối rối không biết nên gọi gì, cuối cùng chọn sữa đá. Lúc này, Hoshino thấm mệt sau nhiều giờ lái, không buồn nói chuyện. Beethoven nghe mãi cũng ngán. Lái xe lòng vòng vô mục đích thế này không hợp với tính cách gã. Phải luôn luôn ghìm tốc độ, chú ý từng ly từng tí, gã đâm chán. Thỉnh thoảng lại có một chiếc xe tuần tra vượt qua và Hoshino phải cố hết sức tránh giao mắt với họ. Gã cũng cố tránh đi qua các trạm cảnh sát. Cho dù chiếc Mazda Familia có là

chiếc xe ít bắt mắt nhất trên đường, nhưng nếu cảnh sát thấy nó qua lại nhiều lần, họ có thể sinh nghi và ách lại hỏi giấy tờ. Gã lái rất thận trọng, đảm bảo tuyệt đối không va quệt vào ai. Một tai nạn có thể làm hỏng mọi sự.

Trong khi Hoshino lái quanh thành phố, vừa đi vừa tra bản đồ. Nakata ngồi im phăng phắc, tay đặt lên thành cửa, nhìn quang cảnh lướt qua bên ngoài, chăm chăm tìm một cái gì đó, hệt như một đứa trẻ hay một con chó ngoan. Mỗi người tập trung vào nhiệm vụ của mình cho đến chiều, hầu như không trao đổi với nhau lời nào.

"Bạn tìm gì vậy?" Sốt ruột, Hoshino cất tiếng hát một cau khúc của Inoue Yosui. Gã không nhớ hết lời nên bịa ra mấy câu sau.

Bạn đã tìm thấy chưa?

Mặt trời sắp lặn...

Dạ dày Hoshino đang gào.

Lái lòng vòng chóng mặt đau đầu.

Họ trở về nhà vào lúc sáu giờ.

"Mai ta lại tiếp tục," Nakata đề nghị.

"Hôm nay, ta đã đi bao nhiêu đường đất rồi, có lẽ mai ta sẽ đi hết thành phố, không sót chỗ nào," Hoshino nói. "Mà này! Cháu muốn hỏi ông một câu."

"Là câu gì?"

"Nếu ông không thấy cái ông tìm ở Takamatsu thì sao?"

Nakata vò đầu thật mạnh.

"Nếu không thấy ở Takamatsu thì phải tìm xa hơn nữa."

"Và nếu vẫn không thấy thì chúng ta phải làm gì?"

"Nếu vậy thì ta lại phải tìm xa hơn nữa."

"Có nghĩa: cứ tiếp tục mở rộng diện, cuối cùng, ta sẽ tìm ra nó. Như câu tục ngữ: *Chó đi vòng mãi cũng đụng phải gậy."*

"Phải, lão nghĩ kết cục sẽ là thế," Nakata nói. "Cơ mà Nakata này có điều không hiểu. Tại sao con chó lại phải đụng vào gậy nếu nó đi vòng? Nếu thấy gậy trước mặt, nó có thể né tránh chứ?"

Câu hỏi bất ngờ khiến Hoshino bối rối. "Ờ, cháu thấy ông cũng có lý. Trước đây, cháu chưa bao giờ nghĩ đến điều đó."

"Quả là rất kỳ lạ."

"Ta hãy tạm gác chuyện chó và gậy lại đã, được không?" Hoshino nói. "Bàn thêm chỉ rách việc. Điều cháu muốn biết là ta sẽ mở rộng diện tìm kiếm đến đau. Nếu không canh chừng, khéo ta sang tỉnh khác lúc nào không biết - Ehime hay Kochi hay một nơi nào đó. Chẳng mấy chốc là hè qua, thu tới."

"Có thể thế đấy. Nhưng dù vào thu hay sang đông thì lão vẫn cứ phải tìm cho ra. Lão biết lão không thể nhờ cậu giúp mãi được. Nakata này sẽ đi bộ một mình và tiếp tục tìm."

"Khoan hãy lo chuyện ấy vội," Hoshino lắp bắp. "Nhưng liệu phiến đá có thể gợi ý giúp ta điều gì chăng? Thậm chí một phương hướng *áng chừng* cũng là tốt."

"Nakata này rất lấy làm tiếc, nhưng phiến đá chả nói gì mấy."

"Phải, cháu thấy cu cậu không phải là loại lắm lời," Hoshino nói. "Cháu nghĩ cậu cũng chẳng phải là tay bơi giỏi. Dù sao bây giờ... Khỏi cần đau đầu về chuyện ấy. Đêm nay, hãy đánh một giấc ngon lành để xem ngày mai mang lại những gì."

Hôm sau lại vẫn nguyên nếp cũ, Hoshino cho xe chạy lòng vòng nửa phía Tây của thành phố. Giờ đây, tấm bản đồ thành phố của gã đầy những vạch vàng. Điểm duy nhất khác biệt với hôm trước là gã ngáp nhiều hơn hôm trước. Nakata thì cứ dán mặt vào cửa kính, chăm chú nghiên cứu quang cảnh lướt qua. Hai người hầu như không trò chuyện. Nakata vẫn không thấy cái mình tìm.

"Hôm nay là thứ Hai phải không?" Nakata hỏi.

"Vâng. Hôm qua là Chủ nhật, vậy hôm nay là thứ Hai," Hoshino nói. Rồi chẳng biết làm gì khác, gã nghêu ngao hát, bịa cả nhạc lẫn lời:

Nếu hôm nay là thứ Hai

Mai ắt là thứ Ba

Kiến chăm làm còn én chỉ biết diện.

Ống khói cao mặt trời tà đỏ rực.

"Cậu Hoshino?" Nakata nói sau một lát.

"Dạ?"

"Người ta có thể nhìn kiến làm việc thật lâu mà không chán."

"Cháu nghĩ ông nói đúng," Hoshino đáp.

Đến trưa, họ vào một tiệm đặc sản lươn và gọi món chủ lực ngày hôm đó: cơm lươn. Ba giờ, họ ghé một tiệm cà phê, Hoshino uống cà phê, còn Nakata trà tảo biển. Sáu giờ chiều, tấm bản đồ của Hoshino thành một mớ những vạch vàng đánh dấu, những bánh xe vô danh của chiếc Familia đã lăn trên từng phân mét đường thành phố, mà vẫn chẳng may mắn gì hơn.

"*Bạn tìm gì vậy?*" Hoshino lại hát bằng một giọng uể oải. "*Đã tìm thấy chưa?/ Đi khắp thành phố/ Ê cả đít/ Về nhà đi thôi.*"

"Nếu cứ tiếp tục như thế này, chẳng mấy chốc cháu thành người viết ca khúc kiêm ca sĩ mất," gã nói vậy sau khi hát.

"Thế là thế nào?" Nakata hỏi.

"Ông đừng để tâm. Một câu đùa vô hại thôi mà."

"Quyết định dừng ở đó, họ ra xa lộ, hướng thẳng về nhà. Mải nghĩ, Hoshino rẽ trái nhầm lối. Gã cố tìm cách trở lại xa lộ, nhưng con đường ngoặt theo một góc kỳ lạ, đi sâu vào một mê cung toàn đường một chiều và chẳng mấy chốc, gã đâm lạc hoàn toàn. Chưa kịp nhận ra, họ đã ở giữa một khu dân cư họ chưa tới bao giờ, một khu nom hơi cổ nhưng sang trọng, các nhà đều có tường cao bao bọc. Đường phố vắng tanh và yên tĩnh lạ lùng.

"Cháu nghĩ đây cũng không xa căn hộ của chúng ta lắm, nhưng cháu không định vị được là chúng ta đang ở đâu," Hoshino thừa nhận. Gã đậu xe vào một bãi trống, tắt máy, cố định cần phanh tay rồi giở bản đồ ra xem. Gã kiểm tra tên khu vực và số hiệu phố trên một bảng điện gần đó rồi tìm trên bản đồ, nhưng không thấy. Có lẽ vì mắt gã đã mệt.

"Cậu Hoshino?" Nakata hỏi.

"Dạ?"

"Xin lỗi làm phiền cậu, nhưng tấm biển trên cái cổng đằng kia viết gì vậy?"

Hoshino ngẩng đầu lên khỏi tấm bản đồ và đưa mắt nhìn về hướng Nakata đang chỉ. Cuối một bức tường cao, cạnh một cổng kiểu cổ đóng kín, có gắn một tấm biển gỗ lớn.

"*Thư viện Tưởng niệm Komura,*" Hoshino đọc. "Cha, một thư viện ở cái nơi vắng vẻ này của thành phố ư? Thậm chí không ra một thư viện, mà giống một dinh thự cũ hơn."

"T-h-ư v-i-ệ-n T-ư-ở-n-g n-i-ệ-m K-o-m-u-r-a?"

"Ông đọc đúng đấy. Chắc là để tưởng niệm một người tên là Komura. Nhưng cái ông Komura này là ai thì cháu không biết."

"Cậu Hoshino?"

"Dạ?"

"Nó đấy."

"Ông muốn nói... Nó?"

"Là cái nơi Nakata này đang tìm"

Hoshino lại ngẩng lên khỏi tấm bản đồ và nhìn thẳng vào mắt Nakata. Gã cau mày, nhìn tấm biển gỗ và đọc lại lần nữa. Gã rút ra một điếu Marlboro, cắm giữa đôi môi và châm bằng chiếc bật lửa plastic. Từ từ rít một hơi rồi thở khói ra qua cửa xe đã hạ kính.

"Ông chắc chứ?"

"Chắc, chính nó đấy."

"Sự *tình cờ* quả là dễ sợ, phải không?"

"Chí lý," Nakata tán thành.

Chương 39

Ngày thứ hai của tôi ở trong núi trôi qua chậm rãi, liền mạch. Điều duy nhất phân biệt ngày hôm trước với ngày hôm sau là thời tiết. Nếu thời tiết vẫn thế, tôi ắt sẽ mất hết khái niệm về các ngày nối tiếp nhau. Hôm qua, hôm nay, ngày mai - tất cả sẽ nhòe làm một. Như một con tàu không neo, thời gian lờ lững trôi trên biển rộng, không mục đích.

Tôi nhẩm tính ra hôm nay là thứ Ba. Ngày mà Miss Saeki thường có buổi hướng dẫn tham quan nếu có khách muốn tìm hiểu. Đúng là hôm đầu tiên tôi đặt chân tới thư viện... Tiếng giày cao gót cùa bà nện trên bậc cầu thang vang trong không gian tĩnh lặng. Đôi tất óng ánh, chiếc áo trắng sáng, đôi hoa tai nhỏ xíu, chiếc bút máy Mont Blanc trên bàn. Nụ cười điềm đạm đượm vẻ cam chịu. Tất cả những chi tiết ấy giờ đây dường như đã quá xa vời và hư ảo.

Ngồi trên chiếc sofa trong căn nhà gỗ, với mùi vải bạc màu bao quanh, hồi ức về những giờ phút ân ái dâng lên trong đầu tôi. Miss Saeki chậm rãi cởi quần áo, vào giường. Nhớ lại những hình ảnh đó, đương nhiên chim tôi cứng lên như đá nhưng quy đầu đã hết đỏ và không đau nữa.

Nhấm nháp mãi những huyễn tưởng tình dục ấy cũng mệt, tôi ra ngoài và bắt tay vào bài tập thể dục thường lệ. Tôi bám vào lan can thật nhanh, tiếp theo là vươn giãn mạnh. Đến lúc này, người tôi đã đẫm mồ hôi. Tôi lấy khăn nhúng xuống suối và lau mình. Nước lạnh làm thần kinh tôi dịu đi. Tôi ngồi xuống bậc thềm ngeh Radiohead qua chiếc Walkman. Từ ngày bỏ nhà đi, tôi toàn nghe đi nghe lại thứ nhạc ấy: *Kid A* của Radiohead, *Very Best of của Prince* và đôi khi *My Favourite Things* của Coltrane nữa.

Hai giờ chiều - đúng lúc bắt đầu chương trình tham quan thư viện - tôi xuất phát vào rừng. Tôi theo lỗi cũ đi một thôi, tới đoạn phát quang. Tôi ngồi xuống cỏ, dựa lưng vào một gốc cây và nhìn lên vòm trời qua những cành cây, thấy những đám mây trắng mùa hè. Cho đến quãng này, vẫn là an toàn: tôi có thể tìm được đường về căn nhà gỗ. Một mớ bòng bong đối với những ai mới tập tọng chơi game video - tôi có thể dễ dàng giải được Bước 1. Tuy nhiên, nếu đi xa hơn, tôi sẽ dấn vào một mê cung tinh vi hơn, đầy thách thức hơn. Lối đi càng lúc càng hẹp và tôi sẽ bị nuốt chửng giữa biển dương xỉ.

Tôi mặc kệ và cứ dấn bước.

Tôi muốn biết khu rừng này thực sự sâu đến nhường nào. Tôi biết là nguy hiểm, nhưng tôi muốn thấy tận mắt - và cảm nhận - loại hiểm nguy nào đang ở phía trước. Để xem nó nguy hiểm đến mức nào. Tôi phải làm thế. Một cái gì đẩy tôi dấn tới.

Tôi thận trọng lần theo một thứ đường mòn. Càng vào sâu, cây cối càng cao vút, không khí mỗi lúc một đậm đặc thêm. Bên trên, cành lá hầu như che kín bầu trời. Mọi dấu hiệu của mùa hè biến mất tiêu, như thể các mùa không bao giờ tồn tại. Chẳng mấy chốc, tôi còn không biết cái vệt tôi đang lần theo có phải là đường hay không nữa. Nó giống như một đường mòn mà lại không phải vậy. Ở giữa cái khối xanh rì ngột ngạt này, mọi định nghĩa đều trở nên mơ hồ, nhòe nhoẹt. Những cái có nghĩa và những cái vô nghĩa lẫn lộn cả với nhau. Trên đầu tôi, một con quạ ré lên một tiếng như lời cảnh báo, nghe ghê cả răng. Tôi dừng lại và thận trọng thị sát xung quanh. Không có thiết bị thích đáng mà cứ tiếp tục đi sâu hơn là quá nguy hiểm. Tôi phải quay lui thôi.

Điều này cũng không dễ. Giống như đạo quân của Napoléon trên đường rút khỏi nước Nga, thoái còn khó hơn tiến, tôi phát hiện ra là thế. Đường về rất dễ lạc, đám cây cỏ dày đặc hợp thành một bức tường sẫm tối chắn trước mặt. Tai tôi ù ù tiếng thở của chính mình, như tiếng gió thổi từ bên rìa thế giới. Một con bướm đen to bằng cả bàn tay vụt hiện từ trong bóng cây và dập dờn trước tầm nhìn của tôi, hình dáng nó khiến tôi nhớ đến vệt máu loang trên áo phông đêm nào. Nó chậm rãi bay qua một khoảng trống rồi lại mất hút giữa đám cây, và khi nó biến đi, tất cả dường như trở nên ngột ngạt hơn, không khí ớn lạnh hơn. Một nỗi hoảng sợ xâm chiếm tôi: không biết làm sao ra khỏi đây được. Con quạ lại kêu ré lên - vẫn con ban nãy, vẫn lời cảnh báo ấy. Tôi đứng im sững, ngước lên nhưng không nhìn thấy nó. Thi thoảng, một làn gió - gió thật chứ không phải hơi thở của tôi - nổi lên, khua xào xạc những chiếc lá đen dưới chân tôi như một điềm gở. Tôi cảm thấy những cái bóng rượt chạy đằng sau, nhưng khi quay lại, chúng đã trốn đâu mất.

Tuy nhiên, cách nào đó, tôi cũng tìm về được vùng an toàn của mình - khoảng rừng phát quang hình tròn. Tôi ngồi phịch xuống cỏ và hít một hơi *thật* sâu. Tôi ngước nhìn lên khoảng trời thật trên đầu vài lần, cốt để tự thuyết phục rằng mình đã trở lại cái thế giới từ đó mình đã xuất phát. Xung quanh tôi là những tín hiệu - lúc này mới quý giá làm sao! - của mùa hè. Ánh nắng, như một tấm màng mỏng, bao bọc tôi, làm tôi ấm lên. Nhưng nỗi sợ tôi cảm thấy ban nãy vẫn bám riết lấy tôi như một cụm tuyết chưa tan trong một góc vườn. Tim tôi thỉnh thoảng lại đập không đều nhịp và tôi vẫn sởn da gà.

Đêm ấy, tôi nằm trong bóng tối, thở nhè nhẹ, mắt mở chong chóng, hy vọng thấy một bóng người xuất hiện trong đêm tối. Cầu nguyện cho sự xuất hiện đó và không biết lời cầu nguyên có tác dụng gì không. Tập trung toàn bộ trí lực và hết lòng mong muốn điều đó xảy ra. Hy vọng rằng niềm mong muốn tột độ ấy sẽ làm cho mơ ước của mình trở thành sự thực.

Nhưng mơ ước của tôi đã không thành, khao khát của tôi bị dập tắt. Cũng như đêm hôm trước, Miss Saeki không xuất hiện - cả Miss Saeki thật lẫn cái ảo ảnh dưới dạng một cô gái mười lăm. Bóng tối vẫn chỉ là bóng tối. Ngay trước khi chìm vào giấc ngủ, tôi thượng buồm cứng ngắc, cứng hơn bất kỳ lần hưng phấn nào trước đây, nhưng tôi không xuất. Tôi đã quyết định sẽ giữ nguyên vẹn kỷ niệm về những khoảnh khắc ân ái với Miss Saeki, ít nhất là vào thời điểm hiện tại. Tay nắm chặt, tôi ngủ thiếp đi, hy vọng mơ thấy bà.

Nhưng tôi lại mơ thấy Sakura.

Hay đó không phải là một giấc mơ? Mọi chi tiết đều hết sức rõ ràng, sinh động và mạch lạc, nhưng tôi không thể chỉ định nó bằng một cái tên khác, nên tốt nhất cứ gọi nó là giấc mơ. Tôi ở trong phòng Sakura và cô đang ngủ trên giường. Tôi nằm trong túi ngủ của mình, y như vào cái đêm tôi trú lại trong căn hộ của cô. Thời gian được vặn ngược lại, đặt tôi vào một bước ngoặt.

Tôi thức giấc vào lúc nửa đêm, khát muốn chết. Tôi ra khỏi túi ngủ, kiếm nước uống. Nốc tì tì - đến năm, sáu cốc liền. Da tôi nhơm nhớp mồ hôi. Chim lại ngỏng tướng, đội quần đùi lên. Nó như một con vật với ý thức độc lập, vận hành trên một kênh khác hẳn phần còn lại của cơ thể tôi. Khi tôi uống nước, nó tự động hấp thụ phần của nó. Tôi nghe thấy cả tiếng nó hút nhè nhẹ.

Tôi đặt chiếc cốc cạnh bồn rửa và dựa lưng vào tường. Tôi muốn xem giờ nhưng không nhìn thấy đồng hồ. Vào cái giờ khuya khoắt này, cả đến đồng hồ treo tường cũng bị bóng đêm nuốt chửng. Tôi đứng bên cạnh giường Sakura. Ánh đèn đường lọt vào qua rèm cửa. Cô quay lưng về phía tôi, ngủ say sưa, đôi chân nhỏ xinh thò ra dưới tấm chăn mỏng. Tôi nghe thấy một tiếng tách nhỏ đằng sau, như có ai bấm công tắc. Tôi quyết định và trườn vào nằm cạnh Sakura. Chiếc giường một cọt kẹt dưới trong lượng gia tăng. Tôi hít mùi gáy cô xâm xấp mồ hôi. Tôi nhẹ nhàng vòng tay ôm cô. Cô khẽ hự hự nhưng vẫn ngủ tiếp. Có tiếng quạ kêu. Tôi ngước mắt lên nhưng không nhìn thấy nó. Thậm chí bầu trời bên ngàoi cũng không thấy.

Tôi tốc ngược chiếc áo phông của Sakura lên và âu yếm xoa cặp vú dịu mềm của cô. Tôi mân mê đầu vú cô như thể vặn núm điều chỉnh đài. Dương vật cứng như đá của tôi đập vào sau mé đùi cô, nhưng cô không thốt lên một tiếng nào, hơi thở vẫn như cũ. Tôi nghĩ chắc cô đang đắm trong mơ. Bên ngoài, con quạ lại kêu, gửi đến tôi một thôn điệp, nhưng không đoán ra được nó muốn nói gì với tôi.

Người Sakura ấm và cũng xâm xấp mồ hôi như tôi. Tôi quyết định kéo cô quay về phía tôi. Cô thở dài đánh thượt nhưng không tỏ dấu hiệu gì là đã thức. Tôi áp tai lên làn da bụng phẳng như tờ giấy, cố bắt sóng những vang âm của giấc mơ bên trong cái mê cung ấy.

Tôi vẫn thượng buồm suốt, cứng đến nỗi tưởng như không bao

giờ dứt. Tôi cởi bỏ chiếc quần lót nhỏ bằng vải bông của cô, từ từ kéo xuống dọc đôi chân dài. Tôi đặt lòng bàn tay lên nạm lông mu, nhẹ nhàng lách một ngón vào sâu bên trong. Âm đạo ướt đẫm như mời chào. Tôi từ từ ngó ngoáy ngón tay. Cô vẫn không thức. Chìm đắm trong mơ, cô chỉ tiếp tục thở dài.

Cùng lúc ấy, trong một hóm trống bên trong tôi, một cái gì đang vùng vẫy cố phá bung vỏ bọc để chui ra. Bất thình lình, một đôi mắt chĩa vào bên trong tôi và tôi có thể quan sát toàn bộ cảnh này. Tôi chưa biết cái ấy là tốt hay xấu, nhưng dù nó là thế nào, tôi cũng không thể kìm giữ hoặc chặn nó lại. Nó vẫn còn là một hiện thể lầy nhầy, vô diện mạo, nhưng chẳng mấy chốc, nó sẽ thoát ra ngoài vỏ bọc, chường mặt ra và trút bỏ cái màng ngoài sền sệt của nó. Lúc đó tôi sẽ biết nó thực sự là gì. Tuy nhiên, lúc này, nó chỉ là một *tín hiệu* không hình thù. Nó đang vươn những bàn tay không phải là tay để phá toang vỏ bọc ở chỗ mỏng manh nhất. Và tôi có thể thấy từng động tác một của nó.

Tôi đã quyết định.

Không, thực ra, tôi chẳng quyết định về cái gì hết. Quyết định có nghĩa là đã có một lựa chọn mà tôi đâu có lựa chọn nào. Tôi cởi quần đùi, thả dương vật ra. Tôi ôm Sakura, giạng chân cô và dấn lút vào. Cũng dễ thôi - âm đạo cô trơn mềm còn dương vật tôi thì cương cứng. Dương vật tôi không đau nữa. Mấy hôm vừa rồi, quy đầu càng rắn hơn. Sakura vẫn mơ màng và tôi trầm mình vào giấc mơ ấy.

Đột nhiên cô choàng tỉnh và nhận ra điều gì đang diễn ra.

"Kafka, cậu làm gì thế?"

"Hình như em đang ở trong chị," tôi đáp.

"Nhưng tại sao?" cô hỏi bằng một giọng khô ráp. "Tôi chẳng đã bảo cậu rằng thế là vượt quá giới hạn."

"Nhưng em không đừng được."

"Dừng lại ngay. Rút *nó* ra đi."

"Em không thể," tôi lắc đầu nói.

"Này, nghe đây. Trước hết, tôi có bạn trai đàng hoàng. Hai nữa, cậu xâm nhập vào giấc mơ của tôi mà không xin phép. Thế là không đúng."

"Em biết."

"Chưa quá muộn đâu. Cậu mới cho vào nhưng vẫn để nguyên chưa nhúc nhắc và chưa xuất tinh. *Nó* vẫn nằm yên như đang suy nghĩ. Đúng không?"

Tôi gật đầu.

"Rút *nó* ra đi," cô ra lệnh. "Và ta hãy coi như điều đó chưa bao giờ xảy ra. Chị có thể quên nó đi và em cũng nên thế. Chị là chị gái của

em và em là em trai của chị. Cho dù chúng ta không có quan hệ máu mủ ruột ra, chúng ta vẫn dứt khoát là chị em. Em hiểu chị đang nói gì chứ? Chúng ta thuộc một gia đình. Chúng ta không được làm thế."

"Quá muộn rồi," tôi nói.

"Tại sao?"

"Bởi vì em đã quyết định thế."

"Bởi vì mày đã quyết định thế," cái thằng tên là Quạ nói.

Mày không muốn phụ thuộc vào những nhân tố bên ngoài nữa, cũng không muốn lâm vào thế hoang mang bối rối vì những nhân tố mày không kiểm soát được. Mày đã giết cha mày và cưỡng hiếp mẹ mày. Và giờ đây, mày lại đang nhận sâu vào bên trong chị gái mày. Nếu trong toàn bộ chuyện này có một lời nguyền, thì mày muốn đối mặt với nó và tuân theo cái số phận đã được hoạch định của mày. Cất cái gánh nặng khỏi vai và bứt ra khỏi những kế hoạch của một kẻ khác để sống đúng là mày. Đó là điều mày muốn.

Cô đưa hai tay lên che mặt và khóc một chút. Mày cảm thấy ái ngại nhưng không cách nào rút ra được. Dương vật mày phình lên bên trong cô, mỗi lúc một rắn hơn như thể đã mọc rễ.

"Chị hiểu," cô nói. "Chị sẽ không nói thêm gì nữa. Nhưng chị muốn em nhớ điều này: em đang cưỡng hiếp chị. Chị thích em, nhưng không phải theo cách này. Có thể ta sẽ chẳng bao giờ gặp lại nhau nữa, cho dù sau này ta có muốn đến mấy. Em thấy thế có được không?"

Mày không trả lời. Mày dập tắt mọi ý nghĩ trong đầu. Mày ghì cô sát hơn và bắt đầu ngọ nguậy mông. Từ từ, thận trọng, cuối cùng, thật mạnh. Mày cố nhớ hình dáng từng cây để nhận ra đường về, nhưng cây nào cũng giống cây nào và chẳng mấy chốc, mày bị nuốt chửng vào một biển thực vật vô hình. Sakura nhắm mắt lại, buông thả cho nhịp chuyển động của mày. Không hé răng nói một lời, không cưỡng lại. Gương mặt vô hồn quay khỏi mày. Nhưng mày cảm thấy khoái cảm đang dâng lên trong cô như một nối dài của bản thân mày. Bây giờ thì mày hiểu. Những cành cây chằng chịt sừng sững như một bức tường đen chặn tầm nhìn của mày. Con quạ không gửi thông điệp nữa. Và mày xuất tinh.

Tôi xuất tinh.

Và tỉnh dậy. Tôi đang nằm trên giường một mình. Nửa đêm. Tối mịt, không nhìn thấy chiếc đồng hồ nào. Tôi ra khỏi giường, cởi quần đùi, vào bếp, gột những giọt tinh trùng dính vào đó. Nhờn nhờn, trăng trắng và đặc, như đứa con hoang sinh ra từ bóng tối. Tôi uống ừng ực hết cốc này đến cốc khác mà không sao đỡ khát. Cảm thấy cô đơn cùng cực. Hết chịu nổi. Giữa đêm khuya, trong bóng tối dày đặc,

với rừng sâu vây quanh, tôi không thể nào cô đơn hơn. Nơi đây không mùa, không ánh sáng. Tôi trở về giường, ngồi xuống, trút một tiếng thở dài. Bóng tối bọc kín tôi.

Cái gì đó bên trong mày đã lộ diện. Vỏ bọc đã vỡ tan, biến mất hoàn toàn, không thấy đâu nữa và nó đây, một cái bóng đen nhỏ nằm yên. Hai tay mày dính nhớp một chất gì - có vẻ như là máu người. Mày giơ tay ra trước mặt nhưng không đủ ánh sáng để nhận biết đó là gì. Tối quá là tối. Cả ở bên trong lẫn bên ngoài.

Chương 40

Bên cạnh tấm biển "Thư viện Tưởng niệm Komura", là một panô cho biết thư viện mở cửa hằng ngày từ mười một giờ đến năm giờ, trừ thứ Hai, vào cửa tự do và mỗi thứ Ba vào hai giờ chiều, có hướng dẫn tham quan. Hoshino đọc to cho Nakata nghe.

"Hôm nay là thứ Hai, nên thư viện đóng cửa," Hoshino nói rồi nhìn đồng hồ. "Dù sao thì cũng quá giờ đóng cửa rồi. Đằng nào cũng vậy thôi."

"Cậu Hoshino?"

"Dạ?"

"Chỗ này nom không giống cái thư viện chúng ta đã đến bữa trước," Nakata nói.

"Bữa trước là một thư viện công lớn, còn đây là thư viện tư nhân. Quy mô có khác nhau."

"Thư viện tư nhân là thế nào?"

"Có nghĩa một người hữu sản nào đó dành một ngôi nhà để sắp xếp tất cả các sách mình đã thu thập để cho công chúng có thể vào đọc. Người này ắt phải tầm cỡ lắm. Chỉ cần cái cổng uy nghi thế kia thì đủ biết."

"Người hữu sản là gì?"

"Là một người giàu."

"Giữa một người hữu sản và một người giàu, có gì khác nhau không?"

Hoshino nghiêng nghiêng đầu suy nghĩ một lúc.

"Cháu không biết," cuối cùng gã nói. "Hình như một người hữu sản thì có văn hóa hơn một người giàu đơn thuần thì phải."

"Có văn hóa?"

"Bất cứ ai có tiền đều là người giàu. Ông hay cháu, nếu có tiền, đều là người giàu. Nhưng trở thành người hữu sản không dễ dàng như thế. Cần có thời gian."

"Trở thành người hữu sản khó nhỉ."

"Vâng, khó lắm. Nhưng ông cháu mình khỏi lo chuyện đó. Cháu thấy cả ông lẫn cháu đều không thể trở thành người giàu được, huống hồ là hữu sản."

"Cậu Hoshino?"

"Dạ?"

"Thứ Hai họ đóng cửa, vậy sáng mai, mình đến vào lúc mười một

giờ thì họ sẽ mở cửa chứ?"

"Cháu nghĩ thế. Mai là thứ Ba mà."

"Nakata này có thể vào bên trong thư viện được không?"

"Trên biển ghi là: mở cửa cho tất cả mọi người. Tất nhiên là ông có thể vào."

"Dù rằng lão không biết đọc?"

"Không thành vấn đề," Hoshino nói. "Họ đâu có kiểm tra học vấn từng người từ ngoài cửa."

"Vậy lão muốn vào bên trong."

"Ngày mai, việc đầu tiên là chúng ta quay lại đây và cùng vào," Hoshino nói. "Tuy nhiên, trước hết, cháu phải hỏi ông một câu: đây đúng là chỗ ông tìm, phải không? Và cái ông muốn tìm nằm ở bên trong."

Nakata bỏ mũ ra và xoa thật lực mái tóc cắt ngắn.

"Phải, lão nghĩ nó ở trong ấy."

"Vậy là chúng ta có thể chấm dứt việc tìm kiếm?"

"Phải. Việc tìm kiếm đã kết thúc."

"Tạ ơn Trời," Hoshino nói. "Cháu bắt đầu tự hỏi: liệu mình có phải lái xe vòng vòng thế này đến tận mùa thu?"

Hai ông con về căn hộ của Đại tá Sanders, đánh một giấc ngon lành và mười một giờ sáng hôm sau, lên đường đến thư viện. Từ nhà đến đó, đi bộ chỉ mất độ hai mươi phút, nên họ quyết định thả bộ. Hoshino đã trả chiếc xe thuê.

Cổng thư viện mở rộng khi họ tới. Có vẻ như sẽ là một ngày nóng với độ ẩm cao và người ta đã tưới nước mặt đường để giữ cho bụi khỏi bốc lên. Ngay sau cổng là một khu vườn được chăm sóc cẩn thận.

"Ông Nakata này?" Hoshino nói trước khi bước qua cổng.

"Gì thế cậu?"

"Vào trong thư viện rồi, chúng ta sẽ làm gì? Cháu luôn luôn sợ là đùng một cái, ông lại nảy ra một ý kỳ quặc, nên cháu muốn biết trước để chuẩn bị tinh thần."

"Nakata này cũng chưa biết làm gì một khi ta đã vào trong đó," Lão nói sau một lát suy nghĩ. "Tuy nhiên, đây là một thư viện, vậy ta có thể bắt đầu bằng việc đọc sách đã. Lão sẽ tìm một tập ảnh hay một cuốn sách tranh, còn cậu cứ chọn cuốn nào cậu thích mà đọc."

"Nhất trí. Bắt đầu bằng việc đọc sách, nghe có lý đấy."

"Rồi sau đó, ta có thể nghĩ ra nên làm cái gì tiếp theo."

"Ô-kê," Hoshino nói. "Ta sẽ nghĩ về điều kế tiếp sau đó - *sau đó*.

Nghe như là một kế hoạch vậy."

Họ đi qua khu vườn đẹp và vào qua một cửa nom khá cổ kính. Ngay bên trong là phòng tiếp tân có một thanh niên đẹp trai, dong dỏng cao, mặc sơ mi trắng, đeo cặp kính nhỏ, ngồi sau quầy. Một mớ tóc dài mảnh rủ xuống trán. Thuộc loại ta có thể thấy trong những phim đen trắng của Truffaut, Hoshino nghĩ thầm.

Thấy họ vào, anh ta ngước lên, cười rất tươi.

"Chúc buổi sáng tốt lành," Hoshino vui vẻ chào.

"Chúc buổi sáng tốt lành," người thanh niên đáp lại. "Hoan nghênh quý khách tới thư viện."

"Chúng tôi... ừm à... muốn đọc mấy cuốn sách."

"Dĩ nhiên rồi," Oshima gật đầu. "Xin cứ thoải mái đọc bất kỳ cuốn nào tùy thích. Thư viện mở cửa cho mọi người. Các kệ, giá hoàn toàn để ngỏ, vậy quý khách cứ lấy cuốn nào mình muốn đọc. Quý khách có thể tìm đề sách trong các danh mục hoặc trên máy tính. Nếu quý khách cần hỏi gì, xin đừng ngần ngại, tôi xin sẵn lòng phục vụ."

"Rất cám ơn."

"Quý khách có cần tìm sách về một lĩnh vực nào đặc biệt không?"

"Không hẳn thế," Hoshino lắc đầu. "Thực ra chúng tôi quan tâm đến bản thân thư viện hơn là đến sách. Chúng tôi tình cờ đi qua, thấy hay hay nên ghé thăm. Ngôi nhà thật đẹp."

Oshima mỉm cười duyên dáng và cầm một cây bút chì vót nhọn lên. "Nhiều vị khác cũng thế đấy ạ."

"Rất vui được biết thế," Hoshino nói.

"Nếu quý khách có thời gian, thì hai giờ chiều nay có buổi hướng dẫn tham quan đấy. Mỗi thứ Ba đều có một buổi như vậy, chừng nào có khách yêu cầu. Đích thân bà giám đốc giới thiệu lai lịch và quá trình hoạt động của thư viện. Mà hôm nay lại đúng là thứ Ba."

"Nghe có vẻ hay đấy. Ông Nakata, ông thấy thế nào?"

Suốt thời gian Hoshino và Oshima nói chuyện với nhau ở quầy. Nakata đứng sang một bên, mũ cầm tay, lơ đãng nhìn xung quanh. Nghe nhắc đến tên mình, lão như tỉnh giấc mơ. "Vâng, lão giúp được gì cho cậu đây?"

"Chiều nay, hai giờ có buổi hướng dẫn tham quan thư viện. Ông có tham gia không?"

"Cám ơn cậu Hoshino, Nakata này rất thích."

Oshima quan sát hai người nói chuyện với mối quan tâm cao độ. Hoshino và Nakata - họ có quan hệ thế nào với nhau nhỉ? Xem ra không phải bà con họ hàng. Một kết hợp kỳ lạ: hai người khác nhau xa về tuổi tác lẫn bề ngoài. Họ có thể có điểm gì chung nhỉ? Mà cái

ông già Nakata này có cách nói năng chả giống ai. Ở ông ta, có một cái gì mà Oshima không sao xác định được. Tuy nhiên, hoàn toàn không tệ.

"Bác và anh đi từ xa tới đây?" anh hỏi.

"Chúng tôi đến từ Nagoya," Hoshino vội vã trả lời trước khi Nakata kịp mở miệng. Nếu để lão tông tốc kể là mình ở Nakano, thì có thể rắc rối. Tivi đã đưa tin là một ông già với đặc điểm nhận dạng như Nakata có liên quan với một vụ án mạng gì đó. Cũng may là người ta chưa công bố ảnh của Nakata, theo chỗ Hoshino biết.

"Cả một cuộc hành trình dài," Oshima bình luận.

"Vâng, chúng tôi qua một cây cầu để tới đây," Nakata đáp. "Một cây cầu dài, tuyệt vời."

"Thật là dài, phải không?" Oshima nói. "Ấy thế mà chính cháu chưa qua bao giờ đấy."

"Cả đời Nakata chưa từng thấy cây cầu nào dài thế."

"Mất bao nhiêu thời gian và cả núi tiền của mới xây xong nó đấy," Oshima nói tiếp. "Theo báo chí, mỗi năm, công ty chịu trách nhiệm xây cầu này và đoạn xa lộ vắt trên đó mỗi năm thâm thủng cả trăm tỉ yen. Tiền thuế ta đóng là bù vào chỗ đó."

"Nakata này chả biết một tỷ là bao nhiêu."

"Nói thật với bác, cháu cũng chả biết," Oshima nói. "Vượt quá một mức nào đó, những con số như vậy không còn thực tế nữa. Dù sao, đó cũng là một núi của."

"Rất cám ơn." Hoshino xen vào. Cứ đà này, có giời biết Nakata sẽ phun ra những gì, nên gã phải dập tắt cái khả năng ấy ngay từ trong trứng. "Chúng tôi phải có mặt ở đây lúc hai giờ để tham quan, đúng không?"

"Vâng, hai giờ," Oshima nói. "Bà giám đốc sẽ trực tiếp hướng dẫn khách."

"Chúng tôi sẽ đọc từ giờ đến lúc đó," Hoshino nói.

Xoay xoay cây bút chì trong tay, Oshima nhìn theo hai người đi khỏi rồi trở về với công việc của mình.

Họ lấy mấy cuốn sách từ trên giá xuống, Hoshino tìm được cuốn Beethoven và thế hệ của mình. Nakata chọn mấy tập ảnh để lên bàn. Rồi, tựa như một con chó con, lão đi một vòng quanh phòng đọc, quan sát tỉ mỉ mọi thứ, sờ cái này, hít hít cái kia, thi thoảng dừng ở một điểm chọn lọc, quắc mắt nhìn trừng trừng. Cả phòng đọc chỉ có hai ông con cho đến quá trưa, nên không ai khác để ý đến lối hành xử kỳ dị của ông già.

"Này ông?" Hoshino thì thào.

"Dạ, cậu cần gì?"

"Nói thế này thì khí đột ngột, nhưng cháu muốn ông đừng có nói với ai là ông ở Nakano đến."

"Tại sao thế?"

"Đây là cả một câu chuyện dài, tạm thời ông hẵng cứ nghe theo cháu đã. Nếu mọi người biết ông từ Nakano đến, điều đó có thể gây rắc rối cho họ."

"Lão hiểu," Nakata nói, gật đầu lia lịa. "Gây rắc rối cho người khác là không tốt. Nakata sẽ không nói là mình ở Nakano."

"Thế thì tốt," Hoshino nói. "À, ông đã thấy cái ông tìm chưa?"

"Chưa, cho đến giờ thì chưa."

"Nhưng đây dứt khoát là đúng chỗ chứ?"

Nakata gật đầu. "Đúng. Đêm qua, lão đã nói chuyện dài dài với phiến đá trước khi đi ngủ. Lão chắc chắn đích thị là chỗ này."

"Tạ ơn trời."

Hoshino gật đầu và quay trở lại với cuốn tiểu sử Beethoven. Nhạc sĩ này là một con người kiêu hãnh tuyệt đối tin ở tài năng của mình và không thèm nịnh bợ giới quý tộc. Tin chắc rằng bản thân nghệ thuật cùng sự biểu hiện đúng những xúc cảm của mình là điều trác tuyệt nhất trên đời, ông cho rằng quyền lực chính trị và của cải chỉ có một chức năng duy nhất là phục vụ nghệ thuật. Khi Haydn lưu trú ở gia đình một nhà quý tộc (hầu như cả đời Haydn đều thế), ông phải ăn với đám gia nhân. Các nhạc sĩ thời Haydn bị coi là người làm công (Tuy nhiên, Haydn, vốn tính hồn nhiên và giản dị, lại thích thế hơn là dự những bữa ăn trịnh trọng, cứng nhắc của giới quý tộc).

Trái lại, Beethoven thường tức điên vì cách đối xử khinh rẻ ấy, đôi khi cáu tiết đập cả bát đĩa vào tường. Ông đòi hỏi trong bữa ăn, ông phải được đối xử ngang hàng với các nhà quý tộc mà ông phục vụ. Ông dễ nổi nóng và khi cáu lên, rất khó xoa dịu. Thêm vào đó là những ý tưởng chính trị cấp tiến mà ông không hề tìm cách che giấu. Khi thính giác xấu đi, những khuynh hướng này lại càng rõ rệt. Cùng với tuổi tác, âm nhạc của ông trở nên vừa cởi mở chan hòa hơn vừa hướng nội sâu sắc hơn. Chỉ có Beethoven mới có thể cân bằng được hai xu hướng tương phản ấy. Nhưng nỗ lực phi thường để đạt được điều đó dần dần hủy hoại đời ông, vì mọi con người đều có những giới hạn thể chất và tinh thần, mà vào thời điểm đó, Beethoven đã hồ như vượt quá giới hạn của mình.

Những thiên tài như thế không dễ sống, Hoshino nghĩ thầm khâm phục. Gã đặt sách xuống, nhớ lại bức tượng đồng nửa người thể hiện một ông Beethoven cau có đặt ở phòng âm nhạc trường gã, thế mà đến giờ, gã mới có một ý niệm về những gian khó mà nhà soạn nhac đã phải chịu đựng. Thảo nào nom bố ấy lầm lầm thế. Mình chả vạ gì đi làm thiên tài, đó là cái chắc, Hoshino nghĩ.

Gã nhìn sang Nakata đang chúi đầu vào một tập ảnh về đồ gỗ dân gian truyền thống, vừa xem vừa điều khiển một cái đục và một cái bào tưởng tượng. Hẳn những tấm ảnh ấy đã khiến lão bất giác cảm thấy như trở lại nghề cũ. Và... biết đâu đấy. Có thể một ngày kia, ông ấy sẽ trở thành một người vĩ đại cũng nên. Hoshino nghĩ. Hầu hết thiên hạ không thể làm được những điều ông ấy đang làm. Ông "Khốt" này rành là độc nhất vô nhị.

Đến trưa, có hai độc giả khác, hai phụ nữ trung niên, vào phòng đọc nên Hoshino và Nakata nhân lúc này ra ngoài hít thở khí trời. Hoshino có mang theo ít bánh mì để ăn trưa, còn Nakata thì như thường lệ, vẫn tha bên mình cái phích nước trà nóng. Hoshino trước hết hỏi Oshima đang đứng quầy xem họ có thể ăn ở trong khuôn viên thư viện được không.

"Dĩ nhiên là được," Oshima đáp. "Ngồi ngoài hiên trông ra vườn mà ăn thì tuyệt. Sau đó, xin mời vào dùng một tách cà phê. Tôi đã pha sẵn rồi, vậy xin cứ tự rót lấy."

"Cảm ơn," Hoshino nói. "Thư viện này thật giống như ở nhà."

Oshima mỉm cười và vuốt lại tóc. "Nơi này có hơi khác một thư viện bình thường. 'Giống như ở nhà' là cụm từ đắt để mô tả nó. Điều chúng tôi cố gắng tạo ra là một không gian thân mật trong đó mọi người có thể thư giãn và tận hưởng thú vui đọc những điều hay."

Hoshino thấy có thiện cảm với Oshima. Thông minh, chải chuốt, hiển nhiên là con nhà gia giáo. Và rất chi là hòa nhã. Cha này chắc "đồng cô"? Không phải là Hoshino thành kiến với đám tình dục đồng giới. Mỗi người một sở thích, đó là suy nghĩ của gã. Đàn ông cũng nhiều loại, có người thích nói chuyện với đá, có người lại thích ngủ với đàn ông khác. Tại sao không?

Ăn trưa xong, Hoshino đứng dậy, vươn vai và trở vào phòng tiếp tân nhận tách cà phê do Oshima mời. Nakata không uống cà phê nên ở lại ngoài hiên vừa nhấp từng ngụm trà vừa ngắm chim chóc bay lượn quanh vườn.

"Vậy anh có tìm được cái gì lý thú để đọc không?" Oshima hỏi.

"Có, tôi đang đọc một cuốn tiểu sử Beethoven," Hoshino đáp. "Tôi rất thích. Cuộc đời ông ta thật sự đem lại cho ta biết bao điều đáng suy nghĩ."

Oshima gật đầu. "Ông đã trải nhiều nông nỗi, nói thế là còn nhẹ."

"Quả là ông ấy đã chịu nhiều cay đắng," Hoshino nói, "nhưng tôi nghĩ đó chủ yếu là tại ông ấy. Tôi muốn nói, ông ấy quá vị kỷ, không chịu nhân nhượng một ly. Ông ấy chỉ nghĩ về bản thân và âm nhạc của mình và không ngần ngại hy sinh mọi cái khác vì nó. Ông ấy hẳn là người rất khó hòa hợp. *Này, Ludwig, để cho tôi yên một tí nào! tôi ắt phải la lên nếu như tôi quen biết ông ấy.* Chả có gì đáng ngạc nhiên khi

cháu trai ông ấy phát rồ. Nhưng tôi phải thừa nhận là nhạc của ông ấy thật tuyệt vời. Nó đi thẳng vào lòng. Thật lạ kỳ."

"Hoàn toàn đúng," Oshima tán thành.

"Nhưng tại sao ông ấy lại phải sống một cuộc đời cay cực thế? Nhẽ ra ông ấy có thể sống bình thường hơn thì có phải đỡ khổ hơn không?"

Oshima xoay xoay cây bút chì giữa những ngón tay. "Tôi hiểu quan điểm của anh, nhưng ở thời của Beethoven, người ta nghĩ việc thể hiện bản ngã của mình là quan trọng. Trước nữa, dưới chính thể quân chủ chuyên chế, điều đó ắt bị coi là không phù hợp, chệch hướng xã hội và bị trấn áp thẳng tay. Nhưng đến thế kỷ XIX, giai cấp tư sản lên cầm quyền, chấm dứt sự trấn át đó, giải phóng cá nhân và bản ngã được thể hiện. Tự do đồng nghĩa với giải phóng bản ngã. Nghệ thuật, đặc biệt là âm nhạc đi đầu trong xu thế ấy. Những người nối gót Beethoven - có thể nói là sống dưới bóng ông - như Berlioz, Wagner, Liszt, Schumann... đều sống những cuộc đời dị thường, đầy bão tố. Sự dị thường hầu như được coi là lối sống lý tưởng. Người ta gọi đó là thời đại của chủ nghĩa lãng mạn. Tuy nhiên, tôi dám chắc sống như thế đôi khi cũng cực đối với họ. Vậy là anh thích nhạc của Beethoven?"

"Tôi không thể nói mình thích hay không thích vì tôi chưa được nghe nhiều," Hoshino thừa nhận. "Thực ra, tôi chưa nghe gì khác ngoài bản Tam tấu *Archduke*. Riêng bản này thì tôi thích."

"Phải, đó là một tác phẩm hay."

"Bộ ba Triệu Đô thật tuyệt vời," Hoshino nói thêm.

"Riêng tôi thì lại thích Bộ ba Suk của Séc hơn," Oshima nói. "Cách thể hiện của họ có một sự cân đối đẹp đẽ khiến người ta cảm thấy như có thể ngửi thấy làn gió thổi trên một cánh đồng cỏ xanh rờn. Nhưng tôi cũng có thể nghe đĩa của Bộ Ba Triệu Đô Rubinstein-Heifetz-Feuermann. Một sự diễn tấu sang trọng."

"Chà, anh... Oshima?" Hoshino đọc tấm biển nhỏ ghi tên trên quầy. "Tôi thấy anh rất rành âm nhạc."

"Không rành lắm đâu," Oshima mỉm cười đáp. "Tôi chỉ thích nghe nhạc thôi."

"Anh có nghĩ âm nhạc có khả năng làm thay đổi con người không? Chẳng hạn như anh nghe một bản nhạc và thế là trong lòng anh bèn diễn ra một thay đổi lớn."

Oshima gật đầu.

"Chắc chắn điều đó có thể xảy ra. Ta có một trải nghiệm làm thay đổi một *cái gì đó* trong ta, tựa như một phản ứng hóa học. Khi ta xem xét lại bản thân sau đó, ta phát hiện thấy tất cả các chuẩn mực sống

ta quy theo trước đây đều đã lên một nấc và thế giới mở rộng ra nhiều chiều bất ngờ. Vâng, tôi đã từng có trải nghiệm ấy. Không thường xuyên, nhưng điều đó đã từng xảy ra. Nó giống như khi ta si mê ai vậy."

Bản thân Hoshino chưa bao giờ si mê ai nhưng gã vẫn hóng hớt gật đầu.

"Đó là một điều rất quan trọng, phải không?" gã nói. "Đối với cuộc đời chúng ta?"

"Phải," Oshima đáp. "Không có những trải nghiệm đỉnh cao ấy, đời chúng ta ắt sẽ buồn chán và tẻ nhạt. Như Berlioz nói: Sống ở đời mà chưa từng một lần đọc *Hamlet* thì có khác nào sống dưới đáy một mỏ than."

"Đáy mỏ than?"

"Một cách cường điệu điển hình của thế kỷ XIX ấy mà."

"Cảm ơn về tách cà phê," Hoshino nói. "Rất vui được trò chuyện với anh."

Oshima cười toét miệng đáp lại.

Hoshino và Nakata đọc sách đến hai giờ chiều. Nakata ôn lại các động tác thợ mộc bằng cách xem tập ảnh đồ gỗ. Ngoài hai bà trung niên, còn có thêm ba độc giả khác đến sau giờ ăn trưa. Nhưng chỉ có Hoshino và Nakata yêu cầu được hướng dẫn tham quan.

"Các vị không phiền vì chỉ có hai chúng tôi chứ?" Hoshino hỏi. "Tôi cảm thấy ngại để các vị phải vất vả vì chúng tôi."

"Vất vả gì đâu," Oshima nói. "Bà giám đốc của chúng tôi rất sung sướng được làm công việc hướng dẫn này, ngay cả khi chỉ có một người."

Đúng hai giờ, một người đàn bà đẹp trạc ngũ tuần bước xuống cầu thang. Lưng rất thẳng, dáng đi quyền quý. Bà mặc một bộ đồ xanh sẫm đường nét nghiêm cẩn, đi giày cao gót màu đen, cổ đeo một dây chuyền bạc nhỏ, tóc búi ra sau gáy. Không chút phô trương, nhưng tất cả toát lên một vẻ tao nhã, tinh tế cao độ.

"Xin chào. Tên tôi là Saeki, giám đốc thư viện," bà nói với một nụ cười điềm đạm.

"Tôi là Hoshino."

"Tôi là Nakata, tôi đến từ Nakano," ông già nói, chiếc mũ phong trần trong tay.

"Chúng tôi rất vui mừng có khách từ xa thế đến thăm," Miss Saeki nói.

Nghe Nakata tự giới thiệu, Hoshino lạnh sống lưng, nhưng Miss Saeki không hề tỏ vẻ nghi ngờ.

Nakata rõ ràng đã quên mọi lời dặn dò.

"Vâng, tôi đã qua cây cầu rất to," lão nói.

"Ngôi nhà này thật tuyệt vời," Hoshino cắt ngang, cố chặn không để lão nói gì về cầu cống nữa.

"Nhà này được xây dựng hồi đầu thời Meji làm thư viện và nhà khách của gia đình Komura," Miss Saeki bắt đầu dẫn giải. "Rất nhiều văn nhân tài tử đã tới thăm và lưu lại đây. Thành phố đã xếp hạng nơi đây là di tích lịch sử."

"*Văng dân* à?" Nakata hỏi.

Miss Saeki mỉm cười. "Tức là các nghệ sĩ, nhà thơ, tiểu thuyết gia, vân vân. Trong quá khứ, những nhà hữu sản ở các địa phương thường bảo trợ giúp đỡ các nghệ sĩ. Nghệ thuật, thời bấy giờ, không được coi là kế sinh nhai. Gia tộc Komura là những nhà hữu sản của vùng này luôn bảo trợ văn hóa và nghệ thuật. Thư viện này được thành lập và điều hành để lưu truyền di sản đó cho đời sau."

"*Nhà hữu sản*, từ này thì Nakata hiểu nghĩa," ông già nói. "Phải mất nhiều thời gian mới thành một nhà hữu sản được."

Miss Saeki mỉm cười gật đầu. "Bác nói rất đúng. Dù có tích lũy bao nhiêu tiền của, cũng không thể mua được thời gian. Nào, chúng ta bắt đầu tham quan từ tầng hai."

Họ lần lượt tham quan từng phòng một trên gác. Như thường lệ, Miss Saeki giới thiệu về những văn nghệ sĩ từng lưu trú tại đây và chỉ cho hai vị khách xem những bản thư pháp và tranh họ để lại. Trong khi tham quan, Nakata dường như bỏ ngoài tai mọi lời thuyết rình của bà, mà chỉ chăm chú xem xét kỹ từng hiện vật. Trong thư phòng của Miss Saeki, một chiếc bút máy nằm trên bàn. Nhiệm vụ của Hoshino là ngoan ngoãn đi theo và thỉnh thoảng thốt lên những tiếng trầm trồ đúng lúc. Suốt thời gian đó, gã vẫn thấp thỏm lo ngộ nhỡ ông già lại thình lình xì ra một cái gì quái chiêu. Nhưng Nakata chỉ tiếp tục soi từng hiện vật họ đi qua mà thôi. Miss Saeki có vẻ không quan tâm đến cách ứng xử của Nakata. Luôn tươi cười, bà thoăn thoắt dẫn họ đi xem một vòng. Cung cách điềm đạm và tự chủ của bà khiến Hoshino thán phục.

Cuộc tham quan kéo dài khoảng hai mươi phút. Họ cảm ơn người hướng dẫn. Suốt thời gian đó, nụ cười không lúc nào tắt trên môi Miss Saeki. Tuy nhiên, càng quan sát bà, Hoshino càng thấy bối rối. Bà áy tươi cười nhìn chúng mình, gã nghĩ thầm, nhưng bà ấy có *thấy* gì đâu. Bà ấy nhìn chúng mình, nhưng lại *thấy* một cái gì khác. Suốt thời gian bà dẫn khách đi xem, ngay cả nếu tâm trí bà có để ở tận đâu đâu, bà vẫn rất lịch sự và ân cần. Mọi câu hỏi của gã đều được bà trả lời một cách dễ hiểu và hòa nhã. Không thể nói là bà làm công việc tỉ mẩn này một cách miễn cưỡng, thậm chí còn có phần thích thú nữa. Nhưng trái tim bà không đặt ở đó.

Hai ông con trở lại phòng đọc và ngồi trên sofa với những cuốn sách của mình. Nhưng trong khi giở các trang sách, Hoshino vẫn không khỏi nghĩ đến Miss Saeki. Người đàn bà đẹp này có một cái gì rất khác thường, nhưng gã không tài nào xác định được. Gã đành chịu và tập trung vào đọc.

Ba giờ. Bất thình lình, Nakata đứng phắt dậy với một vẻ quyết đoán khác thường. Lão nắm chặt chiếc mũ trong tay.

"Này, có chuyện gì thế? Ông đi đâu vậy?" Hoshino thì thào.

Nhưng lão không trả lời. Môi mím chặt đầy quyết tâm, Nakata rảo bước về phía cửa chính, bỏ cả túi đồ lại trên sàn nhà.

Hoshino gấp sách lại và đứng dậy. Dứt khoát là có chuyện gì không ổn rồi. "Này, đợi cháu đã!" gã gọi theo. Nhận thấy lão phớt lờ không thèm nghe, gã lật đật chạy theo. Các độc giả khác ngước lên nhìn theo gã.

Trước khi ra đến cửa, Nakata rẽ trái và không chút ngần ngại, lên thẳng tầng hai. Tấm biển CẤM NGƯỜI NGOÀI gắn ở chân cầu thang không ngăn được lão vì lão không biết đọc. Đôi giày tennis mòn đế quèn quẹt trên các bậc gỗ.

"Xin lỗi," Oshima ngả người trên quầy gọi với theo sau lưng Nakata. "Khu ấy đóng rồi."

Nakata như không nghe thấy.

Hoshino chạy theo lão lên cầu thang. "Ông ơi, chỗ này đóng rồi. Không được vào đâu."

Oshima ra khỏi đằng sau quầy và theo họ lên cầu thang.

Không nao núng, Nakata sải bước dọc hành lang tới thư phòng. Cửa mở. Miss Saeki ngồi ở bàn giấy, quay lưng ra cửa sổ, đang đọc một cuốn sách. Nghe thấy tiếng chân, bà ngước mắt lên. Khi tới trước bàn giấy, Nakata đứng sững nhìn xuống mặt bà. Cả hai đều không nói một lời. Lát sau, Hoshino tới, theo sau là Oshima.

"Ông à," Hoshino vỗ vào vai ông già, "ông không được phép vào đây. Ông vượt quá giới hạn rồi. Chúng ta phải đi thôi, nghe không?"

"Nakata này có điều cần nói," Nakata nói với Miss Saeki.

"Là chuyện gì vậy?" Miss Saeki bình tĩnh hỏi.

"Lão muốn nói chuyện về phiến đá. Phiến đá cửa vào."

Miss Saeki nhìn kỹ gương mặt ông già một lúc. Mắt bà không có thái độ gì, chỉ chớp chớp vài lần. Rồi bà lặng lẽ gấp sách lại, đặt hai tay lên bàn và lại ngước mắt nhìn Nakata. Bà có vẻ phân vân chưa biết nên ứng xử thế nào. Nhưng cuối cùng, bà gật đầu.

Bà nhìn Hoshino, rồi Oshima. "Cháu để hai chúng tôi nói chuyện riêng một lúc được không?" bà nói với Oshima. "Và khi ra, xin vui lòng đóng cửa lại giùm."

Oshima tần ngần một thoáng, rồi gật đầu. Anh nắm cánh tay Hoshino, nhẹ nhàng kéo ra hành lang và đóng cửa lại.

"Anh có chắc là mọi sự sẽ ổn không?"

"Miss Saeki biết mình đang làm gì," Oshima nói và cùng Hoshino xuống cầu thang. "Một khi bà đã nói ổn, thì ắt là ổn, khỏi phải lo cho bà. Vậy trong khi chờ đợi, tại sao ta không làm tách cà phê, anh Hoshino?"

"Ờ phải, với ông lão Nakata này, thì lo lắng chỉ là phí thì giờ thôi," Hoshino vừa nói vừa lắc đầu. "Tôi xin cam đoan thế."

Chương 41

Lần này vào trong rừng, tôi tự trang bị cho mình tất cả những gì có thể cần đến: la bàn, dao, bi-đông, một số lương thực phòng khi bất trắc, găng tay lao động, một bình xịt sơn vàng và chiếc rìu trước đây tôi đã dùng. Tôi nhét tất cả vào một chiếc ba lô nilông nhỏ cũng lấy ở trong kho chứa dụng cụ và tiến vào rừng. Tôi mặc một chiếc sơ mi dài tay, cổ quấn một chiếc khăn, đội chiếc mũ Oshima cho và xịt thuốc xua côn trùng lên khắp mọi chỗ còn hở trên người. Trời đầy mây và nóng, nồm tựa như có thể mưa bất cứ lúc nào, nên tôi bỏ phòng sẵn một chiếc áo mưa trùm vào ba lô cho yên trí. Một đàn chim vừa gọi nhau choe chóe vừa bay qua bầu trời thấp, nặng như chì.

Tôi dễ dàng tới được quãng phát quang trong rừng. Kiểm tra la bàn để đảm bảo thường xuyên nhắm hướng Bắc, tôi dấn sâu vào rừng. Lần này, tôi xịt sơn vàng đánh dấu các thân cây trên dọc đường. Khác với những mảnh vụn bánh mì của Hansel và Gretel, loại sơn xịt này chẳng sợ làm mồi cho lũ chim đói.

Chuẩn bị tốt hơn, nên tôi không sợ. Cố nhiên, tôi vẫn căng thẳng, nhưng tim tôi không đánh trống làng. Óc tò mò là động cơ thúc đẩy tôi. Tôi muốn biết những gì nằm dọc con đường này. Ngay cả nếu không có gì, tôi cũng muốn biết chắc là không có gì. Tôi *cần phải* biết. Ghi nhớ trong đầu cảnh quan đã đi qua, tôi kiên quyết và thận trọng tiến từng bước, từng bước.

Thi thoảng, một âm thanh kỳ lạ vang lên - tiếng thịch như vật gì rơi xuống đất, tiếng kẽo kẹt như ván sàn rên lên dưới sức nặng, và những tiếng khác mà tôi không biết mô tả như thế nào. Tôi không tài nào xác định được đó là những tiếng gì, cũng như chúng phát ra từ đâu. Lúc thì nghe xa xa, khi lại ngay kề bên - tựa như khái niệm về khoảng cách hết mở rộng lại co vào. Tiếng chim vỗ cánh trên đầu tôi vang to khác thường như được khuyếch đại. Mỗi lần nghe thấy thế, tôi đều dừng lại dỏng tai, nín thở, chờ một điều gì xảy đến. Chẳng có gì và tôi lại bước tiếp.

Ngoài những âm thanh đột ngột, bất ngờ ấy, mọi thứ khác đều im ắng. Không gió, không xào xạc lá trên ngọn cây, chỉ có tiếng chân tôi bước trên cỏ, mỗi khi giẫm lên một nhành cây rơi, tiếng rắc lại vang động không trung.

Tôi nắm chặt cán chiếc rìu vừa mài sắc, cảm thấy nó ram ráp trong lòng bàn tay trần. Cho đến lúc này, chưa phải dùng đến nó, nhưng sức nặng của nó khiến tôi yên tâm và cảm thấy được che chở. Nhưng che chở chống lại cái gì? Trong rừng không có gấu hay sói. Có lẽ chỉ có mấy con rắn độc. Hẳn chính tôi mới là sinh vật nguy hiểm

nhất ở đây. Vậy có lẽ thần hồn nát thần tính, tôi đã sợ cái bóng của chính mình.

Tuy nhiên, trong khi đi tiếp, tôi có cảm giác như một cái gì đang nấp ở một chỗ nào đó, lẩn vào các bụi cây, nín thở theo dõi, nghe ngóng tôi, quan sát từng động tác của tôi. Đâu đó, từ xa, một cái gì đang nghe ngóng từng tiếng động do tôi phát ra, cố đoán xem tôi định đi đâu và tại sao. Tôi ráng không nghĩ về nó. Càng nghĩ về những ảo ảnh, nó càng phình to ra và hiện hình rõ nét, không còn là ảo ảnh nữa.

Để lấp đầy im lặng, tôi thử huýt sáo bắt chước giai điệu kèn saxophone soprano của Coltrane[34] trong *My Favourite Things*. Tất nhiên, tiếng huýt sáo khó có thể gọi là chuẩn của tôi còn cách xa nguyên bản phức hợp và nhanh như ánh chớp hàng ki-lô-mét. Tôi chỉ chắp vá những chỗ tôi nhớ được, cho nó ang áng thôi. Còn hơn là chẳng có gì, tôi nghĩ thế. Tôi nhìn đồng hồ: mười giờ ba mươi. Oshima hẳn đã chuẩn bị xong xuôi mọi thứ để mở cửa thư viện. Hôm nay là... thứ Tư. Tôi hình dung anh tưới nước trong vườn, lau bàn, đun nước và pha cà phê. Tất cả những công việc mà bình thường tôi vẫn làm. Nhưng bây giờ tôi đang ở đây, tận trong rừng, mỗi lúc một dấn sâu thêm. Không ai biết là tôi đang ở đây. Chỉ mình tôi và *chúng* biết.

Tôi tiếp tục đi theo con đường mòn trước mặt. Gọi là đường cũng khí hơi quá. Đó chỉ như một vệt trũng tự nhiên, nước chảy qua lâu ngày khoét thành rãnh. Khi có mưa lớn trong rừng, nước chảy mạnh dần hõm đất, cuốn băng cỏ, làm trơ ra những rễ cây, gặp đá tảng lớn thì chảy men theo rìa. Khi tạnh mưa, ta thaasy hiện ra một lòng sông cạn giống như một đường mòn. Cái gọi là đường ấy phủ đầy dương xỉ và cỏ xanh, nếu lãng đi không chú ý là chẳng thấy đâu nữa. Thỉnh thoảng lại dốc đứng, tôi phải bám vào các thân cây và leo lên.

Giai điệu saxophone soprano của Coltrane chấm dứt từ quãng nào không biết, và bây giờ vang lên trong tai tôi bản độc tấu piano của McCoy Tyner, tay trái chạy một tiết tấu lặp đi lặp lại trong khi tay phải rải những hòa âm đậm đặc, u ám. Như trong một cảnh huyền thoại, nhạc mô tả quá khứ u tối của một ai đó không tên, không diện mạo, với tất cả các chi tiết được bày ra rõ ràng như những khúc ruột lôi ra từ bóng tối. Ít nhất đó cũng là cách hiểu của tôi khi nghe nó. Khúc nhạc kiên nhẫn lặp đi lặp lại, dần dần đập vỡ thực tại, rồi chắp những mảnh vỡ lại. Nó có một mùi thôi miên nguy hiểm như khu rừng này.

Tôi tiếp tục dấn bước, vừa đi vừa xịt sơn đánh dấu các thân cây, thỉnh thoảng ngoái lại để kiểm tra cho chắc là những dấu màu vàng ấy vẫn rõ. Tốt - những dấu chỉ đường về cho tôi giống như một dãy phao đều tăm tắp chạy dài trên biển. Để bảo đảm chắc chắn gấp đôi, chốc

chốc tôi lại lấy rìu khía hình chữ V trên một thân cây. Chiếc rìu nhỏ của tôi không được sắc lắp nên tôi chọn những thân cây nhỏ trông có vẻ mềm hơn để khắc. Đám cây lặng lẽ đón nhận những nhát rìu đó.

Những con muỗi đen to tướng vo ve quanh tôi như những tốp thám báo, nhè những khoảng da hở quanh mắt và tấn công. Khi nghe thấy chúng vo ve, tôi vung tay đập hoặc xua chúng đi. Đập trúng con nào, nó kêu đánh bép, bụng đã mọng những máu nó hút của tôi. Phải một lát sau mới thấy ngứa. Tôi chùi tay vào chiếc khăn quấn quanh cổ cho sạch máu.

Những người lính hành quân qua khu rừng này, nếu vào mùa hè, chắc cũng bị muỗi quấy rầy như thế. Toàn bộ trang bị chiến đấu nặng bao nhiêu nhỉ? Những cây súng trường kiểu cổ tựa như một cục sắt, thắt lưng bao đạn, lưỡi lê, mũ sắt, một cặp lựu đạn, lương thực và khẩu phần (tất nhiên rồi), càmèn, xẻng đào hố cá nhân... Tất cả cộng lại chắc phải đến trên hai chục ký. Nặng thấy mồ, hơn cái ba lô nhỏ của tôi nhiều. Tôi có cảm giác rõ ràng là mình sắp đâm sầm vào những người lính ấy ở chỗ ngoặt tới, mặc dù họ đã biến mất từ hơn sáu mươi năm trước.

Tôi nhớ đến đạo quân của Napoléon tiến vào nước Nga mùa hè năm 1812. Chắc hẳn họ cũng đã bị muỗi hành suốt chặng đường dài đến Mátxcơva. Dĩ nhiên, muỗi không phải là vấn đề duy nhất. Để sống còn, họ đã phải vật lộn với đủ mọi thứ khác nữa: đói, khát, đường sá lầy lội, bệnh truyền nhiễm, cái nóng nung người, những đội biệt động Côzắc tấn công tuyến hậu cần mong manh của họ, thiếu thuốc men, đó là chưa kể những trận giáp chiến lớn với quân đội chính quy Nga. Cuối cùng, khi lực lượng Pháp thất thểu vào một thành phố Mátxcơva vắng tanh, thì quân số từ 500.000 đã giảm xuống chỉ còn 100.000.

Tôi dừng lại uống một ngụm nước từ bi-đông. Đồng hồ tôi chỉ đúng mười một giờ. Đến giờ thư viện mở cửa. Oshima đang mở khóa cửa vào, ngồi vào chỗ quen thuộc của mình sau quầy, một mớ bút chì dài vót nhọn để trên bàn. Anh cầm một chiếc lên xoay xoay trong tay, khẽ ấn đầu có gắn tẩy vào thái dương. Tôi có thể thấy cảnh đó rõ mồn một. Nhưng nơi đó mới xa làm sao!

Mình không bao giờ có kinh nguyệt, Oshima đã nói thế. Mình sinh hoạt tình dục bằng hậu môn, không bao giờ làm tình bằng âm hộ. Âm hạch của mình nhạy cảm nhưng vú thì không.

Tôi nhớ lúc Oshima ngủ trên giường trong căn nhà gỗ, quay mặt vào tường. Và những dư ảnh anh/chị để lại. Thế rồi tôi nằm ngủ luôn trên chiếc giường ấy, với những dư ảnh ấy bao quanh mình.

Tôi thôi không nghĩ đến chuyện ấy nữa. Thay vào đó, tôi nghĩ về chiến tranh. Những cuộc chiến Napoléon, cuộc chiến tranh mà những người lính Nhật Bản đã phải tham gia. Tôi cảm thấy sức nặng của

chiếc rìu trong tay. Cái lưỡi rìu sắc lấp lánh trắng khiến tôi quay mắt đi không dám nhìn nữa. Tại sao người ta phải tiến hành chiến tranh nhỉ? Tại sao hàng trăm nghìn, thậm chí hàng triệu người lại tập hợp để tiêu diệt lẫn nhau như thế? Người ta phát động chiến tranh vì phẫn nộ hay vì sợ? Hay phẫn nộ và sợ hãi chỉ là hai khía cạnh của cùng một tinh thần?

Tôi đẽo một dấu V nữa bằng rìu trên một thân cây. Nó thốt lên một tiếng kêu câm lặng, ứa ra những giọt máu vô hình. Tôi vẫn hì hụi đi. Giai điệu saxophone soprano của Coltrane lại cất lên. Một lần nữa, tiết tấu điệp làm vỡ vụn thực tại, rồi lại chắp những mảnh vỡ lại.

Chẳng mấy chốc, tâm trí tôi lang bang vào miền mộng mơ. Rất lặng lẽ, những giấc mơ trở lại. Tôi đang ôm Sakura. Sakura trong vòng tay tôi và tôi nhận sâu trong Sakura. Tôi không muốn phụ thuộc vào những yếu tố bên ngoài nữa, không muốn bị ném vào thế hoang mang bối rối bởi những sự vật tôi không kiểm soát nổi. Tôi đã giết cha tôi và cưỡng hiếp mẹ tôi và giờ đây tôi đang nhận sâu trong chị gái tôi. Nếu có một lời nguyền trong toàn bộ chuyện này, tôi muốn trực diện đương đầu với nó và hoàn tất cái phận đã được hoạch định của mình. Cất cái gánh nặng khỏi vai và *sống* đúng là mình chứ không bị mắc kẹt trong những kế hoạch của một người nào khác. Đó là điều tôi thực sự muốn. Và tôi xuất tinh bên trong Sakura.

"Ngay cả trong mơ, cậu cũng không nên làm thế," cái thằng tên là Quạ nói. Nó đi ngay sau tôi, trong rừng. "Tớ đã cố hết sức ngăn cậu. Tớ muốn cậu hiểu ra. Cậu có nghe thấy, nhưng cậu không *nghe theo*. Cậu cứ thế dấn tới."

Tôi không trả lời, cũng chẳng ngoái lại, chỉ lặng lẽ bước tiếp.

"Mày tưởng bằng cách ấy, mày có thể hóa giải được lời nguyền, hở? Nhưng có được không?" Quạ hỏi.

Nhưng có được không? Mày đã giết cái người là cha mày, cưỡng hiếp mẹ mày và bây giờ đến chị gái mày. Mày tưởng làm thế sẽ dứt điểm được với lời nguyền mà cha mày yểm vào mày, cho nên mày làm tất cả những gì được dự báo về mày. Nhưng chẳng có gì thực sự chấm dứt. Mày chẳng hóa giải được gì hết. Lời nguyền đó đã được khắc dấu bằng sắt nung đỏ lên hồn mày, thậm chí còn sâu hơn trước. Giờ đây, mày nên nhận chân ra điều đó: rằng lời nguyền nằm trong gien của mày. Nó thoát ra bằng hơi thở của mày và gió cuốn nó đi bốn phương trời, nhưng hỗn độn tối tăm vẫn ở lại bên trong mày. Nỗi sợ hãi, phẫn nộ, khắc khoải nơi mày không hề biến mất. Chúng vẫn ở trong mày, vẫn hành hạ mày.

"Nghe đây, không có cuộc chiến nào chấm dứt mọi cuộc chiến," Quạ bảo tôi. "Chiến tranh nuôi chiến tranh. Bạo lực làm đổ bao nhiêu

máu, nó cũng liếm hết, thức ăn của nó là da thịt đầy thương tích. Chiến tranh là một sinh vật tự tạo hoàn hảo. Mày cần hiểu điều đó."

"Sakura... chị gái tớ," tôi thốt lên. Lẽ ra tôi không nên hiếp chị ấy. *Ngay cả trong mơ.* "Tớ nên làm gì đây?" tôi hỏi to, mắt nhìn trân trân xuống đất phía trước mặt.

"Mày phải vượt lên nỗi sợ hãi và phẫn nộ bên trong mày," cái thằng tên Quạ nói. "Hãy để cho một luồng sáng rực rỡ rọi vào tim mày, làm tan băng giá trong đó. Chính vì thế nên mày mới phải luyện trí kiên cường. Hãy làm thế và mày sẽ thực sự trở thành trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất hành tinh. Mày có nghe thấy không? Vẫn còn kịp. Mày vẫn có thể vãn hồi *bản ngã* của mày. Hãy vận dụng cái đầu của mày. Nghĩ xem mày cần phải làm gì. Mày đâu phải là thằng đần. Mày ắt có thể nghĩ ra."

"Có thật là tớ đã giết cha tớ không?" tôi hỏi.

Không có câu trả lời. Tôi quay ngoắt lại, nhưng cái thằng tên Quạ đã biến mất, chỉ có im lặng nuốt chửng câu hỏi của tôi.

Trơ trọi một mình trong rừng sâu, cái thằng tôi này cảm thấy trống rỗng, phải, trống rỗng kinh khủng. Oshima có lần dùng cụm từ *những con người rỗng.* Ờ, đích xác là tôi đã trở nên như thế đó. Có một khoảng trống trong tôi nó cứ bành trướng dần, nuốt hết những gì còn lại từ con người vốn là tôi. Tôi có thể nghe thấy điều ấy đang diễn ra. Tôi đi tong hoàn toàn rồi, mất tiêu bản sắc. Nơi tôi đang ở không có phương hướng, không có bầu trời, không có mặt đất. Tôi nghĩ đến Miss Saeki, đến Sakura, đến Oshima, nhưng họ ở cách xa tôi hàng năm-ánh-sáng. Như thể tôi nhìn ngược đầu một cái ống nhòm vậy. Dù có vươn tay ra xa đến mấy, tôi cũng không thể chạm tới họ. Tôi hoàn toàn đơn độc trong một mê cung tối om. Hãy lắng nghe gió, Oshima đã bảo tôi. Tôi lắng nghe, nhưng không có ngọn gió nào thổi qua. Ngay cả cái thằng tên là Quạ cũng đã biến mất tăm.

Hãy vận dụng cái đầu của mày. Nghĩ xem mày cần phải làm gì.

Nhưng tôi không thể nghĩ được nữa. Bất kể tôi cố gắng đến đâu, chung cuộc tôi vẫn tắc nghẽn trong mê cung. Cái gì trong tôi tạo nên tôi vậy? Nó có đủ sức đương đầu với khoảng trống kia không?

Giá như tôi có thể xóa bỏ cái thằng tôi đây, ngay tại chỗ và ngay bây giờ! Tôi xem xét ý tưởng này một cách nghiêm túc. Giữa bức tường-cây dày đặc này, trên con đường không ra đường này, nếu tôi ngừng thở, tôi sẽ lặng lẽ chôn vùi ý thức của mình vào bóng tối, dòng máu đen màu bạo lực của tôi sẽ rỉ ra đến giọt cuối cùng, gien của tôi sẽ rữa nát giữa đám cỏ dại. Lúc đó, cuộc chiến của tôi sẽ kết thúc. Bằng không, tôi sẽ mãi mãi tiếp tục giết cha tôi, cưỡng hiếp mẹ tôi, cưỡng hiếp chị gái tôi, mãi mãi, quất roi vào thế giới. Tôi nhắm mắt lại và cố tìm trung tâm của mình. Bóng tối phủ lên nó, xù xì và

lởm chởm. Có một khoảng trống giữa những đám mây đen, tựa như nhìn qua cửa sổ thấy đám lá sơn thù du lấp lánh như hàng ngàn lưỡi dao dưới ánh trăng.

Đúng lúc ấy, tôi cảm thấy một cái gì đang tái tụ lại dưới làn da và nghe thấy một tiếng lanh tanh trong đầu. Tôi mở mắt ra và hít một hơi thật sâu. Tôi ném bình xịt sơn, chiếc rìu và la bàn đi. Tôi nghe thấy chúng rơi xuống đất, tiếng lách cách như vọng lại từ rất xa. Tôi cảm thấy mình nhẹ bỗng. Tôi trút ba lô khỏi vai và vứt sang bên. Xúc giác của tôi đột nhiên nhạy bén hẳn lên. Không khí quanh tôi trở nên trong hơn. Tôi cảm nhận sự hiện diện của rừng mạnh mẽ hơn. Khúc độc tấu ngoắt ngoéo như mê cung của Coltrane lại vang lên bất tận trong tai tôi.

Nghĩ đi nghĩ lại, tôi thọc tay vào ba lô lấy ra con dao săn và bỏ vào túi. Con dao sắc như lưỡi dao cạo tôi lấy trộm ở bàn giấy của cha tôi. Nếu cần, tôi có thể dùng nó để rạch cổ tay cho từng giọt máu trong tôi nhỏ xuống đất. Như thế sẽ hủy được cái cơ chế đó.

Tôi hướng vào tim của khu rừng - một con người rỗng, cái khoảng trống nuốt tiêu tất cả những gì là thể chất. Không còn gì để mà sợ nữa. Tuyệt đối không.

Và tôi hướng thẳng vào tim của khu rừng.

Chương 42

Khi chỉ còn hai người với nhau, Miss Saeki chỉ một chiếc ghế mời Nakata ngồi. Lão nghĩ một lúc trước khi ngồi xuống. Họ ngồi đó im lặng hồi lâu, nhìn nhau qua mặt bàn. Nakata đặt chiếc mũ giang hồ lên đùi và vò tới vò lui mái tóc húi cua. Miss Saeki đặt hai tay lên bàn, bình tĩnh quan sát mọi động tác của lão.

"Nếu tôi không lầm thì hình như tôi vẫn chờ bác tới," bà nói.

"Lão tin là thế," lão đáp. "Nhưng phải mất một thời gian, Nakata này mới tìm được tới đây. Hy vọng là đã không để bà chờ quá lâu. Lão đã cố hết sức để tới đây nhanh nhất."

Miss Saeki lắc đầu. "Không, không sao cả. Nếu bác đến sớm hơn, hay muộn hơn một chút, có khi tôi lại thấy bối rối hơn cơ đấy. Đối với tôi, bây giờ là đúng lúc nhất."

Cậu Hoshino đã rất tốt với lão và giúp đỡ lão rất nhiều. Nếu chỉ có mình lão, ắt còn phải lâu hơn nhiều. Chả là Nakata này không biết đọc mà."

Hoshino là bạn bác?"

Vâng," Nakata gật đầu đáp, "lão nghĩ thế. Cơ mà, nói thật tình, lão cũng không dám chắc lắm. Ngoài mèo ra, cả đời lão chả có ai khả dĩ có thể gọi là bạn."

Tôi cũng vậy, đã lâu tôi không có ai là bạn," Miss Saeki nói. "Ngoại trừ trong ký ức."

Bà Saeki?"

Dạ?" bà đáp.

Thực ra, lão cũng chẳng có ký ức gì. Bà thấy đấy, lão vốn đần độn, vậy bà có thể giảng cho lão biết ký ức là thế nào không?"

Miss Saeki đăm đăm nhìn hai bàn tay mình trên bàn rồi lại ngước lên nhìn Nakata. "Ký ức làm ấm lòng ta từ bên trong, đồng thời nó cũng xé nát tim ta."

Nakata lắc đầu. "Rắc rối lắm, Nakata này vẫn không hiểu. Lão chỉ hiểu độc một cái, đó là hiện tại."

"Tôi thì hoàn toàn ngược lại," Miss Saeki nói.

Im lặng sâu thẳm trùm lên căn phòng.

Nakata là người đầu tiên phá vỡ im lặng. Lão khẽ hắng giọng. "Bà Saeki?"

"Dạ?"

"Bà biết về phiến đá cửa vào chứ?"

"Vâng, tôi có biết," bà nói và lướt ngón tay lên chiếc bút máy Mont Blanc trên bàn. "Cách đây lâu lắm rồi, tôi đã tình cờ gặp nó. Giá như tôi đừng bao giờ biết đến nó thì có lẽ lại tốt hơn. Nhưng trong chuyện này, tôi không có lựa chọn."

Cách đây mấy hôm, Nakata này lại mở nó một lần nữa. Cái buổi chiều sấm chớp đùng đùng ấy. Cơ man nào là sét trút xuống thành phố. Một mình lão không mở nổi, cậu Hoshino đã giúp lão. Bà có biết lão nhắc đến ngày nào không?"

Miss Saeki gật đầu. "Có, tôi có nhớ."

Lão mở nó là vì lão có bổn phận phải làm thế."

"Tôi biết. Bác làm thế để sự vật lại đâu hoàn đấy."

Đến lượt Nakata gật đầu. "Chính thế."

"Và bác có quyền làm thế."

"Cái ấy thì Nakata này không biết. Dù sao đi nữa, đó cũng không phải là lựa chọn của lão. Lão phải nói để bà biết: lão đã giết một người ở Nakano. Lão đâu có muốn giết ai, cơ mà Johnnie Walker đã buộc lão và lão đã thế chỗ cái cậu bé mười lăm tuổi đáng lẽ phải làm điều đó và lão đã giết. Nakata này buộc phải làm thế."

Miss Saeki nhắm mắt lại rồi lại mở ra, nhìn thẳng vào mặt lão.

"Có phải mọi điều đó xảy ra chỉ vì bao năm trước đây, tôi đã mở phiến đá cửa vào? Có phải hành động đó của tôi đến giờ vẫn còn khiến mọi việc lộn tùng phèo?"

Nakata lắc đầu. "Bà Saeki?"

"Dạ?" bà đáp.

"Chuyện ấy, Nakata này không biết. Nhiệm vụ của lão là làm sao để sự vật trở lại đúng cách của nó. Vì thế nên lão mới rời Nakano, đi qua một cái cầu to tướng để đến Shikoku. Và như lão dám chắc bà đã biết, bà không thể ở đây nữa."

Miss Saeki mỉm cười. "Tôi biết," bà nói. "Đó là điều tôi đã mong muốn từ lâu, bác Nakata ạ. Điều mà trong quá khứ tôi đã ao ước, và bây giờ cũng vẫn đang ao ước. Tuy nhiên, bất kể tôi đã cố gắng đến đâu, tôi cũng không đạt được. Tôi chỉ còn biết ngồi chờ cho giờ phút đó đến - nói cách khác là *lúc này đây*. Sự chờ đợi ấy thật chả dễ dàng gì, nhưng đau khổ là điều tôi phải chấp nhận thôi."

"Miss Saeki," Nakata nói, "lão chỉ có nửa cái bóng thôi. Bà cũng thế."

"Tôi biết."

"Nakata mất nửa bóng kia trong thời kỳ chiến tranh. Lão không biết tại sao điều đó lại xảy ra và tại sao lại nhằm vào lão... Dù sao, biết bao thời gian đã qua đi kể từ đó. Và đã sắp đến lúc *chúng ta* phải rời khỏi đây."

"Tôi hiểu."

"Nakata này đã sống quá lâu rồi, nhưng như lão nói, lão chẳng có ký ức gì hết. Cho nên lão không chắc có hiểu đúng cái 'đau khổ' bà vừa nhắc đến. Cơ mà lão nghĩ thế này: bất kể bà có phải đau khổ đến đâu, bà cũng không muốn rời bỏ những ký ức ấy."

"Đúng thế," Miss Saeki nói. "Càng níu giữ càng đau, nhưng tôi chẳng bao giờ muốn rời bỏ nó, chừng nào còn sống. Đó đã từng là lý do duy nhất khiến tôi tiếp tục sống, là điều duy nhất chứng tỏ tôi còn sống."

Nakata lặng lẽ gật đầu.

"Sống lâu hơn mức cần thiết chỉ gây hại cho nhiều người và nhiều sự vật," bà nói tiếp. "Mới đây, tôi đã có quan hệ tình dục với cậu bé mười lăm tuổi mà bác vừa nhắc tới. Trong căn phòng ấy, tôi lại trở thành cô gái mười lăm tuổi khi xưa và làm tình với *cậu ta*. Tôi không biết làm thế là đúng hay sai, nhưng tôi không đừng được. Dù sao những hành động ấy chắc chắn đã phá hại một cái gì khác. Đó là điều duy nhất khiến tôi hối tiếc."

"Nakata này không biết gì về tình dục. Cũng như lão không có ký ức, lão không hề có khao khát tình dục. Cho nên lão không phân biệt được đúng, sai trong chuyện ấy. Cơ mà cái gì đã xảy ra là đã xảy ra. Lão chấp nhận tất cả những gì đã xảy ra, dù đúng hay sai, và chính như thế, lão mới ra con người như thế này."

"Bác Nakata?"

"Dạ."

"Tôi muốn xin bác ra ân cho một điều," Miss Saeki nhấc cái túi xắc dưới chân, lấy một chiếc chìa khóa nhỏ, mở một ngăn kéo bàn giấy, rồi rút ra mấy tập hồ sơ dày đặt lên bàn.

"Từ ngày trở về thành phố này," bà nói, "tôi đã viết cái này. Một bản ghi về đời tôi. Tôi sinh ra ở gần đây và tôi đã yêu sâu sắc một người con trai sống trong ngôi nhà này. Tôi đã yêu đến mức tột cùng và anh ấy cũng yêu tôi sâu sắc. Chúng tôi sống trong một thứ vòng tròn khép kín hoàn hảo, ở đó mọi thứ đều trọn vẹn. Tất nhiên, điều đó không thể tiếp diễn mãi mãi. Chúng tôi lớn lên và thời thế đổi thay. Từng mảng của cái vòng tròn khép kín ấy đổ vỡ, thế giới bên ngoài tràn vào cái thiên đường riêng của chúng tôi và một số thứ trong đó thoát ra ngoài. Tôi nghĩ điều đó là hoàn toàn tự nhiên thôi, nhưng hồi đó, tôi không thể chấp nhận được. Và vì thế nên tôi mở phiến đá cửa vào để giữ cho cái thế giới riêng tư hoàn hảo của chúng tôi khỏi sụp đổ. Giờ tôi không nhớ nổi là mình đã làm cách nào để mở được, nhưng, lúc đó tôi đã quyết định phải mở nó bằng mọi giá - cốt sao tôi khỏi mất anh ấy, sao cho những thứ từ bên ngoài không phá hủy được thế giới của chúng tôi. Hồi đó, tôi không biết được hậu

quả của nó. Và đương nhiên, tôi đã bị trừng phạt."

Bà dừng lại, cầm cây bút máy lên và nhắm mắt lại. "Cuộc đời tôi chấm dứt ở tuổi hai mươi. Từ đó trở đi, nó chỉ là một chuỗi bất tận những hồi tưởng, một cái hành lang tối mịt, ngoằn ngoèo chẳng dẫn tới đâu cả. Mặc dù thế, tôi vẫn phải sống tiếp, lay lắt từng ngày trống rỗng, tiễn từng ngày trống rỗng ra đi. Trong những ngày đó, tôi phạm biết bao sai lầm. Không, nói vậy chưa đúng - đôi khi tôi có cảm giác là mình chỉ làm *độc có một việc*: phạm sai lầm. Tôi cảm thấy như mình đang sống dưới đáy một cái giếng sâu, hoàn toàn khép kín trong bản thân mình, nguyền rủa số phận, căm ghét mọi thứ ở bên ngoài. Thỉnh thoảng, tôi mạo hiểm ra khỏi giếng, ra cái điều ta đây còn sống. Chấp nhận bất kỳ cái gì đến, đi qua cuộc đời một cách vô cảm. Tôi ngủ với nhiều đàn ông, có lúc đã gần như sống vợ chồng với ai đó, nhưng tất cả những cái đó đều vô ích. Mọi thứ qua đi trong khoảnh khắc, chẳng để lại gì ngoài những vết sẹo trên những thứ tôi làm tổn thương và khinh rẻ.

Bà đặt tay lên ba tập hồ sơ để trên bàn. "Tất cả các chi tiết đều ở trong này. Tôi viết cái này để sắp xếp lại đâu vào đấy, để một lần nữa xác định về cuộc đời mình đã sống. Tôi chỉ có thể tự trách mình thôi, nhưng đây quả là một quá trình đau đớn quặn ruột quặn gan. Và tôi đã hoàn tất nó. Tôi đã viết tất cả những gì cần được viết ra. Giờ tôi không cần nó nữa và tôi cũng chẳng muốn ai khác đọc nó. Nếu một người nào khác tình cờ để mắt đến nó, có thể nó sẽ lại gây hại nữa cũng nên. Cho nên tôi muốn đốt hết đi, đến trang cuối cùng, không sót lại chút gì. Nếu bác không quản ngại, tôi muốn bác làm hộ việc đó. Bác là người duy nhất tôi có thể nhờ cậy, bác Nakata. Tôi xin lỗi đã quấy rầy bác, nhưng liệu bác có vui lòng giúp tôi không?"

"Nakata đã hiểu," lão gật đầu nói, nghiêm túc. "Nếu bà muốn thế, bà Saeki, tôi rất vui lòng đốt hết cho bà. Bà yên tâm đi."

"Cám ơn bác," Miss Saeki nói.

"Viết ra những thứ này *là* một việc quan trọng, phải không?"

"Vâng. Quá trình viết mới là quan trọng. Ngay cả nếu thành phẩm hoàn toàn vô nghĩa."

"Lão không biết đọc biết viết, nên không làm được việc đó. Nakata này giống như mèo vậy."

"Bác Nakata?"

"Dạ, thưa bà?"

"Tôi có cảm giác như đã biết bác hàng thế kỷ rồi," Miss Saeki nói. "Không hiểu *bác* có ở trong bức tranh ấy không nhỉ? Một bóng người in trên nền biển, phải chăng là bác? Ống quần trắng xắn lên, lội xuống nước?"

Nakata lặng lẽ đứng lên và đến trước mặt Miss Saeki. Lão đặt đôi

bàn tay rắn rỏi, rám nắng của mình lên bàn tay bà trên chồng bản thảo. Và như thể chăm chú lắng nghe một cái gì đó, lão cảm thấy hơi ấm truyền từ tay bà sang tay lão. "Bà Saeki?"

"Dạ?"

"Lão nghĩ giờ lão đã hiểu được một chút."

"Về cái gì?"

"Về ký ức là gì. Lão có thể cảm thấy nó, qua bàn tay bà."

Bà mỉm cười. "Tôi rất sung sướng."

Nakata giữ tay mình trên tay Miss Saeki một hồi lâu. Cuối cùng, bà nhắm mắt lại, lặng lẽ thả mình vào ký ức. Nỗi đau không còn ở trong đó nữa, như thể đã được ai đó hút kiệt đi mãi mãi. Vòng tròn khép kín trở lại nguyên vẹn. Bà mở cửa một căn buồng xa xưa và thấy hai hợp âm đẹp mang hình con thằn lằn ngủ trên tường. Bà khẽ khàng sờ vào chúng và cảm nhận thấy giấc ngủ bình yên của chúng. Một làn gió nhẹ thổi, thi thoảng làm sột soạt tấm rèm cũ. Tiếng sột soạt đầy ý nghĩa, như một dụ ngôn. Bà mặc chiếc áo dài màu xanh lơ. Chiếc áo bà đã mặc ở đâu đó, lâu lắm rồi. Tà áo khẽ lao xao theo nhịp bước của bà. Có thể nhìn thấy bờ biển bên ngoài cửa sổ. Và có thể nghe thấy tiếng sóng và tiếng một người nào đó. Trong gió thoang thoảng mùi biển. Và đây là mùa hè. Bao giờ cũng là mùa hè. Những đám mây trắng nhỏ in rõ nét như khắc trên nền trời xanh thẳm.

Nakata mang ba tập bản thảo dày xuống cầu thang. Oshima đang nói chuyện với một người khách ở quầy. Trông thấy Nakata, anh cười toét miệng. Nakata lễ phép cúi chào đáp lại và Oshima trở lại với cuộc trò chuyện. Suốt thời gian qua, Hoshino ở trong phòng đọc, chúi đầu vào một cuốn sách.

"Cậu Hoshino?" Nakata gọi.

Hoshino đặt sách xuống và ngước lên. "Chà, chuyện trò gì mà lâu thế. Xong rồi chứ?"

"Vâng, Nakata này xong việc ở đây rồi. Nếu cậu đồng ý, lão nghĩ ta có thể đi khỏi đây bây giờ."

"Được thôi. Cháu đọc gần hết rồi. Beethoven vừa chết, đoạn này tả tang lễ. Chà, đám tang mới to làm sao! Hai mươi lăm nghìn dân thành Viên đi đưa, các trường học đều đóng cửa."

"Cậu Hoshino?"

"Gì vậy ông?"

"Lão muốn xin cậu một điều nữa."

"Ông cứ nói."

"Lão cần đốt cái này ở một nơi nào đó."

Hoshino nhìn mấy tập bản thảo trên tay ông già. "Hừm, khối giấy đấy. Không thể đốt ở bất cứ chỗ nào. Phải tìm một lòng sông cạn hay nơi nào đại loại như thế."

"Cậu Hoshino?"

"Dạ?"

"Vậy ta đi tìm một nơi như thế đi."

"Có thể đây là một câu hỏi ngớ ngẩn, nhưng việc này có thực sự quan trọng đến thế không? Ta không thể ném quách nó vào một xó xỉnh nào được ư?"

"Phải, việc này rất quan trọng và chúng ta phải đốt kỳ hết cho nó thành khói bay lên trời. Và ta phải nhìn tận mắt, bảo đảm thấy nó cháy hết."

Hoshino đứng dậy, vươn vai. "Ô-kê. Ta hãy đi tìm một lòng sông lớn. Cháu chưa biết cụ thể ở đâu, nhưng chắc chắn vùng Shikoku phải có một nơi như thế, nếu ta cất công tìm."

Buổi chiều hôm ấy bận rộn hơn thường lệ. Rất đông độc giả đến thư viện, nhiều người đặt những câu hỏi chi tiết, đi sâu vào chuyên môn. Oshima ra sức trả lời, chạy ngược chạy xuôi tìm những tư liệu họ yêu cầu. Nhiều mục phải truy cập trên máy tính. Bình thường, anh có thể nhờ Miss Saeki giúp, nhưng hôm nay thì có vẻ không được. Nhiều việc linh tinh khiến anh phải rời khỏi quầy, thậm chí Nakata đi lúc nào anh cũng không biết. Khi đã vãn vãn được một lúc, anh nhìn quanh nhưng chẳng thấy bộ đôi kỳ dị ấy đâu. Oshima lên gác đến thư phòng Miss Saeki. Lạ thay, cửa vẫn đóng. Anh gõ hai lần và chờ, nhưng không thấy trả lời. Anh lại gõ lần nữa. "Miss Saeki?" anh gọi từ bên ngoài vào. "Cô không sao chứ?"

Anh khẽ xoay quả đấm. Cửa không khóa. Oshima mở hé một tí, nhòm vào. Và thấy Miss Saeki gục mặt xuống bàn. Tóc bà xõa xuống phía trước, che kín mặt. Anh không biết làm thế nào. Có thể bà chỉ mệt và ngủ thiếp đi thôi. Nhưng anh chưa một lần thấy bà ngủ chợp mắt như thế. Bà không bao giờ ngủ quên trong khi làm việc. Anh bước vào phòng, đi tới bên bàn. Cúi xuống và ghé tai bà khẽ gọi, nhưng không thấy trả lời. Sờ vai bà rồi nắm cổ tay và ấn ngón tay lên đó. Không thấy mạch. Da bà vẫn còn hơi âm ấm, nhưng chút hơi ấm ấy đã bắt đầu tan dần.

Anh vén mớ tóc lên nhìn kỹ mặt bà. Cả hai mắt đều he hé. Kiểu như bà đang có một giấc mơ thú vị, nhưng không phải thế. Bà đã chết. Vẫn còn thoáng chút dấu vết một nụ cười trên môi bà. Ngay cả trong cái chết, bà vẫn duyên dáng và quyền quý, Oshima nghĩ thầm. Anh buông mớ tóc bà xuống và nhấc máy điện thoại lên bàn.

Anh đã đành lòng chấp nhận cái thực tế là ngày này sớm muộn rồi cũng đến, nhưng giờ đây khi nó đến và chỉ có mình anh trong căn

phòng lặng lẽ với một Miss Saeki đã chết, thì anh lại hoang mang không biết làm gì. Anh cảm thấy trái tim mình đã khô quắt lại. Mình cần Miss Saeki, anh nghĩ thầm. Mình cần một người như bà để lấp đầy khoảng trống bên trong mình. Nhưng mình đã không thể lấp đầy khoảng trống bên trong bà. Cho đến phút cuối cùng, sự trống rỗng bên trong bà vẫn chỉ là của mình bà thôi.

Có người gọi tên anh từ dưới nhà. Ít nhất là anh cũng cảm thấy thế. Anh đã để cửa mở rộng và có thể nghe thấy tiếng người lao xao dưới đó. Chuông điện thoại reo ở tầng một. Anh mặc kệ. Anh ngồi xuống và trân trân nhìn Miss Saeki. Ai muốn gọi tên tôi ư, thì cứ việc gọi, anh nghĩ. Ai muốn gọi điện thoại ư, xin mời. Cuối cùng, Oshima nghe thấy tiếng còi xe cấp cứu đến gần. Lát nữa thôi, người ta sẽ ào lên gác để mang bà đi - mãi mãi. Anh giơ tay trái lên xem đồng hồ: 4g35. Bốn giờ ba mươi lăm phút một chiều thứ Ba. Mình phải nhớ ngày giờ này, anh nghĩ. Mình phải nhớ ngày này, buổi chiều này, mãi mãi.

"Kafka Tamura," anh thì thầm, đăm đăm nhìn bức tường, "anh sẽ kể cho em nghe điều gì vừa xảy ra. Nếu như em chưa biết."

Chương 43

Trút hết hành trang, giờ tôi có thể nhẹ bước dấn sâu thêm vào rừng. Tôi tập trung hoàn toàn vào việc tiến lên phía trước. Không cần phải đánh dấu cây nữa. Không cần phải nhớ đường về. Thậm chí tôi cũng không ngó nhìn xung quanh. Quang cảnh vẫn thế thôi, nhìn ngắm mà làm gì? Một vòm cây cao vút bên trên những bụi dương xỉ rậm rạp, dây lòng thòng, rễ cây nham nhở, những đám lá mục rữa, những vot lột đã khô của nhiều loại côn trùng khác nhau... Những mạng nhện dày, dính nháp. Và cơ man nào là cành - cả một vũ trụ cành cây! Những cành hung tợn, những cành kiên cường chiến đấu giành không gian, những cành khôn khéo giấu mình, những cành cong queo, vẹo vọ, những cành trầm ngâm, những cành héo khô, ngắc ngoải - vẫn cánh cảnh ấy lặp đi lặp lại hoài. Tuy rằng mỗi lần lặp lại như thế, rừng lại sâu thêm một chút.

Miệng mím chặt, tôi tiếp tục theo cái gọi là con đường mòn ấy. Nó đi ngược lên nhưng không dốc lắm, ít nhất là cho đến lúc này. Không đến mức làm tôi thở không ra hơi. Đôi chỗ, con đường mòn đe doạ mất hút trong một biển dương xỉ hoặc bụi gai, nhưng đi một quãng nữa, nó lại hiện ra. Rừng không làm tôi sợ nữa. Nó có những khuôn mẫu và quy tắc riêng của nó, và một khi hết sợ nó, ta sẽ hiểu những khuôn mẫu và quy tắc đó. Một khi đã nắm được quang cảnh lặp đi lặp lại này, tôi biến nó thành một bộ phận của mình.

Giờ đây, tôi đi tay không. Tôi đã thải chiếc bình xịt sơn vàng, chiếc rìu nhỏ vào lịch sử. Chiếc balô cũng thế. Không bi-đông, không lương thực. Thậm chí không cả la bàn. Tôi lần lượt bỏ lại tất cả. Làm như thế, tôi gửi đến rừng một thông điệp: *Ta không sợ nữa. Vì thế ta chọn phương án hoàn toàn đơn độc không có gì bảo vệ*. Trút bỏ lớp vỏ cứng, chỉ còn da thịt và xương tôi hướng đến cái lõi của mê cung này, buông mình vào trống rỗng.

Khúc nhạc ban nãy vang trong đầu tôi, giờ đã tắt, để lại thoáng dư âm màu trắng tựa như một tấm drap trắng phẳng phiu căng trên một chiếc giường mênh mông. Tôi sờ tấm drap ấy, lấy đầu ngón tay vuốt ve nó. Màu trắng tiếp tục đến vô tận. Mồ hôi đọng từng giọt ở nách tôi. Thi thoảng, qua những ngọn cây, tôi thấy một mảng trời phủ một lớp mây xám liền mạch không dứt, nhưng xem ra chưa phải là sắp mưa. Mây tĩnh, toàn cảnh không thay đổi. Chim chóc trên những cành cao the thé gọi nhau bằng những tín hiệu ẩn chứa những ý nghĩa bí hiểm. Tiếng côn trùng vo ve trong đám cỏ vang lên như những lời tiên tri của một dàn hợp xướng cổ đại.

Tôi nghĩ đến ngôi nha chúng tôi ở Nakano, giờ đây chắc đóng kín, không người ở. Với tôi, thế cũng chả sao. Cứ để những vệt máu loang

trên sàn nhà. Tôi bất cần. Tôi sẽ chẳng bao giờ trở lại đó nữa. Ngay cả trước khi xảy ra sự kiện đẫm máu ấy, nhiều thứ đã chết đi trong ngôi nhà đó. Nói cho đúng hơn, - đã *bị giết* trong ngôi nhà đó.

Đôi khi, rừng tìm cách đe dọa tôi, lúc từ trên đầu, lúc từ dưới chân. Phà một luồng khí lạnh buốt vào gáy tôi, châm chích nhoi nhói như những mũi kim ngàn mắt. Tìm mọi cách để trục xuất kẻ đột nhập là tôi đây. Nhưng tôi dần dần biết cách tỉnh bơ để cho những đe dọa ấy qua đi. Về cơ bản, khu rừng này là một bộ phận của tôi, chẳng phải thế sao? Đến một lúc nào đó, cách nghĩ đó trụ vững. Tôi đang làm cuộc hành trình *bên trong* tôi. Giống như máu chảy trong huyết quản, những gì tôi nhìn thấy là nội tâm mình, và những gì có vẻ đe dọa chính là tiếng vang của nỗi sợ trong tim tôi. Cái mạng nhện giăng căng như dây đàn kia là mạng nhện ở trong tôi. Lũ chim gọi nhau trên kia là lũ chim tôi đã nuôi trong tâm trí. Những hình ảnh đó nảy ra trong óc tôi và bắt rễ trong đó.

Như thể bị nhịp đập của một trái tim khổng lồ đẩy từ phía sau, tôi tiếp tục xuyên rừng. Con đường dẫn đến một nơi đặc biệt, một nguồn sáng nhả ra bóng tối, nơi xuất phát của những tiếng vang im lặng. Tôi cần phải tận mắt nhìn thấy có cái gì ở đó. Tôi đang mang một bức thư riêng quan trọng, niêm phong kín, một thông điệp bí ẩn cho chính tôi.

Một câu hỏi. Tại sao bà không yêu tôi? Tôi không xứng đáng được mẹ tôi yêu sao?

Bao năm rồi, câu hỏi ấy là một ngọn lửa trắng thiêu đốt tim tôi, ăn mòn tâm hồn tôi. Ắt phải có một sai trái cơ bản nào đó nơi tôi mới khiến mẹ tôi không yêu tôi. Phải chăng lọt lòng, tâm hồn tôi đã bị ô nhiễm? Phải chăng tôi sinh ra đã vậy, khiến mọi người đều phải ngoảnh mặt đi?

Mẹ tôi thậm chí không ôm tôi trước khi ra đi. Bà ngoảnh mặt đi và rời khỏi nhà cùng với chị gái tôi, không nói nửa lời. Bà biến mất như một làn khói câm lặng. Và giờ đây, gương mặt ấy đã biệt tăm mãi mãi.

Lũ chim lại choe chóe trên đầu tôi và tôi ngước lên nhìn bầu trời. Chẳng có gì trên ấy, ngoài lớp mây xám phẳng lì, vô cảm. Không một gợn gió. Tôi lầm lũi tiến. Tôi đang bước đi bên bờ ý thức. Những đợt sóng ý thức cuồn cuộn xô vào rút ra, để lại mấy dòng chữ cũng nhanh như thế, những đợt sóng mới xô vào, xóa đi hết. Tôi cố đọc thật nhanh những chữ đó giữa hai đợt sóng, nhưng thật là khó. Chưa kịp đọc hết thì đợt sóng tiếp theo đã ập vào cuốn sạch bong. Chỉ còn lại những mảnh vụn bí hiểm.

Tâm trí tôi lang bang trở về cái này mẹ tôi ra đi, mang theo chị gái tôi. Tôi đang ngồi ngoài hiên, đăm đăm nhìn ra vườn. Lúc đó là hoàng hôn, đầu mùa hè, bóng cây đổ dài. Chỉ có mình tôi trong nhà. Tôi

không hiểu tại sao, nhưng tôi đã *biết* mình bị bỏ rơi. Ngay vào thời điểm đó, tôi đã hiểu chuyện này sẽ làm thay đổi thế giới của tôi mãi mãi. Không ai mách bảo tôi - đơn giản là tôi biết thế. Ngôi nhà trống không, vắng ngắt, một cái đồn biên phòng heo hút bị bỏ mặc. Tôi nhìn mặt trời lặn ở đằng Tây, những cái bóng từ từ lan khắp bao trùm thế giới. Trong cõi thời gian, chẳng có gì quay trở lại được. Những cái vòi của bóng tối cứ tiến dần, gặm mòn mặt đất, hết điểm này đến điểm khác, cho đến khi gương mặt mẹ tôi - mới rồi còn ở đó - bị nuốt chửng vào cái vùng tối tăm lạnh lẽo ấy. Gương mặt đanh lại ấy ngoảnh đi không nhìn tôi, tự động bứt khỏi và xóa nhòa trong trí nhớ của tôi.

Lúc này, tôi vừa dấn bước vừa nghĩ đến Miss Saeki. Đến gương mặt bà. Nụ cười điềm đạm và mơ hồ, hơi ấm của bàn tay bà. Tôi thử tưởng tượng bà là người mẹ đã bỏ tôi lại khi tôi mới bốn tuổi đầu. Bất giác tôi lắc đầu. Một hình ảnh hoàn toàn trật lất. Làm sao Miss Saeki có thể làm thế được? Tại sao bà lại phải làm tôi tổn thương, lại phải hủy hoại tôi như vậy? Ắt phải có một lý do tàng ẩn quan trọng, một cái gì sâu kín mà tôi không hiểu nổi.

Tôi ráng đặt mình vào địa vị bà để cảm thấy những gì bà cảm thấy lúc đó và đến gần quan điểm của bà hơn. Điều đó không dễ. Xét cho cùng, tôi là đứa bị bỏ rơi, còn bà là người bỏ rơi tôi. Nhưng được một lúc, tôi xoay ra tự tách mình khỏi bản thân. Hồn tôi trút bỏ y phục cứng nhắc của bản ngã và biến thành một con quạ đen vắt vẻo trên một cành cao của một cây thông trong vườn, nhìn xuống thằng bé bốn tuổi ngồi trước hiên nhà.

Tôi hóa thân thành một con quạ đen sính lý thuyết dông dài.

"Không phải là mẹ cậu không yêu cậu," thằng cu tên là Quạ đi đằng sau tôi nói. "Mẹ cậu yêu cậu vô cùng. Trước hết, cậu phải tin là thế. Đó là điểm xuất phát của cậu."

"Nhưng mà bà ấy đã bỏ tớ. Bà ấy biến mất, bỏ lại tớ một mình ở một nơi hoàn toàn xa lạ với tớ. Cuối cùng, tớ bắt đầu hiểu ra điều đó đau đớn biết chừng nào. Làm sao bà ấy có thể làm thế nếu bà ấy thực sự yêu tớ?"

"Thực tế là như vậy. Chuyện đó quả đã xảy ra," cái thằng tên Quạ nói. "Cậu đã bị tổn thương nặng nề và sẽ mang những vết sẹo ấy suốt đời. Tớ ái ngại cho cậu, thực tình vậy. Nhưng hãy nghĩ như thế này: chưa quá muộn để bình phục lại. Cậu còn trẻ và cậu kiên cường. Cậu có khả năng thích nghi với hoàn cảnh. Cậu có thể băng bó những vết thương, ngẩng cao đầu mà tiến tới. Nhưng bà ấy thì không thể làm thế được. Bà chỉ còn nước là tiêu đời thôi. Dù ai đó có phán xét điều đó là tốt hay xấu, cũng không quan trọng - đó không phải là vấn đề. Cậu mới là kẻ có lợi thế. Cậu phải cân nhắc điều đó."

Tôi không trả lời.

"Tất cả những điều đó đã thực sự xảy ra, vậy nên cậu không thể xóa bỏ được," Quạ nói. "Lẽ ra bà ấy không nên bỏ cậu lại và lẽ ra cậu không nên *bị* bỏ lại. Nhưng những chuyện trong quá khứ cứ như một cái đĩa bị đập tan tành. Cậu không tài nào chắp lại như cũ được, phải không nào?"

Tôi gật đầu. *Cậu không tài nào chắp lại như cũ được*. Nó nói trúng phóc.

"Mẹ cậu," cái thằng tên là Quạ nói tiếp, "cảm thấy một nỗi giận dữ và sợ hãi đến quặn ruột. Y như cậu lúc này đây. Chính vì thế mà bà ấy đành phải bỏ cậu lại."

"Mặc dù bà ấy yêu tớ?"

"Mặc dù bà ấy yêu ậu, bà ấy vẫn phải bỏ cậu lại. Cậu cần phải hiểu tình cảm của bà ấy lúc đó như thế nào và chấp nhận hành xử của bà. Hiểu nỗi sợ hãi và giận dữ choán ngợp ấy và cảm nhận nó như của chính mình để rồi sẽ không thừa kế nó và lặp lại nó. Điều chủ yếu là thế này: cậu phải *tha thứ* cho bà ấy. Điều đó sẽ không dễ dàng, tớ biết, nhưng cậu phải làm thế. Đó là chiếc phao cứu sinh duy nhất của cậu. Chẳng có cách nào khác đâu!"

Tôi ngẫm nghĩ về những gì nó nói. Càng nghĩ càng thấy rối trí. Đầu tôi quay cuồng và tôi cảm thấy như da thịt bị xé toạc.

"Liệu Miss Saeki có phải là mẹ tớ không nhỉ?" tôi hỏi.

"Bà ấy chẳng đã nói với cậu rằng về lý thuyết thì vẫn có thể là thế sao?" thằng cu tên là Quạ nói. "Vậy thì xin trả lời: *đó là một giả thuyết khả dĩ. Tớ chỉ có thể nói với cậu vậy thôi."*

"Một giả thuyết khả dĩ tồn tại chừng nào chưa có bằng chứng thuyết phục bác bỏ nó?"

"Đúng thế," Quạ nói.

"Vậy tớ phải theo đuổi giả thuyết này đến cùng?"

"Phải," Quạ đáp, chắc như đinh đóng cột. "Một lý thuyết chưa có phản chứng vững chắc nào đánh đổ, là một lý thuyết đáng theo đuổi. Và hiện tại, theo đuổi nó là lựa chọn duy nhất của cậu. Ngay cả nếu vì vậy mà phải hy sinh, cậu cũng phải theo đuổi nó đến tận cùng."

"Hy sinh?" Từ đó rành là có một âm vang kỳ lạ mà tôi không nắm bắt được.

Không thấy trả lời. Tôi lo lắng ngoảnh lại. Thằng cu tên Quạ vẫn đó, ngay đằng sau tôi, đều nhịp bước.

"Nỗi sợ hãi và giận dữ nào vò xé Miss Saeki lúc đó?" tôi hỏi, lại quay về phía trước và bước tiếp.

"Theo cậu thì đó là nỗi sợ hãi và giận dữ kiểu gì?" cái thằng tên Quạ hỏi vặn lại. "Hãy nghĩ xem. Chính cậu phải tự nghĩ cho ra. Cậu có cái đầu là để dùng vào việc đó mà."

Thì đó chính là điều tôi đang làm. Tôi cần phải hiểu điều đó, chấp nhận nó trước khi quá muộn. Nhưng tôi vẫn không thể đọc ra những dòng chữ mong manh để lại trên bờ ý thức của tôi. Không đủ thời gian giữa hai đợt sóng.

"Tớ yêu Miss Saeki," câu nói buột ra rất tự nhiên.

"Tớ biết," thằng cu tên Quạ nói cộc lốc.

"Trước đó, tớ chưa bao giờ cảm thấy thế," tôi nói tiếp. "Và đối với tớ, điều đó quan trọng hơn bất cứ cái gì khác tớ từng trải nghiệm."

"Tất nhiên là thế," Quạ nói. "Khỏi phải nói. Chính vì thế mà cậu đã đến đây."

"Nhưng tớ vẫn chưa hiểu. Cậu nói với tớ rằng mẹ tớ rất yêu tó. Tớ rất muốn tin cậu, nhưng nếu đúng là thế, tớ vẫn không hiểu. Tại sao yêu lại có nghĩa là làm cho người mình yêu đau đớn đến thế? Tớ muốn nói nếu lẽ đời là thế, thì yêu làm gì? Tại sao lại phải như thế?"

Tôi đợi câu trả lời. Tôi ngậm miệng một hồi lâu, nhưng không nghe thấy trả lời, nên tôi quay lại. Cái thằng tên là Quạ đã biến mất. Trên cao, một tiếng vỗ cánh.

Mày hoang mang hoàn toàn rồi.

Không lâu sau, hai người lính ấy xuất hiện.

Họ mặc binh phục dã chiến của quân đội Hoàng gia thời xưa. Loại đồng phục mùa hè ngắn tay, ghệt, ba lô. Mũ lưỡi trai chứ không phải mũ sắt, mặt bôi một loại bột ngụy trang màu đen. Cả hai đều còn trẻ. Một người cao, gầy, đeo kính mắt tròn, gọng kim loại. Người kia thấp, vai rộng, lực lưỡng. Cả hai ngồi trên một tảng đá phẳng, chẳng ai có vẻ đang ở tư thế sẵn sàng chiến đấu, hai cây súng trường Arisaka đặt dưới chân. Người cao có vẻ chán ngán, miệng nhấm nháp một cọng cỏ. Nom họ hoàn toàn tự nhiên như thể đây là nơi phù hợp với họ. Họ thản nhiên nhìn tôi lại gần.

Xung quanh họ là một khoảng nhỏ phát quang, bằng phẳng như một chiếu nghỉ trên cầu thang.

"Này," người lính cao vui vẻ gọi.

"Chào," anh chàng to con nói, mặt hơi nhăn lại.

"Xin chào," tôi đáp lại. Tôi biết lẽ ra mình phải ngạc nhiên khi thấy họ, nhưng không hiểu sao tôi lại không coi điều đó là kỳ lạ. Cuộc gặp gỡ này hoàn toàn có thể xảy ra.

"Bọn này vẫn chờ chú em tới," người cao nói.

"Chờ tôi?" tôi hỏi.

"Dĩ nhiên," anh ta nói. "Không ai khác tới được đây, đó là cái chắc."

"Bọn ta chờ đã lâu," anh chàng to con nói.

"Ở đây, thời gian không phải là một nhân tố quan trọng," người cao nói. "Tuy nhiên, chú em cũng dề dà hơn ta tưởng."

"Các anh là hai người lính đã mất tích từ rất lâu, rất lâu rồi, phải không?" tôi hỏi. "Trong một cuộc tập trận giả?"

"Chính là bọn ta," người lính vạm vỡ gật đầu.

"Họ đã tìm các anh khắp nơi," tôi nói.

"Phải, ta biết," anh ta nói. "Ta biết họ đã tìm chúng ta. Ta biết mọi sự diễn ra trong khu rừng này. Nhưng dù có tìm riết đến đâu, họ cũng không thể thấy được bọn ta."

"Thực ra, bọn ta đâu có lạc," người cao nói. "Bọn ta đã bỏ trốn."

"Đúng hơn, bọn ta tình cờ tới được chỗ này và quyết định trụ lại đây," người vạm vỡ nói. "Cái đó khác với bị lạc."

"Không phải ai cũng tìm được chỗ này," người cao nói. "Nhưng bọn ta đã tìm được và bây giờ là chú em. Đó là một cú may, ít ra là đối với bọn ta."

"Nếu bọn ta không tìm được chỗ này thì chắc họ đã tống bọn ta xuống tàu ra nước ngoài rồi," anh to con giải thích. "Ở bên ấy thì hoặc là giết hoặc là bị giết. Mà bọn ta thì chẳng muốn thế. Ta xuất thân là nông dân, còn anh bạn ta đây vừa tốt nghiệp đại học. Cả hai chúng ta đều không muốn giết ai cả. Mà bị giết thì lại càng tệ hơn. Hiển nhiên là thế, phải không?"

"Còn chú em thì sao?" anh cao hỏi tôi. "Chú em có thích giết hoặc bị giết không?"

Tôi lắc đầu. Không cả hai, dứt khoát không.

"Tất cả mọi người đều thế," anh cao nói. "Hay ít nhất là đại đa số. Nhưng nếu anh nói 'Tôi không muốn tham gia chiến tranh' thì Nhà nước sẽ không tươi cười gật đầu mà miễn cho anh đâu. Anh lại không thể đào ngũ được. Nước Nhật nhỏ xíu, anh trốn đi đằng nào? Họ sẽ truy đuổi anh riết đến độ làm đầu óc anh quay cuồng. Thế cho nên bọn ta ở lì lại đây. Đây là nơi duy nhất bọn ta có thể ẩn náu. (Anh ta lắc đầu rồi nói tiếp). Và bọn ta đã ở lại đây từ đó đến nay. Như chú em nói, từ rất, rất lâu rồi. Ở đây thời gian không phải là một nhân tố quan trọng. Giữa "bây giờ" và "từ rất, rất lâu rồi" hầu như chẳng có gì khác nhau."

"Chẳng khác nhau tí nào," anh to con nói, vẫy tay như xua đi một cái gì.

"Các anh biết là tôi đến?" tôi hỏi.

"Hẳn đi rồi," anh to con đáp.

"Bọn này đã đứng gác ở đây từ lâu, nên nếu có ai đến là bọn này biết ngay," anh cao nói. "Bọn này như thể một bộ phận của rừng."

"Đây là cửa vào," anh to con nói. "Và bọn ta canh giữ cửa vào."

"Và bây giờ, tình cờ cửa lại mở," anh cao giải thích. "Tuy nhiên, chẳng mấy chốc, nó sẽ lại đóng lại. Nếu chú em muốn vào, thì bây giờ là đúng lúc đấy. Nó không mở thường xuyên đâu."

"Bọn ta sẽ dẫn đường," anh to con nói. "Đường rất khó đi nên cần có người hướng dẫn."

"Nếu chú em không muốn vào, thì hãy trở về nơi xuất phát đi," anh cao nói. "Đường về không khó tìm lắm đâu, đừng lo. Chú em sẽ tìm được thôi. Rồi chú em sẽ trở về cái thế giới xuất xứ của mình, trở về với cuộc sống mà trước nay chú em vẫn sống. Hoàn toàn tùy chú em lựa chọn. Không ai ép chú em phải làm thế này hay thế kia. Nhưng một khi đã vào rồi thì không dễ trở lui đâu."

"Hãy đưa em vào," tôi đáp, không chút do dự.

"Chú em có chắc không?" anh to con hỏi.

"Trong ấy có một người mà em cần gặp," tôi nói. "Ít nhất là em nghĩ thế..."

Chậm rãi và lặng lẽ, hai người đứng dậy khỏi tảng đá và khoác súng lên vai. Họ đưa mắt nhìn nhau rồi vượt lên phía trước tôi.

"Chắc chú em thấy lạ là bọn ta vẫn tha cái cục thép vừa nặng vừa vô dụng này theo," anh cao quay lại nói. "Mà có viên đạn nào cho cam."

"Nhưng nó là một *biểu tượng*," anh to con nói, không nhìn tôi. "Biểu tượng của những gì bọn ta để lại sau lưng."

"Biểu tượng là rất quan trọng," anh cao bổ sung. "Tình cờ, bọn ta lại mang súng và binh phục, cho nên bọn ta sắm vai lính gác. Phải, đó là vai trò của bọn ta. Biểu tượng đã dẫn chúng ta đến những vai trò đó."

"Chú em có mang theo cái gì như vậy không?" anh to con hỏi. "Một cái gì có thể là biểu tượng?"

Tôi lắc đầu. "Không, em chả mang theo gì. Ngoại trừ ký ức."

"Hừm..." anh to con nói. "Ký ức hả?"

"Ô-kê, cái đó không thành vấn đề," anh cao nói. "Ký ức cũng có thể là một biểu tượng lớn. Dĩ nhiên, ta không biết kỷ niệm có bền hay không, liệu nó đậu được bao lâu."

"Tốt nhất là một cái gì có hình thù, nếu có thể," anh to con nói. "Như thế dễ hiểu hơn."

"Như cây súng trường chẳng hạn," anh cao nói. "À mà tên chú em là gì nhỉ?"

"Kafka Tamura," tôi trả lời.

"Kafka Tamura," cả hai nhắc lại.

"Tên lạ nhỉ," anh cao nói.

"Ừ, đúng là lạ thật," anh to con đế thêm.
Sau đó, chúng tôi lặng lẽ đi theo vệt đường mòn.

Chương 44

Họ mang đốt ba tập bản thảo bên bờ một con sông dọc theo xa lộ. Hoshino mua xăng ở một cửa hàng mở cửa 24/24 và rưới lên tất cả trước khi châm lửa. Rồi cùng với Nakata, gã lặng lẽ đứng nhìn ngọn lửa biến từng tờ thành tro. Chỉ thoang thoảng một gợn gió và khói bốc thẳng lên, lẫn vào những đám mây xám thấp lè tè.

"Vậy là chúng ta không được đọc trang nào trong các tập này?" Hoshino hỏi.

"Không, chúng ta không có quyền đọc," Nakata nói. "Lão đã hứa với Miss Saeki thế và lão có bổn phận phải giữ lời hứa.

"Phải, giữ lời hứa là điều quan trọng," Hoshino vừa nói vừa lau mồ hôi trán."Tuy nhiên, giá chúng ta có cái máy nghiền giấy thì tốt. Như vậy sẽ dễ hơn nhiều. Các cửa hàng photocopy có những máy nghiền giấy to tướng, giá phục vụ khá rẻ. Ông đừng hiểu nhầm, cháu đâu có phàn nàn. Có điều vào mùa này, đốt một đống lửa trại như thế này thì khí nóng. Nếu vào mùa đông thì lại khác."

"Lão xin lỗi, nhưng Nakata này đã hứa với Miss Saeki là sẽ đốt sạch, nên lão phải làm thế."

"Thôi được. Cháu cũng không vội mà. Nóng một tí cũng chả chết ai. Đó chỉ là một... một gì nhỉ? à phải, một gợi ý thôi."

Một con mèo đang đi nhởn nhơ dừng lại xem. Một con mèo gầy nhom vằn nâu, đuôi hơi cong ở chỏm. Nom nó có vẻ dễ thương, Nakata rất muốn bắt chuyện nhưng quyết định là không nên vì lão đang đi cùng Hoshino. Mèo chỉ thoải mái khi trò chuyện tay đôi. Với lại, Nakata vẫn chưa hoàn toàn tự tin rằng mình có thể nói chuyện được với mèo như trước kia. Lão tuyệt đối không muốn xổ ra một câu gì lạ tai làm mèo ta sợ. Xem một lúc, mèo ta chán, đứng dậy và bỏ đi.

Hồi lâu sau, khi các tập bản thảo đã cháy hết, Hoshino giậm đi giậm lại đống giấy cháy đen kỳ đến tan thành bụi. Lát nữa, một cơn gió to sẽ tung hê đi tất cả. Lúc này, mặt trời đã sắp lặn và quạ đã bắt đầu bay về tổ.

"Giờ thì chắc chắn sẽ không ai được đọc bản thảo này nữa rồi," Hoshino nói. "Cháu chẳng biết trong đó viết những gì, nhưng tất cả đã tiêu tan rồi. Một chút hình thù đã biến khỏi thế giới này, gia tăng thêm cõi hư vô."

"Cậu Hoshino?"

"Gì đấy ông?"

"Lão muốn hỏi một câu."

"Ông cứ nói."

"Hư vô cũng có thể gia tăng ư?"

Câu hỏi làm Hoshino bối rối. "Một câu hỏi hóc búa đấy," gã thừa nhận. "Trở về hư vô tức là thành số không. Mà số không cộng với số không vẫn là số không."

"Lão không hiểu."

"Cháu cũng mù mờ lắm. Suy nghĩ về những thứ này bao giờ cũng đau đầu."

"Vậy có lẽ ta nên thôi, đừng nghĩ về nó nữa."

"Cháu đồng ý," Hoshino nói. "Dù sao, bản thảo cũng đã đốt rồi. Bao nhiêu chữ trong đó đã biến hết. Nó đã trở về hư vô - đó là điều cháu muốn nói."

"Đầu óc lão nhẹ hẳn đi."

"Vậy là những gì ta cần làm ở đây đã hòm hòm, phải không?" Hoshino hỏi.

"Phải, chúng ta đã gần như hoàn tất những việc cần làm ở đây," Nakata nói. "Chỉ còn phải đóng phiến đá cửa vào lại thôi."

"Cái đó quan trọng đấy."

"Vâng. Cái gì đã mở ra là phải đóng lại."

"Được, thế thì làm luôn đi. Sắt đang đỏ thì phải rèn ngay."

"Cậu Hoshino?"

"Dạ?"

"Chúng ta chưa thể làm ngay bây giờ được."

"Tại sao?"

"Vì chưa đến lúc," Nakata nói. "Chúng ta phải chờ đúng lúc mới đóng phiến đá cửa vào được. Trước đó, lão phải ngủ một chút. Nakata buồn ngủ lắm rồi."

Hoshino nhìn ông già.

"Khoan đ... Ông lại sắp sửa đánh một giấc liền tù tì mấy ngày đấy, phải không?"

"Lão chưa biết, nhưng có thể thế."

"Liệu chúng ta có thể lo liệu xong mọi việc trước khi ông quay ra ngủ tít thò lò không? Bởi vì một khi ông bấm nút "ngủ" thì mọi sự đều ngưng lại."

"Cậu Hoshino?"

"Còn gì nữa?"

"Lão rất muốn đóng phiến đá cửa vào trước nhất. Được như thế thì tuyệt. Cơ mà Nakata này phải ngủ một chút trước đã. Mắt lão cứ díp lại không mở ra được nữa."

"Như thể hết pin ấy à?"

"Đại khái thế. Làm những việc cần làm mất nhiều thời gian hơn lão tưởng. Lão kiệt sức rồi. Cậu có vui lòng đưa lão về chỗ nào để Nakata này có thể ngủ một chút không?"

"Dễ ợt. Ta sẽ bắt một cái taxi về thẳng căn hộ. Rồi ông có thể lăn ra ngủ như khúc gỗ nếu ông thích."

Vừa ngồi vào taxi, Nakata đã bắt đầu ngủ gà ngủ gật.

"Chịu khó một tí nào, về đến nhà thì tha hồ cho ông muốn ngủ bao lâu thì ngủ," Hoshino nói.

"Cậu Hoshino?"

"Dạ."

"Lão xin lỗi đã gây bao nhiêu phiền phức cho cậu," Nakata nói, giọng ngái ngủ.

"Phải, chắc chắn thế," Hoshino thừa nhận. "Nhưng đâu ai yêu cầu cháu - cháu tự nguyện đi theo ông đấy chứ. Như người ta tình nguyện đi xúc tuyết ấy. Cho nên ông khỏi phải băn khoăn."

"Nếu không có cậu giúp, Nakata này ắt chẳng biết xoay xở ra sao. Hẳn lão đã chẳng hoàn thành một nửa số công việc đã làm."

"Nếu ông đã nói vậy thì cháu nghĩ công sức cháu bỏ ra cũng bõ bèn."

"Lão rất biết ơn cậu."

"Nhưng ông biết sao không?"

"Sao?"

"Cháu cũng phải cảm ơn ông rất nhiều, ông Nakata ạ."

"Thật không?"

"Ông cháu mình đi với nhau đã được mươi hôm và suốt thời gian ấy, cháu đã bỏ việc," Hoshino nói. "Mấy ngày đầu, cháu có liên lạc với sếp xin nghỉ phép đàng hoàng, nhưng bây giờ thì coi như là vắng mặt không xin phép. Có lẽ cháu sẽ mất việc thôi. Nếu cháu quỳ gối xin lỗi, có thể họ sẽ tha thứ cũng nên. Nhưng cái đó không quan trọng. Không phải khoe mẽ chứ với cháu, tìm một chỗ làm mới không khó - cháu là một lái xe cự phách, lại cần cù nữa. Cho nên về chuyện ấy, cháu chả lo và ông cũng khỏi lo. Điều cháu muốn nói là: cháu không hề tiếc vì đã đi với ông. Mười ngày qua, có bao điều kỳ lạ diễn ra. Đỉa từ trên trời rơi xuống; không biết từ đâu tòi ra một ông Đại tá Sanders; làm tình nóng hổi với một em xinh đẹp chết mê, lại là sinh viên triết học nữa chứ; đánh xoáy phiến đá cửa vào từ một miếu đường... Những trải nghiệm kỳ lạ đủ cho cả một đời người dồn lại trong mười ngày. Như thể mình đang làm những pha chạy thí nghiệm trên một đoàn tàu kinh dị vậy."

Hoshino dừng lại, nghĩ xem nên nói tiếp thế nào. "Nhưng ông biết sao không, nội?"

"Dạ?"

"Trong tất cả những cái đó, chính *ông* mới là điều kỳ lạ nhất, Ông Nakata ạ. Ông đã thay đổi đời cháu. Trong mười ngày, nói thế nào nhỉ... bây giờ, cháu nhìn sự vật với một con mắt *khác*. Những thứ mà trước kia cháu không thèm để mắt đến lần thứ hai, giờ đây xem ra khác hẳn. Chẳng hạn như âm nhạc - trước đây cháu vẫn cho nhạc cổ điển là chán ốm, thì nay nó đi thẳng vào tim cháu. Cháu cảm thấy rất muốn nói với ai đó về điều này, với một người nào đó thấu hiểu những gì cháu đã nếm trải. Trước đây, cháu chưa từng cảm thấy cái gì như thế. Và tất cả là nhờ có ông. Cháu đã bắt đầu nhìn thế giới qua con mắt *của ông*. Dĩ nhiên không phải *tất cả mọi thứ*. Cháu thích cái cách ông nhìn đời, chính vì thế mà cháu đi theo ông. Chính vì thế mà cháu sát cánh cùng ông bất chấp mọi khó khăn, trở ngại và không thể bỏ ông. Đó là một trong những thời điểm có ý nghĩa nhất trong đời cháu. Cho nên ông khỏi cần cảm ơn cháu - không phải cháu lấy thế làm phiền đâu. Chính cháu mới phải cảm ơn ông. Cháu chỉ muốn nói là ông đã làm cho cháu bao nhiêu điều tốt, ông Nakata. Ông có hiểu cháu nói gì không?"

Nhưng Nakata chẳng buồn nghe nữa. Mắt nhắm, hơi thở đều đặn, lão đã ngủ.

"Con người mới vô lo làm sao!" Hoshino nói và thở dài.

Hoshino bế ông già lên phòng và đặt lão vào giường. Gã tháo giày cho Nakata nhưng vẫn để nguyên quần áo và đắp lên người lão một tấm mền nhẹ. Nakata cựa quậy một chút, rồi nằm im phăng phắc trong tư thế ngửa mặt lên trần như mọi khi, nhịp thở nhẹ nhàng.

Dám chắc đây là một cuộc ngủ ma-ra-tông ba ngày liền nữa, Hoshino nghĩ thầm.

Nhưng hóa ra lại không phải thế. Hôm sau, thứ Tư, vào lúc trưa, Nakata chết. Lão chết yên bình trong giấc ngủ. Mặt lão vẫn bình thản như mọi khi, nom chỉ như đang ngủ - có điều không thở nữa. Hoshino lay vai ông già, gọi tên Nakata, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, lão đất chết. Hoshino kiểm tra mạch - không thấy gì. Đặt một chiếc gương trước miệng: gương không nhòa. Lão đã ngừng thở hoàn toàn. Lão không bao giờ thứ dậy nữa, ít nhất là trên thế gian này.

Một mình trong căn phòng với cái xác, Hoshino nhận thấy mọi âm thanh cứ tuần tự theo nhau biến mất. Những tiếng động thật quanh gã dần dà mất tính thực tồn của chúng. Những tiếng động có ý nghĩa đều lịm chìm vào im lặng. Và im lặng mỗi lúc một sâu thêm, tựa như lớp bùn dưới đáy đại dương. Nó tích tụ dưới chân gã, dâng lên ngang thắt lưng rồi tới ngực. Gã theo dõi lớp bùn - im lặng ấy dâng lên mỗi

lúc một cao. Gã ngồi xuống sofa, trân trân nhìn vào mặt Nakata, cố làm quen với cái thực tế là lão đã ra đi thật. Phải mất một hồi lâu, gã mới chịu chấp nhận sự thật ấy. Trong khi đó, không khí xung quanh gã trở nên nặng nề lạ lùng đến nỗi gã không còn xác định nổi những ý nghĩ và cảm giác ấy có đúng là của mình hay không nữa. Nhưng có một số điều gã bắt đầu hiểu ra.

Có thể cái chết sẽ phục hồi con người Nakata lại như trước kia. Khi còn sống lão luôn là ông già Nakata đôn hậu, một ông già "chẳng thông minh sáng láng gì" nhưng lại biết nói chuyện với mèo. Có thể, cái chết là con đường duy nhất đưa lão trở lại thành ông già "Nakata bình thường" mà lão thường ước muốn.

"Ông nội à," Hoshino gọi, "nói với ông bây giờ cũng bằng thừa, nhưng quả là ông đi như thế này đâu có đến nỗi tệ."

Nakata đã qua đời êm đềm trong giấc ngủ, chắc hẳn không nghĩ ngợi gì hết. Mặt lão thanh tĩnh, không tỏ vẻ gì là đau đớn, tiếc nuối hay bối rối. Rất chi là Nakata, Hoshino kết luận. Nhưng ý nghĩa thực sự của đời lão là thế nào, thì Hoshino không biết. Đâu phải đời ai cũng có ý nghĩa rõ ràng hơn. Điều thực sự quan trọng đối với một con người, điều thực sự nói lên chân giá trị, là chết *như thế nào*. So với cách chết, gã nghĩ, cách sống chả mấy đáng kể. Tuy nhiên, cách sống lại quyết định cách chết. Những ý nghĩ đó chợt đến trong đầu Hoshino trong khi gã trân trân nhìn vào mặt ông già vừa giã từ cõi đời.

Nhưng vẫn còn một vấn đề then chốt: *phải có ai đóng lại phiến đá cửa vào*. Nakata đã hoàn tất mọi nhiệm vũ lão phải làm trừ việc này. Phiến đá ở ngay đó, dưới chân Hoshino và gã biết vào đúng lúc thích hợp, gã sẽ phải lật nó lại để đóng cửa vào. Nhưng Nakata đã cảnh báo gã rằng nếu sẩy tay, phiến đá có thể rất nguy hiểm. Ắt phải có một phương pháp lật phiến đá cho đúng các, - nhưng có cách đúng thì cũng có cách sai. Nếu chỉ dùng sức mà lật thì không chừng đảo lộn cả thế giới cũng nên.

"Ông nội, ông chết rồi, chẳng cách chi thay đổi được, nhưng ông để cháu lại trong một cái ngõ cụt thực sự đây này," Hoshino nói với cái xác nằm đấy và tất nhiên, không nhận được câu trả lời nào.

Lại còn vấn đề xử lý cái xác nữa. Bình thường ra thì chỉ việc gọi điện thoại cho cảnh sát hoặc bệnh viện đến mang đi. Chín mươi chín phần trăm dân số thế giới ắt làm đúng như thế và Hoshino cũng muốn làm thế. Nhưng cảnh sát đang truy tìm Nakata vì những tình tiết có liên quan đến vụ ám sát và tiếp xúc với nhà chức trách vào thời điểm này dứt khoát sẽ đặt Hoshino vào một tình thế gay go. Cảnh sát sẽ lôi cổ gã đi và quay cho tới số hàng giờ liền. Gã hoàn toàn không muốn khai những gì đã xảy ra, hơn nữa, gã vốn chẳng hâm mộ gì những người thừa hành pháp luật. Tốt nhất là tránh đừng

có dây gì với cảnh sát.

Cả cái căn hộ này nữa chứ, giải thích thế quái nào đây?

Giả dụ mình khai: một ông già trang phục y như Đại tá Sanders cho chúng tôi mượn. Ông ta bảo chỗ này được chuẩn bị đặc biệt dành cho chúng tôi và chúng tôi có thể sử dụng bao lâu tùy thích. Liệu cảnh sát có tin không? *Đại tá Sanders* ư? *Trong quân đội Mỹ à? Không, cái tay... ừm... trên các tấm quảng cáo của hệ thống nhà hàng Kentucky Fried Chicken ấy, ông biết không, ông thanh tra cảnh sát? Vâng, đúng thế: đeo kính, râu cằm bạc trắng... Ông ta là tay dắt gái hành nghề ở các ngõ hẻm của Takamatsu. Ông ta đã kiếm cho tôi một em.* Khai những thứ lăng nhăng như thế, cảnh sát sẽ gọi mình là thằng ngố và thoi cho một cú vào mặt. Cớm chẳng qua là lũ găngxtơ ăn lương Nhà nước, Hoshino kết luận. không phải là lần đầu.

Gã thở dài đánh thượt.

Điều cần làm bây giờ là phải ra khỏi đây ngay, phắn càng xa càng tốt, gã nghĩ. Mình có thể phôn một cú nặc danh cho cảnh sát từ một máy điện thoại công cộng ở nhà ga. Cho họ địa chỉ, ở đây, nói là có người chết. Rồi nhảy lên một chuyến tàu về Nagoya. Họ sẽ không kết nối mình với vụ việc. Đó là một cái chết tự nhiên, do đó cảnh sát sẽ không mở cuộc điều tra. Họ sẽ trao trả thi thể cho gia đình ông già và sẽ có một đám tang, thế là hết chuyện. Rồi mình sẽ đến công ty, khấu đầu trước sếp: *Em xin thề sẽ không bao giờ tái phạm. Từ giờ em sẽ tận tụy làm việc.* Hứa bất cứ cái gì có thể được việc làm cũ.

Gã bắt đầu sửa soạn hành lý, nhét một bộ đồ thay đổi vào túi dết. Đội chiếc mũ Chunichi Dragons, kéo món tóc đuôi ngựa ra sau lưng, đeo đôi kính râm mắt xanh sẫm. Lấy một lon Pepsi Diet trong tủ lạnh ra uống cho đỡ khát. Trong khi dựa lưng vào tủ lạnh, uống, gã thấy phiến đá tròn cạnh sofa. Gã vào phòng ngủ, nhìn thi thể Nakata một lần nữa. Nom lão vẫn không ra người chết, mà vẫn như đang thở nhẹ nhàng, và Hoshino gần như chờ đợi lão đột nhiên ngồi dậy, nói: *Cậu Hoshino, đây là một sự nhầm lẫn. Nakata này chưa chết thật đâu!* Nhưng không có chuyện ấy. Nakata chết hẳn rồi. Làm gì có phép lạ. Ông già đã sang bờ bên kia rồi.

Lon Pepsi trong tay, Hoshino đứng đó lắc đầu. Mình không thể cứ thế đi, bỏ phiến đá lại, gã nghĩ. Nếu mình làm thế, ông Nakata sẽ không thể an nghỉ thật sự. Ông vốn là con người rất có lương tâm, bao giờ cũng lo bảo đảm cho mọi sự chu toàn. Ông ắt đã hoàn tất nốt nhiệm vụ cuối cùng này nếu ắc-quy của ông không hết điện. Hoshino bóp bẹp chiếc lon không, vứt vào sọt rác. Vẫn chưa hết khát, gã trở và bếp, bật nắp một lon Pepsi khác.

Ông Nakata nói với mình là ông xiết bao mong muốn biết đọc, dù chỉ một lần, Hoshino nhớ lại. Ông nói ông muốn đến một thư viện và có thể chọn và đọc bất kỳ một cuốn sách nào. Nhưng ông đã chết

trước khi thực hiện được ước mơ đó. Có thể bây giờ chết rồi, sang một thế giới khác, ông sẽ trở thành một ông *Nakata bình thường và biết đọc*. Nhưng suốt cuộc đời trên dương thế này, ông đã không thể như thế. Thực tế, hành động cuối cùng của ông trên cõi trần lại là một đối nghịch hoàn toàn: đốt chữ. Tung hê toàn bộ chữ viết trên các trang giấy vào hư không. Ngẫm ra thật mỉa mai. Tuy nhiên, đã vậy thì mình càng cần phải thực hiện ước nguyện cuối cùng của ông. *Mình phải đóng phiến đá cửa vào.* Mình đã không thể đưa ông đi xem phim hoặc đến viện hải dương học, vậy đây là điều tối thiểu mình phải làm vì ông, sau khi ông đã ra đi.

Gã uống cạn lon Pepsi thứ hai, đi đến sofa, cúi xuống, thử nhấc phiến đá. Không đến nỗi nặng lắm, cũng chẳng nhẹ, nhưng có thể nhấc lên không mấy tốn sức. Cũng chỉ nặng như khi gã và Đại tá Sanders lấy trộm nó khỏi miếu đường. Nặng cỡ một hòn đá thường dùng để nén dưa. Có nghĩa là lúc này nó chỉ là một phiến đá, Hoshino nghĩ thầm. Khi nào nó đóng vai trò cửa vào thì mới nặng tới mức vận dụng công lực gần chết mới lật được. Nhưng khi nhẹ như thế này, nó chỉ là một phiến đá bình thường. Phải có một cái gì phi thường xảy đến trước đã, như cơn cuồng nộ sấm sét đùng đùng hôm nọ chẳng hạn, nó mới trở nên nặng chết người và lại biến thành cửa vào.

Hoshino ra cửa sổ, kéo rèm, nhìn lên trời. Vẫn đầy mây xám ảm đạm như hôm trước. Nhưng không có vẻ gì là sắp mưa, lại càng ít khả năng là sẽ có sấm. Gã dỏng tai nghe và hít hít không khí, nhưng mọi thứ đều hoàn toàn bình thường như hôm trước. Có vẻ như chủ đề hôm nay của thế giới là: *Không có gì đặc biệt.*

"Ông nội à," gã nói to với ông già vừa qua đời, "cháu đoán là cháu phải ở đây cùng ông đợi một cái gì khác thường xảy đến. Nó là cái gì và bao giờ thì nó diễn ra, cháu hoàn toàn mù tịt. Hơn nữa, bây giờ là tháng Sáu, chẳng mấy chốc thi thể ông sẽ rữa và bốc mùi. Cháu biết ông không muốn nghe những điều như thế, nhưng đó là lẽ tự nhiên. Và càng để lâu, càng chậm báo cảnh sát thì càng gay go cho cháu. Cháu muốn nói cháu sẽ làm bất kỳ cái gì trong tầm khả năng của cháu, nhưng cháu muốn ông biết tình thế là như vậy, Ô-kê?"

Tất nhiên không có câu trả lời.

Hoshino lượn lờ quanh phòng. À, phải rồi! Có thể Đại tá Sanders sắp bắt liên lạc! *Ông ta* ắt biết xử trí với phiến đá như thế nào. Đó là người mà ta bao giờ cũng có thể trông cậy khi cần một lời khuyên vừa nhiệt tình vừa thực tế. Nhưng tha hồ cho gã trân trân ngó cái máy điện thoại, nó cứ trơ trơ ra đó, câm lặng, trầm ngâm hướng nội một cách không cần thiết. Không ai gõ cửa, không lá thư nào đến. Và không có gì khác thường xảy ra. Thời tiết vẫn như cũ và gã chẳng nảy ra sáng kiến nào. Phút nọ nối phút kia, lạnh lùng vô cảm. Trưa

đến rồi qua, chiều lặng lẽ trôi vào hoàng hôn. Những chiếc kim của chiếc đồng hồ điện treo tường nhẹ lướt trên bề mặt thời gian và trên tường, ông già Nakata vẫn nằm chết cứng. Hoshino không hề thấy đói. Gã uống lon Pepsi thứ ba và nhai mấy chiếc bánh quy giòn cho qua bữa.

Đến sáu giờ, gã ngồi xuống sofa, cầm cái điều khiển từ xa lên, bật tivi. Gã xem bản tin chiều của NHK, nhưng chẳng có gì khiến gã chú ý. Đúng là một ngày bình thường không có tin gì đặc biệt. Giọng người phát thanh viên bắt đầu làm gã khó chịu và khi chương trình chấm dứt, gã bèn tắt tivi. Bên ngoài, trời đã tối hơn rồi đêm xuống phủ khắp. Một tịch lặng sâu thẳm bao trùm căn phòng.

"Ông nội ạ," Hoshino nói với Nakata, "ông có thể trở dậy vài phút thôi được không? Cháu chẳng biết làm thế nào bây giờ. Và cháu nhớ cái giọng ông."

Dĩ nhiên là Nakata không đáp. Lão vẫn ở bờ bên kia. Một mực không lời, nhất định chết. Im lặng mỗi lúc một sâu, đến nỗi lắng tai thật chăm chú, Hoshino ngỡ nghe thấy tiếng trái đất quay trên trục của nó.

Hoshino trở ra phòng khách và bật chiếc đĩa tam tấu Archduke. Mới nghe chủ đề thứ nhất, nước mắt đã dâng lên và rồi tuôn trào như tháo cống. Chao, lần cuối cùng mình khóc là bao giờ nhỉ? Gã không nhớ nổi.

Chương 45

Như đã báo trước, từ "cửa vào" trở đi, đường rất khó đi. Thực tế, nó không còn là một con đường nữa. Càng vào sâu, rừng càng rậm, càng đồ sộ. Những quãng dốc càng dựng đứng và mặt đất càng chi chít những bụi cây thấp. Bầu trời hầu như bị khuất hẳn, tưởng như đã sẩm tối. Chỗ nào cũng thấy mạng nhện ken dày và đang ra sức đẩy lùi sự xâm lấn của con người vào lãnh thổ của nó. Thế mà hai người lính, súng khoác vai, vẫn coi như không, dễ dàng băng qua những khe hở giữa vòm lá ken dày. Họ thoăn thoắt luồn dưới những cành lá thấp, leo lên những tảng đá, nhảy qua hố, nhanh lạ lùng, hầu như không mắc phải gai.

Tôi lật đật bám theo họ, cố không rời mắt khỏi họ. Họ thậm chí không hề ngoái lại xem tôi có theo kịp không. Cứ như là họ thử sức tôi, xem tôi chịu đựng được đến đâu vậy. Thậm chí tôi có cảm giác như họ đang cáu giận tôi - không biết vì lý do gì. Họ không nói một lời, không chỉ riêng với tôi mà cả giữa họ với nhau nữa. Họ hoàn toàn tập trung vào việc tiến bước. Không một lời trao đổi, họ luân phiên dẫn đầu. Những nòng đen bắt tréo trên lưng họ lắc qua lắc lại trước mặt tôi, đều đặn như một chiếc âm thoa kế, dần dà khiến tôi đâm buồn ngủ. Đầu óc tôi bắt đầu lãng đãng như trượt trên băng, tới một nơi nào khác. Nhưng vì phải tập trung để theo kịp nhịp bước thoăn thoắt không ngừng của họ, nên tôi vẫn cắm cúi đi, mồ hôi túa ra.

"Bọn anh đi quá nhanh đối với chú em, phải không?" cuối cùng, anh lính to con cũng ngoái lại, hỏi. Anh ta không hề thở gấp.

"Không sao," tôi đáp, "em theo được mà."

"Chú em trẻ và coi bộ rất khỏe đấy," anh cao bình luận, không quay đầu lại.

"Bọn anh quá thuộc đường nên đôi khi tăng tốc quá đà," anh to con giải thích. "Vậy nếu bọn anh đi quá nhanh, chú em cứ bảo anh, đừng e ngại, hiểu không? Chỉ cần nói một tiếng, bọn anh sẽ hãm chậm lại. Nhưng hãy thông cảm, bọn anh không muốn đi chậm dưới mức cần thiết. Chú em hiểu ý anh chứ?"

"Nếu em theo không kịp, em sẽ nói để các anh biết," tôi nói, cố không thở dốc để họ khỏi biết là mình đã mệt lử. "Còn xa không?"

"Không, không xa lắm đâu," anh cao trả lời.

"Gần đến rồi," anh to con nói thêm.

Tôi không chắc là mình có tin anh ta hay không. Như họ đã nói, ở đây, thời gian không phải là một nhân tố đáng kể.

Cứ thế, chúng tôi tiếp tục đi một hồi, không nói không rằng, với

một nhịp độ đỡ gấp gáp hơn trước. Có vẻ như họ thôi không thử sức tôi nữa.

"Rừng này có rắn độc không?" tôi hỏi. Từ đầu đến giờ, điều đó vẫn khiến tôi lo sợ.

"Rắn độc ư?" anh cao đeo kính nói, vẫn không ngoái lại. Anh không bao giờ quay đầu lại khi nói chuyện, lúc nào cũng nhìn thẳng phía trước như thể đề phòng một bất trắc ghê gớm có thể xảy ra bất cứ lúc nào. "Anh chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện ấy."

"Có thể có," anh to con nói và quay lại nhìn tôi. "Anh chưa thấy con nào, nhưng có thể có một số. Mà dù có đi nữa, thì cũng chả quan trọng gì."

"Bọn anh muốn nói là rừng không nhăm nhe hãm hại chú em đâu," anh cao xuề xòa nói thêm.

"Cho nên chú em khỏi phải lo chuyện rắn độc," anh to con nói. "Yên tâm rồi chứ?"

"Vâng," tôi đáp.

"Không gì ở đây: rắn độc, nấm độc, nhện độc hay sâu độc, sẽ làm tổn thương đến chú em," anh cao nói, vẫn không quay đầu lại.

"Không gì?" tôi hỏi. Tôi không hình dung được cụ thể những gì anh nói. Hẳn là vì tôi đã mệt.

"Không một thứ gì, vật gì," anh nói. "Không một vật gì ở đây sẽ gây tổn thương cho chú em. Thực tế, chúng ta đang ở chỗ sâu nhất của rừng. Không kẻ nào, vật nào - kể cả chính chú em - có thể gây tổn thương cho chú em."

Tôi cố hiểu cho ra anh định nói gì. Nhưng biết bao thứ - nào là kiệt sức, nào là mồ hôi, nào là buồn ngủ bởi sự lặp đi lặp lại đơn điệu của hành trình xuyên rừng - khiến đầu óc tôi không thể suy nghĩ mạch lạc.

"Hồi bọn anh còn là lính, họ bắt bọn anh tập đâm lê, rạch toang bụng quân địch," anh to con đáp. "Chú em biết cách tốt nhất để đâm ai bằng lưỡi lê là như thế nào không?"

"Không," tôi đáp.

"Này nhé, trước hết xọc mũi lê vào sâu trong bụng kẻ địch, rồi vặn xoắn sang bên cạnh. Như vậy sẽ cứa nát ruột thành từng mảnh và hắn sẽ chết một cái chết khủng khiếp: từ từ, đau đớn. Nhưng nếu chỉ đâm mà không vặn xoắn, kẻ địch sẽ có thể vùng dậy và chính hắn sẽ băm nát ruột *anh*. Ấy, cái thế giới chúng ta đang sống nó như thế đấy."

Ruột. Oshima có lần nói với tôi ruột là một ẩn dụ về mê cung. Đầu tôi đầy ắp những ý nghĩ các kiểu, xoắn xuýt vào nhau, rối tung, không sao tách bạch nổi.

"Chú em có biết tại sao người ta lại làm những điều tàn ác như thế với người khác không?" anh lính cao kều hỏi.

"Em không biết," tôi đáp.

"Anh đây cũng chịu không sao hiểu nổi," anh nói. "Anh bất cần kẻ địch là ai: lính Tàu, Nga hay Mỹ. Anh không bao giờ muốn băm ruột họ. Nhưng cái thế giới mà chúng ta đang sống nó là như thế và chính vì vậy mà bọn anh đã đào ngũ. Xin đừng hiểu lầm anh, hai đứa anh đây không phải là những kẻ hèn nhát. Thực ra, bọn anh là những người lính xuất sắc. Có điều bọn anh không chịu nổi cơn xoáy lốc bạo lực ấy. Anh cũng không nghĩ chú em là một kẻ hèn nhát."

"Em thực sự không biết," tôi thành thật trả lời. "Nhưng em luôn cố gắng để trở nên mạnh hơn."

"Điều đó rất quan trọng," anh to con nói, lại quay về phía tôi. "Rất quan trọng đấy - làm hết sức mình để trở nên mạnh hơn."

"Anh có thể nói chú em khá mạnh đấy," anh cao kều nói. "Hầu hết thiếu niên ở tuổi chú em ắt không thể băng rừng theo bọn anh tới tận đây."

"Phải, thế là oách đấy," anh to con chen vào.

Hai anh dừng lại ở một điểm. Anh lính cao kều bỏ kính ra, xoa cánh mũi vài cái, rồi lại đeo kính vào. Không anh nào thở dốc hoặc đổ mồ hôi.

"Khát không?" anh cao hỏi.

"Hơi thôi," tôi đáp. Thực ra, tôi khát muốn chết - tôi đã vứt bi-đông cùng với chiếc ba lô. Anh tháo chiếc bi-đông đeo ngang lưng đưa cho tôi. Tôi uống vài ngụm nước âm ấm trong đó, cảm thấy nó ngấm đến từng lỗ chân lông trên cơ thể. Tôi lau sạch miệng bi-đông rồi đưa trả anh.

"Cám ơn," tôi nói.

Anh lính cao lặng lẽ gật đầu.

"Chúng ta đã tới đỉnh," anh lính to con nói.

"Chúng ta sẽ đi thẳng một mạch xuống đáy, chú em phải chú ý đừng để sẩy chân đấy," anh lính cao cảnh báo.

Tôi thận trọng theo họ xuống con dốc trơn tuột xảo trá. Đến nửa đường, chúng tôi quành một góc rộng, xuyên qua một lùm cây và đột nhiên một thế giới khác mở ra bên dưới chúng tôi. Hai anh lính dừng bước vào quay lại nhìn tôi. Họ lặng thinh nhưng mắt họ nói nhiều. Đến nơi rồi, chúng nói với tôi. *Đây là nơi chú em sắp bước chân vào*. Tôi đứng đó với họ và ngắm nhìn cái thế giới ấy.

Đó là một thung lũng, một thứ lòng chảo được khoét gọn ghẽ nương theo những đường viền tự nhiên của dải đất. Tôi không biết bao nhiêu người có thể sống ở đây, nhưng chắc là không nhiều vì con

thung không lớn lắm. Có vài đường phố với những ngôi nhà đây đó hai bên. Phố nhỏ, nhà cũng nhỏ. Không thấy ai ngoài đường. Tất cả các nhà đều không có gì đặc sắc, dựng lên cốt để che mưa nắng chứ không nhằm làm đẹp. Toàn bộ nơi này không đủ lớn để có thể gọi là một *thị trấn*. Không có cửa hàng, biển báo hay panô quảng cáo gì cả. Chỉ là một dúm nhà, tất cả đều cùng một cỡ, một dạng, tình cờ tụ lại thành một cộng đồng nhỏ. Không nhà nào có vườn và đường phố chẳng có lấy một bóng cây. Dường như vì bốn bề đã có rừng bao quanh nên chả cần có thêm cây cối làm gì.

Một làn gió nhẹ thổi qua rừng làm rung những lá cây quanh tôi. Cái tiếng lào xào vô danh ấy tạo nên những gợn sóng lăn tăn trên những nếp cuộn của tâm trí tôi. Tôi đặt tay lên một thân cây và nhắm mắt lại. Những gợn sóng kia dường như là một tín hiệu, một thứ báo hiệu nào đó, nhưng nó thuộc một ngôn ngữ lạ lẫm mà tôi không giải mã nổi. Tôi bỏ cuộc, mở mắt ra và lại đăm đăm nhìn cái thế giới mới toanh trứoc mặt. Đứng ở lưng chừng dốc, cùng với hai người lính ngó xuống thung lũng, tôi cảm thấy những gợn sóng nọ chuyển động trong tôi. Những tín hiệu ấy tự cấu tạo lại, những ẩn dụ biến đổi và tôi trôi đi, trôi xa khỏi bản thân. Tôi thành một com bướm dập dờn dọc theo đường biên của tạo hóa. Bên kia đường biên của thế giới, có một khoảng không gian ở đó trống rỗng và thực chất hầu như gối lên nhau, ở đó quá khứ và tương lai họp thành một đường vòng liên tục, bất tận. Và bay lượn quanh đó là những tín hiệu chưa ai từng giải mã, những hòa thanh chưa ai từng nghe thấy.

Tôi cố thở bình thường trở lại. Tâm trí tôi chưa trấn tĩnh hoàn toàn, nhưng ít nhất thì tôi cũng không sợ nữa.

Không một lời, hai người lính lại bắt đầu đi và tôi lặng lẽ theo sau. "Thị trấn" mỗi lúc một gần. Tôi nhìn thấy một dòng suối nhỏ có kè đá chảy dọc theo một con đường. Làn nước đẹp, trong vắt, tiếng róc rách thật dễ chịu. Mọi thứ ở đây đều đơn sơ và ấm cúng. Lác đác những cột cao mảnh chăng dây nối liền nhau, có nghĩa vùng này chắc có điện. Điện ở nơi thẳm cùng này ư?

Xung quanh khu này là một hàng rào cây xanh cao vút. Bầu trời vẫn đầy mây xám. Hai anh lính và tôi đi dọc phố nhưng không gặp một ai. Tất cả hoàn toàn tĩnh lặng, không một tiếng động. Có lẽ mọi người đều đóng kín cửa, ở trong nhà, nín thở chờ chúng tôi đi khỏi.

Hai người bạn đường đưa tôi đến một ngôi nhà. Lạ thay, nó giống hệt căn nhà gỗ của Oshima, cả về kích thước lẫn hình dáng. Như thể cái nọ được dùng làm mẫu cho cái kia vậy. Có một hàng hiên bên ngoài với một chiếc ghế. Mái bằng với một ống khói thò lên. Trong phòng ngủ, một chiếc giường một đơn sơ sắp xếp gọn gàng tinh tươm. Điểm khác biệt duy nhất: phòng ngủ và phòng khách riêng biệt, có toa-lét trong nhà và có điện. Lại có cả một tủ lạnh nhỏ trong

bếp, đời cổ. Một ngọn đèn ròng xuống từ trên trần. Và một chiếc tivi nữa. Một chiếc tivi?

"Tạm thời, chú em phải ở đây đến khi nào ổn định," anh lính to con nói. "Sẽ không lâu đâu. *Tạm thời thôi*."

"Một nhân tố không đáng kể," anh kia gật đầu nhấn mạnh thêm.

"Điện ở đây lấy từ nguồn nào vậy?"

Hai anh nhìn nhau.

"Từ một trạm phong điện nhỏ ở sâu nữa trong rừng, chỗ ấy lúc nào cũng có gió," anh cao giải thích. "Chúng ta phải có điện chứ, phải không nào?" "Không có điện thì không dùng được tủ lạnh," anh to con nói. "Không chạy được tủ lạnh thì không giữ thức ăn được lâu."

"Không có nó, ta vẫn khắc phục được bằng cách nào đó," anh cao nói, "nhưng có nó thì vẫn tiện hơn."

"Nếu chú em đói, cứ mở tủ lạnh ra, có gì ăn nấy," anh to con nói. "Nhưng anh sợ là cũng chẳng nhiều nhặn gì."

"Ở đây không có thịt, cá, cà phê hoặc rượu," anh cao nói. "Thoạt đầu cũng gay, nhưng rồi sẽ quen dần."

"Nhưng lại có trứng, sữa và phó mát. Cần phải có prôtêin chứ, phải không?"

"Ở đây, người ta không làm những thứ ấy," anh cao giải thích, nên phải kiếm ở nơi khác. "Đem một thứ gì đó đến trao đổi."

"Nơi *khác*?"

"Phải," anh cao gật đầu. "Ở đây chúng ta đâu có cách biệt khỏi thế giới. Vẫn có một *nơi khác*. Có thể phải mất một thời gian nữa, nhưng rồi chú em sẽ hiểu."

"Chiều nay, sẽ có người đến làm bữa tối cho chú em," anh lính to con nói. "Từ giờ đến lúc đó, nếu buồn thì bật tivi lên mà xem."

"Có *show* gì trên tivi không?"

"Anh cũng không biết có những gì," anh cao đáp, hơi lúng túng. Anh nghiêng nghiêng đầu nhìn bạn mình.

Anh to con cũng nghiêng nghiêng đầu, băn khoăn ra mặt. "Nói thật với chú em, anh chả biết gì mấy về tivi. Anh chả bao giờ xem cả."

"Họ đặt tivi ở đây là dành những ai mới đến," anh cao nói.

"Nhưng chắc phải có chương trình gì đó cho chú em xem chứ."

"Thôi hẵng cứ nghỉ một lúc đã," anh cao nói. "Bọn anh phải trở về vị trí đây."

"Cám ơn các anh đã đưa em tới đây."

"Không có gì. Chú em khỏe chân hơn nhiều so với những người

khác mà bọn anh đã đưa đến đây. Khối người không theo kịp. Thậm chí có một số bọn anh phải cõng trên lưng. Với chú là nhẹ nhàng nhất đấy."

"Nếu anh nhớ không lầm," anh cao nói, "thì chú đã nói là chú muốn gặp ai đó ở đây."

"Đúng thế ạ."

"Anh dám chắc không bao lâu chú em sẽ gặp được thôi, bất kể người ấy là ai," anh vừa nói vừa gật đầu liền mấy cái để nhấn mạnh. "Cái thế giới này nhỏ xíu ấy mà."

"Anh hy vọng chú em sẽ sớm quen với nó," anh lính to con nói.

"Một khi đã quen, thì mọi sự sẽ dễ dàng thôi," anh lính cao nói thêm.

"Em thành thật cảm tạ."

Hai anh lính đứng nghiêm chào, khoác súng lên vai rồi quay đi, thoăn thoắt bước trên con đường trở về vị trí của mình. Họ phải canh gác cửa vào cả ngày lẫn đêm.

Tôi vào bếp và kiểm tra xem trong tủ lạnh có những gì . Có cà chua, cà rốt, củ cải đỏ, một khoanh phó-mát và một bình sứ lớn đầy sữa. Cả bơ nữa. Trên giá có một ổ bánh mì, tôi bẻ một miếng ăn thử. Hơi rắn nhưng không tồi.

Bếp có một bồn rửa và một vòi nước. Tôi vặn vòi và nước chảy ra, trong mát. Chắc là được bơm từ một cái giếng vì ở đây có điện mà. Tôi hứng đầy một cốc và uống.

Tôi đến bên cửa sổ, nhìn ra ngoài. Trời vẫn đầy mây xám, tuy nhiên không có vẻ gì là sắp mưa. Tôi đăm đăm nhìn ra ngoài cửa sổ hồi lâu nhưng vẫn không thấy bóng người nào khác. Như thể một thị trấn chết vậy. Hoặc giả vì một lý do nào đó, mọi người đang cố tránh tôi.

Tôi rời cửa sổ và ngồi xuống một cái ghế gỗ cứng lưng thẳng. Có tất cả ba chiếc ghế và một bàn ăn vuông đã được đánh véc-ni nhiều lần. Trên tường không treo gì cả - không tranh, không ảnh, lịch cũng không. Chỉ trơ tường trắng. Một ngọn đèn đơn rủ xuống từ trần nhà, với một cái chao thủy tinh đơn giản đã bạc phếch vì sức nóng.

Căn phòng được quét dọn lau chùi sạch sẽ. Tôi lướt ngón tay trên mặt bàn và bậu cửa sổ - không một chút bụi. Cửa sổ cũng bóng loáng. Bát đĩa, xoong nồi trong bếp không mới, nhưng rõ ràng đã được giữ gìn cẩn thận và rất sạch. Cạnh bàn bếp có hai bếp điện cũ. Tôi bật thử một cái, dây xoắn đỏ liền.

Chiếc tivi màu cũ kỹ - tôi đoán khoảng mười lăm đến hai mươi năm tuổi - được lồng khít vào một tủ gỗ nặng nề. Không có điều khiển từ xa. Nó giống như một thứ đồ nhặt về từ bãi rác. Cũng có

thể nói vậy về tất cả các đồ điện khác trong nhà. Không phải là chúng bẩn thỉu hay không dùng được, mà chỉ vì nom chúng cũ kỹ và lỗi thời.

Tôi bật tivi. Đài đang phát một phim cũ - *Giai điệu hạnh phúc* [15]. Hồi tôi học cấp một, thầy giáo đã đưa cả lớp đi xem phim này ở một rạp chiếu bóng màn ảnh rộng. Trong nhà, không có người lớn nào quan tâm đưa tôi đi xem phim hay coi kịch, nên đó là một trong số những phim hiếm hoi tôi được xem hồi bé. Trên màn ảnh nhỏ lúc này là đoạn người cha nghiêm khắc và cứng nhắc, Đại úy von Trapp, đang đi công tác ở Viên và ở nhà, cô gia sư Maria đưa bọn trẻ lên núi chơi. Tất cả ngồi trên bãi cỏ, Maria đệm ghi-ta cho bọn trẻ hát mấy ca khúc hồn nhiên. Đó là một đoạn rất nổi tiếng. Tôi ngồi ngây trước tivi, dán mắt vào màn ảnh. Hệt như khi xem lần đầu, tôi lại tự hỏi liệu mọi sự sẽ xoay ra thế nào nếu như tôi có một người như cô Maria ở bên. Khỏi phải nói, chẳng có ai như thế xuất hiện trong đời tôi.

Tôi quay trở về thực tại. Tại sao đúng lúc này, tôi lại vớ phải phim Giai điệu hạnh phúc? Có thể những người ở đây đã bắt được tín hiệu từ một trạm vệ tinh. Hay chỉ là một băng video họ dùng để phát vào chương trình này. Tôi đoán đó là băng video vì khi tôi chuyển kênh thì các kênh khác chẳng có gì, ngoại trừ tiếng lạo xạo vô cớ và những chấm li ti trên nền trắng tĩnh tại gợi lên hình ảnh một cơn bão cát dữ dội.

Tôi tắt tivi ở đoạn họ đang hát bài *Edelweiss*. Im lặng trở lại trong căn phòng. Tôi thấy khát và vào bếp uống một ít sữa từ chiếc bình sứ. Sữa đậm đặc và tươi mát, vị ngon gấp trăm lần những bịch sữa ta thường mua ở những cửa hàng phục vụ 24/24. Trong khi nốc hết cốc này đến cốc khác, tôi chợt nhớ đến một cảnh trong phim *Sống bừa bãi* của Francois Truffaut kh Antoine bỏ nhà đi và một sáng sớm, bụng đói meo, đã lấy trộm một chai sữa do người giao hàng đặt trước cửa một nhà nào đó rồi vừa chạy trốn vừa uống. Chai sữa khá to, phải mất một lúc mới uống hết được. Một cảnh buồn não lòng - mặc dù thật khó mà tin rằng một cảnh uống sữa đơn thuần lại có thể buồn đến thế. Đó là một bộ khác trong số phim ít ỏi mà tôi được xem hồi còn bé. Hồi đó, tôi học lớp năm và cái tên phim làm tôi chú ý, nên tôi đi tàu một mình đến tận Ikebukuro để xem rồi lại đi tàu về. Vừa ra khỏi rạp, tôi liền mua sữa, uống ừng ực. Tôi không sao đừng được.

Sau khi uống ngần nấy sữa, giờ tôi đâm buồn ngủ. Một cơn buồn ngủ choáng ngợp, gần như lộn mửa, xâm chiếm tôi. Ý nghĩ của tôi chậm lại rồi dừng hẳn như con tàu vào ga. Tôi không thể nghĩ gì được nữa, tựa hồ cái cốt lõi của cơ thể tôi đã đông lại. Tôi vào phòng ngủ, lóng ngóng cởi quần, cởi giày, rồi gieo mình xuống giường, vùi mặt vào gối và nhắm mắt lại. Gối thơm mùi nắng, một mùi quý giá.

Tôi hít lấy hít để và ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Khi tôi tỉnh dậy, xung quanh đã tối mịt. Tôi mở mắt ra và cố nghĩ xem mình đang ở đâu. Hai người lính dẫn mình qua rừng đến một thị trấn nhỏ bên một bờ suối, phải không nhỉ? Trí nhớ tôi từ từ trở lại. Mắt nhìn rõ dần. Tôi nghe thấy một giai điệu quen quen. *Edelweiss*. Trong bếp, có tiếng xoong nồi khẽ lách cách, thân thuộc. Ánh điện lọt vào phòng ngủ qua khe cửa, kẻ một vạch vàng, bụi bặm, cổ lỗ.

Tôi định ra khỏi giường nhưng toàn thân tôi tê cứng. Tôi hít một hơi thật sâu và nhìn lên trần nhà. Tôi nghe thấy tiếng bát đĩa, tiếng một người nào đó bận rộn chạy đi chạy lại trên sàn nhà bếp, chắc là làm bữa cho tôi. Cuối cùng, tôi cũng đứng dậy được. Phải mất một lúc tôi mới chật vật mặc được quần, xỏ được chân vào tất và giày. Tôi lặng lẽ xoay quả đấm, mở cửa.

Một cô gái đang đun nấu trong bếp. Quay lưng về phía tôi, cô đang cúi trên một cái nồi, dùng thìa nếm thức ăn, nhưng khi nghe thấy tiếng cửa mở, cô ngẩng lên và quay đầu lại. Chính là cô. Cô gái đã đến phòng tôi ở thư viện, ngồi ngắm bức tranh trên tường, Miss Saeki năm mười lăm tuổi. Cô vẫn mặc bộ đồ ấy, chiếc áo váy xanh nhạt dài tay. Điều khác duy nhất là hôm nay, cô cặp tóc ra sau gáy. Cô khẽ mỉm cười với tôi và nụ cười nồng nàn ấy khiến tôi ngập tràn một nỗi xúc động mãnh liệt đến mức tưởng như cả thế giới bỗng lộn tùng phèo. Như thể mọi vật cụ thể vỡ tan rồi lại chắp lại nguyên vẹn. Nhưng cô gái không phải ảo ảnh, chắc chắn không phải là ma. Cô là một cô gái đang sống, đang hít thở,một con người mà ta có thể chạm vào, đang đứng trong một căn bếp *thật* vào lúc chạng vạng hoàng hôn, nấu cho tôi bữa ăn *thật*. Cặp vú nhỏ của cô nhô lên dưới làn áo, cái cổ trắng mịn như sứ vừa ra lò. Tất cả đều *thật*.

"Ồ, anh dậy rồi đấy à?" cô hỏi.

Tôi không thốt nên lời. Tôi còn đang cố định thần lại.

"Anh ngủ tốt thật đấy," cô nói và quay lại tiếp tục nếm món ăn. "Nếu anh không dậy, thì em sẽ cứ dọn bữa lên bàn rồi về."

"Tôi không chủ định ngủ nhiều thế," cuối cùng tôi cũng mở được miệng.

"Anh đã đi xuyên suốt khu rừng, vậy chắc là đói lắm," cô nói.

"Tôi không biết. Nhưng chắc thế."

"Tôi muốn vươn tay ra xem có thể thực sự chạm vào cô được không. Nhưng tôi không dám, chỉ đứng đực ra đấy, nhìn cô như muốn nuốt chửng. Tôi lắng nghe tiếng cô lăng xăng đi tới đi lui trong bếp.

Cô múc món hầm nóng sốt ra một cái đĩa trắng mộc mạc, đem đặt trên bàn. Ngoài ra còn có một bát nộm cà chua và rau xanh, và một ổ bánh mì lớn. Mùi thơm củ khoai tây và cà rốt trong món hầm khiến

tôi nao nao nhớ. Tôi hít nó vào thật sâu và nhận ra rằng mình đang đói muốn chết. Tôi cần phải ăn đã. Trong khi tôi ăn bằng cặp thìa, dĩa cũ kỹ, cô gái ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh, theo dõi với vẻ mặt nghiêm túc, tựa hồ quan sát tôi ăn là một phần trọng yếu trong nhiệm vụ của cô vậy. Thi thoảng, cô đưa tay vuốt tóc ra đằng sau.

"Họ bảo em là anh mười lăm tuổi," cô nói.

"Đúng," tôi vừa đáp vừa phết bơ lên một lát bánh mì. "Tôi vừa tròn mười lăm".

"Em cũng mười lăm," cô nói.

Tôi gật đầu. *Điều đó thì tôi đã biết,* suýt nữa tôi buột miệng nói thế. Nhưng hãy còn quá sớm. Tôi cắn một miếng nữa.

"Em sẽ nấu ăn cho anh một thời gian," cô nói. "Cả quét dọn, lau chùi, giặt giũ nữa. Quần áo ở trong tủ trong buồng ngủ ấy, anh cứ thoải mái dùng. Đồ thay ra, anh cứ để ở làn, em sẽ lo."

"Ai giao cho cô công việc này?"

Cô đăm đăm nhìn tôi không trả lời. Có vẻ như câu hỏi của tôi đi chệch hướng và bị hút thỏm vào một khoảng không vô danh.

"Cô tên gì?" tôi hỏi, thử một chiến thuật khác.

Cô lắc đầu. "Em không có tên. Mọi người ở đây không ai có tên cả."

"Nhưng nếu cô không cso tên, tôi biết gọi cô thế nào đây?"

"Không cần phải gọi em," cô nói. "Hễ anh cần là em sẽ đến ngay."

"Tôi đồ rằng ở đây cả tôi cũng không cần đến tên của mình nữa?"

Cô gật đầu. "Anh là *anh,* chứ không phải là ai khác. Anh *là* anh, đúng không nào?"

"Có lẽ thế," tôi nói.

Nhưng tôi không dám chắc lắm. Có thật tôi là tôi không?

Suốt từ nãy, cô cứ nhìn tôi không chớp mắt.

"Cô có nhớ thư viện ấy không?" tôi hỏi thẳng.

"Thư viện nào?" cô lắc đầu. "Không... Cách đây khá xa, có một thư viện, nhưng ngay đây thì không."

"Vùng này có một thư viện?"

"Vâng, nhưng trong đó chẳng có sách gì cả."

"Không có sách thì có gì?"

Cô nghiêng nghiêng đầu, không trả lời. Một lần nữa, câu hỏi của tôi đi lạc và mất tiêu.

"Cô đã đến đấy bao giờ chưa?"

"Đã lâu lắm rồi," cô nói.

"Nhưng đó không phải là nơi để đọc sách ư?"

Cô gật đầu. "Ở đấy không có cuốn sách nào."

Tôi lặng lẽ ăn một lúc. Món hầm, món nộm, bánh mì. Cô cũng chẳng nói gì, chỉ nghiêm trang quan sát tôi.

"Thức ăn thế nào?" Cô hỏi vậy khi tôi ăn xong.

"Rất ngon."

"Mặc dù không có thịt hay cá?"

Tôi chỉ cái đĩa sạch trơn. "Cô thấy không, tôi chả để sót tí gì."

"Em nấu đấy."

"Rất ngon," tôi nhắc lại. Tôi nói thành thực mà.

Ngồi đây với cô mà tôi cảm thấy đau nhói như có một lưỡi dao giá băng đâm vào ngực. Nhưng kỳ lạ thay, tôi lại biết ơn nỗi đau ghê gớm ấy vì nó chứng tỏ rằng tôi tồn tại. Nỗi đau giá băng ấy là cái neo neo tôi lại *đây*. Cô gái đứng dậy đun nước, pha trà. Trong khi tôi ngồi uống trà tại bàn, cô mang bát đĩa bẩn vào bếp và bắt đầu rửa. Tôi ngắm nhìn cô làm mọi việc đó. Tôi muốn nói một điều gì đó, nhưng dường như lời lẽ khước từ chức năng của nó khi tôi ở bên cô. Hoặc giả ý nghĩa liên kết các chữ vớin hau đã biến mất? Tôi nhìn trân trân vào hai bàn tay mình và nghĩ đến cây sơn thù du ngoài cửa sổ, lấp lánh dưới ánh trăng. Cái lưỡi dao đâm vào tim tôi chính là ở đó.

"Rồi tôi có gặp lại cô nữa không?" tôi hỏi.

"Tất nhiên là có chứ," cô đáp. "Như em đã nói, hễ anh cần là em sẽ đến ngay."

"Cô sẽ không đột ngột biến mất chứ?"

Cô lặng thinh, chỉ nhìn tôi với một vẻ kỳ lạ trên gương mặt như muốn nói: *Anh nghĩ em biến đi đâu mới được chứ?*

"Tôi đã gặp cô trước đây," tôi đánh bạo nói. "Ở một vùng đất khác, trong một thư viện khác."

"Nếu anh nói thế thì là thế," cô vừa nói vừa đưa tay lên xem cặp tóc còn chặt không. Giọng cô hoàn toàn vô cảm, như thể cô muốn tỏ cho tôi biết là cô không hề quan tâm đến chuyện ấy.

"Tôi nghĩ mình đến đây là để gặp cô một lần nữa. Cô và một người đàn bà khác."

Cô ngước lên nhìn tôi và nghiêm trang gật đầu. "Xuyên suốt khu rừng sâu để tới đây."

"Đúng. Tôi nhất định phải gặp lại cô và người phụ nữ kia."

"Và anh đã gặp em."

Tôi gật đầu.

"Như em đã nói với anh," cô nói, "hễ anh cần là em sẽ đến ngay."

Rửa ráy xong, cô để nồi xoong, bát đĩa lên giá rồi khoác cái túi bạt

lên vai.

"Sáng mai, em sẽ trở lại," cô nói. "Hy vọng anh sẽ sớm quen với nơi này."

Tôi đứng ở cửa, nhìn cô đi khuất vào màn đêm. Tôi lại một mình trong căn nhà nhỏ, bên trong một vòng tròn khép kín. Ở đây, thời gian không phải là một nhân tố. Ở đây, không ai có tên. Cô sẽ đến khi nào tôi cần. Cô mười lăm tuổi. Mãi mãi mười lăm, tôi nghĩ. Nhưng điều gì sẽ đến với *tôi*? Ở đây, liệu rồi tôi có vĩnh viễn dừng lại ở tuổi mười lăm? Phải chăng ở đây, tuổi tác cũng không phải là một nhân tố?

Tôi đứng ở cửa hồi lâu sau khi cô đi khuất, lơ đãng nhìn quanh cảnh bên ngoài. Trời vắng trăng sao. Ở một số ngôi nhà khác, đèn đã bật, hắt sáng qua cửa sổ. Cũng cái ánh sáng vàng khè cổ lỗ như trong căn phòng này. Nhưng tôi vẫn không nhìn thấy người nào. Chỉ thấy sáng đèn thôi. Bên ngoài, bóng tối mỗi lúc một lan rộng. Xa nữa, đen hơn cả bóng đêm, chỏm núi sừng sững nhô lên và khu rừng bao quanh thị trấn này như một bức trường thành.

Chương 46

Sau khi Nakata chết, Hoshino không thể rời khỏi căn hộ. Với phiến đá cửa vào còn ở đó, một điều gì đó có thể xảy ra và khi nó xảy ra, gã muốn có mặt để xử lý kịp thời. Giờ đây, gã phải kế thừa nhiệm vụ canh chừng phiến đá của Nakata. Gã bật điều hòa nhiệt độ trong phòng Nakata ở mức thấp nhất có thể và mở quạt gió hết cỡ, đóng thật chặt các cửa sổ. Không khí trong phòng có cái mật độ đặc biệt chỉ thấy ở nơi có xác chết.

"Ông không lạnh quá đấy chứ?" gã nói với Nakata. Đương nhiên là ông lão chẳng có ý kiến thuận, nghịch gì.

Hoshino ngồi phịch xuống chiếc sofa trong phòng khách, để mặc cho thời gian trôi qua. Gã chẳng thiết nghe nhạc hay đọc sách. Hoàng hôn xuống, căn phòng tối dần, nhưng gã cũng chẳng buồn đứng dậy bật đèn. Gã cảm thấy hoàn toàn kiệt lực và một khi đã yên vị trên sofa, gã không đủ ý chí để đứng lên nữa. Thời gian chầm chậm đến và chầm chậm qua, đủng đỉnh đến nỗi đôi khi gã ngỡ như nó đi lộn lại.

Khi ông nội mình mất, gã nghĩ, đó là một cú nặng nề, nhưng không như thế này. Ông đã trải qua bao ngày đau bệnh và mọi người đều biết kết cục ấy chỉ là vấn đề thời gian. Cho nên khi ông chết, mọi người đã được chuẩn bị. Có hay không có được cơ may tự rèn luyện mình để đón nhận điều tất yếu là cả một sự khác nhau lớn. Nhưng đó không phải là điểm khác duy nhất, Hoshino kết luận. Cái chết của Nakata còn có một cái gì buộc phải suy nghĩ thật sâu.

Chợt thấy đói, gã vào bếp hâm một ít cơm rang bằng lò vi sóng và ăn hết một nửa cùng với bia. Sau đó, gã trở lại xem Nakata thế nào. Ngộ nhỡ ông ấy sống lại thì sao? gã nghĩ. Nhưng không, ông già vẫn chết thẳng cẳng. Căn phòng giống như một nhà đông lạnh, lạnh đến mức có thể bảo quản kem trong đó.

Đây là lần đầu tiên Hoshino qua đêm trong cùng nhà với một xác chết và gã không thể yên tâm được. Không phải là mình sợ, gã tự nhủ. Điều đó không làm mình sởn gai ốc. Mình chỉ không biết nên ứng xử thế nào với một người chết bên cạnh thôi. Sự trôi chảy của thời gian đối với người chết khác xa đối với người sống. Cả âm thanh cũng vậy. Vì thế mình không thể trấn tĩnh được, gã kết luận. Nhưng mình có thể làm gì được? Ông Nakata đã đi sang thế giới của người chết, mà mình thì còn ở cõi của người sống. Cố nhiên là có một khoảng trống ngăn cách. Gã đứng dậy khỏi sofa và đến ngồi cạnh phiến đá. Gã bắt đầu đưa tay vuốt nhẹ mặt đá như nựng một con mèo.

"Tớ phải làm gì bây giờ?" gã nói với phiến đá. "Tớ muốn bàn giao ông Nakata cho ai đó lo liệu, nhưng tớ không thể làm thế chừng nào chưa lo xong với cậu. Cậu có kế gì mách cho tớ không?"

Nhưng đá chẳng trả lời. Lúc này, nó chỉ là một phiến đá, và Hoshino hiểu thế nào. Gã có hỏi đến rã họng cũng chẳng thể moi được một lời giải đáp. Mặc dù thế, gã vẫn ngồi đó xoa mặt đá. Gã hỏi tiếp mấy câu, trình bày lý lẽ và cố hết sức tranh thủ sự cảm thông. Tuy biết là vô ích, nhưng gã không nghĩ ra cách nào khác. Ông Nakata đã ngồi nói chuyện với phiến đá suốt, vật thì tại sao lại không nhỉ?

Tuy nhiên, nói với một phiến đá, xin nó rủ lòng thương - nghe mới lâm ly làm sao, gã nghĩ thầm. Chả trách có cái thành ngữ *trái tim đá*.

Gã đứng dậy, toan mở tivi xem tin thời sự song nghĩ thế nào lại thôi và lại ngồi xuống bên cạnh phiến đá. Bây giờ, im lặng là tốt nhất, gã quyết định. Cần phải lắng tai nghe cho kỹ, chờ xem cái gì sắp xảy đến. "Nhưng chờ đợi lại không phải là điểm mạnh của tớ," Hoshino nói với phiến đá. Xét cho cùng, tớ thuộc loại nôn nóng và đã nhiều lần phải trả giá vì thế. Bao giờ cũng hấp ấp, nhanh nhẩu đoảng và làm hỏng việc. Mày cứ ngúng ngoẳng như con mèo cái động đực, dạo xưa ông nội tớ thường bảo tớ thế. Nhưng giờ tớ phải ngồi im và chờ đợi. Hãy kiên nhẫn nào!

Tất cả đều im ắng, ngoại trừ tiếng ro ro của máy điều hòa nhiệt độ mở hết cỡ ở phòng bên. Đồng hồ chỉ chín giờ, rồi mười giờ, mà chẳng thấy có gì xảy đến. Thời gian qua, đêm sâu thêm, vẫn chẳng có gì khác. Hoshino mang mền ra phòng khách, nằm xuống sofa, đắp mền lên người. Gã nghĩ tốt nhất là cứ ở gần kề phiến đá, kể cả trong khi ngủ, phòng khi có chuyện gì xảy đến. Gã tắt đèn và nhắm mắt lại.

"Này, phiến đá! Tớ đi ngủ đây," gã gọi to. "Mai chúng mình sẽ lại nói chuyện tiếp. Hôm nay là một ngày dài, tớ cần chợp mắt một tí."

Chà, nói *ngày dài* còn là nhẹ, chưa lột tả được hết, gã nghĩ.

"Ông nội," gã gọi to hơn. "Ông Nakata! Ông có nghe thấy cháu không?" Không có trả lời.

Hoshino thở dài, nhắm mắt lại, chỉnh lại chiếc gối rồi ngủ thiếp đi. Gã ngủ một mạch đến hết đêm, chẳng mộng mị gì cả. Ở phòng bên, Nakata tiếp tục giấc ngủ như đá của mình, hẳn cũng không mộng mị gì.

Bảy giờ sáng hôm sau, vừa trở dậy, Hoshino sang ngay xem Nakata ra sao. Máy điều hòa nhiệt độ vẫn ro ro chạy hết công suất, thổi khí lạnh vào phòng. Vào giữa căn phòng lạnh giá ấy, Nakata vẫn chết cứng. Thậm chí, so với đêm trước, cái chết dường như còn túm

chặt lão hơn. Da lão đã sạm màu tro, đôi mắt nhắm nghiền đờ đẫn một cách trịnh trọng. Chẳng có chuyện lão sống lại, đột ngột ngồi dậy và nói, Xin lỗi, cậu Hoshino. Nakata này chỉ ngủ thôi. *Xin thứ lỗi. Cậu khỏi lo, lão sẽ mang nó đi đây* - rồi quay sang xử lý với phiến đá. Điều đó sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Nakata đã chết hẳn rồi, sự thật là vậy.

Bắt đầu thấy rét run, Hoshino vội bước ra khỏi phòng và đóng cửa lại rồi vào bếp, chế cà phê, uống liền hai tách, ăn mấy lát bánh mì nướng với bơ và mứt. Ăn xong, gã ngồi trong bếp, hút vài điếu thuốc và nhìn qua cửa sổ ra ngoài. Mây đã bay đi từ lúc nào trong đêm, để lại một bầu trời đầy nắng hạ. Phiến đá vẫn ở chỗ mọi khi, bên cạnh sofa. Nó không ngủ, nên không thức giấc, chỉ nằm đó thôi, cả đêm không động đậy. Gã bê thử và nhấc nó lên ngon ơ.

"Này," Hoshino cất giọng vui vẻ nói, "tớ đây mà. Bạn cũ Hoshino đây mà, nhớ chứ? Có vẻ như hôm nay chỉ có mình cậu với tớ."

Phiến đá chẳng nói chẳng rằng - điều đó cũng không quá bất ngờ.

"À, được thôi. Cậu không nhớ cũng chả sao. Chúng ta có ối thì giờ để làm quen với nhau, đâu cần phải vội."

Gã ngồi xuống cạnh phiến đá, bắt đầu xoa nó và tự hỏi: trò chuyện với một phiến đá thì nên nói về cái gì nhỉ? Bởi đây là lần đầu tiên có dịp nói chuyện với một hòn đá, nên gã không thể nghĩ ra một đề tài nào phù hợp. Tốt nhất là nên tránh bất kỳ cái gì phức tạp vào cái giờ sáng sớm này, gã nghĩ. Ngày còn dài, lo gì chả có ý tứ nảy ra trong đầu.

Gã nghĩ một thôi và chọn đề tài ưa thích: gái. Gã điểm lại từng *em* đã cùng gã chung chăn gối. Nếu chỉ kể những *em* gã còn nhớ tên thì chả được bao nhiêu. Gã đếm nhẩm trên đầu ngón tay: tất cả có sáu. Nếu cộng cả những *em* không biết tên thì phong phú hơn nhiều, gã nghĩ, nhưng hãy tạm ngưng ở mức đó đã.

"Tớ nghĩ kể với một phiến đá về những mẻng đã ngủ với tớ thì chả ích gì," gã nói. "Và tớ đồ rằng cậu cũng không khoái mới sáng ra đã phải nghe tớ khoe chiến tích. Nhưng tớ chưa nghĩ ra chuyện gì khác, Ô-kê? Biết đâu một đề tài nhẹ nhàng tươi mát để đổi món lại tốt cho cậu. Cung cấp thông tin mà."

Hoshino kể một số đoạn với những chi tiết cụ thể nhất mà gã có thể nhớ. Lần đầu tiên là khi gã còn là học sinh trung học, giao du với một băng chơi môtô và vướng vài chuyện rắc rối. Cô gái hơn gã ba tuổi, làm ở một quán bar ở Gifu. Họ sống với nhau một thời gian. Cô gái rất nghiêm túc trong mối quan hệ ấy, cô nói cô không thể sống thiếu gã. Thậm chí cô còn gọi điện thoại nói chuyện với bố mẹ mình, gã nhớ lại, nhưng ông bà chả khoái gì chuyện ấy. Sự tình đâm ra quá căng, cho nên tốt nghiệp trung học một cái là mình xung vào Lực

lượng Tự vệ liền. Ngay sau đó, mình được đưa đi đóng quân ở một căn cứ thuộc tỉnh Yamanashi và mối quan hệ ấy chấm dứt. Mình chẳng bao giờ gặp lại cô ta nữa.

"Có lẽ cái nét độc đáo của tớ là lười nhác," Hoshino giải thích với phiến đá. "Và khi nào sự tình trở nên phiền phức là tớ đánh bài chuồn. Không phải nói khoác chứ tớ nhanh chân lắm. Tớ chả bao giờ theo cái gì đến cùng cả. Có lẽ vấn đề của tớ là ở chỗ ấy."

Gã gặp cô bồ thứ hai ở gần căn cứ tại Yamanashi. Vào một hôm nghỉ phép, thấy cô hỏng xe giữa đường, gã đã giúp cô thay lốp chiếc Suzuki Alto. Cô hơn gã một tuổi và đang theo học ở một trường nữ y tá.

"Cô ta thật dễ thương," Hoshino kể với phiến đá. "Vú to, con người rất nồng nhiệt. Chà, cô ta mới máu làm sao! Hồi ấy, tớ mới mười chín và ngày nào chúng tớ cũng ở trên giường với nhau. Vấn đề là cô ta ghen không thể tưởng tượng nổi. Hễ ngày nghỉ nào không thấy tớ đến là y như rằng cô ta tra khảo tớ tới số, hỏi đủ thứ: đi đâu, làm gì, đi với ai... Tớ nói thật, cô ta cũng không thỏa mãn. Vì thế nên chúng tớ chia tay. Hai đứa đi lại với nhau được độ một năm. Không biết cậu thấy thế nào, chứ tớ thì không chịu nổi ai hỏi vặn vẹo mình. Tớ cảm tôi hấy như không thở được và đâm chán. Thế là tớ chạy làng. Cái hay của LLTV là anh có thể nằm lì không thò mặt ra khỏi căn cứ cho đến khi mọi sự êm xuôi. Và cô ta chẳng làm gì được. Muốn bỏ một em mà không bị lôi thôi gì, tốt nhất là xung vào LLTV. Cậu nên ghi nhớ điều đó. Nhưng ngoài cái ấy ra cũng cực lắm: nào đào hầm đào hố, nào đắp bao cát, đủ tội."

Càng kể, Hoshino càng nhận ra đời mình thật vô bổ biết bao. Bốn trong sáu cô gái đã đi lại với gã đều tốt cả. (Hai cô còn lại, xét một cách khách quan, thì hơi có vấn đề, gã nhận định). Hầu hết đều đối xử với gã khá tốt. Không có em nào đổ quán xiêu đình, nhưng mỗi em xinh theo kiểu riêng của mình và sẵn sàng chiều gã bất cứ lúc nào gã thích. Không bao giờ phàn nàn khi gã bỏ qua thao tác khai mào và huỵch luôn vào cuộc. Họ nấu ăn cho gã vào những ngày nghỉ, mua quà tặng gã vào dịp sinh nhật, cho gã vay tiền khi gã cháy túi mà chưa tới kỳ phát lương (gã không nhớ là mình có trả sòng phẳng hay không) và không bao giờ đòi hỏi gã phải đáp trả lại. Tất cả những ân cần ấy, thế mà mình rõ là thằng vô ơn, gã kết luận. Mình cứ coi mọi sự là đương nhiên.

Cũng phải công nhận rằng gã không lừa dối một ai trong số đó. Nhưng một khi *em* bắt đầu phàn nàn, cố giành phần thắng khi tranh luận, ghen tuông ra mặt, khuyên gã để dành tiền, quá khích động khi thấy tháng hoặc chỉ hơi tỏ ra lo lắng về tương lai, là gã "gút-bai" liền. Gã luôn cho rằng điều quan trọng nhất khi quan hệ với một cô gái là tránh mọi tình huống phức tạp, cho nên chỉ cần một con sóng nhỏ

làm chao thuyền là gã biến ngay, tìm một *em* khác và bắt đầu lại từ đầu. Gã chắc mọi người ai cũng làm như thế.

"Nếu tớ là con gái," gã nói tiếp với phiến đá, "và đi chơi với một thằng cha ích kỷ như tớ đây, hẳn tớ sẽ mất kiên nhẫn. Giờ đây, khi nhìn lại, tớ dám chắc thế. Tớ không hiểu làm sao họ có thể chịu được tớ lâu đến thé. Thật lạ lùng. (Gã châm một điếu Marlboro và từ từ nhả khói, một tay vuốt ve phiến đá). Tớ nói đúng không? Tớ không đẹp trai, cũng chẳng phải là kiện tướng trên giường. Không nhiều tiền, không thông minh, không thuộc loại tai to mặt lớn. Đầy nhược điểm. Con trai một nông dân nghèo ở miền quê, cựu binh quèn trong LLTV chuyển ngành làm lái xe. Nhưng nghĩ lại, tớ thấy mình thực sự may mắn với phụ nữ. Tớ không thành công lắm, nhưng bao giờ cũng có một bạn gái. Một *em* nào đó cho tớ ngủ cùng, cho tớ ăn, cho tớ vay tiền. Nhưng cậu biết gì không? Những điều tốt lành không kéo dài mãi mãi. Thời gian qua đi, tớ càng cảm thấy thấm thía điều đó. Như thể có ai đang bảo, *Này Hoshino, rồi sẽ có ngày mày phải trả giá đấy.*"

Gã vừa kể những cuộc phiêu lưu tình ái của mình vừa vuốt ve phiến đá. Quá quen tay với động tác đó rồi, gã không muốn dừng lại nữa. Đến trưa, tiếng kẻng ở một trường học vang lên và gã vào bếp nấu một bát udon với một ít hành và đập thêm quả trứng. Ăn trưa xong, gã lại nghe Tam tấu *Archduke*.

"Này, phiến đá," gã gọi ngay sau khi hết chương một, nhạc hay đấy chứ, nhỉ? "Cậu thấy không, nó làm cho trái tim mình mở ra."

Phiến đá lặng thinh.

Gã không biết là phiến đá có nghe hay không (dù là nghe gã hay nghe nhạc), nhưng gã cứ dấn tới nói tiếp. "Như sáng nay tớ đã nói, tớ đã làm một số điều gớm ghiếc trong đời. Tớ là thằng rất ích kỷ. Và bây giờ đã quá muộn để tẩy rửa hết, cậu hiểu không? Nhưng khi tớ nghe bản nhạc này, thì như thể ông Beethoven đang ở ngay đây nói chuyện với tớ, bảo tớ thế này, *Thôi này Hoshino, đừng băn khoăn về chuyện ấy nữa. Đời là thế mà. Ta cũng đã từng làm một số điều khá gớm ghiếc. Chẳng thể thay đổi được gì đâu. Sự thể cứ xảy ra. Chỉ cần cháu kiên trì làm tốt hơn thôi.* Trên thực tế, người như Beethoven chắc chẳng nói như thế đâu. Nhưng tớ cứ có cảm giác đó khi nghe nhạc của ông, tựa hồ như nó nói thế với tớ. Cậu có cảm thấy thế không?"

Phiến đá vẫn câm lặng.

"Dù sao đi nữa, đó chỉ là ý kiến cá nhân của tớ," Hoshino nói. "Tớ sẽ im miệng để chúng mình cùng nghe."

Lúc hai giờ, gã nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy một con mèo đen béo múp ngồi trên lan can ngoài hiên nhìn vào căn hộ. Chán ngán, gã mở cửa sổ, gọi với ra: "Này mèo con, hôm nay đẹp trời phết nhỉ?"

"Vâng, quả vậy, hôm nay đúng là một ngày đẹp trời, thưa cậu

Hoshino," mèo đáp.

"Lạ chưa kìa," Hoshino lắc đầu, nói.

Cái thằng tên là Quạ

Cái thằng tên là Quạ trễ nải lượn những vòng rộng bên trên khu rừng. Sau mỗi vòng, nó lại bay đến một chỗ khác và thận trọng bắt đầu một vòng mới giống hệt như trước. Những vòng đó nối nhau vẽ trong không khí những đường vô hình để rồi biến mất ngay sau đó. Như một chiếc máy bay trinh sát, nó thám sát khu rừng bên dưới, tìm một người nào đó mà nó chưa định vị được. Như một đại dương bao la, khu rừng lượn sóng bên dưới nó và trải ra đến tận chân trời với những cành lá chằng chịt đan thành một tấm áo choàng vô danh. Trời phủ đầy mây xám, ắng gió và cũng chẳng có nắng. Vào lúc này, cái thằng tên là Quạ hẳn là con chim cô độc nhất trên thế giới, nhưng nó không rảnh rang để nghĩ về điều đó.

Cuối cùng, nó phát hiện ra một chỗ hổng giữa biển cây phía dưới và lao xuống đó tới một khoảng đất trống. Ánh sáng lấp lánh trên một vạt đất xanh rờn cỏ. Ở một góc của khoảng đất trống đó, có một tảng đá tròn và một người đàn ông mặc một bộ đồ thể dục màu đỏ tươi, đội một chiếc mũ lụa đen đang ngồi trên đó. Ông ta đi ủng leo núi đế dày và một chiếc túi vải kaki đặt dưới đất bên cạnh ông. Một kiểu trang phục kỳ lạ, nhưng thằng cu tên Quạ bất cần. Đó chính là người nó đang tìm. Ông ta ăn mặc thế nào chẳng mấy quan trọng.

Nghe tiếng vỗ cánh đột ngột, người đàn ông ngẩng lên và thấy Quạ đáp xuống một cành to.

"Xin chào," ông ta vui vẻ nói.

Cái thằng tên là Quạ không trả lời. Đậu trên cành cây, nó thản nhiên nhìn người đàn ông không chớp mắt, thỉnh thoảng lại nghiêng đầu sang một bên.

"Ta biết con là ai," người đàn ông nói. (Ông ta bỏ mũ ra rồi lại đội vào). "Ta đã linh cảm là chẳng bao lâu con sẽ đến thôi." Ông ta hắng giọng, cau mày và nhổ xuống đất rồi lấy ủng di bãi nước bọt đó.

"Ta đang nghỉ ngơi và cảm thấy buồn chán vì chả có ai để trò chuyện. Sao con không lại đây? Chúng ta có thể chuyện gẫu một chút cho vui. Thế nào? Ta chưa từng gặp con, nhưng thế không có nghãi là chúng ta hoàn toàn xa lạ với nhau."

Thằng cu tên là Quạ vẫn ngậm miệng, khép chặt đôi cánh vào người. Người đàn ông đọi mũ lụa khẽ lắc đầu. "À, ta hiểu. Con không nói được, phải không? Không sao. Ta sẽ nói cho cả hai, nếu con không phiền. Ta biết con sắp làm gì, cho dù con không nói nửa lời. Con không muốn ta đi sâu thêm, phải không? Cái đó rõ rành rành, ta có thể đoán thấy. Con không muốn ta đi sâu thêm nữa, nhưng đó lại đích thị là điều ta muốn làm. Bởi vì đây là một cơ hội vàng ta không

thể để tuột - cơ hội ngàn năm có một."

Ông ta vỗ mạnh vào ống ủng leo núi ở chỗ ngang mắt cá chân.

"Nói cho nhanh nhé, con không thể ngăn ta đâu. COn không đủ sức. Nói cho con biết nhé, khi ta thổi cây sáo của ta, điều gì sẽ xảy ra? Con sẽ không thể đến gần ta. Đó là ma lực nơi cây sáo của ta. Có thể con không biết, chứ đây là thứ sáo duy nhất, không phải sáo thường. Và thực tế, ta có mấy cây trong cái túi này."

Ông ta với tay ra, thận trọng vỗ vỗ cái túi vải, rồi lại ngước nhìn thằng cu tên là Quạ vẫn đậu trên cành. "Ta làm cây sáo này bằng những hồn mèo mà ta thu thập được. Moi hồn chúng ra ngay khi chúng còn sống và luyện thành sáo này. Dĩ nhiên, moi hồn chúng ra như vậy, ta cũng thấy ái ngại, nhưng ta không đng được. Cây sáo này vượt ra ngoài mọi tiêu chuẩn về thiện/ác, yêu/ghét của thế gian. Làm những cây sáo này, từ lâu, đã là nghiệp của ta và ta luôn luôn nghiêm chỉnh hoàn thành vai trò của mình. Ta không có điều gì phải xấu hổ. Ta có vợ, có con và số sáo ta đã làm ra là trên mức vừa đủ. Cho nên ta sẽ không làm thêm nữa. Nói riêng với con, ta định gộp tất cả những sáo ta đã làm để tạo thành một cây sáo lớn hơn nhiều, có uy lực hơn nhiều: một cây sáo siêu cường tự thân nó là một hệ thống. Ngay bây giờ, ta đang đi tới một nơi mà ở đó ta có thể chế tạo cây sáo đó. Không phải ta quyết định cây sáo này sẽ phục vụ cho cái thiện hay cái ác, và cũng không phải là con. Mọi sự tùy thuộc vào việc ta ở nơi nào và lúc nào. Theo nghĩa đó, ta là người tuyệt đối không có thành kiến, cũng như lịch sử hay thời tiết, hoàn toàn không thiên vị. Chính vì thế, ta có thể biến thành một hệ thống."

Ông ta bỏ mũ ra, xoa dúm tóc thưa thớt trên đỉnh đầu, đội mũ tở lại, chỉnh nhanh vành mũ.

"Một khi ta thổi cây sáo này, ta có thể rũ bỏ con dễ như trở bàn tay. Có điều là ta không muốn thổi nó ngay lúc này. Phải vận dụng rất nhiều công lực và ta không muốn phí tí sức nào. Sau này, ta còn cần đến nó. Nhưng dù ta có thổi sáo hay không, con cũng không thể ngăn được ta. Nói thế là rõ ràng chứ."

Người đàn ông hắng giọng một lần nữa và xoa cái bụng bệu. "Con có biết cõi minh phủ là gì không? Đó là vùng trung lập giữa sống và chết. Một nơi buồn thảm, u ám. Nói cách khác, đó là nơi ta đang ở: khu rừng này. Ta đã chết ở ngay nhà mình, nhưng đã không đi sang thế giới bên kia. Ta là một linh hồn lang thang và một linh hồn lang thang thì không có hình thù. Ta khoác cái hình dạng này chỉ là tạm thời thôi. Vì thế con không thể làm gì được ta. Con hiểu chứ? Ngay cả nếu ta đổ máu tràn khắp chỗ này, thì đó cũng không phải là máu thật. Ngay cả nếu ta đau đớn ghê gớm, thì đó cũng chỉ là đau đớn giả. Kẻ duy nhất có thể tiêu diệt ta bây giờ là kẻ có đủ quyền lực để làm thế. Đáng buồn thay, con lại không đáp ứng tiêu chuẩn ấy. Con

chẳng là cái gì hơn một ảo ảnh chưa đủ độ chín, thường thường bậc trung. Cho dù con quyết tâm đến đâu đi nữa, thì việc loại bỏ ta cũng là bất khả đối với những kẻ như con. (Ông ta nhìn thẳng cu tên là Quạ và cười toét miệng). Thế nào? Có muốn thử không?

Như thể đó là hiệu lênh nó chờ đợi, cái thằng tên là Quạ xòe cánh, nhảy khỏi cành và lao thẳng đến ông ta. Nó giương móng quắp lấy ngực ông ta, ngửa đầu ra sau và vung mỏ như một cái cuốc chim nhằm ngực phải ông ta mà bổ tới tấp, vừa tấn công vừa đập cánh ầm ầm. Người đàn ông không hề chống cự, thậm chí không giơ một ngón tay phản đối. Không kêu, mà trái lại còn cười lớn. Mũ ông rơi xuống đất và con ngươi phải mau chóng nát bấy và lòng thòng lòi ra khỏi hố mắt. Bây giờ, thằng cu tên là Quạ ráo riết tấn công con mắt bên kia. Khi cả hai mắt chỉ còn là hai cái hốc trống không, nó chuyển ngay sang mổ túibụi vào mặt ông ta. Chẳng mấy chốc, mặt ông ta đã bị rách bươm, những mảng da bay tứ tung, máu trào ra, chỉ còn là một cục thịt đỏ lòm. Sau đó, Quạ tấn công đỉnh đầu ông ta, nơi tóc thưa nhất. Và ông ta vẫn tiếp tục cười rộ. Đòn càng ác hiểm, ông ta càng cười lớn, như thể tình tếh quá khôi hài khiến ông ta không nhịn được cười.

Ông ta không lúc nào rời mắt (lúc này chỉ còn là hai hốc trống) khỏi Quạ và thi thoảng, giữa hai nhịp cười, còn đế được vào vài câu: "Thấy không? Ta đã bảo mà. Đừng làm ta cười thế. Tha hồ cho con cố hết sức cũng không đả thương được ta đâu. Con không đủ khả năng ấy. Con chỉ là một ảo ảnh vật vờ, một tiếng vang mơ hồ. Bất kể con làm gì cũng vô ích thôi. Hiểu không?"

Cái thằng tên là Quạ bèn mổ vào cái mồm đang tuôn ra những lời ấy. Đôi cánh lớn của nó không ngừng đập, dăm chiếc lông đen bóng rụng ra, xoáy lộn trong không trung như những mảnh hồn. Quạ lấy mỏ cắp lấy lưỡi ông ta, tận lực kéo. Cái lưỡi dài và to tướng bị kéo ra từ cuống họng, nó giãy giụa như một con nhuyễn thể khổng lồ, thốt ra những lời tăm tối. Tuy nhiên, mất lưỡi, ông ta không cười được nữa. Có vẻ như cũng không thở được nữa, nhưng ông ta vẫn ôm bụng cười ngặt nghẽo, toàn thân rung lên theo những nhịp cười không ra tiếng. Cái thằng tên là Quạ lắng nghe và tiếng cười vô thanh ấy - rỗng huếch và đầy điềm gở như gió thổi trên một sa mạc xa xăm - cứ vang mãi trong tai nó, không dứt. Quả vậy, nghe như một tiếng sáo từ bên kia thế giới.

Chương 47

Tôi thức dậy ngay sau rạng đông, đun nước, pha trà. Tôi ngồi xuống cạnh cửa sổ để nhìn xem có gì diễn ra bên ngoài. Tất cả đều lặng tờ, không thấy dấu hiệu gì là có người ngoài phố. Đến cả chim chóc dường như cũng không muốn cất lên bản hợp xướng ban mai thường lệ của chúng. Những ngọn núi đằng đông chỉ hiện lên lờ mờ trong một ánh sáng yếu ớt. Nơi này xung quanh toàn núi cao, cho nên bình minh đến muộn và hoàng hôn thì lại đến rất sớm. Tôi đến đầu giường, nơi tôi để chiếc đồng hồ đeo tay, để xem mấy giờ, nhưng màn chữ số trống trơn. Tôi bấm đại mấy nút, cũng chả thấy gì. Pin còn mới, nhưng không hiểu vì lẽ gì mà đồng hồ lại chết trong khi tôi ngủ. Tôi đặt chiếc đồng hồ trở lại trên gối và xoa xoa cổ tay trái, nơi tôi thường đeo nó. Ở đây, thời gian không phải là một nhân tố quan trọng.

Trong khi nhìn ra quang cảnh trống trơn, vắng bóng chim bên ngoài, bỗng dưng tôi thấy thèm đọc sách, bất kỳ sách gì. Miễn là hình dạng giống quyển sách và có chữ in bên trong là được. Tôi chỉ cần cầm một quyển sách trong tay, lật giở các trang, lướt mắt trên những dòng chữ. Có điều là chẳng thấy bóng dáng một cuốn sách nào. Như thể ở đây, ngành in không tồn tại. Tôi tìm khắp phòng, rành là chẳng thấy gì có chữ ở trong.

Tôi mở tủ trong phòng ngủ để xem có những loại quần áo gì trong đó. Tất cả đều gấp gọn gàng. Không có cái nào mới, màu thì bạc phếch, vải thì nhẽo nhèo qua bao lần giặt. Tuy nhiên, tất cả đều có vẻ rất sạch. Có những áo phông cổ tròn, đồ lót, bít tất, sơ mi và quần bằng vải bông. Không vừa khít, nhưng cũng xuýt xoát khổ người tôi. Tất cả đều rất giản dị và không có họa tiết gì cả, như thể ý tưởng về những môtíp trang trí quần áo không bao giờ tồn tại. Không một chiếc nào mang nhãn mác - cả ở đây nữa, cũng loại trừ mọi dấu vết của chữ. Tôi cởi chiếc áo phông hôi hám ra, thay bằng một chiếc màu ghi thơm mùi nắng và xà phòng.

Một lúc sau - tôi không xác định được đích xác là bao lâu - cô gái đến. Cô khẽ gõ cửa và không chờ trả lời, mở luôn. Cửa không có bất kỳ kiểu khóa gì. Vai đeo chiếc túi vải, cô bước vào. Đằng sau cô, trời đã hửng sáng.

Cô đi thẳng vào bếp và rán mấy quả trứng trong một chiếc chảo nhỏ màu đen. Trứng ụp xuống dầu nóng phát ra một tiếng xèo vui tai và mùi trứng tươi rán tỏa khắp phòng. Trong khi đó, cô nướng mấy lát bánh mì trên một vỉ nướng bè bè như cái loại thường thấy trong những phim thời xa xưa. Quần áo và tóc cô vẫn y như tối hôm trước: áo váy xanh nhạt, tóc kẹp ra sau gáy. Da mịn, đẹp và đôi cánh tay

trắng như sứ ánh lên trong nắng sớm. Qua cửa sổ mở, một con ong vè vè bay vào như để làm cho bức tranh thêm trọn vẹn. Cô gái mang đồ ăn tới bàn, ngồi xuống một chiếc ghế, nhìn tôi ăn món ốp-lết rau với bánh mì nướng phết bơ, uống trà nóng. Cô không ăn uống gì. Mọi sự lặp lại như tối qua.

"Ở đây, người ta có tự nấu lấy bữa ăn không?" tôi hỏi cô. "Tôi hỏi thế vì thấy cô đến nấu ăn cho tôi."

"Một số người nấu lấy, một số khác có người nấu hộ," cô đáp. "Nhưng nói chung, người ở đây chả ăn mấy."

"Thật ư?"

Cô gật đầu. "*Thi thoảng* họ mới ăn. Khi nào họ thích."

"Cô muốn nói không ai ăn nhiều như tôi chứ gì?"

"Anh có thể nhịn cả ngày không ăn được không?"

Tôi lắc đầu.

"Người ở đây thường nhịn ăn cả ngày mà không sao. Trên thực tế, họ thường quên ăn, có khi cả mấy ngày liền."

"Tôi chưa quen với cuộc sống ở đây, nên tôi vẫn phải ăn."

"Hẳn thế," cô nói. "Vì thế em mới đến đây nấu cho anh."

"Phải mất bao lâu tôi mới quen được với nơi này?" tôi nhìn vào mặt cô, hỏi.

"Bao lâu?" cô nhắc lại và từ từ lắc đầu. "Em không biết. Đây không phải là vấn đề thời gian. Đến lúc ấy, anh sẽ thấy là mình đã quen rồi."

Chúng tôi ngồi đối diện nhau, hai tay cô úp sấp trên bàn. Mười ngón tay nhỏ nhắn cương nghị của cô rành là thật trước mắt tôi. Trực diện với cô, tôi thấy từng thoáng rung động của hàng mi cô, đếm được từng cái chớp mắt của cô, quan sát từng sợi tóc cô xõa xuống trán. Tôi không thể nào rời mắt khỏi cô.

"*Lúc ấy?*" tôi hỏi.

"Sẽ không phải như anh cắt bỏ một cái gì khỏi mình và ném nó đi đâu," cô nói. "Không phải là ném đi mà là nhận lấy, hấp thụ nó vào trong mình."

"Và tôi sẽ nhận cái đó vào trong tôi?"

"Đúng thế."

"Rồi thì sao?" tôi hỏi." Sau khi tôi nhận nó, điều gì sẽ xảy đến?"

Cô khẽ nghiêng đầu ngẫm nghĩ, một cử chỉ hết sức tự nhiên. Những sợi tóc lại đu đưa. "Rồi anh sẽ trở thành bản thân anh trọn vẹn," cô nói.

"Vậy theo cô, cho đến nay, tôi chưa trọn vẹn là chính tôi?"

"Bây giờ anh cũng hoàn toàn là anh," cô nói rồi nghĩ lại. "Có nghĩa là hơi khác một tí. Nhưng em không biết diễn tả thế nào cho chính xác."

"Tức là, chừng nào nó chưa thực sự xảy đến thì ta chưa hiểu hết được, phải không?"

Cô gật đầu.

Tôi nhìn cô mà thấy nhói trong tim và khi điều đó trở nên quá đau đớn, tôi nhắm mắt lại. Nhưng rồi tôi lại mở ra ngay để chắc chắn là vẫn còn đó. "Ở đây, người ta sống theo kiểu cộng đồng, đúng không?"

Cô nghĩ một lúc. "Mọi người sống với nhau và dùng chung một số thứ như nhà tắm, vòi hoa sen, nhà máy điện, chợ. Có một số thỏa thuận ngầm đơn giản, chẳng có gì là phức tạp. Không có gì cần nghĩ ngợi, hoặc thậm chí phải nói ra lời. Cho nên em không cần phải giải thích gì cho anh về cách thức làm cái này cái nọ. Điều quan trọng nhất ở đây là mỗi người cứ để cho sự vật thụ mình vào. Chừng nào anh làm thế, thì chẳng có vấn đề gì."

"Hấp thụ nghĩa là thế nào?"

"Chẳng hạn như khi anh ở trong rừng, anh trở thành một bộ phận khăng khít của nó. Khi anh ở trong mưa, anh là một phần của cơn mưa. Khi anh ở trong buổi sáng, anh là một bộ phận của buổi sáng. Khi anh ở bên em, anh là một bộ phận của em."

"Khi cô ở bên tôi, cô là một bộ phận không thể tách rời của tôi chứ?"

"Đúng vậy."

"Cô cảm thấy như thế nào khi cùng lúc vừa là chính mình vừa là một bộ phận của tôi?"

Cô nhìn thẳng vào tôi và đưa tay lên sờ chiếc cặp tóc. "Rất tự nhiên. Một khi đã quen rồi thì hết sức đơn giản. Như là bay ấy."

"Cô biết bay?"

"Đó chỉ là *thí dụ*," cô nói và mỉm cười, một nụ cười không mang ý nghĩa sâu xa hoặc hàm ẩn gì, cười để mà cười thôi. "Anh không thể biết được cảm giác khi bay là thế nào, chừng nào anh chưa thực sự bay. Ý em là như thế."

"Vậy đó là một điều tự nhiên, thậm chí ta không cần phải nghĩ đến nó?"

Cô gật đầu. "Vâng, nó hoàn toàn tự nhiên, tĩnh mặc, êm đềm, một cái gì đó ta không cần phải nghĩ đến. Nó thoải mái như không ấy."

"Tôi hỏi nhiều quá, phải không?"

"Không đâu," cô đáp. "Em chỉ muốn sao có thể giải thích được rõ ràng hơn thôi."

"Cô có ký ức không?"

Cô lại lắc đầu và đặt tay lên bàn, lần này để ngửa. Cô nhìn tay mình, sắc mặt không biểu lộ gì.

"Không. Ở một nơi mà thời gian không quan trọng thì ký ức cũng thế. Dĩ nhiên, em có nhớ là tối qua đã đến đây nấu món hầm cho anh. Và anh đã ăn hết sạch, phải không? Về hôm trước nữa, em có nhớ một ít. Nhưng xa hơn nữa thì em chả nhớ gì. Thời gian đã hòa tan vào trong em và em không còn phân biệt được sự kiện này với sự kiện nọ."

"Vậy ở đây, ký ức cũng không quan trọng?"

"Đúng," cô cười tươi rói. "Ở đây, ký ức không quan trọng. Đó là phận sự của thư viện."

Cô đi rồi, tôi ngồi bên cửa sổ, giơ một bàn tay ra ngoài nắng. Bóng nó in trên thành cửa sổ, rõ nét năm ngón rành rành. Con ong thôi không vo ve bay quanh nữa mà đậu trên một ô kính. Dường như nó có một điều gì cần suy nghĩ nghiêm túc. Và tôi cũng vậy.

Khi mặt trời vượt qua thiên đỉnh, bà đến chỗ tôi đang ở, gõ nhè nhẹ và mở cửa. Trong một lúc, tôi không dám chắc là mình đang nhìn thấy ai - cô gái trẻ hay bà. Chỉ một thoáng chuyển dịch ánh sáng hay cách gió thổi là đủ để người đứng trước mặt biến đổi hoàn toàn: lúc này là cô gái mười lăm, lát sau đã biến thành Miss Saeki. Tuy nhiên, điều đó không thực sự diễn ra. Không nghi ngờ gì nữa, người đứng trước mặt tôi đích thị là Miss Saeki chứ không phải ai khác.

"Chào," bà nói bằng một giọng tự nhiên như khi chúng tôi gặp nhau trong hành lang thư viện. Bà mặc chiếc sơ mi dài tay màu xanh nước biển và cái váy đồng bộ chấm đầu gối, đeo một chiếc vòng bạc mảnh và hoa tai bằng ngọc trai - hệt như tôi thường thấy bà. Đôi giày cao gót bước trên bậc thềm phát ra những tiếng khô ngắn, một âm thanh hơi lạc điệu ở đây. Từ khung cửa, bà đứng nhìn tôi như thể để kiểm tra xem có thật là tôi hay không. Cố nhiên, đây chính thật là tôi. Cũng như bà đích thị là Miss Saeki.

"Cô vào dùng chén trà nhé?" tôi mời.

"Rất vui lòng," bà nói. Và như thể, cuối cùng, đã đủ dũng khí, bà bước vào.

Tôi vào bếp, mở lò, đun nước, cố giữ cho nhịp thở bình thường.

Bà ngồi vào đúng chiếc ghế cô gái vừa ngồi, bên bàn ăn. "Cô có cảm giác như chúng mình lại đang ở thư viện," bà nói.

"Đúng thế," tôi tán thưởng. "Chỉ khác cái là không có cà phê và không có Oshima."

"Và không thấy một cuốn sách nào," bà nói.

Tôi pha hai tách trà thảo mộc và mang ra bàn, ngồi đối diện bà.

Chim líu lo bênngoài cửa sổ mở rộng. Con ong vẫn đang ngủ trên ô kính.

Miss Saeki là người đầu tiên lên tiếng. "Cô muốn cháu biết cô đến đây không dễ dàng gì. Nhưng cô cần gặp cháu và nói chuyện với cháu."

Tôi gật đầu. "Cháu rất vui thấy cô đến."

Nụ cười quen thuộc của bà thấp thoáng trên môi. "Có một điều cô muốn nói với cháu." Nụ cười của bà gần giống với nụ cười của cô gái nhưng có chiều sâu hơn, một nét khác biệt nhỏ khiến tôi xúc động.

Bà ấp cả hai tay quanh tách trà. Tôi nhìn đôi hoa tai ngọc trai nhỏ xíu của bà. Còn bà thì ngẫm nghĩ, lần này lâu hơn mọi khi.

"Cô đã đốt hết những hồi ức của mình," bà nói, chậm rãi chọn từng chữ. "Chúng đã bốc thành khói và biến mất trong thinh không. Cho nên chẳng bao lâu nữa, cô sẽ quên hết. Quên mọi thứ - kể cả thời gian cô ở bên cháu. Vì thế cô muốn gặp và nói chuyện với cháu trong thời hạn sớm nhất có thể. Trong khi cô hãy còn nhớ."

Tôi vươn cổ nhìn con ong đậu trên cửa sổ, cái bóng nhỏ xíu của nó chỉ là một chấm đen trên thành cửa.

"Điều quan trọng nhất," bà nói nhỏ nhẹ, "là cháu phải ra khỏi đây. Đi thật nhanh, hết sức của cháu. Rời khỏi đây, xuyên qua khu rừng và trở về với cuộc đời cháu đã bỏ lại. Cửa vào sắp đóng lại. Hãy hứa với cô là cháu sẽ làm thế."

Tôi lắc đầu. "Miss Saeki, có điều này cô không hiểu, cháu không có thế giới nào để trở về. Cả đời, chẳng có ai thực sự yêu cháu hoặc cần đến cháu. Cháu chẳng biết ai có thể trông cậy được ngoài bả thân mình. Đối với cháu, cái cụm từ 'cuộc đời cháu đã bỏ lại' là vô nghĩa."

"Nhưng cháu vẫn phải trở về."

"Ngay cả nếu không có gì chờ cháu ở đó? Ngay cả nếu chẳng ai quan tâm đến sự hiện diện của cháu ư?"

"Đó không phải là lý do," bà nói. "Đó là điều cô muốn. Cô muốn cháu ở đó."

"Nhưng cô có ở đấy đâu?"

Bà nhìn xuống hai bàn tay nắm chặt tách trà. "Phải, cô không còn ở đấy nữa."

"Cô cần gì ở cháu nếu như cháu trở lại đó?"

"Chỉ một điều thôi," bà nói, ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vào mắt tôi. "Cô muốn cháu nhớ đến cô. Nếu có cháu nhớ cô, thì dù mọi người khác đều quên, cô cũng bất cần."

Im lặng trùm lên chúng tôi một lúc. Một im lặng sâu thẳm.

Một câu hỏi dâng lên trong tôi, một câu hỏi lớn đến nỗi nó làm cổ họng tôi nghẹn ắng, khiến tôi gần như không thở được. Cuối cùng, bằng cách nào đó, tôi kìm lại được, nuốt ực xuống và chọn một câu hỏi khác. "Việc tưởng nhớ quan trọng đến thế ư?"

"Cũng tùy," bà đáp và khẽ nhắm mắt lại. "Trong một số trường hợp, đó là điều quan trọng nhất."

"Thế mà cô lại đốt hết hồi ức của mình."

"Cô không cần đến nó nữa," Miss Saeki đặt hai tay úp sấp trên bàn, như cách cô gái hôm đầu. "Kafka, cô xin cháu một điều. Cô muốn cháu mang bức tranh ấy đi."

"Cô muốn nói bức tranh trong phòng cháu ở thư viện? Bức tranh vẽ biển?"

"Phải," Miss Saeki gật đầu, "bức *Kafka bên bờ biển*. Cô muốn cháu mang nó đi. Mang đi đâu, cô không cần biết. Đến bất kỳ nơi nào cháu đến."

"Nhưng nó thuộc sở hữu của ai không?"

Bà lắc đầu. "Nó là của cô. Người ấy đã tặng cô trước khi đi học đại học ở Tokyo. Từ đó, nó luôn ở bên cô. Sống ở đâu, cô cũng treo nó lên tường trong phòng cô. Khi cô bắt đầu làm việc ở thư viện Komura, cô trả nó về căn phòng ấy, nơi nó được treo đầu tiên, nhưng chỉ là tạm thời thôi. Cô để lại cho Oshima một bức thư, dặn rằng cô muốn cháu giữ bức tranh đó. Xét cho cùng, về căn nguyên, bức tranh đó là của cháu."

"Của cháu?"

Bà gật đầu. "Cháu ở trong đó mà. Và cô cũng ở đó, đang nhìn cháu. Bên bờ biển, đã lâu lắm rồi. Gió thổi, những đám mây trắng bồng bềnh và mãi mãi là mùa hè."

Tôi nhắm mắt lại. Tôi đang ở trên bãi biển và đó là mùa hè. Tôi nằm dài trên một chiếc ghế bố. Tôi có thể cảm thấy lớp vải thô nhám của nó trên làn da. Tôi hít thật sâu mùi biển và thủy triều. Ngay cả nhắm mắt, tôi vẫn cảm thấy chói nắng. Tôi có thể nghe thấy tiếng sóng vỗ bờ. Tiếng sóng lúc lùi xa, lúc tiến lại gần, như thể thời gian làm nó lắc qua lắc lại. Gần đấy, có người đang vẽ tôi. Và ngồi cạnh anh ta, một cô gái mặc chiếc áo váy ngắn tay màu xanh nhạt đang nhìn về phía tôi. Cô đội một chiếc mũ rơm tết nơ trắng trên mái tóc duỗi thẳng, và vốc cát cho chảy qua kẽ ngón tay. Những ngón tay thon dài: những ngón tay của người chơi dương cầm. Đôi cánh tay mịn màng ánh lên trong nắng. Một nụ cười rất tự nhiên thấp thoáng trên môi cô. Tôi yêu cô. Và yêu tôi.

Đó là ký ức.

"Cô muốn cháu giữ bức tranh đó mãi mãi," Miss Saeki đứng dậy đến bên cửa sổ, nhìn ra ngoài. Mặt trời vẫn còn cao trên bầu trời.

Con ong vẫn ngủ. Miss Saeki đưa ngón tay lên che cho đỡ chói mắt và nhìn một cái gì đó ở xa tít, rồi quay lại đối mặt tôi. "Cháu phải đi thôi," bànói.

Tôi đến bên bà. Tai bà cọ vào cổ tôi và tôi cảm thấy chiếc hoa tai cưng cứng trên làn da. Tôi áp cả hai lòng bàn tay vào lưng bà như thể cố giải mã một tín hiệu trên đó. Tóc bà chạm nhẹ vào má tôi. Bà ghì chặt tôi, những ngón tay bấm mạnh vào lưng tôi. Những ngón tay níu riết lấy bức-tường-thời-gian. Mùi biển, tiếng sóng xô bờ. Có ai gọi tên tôi từ xa, rất xa.

"Cô có phải là mẹ cháu không?" cuối cùng, tôi cũng đủ sức để thốt ra câu hỏi đó.

"Cháu đã biết câu trả lời rồi đấy," Miss Saeki nói.

Bà nói đúng, tôi đã biết câu trả lời. Nhưng cả hai chúng tôi không ai diễn đạt nó thành lời. Làm thế sẽ tiêu tan hết ý nghĩa của nó.

"Lâu lắm rồi, cô đã bỏ mặc một người mà lẽ ra cô không nên bỏ. Một người mà cô yêu hơn bất kỳ cái gì khác trên đời. Cô sợ rằng một ngày nào đó, cô sẽ mất người đó. Cho nên cô phải chủ động. Nếu như số phận muốn rằng cô phải mất người đó bằng cách này hay cách khác, thì cô quyết định là thà tự mình chủ động bỏ còn hơn. Dĩ nhiên, cô cảm thấy giận dữ, một nỗi giận dữ không bao giờ nguôi. Nhưng đó là một sai lầm lớn. Lẽ ra cô tuyệt đối không nên bỏ người ấy."

Tôi lặng thinh nghe.

"Con đã bị gạt bỏ bởi cái người duy nhất không bao giờ nên làm điều đó," Miss Saeki nói. "Kafka... con có tha thứ cho ta không?"

"Con có quyền tha thứ không?"

Bà nhìn vai tôi và gật đầu liền mấy cái. "Chừng nào nỗi giận dữ và sợ hãi không ngăn con."

"Miss Saeki, nếu con thực sự có quyền tha thứ, thì... vâng, con tha thứ cho cô," tôi nói.

Mẹ ơi, mày nói, con tha thứ cho mẹ. Và với những lời đó thốt lên thành tiếng, cái phần băng giá trong tim mày sụp đổ.

Bà lặng lẽ buông tôi ra. Bà tháo chiếc cặp tóc ra và không một giây lưỡng lự, đâm mạnh đầu nhọn vào lòng cổ tay trái mình. Tay phải bà ấn chặt nó xuống một mạch ven và máu bắt đầu ứa ra. Giọt đầu tiên giỏ đánh độp xuống sàn nhà. Không một lời, bà giơ cánh tay về phía tôi. Một giọt máu nữa rơi xuống sàn.

Tôi cúi xuống và đặt môi lên vết thương nhỏ, thè lưỡi liếm máu bà, nhắm mắt lại thưởng thức vị của nó. Tôi ngậm chút máu trong miệng và từ từ nuốt. Máu bà chảy sâu và họng tôi. Mặt ngoài khô nứt của tim tôi lặng lẽ hút kiệt nó. Chỉ đến lúc đó tôi mới hiểu mình cần

thứ máu ấy đến mức nào. Tâm trí tôi ở tận đâu đâu, nhưng thân xác tôi thì hãy còn ở ngay *đây* - y như một linh hồn sống vậy. Tôi cảm thấy muốn hút cạn đến giọt máu cuối cùng của bà, nhưng không thể được. Tôi nhấc môi khỏi cánh tay bà và nhìn dõi vào mặt bà.

"Vĩnh biệt Kafka Tamura," Miss Saeki nói. "Hãy quay về nơi chốn của con và hãy sống."

"Miss Saeki?" tôi hỏi.

"Gì vậy?"

"Sống có ý nghĩa gì? Quả thật con không hiểu."

Bà buông tôi ra và nhìn tôi. Đặt một ngón tay lên môi tôi. "Hãy ngắm bức tranh," bà bình thản. "Hãy tiếp tục nhìn ngắm bức tranh. Như ta đã làm thế."

Và bà đi. Bà mở cửa ra, không ngoái lại, bước ra ngoài và đóng cửa lại. Tôi đứng ở cửa sổ nhìn theo. Bà nhanh chóng biến mất trong bóng đổ của một ngôi nhà. Tay đặt trên bậu cửa sổ, tôi dõi mắt thật lâu vào chỗ nhà biến mất. Có thể bà còn quên chưa nói một điều gì đó và sẽ quay lại chăng. Nhưng không có chuyện ấy. Tất cả chỉ còn lại một thiếu vắng, giống như một khoảng trống.

Con ong đã thức dậy và vo ve quanh tôi một lúc. Rồi như tôi chợt nhớ ra mình phải làm gì, nó bay vù vù qua cửa sổ ra ngoài. Nắng vẫn rọi xuống. Tôi trở lại bàn, ngồi xuống. Tách trà bà uống dở còn đó. Tôi để nó ở nguyên chỗ, không đụng đến. Cái tách tựa như một ẩn dụ. Một ẩn dụ về ký ức chẳng bao lâu sẽ mất đi.

Tôi cởi chiếc sơ mi và mặc lại chiếc áo phông thấm mồ hôi hôi rình. Tôi đeo chiếc đồng hồ chết vào cổ tay trái. Rồi tôi đội chiếc mũ Oshima cho, lộn đằng trước ra sau, và đeo cặp kính râm mắt xanh da trời vào. Cuối cùng, tôi mặc chiếc áo sơ mi dài tay ra ngoài. Tôi vào bếp, vặn vòi nước uống một cốc, rồi bỏ cốc không vào bồn rửa và nhìn quanh phòng một lần cuối. Nhìn cái bàn ăn và những chiếc ghế. Nhìn chiếc ghế cô gái và Miss Saeki đã ngồi. Tách trà trên bàn. Tôi nhắm mắt lại và hít một hơi thật sâu. *Con đã biết câu trả lời rồi đấy.*

Tôi mở cửa, ra ngoài và đóng cửa lại. Bước xuống các bậc thềm, bóng đổ rõ nét trên mặt đất, như thể nó bám riết lấy chân tôi. Mặt trời vẫn còn cao vòi vọi.

Ở chỗ cửa rừng, hai người lính đang tựa vào một thân cây như thể họ vẫn đang chờ tôi. Trông thấy tôi, họ không hỏi một câu. Tựa hồ họ đã biết tôi đang nghĩ gì. Rồi họ khoác súng lên vai.

Người lính cao đang nhai một cọng cỏ.

"Cửa rừng vẫn còn mở," anh nói. "Ít nhất là cách đây một phút, khi anh kiểm tra thì nó vẫn mở."

"Chú em không phiền nếu các anh đây vẫn giữ nhịp đi như trước

chứ?" anh to con hỏi. "Chú em theo được chứ?"

"Không vấn đề. Em theo kịp được."

"Nhưng nếu ta đến đó mà cửa đóng rồi thì thành vấn đề đấy," anh cao bổ sung.

"Thế thì chú em sẽ bị kẹt ở đây đấy," anh to con nói thêm.

"Em biết," tôi nói.

"Rời khỏi đây, chú em không tiếc à?" anh cao hỏi.

"Không hề."

"Vậy thì ta đi thôi."

"Tốt nhất là đừng nhìn lại đằng sau," anh to con nói.

"Phải, đó là một ý hay," anh cao bình luận.

Và một lần nữa, tôi lại đi xuyên rừng.

Một lần, khi đang leo một con dốc, tôi có ngoái nhìn lại. Mặc dù hai anh đã cảnh báo, tôi vẫn không đừng được. Đây là điểm cuối cùng từ đó có thể nhìn thấy thị trấn. Đi quá nữa, nó sẽ khuất hẳn sau một bức tường cây cao và cái thế giới ấy sẽ biến mất vĩnh viễn khỏi tầm mắt tôi.

Phố xá vẫn tịnh không một bóng người. Một dòng suối đẹp chảy qua thung lũng, những ngôi nhà nhỏ hai bên đường, những cột điện đổ bóng dài trên mặt đất. Trong một lúc, tôi sững ra tại chỗ. Tôi phải quay lại, bất kể là thế nào. Ít nhất tôi cũng có thể ở đến chiều, khi cô gái với cái túi vải đến thăm tôi. *Hễ anh cần là em sẽ đến ngay*. Có một cục gì đó nóng rát và một thứ nam châm cực mạnh hút tôi trở lại về phía đó. Chân tôi như bị đổ chì, không nhúc nhích được. Nếu tôi đi, tôi sẽ không bao giờ gặp lại cô. Tôi dừng lại. Tôi mất hết ý thức về thời gian. Tôi muốn kêu to với hai anh lính đi phía trước: *Em không về nữa đâu, em ở lại*. Nhưng không một tiếng nào được thốt ra. Lời chữ mất hết sức sống rồi.

Tôi bị kẹt giữa hai khoảng trống. Tôi không biết thế nào là phải, thế nào là quấy. Tôi cũng không biết mình muốn gì nữa. Tôi đang đứng trơ trọi giữa một cơn bão cát khủng khiếp. Tôi không cử động được, thậm chí không nhìn thấy đầu ngón tay mình nữa. Cát trắng như xương nghiền thành bột siết chặt quanh tôi. Nhưng tôi nghe thấy Miss Saeki nói với tôi bằng một giọng cương quyết: "Bất kể thế nào, con cũng phải trở về. Ta muốn thế. Muốn con phải ở đó."

Ma thuật bị phá vỡ và tôi định thần lại. Máu nóng trở lại cơ thể tôi. Máu bà truyền cho tôi, những giọt máu cuối cùng còn lại nơi bà. Phút sau, tôi quay mặt về phía trước và đi theo hai anh lính. Tôi rẽ ngoặt một góc đường và cái thế giới nhỏ bé dưới thung kia biến mất, tan vào cõi mộng. Giờ tôi chỉ tập trung vào việc đi qua rừng mà không bị lạc. Không chệch khỏi con đường mòn. Đó là điều quan

trọng tôi phải làm.

Cửa rừng vẫn còn mở. Hãy còn thì giờ cho đến tối. Tôi cảm ơn hai anh lính. Họ đặt súng xuống và, như hôm trước, lại ngồi lên tảng đá lớn bằng phẳng. Anh cao vẫn đang nhấm nháp một cọng cỏ. Họ không hề thở dốc sau cuốc xuyên rừng với tốc độ đứt hơi.

"Đừng quên điều anh nói với chú em về lưỡi lê đấy," anh cao nói. "Khi chú em đâm lê vào kẻ địch, chú em phải vừa xoáy vừa rạch cho nát ruột nó ra. Nếu không, nó sẽ làm thế với chú em. Cái thế giới ngoài ấy nó là thế."

"Nhưng không phải chỉ có vậy," anh to con nói.

"Tất nhiên," anh cao đáp và hắng giọng. "Đấy là mình nói về cái mặt tối của sự vật thôi."

"Cũng thật khó để phân biệt cái đúng với cái sai," anh to con nói.

"Nhưng đó lại chính là điều ta phải làm," anh cao nói.

"Có lẽ thế," anh to con nói.

"Còn một điều nữa," anh cao nói. "Một khi chú em rời khỏi đây, chớ có ngoái nhìn lại chừng nào chú em chưa tới đích. Không một lần nào, chú em hiểu không?"

"Cái đó quan trọng đấy," anh to con nhấn thêm.

"Ban nãy, không hiểu sao chú em thoát được," anh cao nói, "nhưng lần này thì nghiêm trọng đấy. Chưa tới nơi định đến, thì *đừng bao giờ* ngoái nhìn lại."

"Đừng bao giờ," anh to con nói.

"Em hiểu," tôi nói với hai anh.

Tôi cảm ơn họ một lần nữa và chào tạm biệt.

Hai anh đứng nghiêm chào kiểu nhà binh. Tôi biết sẽ không bao giờ gặp lại họ nữa. Họ cũng biết thế. Và đôi bên đều biết thế, chúng tôi vĩnh biệt nhau.

Tôi không nhớ rõ lắm là sau khi chia tay với hai anh lính, tôi đã làm thế nào để về được tới căn nhà gỗ của Oshima. Chắc là trong khi băng qua rừng rậm, tâm trí tôi để tận đâu đâu. Kỳ lạ thay, tôi lại không bị lạc. Tôi nhớ mang máng là đã thấy chiếc ba lô nhỏ bị vứt đi hôm rồi và đã nhặt nó lên như cái máy. Với chiếc la bàn, chiếc rìu nhỏ, chiếc bình xịt sơn cũng thế. Tôi cũng nhớ lúc thấy lại những dấu sơn vàng đã xịt trên các thân cây như những cái vẩy do một con bướm đêm khổng lồ để lại.

Tôi đứng trong khoảng phát quang trước căn nhà gỗ và nhìn lên trời. Thế giới quanh tôi bỗng tràn đầy những âm thanh tưng bừng: tiếng chim ríu rít, tiếng suối róc rách, tiếng gió rung lá xào xạc. Tất thảy đều nhỏ nhẹ, nhưng, với tôi, dường như thể những cái nút bịt chặt lỗ tai vừa được mở bung ra và tất thảy đều vang lên gần kề, sinh động và ấm áp xiết bao. Tất cả quyện lẫn với nhau, tuy nhiên,

tôi vẫn phân biệt được từng âm thanh riêng lẻ. nhìn xuống chiếc đồng hồ đeo ở cổ tay: nó lại chạy rồi. Những con số nhấp nháy trên màn hình bé xíu, mỗi phút lại thay đổi, như không có chuyện gì xảy ra vậy. Lúc này là 4 giờ 16 phút.

Tôi vào nhà và cứ để nguyên quần áo nằm trên giường. Kiệt lực. Tôi nằm ngửa và nhắm mắt lại. Một con ong đậu trên cửa sổ. Cánh tay cô gái ánh lên dưới nắng như sứ. "Đó chỉ là thí dụ thôi," cô nói.

"Hãy nhìn ngắm bức tranh," Miss Saeki nói. "Như cô đã từng làm thế.

Những hạt-cát-thời-gian trắng xóa chuội qua giữa những ngón tay thon dài của cô gái. Sóng nhẹ nhàng xô bờ, trào lên, rớt xuống rồi vỡ ra. Trào lên, rớt xuống rồi vỡ ra. Và ý thức của tôi bị hút vào một hành lang tối om.

"Lạ chưa kìa!" Hoshino nhắc lại.

"Có gì là lạ, cậu Hoshino," con mèo đen mặt to, coi bộ khá già, uể oải nói. "Tôi chắc cậu buồn chán vì cứ thui thủi một mình, suốt ngày nói chuyện với phiến đá."

"Nhưng làm sao đằng ấy nói được tiếng người?"

"Tôi đâu có nói tiếng người."

"Tớ không hiểu đấy. Làm sao chúng ta có thể thực hiện một cuộc trò chuyện như thế này? Giữa một con người và một con mèo?"

"Chúng ta đang ở trên đường biên của thế giới này, nói một ngôn ngữ chung. Có thế thôi."

Hoshino ngẫm nghĩ một lúc. "Đường biên của thế giới? Một ngôn ngữ chung?"

"Cậu không hiểu cũng chả sao. Tôi có thể giải thích, nhưng dài dòng lắm," Mèo Đen vẫy đuôi mấy cái ngắn gọn ra ý cho qua.

"Khoan đã," Hoshino nói. "Đằng ấy là Đại tá Sanders phải không?"

"Đại tá gì?" Mèo Đen sưng sỉa nói. "Tôi chả biết cậu nói đến ai. Tôi là tôi, chứ chẳng phải là ai khác. Chỉ là lão mèo hàng xóm với cậu thôi."

"Đằng ấy có tên không?"

"Hẳn nhiên là có."

"Là gì?"

"Toro," Mèo Đen đáp, hơi ngần ngừ.

"Toro?" Hoshino nhắc lại. "Một trong những món sushi?"

"Chính xác," Toro đáp. "Ông chủ tôi là đầu bếp chuyên về sushi. Ông ấy có cả một con chó. Tên nó là Tekka - một món sushi khác."

"Làm sao đằng ấy biết tên tớ?"

"Cậu nổi tiếng quá mà, cậu Hoshino," Toro mỉm cười đáp.

Trước đây, Hoshino chưa bao giờ thấy một con mèo mỉm cười. Tuy nhiên, nụ cười nhanh chóng tắt và Toro trở về với vẻ thản nhiên quen thuộc của nó.

"Giống mèo chúng tôi biết mọi chuyện," Toro nói. "Tôi biết hôm qua, ông Nakata đã chết và ở trong kia, có một phiến đá có giá trị. Tôi đã sống rất lâu và biết mọi chuyện xảy ra quanh đây."

"Chà," Hoshino lẩm bẩm, thán phục. "Này, thay vì hứng gió ngoài này, tại sao đằng ấy không vào đây chơi một tí, Toro?"

Vẫn nằm trên lan can, mèo ta lắc đầu. "Không, tôi thích ở đây.

Vào trong đó, tôi không thoải mái. Với lại, trời đẹp thế này, tại sao ta không ở ngoài mà trò chuyện?"

"Thế cũng được," Hoshino nói. "Này, đằng ấy có đói không? Tớ dám chắc là chúng mình có cái ăn đấy."

Một lần nữa, Toro lại lắc đầu. "Cám ơn, ăn thì tôi rất sẵn sàng, nhưng tôi đang phải cố giảm cân. Ông chủ của tôi có một nhà hàng sushi, nên tôi hơi bị nhiều cholesterol. Nặng cân quá, nhảy lên nhảy xuống chả dễ dàng gì."

"Thôi được, Toro, nói tớ nghe, có lý do gì khiến đằng ấy ở đây không?"

"Có," Mèo Đen nói. "Tôi chắc một mình cậu xoay xở với phiến đá thì hơi vất vả."

"Đằng ấy nói trúng phóc quá. Rõ là tớ đang bí."

"Tôi nghĩ mình có thể giúp cậu một tay."

"Thế thì tuyệt," Hoshino nói. "Đằng ấy sẵn sàng giúp tớ một *chân* chứ?"

"Vấn đề là ở cái phiến đá ấy," Toro nói và lắc đầu để xua một con ruồi vo ve bên tai. "Một khi trả phiến đá về đúng chỗ, là cậu xong nhiệm vụ. Sau đó, cậu muốn đi đâu thì đi. Tôi hiểu thế có đúng không?"

"Phải, đằng ấy hiểu đúng rồi. Một khi tớ đóng được phiến đá là hoàn tất chuyện. Nói như ông Nakata, khi anh đã mở một cái gì thì anh phải đóng nó lại. Đó là quy tắc."

"Vì vậy tôi nghĩ tôi có thể mách cho cậu phải làm gì."

"Đằng ấy biết tớ phải làm gì à?" Hoshino phấn khích hỏi.

"Dĩ nhiên," mèo ta nói. "Tôi đã bảo cậu là giống mèo chúng tôi biết tuốt mà. Đâu có như bọn chó."

"Vậy tớ phải làm gì?"

"Cậu phải giết nó đi," Toro nói gọn lỏn.

"Giết nó?" Hoshino hỏi lại.

"Đúng. Cậu phải giết nó."

"Nó là ai?"

"Cậu sẽ biết khi cậu trông thấy nó," Mèo Đen giải thích. "Chừng nào cậu chưa thực mắt thấy nó thì cậu còn chưa hiểu tôi muốn nói gì đâu. Bởi vì nó không có hình thù nhất định. Nó thay đổi hình dạng tùy theo tình thế."

"Đó có phải là một người không?"

"Không, không phải người. Chắc chắn thế."

"Vậy trông nó như thế nào?"

"Cậu phải cố mà hiểu chứ," Toro nói. "Tôi chẳng đã giải thích cho cậu rồi sao? Rằng cậu sẽ biết khi cậu trông thấy nó và nếu chưa thấy thì chưa biết? Có gì đâu mà cậu không hiểu?"

Hoshino thở dài. "Vậy bản chất đích thực của *cái ấy* là gì?"

"Cậu không cần phải biết điều đó," Toro nói. "Rất khó giải thích. Hay có lẽ tôi nên nói, cậu không biết thì tốt hơn. Dù sao đi nữa, lúc này đây nó đang chờ thời cơ. Nấp ở một xó tối nào đó, nín thở, quan sát và chờ đợi. Nhưng nó sẽ không chờ vô thời hạn đâu. Sớm hay muộn nó sẽ hành động. Tôi đồ rằng có thể chính hôm nay. Và chắc chắn nó sẽ qua trước mặt cậu. Đó là khoảnh khắc thích hợp."

"*Thích hợp?*"

"Một cơ may ngàn năm có một," Mèo Đen nói. "Cậu chỉ việc chờ và giết nó. Thế là xong chuyện. Rồi cậu tha hồ muốn đi đâu thì đi."

"Như thế có phạm pháp không?"

"Tôi là mèo, chẳng biết gì về luật pháp," Toro nói. "Tuy nhiên, vì nó không phải là người, nên tôi không tin là việc này dính dáng đến pháp luật. Dù sao đi nữa, cũng phải giết nó. Cả đến một con mèo như tôi cũng thấy rõ điều đó."

"Ô-kê, cứ cho là tớ muốn giết nó, nhưng giết như thế nào? Tớ chẳng biết nó to ngần nào hay hình dáng nó ra sao. Thật khó mà lập kế hoạch mưu sát khi không biết những dữ kiện cơ bản về nạn nhân của mình."

"Cái đó tùy cậu. Lấy búa đập. Đâm bằng dao. Bóp cổ. Thiêu sống. Cắn chết. Bất cứ cách nào cậu thấy hiệu quả, nhưng điều chủ yếu là cậu *phải giết nó*. Tiêu diệt nó một cách cực kỳ bạo liệt. Cậu đã từng ở Lực lượng Tự vệ phải không? Đã học bắn súng, đâm lê bằng tiền đóng thuế của nhân dân? Cậu đã là một người lính, vậy hãy dùng cái đầu của cậu mà nghĩ ra cách tốt nhất để giết nó."

"Những điều tớ học trong LLTV là những gì phải làm trong chiến tranh," Hoshino phản đối một cách yếu ớt. "Họ không huấn luyện tớ phục kích và giết một cái gì đó mà cả kích thước lẫn hình thù tớ đều không biết."

"Nó sẽ tìm cách đột nhập qua cửa vào," Toro nói tiếp, không đếm xỉa đến những lời phản đối của Hoshino. "Nhưng bất kể thế nào, cậu cũng không được để nó vào. Cậu phải đảm bảo giết chết nó trước khi nó lọt vào được bên trong cửa vào. Hiểu chưa? Cậu để nó tuột khỏi tay là đi đứt đấy."

"Cơ hội ngàn năm có một."

"Chính xác," Toro nói. "Mặc dù đó chỉ là một mỹ từ pháp."

"Nhưng *cái ấy* có nguy hiểm lắm không?" Hoshino rụt rè hỏi. "Liệu nó có thể phản đòn tớ không?"

"*Có l*ẽ nó không nguy hiểm đến thế khi nó đang di chuyển," Toro nói. "Tuy nhiên khi nó dừng lại, thì hãy coi chừng. Lúc đó mới nguy hiểm. Cho nên khi nó chuyển động, đừng để nó thoát. Đó là lúc cậu cần phải ra tay kết liễu nó."

"Có lẽ thôi ư?" Hoshino nói.

Mèo Đen không trả lời. Nó him mắt, vươn mình trên thành lan can và từ từ đứng dậy.

"Tôi sẽ gặp lại cậu, cậu Hoshino. Nhớ là phải giết nó. Nếu cậu không làm thế, ông Nakata sẽ không bao giờ yên nghỉ. Cậu yêu quý ông già chứ?"

"Phải. Ông ấy là người tốt."

"Vậy thì cậu phải giết nó. Thanh toán nó một cách cực kỳ bạo liệt, như tôi đã nói. Ông Nakata ắt muốn cậu làm thế. Vậy hãy làm điều đó vì ông. Bây giờ cậu đã kế thừa vai trò của ông. Trước nay, cậu luôn luôn sống vô tư lự, không gánh trách nhiệm với ai, phải không? Bây giờ là cơ hội để cậu bù đắp lại. Đừng bỏ lỡ, nghe không? Tôi sẽ hết lòng ủng hộ cậu."

"Nghe mà nức lòng," Hoshino nói. "À mà này... tớ vừa nghĩ ra một điều."

"Điều gì?"

"Có khi phiến đá cửa vào vẫn mở là để nhử nó chăng?"

"Có thể thế," Toro nói, không tự tin lắm. "Một điều nữa: nó chỉ di chuyển vào những giờ rất khuya. Vậy cậu nên ngủ vào ban ngày để đảm bảo ban đêm đừng có ngủ quên mà để nó thoát."

Con mèo đen lẹ làng nhảy lên mái nhà bên cạnh, rướn thẳng đuôi và đi khỏi. Thân hình béo bự như thế mà nó đi nhanh thoăn thoắt. Từ hiên nhà, Hoshino nhìn theo đến lúc nó đi khuất. Toro không ngoái lại lấy một lần.

"Chà!" Hoshino nói rồi trở vào bếp, ngó quanh xem có gì khả dĩ dùng làm vũ khí. Gã tìm thấy một con dao bếp cực sắc cộng thêm một con dao khác nặng hơn, hình dáng như một chiếc rìu nhỏ. Căn bếp chỉ được trang bị một bộ nồi xoong thô sơ, nhưng lại có cả một bộ sưu tập dao phong phú. Thêm vào đó, gã chọn một cái búa to và một đoạn thừng nilông. Một chiếc cuốc phá băng hoàn tất "kho vũ khí" của gã.

Giá có một cây súng tự động nữa thì tuyệt, gã nghĩ trong khi tiếp tục lục lọi trong bếp. Hồi ở LLTV, gã được huấn luyện bắn súng tự động và từng là một xạ thủ khá. Không phải là gã hy vọng tìm thấy một cây súng đâu đó trong một cái tủ ly. Với lại, nếu có tiếng súng tự động trong một khu nhà ở yên tĩnh như thế này, ắt sẽ phải trả giá đắt.

Gã bày tất cả vũ khí của mình lên bàn trong phòng khách: hai con dao, chiếc cuốc chim, cái búa và đoạn dây thừng. Gã đặt cạnh đó một chiếc đèn pin, rồi ngồi xuống bên phiến đá và bắt đầu xoa.

"Ôi chao!" Hoshino nói với phiến đá. "Dao búa để đánh nhau với một cái mà thậm chí tớ không biết nó là cái gì! Mà lại do một con mèo đen hàng xóm chỉ đạo nữa! Hợp đồng kiểu quái gì thế này?"

Dĩ nhiên, phiến đá không bình luận.

"Toro nói *có lẽ* nó không nguy hiểm. *Có lẽ?* Nhưng ngộ nhỡ một cái gì từ Công viên Khủng long xuất hiện thì sao? Khi ấy, tớ phải làm gì, hở? Tớ đến toi mất."

Không thấy trả lời.

Hoshino nắm lấy chiếc búa, khoa lên mấy lần.

"Nghĩ cho cùng, tất cả là do số mệnh hết. Từ lúc tớ cho ông Nakata quá giang ở chặng nghỉ đến giờ, xem ra số mệnh đã định đoạt mọi sự. Kẻ duy nhất mù mờ không biết chính là *tớ*. Số mệnh là một điều thật kỳ lạ phải không? Cậu nghĩ thế nào về nó?"

Vẫn là một im lặng đá.

"Chậc, biết làm thế nào, phải không? Tớ là kẻ đã chọn con đường này, vậy tớ phải theo nó đến cùng. Khó mà tưởng tượng ra cái vật gớm ghiếc gì sẽ xuất hiện đêm nay, nhưng tớ bất chấp. Phải chiến đấu hết mình để diệt nó. Đời người ngắn ngủi và tớ đã có những ngày vui thú. Toro nói đây là cơ hội ngàn năm có một. Có lẽ ra đi trong vinh quang cũng không phải là điều tồi tệ. Chẳng gì cũng một lần thắng vì ông già Nakata thân yêu."

Hoshino làm theo lời Mèo Đen và ngủ một giấc trên chiếc sofa để chuẩn bị cho đêm nay. Tuân thủ chỉ thị của một con mèo như thế này kể cũng kỳ lạ, nhưng vừa nằm xuống, gã đã đánh một giấc ngon lành khoảng một tiếng đồng hồ. Chiều, trở dậy, gã vào bếp, hâm món càri tôm cho hết đông lạnh và ăn với cơm. Sẩm tối, gã ngồi xuống cạnh phiến đá, dao và búa trong tay.

Gã tắt hết đèn trừ một ngọn nhỏ đầu giường. Gã tính như vậy là tốt nhất. Nó chỉ di chuyển vào ban đêm, gã nghĩ, cho nên mình cứ để càng tối càng tốt. "Tao cũng muốn kết thúc sớm chuyện này, vậy nếu mày có ở ngoài ấy thì hãy chiềng mặt ra! Ta hãy dứt điểm đi, Ô-kê?" Một khi giải quyết xong ở đây, mình sẽ về thẳng căn hộ ở Nagoya, gọi một *em* tới hú hí."

Gã không nói chuyện với phiến đá nữa. Chỉ lặng lẽ đợi, chốc chốc lại đưa mắt nhìn đồng hồ treo tường. Lúc nào chán quá thì khoa dao khoa búa lên cho đỡ buồn. Nếu có gì xảy ra, thì chắc là phải vào quãng nửa đêm, gã nghĩ thầm. Nhưng dĩ nhiên cũng có thể sớm hơn và gã muốn đảm bảo chắc chắn không bỏ lỡ cơ hội - cơ hội ngàn năm có một của gã. Bây giờ không phải lúc lơi lỏng. Chốc chốc, gã lại cắn

một miếng bánh quy giòn và nhấp một ngụm nước khoáng.

"Này phiến đá," Hoshino thì thầm. "Đã quá nửa đêm rồi, giờ ma quỷ lên đường. Khoảnh khắc của chân lý. Cậu với tớ hãy phát giác ra điều gì sắp xảy đến nhé, cậu nghĩ sao? (Gã với tay sờ phiến đá. Có thể chỉ do gã tưởng tượng, nhưng mặt đá hình như hơi nóng hơn mọi khi. Gã xoa đi xoa lại, huy động hết can đảm). Tớ muốn cậu cũng ủng hộ tớ, Ô-kê? Tớ cần sự hỗ trợ tinh thần."

Khoảng hơn ba giờ sáng một chút, một tiếng lạo xạo khẽ bắt đầu vẳng ra từ phòng bên, nơi đặt xác Nakata. Tựa như một cái gì đang bò trên chiếu tatami. Nhưng phòng đó trải thảm, làm gì có tatami.

Hoshino ngẩng đầu lên và dỏng tai nghe thật kỹ. Không thể nhầm được, gã nghĩ, một cái gì đó đang diễn ra trong ấy, tuy mình chưa biết đó là gì. Trống ngực gã bắt đầu đánh. Gã giắt cái búa vào thắt lưng, tay phải nắm chắc con dao nhọn, tay trái cầm đèn pin và đứng dậy.

"Đi nào..." gã ra lệnh, không nhằm cụ thể ai.

Gã lặng lẽ trườn đến cửa phòng Nakata và mở ra. Gã bấm đèn pin và rọi nhanh quanh xác chết. Dứt khoát là tiếng lạo xạo phát ra từ chỗ này. Chùm tia sáng chiếu rõ một vật dài trăng trắng đang oằn oại trườn ra từ miệng Nakata. Nó khiến Hoshino nghĩ đến một quả bầu. Cỡ bằng bắp tay đàn ông và mặc dầu không biết nó dài bao nhiêu. Hoshino đoán chừng nó đã ra được một nửa. Thân nó ướt và lầy nhầy. Miệng Nakata bị banh rộng ra như miệng một con rắn, để cho vật đó chui ra, rộng hoác đến độ tưởng chừng hàm lão đã long ra.

Hoshino nuốt khan đánh ực một tiếng. Tay cầm đèn pin hơi run làm ánh sáng chao đảo. Chà, giờ mình phải làm thế nào để giết nó đây? gã tự hỏi. Dường như nó không có chân tay, mắt mũi chi cả. Trơn nhầy thế thì làm sao mà túm chặt được nó. Vậy mình phải làm thế nào để *tiêu diệt* nó? Mà nó là cái loại sinh vật gì mới được chứ?

Phải chăng nó là một thứ ký sinh trùng vẫn ẩn náu bên trong Nakata suốt từ trước đến nay? Hay đó là hồn của ông già? Không, không thể thế được. Trực giác của Hoshino bảo gã rằng cái vật ghê tởm này không thể đã trú ngụ bên trong Nakata được. Đến cả mình, vốn chẳng thông minh gì, cũng biết thế. Chắc chắn nó từ một nơi nào khác đến và chỉ nhằm vào được bên trong cửa vào thông qua ông Nakata thôi. Nó xuất hiện vào thời điểm thích hợp, sử dụng ông Nakata như một thứ hành lang để đạt tới mục đích của nó. Và mình không thể để điều đó xảy ra. Vì vậy mình phải giết nó. Như Toro nói, *tiêu diệt nó một cách cực kỳ bạo liệt.*

Hoshino tiến thẳng đến chỗ Nakata và mau lẹ cắm dao vào chỗ gã đoán là đầu vật đó. Gã rút dao và tiếp tục đâm, đâm tới tấp. Nhưng lưỡi dao dường như không gặp một lực cản nào đáng kể, chỉ thấy nó

ngập thun thút như khi đâm vào một lá rau mềm. Bên dưới lớp ngoài trơn nhẫy, không có thịt cũng chẳng có xương. Không phủ tạng, không óc. Mỗi khi gã rút dao ra, chấy nhầy lại phủ kín vết thương ngay lập tức. Không thấy máu hoặc chất lỏng nào chảy ra. Nó không hề cảm thấy gì, Hoshino nghĩ thầm. Bất chấp sự tấn công ác liệt của Hoshino, vật nó vẫn tiến tục trườn ra khỏi miệng Nakata.

Hoshino vứt dao xuống sàn và trở lại phòng khách lấy con dao hình rìu. Gã bổ liên hồi xuống cái vật lạ trăng trắng ấy, nhưng đúng như gã đã nghĩ, chẳng có gì bên trong - vẫn chỉ là chất nhờn trăng trắng như bên ngoài. Gã chém thêm mấy nhát, cuối cùng chặt đứt một phần của cái đầu, nó quằn quại trên sàn một lúc như con sên, rồi ngừng cựa quậy như thể chết hẳn. Điều đó không ảnh hưởg gì đến phần thân còn lại vẫn tiếp tục chuồi ra. Chất nhầy mau chóng phủ kín vết thương, phình lên thành thử vật đó nom vẫn như trước. Tất cả những diễn biến vừa rồi không hề làm nó chậm lại trong khi uốn mình lách ra khỏi miệng ông già.

Cuối cùng, toàn bộ vật đó đã ra hết, để lộ hình thù trọn ven của nó. Nó dài độ một mét, có một cái đuôi - điều đó khiến cho Hoshino có thể biết chắc đâu là đầu, đâu là đuôi. Đuôi nó giống như đuôi kỳ nhông, ngắn và to bè, chóp đột ngột thuôn nhọn thành một cái chấm. Không chân tay, không mồm, không mắt mũi. Nhưng rành là nó có một ý chí riêng. Không, Hoshino nghĩ, nói cho đúng, tất cả những gì nó có là một ý chí. Gã không cần phải suy luận một cách lô gích, đơn giản là gã biết thế. Khi nó chuyển động, nó hiện nguyên hình như thế này, gã nghĩ. Một ớn lạnh chạy dọc sống lưng gã. Dù thế nào đi nữa, gã kết luận, mình phải giết nó.

Tiếp đó, gã thử dùng búa, nhưng vô hiệu. Đập lõm chỗ nào, chất nhầy và phần thịt quanh đó lại đầy lên liền. Gã mang một cái bàn nhỏ đến và dùng một chân bàn nện nó, nhưng không cách nào làm chậm được bước tiến không nao núng của nó. Như một con rắn vụng về, nó từ từ, đều đặn trườn về phía phòng bên và phiến đá cửa vào.

Nó không giống bất kỳ thứ sinh vật nào mình từng thấy, Hoshino nghĩ. Không một thứ vũ khí nào làm gì được nó. Nó không có tim để ta đâm, không có cổ để ta bóp nghẹt. Vậy mình phải làm thế nào đây? Vật này *hiểm ác*, ta phải ngăn chặn không cho nó vào được bên trong *cửa vào*. Toro đã nói khi nào trong thấy nó, mình sẽ biết, và quả đúng như thế. Mình không thể để cho nó sống được.

Hoshino quay trở lại bếp để tìm xem có gì khác khả dĩ dùng làm vũ khi, nhưng chẳng thấy gì. Đột nhiên, gã nhìn xuống phiến đá dưới chân. Phiến đá cửa vào. Đây rồi! Mình có thể dùng phiến đá để đập nát nó. Trong ánh sáng lờ mờ, phiến đá có một ánh đo đỏ hơn mọi khi. Gã cúi xuống thử nhấc nó lên. Phiến đá lúc này nặng ghê gớm và gã không chuyển dịch được nó lấy một phân. "Tớ hiểu rồi: cậu lại trở

thành phiến đá cửa vào," gã nói. "Vậy nếu tớ đóng cậu lại trước khi vạt ấy đến đây, nó sẽ không thể vào bên trong được."

Hoshino dốc toàn lực, hì hụi cố nhấc phiến đá, nhưng vô hiệu.

"Cậu không hề nhúc nhích," gã nói với phiến đá và hít vào thật mạnh. "Tớ nghĩ cậu còn nặng hơn cả lần trước. Ráng đến rụng cả hòn dái mà không chuyển một tí nào."

Đằng sau gã, tiếng rào rào vẫn tiếp tục. Cái vật trăng trắng vẫn đều đặn tiến mỗi lúc một gần. Gã không còn mấy thì giờ.

"Ráng một lần nữa nào," Hoshino nói. Gã đặt tay lên phiến dá, hít một hơi dài đầy phổi và nín thở. Tập trung toàn bộ năng lượng vào một điểm và đặt cả hai tay vào một cạnh của phiến đá. Nếu lần này mà không được, gã sẽ không có cơ may thứ hai nào nữa. *Nào, Hoshino!* Bây giờ hoặc không bao giờ! Dù chết cũng phải làm bằng được! Dốc hết sức lực có thể huy động được, gã hự một tiếng và bẩy lên. Phiến đá hơi nhích lên. Gã dồn nốt chút năng lượng cuối cùng vào cuộc và cuối cùng - tựa hồ gã phải bóc nó khỏi sàn - nâng được nó lên.

Đầu gã như muốn xỉu và các cơ tay của gã đau như xé. Gã có cảm giác như cặp tinh hoàn đã vỡ nát từ lâu rồi. Tuy nhiên, gã không thể nâng được nó cao hơn nữa. Hoshino nghĩ đến Nakata, ông già đã hy sinh đời mình để mở và đóng phiến đá. Bằng mọi giá, gã phải đi tới cùng, hoàn tất công việc ông để lại. Toro đã bảo gã phải kế thừa nhiệm vụ của ông già. Cơ bắp gã đang gào xin được tiếp máu mới, phổi thì chết thèm không khí để tạo ra máu đó, nhưng gã không thở được. Gã biết mình đã gần kề cái chết, vực thẳm của hư không đã rộng hoác ngay trước mắt gã. Nhưng gã phớt lờ, tổng động viên sức lực thêm một lần cuối và kéo phiến đá về phía mình. Nó dựng lên, ngửa ra rồi uỳnh một cái đổ sầm xuống sàn. Sàn rung lên dưới sức chấn động, cửa kính lanh canh.

Hoshino ngồi bệt đó, miệng há hốc đớp không khí. "Mày làm tốt đấy," một lát sau lấy lại được hơi, gã tự nhủ vậy.

Một khi đã đóng được cửa vào, xử lý với cái vật trăng trắng nọ trở nên đơn giản lạ lùng. Đích đến bị chẹn lối và nó biết thế. Nó ngưng đà tiến về phía trước và bắt đầu bò quanh phòng tìm một chỗ trốn, có lẽ hy vọng trườn trở vào miệng Nakata. Nhưng nó không đủ sức thoát thân. Hoshino đuổi theo và chặt nó ra từng mảnh bằng con dao hình rìu. Gã còn băm những mảnh đã chặt thành những mẩu nhỏ hơn nữa. Những mẩu bé tí này giãy giụa một lúc trên sàn nhưng rồi kiệt sức, nằm im không động đậy. Chúng cuộn chặt mình thành những viên tròn nhỏ và chết, thảm trải sàn lấp loáng chất nhầy của chúng. Hoshino vun tất cả lại bằng một cái hót rác, trút vào một túi đựng rác, lấy dây thắt chặt miệng lại rồi bỏ vào một cái túi to hơn cũng thắt chặt miệng. Cuối cùng, gã bọc tất cả vào một tấm vải đen dày tìm thấy trong phòng chứa đồ.

Hoàn toàn kiệt lực, gã ngồi bệt xuống sàn, hai vai nhô lên thụt xuống theo nhịp thở dốc. Tay gã run lẩy bẩy. Gã muốn nói gì đó nhưng không cất nên lời. "Mày đã làm tốt, Hoshino," một lát sau, gã mới thốt ra được.

Liệu những tiếng động khi mình tấn công cái vật lầy nhầy màu trắng và tiếng phiến đá đổ rầm xuống sàn có làm cho những người cùng chung cư thức giấc không? gã lo lắng tự hỏi. Không chừng có người đang quay số gọi 911 cũng nên. May thay không có gì xảy ra. Không còi xe cảnh sát, không ai đập cửa thình thình. Điều tối kỵ lúc này là thấy cảnh sát xộc tới.

Hoshino biết những mảnh và mẩu của cái vật nhầy trắng gói chặt trong mấy lần nilông và vải không dễ gì mà hồi sinh được. Chẳng còn chỗ nào cho chúng đi, gã nghĩ. Nhưng cứ cẩn thận cho chắc ăn vẫn hơn, thế nên gã quyết định rằng hửng sáng một cái là sẽ mang chúng ra đốt sạch ở bãi biển. Biến chúng thành tro.

Và khi mọi chuyện xong xuôi, gã sẽ trở về Nagoya. Về nhà.

Lúc này đã gần bốn giờ sáng và bên ngoài đã sáng. Đến lúc đi được rồi. Hoshino nhét quần áo vào túi dết, kể cả cặp kính râm và chiếc mũ Chunichi Dragons - giấu nó đi cho an toàn. Để cảnh sát tóm trước khi xong việc thì hỏng bét. Gã mang theo một chai dầu nấu bếp để nhóm lửa. Gã chợt nhớ chiếc CD Tam tấu Archduke và quẳng nó vào túi luôn thể.

Cuối cùng, gã vào phòng nơi thi hài Nakata nằm trên giường. Máy điều hòa nhiệt độ vẫn chạy hết cỡ và căn phòng lạnh cóng.

"Ông Nakata," gã nói, "cháu sắp sửa đi đây, cháu xin lỗi, nhưng cháu không thể ở lại đây mãi được. Ra ga, cháu sẽ gọi cảnh sát để họ đến lo liệu cho thi thể của ông, phần còn lại sẽ để cánh tuần tra giải quyết, được không? Ông cháu ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa, nhưng cháu sẽ không bao giờ quên ông. Thậm chí cháu nghĩ, ngay cả nếu cháu có cố quên ông, cũng không được."

Máy điều hòa nhiệt độ chợt tắt với một tiếng lạch xạch.

"Ông biết không," gã nói tiếp, "trong tương lai, bất cứ khi nào có chuyện gì xảy ra, cháu sẽ luôn luôn tự hỏi: *Ông Nakata sẽ nói gì về chuyện này? Ở địa vị mình, ông Nakata sẽ làm gì?* Cháu sẽ luôn luôn có người mà cháu có thể thỉnh vấn. Và ngẫm ra, đó là một điều lớn lao. Nó như thể một phần của ông vẫn sống bên trong cháu. Đành rằng cháu không phải là cái vỏ bọc tốt nhất ông có thể kiếm được, nhưng còn hơn không, ông nhỉ?"

Nhưng người chịu chuyện của gã lúc này chỉ là cái vỏ ngoài của Nakata. Phần quan trọng nhất của lão, từ lâu, đã bỏ đi đến một nơi khác rồi. Và Hoshino hiểu thế.

"Này anh bạn," gã nói với phiến đá và với tay ra chạm vào bề mặt của nó - lúc này nó đã trở lại là một phiến đá bình thường, mát lạnh

và nham nháp. "Tớ đi đây. Về nhà ở Nagoya. Tớ sẽ phải để các tay cớm săn sóc cậu luôn thể. Tớ biết, lẽ ra tớ phải mang trả cậu về miếu đường vốn là nơi chốn của cậu, nhưng trí nhớ của tớ không được tốt và tớ không còn nhớ đó là tòa miếu nào nữa. Xin cậu thứ lỗi cho. Đừng có nguyền rủa hay vật tớ hé! Tớ chỉ làm theo lời Đại tá Sanders thôi. Vậy nếu cậu định trút rủa nguyền lên đầu ai, thì ông ta mới đúng là đối tượng. Dù sao đi nữa, tớ cũng rất vui sướng được gặp cậu. Tớ cũng sẽ không quên cậu."

Hoshino xỏ chân vào đôi giày Nike đế dày và bước ra khỏi căn hộ, không khóa cửa. Một tay xách túi dết đựng tư trang, tay kia mang cái bọc đựng xác cái vật trắng nhầy. "Chư vị," gã nói, ngước mắt nhìn bình minh đang lên ở đằng đông, "đã đến lúc ta nổi lửa đây!"

Chương 49

Ngay sau chín giờ sáng hôm sau, tôi nghe thấy tiếng xe hơi tới gần và bước ra ngoài. Đó là một chiếc xe tải nhỏ Datsun 4X4, loại bánh lớn, thùng xe kích cao. Có vẻ như ít nhất là nửa năm nó chưa được rửa. Đằng sau xe có một đôi ván lướt sóng dài, đã dùng nhiều. Chiếc xe phanh kít trước căn nhà gỗ. Khi tiếng động cơ cắt, im lặng trở lại. Cửa xe mở và một thanh niên cao lớn bước ra. Anh ta mặc một chiếc áo phông trắng rộng quá khổ, một chiếc sơ mi No Fear lấm lem dầu mỡ, quần soọc kaki, giày thể thao đã cũ mèm. Vai rộng, tạc ba mươi tuổi, da rám nắng, râu ria lởm chởm khoảng ba ngày chưa cạo, tóc dài che kín tai. Tôi đoán đây chắc hẳn là anh trai Oshima, người có cửa hàng bán đồ lướt sóng ở Kochi.

"Xin chào," anh nói.

"Chào buổi sáng," tôi đáp.

Anh chìa tay và chúng tôi bắt tay nhau trên bậc thềm. Cái riết tay chắc khỏe. Tôi đã đoán đúng: đó là anh trai của Oshima.

"Mọi người đều gọi anh là Sada," anh nói. (Anh có cách nói chậm rãi, chọn lựa từng chữ, ra ý "đi đâu mà vội", như thể anh có tất cả thời gian trên đời.) Em anh gọi điện thoại từ Takamatsu nhờ anh đến đón em về," anh giải thích. "Nghe như có việc gì khẩn cấp."

"Việc khẩn cấp?"

"Phải. Nhưng anh không biết là việc gì."

"Xin lỗi đã làm anh phải vất vả thế," tôi nói.

"Khỏi cần xin lỗi," anh nói. "Em có thể sẵn sàng để đi sớm được không?"

"Anh cho em năm phút."

Trong khi tôi nhét đồ lề vào ba lô, anh giúp tôi thu dọn trong nhà, vừa làm vừa huýt sáo. Anh đóng cửa sổ, kéo rèm, kiểm tra cho chắc là van bình ga đã khóa, thu gom thức ăn còn lại, cọ nhanh bồn rửa. Nhìn cách anh làm những động tác ấy, tôi cảm thấy anh coi căn nhà gỗ này như một bộ phận kéo dài của bản thân anh,

"Có vẻ như em trai anh rất thích em," Sada nói. "Nó thuộc loại khó tính, chả thích mấy ai đâu."

"Anh ấy rất ân cần với em."

Sada gật đầu. "Nó có thể rất dễ chịu khi nó muốn."

Tôi ngồi vào ghế cạnh tay lái và vứt chiếc ba lô xuống dưới chân.

Sada bật công tắc xe, vào số, thò đầu ra ngoài cửa xe nhìn soát lại căn nhà gỗ một lần nữa, rồi dận ga. "Căn nhà gỗ này là một trong số

những tài sản ít ỏi mà hai anh em chung với nhau," anh vừa nói vừa khéo léo lái xe xuống con đường núi. "Thỉnh thoảng, khi nào thích, bọn anh vẫn lên đây chơi một mình vài ngày. (Anh nghĩ một lúc về điều vừa ngỏ rồi nói tiếp). Trước đây và hiện nay, nó vẫn luôn luôn là một nơi quan trọng đối với hai anh em anh. Nó như một trạm nạp năng lượng cho bọn anh. Một thứ năng lượng thanh tĩnh. Em hiểu ý anh chứ?"

"Em nghĩ là em hiểu," tôi nói.

"Em trai anh nói là em sẽ hiểu," Sada nói. "Ai đã không hiểu thì sẽ chẳng bao giờ hiểu."

Lớp vải bọc ghế bạc màu đầy lông chó trăng trắng. Mùi chó hòa lẫn với mùi biển, lại thêm mùi xi đánh ván lướt sóng và mùi thuốc lá. Núm bật điều hòa nhiệt độ bị vỡ. Cái gạt tàn đầy đầu mẩu, túi cạnh cửa xe nhét tùm lum những băng cát-xét không có hộp đựng.

"Em đã vào trong rừng vài lần," tôi nói.

"Vào sâu không?"

"Sâu," tôi đáp. "Oshima đã cảnh báo em đừng có vào."

"Nhưng em vẫn cứ vào?"

"Vâng."

"Anh cũng đã làm thế một lần. Đâu như vào quãng mười năm trước."

Anh im lặng một lúc, tập trung vào tay lái. Xe quành một khúc cua dài, sỏi bắn tung toé từ dưới những bánh xe to tướng. Chốc chốc lại thấy những con quạ ở ven đường. Chúng không bay đi mà còn giương mắt nhìn đầy vẻ hiếu kỳ khi xe chạy qua.

"Em có gặp mấy anh lính không?" Sada hỏi, thản nhiên như hỏi *mấy-giờ-rồi* vậy.

"Anh muốn nói hai anh lính, một anh cao kều, một anh to con?"

"Phải," Sada đáp và liếc nhìn tôi. "Em đi đến tận đấy cơ à?"

"Vâng," tôi đáp.

Anh không bình luận gì, tay hơi riết chặt vô lăng nhưng mặt không tỏ vẻ gì rõ nét.

"Anh Sada?" tôi hỏi.

"Gì vậy?"

"Mười năm trước, khi anh gặp hai anh lính ấy, anh đã làm gì?"

"Anh đã làm gì khi gặp hai anh lính ấy ư?" anh nhắc lại.

Tôi gật đầu. Và chờ anh trả lời.

Anh liếc nhìn kính chiếu hậu rồi lại nhìn thẳng phía trước. "Anh chưa bao giờ nói chuyện này với ai," anh nói. "Cả với em trai anh

cũng không. Em trai hay em gái, gọi thế nào cũng được, tùy em. Anh thì vẫn quen gọi nó là em trai. Nó không hề biết tí gì về hai anh lính đó."

Tôi lặng lẽ gật đầu.

"Và anh chắc cả sau này nữa, anh cũng sẽ không nói với ai về chuyện đó. Kể cả với em. Và anh nghĩ cả em cũng sẽ không nói chuyện đó với ai. Kể cả với anh. Em hiểu anh định nói gì chứ?"

"Em nghĩ là em hiểu," tôi đáp.

"Thế điều anh định nói là gì nào?"

"Những gì ta nghiệm sinh ở đó không thể diễn đạt bằng lời được. Cho nên không thể dùng lời để trả lời câu hỏi đó."

"Thế đấy," Sada nói. "Chính xác. Nếu đó là điều không thể diễn đạt được bằng lời thì tốt nhất là đừng nói."

"Ngay cả với bản thân mình?" tôi hỏi.

"Phải, ngay cả với bản thân mình," Sada nói. "Tốt nhất là đừng có tìm cách giải thích, ngay cả với bản thân mình."

Anh mời tôi kẹo cao su Cool Mint. Tôi lấy một chiếc và bắt đầu nhai.

"Em đã thử lướt sóng bao giờ chưa?"

"Chưa."

"Nếu có dịp, anh sẽ dạy em," anh nói. "Tất nhiến là nếu em muốn học. Dọc bờ biển Kochi, sóng ngon lành và cánh lướt song không nhiều lắm. Lướt sóng là một môn thể thao có chiều sâu hơn người ta tưởng khi mới thoạt nhìn. Khi lướt sóng, ta học được điều này: đừng có đấu với sức mạnh của tự nhiên, ngay cả nếu nó trở nên bạo liệt."

Anh rút một điếu thuốc lá từ túi áo phông, cắm vào miệng và châm bằng máy lửa ở bảng điều khiển.

"Đó lại là một điều nữa không thể giải thích được bằng lời. Một trong những điều mà ta không thể trả lời bằng một tiếng có hoặc không. (Anh nheo mắt và thở khói ra ngoài cửa xe). Ở Hawaii có một chỗ gọi là Toilet Bowl (Bồn cầu). Đây là nơi những đợt triều lên và xuống va vào nhau tạo nên những xoáy nước lớn. Nó tựa như khi ta giật nước ở một cái bồn cầu. Nếu rớt vào đấy, anh sẽ bị hút tụt xuống tận đáy và khó mà nổi lên được. Tùy theo độ xảo trá của con sóng, anh có thể không bao giờ ngoi trở lên mặt nước được nữa. Thế là anh kẹt dưới đó, bất lực, đành chịu cho sóng đánh qua đánh lại. Cồ vùng vẫy cũng chẳng đi đến đâu, chỉ tổ cạn kiệt năng lượng. Một nỗi sợ hãi chưa từng thấy xâm chiếm anh. Nhưng nếu anh không vượt qua được nỗi sợ ấy, anh sẽ không bao giờ là một tay lướt sóng giỏi. Anh phải đối mặt với cái chết, thực sự làm quen với nó rồi vượt lên nó. Khi anh bị hút xuống cái xoáy nước đó, anh bắt đầu nghĩ về đủ

mọi thứ chuyện. Như thể anh phải làm quen với cái chết, nói chuyện tâm tình với nó."

Ra khỏi cổng, Sada xuống xe, khóa cổng lại, giựt thử dây xích vài lần kiểm tra cho chắc ăn.

Sau đó, chúng tôi không nói chuyện gì nhiều nữa. Anh bật một kênh FM trong khi lái xe, nhưng tôi không chắc là anh có nghe hay không. Mở đài chỉ là một cử chỉ tượng trưng. Ngay cả khi xe đi vào đường hầm, chỉ nghe thấy tiếng nhiễu, anh cũng kệ. Vì máy điều hòa nhiệt độ hỏng, chúng tôi mở các cửa xe khi tới xa lộ.

"Nếu có khi nào em cảm thấy muốn học lướt song, thì cứ ghé qua gặp anh," Sada nói khi Biển Nội Địa hiện ra trước mặt. "Anh có một phòng dành cho bạn bè, em muốn ở bao lâu thì ở."

"Cám ơn anh," tôi nói. "Em sẽ đến, nhưng chưa biết khi nào."

"Em bận bịu lắm à?"

"Em có một số việc phải giải quyết."

"Anh cũng thế," Sada nói.

Chúng tôi im lặng hồi lâu, mỗi người nghĩ về những vấn đề của mình. Anh chăm chú nhìn đường, tay trái đặt trên vành vô lăng, thỉnh thoảng hút một điếu thuốc lá. Khác với Oshima, anh không phóng nhanh. Khuỷu tay tì lên thành cửa, anh cho xe chạy trên xa lộ với một nhịp độ ung dung nhàn nhã. Lần duy nhất anh vượt xe khác là khi thấy họ quá rề rà. Lúc đó anh miễn cưỡng nhấn ga, vòng lên trước rồi lại trở về làn đường của mình ngay.

"Anh lướt sóng được bao lâu rồi?" tôi hỏi.

Anh hừm một tiếng rồi im. Cuối cùng, khi tôi hầu như đã quên câu hỏi, anh mới trả lời.

"Anh lướt song từ dạo còn học trung học. Hồi ấy, chỉ là chơi vui thôi. Mãi đến cách đây khoảng sáu năm, mới thực sự là chuyện nghiêm chỉnh. Hồi ấy, al àm cho một hãng quảng cáo lớn ở Tokyo. Anh chán ngấy công việc ấy nên bỏ về đây và bắt đầu kinh doanh lướt sóng. Anh rút tiền tiết kiệm, vay thêm bố mẹ, mở một cửa hàng lướt sóng. Anh sống độc thân nên tha hồ, thích gì thì làm nấy."

"Có phải vì anh muốn trở về Shikoku không?"

"Một phần vì thế," anh nói. "Anh không biết sao nhưng anh chỉ cảm thấy thoải mái khi ở gần biển và núi. Con người ta phần lớn là sản phẩm của nơi mình sinh ra và lớn lên. Suy nghĩ và tình cảm của con người luôn luôn gắn với địa thế, khí hậu và thậm chí cả gió... Em sinh ở đâu?"

"Tokyo. Nogata, quận Nakano."

"Em có muốn trở lại đó không?"

"Không," tôi lắc đầu.

"Tại sao?"

"Em chẳng có lý do gì để trở lại."

"Ra thế".

"Em chẳng cảm thấy gắn bó với địa thế và khí hậu nơi đó."

"Thế à?"

Chúng tôi lại im lặng. Có vẻ như im lặng không phải là một cái gì đó khó chịu với anh. Với tôi cũng vậy. Tôi ngồi đó, đầu óc trống rỗng, lơ đãng nghe nhạc trên đài. Còn anh đăm đăm nhìn con đường trước mặt. Cuối cùng, chúng tôi ra khỏi xa lộ, rẽ hướng Bắc và đi vào địa giới thành phố Takamatsu.

Khoảng gần một giờ chiều, chúng tôi đến Thư viện Komura. Sada thả tôi xuống, nhưng anh không ra khỏi xe. Động cơ vẫn nổ à anh quay về thẳng Kochi.

"Cám ơn anh," tôi nói.

"Hy vọng chúng ta sẽ còn gặp lại nhau," anh nói, thò tay ra ngoài cửa xe, vẫy chào rồi lao đi trên những chiếc bánh xe đồ sộ. Về với những con sóng lớn của anh, thế giới của anh, về với những vấn đề của anh.

Tôi khoác ba lô lên vai và đi qua cổng. Tôi hít mùi cỏ mới xén trong vườn. Tôi cảm thấy như đã đi xa hàng tháng, vậy mà mới chỉ có bốn ngày.

Oshima đang ở quầy. Anh đeo cà vạt, một điều tôi chưa thấy bao giờ. Sơ mi trắng cài khuy đến cổ, cà vạt kẻ sọc màu vàng mù-tạc và xanh lá cây. Anh không mặc vest và xắn tay áo lên tận khuỷu. Trước mặt anh, như mọi khi, là một tách cà phê và hai cây bút chì vót nhọn.

"Chào," anh nói với nụ cười quen thuộc.

"Chào anh," tôi đáp lại.

"Mình đoán anh trai mình đưa cậu về?"

"Đúng thế."

"Mình cược là anh ấy chẳng nói gì mấy."

"Thật ra, bọn em cũng có trò chuyện một chút."

"Cậu là trường hợp đặc biệt đấy. Cũng tùy người, đôi khi anh ấy chẳng hé răng nói một câu."

"Có chuyện gì xảy ra ở đây?" tôi hỏi. "Anh ấy bảo em là có việc khẩn cấp."

Oshima gật đầu. "Có vài chuyện cậu cần phải Trước hết, Miss Saeki đã qua đời. Bà bị một cơn đau tim. Mình tìm thấy bà gục sấp mặt xuống bàn làm việc trên gác vào chiều thứ Ba. Sự việc xảy ra quá đột ngột. Có vẻ như bà không đau đớn gì."

Tôi đặt ba lô xuống sàn và ngồi vào một chiếc ghế. "Chiều thứ

Ba?" tôi hỏi. Hôm nay là thứ Sáu, phải không?"

"Phải. Bà mất ngay sau buổi hướng dẫn tham quan thường kỳ ngày thứ Ba. Đáng ra mình phải liên lạc với cậu sớm hơn, nhưng mình rối trí quá."

Ngả người vào lưng ghế, tôi thấy mình không cử động được. Hai chúng tôi ngồi đó im lặng hồi lâu. Tôi nhìn thấy cầu thang dẫn lên tầng hai, tay vịn màu đen đánh bóng loáng, lớp kính mờ trên chiếu nghỉ. Những bậc cầu thang ấy bao giờ cũng mang một ý nghĩa đặc biệt đối với tôi, vì nó dẫn tới bà, tới Miss Saeki. Nhưng bây giờ nó chỉ là cái cầu thang trống rỗng, không còn ý nghĩa gì nữa. Bà không có ở đó nữa.

"Như bữa nọ mình đã nói, toàn bộ chuyện này là tiền định," Oshima nói. "Mình đã biết thế và bà cũng biết thế. Tuy nhiên, khi nó đến thật thì vẫn thấy đau đớn."

Khi anh ngừng lại, tôi cảm thấy mình phải nói một điều gì đó, nhưng không thốt nên lời.

"Theo di nguyện của bà, sẽ không cử hành tang lễ gì cả. Chỉ lặng lẽ hỏa táng. Bà để lại một bản di chúc trong ngăn kéo bàn giấy trên gác. Bà để lại toàn bộ bất động sản của mình cho tổ chức điều hành Thư viện. Bà để lại cho mình chiếc bút máy Mont Blanc làm vật lưu niệm. Và một bức tranh cho cậu. Bức tranh cậu bé bên bờ biển. Cậu sẽ nhận chứ?"

Tôi gật đầu.

"Mình đã gói sẵn để kia chờ cậu."

"Cám ơn," cuối cùng tôi cũng thốt được nên lời.

"Này, Kafka Tamura," anh cầm một chiếc bút chì lên, xoay xoay trong tay theo thói quen. "Mình hỏi cậu một câu, được không?"

Tôi gật đầu.

"Mình không cần phải nói với cậu là bà đã mất, phải không? Bởi vì cậu đã biết."

Tôi lại gật đầu. "Em nghĩ là em đã biết."

"Mình cũng nghĩ thế," Oshima nói và thở dài. "Cậu có muốn uống chút nước hay cái gì khác không? Nói thật nhé, nom cậu khô kiệt như một bãi sa mạc vậy."

"Cảm ơn, cho em một chút," tôi nói; quả là tôi rất khát nhưng phải đến lúc anh nhắc, tôi mới nhận ra.

Tôi làm một hơi hết cốc nước anh mang đến, nhanh đến nỗi nhức đầu. Tôi đặt chiếc cốc không xuống bàn.

"Uống thêm tí nữa?"

Tôi lắc đầu.

"Cậu định làm gì bây giờ?" Oshima hỏi.

"Em sẽ trở về Tokyo," tôi đáp.

"Cậu sẽ làm gì ở đó?"

"Đầu tiên là đến cảnh sát, kể cho họ nghe những gì em biết. Nếu không, họ sẽ truy tìm em suốt đời. Sau đó, rất có thể em sẽ trở lại trường. Không phải vì em muốn, nhưng ít nhất em cũng phải học hết trung học. Nếu em trụ được mấy tháng và tốt nghiệp, em sẽ có thể làm bất cứ cái gì em muốn."

"Nghe có lý,Oshima nói và nheo mắt nhìn. "Có vẻ là kế hoạch tối ưu đấy."

"Càng nghĩ em càng thấy đó là cách tốt nhất."

"Cậu có thể chạy trốn nhưng không thể ẩn náu mãi."

"Vâng, em nghĩ thế," tôi nói.

"Cậu đã trưởng thành đấy."

Tôi lắc đầu. Tôi không thể nói thêm gì.

Oshima dỗ nhẹ đầu có tẩy của cây bút chì vào thái dương. Chuông điện thoại réo nhưng anh mặc kệ.

"Mỗi một chúng ta đều mất một cái gì quý giá đối với mình," anh nói sau khi dứt chuông điện thoại. "Mất những cơ hội, mất những khả năng, những tình cảm mà ta không bao giờ có lại. Đó là một phần cuộc sống. Nhưng bên trong đầu chúng ta - ít nhất là theo cảm nghĩ của mình - có một chỗ nho nhỏ để lưu trữ ký ức về những cái đã mất đó. Một chỗ giống như những giá sách ở thư viện này. Và để hiểu cơ cấu vận hành của trái tim ta, phải tiếp tục soạn thêm những phiếu tham khảo mới. Thỉnh thoảng phải hút bụi, thông khí, thay nước các bình hoa. Nói cách khác, phải mãi mãi sống trong thư viện riêng tư của chính mình."

Tôi nhìn trân trân vào cây bút chì trong tay anh. Nhìn nó mà tôi đau lòng, nhưng tôi phải là "trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất thế giới", ít nhất là trong một khoảng thời gian nữa. Hoặc tỏ ra như thế. Tôi hít một hơi thật sâu đẩy không khí vào đầy phổi và cuối cùng, nuốt được cái cục xúc động ấy.

"Nếu một ngày nào đó em trở lại đây, có được không?" tôi hỏi.

"Tất nhiên là được," Oshima nói và đặt cây bút chì xuống mặt quầy, rồi chắp hai tay sau gáy, nhìn thẳng vào mặt tôi. "Có tin rằng mình sẽ phụ trách thư viện này một thời gian. Và mình nghĩ mình sẽ cần một trợ lý. Một khi cậu giải quyết xong mọi chuyện: cảnh sát, học hành và các thứ khác - mình rất muốn cậu trở về đây, tất nhiên là nếu cậu muốn. Thành phố này và mình sẽ không đi đâu cả, ít nhất trong thời gian trước mắt. Con người ta cần có chỗ hợp với mình."

"Em cám ơn," tôi nói.

"Không có gì," anh nói.

"Anh trai anh bảo sẽ dạy em lướt sóng."

"Tốt đấy," anh nói. "Anh ấy chả thích mấy ai đâu. Anh ấy hơi khó tính."

Tôi gật đầu và mỉm cười. Hai anh em họ thật giống nhau.

"Kafka ạ," Oshima nói và nhìn sâu vào mắt tôi. "Có thể mình nhầm, nhưng mình nghĩ đây là lần đầu tiên mình thấy cậu mỉm cười."

"Có thể anh nói đúng," tôi nói. Rành là tôi đang mỉm cười. Và đang đỏ mặt.

"Bao giờ cậu về Tokyo?"

"Em nghĩ là ngay bây giờ."

"Cậu có thể chờ đến chiều được không? Mình có thể lái xe đưa cậu ra ga sau khi đóng cửa thư viện."

Tôi nghĩ một chút rồi lắc đầu.

"Cám ơn. Nhưng em nghĩ em đi ngay bây giờ là tốt nhất."

Oshima gật đầu. Anh vào một phòng đằng sau và mang ra bức tranh đã gói ghém gọn gàng. Anh cũng bỏ một đĩa 45 có bài *Kafka bên bờ biển* vào một cái túi và đưa cho tôi.

"Một món quà nhỏ của mình."

"Cám ơn anh," tôi nói. "Em lên nhìn lại phòng của Miss Saeki một lần nữa được không?"

"Cậu cứ lên đi."

"Anh có lên với em không?"

"Tất nhiên."

Chúng tôi cùng lên phòng bà trên gác. Tôi đứng trước bàn làm việc của bà, khẽ chạm vào mặt bàn và nghĩ đến những thứ mà nó đã hấp thụ. Tôi mường tượng bà gục sấp mặt xuống bàn. Tưởng tượng bà ngước lên khi mở cửa mang cà phê vào cho bà. Tưởng tượng bà vẫn mỉm cười với tôi.

"Bà viết gì trong căn phòng này?" tôi hỏi.

"Mình không biết," Oshima đáp. "Điều mình biết chắc là bà đã mang theo rất nhiều bí mật khi rời bỏ thế giới này."

Và rất nhiều *giả thuyết* chưa kiểm chứng nữa nữa, tôi thầm bổ sung.

Cửa sổ mới, gió tháng Sáu khẽ lay sột soạt những tấm rèn đăng ten trắng. Không khí thoáng mùi biển. Tôi nhớ cái cảm giác xào xạc cát trong lòng bàn tay ngoài bãi biển. Tôi rời khỏi bà, đến ôm ghì lấy Oshima. Thân hình mảnh mai của anh đánh thức bao nhiêu nỗi hoài

nhớ.

Anh dịu dàng vuốt tóc tôi. "Kafka Tamura, thế giới là một ẩn dụ," anh nói nhỏ vào tai tôi. "Nhưng đối với mình và cậu, riêng cái thư viện này không phải là một ẩn dụ. Bao giờ nó cũng chỉ là cái thư viện này. Mình muốn chắc chắn là chúng ta hiểu điều đó."

"Tất nhiên," tôi nói.

"Nó là một thư viện đặc biệt, duy nhất. Và không gì khác có thể thay thế nó."

Tôi gật đầu.

"Tạm biệt, Kafka," Oshima nói.

"Tạm biệt, Oshima," tôi nói. "Anh biết không, anh đeo cái cà vạt này nom bảnh lắm."

Anh buông tôi ra, nhìn vào mặt tôi và mỉm cười. "Từ nãy đến giờ, mình vẫn chờ cậu nói câu ấy."

Ba lô trên vai, tôi đi bộ ra ga quận, đáp tàu về ga Takamatsu. Tôi đến quầy mua một vé đi Tokyo. Tàu sẽ tới Tokyo vào lúc đêm khuya, vậy trước tiên, tôi phải tìm chỗ trọ qua đêm, rồi ngày hôm sau mới về nhà ở Nogata. Tôi sẽ trơ trọi một mình trong ngôi nhà mênh mông, hoang vắng ấy. Không ai chờ đợi tôi về nhà. Nhưng tôi không có nơi nào khác để về.

Tôi bấm số điện thoại di động của Sakura từ một máy điện thoại công cộng ở ga. Cô đang làm việc, nhưng có thể dành vài phút nói chuyện. Thế cũng tốt rồi, tôi bảo cô.

"Em về Tokyo bây giờ," tôi nói. "Em gọi từ ga Takamatsu chỉ để nói với chị thế."

"Hết muốn trốn nhà nữa hả?"

"Có lẽ thế."

"Dù sao đi nữa, mười lăm tuổi đã bỏ nhà đi thì cũng khí sớm," cô nói. "Nhưng về Tokyo rồi, cậu sẽ làm gì?"

"Trở lại trường học."

"Có lẽ đó là một ý hay," cô nói.

"Chị cũng sẽ trở về Tokyo chứ?"

"Ừ, có lẽ vào khoảng tháng Chín. Mình muốn đi chơi một chuyến nữa trong dịp hè này."

"Em có thể gặp chị ở Tokyo không?"

"Dĩ nhiên," cô nói. "Cậu cho mình số điện thoại của cậu đi."

Tôi đọc cho cô ghi số điện thoại của nhà tôi.

"Hôm nọ, mình nằm mơ thấy cậu," cô nói.

"Em cũng nằm mơ thấy chị."

"Mình dám chắc là một giấc mơ tục tĩu, phải không?"

"Có thể," tôi thừa nhận. "Nhưng đó chỉ là một giấc mơ."

"Giấc mơ của mình thì không nhảm nhí. Mình mơ thấy cậu ở trong một ngôi nhà to tướng, như một mê cung. Cậu đi quanh quanh, tìm một căn phòng đặc biệt nào đó, nhưng không thấy. Có một người khác trong nhà, đang tìm cậu. Mình cố hét lên cảnh báo cậu, nhưng cậu không nghe thấy. Một giấc mơ dễ sợ. Khi tỉnh dậy, mình mệt lử vì la hét. Từ bữa đó, mình cứ lo cho cậu hoài."

"Em cám ơn," tôi nói. "Nhưng đó cũng chỉ là một giấc mơ."

"Không có gì xảy đến với cậu chứ?"

"Không, không có gì xấu cả," tôi đáp.

Và đồng thời tự nhủ: *Không có gì xấu xảy đến với mày cả.*

"Tạm biệt, Kafka," cô nói. "Mình phải quay về làm việc đây. Nhưng khi nào cậu muốn nói chuyện thì cứ gọi, Ô-kê?"

"Tạm biệt, tôi nói. (Rồi nói thêm). Tạm biệt, chị gái."

Tàu qua cầu lớn bắc ngang biển, và đến ga Okayama, tôi chuyển sang tàu tốc hành. Tôi ngả người lên ghế và nhắm mắt lại. Dần dần, người tôi hòa với nhịp rung của con tàu. Tôi có thể cảm thấy bức tranh Kafka bên bờ biển gói gọn ghẽ dưới chân mình.

"Ta muốn con nhớ ta," Miss Saeki nói và nhìn thẳng vào mắt tôi.

"Nếu con nhớ ta, thì dù tất cả mọi người khác đều quên, ta cũng chẳng bận tâm."

Thời gian đè nặng lên mày như một giấc mơ cũ, lập lờ nước đôi. Mày tiếp tục di chuyển, cố tìm cách lách qua nó. Nhưng dù mày có đi đến cuối đất cùng trời, mày cũng không thể thoát khỏi nó. Tuy nhiên, mày vẫn phải đi đến đó - đến rìa của thế giới. Có một điều mày không cách chi làm được, trừ phi mày đến đó.

Trời bắt đầu đổ mưa khi tàu đi qua Nagoya. Tôi nhìn những giọt mưa chảy thành vệt trên cửa kính tối om. Hôm tôi rời Tokyo, trời cũng mưa. Tôi hình dung mưa ở khắp mọi nơi mọi chốn: trong rừng, trên biển, trên xa lộ, ở thư viện. Mưa rơi ở rìa thế giới.

Tôi nhắm mắt và thư giãn, thả lỏng các cơ bắp căng thẳng. Lắng nghe tiếng ro ro đều đặn của con tàu. Và rồi, bất chợt, một giọt nước mắt ứa ra, chảy dọc má xuống miệng tôi và, sau một lúc, khô hẳn. Không hề gì, tôi tự nhủ. Chỉ là một giọt nước mắt. Thậm chí có khi không phải là nước mắt tôi, mà là nước mưa hắt vào cũng nên.

Tôi đã hành động đúng không?

"Cậu đã hành động đúng," cái thằng tên là Quạ nói. "Cậu đã làm những gì tốt nhất. Không ai khác có thể làm tốt như cậu. Xét cho cùng, cậu đúng là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất thế giới này."

"Nhưng tớ đã biết gì về cuộc đời đâu," tôi cãi.

"Hãy nhìn bức tranh," nó nói. "Và hãy nghe gió."

Tôi gật đầu.

"Tao biết mày có thể làm được điều đó."

Tôi lại gật đầu.

"Bây giờ, mày nên ngủ đi một chút," cái thằng tên Quạ nói. "Khi tỉnh dậy, mày sẽ là một bộ phận của thế giới mới toanh."

Cuối cùng, mày ngủ thiếp đi. Và khi tỉnh dậy thì đúng là thế.

Mày đã là một bộ phận của một thế giới mới toanh.

Ghi vụn trong khi dịch *Kafka bên bờ biển*

Dương Tường

Về những cái tên: *Giống như Rừng Na-Uy, nhan đề tiểu thuyết này (có lẽ bắt nguồn từ tấm ảnh "Kafka trên bãi biển" của nhà văn Franz Kafka) là tên một bài hát. Chỉ khác ở chỗ Rừng Na-Uy là một bài hát có thật của ban nhạc huyền thoại The Beatles, còn Kafka bên bờ biển là một ca khúc không có thật. Nhưng nếu Rừng Na-Uy chỉ có những liên quan xa xôi với cốt truyện, thì Kafka bên bờ biển lại đóng một vai trò đặc biệt: nó gắn bó hữu cơ với nội dung chủ yếu của tác phẩm. Ca từ đầy chất trừu tượng-siêu thực của nó hàm chứa những đầu mối qui chiếu đến nhiều bí ẩn - cá nhỏ từ trên trời mưa xuống, bóng của Nha Sư thành lưỡi dao xuyên thủng giấc mơ, phiến đá cửa vào... - và thiết lập tương quan bề sâu giữa hai tuyến truyện kể.*

Cậu bé mang tên Kafka, một trong hai nhân vật chính, rõ ràng là một qui chiếu về văn hào người Séc, cả cái "gã thiếu niên tên là Quạ" cũng vậy (trong tiếng Séc, Kafka nghĩa là quạ gáy xám), cái thằng luôn lên giọng "chính ủy" ấy ("Chú mày phải là trang thiếu niên mười lăm tuổi kiên cường nhất thế giới"...), cái thằng mà những lúc khó khăn vấp váp, Kafka thường cậy đến sự động viên thúc đẩy của nó, thực chất là cái tôi khác (alter ego), cái bản ngã thứ hai của cậu.

Về hai tuyến truyện kể: *Cuốn tiểu thuyết gồm hai tuyến truyện kể tách biệt chạy song song và đan xen nhau.*

Tuyến thứ nhất, những chương số lẻ, kể câu chuyện của Kafka ở ngôi thứ nhất. Vào đúng hôm sinh nhật lần thứ mười lăm của mình, con trai nhà điêu khắc trứ danh Koichi Tamura trốn nhà đi tìm mẹ và chị gái (đã bỏ đi từ lúc cậu bé hầu như chưa có ý thức gì về họ). Đúng ra là trốn chạy lời tiên tri độc địa của ông bố - một lời nguyền khủng khiếp gần như nguyên xi lời nguyền đè nặng lên - dipe xưa: "*Một ngày kia, mày sẽ chính tay giết cha mày và ngủ với mẹ mày*". Phán quyết bất khả hóa giải của định mệnh. Mùi vị chát chúa của Sophocle và bi kịch Hy Lạp!

Tuyến thứ hai, những chương số chẵn, kể câu chuyện của Nakata ở ngôi thứ ba. Một lão già ngớ ngẩn, thiểu năng trí tuệ do một tai nạn kì bí hồi nhỏ - kì bí như rất nhiều sự việc kì bí khác trong cuốn sách này - nhưng được bù lại bằng khả năng nói chuyện với mèo (do đó trở thành một "chuyên gia" tìm mèo lạc) và đặc biệt là khả năng ngoại cảm. Sau khi bất đắc dĩ phải giết nhân vật quái đản Johnnie Walker-kẻ-diệt-mèo, hoàn toàn ngoài ý muốn của mình, để cứu thoát hai con mèo Goma và Mimi, Nakata buộc phải rời khỏi quận Nakano, lần đầu tiên trong đời lao vào một cuộc hành trình dài đi tìm một thứ

mà lão không biết đích xác là cái gì và ở đâu. Tuyến này phong phú màu sắc hơn, giàu tình tiết li kì với những đoạn "treo lửng" hồi hộp (suspense), bước ngoặt bất ngờ.

Cuối cùng con đường của Kafka và Nakata cũng giao nhau trên cả bình diện thực tại lẫn siêu hình.

Người ta có lí khi nhận định rằng H.Murakami là một trong những nhà văn siêu thực nhất của Nhật Bản.

Đối chiếu hai bản dịch: *Theo kinh nghiệm bản thân, khi dịch một tác phẩm không trực tiếp từ nguyên bản, nên có hai bản bằng hai ngôn ngữ khác nhau để tham khảo đối chiếu khi gặp những đoạn tối nghĩa. Điều này giúp cho người dịch hạn chế được sai sót. Dịch cuốn này, tôi dựa vào bản Anh văn Kafka on the Shore của Philip Gabriel là chính và dùng bản Pháp văn Kafka sur le rivage của Corinne Atlan để tham khảo. Trong quá trình làm việc theo cách đó, tôi phát hiện thấy giữa hai bản có nhiều chỗ khác hẳn nhau, có nghĩa là ở những chỗ đó, một trong hai dịch giả, Philip Gabriel hay Corinne Atlan, đã lầm lẫn. Một số chỗ, chỉ bằng suy đoán lô gích và dựa vào văn cảnh, cũng có thể phân định được bản nào chính xác hơn. Chẳng hạn ở chương 13, có đoạn Oshima luận về "hai vùng tối" trong tâm trí con người là cái siêu nhiên và vô thức. Chỗ này, Philip Gabriel đã nhầm khi dùng hai từ grotesque (quái dị) và subconscious (tiềm thức). Người đọc tinh ý, khi thấy nhắc đến Freud và Jung, ắt hiểu ngay đây là tương quan giữa cái siêu nhiên với vô thức, chứ không phải giữa quái dị và tiềm thức. Bản tiếng Pháp của Corinne Atlan đã đúng khi dịch là le surnaturel và l'inconscient. Nhưng có những chỗ cần phải đối chiếu với bản gốc tiếng Nhật mới xác định được. Như ở chương 13, khi Oshima nhắc đến tên một tác phẩm của Schubert, thì bản tiếng Pháp dịch là Xônát cung Fa thứ, trong khi bản tiếng Anh dịch là Xônát cung Rê trưởng. Tôi nhờ cô Suzuki Kotona ở Đại sứ quán Nhật Bản tại Hà Nội đối chiếu nguyên bản thì thấy bản tiếng Anh đúng. Mới hay Tây dịch cũng sai vô khối, thậm chí có những chỗ sai khá ngờ nghệch!*

[1] Ở chỗ này, bản tiếng Anh của Philip Gabriel dịch là Xô nát cung Rê trưởng trong khi bản tiếng Pháp của Corinne Atlan lại dịch là Xô nát cung Fa thứ. Chúng tôi đã nhờ cô Suzuki Kotona kiểm tra, đối chiếu với bản gốc, qua đó xác định bản tiếng Anh là đúng.

[2] Bản tiếng Anh của Philip Gabriel bỏ sót tiết đoạn này. Chúng tôi dịch thêm từ bản tiếng Pháp của Corinne Atlan.

[3] Bản tiếng Pháp của Corinne Atlan dịch là mười triệu.

[4] Chỗ này, trong bản tiếng Anh là hai mươi năm. Đây là một lầm lẫn: đúng ra là hai mươi lăm năm. Chúng tôi sửa là hai mươi lăm năm theo bản tiếng Pháp của Corinne Atlan.

[5] Bản tiếng Pháp của Corinne Atlan dịch là ba mươi năm.

[6] Bản tiếng Pháp của Corinne Atlan bỏ qua câu này.

[7] Lại thêm một chỗ hai bản Anh và Pháp khác hẳn nhau. Bản tiếng Anh của Philip Gabriel dịch là: ở thành phố Musashino, còn bản tiếng Pháp của Corinne Atlan dịch là: ở cạnh nhà. Chúng tôi theo bản tiếng Pháp vì thấy có lí hơn.

[8] Câu này ở bản tiếng Pháp được dịch là: Ici, le temps s'étire ou stagne, selon les circonstances (Ở đây, thời gian kéo dài hay ngưng đọng, tùy theo hoàn cảnh). Chúng tôi thấy như vậy có lí hơn.

[9] Bản tiếng Anh của Philip Gabriel bỏ sót câu này. Chúng tôi lấy lại từ bản tiếng Pháp của Corinne Atlan.

[10] Câu này trong bản tiếng Anh của Philip Gabriel là: An eternal, naive innocene, never to be marred, floats around her like spores in spring (Một vẻ ngây thơ hồn nhiên vĩnh cửu, mãi mãi không tàn úa, bồng bềnh quanh cô như những bào tử mùa xuân). Chúng tôi cảm thấy có vẻ ngược nghĩa vì Miss Saeki, về bản chất, biểu trưng cho một cái gì rất mong manh, không vĩnh cửu. Chúng tôi nhờ cô Suzuki Kotona đối chiếu với bản gốc tiếng Nhật thì quả là Philip Gabriel đã hiểu sai...

[11] Đoạn này, bản tiếng Anh của Philip Gabriel có hai lầm lẫn hiển nhiên: ở đây, Oshima luận về "hai vùng tối" trong tâm trí con người là cái siêu nhiên và vô thức, nhưng Philip Gabriel lại dùng hai từ grotesque (quái dị) và subconscious (tiềm thức). Người đọc tinh ý, khi thấy nhắc đến Freud và Jung, ắt hiểu ngay ra đây là tương quan giữa cái siêu nhiên và vô thức, chứ không phải giữa quái dị và tiềm thức. Bản tiếng Pháp của Corinne Atlan đã đúng khi dịch là le surnaturel và l'inconscient. Chúng tôi đã nhờ cô Suzuki Kotona đối chiếu với bản gốc tiếng Nhật thì quả là như thế.

[12] Lại một chỗ chênh giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Pháp. Trong bản tiếng Pháp của Corinne Atlan, câu trích dẫn lại khác hẳn: "L'homme se constitue pour soi par son activité pratique, parce qu'il est poussé à se trouver lui-même, à se reconnaitre lui-même dans ce qui s'offre à lui extérieurement." (Con người tự tạo mình bằng hoạt động thực tiễn của hắn vì hắn bị thôi thúc phải tự tìm thấy mình, tự nhận ra mình trong những gì phô ra với hắn ở bên ngoài).

[13] Bản tiếng Pháp của Corinne Atlan: mắt mở to.

[14] Chỗ này, hai bản dịch Anh ngữ và Pháp ngữ khác hẳn nhau một cách khó hiểu. Bản tiếng Anh của Philip Gabriel (mà chúng tôi dùng làm bản chính để chuyển ngữ) dịch là: You're a regular Linus (Cậu là một Linus chính cống). Còn ở bản tiếng Pháp của Corinne Atlan thì lại là: Comme Charlie Brown, dans la bande dessinée, qui emporte partout sa couverture? Sau khi nhờ cô Suzuki Kotona đối chiếu nguyên bản tiếng Nhật, chúng tôi quyết định dịch câu này theo bản tiếng Pháp.

[15] Bản tiếng Anh của Philip Gabriel dịch tên phim là The Sound of

Music (Tiếng nhạc). Chúng tôi theo cách dịch ở bản tiếng Pháp của Corinne Atlan - La mélodie du bonheur - vì thấy đầu đề ấy hợp tình hợp cảnh hơn.

Lẩu thập cẩm và Scheherazade. *Xem ra Kafka bên bờ biển có đủ thứ - siêu thực, hiện thực kì ảo, bi kịch Hi Lạp, uy-mua, suspense, ảo giác, chiêm bao, những leitmotiv về định mệnh, bóng ma của Thế chiến II. Những triết luận về văn học, tâm phân học, âm nhạc học. Mưa cá. Mưa đỉa. Lại cả một cô gái điếm trích dẫn Bergson. Nói bằng thuật ngữ chưởng, thì Murakami tung ra hơi nhiều chiêu thức. Xét theo quan điểm ẩm thực, đây có thể xem như một món lẩu thập cẩm để lại nhiều dư vị hỗn trộn khó phân tích cho thực khách. Với cái tài kể chuyện của một nàng Scheherazade, Murakami đã tạo nên một page turner theo đúng nghĩa một cuốn sách hấp dẫn đến độ đã cầm lên là phải đọc gấp đến trang cuối không rời tay. Được biết sau khi phát hành, website của nhà xuất bản đã nhận được 8.000 câu hỏi của độc giả muốn được giải thích thêm về ý nghĩa của tác phẩm. Murakami đã đích thân trả lời 1.200 câu trong số đó. "Bí quyết để hiểu tác phẩm này," ông nói, "nằm ở chỗ đọc nó nhiều lần." Tôi nghĩ Kafka bên bờ biển cũng bõ đọc lại nhiều lần.*

Chú thích

[1] Automatic teller machine: máy rút tiền tự động đặt ở các đường phố để tiện dụng cho các chủ tài khoản. (Tất cả các chú thích đều của người dịch).

[2] Trong bản tiếng Anh: chín mươi đô-la.

[3] Cũng như trên máy bay, trên xe buýt ở các nước phát triển, phía trên mỗi ghế hành khách đều có bố trí đèn cho những ai cần ánh sáng để đọc.

[4] Cửa hàng ăn tự phục vụ.

[5] Thuộc phong trào văn hóa bác bỏ những giá trị hiện đại phương Tây và đề cao đời sống tinh thần.

[6] Thể loại thơ cổ, tiền thân của haiku.

[7] Nhà văn Mỹ chuyên viết chuyện kinh dị, rất ăn khách.

[8] Miss: từ dùng để chỉ người phụ nữ độc thân.

[9] Young Men's Christian Association: Hội Thanh niên Thiên Chúa giáo.

[10] Tiểu thư.

[11] Tiếng Đức: loại tiểu thuyết về quá trình phát triển, vào đời và trưởng thành của lớp trẻ hiện thân ở một nhân vật chính.

[12] Nội dung ghi chú trong dấu [...] xem trong phần "Ghi vụn trong khi dịch *Kafka bên bờ biển*" ở cuối sách.

[13] Cách diễn tấu rất thoái mái về độ nhanh chậm.

[14] Tiếng Pháp trong nguyên bản: này đây.

[15] Độc giả Việt Nam thường quen với cái tên Pháp hóa Eschyle hơn.

[16] Một trò bắn bi sắt của Nhật Bản chơi bằng máy.

[17] Người hoặc tác phẩm thành công, nổi trội, được ưa chuộng.

[18] Tiếng Anh trong nguyên bản: Không dám.

[19] Chữ homosexual (hay lesbian với nữ giới) xưa nay ta vẫn quen dịch là: đồng tính luyến ái, theo tôi là không chính xác. Thứ nhất, không phải đồng tính, mà là đồng giới; thứ hai, không phải luyến ái, mà là tình dục. Tôi ưng dùng từ đồng giới tình dục hơn.

[20] *Hollow Men*, một bài thơ nổi tiếng của Thomas Stearns Elliot (1888-1965), thi hào Anh gốc Mỹ.

[21] Một giáo phái Veda trong đó các thành viên họp thành từng nhóm đồng thanh tụng ca tên thần Krishna, được thành lập ở Hoa Kỳ năm 1966.

[22] Thời kì lịch sử và nghệ thuật của Nhật Bản, khởi đầu từ khi lập kinh đô Jeiankyô (nghĩa là kinh đô hòa bình, nay gọi là Tokyo) vào năm 794 và kéo dài đến năm 1192 kkhi thành phố Kamakura được thành lập. Đặc điểm của thời kỳ này là chính sách hòa bình của những người chấp chính dòng Fujiwara. Đó cũng là thịnh trào của thời kỳ "cổ điển" của văn học - nghệ thuật Nhật Bản.

[23] Phương pháp điều trị của Nhật Bản bằng cách day huyệt.

[24] Nệm bông gấp kiểu Nhật bản, thường trải trên sàn để ngủ.

[25] Kentucky Fried Chicken Corporation: hệ thống nhà hàng nổi tiếng thế giới về món gà rán, trụ sở chính ở Louisville, bang Kentucky, Mỹ. Trên những tấm quảng cáo của Kentucky Fried Chicken thường có hình một ông già mặc com-lê trắng bưng một khay thịt gà rán.

[26] Truyện tranh.

[27] Biệt hiệu của William H.Bonney (1859-1881), nhân vật quái kiệt sống ngoài vòng pháp luật, huyền tôi hoại sống của miền Viễn Tây (Mỹ), thậm chí đi vào lịch sử. Năm 1938, Eugene Loring đã xây dựng vở balê Billy the Kid, với tổng phổ nhạc của Aaron Copland.

[28] Món cơm thập cẩm của Tây Ban Nha có đồ hải sản, thịt gà, rau quả, v.v…

[29] Arnold Schwarzenegger, sinh ngày 30/07/1947 tại Graz, Áo, một nhân vật nổi tiếng trên nhiều lĩnh vực – lực sĩ thể dục thể hình, doanh nhân, tài tử điện ảnh, chính trị gia. Tập thể dục thể hình từ năm 14 tuổi, Arnold sang Mỹ được mệnh danh là "Cây sồi nước Áo". Nhờ thể hình tuyệt vời, Arnold gia nhập làng điện ảnh Hollyword, trở thành minh tinh với những vai trong một loạt phim hành động như Gonan tên Man Rợ, Kẻ Hủy Diệt... Nhập quốc tịch Mỹ năm 1983. Chuyển sang hoạt động chính trị, ông trở thành vị thống đốc thứ 38 của bang California với biệt danh là Governator – ghép hai từ Governor (thống đốc) với Terminator Kẻ Hủy Diệt, bộ phim nổi tiếng do ông thủ vai chính. Vợ ông là Maria Shiver, cháu gái cố tổng thống bị ám sát J.F.Kennedy. Ở đây, Hoshino nhắc đến ông như là lực sĩ thể hình, hay là tài tử điện ảnh của những phim hành động.

[30] Arthur Rubinstein (1887-1982), nghệ sĩ piano Mỹ, gốc Ba Lan; Jascha Heifetz (1901-1987), nghệ sĩ violon Mỹ gốc Nga; Emanuel Feuermann (1902-1942), nghệ sĩ cello Mỹ gốc Ukraina. Cả ba đều được xếp vào hàng đầu thế giới.

[31] David Oistrach (1908-1974), nghệ sĩ violon Nga, được xếp vào loại hàng đầu thế giới.

[32] Quái vật King Kong trong một xê-ri phim kinh dị của Nhật Bản do hãng Toho sản xuất hồi 1954.

[33] Truyện cổ tích Đưc,sẽ được Giambattista Basile sáng tạo rồi sau đó đó, anh em Grimm viết lại. Hansel và em gái Gretel là con một

gia đình tiều phu nghèo. Vì không nuôi nổi con, hai vợ chồng đem bỏ hai con vào rừng sâu. Giống như trong truyện *Chú Bé Tí Hon* của Perrault, lần đầu, hai anh em bỏ sỏi vào túi, rắc dọc đường làm dấu và do đó, tìm được lối về. Lần sau, không kịp nhặt sỏi, hai anh em đành rắc ruột bánh mì. Chiều đến, hai anh em tìm đường về nhưng ruột bánh đã bị chim ăn hết. Rơi vào tay một mụ phù thủy rắp tâm ăn thịt cả hai, Gretel tương kế tựu kế đẩy được mụ vào trong lò, và hai anh em lấy hết châu báu của mụ, trở về với bố mẹ.

[34] John William Coltrane (Hamlet, Bắc Carolina 1926 - New York 1967), nghệ sĩ saxophone và nhà soạn nhạc jazz. Được coi là một trong những người cách mạng nhất trong nghệ thuật biểu diễn nhạc jazz và có ảnh hưởng nhất.